

Tác-giả : LÂN-ÔNG LÊ-HỮU-TRÁC
Dịch-giả : ĐÌNH-THỤ HOÀNG-VĂN-HÒE
với sự cộng tác của HOÀNG-ĐÌNH-KHOA

Sách thuốc Việt-Nam

海上醫宗心領

HẢI THƯƠNG Y TÔN TÂM LĨNH

QUYỂN HAI

Từ tập 5 đến tập 9

Y hải cầu nguyên — Châu ngọc cách ngôn

Đạo lưu dư vận — Bách bệnh cơ yếu

Y trung quan kiện

Tìm sách

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON





**SÁCH THUỐC VIỆT-NAM
HẢI-THƯỢNG
Y-TÔN TÂM-LĨNH**

★ ★





Tác-giả : LÂN-ÔNG LÊ-HỮU-TRÁC
Dịch-giả : ĐÌNH-THỤ HOÀNG-VĂN-HOÈ
với sự cộng-tác của HOÀNG-ĐÌNH-KHOA

Sách thuốc Việt-Nam

HẢI-THƯỢNG Y-TÔN TÂM-LĨNH

海上醫宗心領

QUYỀN HAI

Từ tập 5 đến tập 9

Y hải cầu nguyên — Châu ngọc cách ngôn

Đạo lữ dư vận — Bách bệnh cơ yếu

Y trung quan kiện

Nhà sách KHAI-TRÍ

62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON



HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập Y-HẢI CẦU-NGUYỄN

(bề thuốc tìm đến nguồn)





Tiểu dẫn của tác giả

Người đời xưa nói : « Đọc sách mà biết nghĩa là khó » Nhưng tôi xét thấy biết nghĩa không khó lắm mà hiểu được ý kiến ở ngoài lý lẽ lại là khó hơn.

Tôi bỏ nghề nho, học nghề thuốc, hơn hai mươi năm năm gai nếm mật, cố chỉ để biết được y lý, việc đời hay dở, tôi coi như đám mây ở trên đỉnh núi, tôi làm nhà ở nơi vắng người, đóng cửa đọc sách, tìm hết sách của mọi nhà, ngày đêm nghiên cứu, một khi được câu cách ngôn của bậc Tiên hiền thì ghi lại để suy nghĩ. Những câu nào lý lẽ ở ngoài câu nói mà tôi suy ra được thì lại tìm cho rộng ra, như vòng tròn không có đầu mỗi đề biết được đến cùng.

Họ Vương thời trước, học nghề tu tiên, bơi thuyền ra Ngũ-Hồ xem khói vẽ sáng, tuyết vẽ chiều, nhả hơi độc, nuốt ánh sáng, rồi biết được bản nguyên của Trời, nhờ đó mà đến chỗ thần diệu, thế là công hiệu không học ở người mà học ở tạo hóa.

Tôi theo cách ngôn của bậc Tiên hiền, mắt xem miệng đọc, đi thì mang theo, ngồi thì suy nghĩ, tự hỏi tự trả lời. Rồi sau gặp chứng bệnh lạ phần nhiều do ý kiến ở ngoài câu nói của bậc Tiên hiền, như vậy không phải là cố gắng lắm mới được hay sao ?



Tôi cũng than rằng: « học người bây giờ không bằng học người đời xưa », người anh tôi thấy vậy rất yêu, sai tôi chú thích những câu của tiên hiền để làm khuôn phép cho nhà làm thuốc. Tôi thưa rằng: « Đây đều là lẽ ở ngoài câu nói của người đời xưa, học mọi suy ra đến muôn mà khó thể hình dung được », anh tôi bảo rằng: « Núi cao chín nhận lại không nhờ từng sọt đất đắp lên hay sao? Nếu không mở một lối đi thì lấy gì làm thêm cho người về sau? »

Tôi vâng lời, rồi theo ý nghĩa của câu nói người đời xưa, tìm lý lẽ ở trong nghĩa sách có thể dựa vào để hiểu biết, rồi phân biệt chú giải gọi là cuốn *Y-hải cầu-nguyên*, chia làm ba tập: mệnh, trọng và quý, để giúp cho người tìm bờ bến về y dược.

Cuốn sách này, hội lại thời một lẽ, suy ra thời muôn ngã khác nhau, không phải giấy bút mà có thể chép hết, còn mong người có chí suy rộng ra mới đến được đáy gốc việc làm thuốc.

Ngày tốt tháng mùa xuân năm Cảnh Hưng thứ 43.

Lê Trác biệt hiệu HẢI-THƯỢNG LÂN-ÔNG

làm bài dẫn giải trên đây.



**Y HẢI CẦU NGUYÊN GỒM 3 TẬP:
TẬP MỆNH, TẬP TRỌNG VÀ TẬP QUÝ**

Thứ tự về tập Mệnh

- 1.— Thiên Âm dương : gồm 43 chương
- 2.— Thiên thủy hỏa : gồm 25 chương
- 3.— Thiên khí huyết : gồm 35 chương
- 4.— Thiên hư thực : gồm 18 chương
- 5.— Thiên tạng phủ : gồm 53 chương

Thứ tự về tập Trọng

- 1.— Thiên bệnh cơ (gốc bệnh) gồm 139 chương
- 2.— Thiên hóa cơ (máy của tạo-hóa) gồm 41 chương

Thứ tự của tập Quý.

- 1.— Thiên trị tảo (phép chữa bệnh) gồm 95 chương
- 2.— Thiên y huấn (dạy làm thuốc) gồm 33 chương.

Tổng cộng 3 tập có chín thiên, 482 chương.





Y-HẢI CẦU-NGUYỄN

tập Mệnh

THIÊN ÂM DƯƠNG

(43 chương)

Chương 1.— Cách ngôn : Âm dương chỉ là tiếng mà không có hình (hư danh) :

Theo nghĩa kinh Dịch thời từ chỗ vô cực (1) rồi đến thái cực (2). Thái cực động mà sinh ra khí dương, tĩnh mà sinh ra khí âm, người ta hô hấp thăng giáng tức là khí lúc đầy lúc vơi, lúc suy lúc thịnh của trời đất như thế là vô hình.

Khoảng trời đất, muôn vật phối thái sinh ra trung hay ra bực, khí hóa, hình sinh, có sống chết, có trí giác, không gì là không nhờ khí âm dương để thành ra hình thể. Nên sách cổ còn nói : « Dù vô hình là hư không nhưng là căn bản cho sự sinh hóa », lại nói : Rét và nắng là đức của âm dương, thủy và hỏa là rõ rệt của âm dương.

Chú giải của dịch giả

- 1) Vô-cực là lúc nguyên thủy còn không hư chưa có gì.
- 2) Thái-cực là vòng tròn từ vô cực mà sinh ra.



Chương 2.— Cách ngôn: Đạo dương thực, đạo âm hư (đạo là đường lối)

Trời bọc ở ngoài quả đất nên khí dương tóm lấy khí âm, theo quẻ vạc ra ở kinh Dịch thì quẻ « ly » ở giữa rỗng mà quẻ « khảm » ở giữa đặc (1) thế là thế của khí dương thực mà thế của khí âm hư.

Con trai con gái mới sinh đều bằm chất thuần dương, con trai 2 tám là 16 tuổi, con gái 2 bảy là 14 tuổi, thời thiên qui (2) mới đến, mọc răng khác để thay răng sữa mà tóc dài ra. Đến khi con trai 8 x 8 là 64 tuổi, con gái 7 x 7 là 49 tuổi, thời thiên-qui kiệt mà không sinh đẻ nữa, tính ra thời chỉ vài mươi năm là âm tính đã kiệt. Nội-kinh có nói: « Đời người 40 tuổi thời âm khí đã kém mất nửa phần » như vậy chẳng phải là khí dương thường thừa ra mà khí âm thường thiếu đi hay sao?

Chú giải

- 1) Rỗng tức là 2 vạch rời ra, đặc tức là 1 vạch liền
- 2) Thiên-qui là khí âm mà là âm huyết.

Chương 3.— Cách ngôn: Khí âm ở trong để giữ lấy khí dương, Khí dương ở ngoài để sử dụng
KHÍ ÂM

Dương chủ ở ngoài (hiển) Âm phủ ở trong (lý)... Dương chủ động, Âm chủ tĩnh, Âm là nền tảng cho dương nên trời giữ được khí dương, dương để phòng vệ cho âm nên sai khiến được khí âm. Ví như cha mẹ là chủ ở trong nhà, người mẹ giữ việc trong nhà mà người cha giữ việc ở ngoài.



Chương 4.— Cách ngôn: Khí âm vít lại thì thần thể mới được vững, nhưng một khi mạnh quá thì không vít lại được.

Trong hỏa không có thủy thì lửa dữ dội quá, trong dương không có âm thì dương mạnh quá, vì rằng khí dương được khí âm giữ lại mới không bốc lên, một khi không có khí âm để giúp sức, thì bốc vượt lên mà không giữ lại được. Nội-kinh có câu: « khí âm vừa phải và khí dương vít lại, thì tính thần mới được đằm hòa », thật là chí lý.

Chương 5.— Cách ngôn: Gốc của dương-hỏa là ở dưới đất, gốc của âm-hỏa là ở trên trời

Tạng tâm là dương-hỏa, tạng thận là âm-hỏa, dương hỏa không giáng được, như quả « ly » rỗng ở giữa cho nên trong tạng tâm chứa nước đỏ mà chân âm ở đó thế là vốn ở dưới đất. Khi âm không bốc lên như quả « khảm » ở giữa đặc, vì thế trong tạng thận có màng trắng mà chân dương ở đó, thế là âm-hỏa gốc ở phía trên. Sách cổ có câu: « Rỗng ở đáy bể, rỗng bốc vượt lên trên thì hỏa cũng theo lên » và có câu « Người ta nguyên-dương ở nơi quả khảm mà vận dụng đag với nơi quả ly » chính là nghĩa ấy.

Chương 6.— Cách ngôn: Về dương khí, tính thời nuôi thần, huyết thời nuôi gân.

Tính: Vì thanh (trong) nên là dương, vì trọc (đục) nên là âm. Thần khí đối với tính huyết thì tính huyết có hình là âm, thần khí không có hình là dương. Nhưng tính thanh lại là dương ở trong âm nên nuôi được tính thần.



Thế của dương thì sưng mà thế của âm thì nhu, nhu ở trong cương tức là khí ở trong huyết, nhưng huyết trọc lại là âm ở trong âm cho nên nuôi được gân, bởi vậy người âm hư thời tinh thần suy, người huyết khô thời gân co lại.

Chương 7. — Cách ngôn : Tinh thần tĩnh thời âm sinh, hình hài khô nhẹ thời dương càng cường.

Tinh-thần của người cần ở tĩnh lại mà sử dụng một cách mặc nhiên. Cổ thư có nói : « Tồn giữ tinh thần để nuôi chân âm », như vậy tinh thần không nên dùng quá ở ngoài. Âm ưa tĩnh, tĩnh thời sinh ra huyết, nếu hình hài vất vả thời hại chân âm mà tồn huyết, trong dương đã không có âm thời dương quá càng cường (mạnh quá) tất thành ra chứng bệnh khô ráo.

Chương 8. — Cách-ngôn : Người nhiều dương thời hay mừng, người nhiều âm thì hay giận.

Dương là cái máy phát sinh của mùa xuân mùa hạ. Âm là khí sát phạt của mùa thu mùa đông. tượng của dương là hỏa, tượng của âm là thủy, tính của hỏa bốc lên chủ về cười mừng, tính của thủy nhuận xuống chủ về trầm nết, vì thế bệnh thấy hay cười là dương chứng, bệnh thấy hay giận là âm chứng. hãy xem về nhân sự nhà nào con cháu hưng vượng thời nét mặt hơn hớn như thế gió mùa xuân, người nào cô độc nghèo khổ thời dáng dấp buồn rầu mà như thế giận dữ như vậy không phải là triệu chứng khi dương chủ về sinh, khi âm chủ về sát hay sao ?

Chương 9. — Cách-ngôn : Dương là gốc về sinh (sống), Âm là nền về tử (chết).

Câu này cũng như dương chủ về sinh, âm chủ về sát



là vì dương khí là hỏa, hỏa tức là khí, muốn xét không có khí nóng đều là tạo muối, ta hãy xem hoa cỏ ngành về bóng nắng là dương thời xanh tốt hơn hễ, ngành về râm tối là âm thời vàng da cần cối đá rõ. Người làm thuốc biết trọng vị ôn nhiệt (ấm và nóng) mà ít dùng vị khô hàn (đắng và lạnh) thế là đường lối ngành về dương mà trái với âm, tới chỗ sống mà xa chỗ chết.

Chương 10.— Cách-ngôn : Một chút âm chưa hết thời không thành được tiên, một chút dương chưa hết thời chưa đến nỗi chết.

Câu này là lời huyền bí của nhà đạo-sĩ. Hết thấy người tu luyện mà một chút âm khí chưa hết thời không thành được tiên, cũng như người ốm nặng mà một chút dương khí chưa hết thời không thể chết được, là vì phép của nhà tu luyện đem hỏa của tạng thận làm cái lò nấu thuốc, đem hỏa của mệnh-môn để làm đan-độc (tên riêng của thuốc tu tiên), nuốt nước dãi hút hơi làm duyên-nhũ (tên riêng của vị thuốc tiên), 7x7 là 49 ngày tu luyện như thế để cô rũ mọi âm khí, cần cho khí nhất chân (tức là nguyên khí) biến là thuần dương mới thôi.

Bài Tiên Thiên Luận ở bộ sách thuốc Cẩm-nang có dẫn câu nói ở sách tu tiên rằng « Tiên kinh : khoảng giữa, hai quả thận một điểm sáng, nghịch là đan độc thuận là người ».

Câu nói ấy nhiều người không hiểu nhưng là chỉ vào bản tính của con người nếu nghịch là vịt mà giữ lại thời là đan độc, thuận là trai gái giao cấu mà tính ấy tiết ra thời thành ra thai nghén.



Chương 11.— Cách-ngôn : Khí dương thanh (trong) thời là nguyên khí, mà trọc (dục) thời là âm hỏa. Khí âm thanh thời là tân dịch (nước nhạ trong người), mà trọc thời đờm dãi.

Dương là hoả là khí, dương ấy thanh là thiếu hoả (1) không có hình, mà trọc là tráng hoả (2) có hình. Âm là thủy là huyết, thanh là nước huyền tương (3) để vệ sinh mà trọc là âm ế (4) làm hại người. Vì thế sách thuốc có câu « thêm nguồn gốc cho hoả để tiết âm ế đi » cũng là lẽ ấy.

Chú-giải

- 1) Thiếu hoả · khí nóng vừa phải.
- 2) Tráng hoả · khí nóng dữ dội như thể có hình.
- 3) Huyền tương · tên riêng của nhà đạo sĩ gọi nước nhạ trong người ta.
- 4) Âm ế · tối lăm mờ mịt, danh từ của nhà thuốc

Chương 12.— Cách-ngôn : Khí dương kém thời khó thở, khí âm kém thời khó hút. Bệnh về dương thời khó cúi xuống, bệnh về âm thời khó ngửa lên.

Âm dương kém hay thiếu gọi là vi. Khí dương chủ về thở ra, nên khí kém thời khó thở. Khí âm chủ về hút vào, nên sức kém thời khó hút vào. Thận người lưng thuộc về dương, bụng thuộc về âm. Nên bệnh ở lưng thời khó cúi xuống mà bệnh ở bụng thời khó nằm ngửa.

Chương 13.— Cách-ngôn : Dương thịnh thời mắt trũng lên, âm thịnh thời mắt mờ đi

Dương chủ về động, âm chủ về tĩnh, ngày thời dương



thịnh ở ngoài, đêm thì âm thịnh ở trong. Dương thịnh thời thức, âm thịnh thời ngủ. Nội-kinh có nói: « Sáng sớm khi âm hết khí dương xuất ra con mắt, mắt mở thời khi bốc lên đầu. Đêm thời khi hành ở âm phận, nên mắt nhắm lại mà ngủ. »

Chương 14. — Cách-ngôn : Khí dương như Trời và mặt Trời. Nếu khí dương mất chỗ mà kém đi thời tồn thọ.

Dương là khí để sinh, Trời không dương thời không sinh được muôn vật, người không có dương thời không thể sống được. Ví như trời và mặt trời không có dương thời không được quang tỏ, tối lắm mù mịt mà thành ra trời đất âm đạm. Dương khí của người kém thời chết trẻ. Vì thế muốn cầu lấy tuổi thọ phải giữ lấy chân dương.

Chương 15. — Cách-ngôn : Bệnh dương thời bốc lên, bốc lên quá thời lại trở xuống, bệnh âm thời đi trở xuống, xuống quá thời lại bốc lên.

Dương vốn bốc thăng lên, âm vốn giáng xuống, nhưng thăng quá thời giáng, giáng quá thời thăng, đó là lẽ thường, hơn nữa, bệnh âm thời dương lẫn đi mà thăng lên, bệnh dương thời âm lẫn đi mà giáng xuống, cho nên bài bổ-trung đem thăng để giáng, bài lục-vị đem giáng để thăng, thật là huyền diệu lẽ âm dương tự nhiên, chứ không phải bài bổ-trung chỉ để thăng lên, bài lục-vị chỉ để giáng xuống.



Chương 16.— Cách ngôn : Bệnh về âm trì hoãn mà khỏi cũng trì hoãn, bệnh về dương nhanh chóng mà khỏi cũng nhanh chóng.

Âm thuộc về thủy vốn là nhận trở xuống mà chủ về trầm tĩnh. Dương thuộc về hỏa vốn bốc trở lên mà chủ về cấp tốc. Nội-kinh có câu : « bệnh đã lâu không phải là dương chứng, bạo bệnh không phải là âm chứng » cũng là lẽ ấy.

Chương 17.— Cách Ngôn Chứng dương hư sinh ra rét ở ngoài, chứng âm hư sinh ra nóng ở trong. Chứng dương thịnh sinh nóng ở ngoài chứng âm thịnh sinh rét ở trong.

Dương thuộc về hỏa, vốn là nhiệt mà chủ ở ngoài biểu, âm thuộc về thủy vốn là hàn mà chủ ở trong lý. Nếu dương hư thời âm lấn đi, cho nên ở ngoài rét, âm hư thời dương lấn đi cho nên ở trong nóng. Nếu dương thịnh thời hãn là ngoài nóng. Âm thịnh thời hàn là trong lạnh, thế là tự vượng ở bản phận mà không phải vì bên kia thắng mình.

Chương 18.— Cách ngôn : Dương bốc lên (Phù việt) thời nhiệt tự nhiên phát ra, âm kém thời mồ hôi tự nhiên ra.

Nhiệt là dương là hỏa, tính của hỏa bốc trở lên, tạng ty thuộc hành thổ đã yếu không giữ được dương, tạng thận thuộc hành thủy nếu yếu không chế được hỏa, vì thế hỏa đi đông dờ bốc ra ngoài biểu mà phát nóng.



Mồ hôi là thủy là âm, âm chủ về giữ lại (bổ tàng). Âm kém thời dương lấn đi, âm bị dương quấy nhiễu mà mồ hôi tự nhiên ra, thế là người tự ra mồ hôi (tự hãn) không những là dương hư mà thôi.

Chương 19.— Cách ngôn : Âm hư cực độ thời thành chứng quyết (vì dương mà lạnh chân tay). Dương hư cực độ thời thành chứng táo (chân ấm ráo).

Âm hư thời dương lấn đi, dương không có âm để liễm lại mà quá mạnh, thế là hỏa cực độ lại tựa như thủy (hỏa cực tự thủy), nên cổ thư còn nói «nhiệt quá nhiều thời quyết (lạnh chân tay) cũng nhiều». Dương hư thời âm lấn đi, âm không có dương bảo vệ mà hàn khắp (hàn ngừng lại) thế là thủy cực độ lại tựa như hỏa (thủy cực tự hỏa), nên cổ thư còn nói : «táo thuộc về âm».

Chương 20 — Cách ngôn : Khí dương không thăng lên được thì thành ra chứng quan-cách. Khí âm không giáng xuống được thì thành chứng nghẹn.

Dương vốn thăng lên, nay vì khí âm ngăn cách mà không thăng lên được. Âm vốn giáng xuống, nay vì khí dương ngăn cách mà không giáng xuống được, vì thế hiện ra : chứng ở trên không nạp xuống được, ở dưới không tiết ra được, thế là chứng quan-cách (bung trên bung dưới ngăn cách). Những chứng buồn bực mà nuốt nước chua và chứng ợ hơi (ái khí) mà nghẹn cách, hay ăn rồi không chịu được lâu lại nôn ra (phiên vị), đều là hiện tượng của chứng quan-cách.



Chương 21. — Cách ngôn : Dương sinh ở nhiệt, nhiệt thời kinh-lạc ngay thụt ra (thư hoãn). Âm sinh bởi hàn, hàn thời kinh-lạc co quắp lại (loan cấp).

Nhiệt thời khí tản đi, khí đã tản thời thớ thịt rời rạc mà ngay thụt ra. Hàn ngừng chân huyết lại, huyết đã ngừng thời mạch lạc kết thúc mà co quắp lại. Cỗ thư còn nói: « trong huyết không có khí thời sinh ra bệnh chân tay đờ ra mà không sử dụng được. Trong khí không có huyết thời thành chứng co quắp », đều là ý ấy.

Chương 22. — Cách ngôn : Dương tà hóa ra nhiệt, nhiệt thời hại khí. Âm tà hóa ra hàn, hàn thời hại hình thể.

Dương là nhiệt, dương vô hình mà chủ về khí. Âm thuộc hàn, âm có hình mà chủ về huyết. Hỏa mạnh thời hao mất khí, tạng phế chủ khí hoá đã khắc phế kim, cho nên nhiệt phải hại khí. Hàn thời ngừng chân huyết, đã thiếu chân huyết để nhuận cơ thể, cho nên hàn hại đến hình thể.

Chương 23 — Cách ngôn : Dương không đủ thời hàn thấp ngừng lại ; Âm không đủ thời hoả nhiệt bốc lên

Dương vốn nhiệt. Âm vốn hàn. Dương không đầy đủ thời âm lấn đi mà là hàn thấp, thể là chứng không có hoả. Âm không đầy đủ thời dương lấn đi mà là chứng nhiệt, thể là không có thủy.



Chương 24.— Cách ngôn: Khí âm kém, khí dương hơn, cho nên mình phát nóng mà phiền-muộn lo-đầy. Khí dương ít, khí âm nhiều, cho nên thân thể lạnh như thể ở trong nước lạnh bước ra.

Dương vốn nhiệt, Âm vốn hàn, Âm dương cần được đều nhau (quân-bình). Nếu một bên hư yếu thì một bên phải thắng, vì thế chứng phiền-muộn lo-đầy là thuộc về Âm hư, chứng mình thấy lạnh là thuộc về dương hư, mới rõ người béo là chân Âm hơn chân dương, nên da thịt lạnh như băng tuyết.

Chương 25.— Cách-ngôn : Dương khí suy ở trên thì thành chứng hàn-quyết (1). Âm khí suy ở dưới thì là chứng nhiệt-quyết (2).

Chứng quyết có Âm và dương, không phải quyết mà đều là chứng hàn. Hết thấy chứng Âm suy thì dương thắng, chứng dương suy thì Âm thắng. Tính của dương nhiệt mà tính của Âm hàn.

Chú giải

- 1) Quyết là chân tay giá lạnh, hàn quyết là vì hàn mà chân tay lạnh.
- 2) Nhiệt quyết là vì nhiệt mà chân tay nóng.

Chương 26.— Cách-ngôn : Dương hư thì khí thoát, mà thần khí hôn loạn, Âm hư thì huyết kém, mà bốn tay chân rời rạc.

Dương là hỏa, mà hỏa tức là khí, khí sinh ra tinh thần, khí hư thì không vận dụng được tâm-linh của



người, vì thế mà thần khí hỗn loạn, tức là tinh thần không ở yên một nơi (thần bất thủ xứ). Âm thuộc về thủy, mà thủy tức là huyết, có huyết mới nảy nở được cơ thể, nếu huyết hư thì không vận dụng được gân cốt, mà tay chân rời rạc, tức là nguyên nhân của chứng nan hoán (1).

Chú giải : 1) Nan-hoán, da thịt lê bì mà chân tay dờ ra.

Chương 27.— Cách-ngôn : Người dương thịnh thời thành chứng lục huyết, người âm hư thời tiểu tiện khó đi.

Dương sinh ra hỏa, tính hỏa bốc trở lên, một khi dương thịnh thời đem huyết trở lên mà thành chứng lục huyết (1). Âm hư thời hỏa bốc lên mà hai hành kim, tạng phế thuộc hành kim, đã không có tiết độ thì thận thủy không có khí để hóa đi, vì thế mà tiểu tiện khó đi.

Chú giải : 1) Huyết ra đàng mũi.

Chương 28.— Cách-ngôn : Âm khí lẩn trở lên vào trong dương khí, thời thành chứng sợ rét, dương khí hãm trở xuống vào trong âm khí, thời thành chứng phát nhiệt.

Dương ở ngoài Âm ở trong, dương chủ nhiệt mà âm chủ hàn, nay khí âm lẩn ở ngoài biểu nên thành chứng ghê rét, khí dương hãm ở trong, nên thành chứng phát nhiệt, thế là lẽ khí âm hay khí dương một bên thắng hơn, thời trở đi trở lại. Vì thế sách cổ còn nói : « người dương hư thời rét ở ngoài, người âm hư thời nóng ở trong. »



Chương 29.— Cách-ngôn : Khí âm hư thời khí dương lấn đi, nên phát nóng mà ra mồ-hôi trộm (đạo-hãn). Khí dương hư thời khí âm lấn đi, nên phát ra chứng quyết (chân tay giá lạnh) mà thành ra chứng tự ra mồ hôi (tự-hãn).

Mồ-hôi của người cũng như mưa của trời, mồ-hôi là thủy mà thuộc về âm, âm chủ ở trong, dương chủ ở ngoài, nay khí âm hư không giữ được ở trong, phải khí dương quấy nhiễu, thủy theo hỏa ra, nên phát nóng mà ra mồ-hôi trộm. Vì thế cổ thư còn nói : « đạo hãn thuộc về âm hư » . Khí dương hư không giữ được ở ngoài, khí âm đã lấn khí dương, thời thành chứng quyết mà tự ra mồ-hôi. Vì thế, cổ thư còn nói : « chứng tự-hãn thuộc về dương hư. »

Chương 30.— Cách-ngôn : Trong khí âm không thể thiếu được khí dương, trong khí dương không thể thiếu được khí âm.

Khí dương hại khí âm thời thành chứng người khô gầy, khí âm hại khí dương thì thành ra tích diệt (tiêu diệt) ; những bệnh trên đều là âm dương làm hại nhau, mà mất sự quân bình trong thân thể.

Chú giải : Khí dương gốc ở khí âm, khí âm gốc ở khí dương, âm và dương không thể rời được nhau, dương thuộc hỏa, âm thuộc về thủy, nếu khí dương thắng được khí âm, thời hỏa bốc trở lên, như thể bị lửa nóng đốt cháy, mà tinh huyết khô ráo ; trái lại, khí âm thắng được khí dương, thời như thể thời tiết sát phạt của mùa đông, máy sinh hóa ngừng lại, mà thần khí tích diệt. Vì thế



bách bệnh của con người chẳng bệnh nào không bởi âm hay dương một bên thắng hơn mà sống chết quan hệ ở đây.

Chương 31. — Cách-ngôn : Khí âm sợ sức mạnh của khí dương. Vì thế âm gặp tà khí thuộc về dương, thì không khô cũng héo. Dương sợ độc của khí âm, vì thế dương gặp âm làm hại, thời không buột đi cũng bay mất; thế là cơ vi âm và dương ghét lẫn nhau.

Không khô thì héo là nói về tân-dịch (1) khô kiệt. Không buột phải bay, là nói về dương khí ly thoát. Cổ thư có câu: « dùng thuốc mạnh cho chân thủy, để dẹp bớt sức của khí dương, dùng thuốc thêm cho chân hỏa, để tiêu bớt tai họa của khí âm », thuốc bổ thủy hay bổ hỏa ấy, thực là đối chứng cho âm dương.

(Chú giải : 1) Tân dịch có 5 thứ là nước nhuận của ngũ tạng nên gọi là ngũ dịch.

Chương 32 — Cách ngôn : Khí âm thoát thời mắt mờ, khí dương thoát thời trông thấy ma quỷ.

Hai thiên khí-huyết và bệnh-nguyên, đều nói khí thoát thời mắt không sáng tỏ, đây nói khí âm thoát thời mắt mờ, thế mới biết mắt được sáng tỏ không những vì có hỏa, mà quan hệ cả đến chân âm; cổ thư còn nói: « khí âm không đem được sáng tỏ tới con mắt ». Lại nói: « Mắt có huyết mới trông được », thế là không có âm thời mờ tối, ta gọi con mắt sáng là thần-quang và thần-thủy, không phải là chân âm hay sao?



Nhưng công dụng của thần minh lại chủ ở chân dương, nếu thiếu chân dương, tức là thần minh không có chủ, thời tà lại loạn chính, cho nên âm thoát thì mắt mờ, dương thoát thời trông thấy ma quỷ.

Chương 33. — Cách-ngôn : Khí dương dư ra, thời mình nóng không có mồ hôi, khí âm dư ra, thời mình rét mà nhiều mồ-hôi.

Tà khí mạnh ở ngoài bên thời hỏa nổi ở trong, nên thân nhiệt mà không có mồ-hôi, thế là dương khí dư ra. Chính khí hư yếu ở trong, thời âm khí mạnh lên, vì thế thân thể lạnh mà nhiều mồ-hôi, thế là âm thắng dương.

Chương 34. — Cách-ngôn : Bệnh về dương thời buổi sáng tĩnh hơn đêm, bệnh về âm thời đêm yên hơn ngày. Chứng dương hư thời chập tối khó chịu (mộ loạn), chứng âm hư thời buổi sáng khó chịu (châu tranh).

Nói bệnh ở mục này, là âm hay dương tự sinh bệnh, nói hư ở mục này, là có một bên thắng hơn mà thành hư yếu, vì dương hư thời âm thắng, mà âm hư thì dương thắng, dương bệnh mà buổi sáng yên tĩnh, là dương lại được âm trợ giúp, âm bệnh mà ban đêm yên tĩnh, là âm lại được âm trợ giúp. Chứng dương hư mà gần tối trong mình khó chịu, là âm thắng dương; chứng âm hư mà buổi sáng thân thể khó chịu, là dương thắng âm. Một khi thuộc về tà khí mạnh thời lại khác hẳn, nghĩa là tà về dương thịnh, thời sáng nặng tối nhẹ, tà về âm thịnh thời sáng nhẹ tối nặng; thế là dương gặp dương thời vượng lên, âm được âm thời mạnh lên. Lại có chứng bệnh lúc phát bệnh lúc ngừng, bệnh hoặc về



tối hoặc về sáng, hoặc về ngày hay về đêm, thế là chính khí không giữ vững được. Âm dương tranh nhau hơn kém mà thành ra lẫn lộn.

Chương 35 — Cách ngôn : Mồ-hôi về dương (dương-hãn) là mồ hôi nhiệt, mồ-hôi về âm (âm-hãn) là mồ hôi lạnh.

Mọi người chỉ biết nhiệt ra mồ-hôi mà không biết hàn cũng ra mồ-hôi, mồ-hôi của người cũng như mưa của trời, khí trời bốc trở lên mà thành mưa, khí người vì nóng nất mà ra mồ-hôi, thế là nhiệt mà ra mồ-hôi thì mọi người đều biết. Nhưng hàn cũng ra mồ-hôi mà gọi là lãnh hãn thì mọi người khó hiểu, tức như kinh sợ quá mà ra mồ-hôi vậy. Nội-kinh có câu : « Âm khí thừa ra thời mình rét mà nhiều mồ-hôi » cũng là lẽ ấy.

Chương 36. — Cách-ngôn : Chứng hàn nhiệt trở đi trở lại, là âm hay dương thắng lẫn nhau, nếu dương kém thời rét trước nóng sau, nếu âm kém thời nóng trước rét sau.

Ở trên thịnh hơn thì phát sốt, ở dưới thịnh hơn thì phát rét, ngoài da ghê rét mà táo là dương kém, ngoài da nóng mà táo là âm kém. Ngoài da ghê rét, mà chỉ thấy rét là âm thịnh. Ngoài da phát sốt mà nóng là dương thịnh, dương vốn nhiệt, âm vốn hàn, âm dương tranh nhau thời rét và nóng trở đi trở lại. Dương kém mà âm thắng thời rét trước, âm kém mà dương thắng thời nóng trước. Ở trên là dương phạm, nên ở trên thịnh thời phát sốt, ở dưới là âm phạm, nên ở dưới thịnh thì phát rét. Ngoài da rét mà táo là âm hơn dương. Ngoài



da thấy nóng mà tảo là dương hơn âm. Chỉ thấy ghê rét là âm thịnh dương suy, chỉ thấy phát nóng là âm hư dương thịnh.

Chương 37.— Cách ngôn : Âm kém không thắng được dương, thời huyết mạch chảy loãng (lưu lạc) nếu thêm đi nhanh là thành chứng cuồng ; dương kém không thắng được âm, thời khí ở ngũ tạng tương tranh nhau mà chín khiếu không thông (khiếu là lỗ hổng).

Hết thấy những chứng phát cuồng, phần nhiều bởi hỏa bởi nhiệt, âm không thắng được dương, mà dương khí quá mạnh. Những chứng bế vit lại (lưng bế), phần nhiều bởi thủy bởi hàn, dương không thắng trị được âm, mà một mình âm thịnh hơn.

Chương 38.— Cách ngôn : Âm bệnh phát ra ở xương, dương bệnh phát ra ở thịt, dương bệnh phát về mùa đông, âm bệnh phát về mùa hạ.

Xương ở trong thuộc về âm huyết, thịt cũng đều là loại âm, nhưng thịt có huyết hành động, nên lại là dương ở trong âm.

Tiết đông-chí khí dương còn chứa lại, tiết hạ-chí khí âm còn ở lại một chỗ, cho nên chứng bệnh khởi ra cũng theo về loại ấy.

Chương 39 — Cách ngôn : Tà khí vào dương phận thời thành chứng cuồng. Tà khí vào âm phận thời thành chứng tê. Khí dương bị cướp mất thời là



chứng điên, khí âm bị cướp mất thời là chứng câm, khí dương vào trong khí âm thời tỉnh, khí âm vượt ra ngoài khí dương thời giện dữ, thế là năm chứng loạn (ngũ loạn).

Tà vào dương phần thời hỏa bốc lên mà cuồng, tà vào âm phần thời huyết ngưng lại mà tê, khí âm bị khí dương cướp mất, hay là khí dương bị khí âm cướp mất, là âm dương tranh lẫn nhau, nên thành chứng điên hay chứng câm, khí dương vốn động, nay nhập vào khí âm phải tĩnh, khí âm vốn tĩnh nay nhập vào khí dương thời thành giện dữ, ngũ loạn là chứng cuồng, chứng tê, chứng điên, chứng câm, chứng giện dữ.

Chương 40. — Cách ngôn : Khí âm, khí dương ra khỏi người hay là thiếu hẳn, thời tinh thần tuyệt hết.

Đời sống của người đều nhờ âm dương thăng giáng, thủy hỏa sử dụng lẫn nhau, nhưng âm gốc ở dương, dương gốc ở âm, phải dùng lẫn đến nhau cùng là thể và dụng (1).

Nếu khí âm là khí dương, thời tinh thần tán, dương thiếu thời khí tuyệt, hình hài hoại mà chết.

Chú giải : (1) Thể nghĩa là bản thể riêng của âm hay dương ; dụng ; nghĩa là sử dụng đến nhau.

Chương 41. — Cách ngôn : Sáng sớm khí âm hết, khí dương xuất ra ở mắt, mắt mở thời khí bốc lên đầu. Đêm thời khí lưu hành ở âm phần, mà lại tụ hợp ở mắt.



Ngày thời khí dương làm việc, mà khí âm phải theo khí dương, đêm thời khí âm làm việc mà khí dương phải theo khí âm, vì khí dương động cho nên thức, khí âm tĩnh cho nên ngủ.

Chương 42.— Cách ngôn : Âm dương tồn suy hay là thiếu ví như cây không có gốc.

Âm dương ở trong quả thận, là Thái-cực ở trong thân người, là gốc để lập mệnh, cho nên cổ thư có nói : « Chứng thương hàn nguy cấp, nên xem mạch Thái-khê (1), mạch Thái-khê còn thời có thể sống được », mạch Thái-khê tức là mạch của tạng thận. Lại có câu : « Hai xích mạch » của người (2), cũng như cây có gốc rễ, dù cành và lá có khô héo, nhưng gốc rễ hãy còn, thì vun tưới có thể trở lại được xanh tốt ».

Chú giải

- 1) Mạch Thái-khê tức là mạch ở cõ chân giáp với mu bàn chân.
- 2) Hai xích mạch tức là hai bộ mạch ở mé trong mạch quan của hai cõ tay.

Chương 43.— Cách-ngôn : Chứng phát sốt sợ rét là bởi ở dương phận, chứng không sốt mà sợ rét là bởi ở âm phận.

Tà khí lạnh (hàn tà) lấn vào ngoài biểu thời chính khí uất ở trong mà không phát ra được, vì thế phát sốt mà sợ rét. Nguyên-khí suy yếu ở trong, mà tà khí lạnh cảm nhiễm vào, nên chỉ hiện ra âm chứng không sốt mà sợ rét.



THIÊN THỦY-HỎA

(gồm 25 chương)

Chương 1. — Cách ngôn : Thủy hỏa là thực-thể (thể chất có thực).

Thủy hỏa là trưng trện của Âm dương, mà là thực thể của Âm dương, rét nắng là công dụng của thủy hỏa, sinh ra loài vật là hỏa, mà nhuận cho loài vật là thủy. Không có hỏa thì bị diệt, không có thủy thì khô héo, vì thế trong ngũ hành thủy hỏa là trọng, mà kim mộc thổ đều nhờ ở thủy hỏa. Người ta gặp bệnh gần chết mà chẳng cứu thủy hỏa, thì lấy gì mà sống lại, vậy hỏa thủy có thể làm cho người ta tuyệt sức phục sinh. Hơn nữa, dùi vào cây, hay chặt vào đá có thể lấy được lửa, đào xuống đất hay hừng lên trời có thể lấy được nước.

Còn như thần diệu về tương sinh hay tương khắc thì lại biến hóa vô cùng.

Trong thân người, tạng tâm là quả « ly » thuộc về hỏa, tạng thận là quả « khảm » thuộc về thủy, thế là thủy hỏa có hình mà thuộc về hậu-thiên (1). Còn như chân-thủy chân-hỏa (2) là vô hình mà thuộc về tiên thiên (3) thì là nền tảng lập mệnh, là căn bản sinh ra người. Cổ thư có nói : « Nhà làm thuốc đã biết diện dụng vô hình của thủy hỏa, thì về lẽ làm thuốc đã được quá nửa rồi. »



Chú giải

- 1) Hậu-thiên thủy hỏa tức là thủy hỏa ở trong người, khí đã thành người.
- 2) Chân-thủy chân-hỏa tức là gốc của thủy gốc của hỏa mà còn vô hình, để hóa sinh ra người.
- 3) Tiên-thiên, tức tiên-thiên thủy hỏa cũng như chân-thủy chân-hỏa, đều là vô hình.

Chương 2.— Cách ngôn: Chân hỏa vô hình là gốc của dương, chân thủy vô hình là gốc của âm.

Thận (quả cật) có hai quả, nằm cong và giáp liền với xương-sống là nơi mệnh-môn-huyệt ở đây (1). Một lỗ hồng đen ở bên trái là chân-thủy, một lỗ hồng trắng ở bên phải là chân hỏa, thủy hỏa là căn bản của âm dương, là cha mẹ của khí huyết.

Chú giải :

- 1) Mệnh-môn-huyệt là tên riêng là nơi khe giữa của hai quả cật.

Chương 3.— Cách ngôn . Tinh của thủy là chí, tinh của hỏa là thần.

Thủy vốn trầm tĩnh, Hỏa vốn sáng sủa, vì thế thủy thuộc tạng thận mà chứa tâm chí của người, hỏa thuộc tạng tâm mà chứa tinh thần của người. Vì chí là ý chí nên cần phải trầm tĩnh, thần phải suy liệu nên cần phải sáng tỏ.



Chương 4.— Cách-ngôn : Hỏa là chủ của thủy, thủy là nguồn của hỏa, nguồn gốc của thủy hỏa không thể tìm được nhau.

Thủy hoá hữu hình của hậu-thiên thời có thể hại nhau, thủy hỏa vô hình của tiên-thiên, thời tương sinh mà hợp nhau. Thủy không có hỏa, thời lạnh mà không có khí nóng, hỏa không có thủy thời là lửa dữ dội, sao phát sinh được muôn vật. Vì thế, cổ thư có câu : « Tìm hoá ở trong thủy thời sáng tỏ không tắt, tìm thủy ở trong hoá thời gốc nguồn không hết ». Ta thử xem tạng tâm thuộc quẻ ly là hành hỏa mà lại sinh ra huyết, thế là trong dương có âm, tức là chân âm, tạng thận thuộc quẻ khảm hành thủy, mà lại sinh ra khí, thế là trong âm có dương mà tức là chân dương. Trong tạng tâm chứa nước đỏ là chân thủy cho tạng thận, trong tạng thận chứa màng trắng lại là chân hỏa cho tạng tâm. Như thế là âm gốc ở dương, dương gốc ở âm, lại sử dụng lẫn nhau mà không rời nhau, muôn vật sau như trước, thần cơ biến hóa không ngoài được lẽ ấy.

Chương 5.— Cách ngôn : Chân hỏa vô hình thời không khi nào tắt, tức là tiên-thiên mệnh-hỏa mà là gốc cho hậu-thiên, là chủ về sống chết, là cửa để sinh dục (Huyền căn).

Trong thái-cực chia ra một điểm chân dương, tức là hỏa ở mệnh-môn (Mệnh-hỏa) vô hình ở trong quả thận, là gốc để lập mệnh mà hóa ra hình thể, vì thế, cổ thư có câu : « Trời không có hỏa ấy thời không sinh được muôn vật, người không có hỏa ấy thời không có thể sống được. »



Hãy xem tạng tâm, chủ về khôn biết (Hư linh), tạng thận chủ về giữ lại (bế-tàng). Vị (dạ-dây) chủ về chứa lấy (thụ-nạp), tạng tỳ chủ về vận hóa, tạng phổi chủ về tiết-độ (Trị-tiết), tiểu-tràng chủ về phân biệt, tam-tiền (Thượng-tiền, trung-tiền, hạ-tiền) chủ về lưu thông, đại-tràng (ruột-già) chủ về tống vọt ra. Bàng-quang (bong-bóng) chủ về giúp sự thăng giáng cho tam-tiền, không gì là không nhờ đến mệnh-hỏa kể ở trên. Tóm lại, người ta có mệnh-hỏa thời sống, không mệnh-hỏa thời chết, ngay đến con trai chưa được tinh khí, con gái giữ được bào-thai, cũng vì có mệnh-môn-hỏa ấy.

Chương 6. — Cách ngôn : Hỏa dư ra là vì thủy không đầy đủ, thủy không đầy đủ chứng tỏ là hỏa có dư ra.

Nội-kinh có nói : « Khí âm bình thường mà khí dương vọt lại, thời tinh thần mới vững, bệnh còn ở đâu đến được. » Thế là âm dương nên quân bình, mà không nên một bên thắng hơn.

Thủy hỏa trong thân người, ví như cái cân của trời, bên này nặng thời bên kia nhẹ, bên này nhẹ thời bên kia nặng, mà phép chữa bệnh, bên kia nặng thời bỏ cho bên này, bên này nặng thời bỏ cho bên kia, mà không nên bớt đi chút nào.

Chương 7. — Cách-ngôn : Hỏa yên ở địa vị, thời trong người hết thấy được khang an.

Đây là nói hỏa vô hình, mà tức là mệnh-hỏa, là chân dương, là thiếu-hỏa (hỏa vừa phải) sinh được khí. Vì thế hỏa yên ở địa vị, thời thân thể nhờ sự hóa sinh ấy



mà không gì không thư thái, vì như ngọn đèn kéo quân, nào bay, nào đi, nào chạy, nào múa, đèn nhờ vào ngọn đèn ở giữa, ngọn đèn ấy cháy to thời đi chóng, cháy nhỏ thời đi chậm, một khi tắt thời trong cái đèn đèn ngừng lại.

Chương 8 — Cách ngôn : Hỏa hữu hình thời thấy mới khác được, còn hỏa vô hình thời lại bởi thấy sinh ra

Hỏa hữu hình tức là hỏa cha tạng tâm, mà thuộc về hân-thiên, đó là hỏa hóa, thời thân thấy mới khác được. Nếu vì hỏa ấy mà phát bệnh, thời chữa bằng đường lối thắng (chính trị), tức là lấy hàn để trị nhiệt. Còn hỏa vô hình là chân hỏa về tiên-thiên, đó là hư hỏa, mà lại bởi thân thấy sinh ra. Nếu vì hỏa ấy mà khởi bệnh, thời phải lựa mà chữa (tông trị) nghĩa là lấy ôn để trừ nhiệt.

Chương 9 — Cách ngôn : Hỏa tức là khí, khí không được bình thường thời mới làm ra bệnh.

Khí tức là hỏa, hỏa tức là khí, chỉ khác tên gọi mà thôi, vận động cho bình hân, ôn dưỡng cho cơ nhục, đều là công của khí, hỏa theo đó mà đi ngày đêm chu lưu không ngừng, khi ấy một khi bị vấp hay bỗng lên, thời hỏa bốc lên mà thành ra nóng dữ dội, như chứng thương hàn, là vì hàn tà vấp lại, thời chính khí vấp ở trong mà hóa ra nóng.

Chương 10. — Cách ngôn : Hỏa động thời nhiệt, hỏa uất thời hàn, hàn đến cực độ thời lại nhiệt, nhiệt đến cực độ thời lại hàn.



Tính của hỏa bốc trở lên, cần phải vớt lại, phải lấy ôn để nuôi dưỡng, thời là sinh-khí, một khí bị kích động thời bốc mạnh như thể thiên đốt. Trái lại, bị nén xuống thời khí nổi mà lại hàn, hãy xem lửa bị thời khói bốc lên, khói để tụ thời sinh ra nước, cũng là lý vì nổi mà hàn. Có khi thủy cực độ lại hoá ra hỏa, thế là hàn cực sinh ra nhiệt, hỏa cực độ lại hóa ra thủy, thế là nhiệt cực lại sinh ra hàn, như thế không phải hàn sinh ra nhiệt, nhiệt sinh ra hàn, mà là ngũ hành (1) khắc bại (2) thừa chế (3) vì mẹ phục thù (4) mà như vậy. Người chữa bệnh nên tìm đến nguyên nhân, mà không nên chấp nệ tính hàn tính nhiệt ở trước mắt.

Chú giải

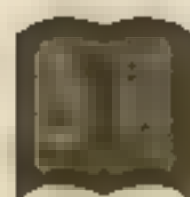
1) Ngũ hành : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

2) Khắc bại : khắc và làm bại.

3) Thừa chế : lấn mà chế bớt đi.

4) Phục thù : sinh ra gọi là mẹ, như kim sinh thủy, thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim. Thí dụ : Kim khắc mộc, mà mộc sinh hỏa, nay hỏa khắc kim, tức hỏa diệt kim cho mộc, các hành khác cũng đều như vậy mà gọi là phục thù.

Chương 11. — Cách ngôn : Quân-hoả (hoả của tạng tâm) suy yếu thời tướng-hoả (hoả của tạng thận) cũng bại, thế là vì hoả hữu hình kém mà lấy đến hoả vô hình, tướng-hoả đông đủ thời quân-hoả cũng bốc lên, thế là hỏa vô hình bị bệnh, mà lấy đến hoả hữu hình.



Cổ-thư có nói : « Quân-hoả có sáng tỏ, thời tướng hoả mới yên được địa vị », Quân hoả hữu hình, là hoả dục của hân-thiên, tướng hoả vô hình là phát sinh của tiên-thiên, nếu quân-hoả không sáng tỏ, thời tướng-hoả không yên ở địa vị, thế là hữu hình lụy đến vô hình, nếu tướng hoả không yên được địa vị, thời thiếu-hoả 1) biến là trảng-hoả (2), thế là vô hình kích động đến hữu hình.

Chú giải

- 1) Thiếu-hoả : Hoả vừa phải là hoả ở mệnh-môn.
- 2) Trảng-hoả : hoả dữ dội là hoả ở bên phải tạng thận.

Chương 12.— Cách-ngôn : Dương-hoả để cứu vãn, mà âm thủy khó tìm kiếm, là vì một chút lửa có thể thiêu được vạn mẫu núi rừng, một chén nước khó chứa được một xe củi cháy.

Câu trên là nói bổ dương chông, mà của âm thời chậm, ta hãy xem về chứng thoát dương bốn chân tay giá lạnh, chỉ nóng một thang thuốc co sấm và phụ-tử là hết được nguyên khí, một bốc là chân tay đều ấm. Còn về chứng âm hư, thời sốt âm chương chương, chén thuốc to có thực-địa, sơn-thủ, cũng chưa thấy người được mát, nên cổ thư còn nói : « Dễ sinh ra dương khí vô hình mà khó bổ cho âm huyết hữu hình. »

Chương 13.— Cách ngôn : Hoả hữu hình không nên để cho đông lên, mà hỏa vô hình không nên để cho tàn đi.



Hỏa của tạng tâm về hậu-thiên, hỏa của tạng can (gan), hỏa của tam tiêu (Thượng, trung, hạ tiêu) và ngũ tạng (tâm, can, tỳ, phế, thận), hỏa của lục chí (2) đều là hỏa hữu hình, một khi hỏa ấy thịnh thời nên dùng thuốc cho vơi bớt đi, mà không nên để cho đông dờ. Còn như mệnh-hỏa về tiên thiên, thời tức là thiếu-hỏa, là chân-dương là chân-hỏa, là long-hỏa, đó là hỏa vô hình, là căn bản để lập mệnh. Nếu không yên ở địa vị thời nên bổ mà liễm xuống, thì hỏa ấy là chất baku để sinh ra người, đâu có thể hại được.

Chương 14.— Cách ngôn : Dương-hỏa theo đường thẳng mà chữa (chính trị), âm-hỏa phải dựa theo mà chữa (tòng trị).

Dương-hỏa là thực-hỏa, hữu hình về hậu-thiên, âm-hỏa là hư-hỏa, vô hình về tiên-thiên. Theo đường thẳng mà chữa là đem vị thuốc hàn để chữa nhiệt, như những vị hoàng-cầm, hoàng-liên, tri-mẫu, hoàng bá. Dựa theo mà chữa là lấy vị nhiệt để chữa nhiệt, như những vị nhân-sâm, hoàng-kỳ, được tính đến là cam ôn, có thể trừ được đại nhiệt, nhục-quế, và phụ-lử, đều dẫn hỏa để quy nguyên.

Chương 15.— Cách ngôn : Thủy của trời đất, phải lấy bể làm gốc, Thủy trong thân người lấy tạng thận làm nguồn.

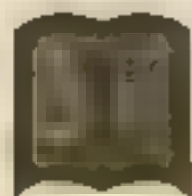
Khoảng trời đất, muôn ngàn sông ngòi đều chảy ra bể khơi, trong thân người, trăm thứ mạch, năm thứ tân dịch của ngũ tạng, đều bởi ở thận thủy, nên thận thủy là nguồn gốc cho thân người.



Chương 16.— Cách-ngón : Theo hình vẽ trong kinh dịch thì quả « khảm » hào ở giữa có một vạch, mà quả « ly » hào ở giữa có hai vạch, đủ tỏ là dương vẫn thừa mà âm vẫn thiếu, người ta từ lúc bé đến lúc già, mọi chứng bệnh phần nhiều bởi chân âm không đầy đủ.

Mặt trời hình tròn, và mặt trăng lúc tròn lúc khuyết, trong thân người, về thủy chỉ có một tạng thận mà về hỏa thời có tám là quân-bổa, mệnh-môn-hỏa là tướng-hỏa, như thế là lại có hai. Kinh dịch có câu : « Hào dương một vạch mà lặn, hào âm hai vạch mà trỗi ở giữa », thế là đạo của dương thường đủ, mà đạo của âm thường thiếu. Phương chi nhiều người thêm muốn, mà ít người biết tiết độ tinh duy, nên từ lúc bé đến lúc già, ít khi không phải bổ âm. Ông Vương-Liệt-Trai có nói : « Vì thủy kém mà thành bệnh mười người đến tám chín người, vì hỏa kém mà thành bệnh mười người chỉ có một hai người » là rõ được lý dương thừa âm thiếu. Thế mà ông Chu-Đan-Khê lại nói. « Người ta chỉ có một thủy ở quả thận, thì không thắng được 5 hỏa ở ngũ tạng », câu nói ấy khiến cho người làm thuốc dùng nhiều vị thuốc hàn-lương mà di họa không ít là vì chữ âm là chỉ về âm-tinh, không phải là nói trùm cả về âm huyết, thế mà đem bài tử-vật thêm vị tri-mẫu vị hoàng-bá để bổ âm thời rất nhảm.

Theo thiển kiến của tôi, thời chứng âm hư chia làm hai : Thủy ở trong âm hư là bệnh ở thần khí, người chân thủy hư vẫn nhiều, nhưng chân hỏa hư cũng không ít. Hơn nữa, âm dương dựa vào nhau, thủy hỏa giúp lẫn nhau,



vậy bồ âm cũng phải giữ lấy chân dương, là vì không có dương thì không sinh được âm. Lại nghiệm những vị âm được, thời tỳ vị không ưa, thuốc bồ huyết phải nhờ thuốc bồ tỳ vị mới có công hiệu, thế là lý dương có sinh thì âm mới vượng.

Chương 17. — Cách ngôn : Ngũ tạng đều có tương-hỏa (khí nóng để giúp đỡ) mà dây rợ đều thuộc lên tạng tâm.

Hỏa của ngũ tạng là hỏa hữu hình, hỏa ấy lại gọi là (dân hỏa), mà đều được khí vận hành ở tam-tiên. Tỳ vị, can, đởm, hai quả thận đều có dây liên lạc ở bên tâm-bào-lạc (màng bọc quả tim) để thông với tạng tâm, vì thế hỏa suy thời thành bệnh, mà hỏa thịnh cũng thành bệnh.

Chương 18. — Cách ngôn : Hỏa của thân người nên chứa vít lại ở trong thận-thủy và tỳ-thờ, vì thế chứng phát sốt tức là hỏa trong thân người nhân chính khí hư yếu không chứa vít lại được. Tà khí nhân hư yếu đó mà kích động đến hỏa. thế là âm dương trái với thường độ, mà không phải hỏa ở ngoài đến.

Hỏa của tiên-thiên ở trong thiếu-âm thận thủy, thì gọi là mệnh-hỏa, là thiếu-hỏa, còn tương-hỏa là hỏa của hậu-thiên, thì ở về kinh thái-dương (tạng tỳ bành thờ), lại gọi là nguyên-dương, là vị-khí, thế là thận-thủy và tỳ-thờ là nơi ở của hỏa. Nếu có tà khí (khí bất chính) ở ngoài đem lại bay ở trong khởi ra, nhân chính khí của người hư yếu mà kích động lên, chứ không phải tà khí làm



cho người phát nóng. Nếu muốn hỏa ấy ở yên một nơi, mà không bỏ tỳ thổ để chứa dương-khí lại, thì phải giúp chân-âm để giáng hỏa xuống, hỏa đã yên ở địa vị của nó thời trong người thư thái, thực không phải hỏa ở ngoài đến khiến cho người ta phát nóng. Như vậy thời hỏa là của bản để sinh ra người, đâu có thể chữa liệu để công phạt được.

Chương 19 — Cách ngôn : Khí sinh ra bởi hỏa, mà hỏa là tổ cho dương khí hãy xem người và muôn vật, đã không nóng thời không có khí, nếu ta ghét hỏa là nhiệt, mà thanh hoả hay phạt hỏa, một khi hỏa hết thời khí cũng bị tuyệt.

Hỏa vừa phải (thiếu-hỏa) sinh ra khí nóng nên ta thường nói hỏa tức là khí, bảo vệ và ôn hoà cho thân thể thì gọi là khí, nếu trái với thường độ mà đông đờ, thì gọi là hỏa mà có hại, chứ không phải là riêng biệt, chỉ là không được bình hòa mà sinh bệnh. Vì thế, phép để chữa hỏa chỉ cần chữa lại để yên vào địa vị của nó. Vì rằng hỏa là căn bản để lập mệnh, mà không thể thiếu được, cả một chốc không có nước thời chết, người một chốc không có hỏa thời chết, như vậy khí và hỏa có thể dập tắt đi được không?

Chương 20. — Cách ngôn : Người ít tuổi đa số có hỏa, người tuổi già chỉ sợ không hỏa.

Người ít tuổi dương khí thịnh ở trên, vì thế mới ưa hành động. Người tuổi già dương khí suy ở dưới nên ưa ngồi và nằm, bởi vậy, chữa bệnh cho người ít tuổi



phần nhiều phải dẹp hỏa xuống, mà chữa người già phần nhiều phải bồi bổ cho hỏa.

Chương 21.— Cách ngôn: Thủy là âm, nên gốc ở tạng thận, nhưng thủy hóa ra bởi ở khí, nên ngọn lại ở tạng phế.

Tạng thận chủ cho tân-dịch của cả ngũ tạng, thời thủy ở thận người nguồn gốc ở tạng thận, nhưng thủy ấy không có khí nóng không hóa ra được, mà tạng phế là phổi để thở hít mà chủ về tiết-độ, điều hành được đường thủy để đem xuống bàng-quang, vì thế thủy gốc ở thận mà ngọn lại ở phế.

Chương 22.— Cách ngôn: Rộng lớn lắm thay ! Chân-thủy và chân-hỏa là gốc để sinh ra người, có thể gần chết mà lại sống

Chân-thủy và chân-hỏa, ở trong tạng thận là thủy hỏa vô hình của tiên-thiên, thần minh bởi đấy mà tính mệnh cũng bởi đấy. Sách dạy mạch có nói: « Người bệnh ngặt sáu bộ mạch đều không thấy nữa, mà mạch xung-dương, và mạch thái-khê bầy còn, thế là còn có cơ sống được, tức là tuyệt-sử-phùng-sinh ». Tuy thế, mạch xung-dương không quan hệ bằng mạch Thái-khê. Mạch xung-dương tức là mạch của tứ vị, mà mạch Thái khê tức là mạch của tạng thận.

Chương 23 — Cách ngôn: Hỏa bốc lên (hư hỏa) là vì không có thủy để cân với hỏa, nếu muốn phớt hỏa đi để lấy lại thủy, thời chưa chắc lấy lại được thủy, mà hỏa cũng mất nốt, chẳng phải là âm dương đều bại hay sao ?



Âm gửi cho dương, thủy đở chỗ hỏa, vì thế nên quân bình mà không nên đở chênh lệch, hết thủy chứng bệnh hỏa hư mà phát nhiệt, tựa như hỏa dư ra, nhưng hỏa có dư ra cũng bởi thủy bị thiếu thốn. Phép chữa nên bổ âm đở cân với dương, thêm thủy đở chỗ hỏa, nhất thiết không nên đở hỏa bị mất đi, vì rằng, thủy đã thiếu mà lại phát hỏa thì thủy hỏa đều bại. Phép chữa chứng bệnh hư yếu, nên bồi bổ chỗ thiếu thốn, mà không nên công phạt cho thừa ra.

Chương 24.— Cách ngôn : Chữa bằng thuốc hàn mà không thấy người mát, thời trách cứ về chỗ không có thủy. Chữa bằng thuốc nhiệt mà không thấy nóng, thời trách cứ về chỗ không có hỏa.

Câu trên là lời cách ngôn của ông Chu-Đau-Khê, cũng như Nội-kinh đã nói : « Mọi chứng chữa bằng thuốc hàn mà vẫn thấy nóng, thời phải tìm ở âm phận, mọi chứng chữa bằng thuốc nhiệt mà vẫn thấy lạnh, thời phải tìm ở dương phận ». Hết thấy đem vị thuốc hàn để trị bệnh nhiệt mà không thấy mát thì là vì chân thủy suy kém, đem vị thuốc nhiệt để chữa chứng hàn, mà không thấy nóng thì là chân hỏa hư yếu. Khi ấy, chỉ nên thêm chân thủy để dẹp dương đi, thêm chân hỏa để tiêu âm đi, như thế là phép dựa theo mà chữa (tông trị) mới có công hiệu.

Chương 25.— Cách ngôn : Thủy hỏa là trung triệu của âm dương, âm dương là căn nguyên của thủy hỏa.

Âm dương là hư danh, thủy hỏa là thực thể, còn khí



huyết vừa khinh thanh (nhẹ và trong) vừa trọng trọc (đục và nặng), thủy không có nguồn thời không thể vượng, hỏa không có gốc thời không thể sáng mãi, nguồn của âm thủy lại gốc ở trên trời, căn của dương hỏa lại gốc ở dưới đất, vì thế sách cổ còn nói: « Trong thủy mà tìm lấy hỏa thời sáng tỏ không ngừng, trong hỏa mà tìm lấy thủy thời nước nguồn không cạn, dương gửi cho âm không có dương (khí nóng) thời âm không sinh được, ví như đèn đã tắt lại bốc lên, rồi sẽ không có lửa, đó là chứng bệnh thoát-dương ».



THIÊN KHÍ-HUYẾT

(gồm 35 chương)

Chương 1.— Cách-ngôn : Khí dẫn cho huyết, huyết dựa vào khí.

Khí thuộc về dương, chủ về động và lưu hành, huyết thuộc về âm chủ về tĩnh và nhờ dựa. Khí là vô hình công dụng ở tuyến thông, huyết là hữu hình, thể chất phải nhờ dựa, vì thế khí hành thì huyết theo, mà âm làm nền tảng cho dương.

Chương 2.— Cách ngôn : Huyết là ngọn (tiểu) cho khí khí là gốc (bản) cho huyết.

Khí là dương, dương chủ ở ngoài bên, hộ vệ cho thân thể; Huyết là âm, âm chủ ở trong lý, nuôi dưỡng cho cơ nhục. Vì thế, dương được âm sử dụng, mà huyết là ngọn của khí, âm được dương giữ vững, mà khí là gốc cho huyết.

Chương 3.— Cách ngôn : Khí không có huyết, thời tản đi mà không giữ lại được, huyết không có khí thời phải ngưng lại mà không lưu thông.

Khí là dương mà huyết là âm, dương động mà âm tĩnh, âm dương là căn bản lẫn cho nhau, khí huyết sử dụng lẫn nhau, dương trấn giữ cho âm, âm sai khiến



được dương, khí đi ở ngoài mạch, huyết đi ở trong mạch, vì thế trong khí không có huyết thời không giữ lại được, trong huyết không có khí, thời không lưu hành được.

Chú giải : 1) Khí để bảo vệ cho nên gọi là vệ-khí, huyết để vinh dương cho người nên gọi là vinh-huyết.

Chương 4.— Cách-ngôn : Tỳ và vị là cha của khí huyết, tâm và thận là mẹ của khí huyết, can và phế là nơi ở của khí huyết.

Vị là dạ-dày để chứa các thức ăn, tỳ là lá-lách để chuyển vận, đem tinh hoa của các thức ăn uống để hóa ra khí huyết cho nên ví như người cha, chân âm ở trong tạng tâm, chân dương ở trong tạng thận, là căn bản của khí huyết, cho nên ví như người mẹ, can để chứa huyết, phế chủ về khí sinh huyết, cho nên ví như nhà ở.

Chương 5.— Cách-ngôn : Khí huyết của người cũng như là nước [suối, nếu đầy thời lưu thông, nếu kém thời ngưng trệ, vì thế khí đủ thịnh thời không ngưng trệ.

Trăm mạch lạc của người, cũng như trăm sông ngòi của trời đất, nước nguồn đầy thời sông ngòi lưu thông, khí huyết đầy đủ thời dẫn dề, mà không lo ngưng trệ.

Chương 6.— Cách ngôn : Vinh huyết kém thời da thịt không được mềm mại (bất nhân); Vệ khí kém thời chân tay không cử động được (bất dụng).

Vinh là huyết, huyết hư kém thời không nhuận được da



thịt, cho nên không biết đau ngứa, mà là « bất nhân » ; Vệ là khí, khí hư kém thời không vận dụng được gân và kinh-lạc, vì thế không cử động được, mà là « bất dụng ».

Chương 7. — Cách-ngôn : Khí hư thời da thịt tê lãn mẩn (ma), huyết hư thời đờ ra (mộc), ngoài da thấy tê bì gọi là chứng « ma », gân cứng đờ ra gọi là chứng « mộc ».

Khí là vệ, vệ đi ở ngoài mạch, khí yếu thời không vận hành mà thành chứng ma, người ta ngồi lâu khi trệ thời ở bì, cũng là chứng ma, đến khi cử động được khí hành được mới thôi.

Huyết là vinh, vinh đi ở trong mạch, huyết hư thời không thấm nhuận được cơ nhục, gân và kinh lạc cứng ra, nên ngay thẳng như cây gỗ mà gọi là « mộc ».

Chương 8. — Cách ngôn : Huyết là tinh hoa của thức ăn uống, vận hành như nước nguồn mà thể thực, huyết ấy sinh hoá bởi lá lách, tóm giữ bởi quả tim, chứa lại bởi tạng can, đầy đủ bởi tạng phế, tiết vọt đi bởi tạng thận, mà thấm nhuận khắp trong thân thể.

Thức ăn vào dạ-dày, rồi lá lách vận hành. Dem tinh hoa của thức ăn nấu hóa sinh ra khí huyết, trong tạng tâm chứa nước đỏ là nhân âm, tạng tâm thuộc về hành hỏa, huyết được khí nóng của tâm hoá mà hoá ra sắc đỏ, vì thế huyết tóm lại ở tạng tâm.

Ăn uống vào dạ dày, rồi tăng tinh chất ra tạng can,



hơn nữa huyết là loại thủy, theo ngũ hành thời thủy sinh ra mộc, can thuộc hành mộc mà chủ về gân, huyết ấy dưỡng được gân, vì thế huyết tàng trữ ở tạng can.

Khí là Tướng soái của huyết, khí hành thời huyết theo, tạng phế chủ về khí mà chủ về tiết độ, vì thế huyết tuyên bố ở tạng phế. Nhưng huyết ấy chu lưu ở Kinh lạc, đều nhờ vào một điểm chân dương của tiên thiên, vì thế huyết tiết ra bởi tạng thận.

Nay xét Ông Cảnh-Nhạc có nói: « Tạng thận chủ về nước của ngũ-tạng » (ngũ dich), và nói: « huyết không thuộc tạng thận, thời ta không dám tin », bởi vậy người nào tạng thận hư yếu mà chân thủy kém, thời không sinh ra huyết mà dềnh lên hoá ra đờm. lại như chứng đàn bà huyết khô mà đường kinh bế lại, một khi được bổ thủy thời huyết tự sinh, như thế huyết còn gốc ở tạng thận, đủ rõ.

Chương 9. — Cách ngôn : Huyết suy thời hình thể gầy, huyết bội thời hình thể hoi, vì thế hết thấy trong hình hài có chỗ nào kém thì đấy chứng tỏ là huyết kém

Nở nang được cơ nhục, tốt đẹp được hình hài, là công dụng của huyết. Cho nên cổ thư còn nói: « Thịt bởi huyết mà thành ». Lại nói: « Huyết là nền tảng cho hình thể », huyết ấy theo khí để chu lưu ra trăm mạch. Cùng các kinh lạc (dây nhỏ của mạch). Vì thế, chỗ nào huyết không đầy đủ, thời giắt lên (trừu-khiết) hay là co lại (cáu-loan), là chứng « ma », chứng « mộc », chứng « bất nhân », và chứng « bất dụng ».



Nội-Kinh có nói : « Mắt có huyết mới trông được, tay có huyết mới cầm được, chân có huyết mới đi được » đều là lý lý.

Chú giải : Ma, mộc, bất-nhân, bất dụng, đã giải ở chương thứ 7 kể trên.

Chương 10. — Cách ngôn : Khí trong sạch (thanh khí) lại ở dưới thời thành chứng đại tiện ra cả thức ăn (xôn tiết). Khí đục bẩn (trọc-khí) lại ở trên thời thành chứng đầy chướng.

Khí thanh là dương, khí trọc là âm, dương vốn thăng lên, âm vốn giáng xuống, dương thuộc về hỏa mà nhiệt, âm thuộc về thủy mà hàn, nên dương hư thời âm đem trở xuống, dương thiếu công dụng để làm cho âm nóng (ôn nóng) vì thế đi cầu ra cả thức ăn.

Âm hư thời dương dồn trở lên, để làm vào sảnh tượng âm hàn tới tâm. Vì thế thành ra điễn-chướng, đó là lẽ dương hư thời hãm trở xuống. Cho nên chứng dương hư mà đại-tiên ra cả thức ăn. Cách chữa nên thăng đề mà đem lên, rất kỵ những vị thấm thấp để lợi tiểu-tiên, vì càng thấm lợi càng bại đến chân dương, chứng âm hư mà đầy chướng, nên dùng thuốc bổ huyết để tiêu nhẹ đi, nhất thiết cấm những vị cay nóng và lạnh (tân hương) đem tẩu bổ huyết để chữa chướng bí đầy, ở đời ít có người biết, mà ông Đông-Viên mới sáng kiến ra.

Chương 11. — Cách ngôn : Đại-trường (ruột già) có huyết thời nhuận, không huyết thời táo.



Huyết là thủy, mà thủy chế được hỏa, vì thế mới nhuận được chứng táo, huyết là âm, âm hư thời hỏa bốc lên, càng nóng thời âm càng hại, huyết khô thời càng táo. Hơn nữa đại-tràng vốn nhiều huyết, huyết đã kém thời truyền tống không được nhuận. Gặp chứng ấy, chỉ nên dùng những vị âm được thuần tính. Mà rất kỳ những vị đại-hoàng, mang-tiên, là thuốc hạ để trục ra cho nhanh chóng.

Chương 12 — Cách-ngôn : Trong huyết không có khí, thời thành chứng bệnh hoãn tống phế nhĩ (chân tay rời rạc vô dụng); Trong khí không có huyết, thời thành chứng giệt hay co lại (trừu-khiết, câu-loan).

Huyết để nhuận, khí để ấm cho toàn thể, huyết là vinh để nuôi dưỡng trăm bộ mạch, khí là vệ để hộ vệ cả bình hai. Vì thế, trong huyết không có khí để bị, vệ thời không giữ vững được, mà thành chứng hoãn-tống (rời rạc). Trong khí không có huyết, thời không thấm nhuần mềm mại, mà thành ra chứng câu-loan (co quắp). Cổ thư còn nói: « Gai rời rạc ra là bởi không có khí, gân cứng co lại là bởi không có huyết ».

Chương 13 — Cách-ngôn : Tạng phế để thở khí ra, tạng thận để nạp khí vào, vì thế, tạng phế là chủ cho khí, tạng thận là gốc cho khí.

Tạng phế ở trên chủ về dương, tạng thận ở dưới thuộc về âm, dương chủ về thở ra, âm chủ về hút vào. Tạng phế là gốc cho mọi khí, cho nên là chủ cho khí.



Hỏa vừa phải (thiếu-hỏa) ở trong tạng thận sinh ra khí, cho nên là gốc cho khí. Cồ thư còn nói : « Tạng phế là cửa của thanh âm, tạng thận là gốc cho thanh âm », mà thanh âm tức là khí.

Chương 14 — Cách-ngôn : Khí quá đầy đủ (khí thực) thời nhiệt, khí hư kém (khí hư) thời hàn, thực thời chịu được thuốc hàn, hư thời chịu được thuốc nhiệt.

Khí tức là hỏa, khí thừa ra thì là hỏa, nên thế là thực nhiệt, khí thuộc về dương, dương hư thời âm lấn đi, thế là hư hàn. Người hư yếu phần nhiều là hàn, cho nên chịu được thuốc nóng, người thực mạnh phần nhiều là nhiệt, cho nên chịu được thuốc hàn. Về phép chữa, chứng thực thời chữa bằng thuốc hàn lương, chứng hư thời chữa bằng thuốc ôn-bổ. Tuy thế, người thực hàn mà giả nhiệt thời nhiều. Còn người thực nhiệt mà giả hàn, thời có số ít mà thôi.

Chương 15. — Cách ngôn : Khí hư yếu thời đau nhức, hình thể hư yếu thời phù sưng.

Khí thuộc về hỏa, khí uất thời hỏa bốc nóng mà đau nhức. Hình thể thuộc về huyết, huyết ứ trệ thời thịt đầy lên (lồi phù) mà phù sưng. Cồ thư còn nói : « đau nhức thời hại khí, phù sưng thời hại huyết. »

Chương 16. — Cách ngôn : Huyết có dư thời hay giện, huyết không đủ thời hay sợ.

Tạng can chủ về giện, tạng thận chủ về sợ, huyết chứa ở trong tạng can, mà nạp ở tạng thận. Nếu có dư



thời khí của tạng can mạnh nên giận, nếu không đủ thời khí tạng thận thiếu đi mà sợ. Nội-kinh có nói : « Khí của tạng can hư yếu thời hay sợ, khí của tạng can vượng quá, thời hay giận », cũng là lẽ ấy.

Chương 17.— Cách ngôn : Khí thừa ra thời là hỏa, khí không đủ thời là hàn.

Ông Đan-Khê có nói : « Khí thừa ra thì là hỏa », là vì hỏa tức là khí, khí tức là hỏa, đó là hỏa vừa phải (thiếu-hỏa) chỉ khác tên gọi mà thôi. Nếu không được quân-bình, thời hỏa vừa phải biến là hỏa dữ dội (tráng-hỏa) bốc lên tam tiêu, như thế là khí dư ra. Ông Cảnh-Nhạc có nói : « Khí không đầy đủ là hàn », là vì dương không đầy đủ, thời âm lấn đi. Cho nên cổ thư còn nói : « Người dương hư còn phát ra chứng hàn ».

Lại nói : « Người tỷ vị hư yếu thời sinh chứng hàn », như thế là khí không đầy đủ mà sinh ra chứng hàn vậy.

Chương 18 — Cách ngôn : Người trong khi nằm thời huyết về tạng can.

Nội kinh có nói : « Dương xuất ra âm phận thời thức, dương nhập vào âm phận thời ngủ », lại nói : « Đêm thời vệ hành ở vịnh », tức là dương tàng ở âm, thời huyết về tạng can. Những người đêm khuya vẫn không ngủ được, là âm không chứa được dương, mà huyết không về tạng can. Âm của tạng can đã hư, thời can khí quá mạnh, chỉ cần vơi nhẹ đi.

Chương 19.— Cách ngôn : Khí nhiều thời huyết dễ thông lãn, huyết kém thời hỏa dễ đông dờ.



Khi thuộc về hỏa, mà tính của hỏa bốc trở lên, khí hành thời huyết theo, vì thế khi nhiều thời huyết dễ thăng lên. Huyết thuộc âm, âm hư yếu thời dương lấn đ., dương chủ về hỏa, vì thế huyết thiếu thời hỏa dễ đông đở.

Chương 20. — Cách ngôn Huyết đầy đủ mà khí hư yếu thời thân thể dễ béo, khí đầy đủ mà huyết hư yếu thời thân thể dễ gầy.

Khi thuộc dương chủ về xương tuỷ, huyết thuộc âm chủ về huyết. Huyết hơn khí thời người béo, dương hơn âm thời người gầy. Cho nên người béo khí hư mà thân thể dễ lạnh, người gầy huyết hư mà thân thể nóng. Người béo phần nhiều chét yếu, người gầy phần nhiều táo thọ, cũng vì lẽ dương sinh mà âm sát.

Chương 21 — Cách-ngôn Khí hư yếu thời không liễm được nguyên-dương ở trung cung; Huyết hư yếu thời không tiếp nạp được long-hỏa ở tam tiêu đều thành là chứng hư nhiệt.

Hỏa của con người chỉ tàng nạp ở trong thận thủy và ty thổ, khí tức là vị khí (khí nóng của dạ-dầy) nguyên dương ở trung cung, tức là lửa ở trong, mà huyết tức là thủy long-hỏa ở hạ-tiêu tức là hỏa ở trong thủy, nếu khí hư không liễm nạp được hỏa, là ty thổ hư mà không tàng được dương. Huyết hư mà không tiếp nạp được long-hỏa, là thận kém mà không chế được hỏa, đều là chứng hư nhiệt, phép chữa về khí-hư nên bổ ty-thổ để tàng dương khí lại, như những vị thuốc nhân-sâm, và hoàng-kỳ. Nội kinh có nói: « Vị thuốc có tính ấm và ôn thì trừ được đại nhiệt » (nóng dữ dội), chính là lẽ ấy. Phép chữa về



huyết hư thì nên bổ Âm để lại hỏa xuống, như những vị thực-địa và sơn-thù. Cồ thư có nói: « Làm mạnh chân thủy để chặn bớt dương quang đi » là lẽ ấy.

Chương 22. — Cách-ngôn : Người ra huyết nhiều thì không có mồ-hôi, người ra mồ-hôi nhiều thì không có huyết.

Mồ-hôi là tân-dịch của tạng tâm, là tên riêng của huyết, mà huyết tức là mồ hôi, vì thế, chứng Âm hư mà cảm mạo ra mồ-hôi không thôi, là huyết đã mất rồi. Chứng thổ huyết hay lục huyết không nóng được thuốc thanh giáng, thời nóng thuốc phát hãn mà huyết tự nhiên止, lại sau khi ra mồ-hôi nhiều, thời huyết hư mà chợt đa kinh sợ, và người sắc sảo, người ung rhot đã khỏi, vì ra huyết nhiều mà phát ra chứng trí (co giật) cũng vì tân dịch hao kiệt, như thế chẳng là mồ-hôi với huyết cùng một loại hay sao?

Chương 23. — Cách ngôn : Người khí thoát thời mắt không được sáng tỏ.

Khi là dương là hỏa, là xử dụng của thần-minh. Sách Thiên-trung-Ký có nói: « Sáng của trời đất là mặt trời là lửa; ngọc và đá mà về đêm thấy sáng (đạ-quang) cũng là hâm được hỏa khí, phương chỉ mắt của người như thể là mặt trời, nếu khí thoát thời đương nhiên không sáng tỏ, như là mặt trời không được tăng bằng vậy.

Chương 24. — Cách ngôn : Khí huyết không hòa thời ngưng lại mà thành ra ung nhọt.



Khi huyết cũng như nước nguồn, đầy đủ thời lưu thông, nhiệt thời ung trệ, vì huyết là vinh, khí là vệ, cùng với chân thủy và chân hỏa ngày đêm đi ngầm trong thân thể, mà chưa lúc không ngừng. Nếu trăm bộ mạch đều cùng điều hoà, thời không thể sinh bệnh. Một khi ngược trệ thời là ung nhọt mà sưng lên, Nội-kinh có nói : « Khí hư thời đau, huyết hư thời sưng » (sưng lên), tôi xem sách ngoại khoa chữa về ung nhọt, theo kinh và huyết ở trong người, mà đặt tên ung nhọt, rồi phân ra từng bài thuốc, như thế chỉ là phép thấy ở đầu thời chữa đầu, thấy ở gót chân thời chữa ở gót chân mà thôi. Ta nên biết trăm thứ bệnh không ngoài ở Âm dương khí huyết, huống chi những ung nhọt sưng lên. Hết thấy về chứng ung nhọt, nếu huyết nhiều thời sưng đỏ là dương chứng dễ chữa, khí hư yếu thời ung nhọt vẫn bằng phẳng không đỏ là Âm chứng khó chữa, như vậy là hư yếu thời bỏ, ngừng lại thời tản đi, cần cho khí huyết được đều hòa mới thôi, hà tất phải phân biệt ở trên ở dưới, bên trái bên phải, làm rối loạn tai mắt của người chữa bệnh.

Chương 25. — Cách-ngôn : Người huyết-thoát thời sắc da trắng bạc mà không được quang-nhuận.

Khi nói về hình, huyết chủ về sắc, cho nên nói : « huyết để làm đẹp cho nhan sắc con người », nếu huyết thoát thời sắc da trắng bạc như xương khô mà không được hồng và nhuận, những người khí hư cũng có người sắc bạc, thời lấy gì để phân biệt, người đọc sách phải tìm ở ngoài lý lẽ đó, đại khái khí không có hình mà thanh, huyết có hình mà trọc, người da bạc về khí hư thời bạc trắng mà bóng, gân nổi trông rõ xương, người ngoài trông đã biết là hàn lãnh. Còn người da bạc về huyết



hư, thời bạc trắng và khô, màu da như thiếc như tro, người ngoài trông đã biết là âm đạm, tôi hãy kể đại lược để người học thuốc còn suy xét thêm.

Chương 26. — Cách-ngôn : Chính khí (dương khí của người) cùng với tà-khí (khí xấu bị cảm nhiễm) hai bên không cùng đứng vững được, một bên hơn thời một bên kém.

Nội-Kinh có nói : « Tà khí đã cảm vào thời chính-khí phải yếu đi. » Lại nói : « Giúp chính-khí thời tà-khí tự lui », thế là bên này nặng bên kia nhẹ, một bên hơn thời một bên kém.

Chương 27. — Cách-ngôn : Khí không có thủy không hoá được, tinh không có khí không hành được

Tạng phế chủ về tiết độ, để thông đều đường thủy trong người. Nếu đường thủy không thông thời khí ở tạng phế bốc ngược lên. Nội-kinh có nói : « chữa người ọc khan phải lợi tiểu tiện », là để khí của tạng phế giáng xuống vậy, như thế là khí không có thủy thời không hóa được.

Tinh đối với huyết, thời tinh là dương mà huyết là âm, tinh huyết đối với thần-khí, thời tinh huyết là âm, mà thần-khí là dương, nếu tinh không có khí, thời trong âm không có dương, lấy gì để cõ vũ, như thế là tinh không có khí không hành được.

Chương 28. — Cách-ngôn : Khí hành thời huyết cũng theo, dương hư thời âm cũng kém.



Khí là chủ cho huyết, như thể vị tướng để đem quân, huyết như thể binh lính, người tướng đi thời binh lính theo, như thế là khí hành thời huyết cũng theo. Dương giữ cho âm, dương ở ngoài mà âm ở trong, ở ngoài không có bảo vệ, thời ở trong phải mất, thế là âm dương không rời nhau được. Vì vậy, dương mất thời âm cũng thoát, âm mất thời dương cũng bại.

Chương 29.— Cách ngôn : Chứng thương-hàn thời khí thịnh quá mà người mát, chứng thương-thử thời khí hư mà người nóng.

Hàn to (Tà khí lạnh) vút ở ngoài thời hỏa nất ở trong, vì thế chứng thương-hàn khí thịnh mà người mát. Nắng là nhiệt (thử), nhiệt bại đến khí, vì thế chứng thương-thử, khí hư mà người nóng.

Chương 30.— Cách ngôn : Chứng thổ thời hại khí, khí hư thời hoảng sợ (quý), chứng đi cầu nhiều thời mất chân huyết, huyết hư thời kinh sợ

Chạm đến mới kinh hoảng thời gọi là « quý », vô cố mà kinh sợ thời gọi là « kinh ». Chứng thổ bởi dương phạm ở thượng-tiên, thổ bởi khí nghịch mà hại khí, tạng phế chủ về khí, khí hư thời tạng phế không tàng được phách, vì thế mới hoảng sợ (quý). Chứng hạ làm cho đi cầu nhiều bởi ở âm phạm hạ-tiên. Hạ thời tân-dịch kiệt mà mất chân huyết, tạng tâm tởm giữ chân huyết, huyết đã hư, thời tạng tâm không tàng được thần, nên thành ra chứng « kinh ».

Chương 31.— Cách-ngôn : Chứng bệnh về huyết không ưa uống nước, chứng bệnh về khí thời ưa uống nước, nhưng về huyết cũng có khi uống nước.



Hạ-tiên thuộc huyết về Âm phần, thượng-tiên thuộc khí thuộc về dương phần, hết thấy bệnh ở trên thời khát, ở dưới thời không khát, đó là cớ thư chỉ nói bệnh ở thượng-tiên hay hạ-tiên mà thôi. Nhưng chứng Âm hư bệnh về huyết, lẽ đâu lại không khát, vì huyết tức là tân-dịch. Nên cớ thư còn nói : « Chứng khát thường bởi ở huyết hư ».

Chương 32 — Cách-ngôn : khí ở trong người không đầy đủ, thời nước tiểu tiện biến khác đi.

Biến là trắng biến ra sắc vàng. Hết thấy khí ở trong người hư yếu, thời tạng phế không có tiết độ, dương thủy không điều mà nước tiểu hóa ra vàng. Thế mà người không biết hề thấy tiểu tiện vàng, thời cho là ở trong nóng, mà dùng thuốc thanh đi, như thế thời hỏa suy mà khí càng hư yếu, có khi lại thành chứng bế vit tiểu tiện, thế mà vẫn không tỉnh ngộ, sao họ không hiểu lẽ bài Ngũ-Linh đề lợi tiểu tiện mà phải dùng vị nhục-qué là ôn nhiệt, chẳng phải là thêm cho chân hỏa, mới dẫn được khí của tạng phế bay sao ?

Chương 33. — Cách ngôn : Khí ở trên không đầy đủ thời óc như thỏ thiếu thốn (bất mãn), đầu khó chịu vì nghiêng đi, mắt trông mãi mới thấy.

Khí là dương, đầu là chỗ mọi dương khí hội lại, còn mắt là tinh hoa của tạng phủ. Một khi khí không đầy đủ, thời dương không có chủ mà đầu khó chịu và nghiêng đi, óc như thỏ thiếu thốn, chân tình đã không đủ thời



trông lõm vào, tức là trông nghiêng mới thấy (thị thâm). Cho nên trẻ con cõng ngoạ đi là chứng dương hư.

Chương 34. — Cách ngón . Khí dương hòa thời thông lợi, đầy ở tạng tâm, mà xuất ra mũi, mới thành ra hắt hơi (ổ)

Dương sinh ra khí, âm hại mất khí, tạng phế chủ về khí, mà khai khiếu ở mũi. Chứng hắt hơi là dương khí hóa mà thông lợi, vì thế chứng trướng phong có hắt hơi thời chữa được.

Chương 35. — Cách ngón : Khí huyết hư yếu dù có hiện ra nhiều chứng cũng chỉ ở trong âm dương khí huyết hư thực

Khí huyết dĩ hư thời mọi chứng hiện ra không thể tả hết được, người không biết, thời thấy bệnh ở đầu thì chữa đầu, thấy bệnh ở gót thì chữa gót. Nhưng Nội-kinh có nói : « Biết được yếu điểm thời một lời nói cũng đủ, nếu không biết được yếu điểm thời man mác vô cùng ». Cỗ thư có nói : « chữa một nơi thời bách bệnh tiêu tán », yếu điểm vào một nơi tức là âm dương khí huyết hư thực mà thôi.



THIÊN HƯ-THỰC

(gồm 18 chương)

Chương 1.— Cách ngôn : Tà-khí đã lấn vào thời chính khí phải hư yếu đi, nếu để lâu mà không trừ được tà khí thời hóa ra thực chứng (bệnh mạn).

Đại để chứng bệnh đều bởi hư yếu mà đem lại, nếu chính-khí đầy đủ vững chắc, thời tà-khí không nhân khe hở mà lấn vào được, vì thế tà-khí dư ra là chính-khí không đủ, nếu không chữa ngay, thời sốt lâu thành ra buồn bực lo đầy, nôn ọe, bế vit, mà là thực chứng, nên Nội-kinh nói : « Hư là chính khí hư, thực là tà khí thực ». Người không biết thấy bệnh đều gọi thực chứng hay thực bệnh, nhưng phải biết rằng, nếu là chính-khí thực thời sao lại có bệnh ? Đã có bệnh thời không khi nào thực, nói ra đã lắm thời chữa bệnh sao được.

Chương 2.— Cách ngôn : Thế nào là hư thực ? Tà khí thịnh là thực, tính khí kém đi là hư.

Bệnh có hư thực, là nói khí hư mà tà thực. Cổ thư có nói : Người phát bệnh đều do khí không đầy đủ, chứng bệnh dư ra đều là chính-khí hư yếu.

Chương 3.— Cách ngôn : Khí đầy đủ ở trong mà là hàn như mùa đông rét dữ, dù ở ngoài hàn mà trong



vẫn nhiệt ; khí hư yếu ở trong mà là nhiệt, như mùa hè nóng dữ, dù ở ngoài nóng mà trong lạnh ; vì thế không thể thấy nhiệt mà bảo ngay là nhiệt, thấy hàn mà bảo ngay là hàn. mà phải xét về gốc hàn nhiệt như thế nào ?

Tiết Đông-chí nhất-dương (khí dương mới phát sinh), trên trời băng tuyết mà nước giếng vẫn ấm. Tiết Hạ-chí nhất âm sinh (âm mới phát sinh), trên trời oi nóng mà cây ở rừng vẫn thấy có nước, bệnh người cũng như thế.

Người khí thực thời ngoài tuy giả hàn mà trong thực nhiệt, cũng như mùa đông trong khí âm tàng chứa khí dương vậy ; người khí hư ngoài tuy giả nhiệt mà trong thực hàn, cũng như mùa hè trong khí dương có khí âm ngấm ngấm vậy, vì thế không thể thấy ở ngoài giả hàn, mà đem thuốc nhiệt để giúp chứng nhiệt, thấy ở ngoài giả nhiệt mà đem thuốc hàn để giúp chứng hàn, cần phải tìm nguồn gốc mà chữa.

Chương 4. — Cách-ngón : Người nào bệnh rất thực, mà có hình dạng như là yếu, nếu bỏ làm thời thêm bệnh, người rất hư yếu, mà có hình dạng như là khỏe, nếu công phạt làm thời chết oan.

Như bệnh tích tụ ở trong bụng bệnh nặng thời bốn chân tay mỗi một không cử động được, khác nào người ăn no quá mà lại thấy mệt mỏi, nếu cho là hư chứng mà dùng thuốc bổ thời bệnh lại thêm ra, vì thế, cổ thư có nói : « Chứng dương tựa như âm, nên ôn bổ thời thêm hại. »



Người tỳ-vị hư yếu, bệnh nặng thời chương đầy, ăn không lọt vào, khí mất và đại-tiện bế, cũng như người đói quá lại không thiết đến ăn, nếu cho lắm là thực chứng mà công phạt thời chết oan. Vì thế, cổ thư còn nói: « Chứng âm mà tựa như dương, nếu dùng thuốc thanh-lương tất chết ».

Người làm thuốc giữ tính mạng cho người, phải nghĩ đến 4 chữ « thêm bệnh » và « chết oan » mà sấn tốc lên mới được, tôi gặp những caung trên, chỉ đem phép chữa cho người yếu để chữa cho người khỏe chứ không đem phép chữa cho người khỏe để chữa cho người yếu, thế là làm lầm về thuốc ôn-bổ, chứ không để lầm về thuốc hàn-lương, vì thêm bệnh còn cứu vãn được, còn chết oan thời không lấy lại được.

Chương 5 — Cách ngón : Tỳ (lá lách) hư yếu thời thành chứng tả ; Vị (dạ-dày) hư yếu thời thành chứng thổ.

Tạng tỳ chủ vận hóa, vị là dạ-dày chủ về chứa lấy. một khi tỳ hư thời không phân biệt được đại, tiểu-tiện mà thành chứng tả; vị hư thời sức chứa lại bị yếu, nên ngăn cách thức ăn mà thành chứng thổ. Nhưng câu trên là chỉ nói đại khái, cũng có người vì nhiệt uất mà đi tả, có người vì nước đình lại mà đi tả, có người vì thận hư không tàng vớt được mà đi tả, có người vì hỏa ở mệnh-môn hư yếu không nung nấu được thức ăn mà đi tả, như vậy thời chứng tả không những là tỳ hư. Có người vì cuồng dạ-dày yếu mà thổ, có người vì phiên vị (1) mà thổ, có người vì có hỏa nên không lọt thức ăn mà thổ, có người vì không hỏa mà ăn vào lại thổ, như thế



thì chứng thờ không cứ là vị hư. Người làm thuốc phải phân tách cho kỹ

Chú giải: 1) Phiên-vị là dạ-dày không lọt thức ăn xuống mà thờ ra.

Chương 6 — Cách ngôn: Chứng vị hư thời sợ rét, chứng tý hư thời phát sốt.

Vị (dạ dày) là vệ, là khí, là dương, dương hư thời âm lấn đi mà sợ rét; Tý (lá lách) là vinh, là huyết, là âm, âm hư thời dương lấn đi mà phát sốt.

Chương 7. — Cách ngôn: Ở dưới hư yếu thời lạnh chân tay (quyết), ở trên hư yếu thời mờ-choáng (huyễn).

Trên là dương, dưới là âm, âm hư thời dương làm rối loạn địa vị của âm, âm phải dương đoạt đi mới thành ra chứng « quyết »; Dương hư thời âm lấn vào địa vị của dương, dương phải âm làm nhiễu loạn nên thành ra chứng « huyễn ».

Chương 8. — Cách ngôn: Chứng thực thời thiêm-ngữ (nói nhỏ), chứng hư thời trịnh-thanh (nói nhỏ không liên tục)

Chứng thiêm-ngữ hay trịnh-thanh, đều bởi nhiệt làm nhiễu-loạn, nhưng có phân ra hư, thực, bởi tâm hỏa là thực nhiệt, bởi thận hỏa là hư nhiệt. Thiêm-ngữ là nói to và dài lại lẫn lộn không có đầu đuôi; Trịnh-thanh là nói nhỏ và ngắn, lại tiếng nói không tiếp tục, có khi nói không ra cổ họng.



Chương 9 — Cách ngón : Bệnh ở vị nhiều chứng thực, bệnh ở tý nhiều chứng hư.

Bệnh ở vị phần nhiều bởi đình tích, nên uống thuốc tiêu đi cho khỏi ứng trệ ; Bệnh ở tý phần nhiều bởi không chuyển vận được, nên uống thuốc bồi bổ, để giúp cho sự vận hành. Hơn nữa, dạ dày thuộc về dương mà chủ khí, tý thuộc về âm mà chủ huyết, dương bệnh dễ thành ra thực chứng, âm bệnh dễ thành ra hư chứng.

Chương 10. — Cách ngón : Chứng nhức đầu là ở trên thực, chứng váng đầu là ở trên hư.

Chứng nhức đầu (tầu-thống) phần nhiều bởi phong hàn ở ngoài lấn vào mà hỏa nổi lên trên, chứng đầu choáng váng (đầu-buyển) bởi dương không có chủ, âm hỏa bốc lên, nên về chứng nhức đầu, thời chữa về tà ở ngoài biểu mà thanh đi ; Về chứng váng đầu, thời giúp dương khí để nén chân âm.

Chương 11 — Cách ngón : Người đời nay nhiều hư chứng mà ít thực chứng, vì thế bệnh thọt hàn mà giả nhiệt thời rất nhiều, bệnh thực nhiệt mà giả hàn chỉ thấy số ít.

Càng về đời sau thời khí trời càng suy, người ta bầm sinh không được mạnh mẽ, thử xem những phương thuốc đời xưa lập ra, phần nhiều dụng công phát, như những bài Ma-hoàng, bài Thừa-khí. Đời trung cổ đời ra bài thuốc Sâm-lô, bài thuốc nhân-sâm đại-độc. Đến Ông Đông-Viên lập ra bài Bô-Trung Ích-Khí, bài Nhân-sâm dưỡng-minh, đều được công



hiện, như thế đủ biết là lúc bầm sinh mạnh thời thu bệnh phần nhiều là thực chứng, lúc bầm sinh yếu thời thu bệnh phần nhiều là hư chứng.

Chương 12. — Cách ngón : Chứng hư thời hai gò má (lưỡng quyền) đỏ lên, đó là âm hư ở dưới mà đầy dương lên trên

Gò má bên trái thuộc về tạng can, bên phải thuộc về tạng phế, đều nối về nao tiền dương khí, nếu âm hư ở dưới thời không giữ được dương khí, âm phược đã trừu thời sắc hiện lên đỏ má. Ông Trọng-Cánh có nói : Mặt đỏ là cương đem dương trở lên, tức là nghĩa ấy.

Chương 13 — Cách ngón : Chứng bệnh nào ăn vào thấy tạm yên, tức là chứng hư yếu.

Các bệnh chứng đều gốc ở vị-khí (khí của dạ dày), ngũ-tạng lục-phủ (thượng-tiêu, trung-tiêu, hạ-tiêu, bàng-quang, tiểu-tràg, đại-trang), đều được dạ-dầy đem thức ăn uống để giúp đỡ, nếu dạ-dầy yếu thời 12 kinh đều yếu. Vì thế các chứng bệnh nếu được ăn mà tạm yên là ở trong hư yếu (nội-hư). Ngoài trừ những chứng ngoại cảm.

Chương 14. — Cách ngón : Bệnh ở ngoài đem đến phần nhiều là hữu-dư, bệnh ở trong phát ra phần nhiều là bất-túc

Những bệnh ở ngoài đem đến là tà-khí của lục-dâm (gió, rét, nắng, ẩm, táo và lửa) nhân chính khí trong người hư yếu mà lưu lại, nếu không trừ được thời thành ra thực chứng, những chứng ấy phần nhiều là dư ra (hữu dư).



Chứng bệnh từ trong phát ra là bởi thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) và bởi khó nhọc hay bởi ăn uống, nhân tình huyết suy tổn, tạng người hư yếu thời bệnh càng nặng, những bệnh ấy phần nhiều là bất tức.

Chương 15.— Cách-ngôn : Bệnh bởi ăn uống là hữu dư, bệnh bởi khó nhọc là bất tức.

Những chứng bởi ăn uống quá độ hay ăn lầm thức sống thức lạnh mà đình trệ tức là hữu dư, bệnh nhẹ thời tiêu đi, bệnh nặng thời dùng thuốc công hay hạ. Nếu bởi dạ dày hư mà không chứa được, bởi tạng tỳ hư mà không vận hóa được, thế là nội-nhân mà khác với chứng ngoại-nhân kể ở trên, thì lại là chứng bất tức ở trong chứng hữu dư.

Những chứng bởi mang nặng hay đi xa và bị mưa nắng, hoặc làm việc nhiều mà bị cảm, lâu dần thành ra chứng bất tức, nếu nhẹ thời dùng thuốc để phát tán, nặng thời dùng thuốc thanh giải. Nếu vì thất tình mà hại đến tạng tâm hay tình huyết ở tạng thận bị hao, thế là lao tâm mà khác với những chứng lao lực kể ở trên, thì lại là những chứng bất tức ở trong chứng bất tức.

Chương 16.— Cách ngôn : Bệnh hữu dư là dương-chứng là khách bệnh ; bệnh bất tức là âm-chứng là chủ bệnh.

Chứng bạo bệnh là dương, bệnh đã lâu là âm, bệnh ở ngoài biểu là dương, bệnh ở trong lý và âm.



Thực chứng là khách, hư chứng là chủ, bệnh chỉ tiết ra là khách (tiêu bệnh), gốc bệnh (là chủ).

Chương 17. — Cách ngôn : Người khỏe không có chứng tích-tụ, nếu có những chứng ấy là người hư yếu.

Nguyên khí của người đầy đủ thời khí âm hòa bình, khí dương vít lại, vinh huyết và vệ khí thư thái, tà của gió độc không thể lấn vào được. Tỳ-vị chưa và vận hóa thời không thể đình tích được, như thế là người khỏe thời không có chứng tích-tụ.

Chỉ có người tỳ-vị không vận chuyển được mà đờm, hay thức ăn cùng huyết xã ngưng kết lại, mới thành ra chứng tích, như thế chẳng phải là hư yếu mà thành chứng tích-tụ hay sao? Người chữa không tìm đến nguồn gốc mà chỉ dùng thuốc để phá tích, tiêu tích thì không thể được.

Chương 18. — Cách-ngôn : Chứng sũng là thực bởi ở huyết chứng phù là hư bởi ở khí.

Ta thường nói là chứng phù sũng, nhưng có phân biệt, chứng sũng thời da thịt như thể bùn, ấn xuống không nổi lên được, chứng phù thời như nước để trong túi, ấn xuống lại nổi lên.

Nhưng chứng thực là tà thủy (ước xấn) đã thành thực chứng, còn hư là nguyên khí hư yếu. Vì thế chữa chứng ấy phải giúp chính khí thời trục được tà thủy.



THIÊN TẠNG-PHỦ

(gồm 53 chương)

Chương 1. — Cách-ngôn : Tạng phế chủ về da và lông, tạng tâm chủ về huyết mạch, tạng can chủ về gân tạng tỳ chủ về cơ thể và thịt, tạng thận chủ về xương tủy.

Tạng phế thuộc hành kim, chủ về khí để bảo vệ ở ngoài, cho nên chủ về da và lông ; Tạng tâm thuộc về quẻ « ly » mà quẻ « ly » trống ở giữa tức là chân âm mà là gốc cho huyết, cho nên chủ về huyết mạch ; Tạng can thuộc hành mộc là mầm mới phát sinh, cho nên chủ về gân ; Tạng tỳ thuộc hành thổ mà đức của hành thổ là nhu, cho nên chủ về cơ thể và thịt ; Tạng thận thuộc quẻ «坎」 mà ở giữa đầy đủ, là âm mà chứa tinh khí, cho nên chủ về xương tủy.

Chương 2. — Cách ngôn : Thở ra thuộc về tạng tâm, nói thuộc về tạng can, ho thuộc về tạng phế, thở hơi thuộc về tạng thận, nuốt thuộc về tạng tỳ, thế là ngũ bệnh.

Tạng tâm thuộc hành hỏa, hỏa tức là khí, khí xuất thời thở dài để đem khí ra ; Tạng can chủ về phong về gió thuộc tương hỏa, lửa gặp gió thời động thì nói nhiều ; tạng phế chủ về khí mà khai khiếu ở cuống-họng, nếu có ngăn vướng thời không dung được mà ho ; Tạng thận



là nguồn để nạp khí vào nếu khí không về chỗ thời thở ra, thế là khí từ dưới rốn ngược trở lên ; Tạng tỳ khai khiếu ở miệng, mà dạ-dày khai khiếu ở yết hầu, vì thế chúng hay nuốt bởi ở tạng tỳ.

Chương 3.— Cách ngôn : Tạng tâm ghét nóng, tạng phế ghét lạnh, tạng can ghét gió, tạng tỳ ghét ướt, tạng thận ghét ráo, thế là « ngũ ó » (5 thứ ghét).

Nóng thời tinh thần mờ đi mà tạng tâm chứa tinh thần cho nên ghét nóng ; khi hư thời hàn, vì tạng phế chủ về khí cho nên ghét lạnh, gió làm hại chân huyết, mà tạng can chứa huyết, cho nên ghét gió ; tỳ để vận hoá, nếu ướt thời không vận hoá được nên ghét ướt ; thận chủ về tân dịch nên ưa nhuận và ghét ráo.

Chương 4.— Cách ngôn : Chân thủy thiếu thời sinh ra những chứng : 1) tạng can thiếu nuôi dưỡng mà huyết ráo, 2) thủy không về được chỗ mà sinh đờm, 3) tâm thận không tương giao mà thần sắc kém, 4) hại đến phế khí mà sinh ho đờm, 5) dương trơ vô không có chủ mà hư hỏa bốc lên.

Thận thủy đã suy kém thời không dưỡng được can-mộc nên huyết ráo. Thận thủy suy kém thời hại đến tỳ thổ nên sinh ra đờm. Tạng thận để chứa tinh, tạng tâm để chứa thần, nếu âm ở trong tạng tâm không giáng xuống mà dương trong tạng thận không thăng lên thời thần sắc phải suy kém. Phế ở hành kim mà sinh ra thận thuộc hành thủy, nên thận yếu thì hại đến phế mà sinh ra ho. Thận thủy kém là âm hư dương không có



chỗ tựa nên bốc lên mà thành hư hỏa. Nội-kinh có nói : « Gặp chứng hư yếu nên giữ lấy tạng thận », mà chứng hư lao (yếu vì khô nhớt) cũng vì hại đến cầu bản là tạng thận, như vậy đủ rõ sinh mệnh của người không ngoài ở thủy hỏa, thế mà người bày chuyện ra chứng bệnh ngũ lao, lục-cự, lại phân biệt đến 72 chứng ốm nặng, chỉ để cho người học thuốc mau mác mà vô ích.

Chương 5. — Cách ngôn : Dạ đầy mạnh thời tạng thận đầy đủ mà tinh khí vượng, dạ đầy kém thời tinh khí kém mà việc giao cấu ít đi.

Vị là nơi chứa thức ăn nống chuyển sang tạng tỳ để vận hoá rồi sang các tạng khác, nếu dạ đầy bị yếu, thời nguồn hoá sinh suy kém. Cổ thư có nói : « Tinh huyết phải nhờ đến tỳ vị ở hậu-thiên » (sau khi thành hình).

Chương 6. — Cách ngôn : Âm ở tạng thận yếu thời tinh không chứa được, dương ở tạng can mạnh thời khí không giữ được.

Tạng thận chủ về chứa lại, tạng can chủ về vơi đi. Chứa lại được là nhờ ở khí âm yên tĩnh, vơi đi được là nhờ ở khí dương vận động. Nay âm hư nên không chứa được tinh, mà dương cường thời không giữ lại được.

Chương 7. — Cách-ngôn : Tỳ vị không điều hoà thời nằm không được yên.

Tỳ vị chủ về tư chi, mà tỳ sinh ra huyết, tỳ hư thời không sinh được huyết, huyết không đủ để chứa ở tạng can cho nên nằm không được yên.



Chương 8.— Cách ngôn : Tỳ là căn bản cho ngũ tạng, thận là hoá nguyên (nguồn để hoá ra) cho ngũ tạng.

Thận là tiên-thiên (trước khi thành hình) mà tỳ là hậu thiên. Cỗ thư có nói : « Bồ tạng tỳ không bằng bồ cho tạng thận », lại nói : « bồ cho tạng thận không bằng bồ cho tạng tỳ ». Tôi cũng bàn rằng có lúc bồ tỳ không bằng bồ thận, có lúc bồ thận không bằng bồ tỳ. Đều là lẽ chữa bệnh phải trong cả tỳ và thận.

Chương 9.— Cách ngôn : Công việc của tạng thận đều tóm ở mệnh môn. Mệnh-môn là cửa để lập ra sinh mệnh.

Mệnh môn ở giữa hai quả thận, bên tả là chân thủy, bên hữu là chân hỏa, để giữ cho âm dương, là chủ cho tam tiêu (thượng, trung, hạ tiêu), là nguồn cho 12 mạch, là gốc cho ngũ tạng, lục phủ.

Chương 10. — Cách-ngôn : Tạng tâm, tạng thận không tương giao, thời tinh thần tán đi mà thành chứng « quyết-ngịch » (bàn chân, bàn tay giá lạnh).

Tạng tâm thuộc về quả « ly », mà chân âm ở quả « ly » giáng xuống ; tạng thận thuộc quả «坎», mà chân dương trong quả «坎» thăng lên, thế là thủy hỏa tương giao với nhau mà là quả « Kỳ-tế » trong kinh dịch, như thế thời vô bệnh. Trái lại hỏa ở trên, thủy ở dưới, không tương giao với nhau, là quả « Vị-tế » trong kinh dịch, vị-tế là chưa giúp được nhau thời tinh thần ly tán, trong dương không có âm, trong âm không có dương, nên thành chứng quyết nghịch.



Chương 11.— Cách ngôn : Mệnh môn là nơi của tinh huyết, tỳ vị là nơi của thức ăn uống.

Mệnh-môn ở giữa hai quả thận. Tinh hoa của ngũ tạng đều về tới tạng thận. Cổ thư có nói . « Tạng thận là chỗ đở hội để chứa tinh », vì thế tạng thận là nơi của tinh huyết.

Thức ăn uống vào dạ dày. Tạng tỳ vận hóa mà chuyển đi ngũ tạng, vì thế dạ dày là nơi của Thủy cốc (uống và ăn).

Chương 12.— Cách-ngôn : Tạng thận là cổng cho dạ dày, là cổng để giữ gìn cho cả thân người.

Tạng thận chủ về chứa và giữ lại. Nội-kinh có nói « sắc đen ở phương Bắc thông vào tạng thận, mở khiếu ở nhị âm » (1). Dạ dày đựng thức ăn uống khi đến ruột non thời phân biệt ra nước tiểu vào bàng quang, thức ăn vào đại tràng, rồi ra ở nhị-âm, thế là thức ăn uống thông hay bị đờn nhờ ở tương-hỏa của hạ tiêu cho nên nói « quả thận là cổng cho dạ dày và là cổng để giữ cho cả thân người. »

Chú giải . 1) nhị âm : chỗ đi tiểu và đi cầu.

Chương 13 — Cách ngôn : Tạng tâm giết động mà sợ hãi không yên, là khí không về tinh :

Tạng phế chủ về khí, tạng thận để chứa tinh, tạng phế xuất khí ra, tạng thận để nạp khí vào, còn tạng tâm để tóm huyết lại mà chứa tinh thần. Huyết sinh ra



tinh, tinh sinh ra khí, khí sinh ra thần. Nếu khí không chứa về tạng thận, thời tinh-huyết thần-khí đều có bệnh, nên tạng tâm sợ hãi không được yên.

Chương 14. — Cách ngôn : Tạng thận chỗ về thủy, nhận tinh hoa của ngũ tạng, lục phủ mà chứa lại.

Ngũ tạng, lục phủ đều có tinh hoa, đầy đủ thời chứa về tạng thận. Cổ thư có nói: « Tinh hoa ấy đầy đủ mà không gian giữa ». Cho nên ngũ tạng có đầy đủ mới nên vui đi.

Chương 15. — Cách ngôn : Dạ dày là nơi chứa của thủy-cốc, là nguồn lớn cho lục phủ.

Thức ăn nóng đều chứa về dạ dày, rồi lục phủ nhận đầy để thấm ra cơ thể, vì thế dạ-dày là nguồn lớn của lục phủ.

Chương 16. — Cách ngôn : Tạng thận yếu thời không tiêu hoá được thức ăn ví như thủy cốc ở trong nồi, mà ở dưới không có lửa thời lấy gì chín được.

Dạ dày đựng thức ăn nóng ở trung-tiên, phải nhờ tương hỏa ở hạ-tiên để nung nấu cho chín, ví như lửa để đun nồi có đựng thức ăn nóng. Cổ thư có nói: « Kinh Túc-Thái-Âm là tỳ-thở mà hư yếu thời nên bổ tương-hỏa ở Kinh Túc-Thiếu-Âm, ở tạng thận để sinh ra; hết thấy những chứng muốn ăn mà không ăn được, hay là ăn được mà không tiêu hóa, đều là mệnh môn hỏa suy.



Chương 17. — Cách ngôn : Tạng thận giữ việc chứa lại, tạng can giữ việc vơi đi.

Tạng thận theo về thời-lệnh mùa đông, nhất-dương (tháng 11) còn ngấm ngấm mà chứa lại, tạng can thuộc hành mộc là gió, vì như thời-lệnh mùa xuân. Tam-dương đã sinh (tam dương tháng giêng) mà vơi đi.

Chương 18. — Cách ngôn : Dạ-dày hàn nhiều thời oẹ (uế), nhiệt nhiều thời sợ.

Trong dạ-dày không có hỏa. thời lấy gì để nạp được, vì thế ngăn cách lên mà oẹ. Nếu trong dạ-dày có hỏa thời bại đến thận khí, hỏa đã thịnh thời lý thổ vượng mà khắc chân thủy. Tạng thận chủ về sợ, vì thế mà sinh ra sợ.

Chương 19 — Cách ngôn : Tà khí ở tạng phế thịnh thời co lại mà không nằm nghiêng được.

Lá phổi (phế) buồng trở xuống, nếu tà hỏa cảm vào, thời co lại mà theo hỏa bốc lên, lá phổi cũng lên, đã cong lên thời khí ở thiên-trung co vít lại, nắn nắn giữa thời khí mới tản ra, nên không nằm nghiêng được.

Chương 20. — Cách ngôn : Tạng tỳ là tổ cho thân người, là nguồn cho trăm mạch, nên tạng tỳ thụ bệnh thời 12 kinh đều thụ bệnh.

Tỳ vị là nơi chứa thức ăn uống, là hoá nguyên của hậu-thiên, ngũ tạng, lục phủ đều nhận sự thấm nhuần của tỳ vị, thật là tạo hoá ở trong thân người.



Chương 21. — Cách ngôn : Dạ-dây là nguồn của vệ khí, tỳ là gốc của vinh huyết.

Dạ-dây chủ về dương khí hậu-thiên, tỳ chủ về âm huyết của hậu-thiên, cho nên thanh khí của thức ăn nóng là vinh huyết, hãn-khí của thức ăn nóng (chỉ để ngấm lại) là vệ khí. Vệ thuộc về dương chủ về khí, vinh thuộc về âm chủ về huyết.

Chương 22. — Cách ngôn : Tạng tỳ ưa ráo mà ghét ướt, dạ-dây ưa ướt mà ghét ráo.

Tỳ thuộc về kinh Thái-âm, là kỷ-âm-thở mà ưa ráo ; Vị thuộc Kinh Dương-Minh là mậu-dương-thở mà ghét ráo, nên chỉ biết dùng vị thuốc cay thơm (tán hương) để mại cho tạng tỳ, thời lá lách lại khô ráo mà thành ra chướng quan-cách.

Chú giải : Âm của tạng tỳ thuộc về lý trong 10 can. Dương của dạ-dây thuộc về mậu trong 10 can. Cho nên gọi là kỷ-âm-thở, mậu-dương-thở cũng là hành thổ nhưng âm dương khác nhau.

Chương 23 — Cách ngôn : Dạ-dây tóm giữ cả lục phủ, tạng tâm là chủ tổ cho thần-minh.

Dạ-dây là dương khí của hậu-thiên, lục phủ đều là dương nên dạ-dây tóm giữ cả, hơn nữa tạng phủ đều chịu được khí của dạ-dây.

Tạng tâm là quân-hóa mà chứa tinh-thần, cho nên làm chủ-lễ cho thần minh.



Chương 24. — Cách ngôn : Hỏa của tạng can dư ra là vì âm của tạng thận không đầy đủ.

Tạng can có lồi-hỏa (hỏa long lô:) tạng thận có chân-thủy, thủy không chế được hỏa, là vì thủy không đầy đủ. Bởi ở can hỏa dư ra. Vì tác sách cổ có nói : « Can và thận cũng chứa với nhau. »

Chương 25. — Cách ngôn : Tạng tâm là chủ cho tiếng nói, tạng phế là cửa cho tiếng nói, tạng thận là gốc cho tiếng nói.

Tạng tâm thuộc về hỏa, hỏa tức là khí, có khí mới thành ra tiếng, và lại lưỡi là ngọn của qua tâm (tâm miêu) tiếng nói mạnh hay yếu là sức của tạng tâm, vì thế là chủ cho tiếng nói.

Tạng phế thuộc hành kim, hành kim không vương gì, thời có tiếng kêu, và lại tạng phế ở thượng-niên, chủ về thở ra, vì thế là cửa cho thanh âm.

Tạng thận chủ về giữ lại ở hạ-niên, mà nạp khí vào, vì thế là gốc cho thanh âm.

Chương 26. — Cách ngôn : Phế chủ về khí, khí nghịch lên thời ho; thận chủ về thủy, thủy đánh lên thời có đờm.

Tạng phế chủ về khí, khí thuận thời có tiết độ, khí nghịch thời ho hay suyễn, tạng thận chủ về thủy, nếu thủy suy yếu thời không sinh được huyết mà lại sinh ra đờm.



Chương 27.— Cách ngôn : Tạng tâm vốn nhiệt, nếu hư yếu thời hàn ; Tạng thận vốn hàn nếu hư yếu thời nhiệt.

Tạng tâm thuộc hành hỏa, nếu hỏa hư yếu thời thủy lấn đi mà là hàn. Tạng thận thuộc hành thủy, nếu thủy hư thời hỏa bốc lên mà thành nhiệt.

Chương 28.— Cách ngôn : Da-dây đầy đủ thời vệ khí cũng đầy đủ.

Da-dây là dương khí của hậu thiên, là gốc cho vệ khí, Nội-kinh còn nói : « Da-dây được khí ngũ cốc thời mạnh, khí ngũ cốc đầy đủ thời vệ khí cũng đầy đủ. »

Chương 29 — Cách ngôn : Tạng tâm để biết việc về sau, tạng thận để nhớ việc đã qua, nếu chúng bệnh hay quên, đều bởi tạng tâm, tạng thận không tương giao với nhau.

Tạng tâm để chứa tinh thần chủ về khôn biết, cho nên biết được việc tương lai. Nhưng cũng bởi Âm-tính của tạng thận dương nuôi trở lên. Tạng thận chứa được chí, nên ghi nhớ được những việc đã qua, nhưng tạng thận được mạnh cũng bởi Âm tính của tạng tâm giao trở xuống, những người khỏe mạnh như thường mà hay quên, cũng vì lẽ thủy hỏa không tương giao với nhau.

Chương 30.— Cách ngôn : Tạng phế là chức giữ của mọi khí, tỷ vị là nơi của hóa-nguyên (nguồn sinh hóa).



Tạng phế chủ về khí của thân người, là tổ khí cho tiên-nhiên, là sinh khí của hậu-thiên, hết thấy khí của dạ-dày (vị khí). khí để bảo vệ của doanh huyết (doanh-khí) và khí để chủ cho người (tôn-khí), đều do tạng phế tóm giữ.

Dạ-dày là nơi chứa thủy cốc, mọi phở tạng đều nhờ sự thấm nhuần của dạ dày, rồi sinh huyết, sinh tinh, sinh khí, sinh thần.

Chương 31. — Cách ngôn : Tạng thận là nơi để chứa tinh, mà chịu mệnh lệnh của thiên-quân (tạng tâm).

Thận là nơi chứa tinh huyết, ngũ tạng đầy đủ, thời thân gop về tạng thận, nhưng vì tạng tâm là quân hỏa, tạng thận là tướng hỏa, tướng hỏa phải chịu mệnh lệnh của quân hỏa.

Chương 32 — Cách ngôn : Dạ dày ưa uống nước mát mà ghét nóng; Ruột (tràng) ưa uống nóng mà ghét lạnh.

Dạ-dày vốn ôn mà ghét ráo nên ưa mát. Ruột chủ về phân biệt nước tiểu và thức ăn, có khí nóng mới hóa đi mà thấm ra được, nên ghét lạnh.

Chương 33. — Cách ngôn : Dạ-dày là con của nguyên-dương.

Theo lý ngũ hành, thời hành Thổ ký sinh ở hành Hỏa.

Nguyên-dương là Kinh Thủ-Thiếu-Âm tức là quân hỏa của hậu-thiên, vậy Kinh Tác-dương-mệnh là dạ-dày thuộc hành thổ là con đẻ của hành hỏa. Còn kinh Tác-Thai-



Âm là lý thổ lại bởi tiên thiên, do Kinh Túc-Thiếu-Âm tương-hỏa sinh ra, vì thế vị thổ hư thời bổ tâm hỏa, mà lý thổ hư thời bổ thận hỏa.

Chương 34. — Cách-ngôn : Tạng tâm nóng thời miệng đắng, tạng can nóng thời miệng chua, tạng tỳ nóng thời miệng ngọt, tạng phế nóng thời miệng cay, tạng thận nóng thời miệng mặn, dạ dày nóng thời miệng nhọt.

Năm vị ăn thuộc về ngũ hành, mà đơng về ngũ tạng, ngũ tạng đều bẩm khí ở dạ-dày, mà dạ-dày khai khiến ở miệng nên xem bệnh mà biết ở tạng nào.

Chương 35 — Cách-ngôn : Tạng tỳ là máy cho hóa-nguyên, mà tóm cả vinh huyết.

Tạng tỳ là âm khí của hậu-thiên, nhờ khí của thức ăn uống mà sinh ra huyết, nên huyết gốc ở tạng tỳ, huyết sinh ra tinh, tinh sinh ra khí, khí sinh ra thần, nên tạng tỳ là máy của hóa nguyên (nguyên khí để hóa sinh) mà là gốc cho vinh huyết.

Chương 36. — Cách ngôn : Tạng tâm tạng phế yếu thời tinh-thần suy, tạng can tạng thận yếu thời hình hài bại, tỳ vị kém thời ăn uống không sinh ra khí huyết

Tạng tâm để chứa thần, mà tạng phế chủ về khí, khí sinh ra thần, vì thế tâm phế kém thời thần suy.

Tạng can chủ về gân, tạng thận chủ về xương, tạng



can chứa huyết, tạng thận chứa tinh, cho nên tinh hư thời bình bại bại.

Thức ăn nóng vào dạ dày, rồi vào tạng tỳ, mà tản tinh sang tạng can, tạng can để chứa huyết, nên tỳ vị yếu thời không hóa được khí huyết.

Chương 37. – Cách ngôn : Khí của dạ dày nóng thì tiêu thức ăn mạnh mà chóng đói; vị khí bốc trở lên thì dạ dày lạnh mà không muốn ăn.

Dạ-dày vốn ướt mà ghét ráo, nên gặp hỏa là (là-khi của hỏa) thời ráo quá, một khi nóng thời dễ tiêu thức ăn mà chóng đói, thành bệnh *sát-cốc* (sát thức ăn). Cũng gọi là bệnh *liêu chung* (ở trung-tiều dễ tiêu hóa quá).

Dạ-dày để chứa thức ăn nóng, nên gặp hàn-tà thời quá lạnh mà khí bốc ngược lên, vì thế không muốn ăn, cổ thư có nói « Dạ-dày vì nhiệt mà ọc có ít, vì hàn mà ọc rất nhiều ».

Chương 38. – Cách ngôn : Khí của dạ-dày ngược lên thời ọc ra nước đắng (ầu khổ).

Nội-kinh có nói : « Vị nhiệt thời mồm nhạt », nhưng nếu vị-khi hàn thời không chứa được thức ăn, ngược trở lên mà ọc, hàn thời vị ẩn hóa ra đắng nên ọc ra nước đắng.

Chương 39. – Cách ngôn : Bệnh ở một (đảm) thời hay thở dài.

Thở dài là khí chứa lại mà muốn cho tản đi, vì thế lo buồn thời khí uất, uất thời hay thở dài. Chứng uất



thời bại gan, gan và mật tương thông với nhau, nên gan thụ bệnh thời mật cũng thụ bệnh.

Chương 40.— Cách ngôn : Thở là nguồn gốc cho vạn vật, dạ-dày là chủ để dưỡng sinh.

Kinh Dịch có nói : « Quý lâm thay ; Đở nguyên của quả khôn, mà khôn là thở, thể là vạn vật sinh ra đều gốc ở tỷ-thở. Dạ-dày chứa thức ăn uống, rồi thẩm nhuận ra tạng phủ cơ nhục, vì thế là chủ để dưỡng sinh,

Chương 41.— Cách ngôn : Khí đen ở phương Bắc, về ngũ tạng thời là tạng thận, mà tạng thận khai khiếu ở tai ; khí đỏ ở phương Nam thông vào tạng tâm cũng khai khiếu ở tai.

Tạng thận thuộc quả « khảm », mà quả « khảm » ứng về phương Bắc ; Tạng tâm thuộc quả « ly » ứng về phương Nam. Tâm và Thận đều khai khiếu ở tai, riêng đồng tử thuộc tạng thận mà chủ-trương ở tạng tâm, nên nghe rõ mà trông tỏ, vì thế tạng tâm là chủ cho thần minh.

Chương 42 — Cách ngôn : Tạng tâm thụ thương thời tinh thần mất mà chết.

Tinh, khí, và thần là 3 thứ báu cho người, mà tạng tâm để chứa thần, quân chủ cho cả thân người. Nội-kinh có nói : « Quân-chủ không tỏ thời 12 bộ đều nguy », cho nên ngoài tạng tâm có bảo-lạc (màng dây) làm thành quách mà tà-khí không vào được, chứng bệnh tâm thống là chỉ đau ở tâm-bảo-lạc. Nếu thực tạng tâm bị đau thời sáng phát bệnh mà chiều chết, vì tạng tâm thụ thương.



thời thần minh không có chủ mà tính khí mất.

Chương 43.— Cách ngôn : Tạng tâm là quân-hỏa, tạng thận là tướng-hỏa nên tạng thận ứng với tạng tâm.

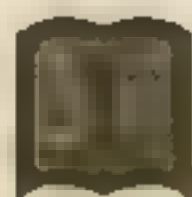
Nội-kinh có nói : « Quân-hỏa có tỏ thời tướng-hỏa mới yên được địa vị », mà tướng-hỏa vẫn làm việc cho quân-hỏa, khí của tâm và thận vẫn tương giao với nhau. Cổ thư có nói : « Quân-hỏa đông dờ thời tướng-hỏa cũng bốc lên. »

Chương 44.— Cách ngôn : Chứng đi tiểu-tiện còn sót lại (di niệu), hay là bế vít (lưng bế) đều là bệnh ở tạng can

Tạng can chủ về gân, mà ngọc-bàn là gân lớn (tôn-cân), vả lại tạng can chủ về vợ đi, vì thổ đi tiểu-tiện rớt lại là can khí vượng, còn chứng bế vít thời là can huyết hư, phép chữa dùng bài tứ-vật thêm vị sơn-sĩ là vì thổ.

Chương 45.— Cách ngôn : Khí của tạng thận hư, thời khí của tạng tỳ cũng yếu ; Khí của tạng tỳ yếu thời khí của tạng thận cũng hư. Vì sinh khí của tạng tỳ chủ ở tổ-khí của tạng thận.

Cổ thư có nói : « Thận là nơi của tinh huyết, tỳ-vị là nơi của thức ăn nóng, tương-hỏa của tạng thận ngày đêm đi ngầm trong thận thể để nung nấu thức ăn nóng, vì tiên-thiên là thận, mà hậu thiên là tỳ vị, tương quan với nhau.



Chương 46. — Cách ngôn : Tạng tâm chủ về khôn biết, tạng phế chủ về nạp khí, tạng can chủ về vợ đi, tạng tỳ chủ về vận hoá.

Theo câu cách ngôn kể trên, thời không nói đến tạng thận là lẽ làm sao ? vì tạng thận là gốc cả tạng phủ không phải riêng về một việc, bốn tạng kia đều nhờ đến tạng thận.

Chương 47. — Cách ngôn : Tâm và Thận làm căn bản lẫn cho nhau, âm và dương sử dụng lẫn đến nhau.

Tạng tâm thuộc quẻ « ly » quẻ Ly ở giữa rộng tức là chân âm mà giao trở xuống ; Tạng thận thuộc quẻ «坎» tức là chân dương mà phụng sự trở lên. Trong âm phải có dương, trong dương phải có âm.

Chương 48 — Cách ngôn : Tạng tâm khó nhọc thời hại chân huyết, tạng thận khó nhọc thời tổn tinh khí

Nghĩ ngợi quá thời hại chân huyết, sắc dục quá thời hại tinh khí Hơn nữa, tạng tâm biết việc gì về sau, tạng thận nhớ việc đã qua. Nếu quá khó nhọc thời đều bị tổn hại.

Chương 49. — Cách-ngôn : Năm hành đều thuộc hành Thổ, muôn vật đều về tạng Tỳ.

Kim, mộc, thủy, hỏa đều lấy ở dưới đất, nên trong bốn mùa hành thổ ở về những tháng cuối mùa. Tạng phủ được sinh hóa bất thấy phải nhờ ở tạng tỳ.



Chương 50.— Cách ngôn : Đói quá như kho tàng trống không, thời hại đến vị khí; No quá mà vận hoá không kịp thời hại đến tạng tỳ.

Đói quá, no quá đều làm nên bệnh, tỳ vị chủ về bốn chân tay (tứ chi) nên no hay đói chân tay rời rạc.

Người ta lấy tỳ vị làm gốc, là máy sinh hóa của hậu thiên, nên chữa bệnh phải xem đến vị khí (khí của dạ dày), nếu vị khí không hại thời không lo ngại gì. Bệnh đến khí vong dương, chỉ dùng sâm truật và phụ tử mới có thể cứu vãn được, nên tôi có bàn đến bổ thận không bằng bổ tỳ. Những vị thuốc ấy đều là bổ cho vị khí.

Chương 51.— Cách-ngôn : Mọi chứng bệnh đều sinh ở tạng tâm, mà gốc ở tạng thận.

Chứng nội thương về thất tình là : Mừng, giận, thương vui, yêu, ghét, muốn, là bởi tạng tâm. Nhưng ngũ tạng tổn hại về sau đều đến tạng thận, vì tạng thận là nơi của chân-âm chân-dương.

Chương 52.— Cách-ngôn : Lưng và cạnh sườn đau là can và thận hư yếu, xương cốt đau là âm của tạng thận suy kém.

Lưng và cạnh sườn thuộc can, mà thận chủ về xương.

Chương 53.— Cách ngôn : Tỳ-thở không có hoá thời không sinh hoá được, nên tạng tỳ ưa ráo mà ghét thấp khí.

Tỳ thờ ở về trung-tiên được khô ráo thời mạnh, mà gặp ẩm ướt thời sinh bệnh.



Y HẢI CẦU NGUYÊN

tập Trọng

THIÊN BỆNH-CƠ (gốc bệnh)
(gồm 139 chương)

Chương 1.— Cách ngôn : Người lúc mới sinh ra nhờ ở tinh huyết, khi đã sinh thời nhờ ở thức ăn uống.

Mệnh-môn ở giữa hai quả thận, chứa tinh cho đàn ông hay giữ bào thai cho đàn bà, người ta mới sinh nhờ ở tinh huyết ở cha mẹ, cho nên tinh huyết là gốc để lập mệnh.

Sau khi thành người, thời nhờ khí của thức ăn uống và hậu thiên.

Chương 2.— Cách-ngôn : Nơi tinh huyết lại nhờ đến hậu-thiên, nơi chứa thức ăn uống lại nhờ đến tiền-thiên.

Tý vị phải nhờ chân-hỏa (là khí nóng) ở giữa hai quả thận để đun chín thức ăn, cho nên cổ thư có nói : « Muốn bỏ tý thổ về kinh thái-âm, thì phải bỏ tương-hỏa về kinh thiếu-dương tức là tống thận.



Những tinh huyết ở tạng thận phải nhờ đến ăn uống cho nên cổ thư có nói : « Tỳ vị có mạnh tạng thận mới đầy đủ ».

Chương 3. — Cách ngôn : Chứng thương phong (cảm gió) phần nhiều thành ra thổ tả, vì can-mộc hay khắc tỳ-thổ.

Nội-kinh có nói : « Tạng can dễ cảm gió độc, cảm gió độc thời can mộc cường mà khắc tỳ thổ, dạ-dày yếu thời không nạp dưỡng mà thổ, tạng tỳ yếu thời không vận hóa được mà tả ».

Chương 4. — Cách-ngôn : Chứng ốm rồi mất tiếng (thất thanh) là bởi tạng thận kém đi.

Tạng thận là gốc của tiếng nói, người yếu rồi kinh huyết thiếu căn bản thụ thương nên mất tiếng :

Chương 5. — Cách ngôn : Chứng đầy bụng là tỳ hư yếu ; Chứng nhiều đờm là khí của tạng tỳ không vận hóa ; Chứng đầu ngón tay tê là khí của tạng tỳ không chu lưu.

Tạng tỳ không hóa được thức ăn nên trong bụng đầy. Khí của tạng tỳ không vận hóa được thời ngưng trệ mà thành đờm. Bốn chân tay thuộc tạng tỳ, dương của tạng tỳ chủ về khí, âm của tạng tỳ chủ về huyết, khí huyết không chu lưu đều nên đầu ngón tay chân tê. Chứng tê ấy không nên dùng vị chỉ-xác, sơn-tra, mạch-nha, thần-khúc, mà nên dùng bài bổ trung ích khí thêm vị bán-hạ, phục-linh rất thần hiệu.



Chương 6 — Cách ngôn: Gần sáng có nhiều đờm là chứng tỳ hư không vận hóa được.

Sau nửa đêm thời khí dương mới sinh, các mạch hội hợp ở tạng phế nay tạng tỳ yếu không giữ được đờm dải, mới tràn vào tạng phế, cho nên gần sáng ra đờm nhiều.

Chương 7.— Cách ngôn : Thức ăn không lọt vào được là có hỏa; Thức ăn đã lọt vào lại nôn ra là không có hỏa.

Nấu thức ăn xuống cổ họng là nôn ngay tức là không lọt vào được, chứng ấy do trong dạ-dây có hỏa ngăn lại. Nội-kinh còn nói các chứng oẹ ngược lên đều thuộc về hỏa, là lẽ ấy.

Còn chứng ăn vào lại nôn ra, là thức ăn đã lọt vào nhưng không để được lâu, một lát lại nôn ra, chứng ấy bởi hỏa ở mệnh-môn suy kém không có sức nung nấu thức ăn để giúp cho tỳ, vị.

Chương 8.— Cách-ngôn : Chứng ngũ tâm phiền nóng (gan bàn chân bàn tay và mỏ-ác) là bởi hỏa của tạng tâm hãm vào trong tỳ thổ.

Tạng tỳ chủ về chân tay, tạng tâm chủ về nóng, nay trong tạng tỳ có hỏa tức là hỏa của tạng tâm đi duyên sang, vì thế ngũ tâm mới nóng. Chứng ấy nên uống bài tứ vật thêm vị hoàng-cầm, hoàng-liên.

Chương 9.— Cách ngôn : Chứng bạo bệnh chết ngay đều thuộc về hỏa, ông Đông-Viên cho là chứng khí hư.



Chứng ấy Nội-kinh cho là hỏa, Ông Đông-Viên cho là bởi ở khí, vì khí tức là hỏa. Mọi chứng bạo bệnh chết ngay là vì tráo táng đã nhiên, âm huyết suy kiệt mà dương vượng một mình, hỏa không có căn bản thời không tỏ được lâu, vì thể nguyên khí mất ngay mà chết.

Chương 10.— Cách ngôn : Chứng giống như trứng phong (loại chứng) Ông Đông-Viên cho là khí hư, Ông Hà-Giang cho là hỏa, Ông Đan-Kê cho là đờm.

Ba vị ấy nói tuy khác nhau, nhưng kỳ thực giống nhau, là vì khí hư thời hỏa không có căn bản làm cho đờm ngược lên.

Chương 11.— Cách ngôn : Người chóng đói ăn nhiều là phong mộc (tạng can) vượng quá lấn lên ở trung châu, tỳ thổ hư yếu mới cần đến sự ăn

Chóng đói là vì hỏa, can mộc thịnh thời sinh ra phong, phong giúp cho hỏa, ăn nhiều là tỳ hư tìm thức ăn để giúp vào. Cổ thư nói : người ăn khỏe mà gầy cũng là lẽ ấy.

Chương 12.— Cách ngôn : Phong là gốc cho bách bệnh, hàn là khí dữ dội. Phong tức là dương-tà, phong không đâu không đến được, nên là gốc cho bách bệnh.

Hàn là âm tà, là khí dữ dội như thời tiết mùa thu, đông. Tuy thế phong và hàn cùng một khí, vì hàn nhẹ thời là phong, phong nặng thì là hàn, ông Cảnh-Nhạc nói như vậy là phát minh lẽ bệnh mà đời trước chưa hiểu.



Chương 13.— Cách ngôn : Hàn tà ở ngoài biểu thời vít chân lông lại, cho nên người nóng mà không có mồ-hôi.

Nóng đó là khí nóng ở trong thân người bị hàn tà vít lại nên không phát ra được, rồi chỉ thấy nóng và không ghê rét.

Chương 14.— Cách ngôn : Thương thực thời ghét thức ăn, thương phong thời ghét gió, thương hàn thời ghét lạnh.

Chứng thương thực là bệnh ở lý vị cho nên ghét thức ăn. còn phong và hàn đều là khí lạnh đâu có lẽ thương-phong lại không ghét lạnh, thương hàn lại không ghét gió. Tiên hiền nói như vậy thời không hợp lẽ, vì phong hàn cùng một khí, vậy người học phải suy xét.

Chương 15.— Cách-ngôn : Tiểu tiện trong là bệnh không ở trong lý, tiểu tiện nhiều là bệnh không bởi khí.

Tà còn ở ngoài biểu thì trong lý vẫn được hòa, cho nên tiểu tiện vẫn trong.

Tạng phế chủ về khí, đều được đường thủy thông xuống bàng-quang, cho nên tiểu tiện lợi (đi được nhiều) là bệnh không bởi khí.

Chương 16.— Cách ngôn : Phong và hàn cùng một loại, phong đưa hàn lại, hàn theo phong vào cơ thể hay xương cốt, cho nên hàn nhẹ là thương phong, phong nặng là thương hàn.



Câu trên đây là Ông Cảnh-Nhạc mới phát minh, Cổ thư nói: « mạch phù và sắc » (đặt ngón tay thấy ngay mà đi vội) là thương-phong; « mạch phù và khẩn » (đặt tay thấy ngay mà mạnh) là thương hàn. Chứng thương phong tự ra mồ hôi, chứng thương hàn không có mồ hôi ». Rồi đặt ra từng bài thuốc nhất định, phép chữa chỉ lý chỉ làm loạn tai mắt cho người làm thuốc mà không có ích gì.

Chương 17.— Cách ngôn: Ngoài biểu không có hàn tà, không thành ra chứng ngược (sốt rét). Trong lý không có hàn tà, không thành ra chứng lý.

Chứng sốt rét và chứng lý chỉ bởi một căn nguyên hàn tà ở ngoài không trừ được thời thành chứng sốt rét, hàn tà ở trong lưu lại mãi thì thành chứng lý, đều bởi ở tạng tỳ. Nội-kinh nói: « Tỳ hư yếu thì phát sốt, vị (dạ-dây) hư yếu thì phát rét. » Vậy chữa chứng sốt rét và chứng lý phải đề ý đến tỳ vị, mà hàn tà chỉ là nguyên nhân phát bệnh mà thôi.

Chương 18.— Cách ngôn: Tự ra mồ-hôi là chứng dương hư, ra mồ-hôi trộm là chứng âm hư, nhưng cũng chưa nhất định như thế, phải xét là có hỏa hay không có hỏa, vì hỏa thịnh mà ra mồ-hôi là hỏa làm ráo chân âm đó là chứng âm hư, còn người không có hỏa mà mồ-hôi ra là khí ở ngoài biểu không vững, đó là chứng dương hư.

Lúc thức thời khí hành ở dương phận, lúc ngủ thời khí hành ở âm phận, dương hư thời không bảo vệ được ở ngoài mà tự ra mồ-hôi, âm hư thời thông vinh được ở trong



mà ra mồ hôi trộm, đó là phép đời xưa, còn như bằng cứ ở có hỏa hay không có hỏa để phân âm dương, thời đời trước chưa phát minh. Cổ thư còn có câu : « Ra mồ hôi trộm không chi, nếu có hỏa thời là âm không vững được, nếu không có hỏa thời là dương không vững được », cũng là lẽ ấy.

Chương 19. — Cách ngôn : Chứng ọe trước rồi mới khát là muốn giải khát ; Chứng khát trước rồi mới ọe là nước đình ở dưới tạng tâm, vì người ọe là phải khát, mà nay lại không khát, là dưới tạng tâm có nước đình lại.

Lời bàn ấy rất phải, vì ọe thời tâm-dịch kiệt mà khát, khát thời nước ngưng lại mà ọe, nếu ọe mà không khát, thời là nước đình lại ở dưới tạng tâm.

Chương 20. — Cách ngôn : Chứng tả về hư hàn không phải là thủy dư ra, mà là hỏa không đầy đủ ; Chứng nước tiểu không được thông không phải là thủy không được lợi, mà bởi khí không vận hành.

Bởi chứng hàn mà đi tả, là do hỏa ở mệnh môn suy yếu không làm nóng tý thổ ở trên. Tý thổ ưa ráo mà ghét ướt, tý thổ hư tức là hỏa hư, hư thời không vận hoá được thức ăn uống, để đem về đại tràng, mà thành ra chứng tả, như thế là hỏa không đầy đủ, mà không phải thủy thừa ra.

Thủy không có khí không vận hành được, tạng phế chủ về khí mà giữ tiết độ, điều hành đường thủy để đem xuống bàng-quang, nay khí ở tạng phế không giáng xuống



được, thời đường thủy ví lại, như vậy là thận thủy không giữ được chức vụ, mà không những là phế kim làm ngưng lại, bài ngũ linh mà dùng cả vị nhục-quế cũng là chú trọng về khí ấy, mà không những để thẩm lợi.

Chương 21.— Cách ngôn : Dạ-dầy cũng thuộc về hành thổ, không có hỏa không sinh được, không có nóng không hoá được. thế là thổ hàn tức là thổ hư và thổ hư tức là hoá hư, cho nên tạng tỳ ưa nóng mà ghét lạnh, ưa khô ráo mà ghét ẩm ướt, người nào vì hỏa mà ọc có ít vì hàn mà ọc phần nhiều ; Dạ-dầy đầy đủ mà ọc có ít dạ-dầy hư yếu mà ọc phần nhiều.

Nội kinh có nói : Các chứng ọc ngược lên, đều thuộc về hỏa, nhưng có hư-hỏa có thực-hỏa, hư là hàn mà thực là nhiệt, cho nên còn có câu . « Thực ăn có lợi vào lại nôn ra là không có hỏa. »

Chương 22.— Cách ngôn : Chứng hư yếu mà khát nhiều, là thận thủy không đầy đủ, phải nỉ.ở đến thủy ở ngoài để cứu trợ.

Chứng nhiệt thịnh, thời tâm-dịch báo, không ai là không khát, những người bình thể yếu, mạch yếu, thời dù khát mà không ưa uống nước, hay là ưa uống nước mà cũng không uống nhiều, thế là ráo mà không phải là khát. Là vì nóng thời hại âm phần, Chân âm đã thiếu mà thủy khô ráo. Phải nhờ nước ở ngoài để cứu trợ.

Chương 23.— Cách ngôn : Chứng hư yếu mà xuyên thở vội (xuyên-cấp) là âm hư mà tạng phế ngán cách, khí không về được chỗ.



Tạng phế chủ về thở khí ra, tạng thận chủ về nạp khí vào, phế là chủ cho khí, vì thế hư yếu mà xuyên thở, là âm của tạng thận hư yếu. Không nạp được khí, cho nên xuyên thở ngược ra.

Chương 24.— Cách ngôn : Chứng cuồng-hộng ráo, cồ-hộng đau là ở dưới thủy kém, mà hư hỏa bốc lên.

Châm thủy đã kém, thời tương-hỏa bốc lên cồ-hộng, vì như lửa cháy thời khói bốc lên, cho nên cuồng-hộng ráo, cồ hộng đau (hầu-cam, yết-thống).

Chương 25.— Cách ngôn : Chứng không ngủ mà hoảng hốt là huyết không nuôi được tạng tâm, mà tạng thận không chứa lại được.

Người ta khi nằm thời huyết về tạng can, vệ khí trở vào âm phủ, lại thần yên thời ngủ được yên. Tạng tâm chứa tinh-thần mà tâm giữ chầu huyết, nay huyết hư thời không dưỡng được tạng tâm, tinh thần không dựa vào đâu, cho nên bốc lên mà hoảng hốt.

Chương 26.— Cách ngôn : Chứng bệnh phiên táo, là trong dương không có âm, nhu không chế được cương.

Phiên thuộc về dương, táo thuộc về âm, trong dương không thể thiếu được âm, mà trong âm không thể thiếu được dương, là cương nhu câu lẩn cho nhau, nên chứng phiên táo là trong dương không có âm, vì dương chủ động, âm chủ tĩnh.



Chương 27.— Cách ngôn: Chứng hay giận dữ và chứng gân co lại và đau ngán ngắt là thận thủy kém mà tạng can thiếu sự nuôi dưỡng.

Tạng can chủ về giận, gân thuộc tạng can, tạng can chứa huyết, huyết để nuôi gân nhưng cũng nhờ thủy ở tạng thận sinh ra. Nếu thủy kém, thời tạng can không nhờ được vào gân, mới có chứng ấy. Nội-kinh có nói : « Huyết đầy đủ thời mừng, huyết hư yếu thời giận », cũng vì lẽ ấy.

Chương 28.— Cách ngôn : Người ăn uống không ngon lành, cơ nhục gầy dần đi, là tạng tỳ kém đi, mà cơ sinh hóa bại dần.

Tạng tỳ chủ về nắm vị ăn, mà chủ về cơ nhục, thức ăn uống vào dạ-dày, tạng tỳ vận hóa đi, để sinh huyết, sinh tinh là gốc sinh hóa cho hậu thiên, vì thế tạng tỳ kém thời hình thể gầy, mà cơ sinh hóa bại dần, cho nên bệnh nhân thấy cơ nhục sút ngay đi dần không chữa được, đó vì tỳ-vị đã bị bại.

Chương 29.— Cách-ngôn : Chứng thận hư mà nhiều đờm, hoặc như nước trong, hoặc nhiều bọt trắng, là thủy duềnh lên thành đờm, tạng tỳ hư yếu không chế được thận thủy.

Thận thủy suy kém mà không sinh được huyết, thủy duềnh lên thành đờm, đờm ấy trong mà nhiều bọt trắng Nhưng cũng bởi tỳ-thở hư yếu, mà không chế được thận thủy, cho nên cổ thư còn nói : « Gốc của đờm ở tạng thận, mà hóa đờm đi, ở tạng tỳ. »



Chương 30.— Cách-ngôn : Chứng đau xương như gãy là chân âm bại liệt.

Thận chủ về xương, cổ thư có nói : « Xương trong thân người không đau không thuộc về thận ». Chân âm trong lưng thận, nếu kém đi thời tỷ kiệt mà xương khô.

Chương 31.— Cách ngôn : Từ đầu gối trở xuống lạnh, là mệnh-môn suy tuyệt, hỏa không về được chỗ.

Mệnh-môn chủ về hạ bộ, nay hỏa ở mệnh-môn hư, thời hỏa không về được chỗ, trong âm không có dương, nên từ gối trở xuống lạnh. Chứng bệnh lạnh từ đầu gối xuống là cơ đã vong dương.

Chương 32.— Cách-ngôn : Chứng tiểu tiện đi vàng mà xén (hoảng xáp) và chứng đi rồi lại xón nước ra (lâm-lịch) là chân âm suy kiệt, khí không hóa được thủy.

Thủy không có khí không hành được, khí không có thủy không hóa được. Khí tức là hỏa, nay chân âm suy kiệt, dương không dựa vào đâu được thế là khí không hóa được thủy.

Chương 33.— Cách ngôn : Gan bàn chân nóng như đốt, là hỏa hư hao mất chân âm, huyết « đông-tuyền » khô kiệt.

Chân là nơi chí âm (rất là âm) Huyết đông tuyền ở gan bàn chân là đường lối của âm thủy đi ngầm, nếu



âm hư thời hỏa lẫn đi mà âm càng ráo, thủy đã kiệt thời gan bàn chân nóng như đốt.

Chương 34. — Cách ngôn : Hỏa được đờm bởi tạng tỳ, gốc của đờm bởi tạng thận, chứng đờm chẳng ở tạng này thời ở tạng kia

Tạng tỳ hỏa được 5 vị ăn (chua, cay, mặn, đắng, ngọt), về phần trong trẻo thời là tinh huyết, về phần đục thời là đờm dãi, thế là hỏa được đờm bởi tạng tỳ. Tạng thận thuộc về Thủy là chủ cho ngũ dịch (nước nhựa của ngũ tạng), cho nên cổ thư có nói : « Thận thủy hư thời thủy drench lên là đờm » thế là gốc của đờm bởi ở tạng thận.

Chương 35 — Cách ngôn : Đờm của tạng tỳ có hư có thực, thấp trệ thái quá là bởi tạng tỳ thực, tỳ thổ suy không chế được thận thủy là tạng tỳ hư.

Về phép chữa đờm, là thực thời công phạt, là hư thời bổ, nhưng dùng thuốc công phải có thứ tự, dùng thuốc bổ phải hợp đường lối, là vì hỏa thực thời nên tiêu đờm trục đờm, nếu thủy-hư thời hành khí để giáng hỏa, hỏa hư thời bổ thiếu-hỏa để sinh tỳ-thổ, tỳ thận được mạnh, thời đờm tự nhiên hóa đi.

Tôi xét sách dạy về thuốc có nói rằng : « Chữa chứng đờm không có phép được bổ ». Xem ngay 3700 vị thuốc của Đưa Thần-Mông dạy ra, không có vị nào để trợ cho đờm, huống chi là bổ, nếu muốn bổ cho đờm thực không có vị thuốc nào. Nhưng bệnh đờm phần nhiều bởi hư yếu,



nếu hư yếu mà không bổ thời đợi đến bao giờ. Tôi có lời bàn luận về chữa đờm không có phép bổ, mà cũng không có phép được công, rất kỹ càng ở quyển Đạo lưu nên tham khảo với đoạn này.

Chương 36.— Cách ngôn : Đờm là tân-dịch biến ra như là sương mù của Trời.

Người ta nhờ khí của thức ăn uống sinh ra tân-dịch, nếu ngừng lại thời ốm, mà kiệt thời chết. Đờm là tân-dịch biến ra ? Nguyên để dưỡng sinh cho cho người. Cổ thư có nói : « Người hư yếu không nên công phạt cho hết đờm », đó là ý rất thận trọng.

Chương 37.— Cách ngôn : Đờm tạng thận vẫn là chứng hư, vì hỏa không sinh được thổ, tức hỏa không chế được thủy, dương không thắng được âm mà thủy ấy lẫn lên tý thổ. Thế là hỏa ở trong âm hư yếu. Nếu hỏa thịnh làm hao chân âm, tân dịch khô kiệt, thời phế kim và thận thủy hại lẫn nhau, đó là thủy ở trong âm hư yếu, tý thận, hư thực không giống nhau, ta phải nên phân biệt.

Quả thận bên trái bên phải, có hai khiếu chân-thủy, chân-hỏa. Cổ thư có nói : « Thận hư có hai chứng, tức là thủy của chân âm hư yếu, và hỏa ở trong âm hư yếu, là chứng thủy hư, thời dùng thuốc để mạnh cho chân thủy, là chứng hỏa hư thời dùng thuốc để thêm cho chân hỏa, đó là điều bổ cho âm dương, thủy hỏa.

Chương 38.— Cách ngôn : Chứng đờm là tân-dịch ở trong người theo tả khí ở đâu mà thành ra bệnh.



Đờm là tân-dịch biến ra, tân dịch ấy sinh ra bởi thức ăn nóng, nay nhân chính-khi của người không chủ trương được, mà tà-khi nhân người yếu để khích động lên, vì thế không phải nhân đờm mà sinh ra bệnh, thực ra nhân bệnh mà sinh ra đờm.

Chương 39.— Cách-ngôn : Đờm ngưng thời khí bế lại, hỏa thịnh thời âm kém đi.

Đờm ngưng thời cống hống tắc lại, thành khí không trở lên được, cho nên khí bế, nhiệt thịnh thời hại âm huyết, hỏa càng vượng thời âm càng thiếu.

Chương 40.— Cách ngôn : Phần thuộc về dương là hỏa có căn bản đều bởi ở tạng tâm; Táo thuộc về âm là hỏa không có căn bản, thường khởi ở tạng thận.

Người giở giảo không được yếu mà buồn bực thời gọi là phiền, giở tay đập chân lúc dậy, lúc nằm thời gọi là táo, phiền nhẹ mà táo nặng, phiền là chứng thực nhiệt, táo là chứng âm hư, đều là điểm tích thần báo kiệt, rất là đáng sợ.

Chương 41.— Cách ngôn : Hỏa ở tạng phế thời phiền, hỏa vào tạng thận thời táo, chỉ có phiền mà không táo là thực nhiệt, chỉ táo mà không phiền là hư hàn.

Chứng bệnh thấy phiền táo đều là chứng xấu, nhưng có chia nhẹ nặng, hàn nhiệt. Tóm lại, phiền táo đều bởi nhiệt mà ra, táo mà người sốt, là trong thực hàn mà



ngoài giả-nhiệt, nên căn cứ vào sắc và mạch để phân biệt. còn tảo mà người mát là âm mất trước mà dương tuyệt sau, chỉ dùng nhân-sâm phụ-tử để cứu vãn, may có thể sống được.

Chương 42. — Cách ngôn : Tạng tâm nhiệt thời phiền, tạng thận nhiệt thời tảo, phiền chủ về khí, tảo chủ về huyết. Tạng phế chủ về da lông, nếu khí nhiệt thời phiền; Tạng thận chủ về tân dịch, nếu huyết của tạng thận nhiệt thời tảo.

Tạng tâm thuộc về hỏa, Hỏa của tâm khắc phế kim, phế chủ về khí, cho nên khí nhiệt mà phiền Tạng thận thuộc thủy, thủy chủ về tân-dịch mà sinh ra huyết, thủy suy thì hỏa bốc lên mà huyết khô, cho nên huyết nhiệt mà tảo.

Chương 43. — Cách ngôn : Nước không chảy ngược, chỉ vì gió mới chảy ngược, đờm không đi ngược, chỉ vì khí mới đi ngược lên.

Đờm cũng là loại thủy, tính của thủy nhuận trở xuống. Phong là khí âm dương thở hút, khí của người cũng đi như gió của trời đất.

Vì thế nước chảy ngược là bởi ở phong, đờm đem trở lên là bởi ở khí.

Chương 44 — Cách ngôn : Chứng bạo bệnh không phải âm chứng, chứng ốm lâu không phải là dương chứng.

Âm chủ tĩnh mà tri hoãn, dương chủ động mà nhanh chóng. Chứng bạo bệnh không phải thâm trầm nên không



phải là âm chứng. Còn chứng âm lập ? đều phải là tà khí quá dữ nên không phải dương chứng.

Chương 45. — Cách ngôn : Khí của lục phủ tuyệt ở ngoài, thời chân tay lạnh ; khí của ngũ tạng tuyệt ở trong thời đi lý không chỉ.

Lục phủ thuộc về dương, ngũ tạng thuộc về âm, dương chủ ở ngoài, âm chủ ở trong, cho nên lục phủ tuyệt thời dương mất mà tay chân lạnh, ngũ tạng tuyệt thời âm mất mà đi lý không thôi.

Chương 46. — Cách ngôn : Tà khí mới, đem tà khí cũ ra, thế là bệnh ở ngọn (tiểu bệnh) động đến bệnh gốc (bản bệnh).

Mùa đông cảm hàn-tà, đến mùa xuân gặp gió mà phát ra âm bệnh, đến mùa hạ gặp nắng mà phát ra nhiệt bệnh, đến bởi từ mùa đông trước cảm mạo hàn-tà, truyền vào da thịt. Khi gặp tà khí mới là phong tà hay thử tà, thời hàn tà lại phát ra. Lại như bệnh cũ gần khỏi, gặp bệnh mới mà bệnh cũ lại phát.

Chương 47. — Cách-ngôn : Vấp ngã hay đánh nhau mà tổn thương, nếu có một giây ứ huyết vào quả tim là chết ngay.

Tạng tâm là chủ tể cho con người, thần minh bởi đó, nên tạng tâm có thành quách, để ngoại tà không phạm được, vì phạm vào tạng tâm thì chết ngay. Tạng tâm còn tóm giữ chân huyết để vận hành, nếu không vận hành mà ứ huyết vào tạng tâm, thời tránh sao được nguy vong, cũng như chứng thực là đau tim (Tâm thống) buổi sáng phát bệnh thời buổi chiều sẽ chết.



Chương 48.— Cách ngôn : Phong thăng lên thời động ; Nhiệt thăng lên thời nề, táo thăng lên thời khô, hàn thăng lên thời phù nề, thấp thăng lên thời tiết tả.

Phong thăng lên thời giạt hay co lại, vì tính của phong hay lay động ; nhiệt thăng lên thời mạch hồng người nề, mà hàn bất đồ, vì hỏa gặp trống không thời phát ra ; Táo thăng lên thời khô bèo. Cũng là tượng hành kim nghiêm sát ; Hàn thăng lên thời phù nề mà đây là tượng tính của thủy hay dàn dụa ; Thấp thăng lên thời kém tiêu hóa mà tiết tả.

Chương 49.— Cách ngôn : Các chứng tổn hại, tệ nhất là chứng phòng lao, vì dùng cả thần và hình, thời tinh và khí đều hại.

Cổ-thư có nói : « Năm chứng « lao », sáu chứng « cực », đáng sợ nhất là chứng sắc dục, vì rằng người ít tuổi cậy khỏe mà sắc dục không có tiết độ, nên trác táng mười người đến tám chín người, cho nên cổ thư có nói . « Tu thân không gì bằng ít sắc dục ».

Chương 50.— Cách ngôn : Người nhẹc mỗi thời khí và hình suy kém, khí ngũ cốc không đầy đủ, thượng tiêu không vận hành, hạ-tiêu không lưu thông, khí của dạ dày nóng nhiều, nung nấu ở trong mà thành nội nhiệt. (nóng ở trong)

Câu trên là nói gốc bệnh, vì khó nhẹc mà phát nhiệt. Nội Kinh có nói : « Người khó nhẹc thời nên dùng thuốc ôn » ; Lại nói . « Vị thuốc cam va ôn trừ được chứng đại-



nhiet » ; Lại nói : « Bồ tý thổ đề chứa dương khí lại », vì thế, bài bồ trung ích-khí của Ông Đồng-Viên đặt ra thực là lợi cho muôn đời.

Chương 51.— Cách ngôn : Khí của ngũ cốc suy ở ngoài, thời cơ nhục tiêu hết ; Khí thiên chân (chân khí của trời) kiệt ở trong thời người không đi được.

Chứng bệnh thấy cơ thể tiêu hết thịt (nhục-thoát) là gốc sinh hóa của tý-vị đã tuyệt, gốc đã bại thời không thể sống được.

Chương 52.— Cách-ngôn : Trông lâu hại huyết, nằm lâu hại khí, ngồi lâu hại thịt, đứng lâu hại xương, đi lâu hại gân, thế gọi là ngũ lao.

Mọi mạch đều thông với mắt, cho nên trông lâu hại đến huyết ; Dương khí chủ động, cho nên nằm lâu thời khí trệ ; Tạng tý chủ việc cơ nhục và vận hành, cho nên ngồi lâu thời tý trệ mà hại thịt ; Xương có mạnh mới đứng được cho nên đứng lâu hại xương ; Gân có mạnh mới bước được, cho nên đi lâu hại gân.

Chương 53.— Cách ngôn : Cuống họng chủ về khí của trời, 'cựa gà chủ về khí của đất, cho nên dương hay cảm khí của gió, âm hay cảm khí của ẩm thấp.

Cuống-họng chủ về phổi, phổi thuộc về quẻ « Kiền » mà ứng về trời, cựa-gà thuộc dạ-dày, dạ-dày thuộc quẻ « Khôn » mà ứng về đất. Phong là dương-là cho nên dương phạm hay cảm phong ; Thấp là âm tà, cho nên âm phạm hay cảm thấp khí.



Chương 54.— Cách ngôn : Thượng-bộ hay cảm chứng phong, hạ-bộ hay cảm chứng thấp.

Phong là dương tà, nửa người trên thuộc về dương cho nên hay cảm phong. Thấp là âm tà, nửa người về dưới thuộc là âm, cho nên hay cảm thấp.

Chương 55 — Cách ngôn : Chứng đã ra mồ-hôi mà nóng sốt nhiệt vẫn không lui là chết.

Mồ-hôi đã ra mà nhiệt không lui là âm khí tuyệt trước, chỉ còn dương nung đốt lên, tình của hỏa bốc lên, bốc quá thời thôi, thế là dương vong mà chết.

Chương 56.— Cách ngôn : Giận dữ thời khí bốc lên ; Mừng thời khí hoãn lại ; Thương thời khí tiêu đi ; Sợ thời khí hạ xuống ; Rét thời khí vút lại ; Nóng thời khí tiết ra ; Kinh thời khí loạn, khó nhọc thời khí hao, nghĩ thời khí kết, nên bách bệnh đều sinh ra bởi khí.

Giận thời can-hỏa vượng mà khí bốc lên ; Mừng thời tâm-huyết hóa mà khí hoãn lại ; Thương thời phế kim rạo mà khí tiêu đi ; Sợ thời thận thủy hao mà khí hạ xuống ; Hèn thời tỳ-mạch co lại mà khí thu lại ; Nhiệt thời tỳ-mạch rời rạc mà khí tiết ; Kinh thời tiểu hống tán mà khí loạn ; Khó nhọc thời tích huyết tồn mà khí hao ; Nghĩ ngợi thời tân dịch kiệt mà khí kết.

Chương 57.— Cách-ngôn : Đầy đủ cho mọi chỗ hư yếu là khí huyết, hóa sinh ra khí huyết là thủy hỏa, thủy hỏa là gốc cho thân người.



Đầy đủ cho mọi chỗ hư tổn là công năng của khí huyết, nhưng đã dùng khí huyết được mà không bồi dưỡng được, thời lại tìm đến chân-thủy châu-hỏa để hóa sinh ra khí huyết.

Chương 58 — Cách-ngón : Tinh thần hao tán ở trong, tức là tân dịch khí huyết của con người không có chủ tể đều khởi ở trong là hỏa là đờm rồi thành tà khí mà không cứ vì ở ngoài

Tạng thận chứa tinh, tạng tâm chứa thần, tinh và thần là hai của báu trong thân người, đờm là tân dịch biến ra thành mọi chứng bệnh, mà không cứ ở bên ngoài đem lại, vì thế cổ thư còn nói: « bệnh bởi hư yếu đem đến. »

Chương 59 — Cách ngón : Ngoài biểu nóng phần nhiều bởi dương ở trong vượt ra ngoài ; ở trên nóng phần nhiều bởi hỏa ở dưới lấn lên trên, những chứng ấy dù có tà-khí ở ngoài cảm mạo vào cũng chỉ là đầu mối phát bệnh.

Hàn tà vít ở ngoài biểu thời hỏa uất ở trong lý ; Vì thế cơ thể mới nóng, ta nên hiểu hỏa trong thân người nếu được yên ở địa vị, thời trong người được thư thái. Vì tính thời là thiếu hỏa. Hỏa để sinh ra khí, mà động thời là tráng-hỏa mà làm hại đến khí, cho nên có chứng âm hư mà hỏa động, có chứng thấy kém mà hỏa bốc lên, có chứng trong tạng thận âm hàn mà hỏa vượt lên trên, đều là chứng ở trên nóng, thời dù có tà khí ở ngoài, nhân người hư yếu mà cảm vào, cũng chỉ là đầu mối để phát bệnh.



Chương 60.— Cách ngôn : Chứng vì yếu mà nhức đầu, không phải là hư hỏa bốc lên, thời là huyết hư mà đau nhức

Đầu là mọi khí dương hợp lại, nếu vì hỏa, vì phong, vì hàn, vì thấp, vì năng, vì ăn, vì đờm, mà nhức đầu, đều là chứng tà khí thực, còn người vốn yếu mà nhức đầu, thời chỉ là âm hư mà âm phạm vào địa vị của dương, hay là huyết hư mà âm hỏa bốc lên.

Chương 61.— Cách ngôn : Dương-tà thịnh quá thời hại đến chân âm ; Ngũ tạng thụ thương sau cùng tất đến tạng thận.

Dương là ngoài biểu, âm là trong lý, khí tà-khí mới cảm mạo, tất tự ngoài biểu rồi vào trong lý. Thận là căn bản cho 12 Kinh. Bệnh đã tồn thương, thời lâu phải đến chỗ căn bản là tạng thận.

Chương 62.— Cách ngôn : Lời bàn về điều kinh, ở cổ thư có câu : « Dương thái quá thời trước kỳ hạn đã thấy ; Âm không đủ thời sau kỳ hạn mới thấy. »

Đây là nói bệnh về kinh huyết của đàn bà. Kinh là thường mỗi tháng một lần thấy, nên gọi là nguyệt kinh, nếu vậy thấy sớm là dương thái quá, mà thấy muộn là âm không đủ. Cũng không ngoài lẽ âm dương, hàn nhiệt, hư thực.

Chương 63.— Cách ngôn : Phong là khí lạnh ở trong dương ; Thử là hàn-tà ở trong nhiệt.

Phong là dương-tà, hàn là âm-tà, Thử là dương-tà, thấp là âm-tà, Nhưng phong đem hàn đi, thấp là âm ở



trong dương, mà gọi là khí lạnh. Mùa hè có khí âm ngấm ngấm là âm ở trong dương, cho nên gọi là *hán tá*.

Chương 64.— Cách-ngôn : Chứng sốt rét không ngoài kinh Thiếu-Dương, cũng như chứng ho không ngoài ở tạng phế (sốt rét là ngược).

Chứng sốt rét có người mới bị, có người đã lâu, có người vì đờm, có người chỉ rét mà không nóng; có người chỉ nóng mà không rét, tóm lại không ngoài ở Kinh Thiếu dương, là một nửa ở ngoài biểu, một nửa ở trong lý (bán biểu bán lý). Rét và nóng trở đi trở lại, khởi bệnh đúng vào lúc nào đó. Chứng ho có người bởi ngũ tạng, có người bởi lục phủ, có người bởi giá lạnh, có người bởi khô nhẹ, nhưng cũng không ngoài tạng phế.

Chương 65 — Cách ngôn : Chứng đi tả dữ dội không phải là âm bệnh; Chứng đi tả đã lâu không phải là dương bệnh.

Hết thấy bạo bệnh, đều là dương chứng, ốm lâu đều là âm chứng. Bách bệnh đều thế mà không những một chứng đi tả.

Chương 66.— Cách-ngôn : Thở hơi chân khí, tả hại chân huyết, khí hư thời chân tay lạnh, huyết hư thời phát sốt, khí huyết đều hư thời mình sốt mà tay chân lạnh.

Thở bởi thương-tiêu nên hại về khí, tả bởi hạ-tiêu nên hại về huyết, khí hư thời dương kém mà chân tay lạnh, huyết hư thời hỏa lẫn đi mà phát sốt. Khí



thuộc về biểu, huyết thuộc về lý, cho nên khí huyết đều hư thời chân tay lạnh mà người sốt.

Chương 67 — Cách-ngôn : Người tỉnh thoát thời tai điếc, khí thoát thời mắt mờ.

Tạng thận khai khiếu ở tai, tạng thận chứa tinh cho nên tinh thoát thời tai điếc.

Khí là dương, dương chủ về hỏa, cho nên hỏa kém thời mắt mờ (thoát là kém quá).

Chương 68. — Cách ngôn : Ngăn giữ cho thân thể mà điều hoà không ngừng thời gọi là khí, rối loạn mà hành động bất thường thời gọi là hỏa.

Tĩnh thời là thiếu hỏa mà sinh ra khí, động thời là tráng hoả mà hại khí, vì không được quân bình mà làm ra bệnh ?

Chương 69 — Cách ngôn . Hàn thời đau mà trở ; Hỏa bốc lên thời ọc ngược ra.

Hàn làm ngưng chân huyết, huyết đã ngưng thời mạch kết lại mà đau trở. — Tĩnh của hỏa bốc trở lên, thời khí thăng mà nôn ọc, nên Nội kinh có nói : « Hàn thời hại thân hình ». Lại nói : « Các chứng ọc ngược lên đều thuộc về hỏa ».

Chương 70 — Cách ngôn : Đau thời không lưu thông, lưu thông thời không đau.

Khí huyết đã chu lưu thời còn có đau gì. Chỉ vì ngưng trở mới đau, vì thế phép chữa chứng đau, phải dùng thuốc hành khí và dẫn huyết đi.



Chương 71.— Cách ngôn : Âm hư có hai chứng : Thủy ở trong âm hư là bệnh ở tinh huyết ; Hỏa ở trong âm hư, là bệnh ở thần khí.

Trong tạng thận có chân thủy và chân hỏa, thủy hư thời tráng hỏa bốc lên, làm khô ráo chân âm mà tinh huyết kém ; Hỏa hư thời hỏa nhiệt bốc trở lên, dương thận vì hàn trệ mà khí kém đi.

Chương 72 — Cách ngôn : Người béo đầy đủ ở bề ngoài, mà thiếu ở trong.

Người béo thời huyết thịnh hơn khí. Nguyên khí không đầy đủ ở trong, cho nên ngoài tuy dư ra mà trong thực là thiếu.

Chương 73.— Cách ngôn : Tinh thần hại về lo nghĩ, thời thịt sút đi. Ý hại về lo buồn, thời chân tay mỏi, hồn hại về thương xót thời gân co lại, phách hại về mừng vui thời da khô, chí hại về giận nhiều, thời xương sống và lưng khó, cúi xuống ngửa lên.

Tạng tâm chứa tinh thần, nên lo nghĩ thời hại tạng tâm, tạng ty chứa ý mà chủ về tứ chi, nên lo buồn thời hại tạng ty, tạng can chứa hỏa mà chủ về gân, nên thương xót thời hại tạng can ; tạng phế chứa phách mà chủ về lông da, nên mừng vui thời hại tạng phế ; tạng thận chứa chí mà chủ về xương, nên giận nhiều thời hại tạng thận.

Chương 74.— Cách ngôn : Hỏa với nguyên khí không đi đôi được với nhau, hỏa thịnh thời khí suy, người



ta bệnh hoạn phần nhiều bởi không đầy đủ, vì thế, bệnh tật dư ra (thực chứng) đều bởi chính khí hư yếu.

Hỏa được yên ở địa vị thời là hoả vừa phải (thiếu-hỏa) mà sinh ra khí, nếu không yên ở địa vị thời là hỏa dữ dội (tráng hỏa) mà bại nguyên khí, nên hoả với nguyên khí hai bên không đi đôi được. Hết thấy bệnh tật đều bởi nguyên khí vô hình không được đầy đủ.

Chương 75 — Cách ngôn : **Huyết vì hỏa đưa lên thời đi trở lên, gặp thấp thời đi trở xuống.**

Khí đi thời huyết theo, mà khí tở là hỏa, hỏa bốc thời khí thăng mà huyết cũng đem lên. Thấp cùng với huyết đều là loại thủy, nếu được đồng loại thì đem trở xuống.

Chương 76 — Cách ngôn : **Người ta sinh ra nhờ ở âm dương thủy hỏa, mà tạng thận là gốc cho âm dương thủy hỏa.**

Tạng thận, thuộc hành thủy, mà chân-thủy chân-hỏa tức là chân-âm chân-dương ở trong tạng thận, cho nên là căn bản để lập mệnh.

Chương 77. — Cách ngôn : **Mồ-hôi là tân-dịch của tạng tâm, là tên riêng của huyết.**

Chân âm ở giữa quẻ « Ly », tức là nước đỏ ở trong tạng tâm. Chứng thương-hàn có khi lục huyết (máu ra đằng mũi) là « hồng-hãn » (mồ hôi đỏ). Nếu người nào thực nhiệt thời phải dùng thuốc phát hãn, thế là



ra mồ-hôi nhiều thời không có huyết nữa : Chứng huyết khô thời da thịt se ráo, thế là huyết kém là không có mồ-hôi. Vậy mồ-hôi với huyết chỉ khác tên gọi mà thôi.

Chương 78.— Cách ngôn : Hại về lo nghĩ hơn là tình dục.

Nghĩ lo thời hại tạng ty mà tổn chân huyết, huyết là gốc của tinh, cho nên ngũ hại hơn là tình dục.

Chương 79.— Cách ngôn : Nhiệt thời tinh thần mờ đi, hàn thời tinh thần thanh sáng (nhẹ nhàng).

Nhiệt thời hại khí mà khí sinh ra tinh thần, cho nên tinh thần hỗn loạn ; Chứng bệnh đến khí âm dương ly thoát mà tinh-thần còn thanh sáng, về hàn thời tinh thần lại vẫn thanh.

Chương 80.— Cách ngôn : Chứng khát có chia ra âm dương, nếu âm thịnh dương hư thời dù uống băng tuyết cũng không biết là lạnh ; Chứng âm thịnh dương hư, thời dù uống nước sôi cũng không biết là nóng.

Âm hư và dương hư đều thành ra bệnh khát, chỉ phân biệt về chỗ uống nước lạnh hay uống nước nóng. Nhưng chứng giả-âm giả-dương thời lại khó biểu hơn. Phải xét đến chỗ dù khát mà không uống nhiều, thì là giả tượng, ngoài ra còn xem thêm về bệnh người và mạch mới thực rõ rệt.

Chương 81.— Cách ngôn : Huyết cần lưu thông mà không thể ngưng trệ được.

Huyết mạch cũng như sông ngòi, sông ngòi có lưu



thông mới thấm nhuần được vạn vật, huyết mạch có vận hành mới thấm nhuần được hình hài.

Chương 82.— Cách ngôn : Tai thuộc về tạng thận, dương khí trong tạng ấy thịnh thời thông trở lên mà nghe rõ, nếu hư yếu thời thoát trở xuống mà điếc.

Tạng thận khai khiếu ở tai, dương khí trong tạng thận có đầy đủ thời nghe rõ mà yếu thời điếc. Bài thuốc chữa về điếc thường dùng vị xương-bồ, để khai khiếu và đem khí trở lên.

Chương 83.— Cách ngôn . Tả ở ngoài biểu truyền vào trong lý, khí ở trong nghịch lên, vì thế chứng bán biểu bán lý (qua ngoài biểu gần đến lý) phần nhiều hay nôn ọe

Chứng ấy là chứng thiếu-dương ở bệnh thương-hàn, vì hàn bên bán lý nên phát hàn cũng không được, mà hạ cũng không được, phải theo về khe giữa mà chữa.

Tuy khí ngược lên mà ọe nhưng phải cầu thận và chỗ khí hư yếu hay khí thực người nguyên khí hư yếu mà phát sốt, đều là ở trong thực hàn ngoài giả nhiệt.

Câu nói trên là bí pháp của Ông Tiết Lập Trai chữa chứng sốt, thực là giúp người đời đến vô cùng, là vì hư thời hàn, thực thời nhiệt, chứng thực thời chịu được thuốc hàn, chứng hư thời chịu được thuốc nhiệt. Hết thấy người nguyên khí hư yếu mà thấy bệnh nhiệt không phải là âm hư dương lẫn đi, thì là thủy suy mà hỏa bốc lên, hoặc là tý-thở hư không chứa được dương, hoặc là



hỏa hư mà hư hỏa bốc lên, đó chỉ là giả-nhiệt, mà quyết không phải là thực nhiệt, người làm thuốc không xét lẽ ấy mà dùng nhầm thuốc hàn-lương, thời giết người như trở bàn tay.

Chương 84 — Cách ngôn : Trên đầu ra mồ hôi có hai chứng : 1) Nhiệt tà uất ở trong, 2) Dương khí thoát ở trong.

Về chứng nhiệt-tà lại có hai, nếu thấp nhiệt uất trở lên mà đầu ra mồ hôi thời phải nặng đầu, nếu phong hỏa va chạm vào nhau mà đầu ra mồ hôi thời đầu phải choáng váng.

Còn chứng dương hư mà thoát mồ hôi, thời mồ hôi ra từng giọt như thể dầu mỡ ngưng lại mà không chảy đi, thế là mồ hôi của người sắp chết.

Chương 85. — Cách ngôn : Phong là dương, hàn là âm, vệ là dương, vịnh là âm, phong thời hại dương, hàn thời hại âm, vệ khí gặp phong thì nóng, vịnh huyết gặp hàn thời đau.

Tà khí cảm vào thân người, nếu là dương-tà thời hại dương, nếu là âm tà thời hại âm, là vì phong động đến hỏa, phong hỏa động dờ ở trong mà nóng, hàn làm ngưng chân huyết, cơ thể ngưng trệ là đau.

Chương 86. — Cách ngôn : Cảm phong là chứng ở ngoài biểu, trúng phong là chứng ở trong lý.

Cảm phong tức là thương phong là biểu chứng do tà khí ở ngoài lại, cách chữa chỉ phát tán ở biểu mà thôi. Còn trúng phong là lý chứng, vì chính-khi hư mà



ở trong khởi ra, nhân âm hư suy kiệt, mà gặp phải phong tà, phép chữa phải đại bổ tính huyết, cho nên có thư có nói: « Chữa chứng phong phải dưỡng chân huyết ».

Chương 87. — Cách ngôn: Chứng táo và chứng thấp tuy là ngoại tà cũng phân ra âm dương.

Thấp từ âm phận là hàn thấp, thấp từ dương phận là nhiệt thấp; Táo từ dương phận là bởi hỏa, táo từ âm phận là bởi hàn.

Thấp và táo đều là tà khí ở trong lục dâm, nhưng thấp có âm dương, táo chia ra thủy hỏa, mà hư hay thực ngụ ở trong ấy, vì thế chữa chứng thấp nhiệt thời nên thanh, nên thẩm thấp, chữa chứng thấp hàn, thời nên bổ lý ôn thận. Táo bởi dương thịnh mà hao chân âm thời nên thanh hỏa; Táo bởi âm hư mà hỏa động thời nên thêm chân thủy

Chương 88 — Cách ngôn: Hàn vít ở ngoài biểu thời không có mồ hôi. hỏa thịnh ở trong lý thường có sang-nhọt.

Mồ hôi là tên riêng của huyết; hàn làm ngưng chân huyết, cho nên hàn tà vít lại thời không có mồ-hôi. Mọi sang nhọt đều bởi tâm hỏa, nhiệt thịnh làm bại chân huyết cho nên có sang nhọt

Chương 89. — Cách ngôn: Chỗ này chạy đi chỗ khác mà xung đỏ, là vinh vệ có nhiệt; co quắp mà đau nhức là kinh lạc có hàn.

Tính của hỏa bốc mà vượt lên, vệ khí đi ở ngoài mạch, vinh huyết đi ở trong mạch, nếu có nhiệt thời cơ



nhục có chỗ sưng đỏ mà chỗ này sang chỗ khác. Chứng hàn hay thu lại mà ngừng chân huyết, đi thẳng gọi là kinh, đi ngang gọi là lạc, nếu gặp hàn thời chân tay xương đốt đau như má co quắp.

Chương 90.— Cách ngôn : Ông Trọng-Cảnh nói : « Chứng bụng đầy không nhẹ đi, mà có nhẹ cũng không đáng kể, thời phép chữa nên hạ đi; Bụng đầy có lúc nhẹ rồi lại như cũ, thì là chứng hàn, phép chữa nên dùng thuốc ôn giải. »

Chứng đầy tuy là bệnh hữu dư, nhưng phải phân biệt hư hay thực để bổ hay tả, là vì bụng đầy không thấy nhẹ, có nhẹ cũng không đáng kể, đó là hình tượng kiên cố không di dịch, thì là chứng « thực mãn » phép chữa nên hạ cho vơi đi, còn chứng bụng đầy có lúc nhẹ, rồi lại đầy như cũ, là lúc tụ lúc tán, thời là chứng « hư mãn », mà phép chữa nên điều hòa.

Chương 91.— Cách ngôn : Bách bệnh phát sốt đều bởi ở mệnh hỏa, nếu hỏa yên ở địa vị, thời bách bệnh tự nhiên khỏi.

Chứng sốt này là hỏa ở trong thân người, cho nên ngoài biểu nóng là dương ở trong bốc ra ngoài, ở trên nóng là do hỏa ở dưới bốc lên trên. Nếu hỏa yên ở địa vị, thời thân thể tự nhiên thư thái.

Chương 92.— Cách-ngôn : Ngũ tạng đều có tương-hỏa (Hỏa để giúp đỡ), duy tương hỏa ở tạng can, nếu vừa phải thời phát sinh mà quá độ thời có hại, hơn hỏa ở các tạng khác.



Tương hỏa ở tạng can tức là lòi-hỏa, tạng-can ứng về hành mộc, nếu vừa phải thời là khí sinh dự ở mùa xuân, nếu thái quá thời động đến long hỏa ở trong tạng thận, nung đốt cả tam-tiên, hao tán cả khí huyết.

Chương 93. — Cách ngôn : Ăn no quá thời kinh-lạc rời rạc và chân tay mỗi mệt.

Tạng tỷ chủ huyết mạch và bốn chân tay, nếu dạ-dày chứa nhiều mà tạng tỷ không vận hoá kịp, thời kinh-lạc rời rạc và chân tay mỗi mệt.

Chương 94. — Cách ngôn : Mùa đông cảm hàn tà, thời mùa xuân phát ra ôn bệnh

Mùa đông tay rét, nhưng khí nhất-dương tàng ở trong quẻ « khảm », nếu cảm hàn thời ngừng chân huyết, mà chân âm trong tạng thận cũng yếu, sang mùa xuân thời dương khí làm việc, chân dương không cở vũ được ở ngoài, chân âm không thấm nhuần được ở trong, hành mộc vượng thời hành hỏa giúp sức, cho nên phát ra chứng ôn.

Chương 95 — Cách ngôn : Mùa xuân cảm phong tà thời mùa hạ sinh chứng đi cầu ra cả cơm.

Mùa xuân cảm phong-tà thời phong mộc vượng quá, hành mộc vẫn khắc hành thổ thời tỷ thổ đã thụ bệnh. Đến mùa hạ tiết trời ôn nhiệt, tạng tỷ ưa ráo mà ghét ẩm thấp cho nên sinh chứng đi cầu ra cả cơm. Nội-kinh có nói : « Về phía thẳng hơn để giông dờ thời về phía không thẳng phải kèm đi. »



Chương 96.— Cách-ngôn : Mùa hạ cảm thử tà thời mùa thu phải ho và sốt rét.

Mùa hạ cảm thử-tà thời dương khí trong người bốc ra ngoài biểu. Hành hỏa đã khắc hành kim thời phế khí lại kém đi, nhiệt hại chân âm thời chân âm cũng hao nốt. Sang mùa thu khí huyết thu vút, khí hư thời ghê rét, huyết hư thời phát sốt, khí huyết tranh lẫn nhau thời vừa rét vừa nóng, nên thành chứng ho mà sốt rét.

Chương 97.— Cách ngôn : Mùa thu cảm thấp-tà thời mùa đông phải ho đờm.

Mùa thu cảm thấp-tà, thấp nhiệt hại đến phế kim, tức là hỏa khắc hành kim, sang mùa đông thận khí hư yếu không liễm lại được, mới ngược trở lên mà thành chứng ho đờm.

Chương 98.— Cách ngôn : Mùa hạ cảm thử, mồ-hôi không ra, sang mùa thu thành chứng phong ngược (sốt rét vì gió).

Mùa hè dương khí phát tiết, cho nên ra mồ-hôi, nếu vì hồng mát quá mà mồ-hôi không ra thời thử-tà chưa ở ngoài biểu, sang mùa thu thời tiết nghiêm mà sát khí mới thành ra chứng phong-ngược.

Chương 99.— Cách ngôn : Mừng giận không tiết độ thời hại đến ngũ tạng, ngũ tạng đã thụ thương thời bệnh khởi từ âm phần.

Mừng thời hại tạng tâm, mừng thời khí tản đi mà hại cả tạng phế, giận thời hại tạng can, đã giận thời hại



chỉ mà hại cả tạng thận, tất hạn lâu thời hại cả tạng tỳ. Thế là mừng hay giận đều hại ngũ-tạng. Ngũ-tạng thuộc về, âm nên bệnh khởi ở âm phận.

Chương 100.— Cách ngôn : Bệnh bởi dương là phong, bệnh ở âm là tê, âm dương đều bệnh là chứng phong-tê.

Dương là nhiệt, âm là hàn, phong là dương tà, tê là âm tà. Phong và hàn đều làm ra bệnh, âm dương đều thụ bệnh thời thành chứng phong tê.

Chương 101.— Cách ngôn : Mồ hôi ra mà người vẫn nóng là chứng phong, mồ hôi ra mà chứng phiền muộn lo đầy không giải được, thời thành ra chứng quyết.

Phong hại đến vệ-khi, khi ở ngoài biểu hư yếu thời cảm phong tà, nay có mồ-hôi mà còn nóng, vì mồ-hôi ra thời hòa càng tản.

Chứng phiền mãn thuộc hỏa thuộc khi, nay ra mồ-hôi mà phiền mãn không giải được, là dương hư mà âm lấn đi, nên chân tay giá lạnh.

Chương 102.— Cách ngôn : Hình thể của người, xương ví như vua, thịt ví như bề tôi, người béo thời như thống cương, âm thống dương, thịt nhiều bởi huyết đầy đủ, đều là loại âm.

Người béo âm thịnh dương suy cho nên hơi thở ngắn mà da thịt mát lạnh, nhiều đờm nhiều trệ thổ là khí hư ở trong cho nên sinh đờm ít mà tuổi thọ cũng kém.



Chương 103.—Cách ngôn: Tiếng nói bởi tạng phế mà gốc ở tạng thận, người mạnh bởi huyết mà gốc ở tinh.

Tạng phế chủ thở khí ra, tạng thận chủ nạp khí vào, nên tiếng nói bởi phế và thận. Thịt bởi huyết thành ra, xương bởi tinh tụ lại, cho nên hình bởi huyết mà xương bởi tinh.

Chương 104.— Cách ngôn: Bệnh không nói bởi phế, thận. Bệnh choáng váng bởi ở can, tỳ.

Tạng phế để thở khí ra, tạng thận để nạp khí vào, chứng không nói là bởi khí yếu. Tạng can chứa huyết, tạng tỳ sinh huyết, chứng choáng váng bởi huyết hư, và lại ở trong dĩ hư yếu thời sinh ra phong, nên thành ra chứng choáng váng.

Chương 105.— Cách ngôn: Khí đã tuyệt thì âm dương lia nhau, đã lia thì thở thịt tiết ra mà ra mồ-hôi. Mồ-hôi ấy buổi sáng có là buổi chiều chết, chiều có là sáng chết. (tuyệt-hãn)

Ba kinh thủ-tam-dương và ba kinh túc-tam-dương gọi là lục dương. Nhưng đều cần vị-khí (khí của dạ dày) và thận khí (khí của tạng thận), âm dương giúp lẫn cho nhau, nếu khí âm hòa bình mà khí dương bổ vít, mới có tinh thần, nay âm dương lia nhau thời tinh thần phải tuyệt. Nghĩa là khí dương tuyệt thời khí âm cũng mất, khí âm lia thời khí dương cũng thoát mà không thể sống được, chứng tuyệt-hãn là âm dương lia nhau.



Chương 105.— Cách-ngôn ; Khó nhẹc thời ra mồ-hôi mà hóc chân khí.

Nội-kinh có nói: « Tinh thần tĩnh thời âm sinh, hình hải khó nhẹc thời dương mạnh quá », vì thể khó nhẹc thời hỏa động, hỏa khắc bành kim mà khí ở phổi thụ thương, khí dễ báo vệ, đã hư yếu thời ra mồ-hôi mà nguyên khí báo tán »

Chương 107.— Cách ngôn : Mùa hè nóng nên dễ ra mồ hôi mà chờ vớt lại.

Mùa hè có mồ-hôi thời thử tả tán ra mà không lưu ở cơ-thể vì thể không nên nóng quá để vớt mồ-hôi. Nội-kinh có nói: « Mùa hè nóng mà mồ-hôi không ra thời sang mùa thu thành chứng phong ngược. »

Chương 108.— Cách-ngôn : Chứa ở tạng tâm là huyết mà phát ra ngoài là mồ-hôi vì mồ-hôi là tân-dịch ở tạng tâm, mà chứng tự ra mồ-hôi bởi ở tâm, thận đều hư yếu.

Câu nói trên là cách ngôn của ông Đan-Kê, vì tạng tâm tóm giữ chân-huyết, mồ-hôi vẫn là ở tạng tâm, nhưng tạng thận là chân-dương chân-thủy, chứng tự ra mồ-hôi phần nhiều là dương hư, tuy bởi tạng tâm mà có liên quan đến tạng thận.

Chương 109.— Cách-ngôn : Ngũ-tạng không điều hòa thời chín khiếu không được thông ; Lục phủ không điều hòa thời lưu kết thành ung nhọt.

Ngũ-tạng thuộc về âm mà chủ về huyết, nay huyết



tân thời không tằm được khí cho nên không thông, lục-phủ thuộc về dương khí, nay khí trở thời huyết ngừng mà thành ra ung-nhọt.

Chương 110.— Cách ngôn : Thức chua vào đến gân nên ăn nhiều thức chua thời tiểu-tiện vớt ; Thức mặn vào đến huyết, nên ăn nhiều thức mặn thời háo khát.

Vị chua vào tạng can, tạng can chủ về gân mà ngọc-hành là gân cái. Tạng can dễ tiết ra, nay hư yếu vì ăn vị chua nên tiểu tiện vớt lại.

Vị mặn vào tạng thận, tạng thận chủ về thủy, nay chân thủy kém vì ăn nhiều thức mặn, nên thành ra chứng háo khát.

Chương 111.— Cách ngôn : Sau chứng thổ nhiều tả nhiều, lại nhiều người bụng đầy trướng, đó là khí của tạng tỳ quá hư yếu.

Dạ dày không nạp được mới thổ, tạng tỳ không chuyển vận được mới tả. Thổ tả rời trong bụng không còn vật gì mà lại no trướng. là vì khí của tạng tỳ không vận hành. Uống trệ mà đầy trướng giả thối, nhất thiết đừng nhận lầm là còn có vật gì lưu lại mà dùng thuốc tiêu đạo

Chương 112. - Cách-ngôn : Chứng thổ nước chua là ở trong thấp sinh ra nóng ; Chứng nuốt nước chua là hư hỏa uất ở trong, đều bởi tỳ, vị hư, hàn.

Thổ nước chua là thổ ra thấy chua ; Nuốt chua là khí ợ hơi, nước của dạ-dày trào ra dễ-họng, thổ ra không được bất đắc dĩ mà nuốt vào thời thấy vị chua, vì rằng vị chua vì thấp uất lên, tỳ-vị ghét thấp, nay tỳ thổ hư thời hỏa uất, cho nên đoán là hư hàn.



Chương 113.— Cách ngôn : Tỳ thổ không có hỏa ở mệnh-môn thì không sinh ra được ở tạng phế, không có thủy ở mệnh-môn thì không hoá đi được. Người ta ai cũng biết thổ chế được thủy mà không biết dương chế được âm, ai cũng biết khí hoá ra tinh mà không biết tinh hóa ra khí.

Trong quả thận là mệnh-môn, bên trái là chân-thủy để hoá ra phế khí, bên phải là chân-hỏa để sinh ra tỳ thổ, ai cũng biết tỳ thổ chế được thận-thủy mà không biết chân-hỏa lại chế được âm thấp của tạng tỳ mà sinh ra thổ ; Ai cũng biết khí của tạng phế hóa ra tinh, mà không biết chân-thủy là gốc của âm tinh hóa được ra khí.

Chương 114.— Cách ngôn : Chứng tích bởi hàn lưu lại lâu ngày thời hàn hóa ra nhiệt ; Phong làm nên tích, đã thành tích thời không còn là chứng phong.

Tạng tỳ được ấm thời vận hành, nếu hàn thời ngừng trở vì thế chứng tích bởi tạng tỳ hư hàn, hàn khí nổi lâu thời lại hoá ra nhiệt.

Chứng tích phần nhiều bởi phong vì phong là hành mộc lấn tỳ thổ, tỳ hư thời đờm và huyết xấu tụ lại mà thành chứng tích, khi ấy muốn trừ chứng tích phải để ý vào tỳ vị mà không kể đến phong nữa.

Chương 115.— Cách ngôn : Chứng bĩ đầy bởi khí không vận hành, rỗng ông Đông-Viên cho là bệnh huyết.



Khi của tạng tỷ không vận hành thời thành chứng bí-đầy, nên đều chữa bằng vị thuốc hành khí. Riêng ông Đông-Viên cho là bệnh huyết mà chữa bằng âm dược, là vì khí trọng-trọc (khí đục) đem lên trên, thời sinh ra chứng đầy-trướng. Nội-kinh cũng nói : « Ăn uống không tiết độ, lúc làm lúc nghỉ không có thì giờ, thời âm phận mắc bệnh trước, cho nên chứng quan-cách đều bởi dạ-dày khô ráo ». Người đem thuốc hành khí để chữa chứng bí mẫn mà bệnh càng tăng lên, là không biết nghĩa ấy, cho nên Nội-kinh còn nói : « Bệnh về âm huyết thời không nên thêm cho dương khí vì dương vượng thời âm tiêu. »

Chương 116 — Cách ngón : Mùa hè hay sinh bệnh tiết-tỏ là vì trúng hàn.

Mùa hè khí nóng bốc lên mà là mùa thấp nhiệt, nhưng tiết hạ-chỉ âm phận đã bắt đầu sinh ra, đó là âm ngấm ngấm ở trong tháng hè, ở ngoài nóng mà ở trong lạnh, cho nên cổ thư còn nói : « Năng là âm tả », khác nào cây có mồ hôi.

Chương 117. — Cách ngón : Đi tả nhiều thời vong dương nghĩa là mất dương ở trong âm.

Tả thời hại tân-dịch mà hại huyết, nhưng chưa đúng hết, là vì đi tả hại đến vị khí, dương khí bấp trở xuống, âm khí phát ở dưới rồi bốn chân tay giá lạnh mà vong dương, đời xưa đem bài phụ-tử-lý-chung để chữa chứng tả, đâu có phải là âm dược, cho nên câu nói đi tả thời mất dương ở trong âm cũng như ra mồ hôi nhiều thời mất âm ở trong dương, về lẽ ấy tôi đã bàn kỹ ở cuốn « Đạo-Lưu ».



Chương 118.— Cách ngôn : Chứng ráo và khát không giống nhau, chứng khát là táo hỏa dư ra, mà chứng ráo là tân-dịch không đủ.

Chứng khát về thực hỏa là hỏa dư ra, mà chứng ráo là thủy không đủ. Khát thời uống nhiều không biết chán, còn chứng ráo là uống luôn mà không uống nhiều, chỉ vì tân-dịch hao muốn nhuận đi mà thôi, vì thế chứng thực hỏa nên dùng thuốc hàn-lương mà chứng vong âm nên thêm cho chân thủy.

Chương 119.— Cách ngôn : Chứng gió độc thời dương phệ thụ bệnh trước, còn người ăn uống không tiết độ, lúc làm lúc nghỉ không đúng giờ, thời âm phệ thụ bệnh trước.

Những bệnh cảm vì ngoài đem lại thì dương phệ thụ bệnh trước, nếu vì ăn uống hay làm việc không điều độ mà thụ bệnh, là bệnh khởi ở trong, thời âm phệ thụ bệnh trước, vì dương ở ngoài mà âm ở trong.

Chương 120.— Cách ngôn : Đản bà vì sinh nở về nguyệt kinh, nên tổn chân âm nhiều hơn, mà nhiều chứng đau lưng nhức chân.

Tinh kém thời xương yếu, huyết suy thời gân khô, tinh huyết đều là âm, âm đã tổn cho nên lưng đau chân mỏi.

Chương 121.— Cách ngôn : Đau nhức là hàn khí có nhiều, có hàn mới đau nhức.



Hàn làm ngưng chân huyết, huyết đã ngưng thời kinh lạc kết lại mà đau nhức, cho nên cổ thư có câu « Hàn thời bại hình bại » khi kết thời huyết trệ mà đau.

Chương 122.— Cách ngón : Tinh của ngũ tạng lục phủ đều hợp lại ở mắt tức là con ngươi, tinh của xương là đồng-tử, tinh của gân là lòng đen.

Về khoa chữa mắt, cổ nhân phân biệt ra năm thứ vánh, tám thứ thành-quách, rồi thuộc vào tạng nào, phủ nào, chỉ làm hoang mang cho người học thuộc. Tóm lại tinh hoa ở thân người đều hợp ở mắt mà gốc ở can và thận, lòng đen thuộc tạng can, đồng-tử thuộc tạng thận, can chủ về huyết, thận chủ về tinh mà thôi.

Chương 123.— Cách ngón : Đồng-tử đột cao lên là kinh thái-âm không đủ, mắt ngược lên là kinh thái-dương đã tuyệt.

Đồng-tử thuộc tạng thận, kinh thái-âm không đủ thời hỏa bốc lên mà đột cao. Còn mạch ở kinh thái-dương theo xương sống mà lên đến mắt, nếu mắt đã trợn thì thời dương tuyệt khi thoát mà chết.

Chương 124.— Cách-ngón : Trẻ em thủy ở trên, hỏa ở dưới cho nên mắt tỏ, người già hỏa ở trên thủy ở dưới cho nên mắt mờ. Người không trông được xa là dương khí không đủ, người không trông được gần là âm khí không đủ.

Mắt được sáng tỏ là bởi cả thủy hỏa, nên cổ thư còn nói « âm phạm không đem lại sáng tỏ cho mắt ». Tôi



đọc sách chữa mắt có câu « Dương không đủ Âm có thừa thời không trông được xa, Âm không đủ dương có thừa thời không trông được gần ». Tôi lấy làm buồn cười, vì không có lẽ gì chỉ trông được xa mà không trông được gần. Tôi thường thấy người Âm hư đầu ngoẹo trông lõm vào mới thấy, thì trông sao xa được nữa. Nội-kinh có nói : « Khi ở trên không đủ thời trông lõm vào mới thấy » thế là chỉ nói dương không đủ mà không nói đến dương thừa ra. Vậy nói thừa ra là trái với Nội-kinh.

Chương 125.— Cách ngôn : Mũi thường ngọt là bởi hỏa, ngọt tặc lại là phong hàn.

Tạng phế thuộc hành kim mà chủ về khí, khai khiếu ở mũi, nay hỏa khắc hành kim làm bại đến phế khí, cho nên thường ngọt mũi là bởi hỏa. Tạng phế chủ về bi mao, nếu phong hàn cắm vào làm bại đến phế khí thì mũi ngọt tặc lại. (khác với chứng trên).

Chương 126.— Cách ngôn : Tĩnh là gốc sinh ra người, nếu mùa đông biết tiềm tàng thì sang mùa xuân không sinh ra ôn-bệnh

Tiết đông-chí khí' dương đã phát sinh, nếu ta không khéo nhọc nhằn, để tinh khí khởi phù việi thì thớ thịt (đần lỳ) không dãn ra mà hàn tà không cắm vào. Như vậy sang mùa xuân dương khí vượng lên không thể phát ra, ôn-bệnh.

Chương 127.— Cách ngôn : Người trước quý' sau hèn là chứng « thoát-doanh », người trước giàu sau nghèo là chứng « thất-tinh »



Người ta khi quý hiển thì nghĩ nhiều hại đến tính thần, tạng tâm chứa thần mà tẩm chân huyết, cho nên sau hèn thì sẽ thành chứng thoát doanh (tức là thoát huyết).

Người gian tính toán vận dụng phần nhiều hại đến khí, tạng thận chứa chỉ tàng tinh, nên khi nghèo thương thành chứng thất tinh (mất tinh).

Chương 128.— Cách ngôn : Tinh kiệt thời âm hư, âm hư thời không có khí mạnh nên thành ra chứng lao-tồn.

Tinh là âm mà sinh ra khí, tinh khí đã suy kém nên thành ra chứng lao-iễn.

Chương 129.— Cách ngôn : Nước tiểu của người, truyền tổng bởi hai tạng tâm và thận.

Tạng tâm và tiểu-tràng, tạng thận và bàng-quang đều tương thông với nhau, tiểu-tràng thấm ra, bàng-quang thấm vào, mà đường tiểu tiện mới thông, vậy nước tiểu phải nhờ đến tâm, thận mà không những nhờ tiết độ ở tạng phế.

Chương 130.— Cách ngôn : Ở trên giả-nhiệt là bởi ở dưới thật hàn.

Đồ là lẽ khí âm bửa bách khí dương trở lên, ông Trọng-Cảnh có nói : « Người hư yếu hai gò má đỏ là khí âm hư ở dưới bức khí dương trở lên ». Cồ thư nói : « Khí âm thịnh làm cách khí dương lên ». Lại nói : « Thủy nhiều quá tựa như hỏa. » Đền là lẽ ấy. Là vì khí âm



vẫn giữ khí dương lại, nay không đủ sức hút khí dương nên bốc lên mà thành ra giả nhiệt.

Chương 131.— Cách ngôn : Nhiệt quá hại chân âm, tân-dịch không đi mà tiểu-tiện bí.

Nhiệt quá thì hại chân âm mà thấy kiệt nên tiểu tiện bí. Nhưng còn có lẽ nhiệt mà khí bí vì, vì nhiệt thời tại phế khí, tạng phế thiếu tiết độ mà tiểu-tiện không thông.

Chương 132.— Cách ngôn : Chứng trúng hàn là trong lý không có hỏa.

Thương hàn là nhẹ, mà trúng hàn là nặng, hàn-tà không vào trong lý là cảm, mà vào ngay trong lý là trúng, vì chân dương ở trong người suy kém, phép chữa phải dùng ngay thuốc ôn để điều chân dương.

Chương 133.— Cách ngôn : Mùa hè mà cảm hàn đủ rõ khí ở trong không được vững.

Mùa hè thời dương khí của người bốc ra ngoài biểu mà lại cảm hàn, chẳng phải là dương khí suy kém hay sao ?

Chương 134.— Cách ngôn : Nóng lâu hại chân âm.

Nóng lâu thời huyết khô, thấy kiệt, cổ thư có nói : « Chữa thương hàn phải cứu chân âm ». Nhưng Nội-kinh nói : « nóng thời hại chân khí » là vì hư yếu mới nóng, hay nóng ở ngoài lại hại chân khí, còn nóng đã lâu hay nóng từ trong khởi ra thời hại chân âm ! Cổ thư



nói: « Nóng bạo bệnh không phải là âm-bệnh, nóng đả lâu không phải là dương-bệnh », cũng là lẽ ấy, lại như bài thuốc chữa cảm thử không dùng đến huyết được, cũng là cơ trúng thử không hại đến Âm vậy. (Tôi có lời bàn về lẽ đó ở quyển « Đạo lưu »).

Chương 135 — Cách ngôn : Mọi chứng ban sôi mà huyết thịnh khí mạnh thời sắc đỏ mà dễ phát ra, huyết hư khí yếu thời sắc trắng mà lờ mờ mà khó phát ra, đừng cho là độc khí nhẹ hay nặng.

Sách ngoại-khoa cho nhiệt là độc khí, nhưng là khí huyết không hòa mà tự bệnh, chứ không phải trong khí huyết có độc khí gì mà lưu độc ở đó.

Chương 136. — Cách ngôn : Chứng tự ra mồ-hôi và ra mồ-hôi trộm, tuy có phân biệt, nhưng đều là người hư yếu.

Mồ hôi là tân dịch của tạng tâm, tạng thận, người dương hư thời tự ra mồ hôi người âm hư thời ra mồ-hôi trộm, nếu âm dương không hư yếu thời sao có mồ-hôi.

Chương 137. — Cách ngôn : Kinh túc-thái-âm thiếu chân dương thời chân tay giá lạnh, khí ngược lên thời đau hoặc loạn.

Kinh túc-thái-âm là tạng tỷ, tạng tỷ là dẫn cho mọi chân âm, các âm mạch đều khởi từ huyết dũng-tuyền (gan bàn chân), trong âm không có khí dương, thời bốn chân tay giá lạnh. Còn chứng đau hoặc-loạn, là khí ngược lên, âm lấn vào địa vị của dương, mà âm dương tương tranh.



Chương 138.— Cách ngôn : Tạng thận hư thời tân-dịch kiệt mà đại tiện táo.

Tân dịch đã kiệt thời đại tiện táo kết. Sở dĩ, bởi tạng thận hư, là vì tạng thận chủ về 5 thứ tân dịch. Cỏ thư còn nói : « Đại tràng thiếu chân huyết thời táo. »

Chương 139.— Cách ngôn : Chứng thương hàn mà tiểu tiện đi được nhiều, phần nhiều là hay.

Chứng thương hàn cảm vào bì mao (da và lông) mà tạng phế thu bệnh trước, tạng phế chủ về tiết độ, thông điều đường thủy, nay tiểu tiện lợi là tạng phế không hại mấy. Cũng như cỏ thư đã nói : « Chứng thương hàn mà có ho đờm là nhẹ, vì tạng phế là chủ ngoài biểu mà chủ về ho, hay có ho là bệnh còn ở ngoài biểu, mà trong lý vẫn hoá, vì thế mới cho là nhẹ ». »



THIÊN HÓA-CƠ (Máý của Táo-Hóa)

(gồm 41 chương)

Chương 1.— Cách ngôn : Dương khí trơ vơ (cổ dương) không vượng được một mình, cũng như hỏa không có gốc, thời không thể tỏ được mãi.

Âm dương giúp lẫn cho nhau, nên trong âm phải có dương, trong dương phải có âm. Nhưng tính của dương hay bốc lên, mà phải có âm để giữ lại, nếu trong dương không có âm thời là cô-dương, cũng như lửa bốc trở lên, bốc hết sức thời phải tắt.

Chương 2 — Cách ngôn : Mồ-hôi về dương cũng như mưa của trời đất.

Mồ-hôi ra từ ngoài biểu là dương mà gốc ở âm. Ta thử xem trong khi oi nóng nếu được mưa thời mát, mà bệnh uất nhiệt nếu ra mồ-hôi thời giải. Nhưng phép chữa cho phát hãn, có bệnh phải đem dương khí lên mới giải được ở ngoài biểu, đó là chứng dương uất, có bệnh phải giúp chân âm mới ra được mồ-hôi, đó là người âm hư, hai bên rất không giống nhau, người làm thuốc không hiểu lẽ ấy, đều dùng vị thuốc tân hương (cay mà thơm) để khu phong, thời chân huyết càng ráo mà mồ-hôi càng se lại, thế là âm vong mà dương cũng thoát.

Chương 3 — Cách ngôn : Mọi chứng tiết-tả thời điều-tiện không lợi.



Ấu nống vào dạ-dày, đến tiền-tràng thời có đường ngăn biệt ra, cặn bã thời vào đại-tràng, mà nước thời thấm vào bàng-quang. nếu hỏa ở hạ-tiêu suy yếu, thời không phân biệt được, cả thức ăn thuốc đều vào đại-tràng mà thành ra tiết-tả, vì thế nên tiện không thông lợi.

Chương 4 — Cách ngôn : Chỗ rốn của bệnh nhân mà « động-khí » là trung triệu của chứng âm hư.

Chứng này nhà làm thuốc ít người biết, chỗ rốn mấp máy mà có tiếng như sôi bụng vì chỉ ở mé trong da mà không phải ở trong bụng. Bệnh nhân không thấy khó chịu lắm. nên không nói với thầy thuốc. Nhưng chứng đó là trung triệu chân âm quá hư, vì chân thủy suy yếu, hỏa không về được chỗ, nên theo với khí mà động ở hạ-tiêu, chứng ấy rất kỳ vi bạch-truật vi rảo, người làm thuốc phải nhận kỹ.

Chương 5 — Cách ngôn : Trong năm chứng đoạt (ngũ đoạt) duy chứng tả là chóng chết.

Ngũ đoạt là ra huyết nhiều, mồ-hôi nhiều, thở nhiều, tả nhiều vì đang chết người mới gọi là đoạt, duy chứng tả hư âm dương chong tuyệt, vì tả thời tỷ vi bại. Nội Kinh có nói. « Chứng tả mà còn vi-khí thời sống, không vi-khí thời chết. »

Chương 6. — Cách ngôn : Hình tượng của chứng nắc ví như sấm ở trong mưa, dương phải âm che đi mới thành ra sấm, khí phải nước lấp đi thành nắc, cho nên Nội-kinh có nói : « Chứng nắc ngược lên đều thuộc về hỏa. »



Hỏa tức là khí, khí thành ra tiếng nên khí càng nổi thời càng nức, tính của hỏa bốc trở lên, nếu có ngăn trở thời phát bệnh vì thế chữa chứng hỏa nức, chỉ nên phát tiết ra, mà không nên giáng xuống, càng giáng thời càng nức.

Chương 7. — Cách ngôn : Các chứng bệnh nếu thiếu tỳ đi ít, thời bệnh càng tiến.

Khí của đất bốc lên, khí của trời giáng xuống mà là « quẻ Thái » « Thái » là trời đất tương giao mà vạn vật được hanh thông.

Trong thân người, tạng tỳ là đất, tạng phế là trời, khí của tạng tỳ thông lên tạng phế, mà tạng phế chủ về tiết-dò, thông được đường thủy đi vào bàng-quang, như thế thời còn có bệnh gì. Nếu tỳ-nhận ít là tỳ phế không tương giao thời là « quẻ Bĩ », nghĩa chữ bĩ là trời đất không tương giao mà vạn vật không hanh thông.

Chương 8. — Cách ngôn . Phẫn, táo tuy là chứng nhẹ, nhưng là triệu chứng tình thần hao kiệt.

Chứng phẫn bởi tạng tâm, chứng táo bởi tạng thận, tâm là chủ cho thần-minh, thận là nơi của tinh-buế', nên chứng phẫn táo là tâm, thận suy yếu. Tôi gặp chứng ấy là dự bị chữa đến căn bản, mới có thể cứu vãn, nếu đến khi chân tay động, thời không thể chữa được.

Chương 9. — Cách ngôn : Người ta được hưởng thọ là nhờ sự ăn uống của hậu-thiên, mới sinh được tân-dịch, vì thế, tân-dịch, kém thời ốm, kiệt thời chết.



Câu trên là lời nói của Ông Du-Gia, nắm thức ăn vào dạ-dày, sang tạng tỳ vận hành để hóa ra tân-dịch, cở nhân gọi thức ăn nóng là huyền-tương ngọc-dịch, lại gọi là hoa-tri-thủy, cũng như thuốc tu tiên.

Chương 10 — Cách-ngôn : Người ít tuổi không nên có trạng thái yếu, người tuổi già không nên có bệnh sốt rét.

Người thiếu niên là lúc âm sinh dương vượng mà ăn ít hay nằm, biến ra trạng thái suy yếu, thời không thể hưởng thọ được. Chứng sốt rét là âm dương đều yếu, vì dương hư thời phát rét âm hư thời phát sốt. người tuổi già gặp chứng ấy, lại không phải là hư yếu quá độ hay sao ?

Chương 11. — Cách ngôn : Chứng mơ màng mà đi tỉnh, cở nhân gọi là tẩu-dương (dương buột đi).

Huyết trọc là âm, mà tinh thanh là dương, tạng tâm và tạng thận không tương giao với nhau nên sinh ra mơ màng chiêm bao, vả lại, tạng tâm tóm châu huyết, tạng thận chưa ti tinh khí, tâm thận đều hư yếu mới chiêm bao mà đi tỉnh, vì thế gọi là chứng « tẩu-dương ».

Chương 12 — Cách ngôn : Tinh thần giữ ở trong, bệnh từ đâu đến được, nếu có trở ngại thời bệnh từ đấy phát ra.

Tinh, Khí và Thần là ba của báu cho người, tạng tâm chứa thần, tạng thận chứa tinh, nếu tâm và thận tương giao, thời là quả thủy-hỏa ký-tế trong kinh dịch.



(nước ở trên lửa ở dưới thời giúp được mọi việc) như thế thời bệnh từ dần vào được. Nếu âm thịnh dương hư, hay dương thịnh âm hư, hoặc hỏa ở trong âm hư yếu, hay là thủy ở trong âm hư yếu, thế là chính khí không giữ vững được, mà tà khí mới lấn vào.

Chương 13.— Cách ngôn : Khí của trời thông vào phổi khí của đất thông vào cuống họng, khí của phong thông vào tạng can, khí của sương thông vào tạng tâm, khí của mưa thông vào tạng thận.

Người ta lúc khí trời thay đổi là dễ cảm, tạng phế thuộc về quẻ « Kiền » mà ứng với trời, cuống-họng thuộc dạ-dày mà ứng với đất, tạng can thuộc hành mộc mà ứng với gió, tạng tâm thuộc hành hỏa mà ứng với sương, tạng thận thuộc hành thủy mà ứng với mưa, cho nên trong bách bệnh, vì tà của lục dâm là gió, rét, nắng, thấp, táo, hỏa, mà phát bệnh đến quá nửa.

Chương 14.— Cách ngôn : Mạch là đường của huyết lưu thông, mọi mạch đều thuộc về mắt, nên trông lâu thời hại mắt.

Huyết có mạch để lưu thông, tạng can khai khiến ở mắt, mà mọi mạch thuộc về mắt, huyết theo với khí, nếu trông lâu thời khí ủng trệ, mà huyết bị thương, nên hại đến mắt.

Chương 15.— Cách ngôn : Lục kinh là sông, mà tràng, vị (ruột, dạ dày) là bể.

Lục Kinh là tam âm và tam dương, tràng, vị là đại



tiểu tràng và dạ-dày, các kinh mạch đều bởi ở dạ-dày, cũng như trăm ngọn sông đều chảy về bể.

Chương 16. — Cách ngôn : Đề ý vào sự vật gọi là tâm, tâm có nhớ gọi là ý, ý đề vào đầu gọi là chí, chí biến đi gọi là tư (nghĩ), nghĩ xa xôi gọi là lý (lự), nhân lo mà xử sự gọi là trí (khôn biết).

Thất tình là vô bệnh. cồ thư có câu. « Bệnh về thần tư (tình thần nghĩ ngợi) khó dùng thuốc để chữa được, khác với ta của lục dâm, mà có thể chữa chông, vì lẽ bệnh ở trong nặng hơn bệnh ở ngoài đến.

Chương 17. — Cách ngôn . Mừng và giận hại đến khí, rét và nóng hại đến hình

Mừng quá thời hại tạng tâm, giận quá thời hại tạng can, tâm là quắc-hỏa, can là tương-hỏa, như thế là hại về khí rét ngưng máu chân huyết, nóng hỏa đến chân huyết, huyết là thịt, là hình như thế là hại hình.

Chương 18. — Cách ngôn : Thức uống vào dạ-dày, rồi tiêu góp vào tạng tỳ, tạng tỳ tán tinh hoa để đem lên tạng phế thông được thủy đem xuống bàng quang, thế là vận hành cả ngũ kinh

Thức uống là khí vô hình cho nên vội ra, bởi khí, mà sinh ra khí.

Chương 19. — Cách ngôn : Thức ăn vào dạ dày tán tinh ra tạng can, khí ấy đi ra gân, khí nặng và đục về tạng tâm, rồi dồn tinh hoa ra mạch, khí của mạch đi ra kinh lạc rồi về tạng phế.



Thức ăn là vật hữu hình, cho nên đem đi bởi hình mà thành ra huyết.

Chương 20.— Cách ngôn Nguyên dương chứa ở tạng thận, tức là quả « khảm » mà vận dụng thời về tạng tâm tức là quả « ly » đó là gốc để sinh ra người.

Hỏa ở khe hai quả thận là long-hỏa tức là mệnh-môn-hỏa, mà tức là nguyên-dương. Long-hỏa bốc lên thời quân hỏa ở tạng tâm, tương-hỏa ở ngũ tạng, hỏa của tam-tiên, đều bốc lên mà là long-lôi-hỏa thời có hại. Gọi là mệnh-môn là cửa để lập mệnh cho người.

Chương 21.— Cách ngôn : Nửa người ở trên mệnh hơn dưới thời nằm chiêm bao thấy bay, nửa người ở dưới mệnh hơn trên thì nằm chiêm bao thấy rơi ngã.

Khi âm hòa bình khi dương vút lại thời vô bệnh, nếu nửa người ở trên thịnh hơn thời ở dưới suy, tinh thần phù việt mà nằm chiêm bao thấy bay, nửa người ở dưới thịnh hơn thời ở trên yếu, tinh khi bầm trở xuống nên nằm chiêm bao thấy rơi ngã.

Chương 22.— Cách ngôn : Vinh là tình khí của thức ăn uống, vệ là hãm khí (khí để ngăn giữ) cho thức ăn uống.

Vinh vốn là âm, vệ là dương, vì lẽ gì vinh là âm mà lại là thanh khí, vệ là dương mà lại là trọc khí. Hào âm ở trong quả « ly » tức là dương-huyết của tạng tâm,



cho nên viach-huyết cũng gọi là thanh khí, hào dương giữa quả « khảm » tức là sinh-khí của tạng thận, cho nên về khí lại là trọc khí, cổ thư có nói : « Tạng tỷ chủ âm huyết về hậu-thiên, tạng thận chủ dương khí và tiên thiên ».

Chương 23 — Cách ngôn : Thức ăn vào dạ dày đường mạch mới vận hành mà huyết mới thành ra.

Tạng can chủ về gân mạch, tạng tỷ chủ về huyết mạch, thức ăn vào dạ dày, tinh khí sang tạng can mà đường mạch mới vận hành. Thức uống vào dạ dày hợp với tinh khí mà tạng tỷ mới thành ra huyết.

Chương 24. — Cách-ngôn : Nằm không được yên là huyết không về tạng can, về khí không vào được âm phận.

Khi âm ra dương phát thời thức, khí dương vào âm phận thời ngủ. Người nằm ngủ thời huyết về tạng can dương vào âm phận mới nhắm mắt lại.

Chương 25. — Cách ngôn : Người nằm không được yên mà thở nghe thấy tiếng, là khí kinh dương-minh ngược lên

Nội-kinh có nói : « Dạ-dày không được hỏa, thời nằm không được yên, tỷ-vị chủ về 4 chân tay mà vị là dương khí của hậu-thiên, nay khí ngược lên thời thở nghe thấy tiếng. »

Chương 26. — Cách ngôn : Lúc đi lúc ngồi như thường, mà thở nghe thấy tiếng là mạch lạc của tạng phế ngược lên.



Kinh lạc của tạng phế gọi là « hư-lý », hư-lý ở giữa hai vú, là nơi của chiêm-trung khí-bái (1), vả lại, tạng phế chủ về mọi hơi thở, khi đã ngược thời thở nghe thấy tiếng.

Chú giải : 1) Xem về quyền Mạch kinh.

Chương 27. — Cách ngôn : Trên chỗ cách mạch là cha mẹ cho sinh mệnh.

Cách-mạch là màng để ngăn ra tâm và phế ở về thượng-tiền, phế chủ về khí, tâm chủ về huyết, có khí huyết mới dinh dưỡng được cơ thể, nên ví như cha mẹ bảo vệ cho con cháu.

Chương 28. — Cách ngôn : Tạng tỳ là đầu mọi âm huyết, mắt là chủ cho huyết mạch.

Kinh túc-thái-âm là tạng tỳ là gốc cho vịnh huyết, cho nên gọi tạng tỳ là đứng đầu mọi âm huyết. Mọi huyết mạch đều tụ lên mắt, mắt có huyết mới trông được, cho nên gọi mắt là đầu của huyết mạch.

Chương 29 — Cách ngôn : Tỳ là gốc cho tân-dịch là chủ cho dương-khí.

Tạng tỳ là gốc của tân-dịch mà tỳ ví liên hệ với nhau, gọi là nguyên-khí, là doanh-khí, là vệ-khí, đều là tên-riêng của vị-khí, vì thế tỳ ví là chủ cho dương khí.

Chương 30. — Cách ngôn : Tinh thần của thân người quý ở kín đáo, nếu hiện ra ngoài là ở trong hư yếu.



Sách phong-giám có nói : « Mặt trông như hoa đào, mắt trông như nước mùa thu là tinh thần không kín đáo, phần nhiều là chết non ». Lại có câu : « Hình dáng cò quai nhương trông kỹ lại có thần là tướng quý và thọ ». Thế mới biết thần sắc của người không nên hiện quá ra ngoài. Tinh khí và thần là chủ cho toàn người. Nội-kinh có nói : « Chủ không sáng tỏ thời 12 quan chức đều nguy » là nói những thần không ở kín vào một nơi. Tôi thường thấy những chứng bệnh chóng chết bởi tinh thần đã thoát trước, nên tôi mới bàn luận về việc bổ thần (bổ cho tinh thần ở quyền đạo-lưu).

Chương 31. -- Cách-ngón : 12 kinh mạch và 365 lạc, kinh và lạc ấy khí huyết trở lên trên mặt mà đi vào nơi « không khiếu » (1).

Tinh hoa của khí huyết đều họp ở mặt, nên mặt trông được tai nghe được, miệng biết thức ăn, mũi biết mùi thơm, hơi.

Chú giải 1) không khiếu là lỗ hổng.

Chương 32 -- Cách ngón Tiên thiên như triều đình, hậu thiên như quan chức, chấp chính ở tiên-thiên mà hành chính ở hậu-thiên.

Tiên-thiên là mệnh-môn trong tạng thận, là quân chủ cho toàn người, ví như người chấp chính ở triều-đình Còn về hậu-thiên là tạng lý vận hóa, dạ-dày chứa thức ăn uống, tạng phế giữ tiết độ, cũng với thân hình của tạng tâm, kỹ xảo của tạng thận, mưu tính của tạng can, quyết đoán của mặt, đại-tiểu-tràng truyền tống đi, bàng-



quang tiết ra, tan tiên để thăng giáng đều bầm thụ ở mệnh-môn thời vì như các quan chức để hành chính.

Chương 33 — Cách ngôn : Hình là thực thể, mà sắc là tinh hoa, có ở trong tất nhiên hình hiện ra ngoài.

Xem hình người để biết nguyên khí hư hay thực, xét sắc người để biết tinh thần suy hay vượng, đều khi hư thời hình thể mỗi một mà không được mạch, thần suy thời sắc tối tăm mà không được sáng.

Chương 34 — Cách ngôn : Tâm là chủ cho tạng phủ, mọi gân tự ở mắt là đường cho tân-dịch phía trên. Vì thế thương xót lo buồn thời tạng tâm động mà tạng phủ đều lay chuyển, lay chuyển thời tôn mạch (1) thịnh quá, đường tân dịch mở thời khóc có nước mắt.

Câu trên là đức Hoàng-Đế hỏi mà ông Kỳ-Bá trả lời. Người đời sau diễn thêm ra mà nói : « Tạng tâm động thời hỏa bốc lên vì thế nước động lại mà khóc », lại nói : « Thương xót hại đến phế, phế kim sinh ra thủy mà khóc », lại nói : « Nước ở mắt tràn lên mà khóc », nhưng câu bản kỷ lại khác với Nội-kinh.

Chú giải 1) Tôn mạch : mạch lớn mà là chủ.

Chương 35. — Cách ngôn Tinh tán thời nhìn như rõ ra, trông một hóa ra hai

Đỏ là điểm thủy suy âm hư, trong dương không có âm thời hỏa bốc lên, trong hỏa không có thủy thời thăng lên.



Người đại bệnh mới khỏi và người tuổi già phần nhiều trông thấy như trên.

Chương 36. — Cách ngôn : Đời người đến 40 tuổi âm khí đã kém.

Cổ thư có nói . « Khi 10 tuổi hay đi chạy, 20 tuổi hay rảo chân, 30 tuổi hay đi, 40 tuổi hay ngồi, cũng là nói 40 tuổi mà âm khí đã kém vậy.

Chương 37 — Cách ngôn : Người lúc mới sinh thời thành ra tinh, rồi sinh ra óc và tủy.

Sách nói về thai nghén có câu : « Đàn bà có thai một tháng thời như thể giọt sương, 2 tháng thời như thể hoa đào », đó tức là chân khí là mệnh-môn. Cổ thư có nói . « Người ta sinh 2 quả thận trước, quả thận để chứa tinh, có tinh rồi óc, tủy mới sinh ».

Chương 38 — Cách ngôn : Thức cay hại đến khí, thức mặn hại đến huyết, thức đắng hại đến xương, thức ngọt hại đến thịt, thức chua hại đến gân.

Thức cay hại khí cho nên người mùi cay là bát xi, thức mặn hại huyết cho nên ăn mặn thời khát ; thức đắng hại xương cho nên ăn thức đắng thời bại răng ; thức ngọt hại thịt cho nên ăn ngọt thời đầy, thức chua vít lại cho nên ăn chua thời co gân. Bởi vậy, bệnh ở phổi kiêng thức cay, bệnh ở tâm kiêng thức mặn, bệnh ở thận kiêng thức đắng, bệnh ở tỳ kiêng thức ngọt, bệnh ở san kiêng thức chua.



Chương 39.— Cách ngôn : Chứng sợ hãi són phân ra, là khí tạng tâm không đầy đủ mà lấy đến can, thận.

Tạng tâm chủ về mừng, nếu hư yếu thời kinh, kinh thời sợ, sợ thời hại đến tạng thận, thận thủy đã hư thời can một thiếu sự nuôi dưỡng, tạng can chủ về gân mà tiết ra, tạng thận với bàng-quang lại tương thông với nhau, vì thế sợ hãi thời són phân ra.

Chương 40.— Cách-ngôn : Thần có dư thời cười nhiều, thần không đủ thời thương.

Cười thuộc về tạng tâm, mà tâm để chứa thần, tạng tâm tóm giữ chân huyết mà chủ về hỏa, cười là tượng hành hỏa, huyết của tạng tâm sinh ra tinh, tinh sinh ra khí, khí sinh ra thần, nếu huyết dư ra thời thần cũng dư, hỏa thịnh mà cười nhiều.

Thương thời hại đến tạng phổi, tạng phế để chứa phách, phách là âm, tinh thần không đủ bởi ở huyết hư, huyết hư, thời âm hư, âm hư thời phách hư mà hay thương.

Chương 41.— Cách ngôn : Sắc đen ở phương bắc thông ở tạng thận mà khai khiếu ra nhị-âm (đường đi đại và tiểu tiện).

Phương bắc là quẻ khảm thuộc hành thủy mà sắc đen ứng vào tạng thận trong thân người. Mệnh-môn ở



giữa 2 quả thận, thế là hai âm bọc lấy một dương, mà giống với hình quả « khảm », tạng thận khai khiến ở tiền âm là chỗ đi tiền tiện và hậu-âm là chỗ đi đại-tiện, vì thế tiền tiện đi nhiều hay ít và đại-tiện bí kết đều bởi ở tạng thận.



Y HẢI CẦU NGUYÊN

tập Quý

THIÊN TRỊ TẮC (Phép chữa bệnh)
(gồm 95 chương)

Chương 1. — Cách ngôn : Tả khí cảm vào là chính khí hư yếu, phải chữa chỗ hư yếu, mà không phải hỏi chi tiết.

Trong thân người khí âm hòa bình, khí dương bị vít, thời không thể sinh bệnh được, cao nên cổ thư có nói : « Bách bệnh đều bởi hư yếu, dù có ngoại-tả cảm vào cũng chỉ là một dẫn mối để phát bệnh », vì thế gặp thực chứng cũng bởi chính khí suy yếu, mà người chữa bệnh phải tìm nguyên gốc bệnh là chỗ đã hư yếu.

Chương 2 — Cách ngôn : Đùng chữa phong, đùng chữa táo, khi chữa được hỏa thời chỗ phong táo tự khỏi

Hỏa sinh ra nhiệt, nhiệt quá sinh ra phong, hơn nữa, hỏa thịnh thời hại chân âm mà táo. Vì thế chứng bệnh thấy phong, thấy táo, thời chỉ nên thêm chân thủy để chế hỏa, hay là bổ âm để cân với dương, thời phong và táo tự khỏi. Nếu chỉ đem thuốc gió để chữa phong,



thuốc mát để chữa táo, thời huyết hao mà lửa càng đông lên, mà phong táo không thể khỏi. Là vì thuốc chữa phong thời hao chân huyết, thuốc hàn thời ngưng chân huyết, câu cách ngôn của cổ nhân kể trên, nếu biết thông biến, thời chữa bệnh gì mà không được.

Chương 3. — Cách ngôn: Biết được chi tiết của bệnh nhưng chỉ chữa về căn bản thời chữa ngàn người không lầm một người.

Khi huyết là gốc mà chứng ở ngoài là chi tiết, người chữa bệnh xem chi tiết để tìm gốc bệnh ở đâu, thời dù chữa một nghìn người cũng không ai tổn hại, cổ ' thư còn nói « chữa một căn bản thời bách bệnh tiêu trừ, chữa về chi tiết thời đầu mối rối loạn. »

Chương 4 — Cách ngôn: Hành thổ vượng thời sinh ra kim, chờ bo bo về giữ tọng phổi, thủy mạnh thời hỏa đẹp, chờ tấp hấp về thanh tọng tâm.

Ông Di-Sinh nói câu trên thực là phương pháp bốc dịch để chữa chứng hư lao, vì chứng ấy bởi tình huyết suy kém, thủy ráo hỏa bốc lên mà sinh âm nhiệt, hỏa hư không sinh được lý thổ, thổ hư không sinh được phế kim, khí không đủ sức về chỗ, mà thành chứng ho đờm. Vì thế, phép chữa thì ở bốn chữ tráng thủy bổ thổ mà thôi. Người hiền sự chữa ra ngũ lao lục cực, lại chia đến 72 loại hư lao, rồi đặt ra nhiều bài thuốc, chỉ làm rối tai mắt cho người làm thuốc.

Chương 5. — Cách ngôn: Ho nửa ngày về trước, là trong dạ-dày có hỏa, quá trưa mới ho là âm hư,



chập tối mới ho là hỏa bốc lên phổi, không nên dùng thuốc hàn lương, chỉ nên liễm mồ giáng xuống.

Từ giờ mao đến giờ ty là dương ở trong âm, lại dạ dày chủ về khí là dương khí hậu-thiên, ho về thời gian ấy là trong dạ-dày có hỏa phải nên uống thuốc để thanh đi.

Từ giờ ngọ đến giờ thân là âm ở trong dương, ho về thời khắc ấy, phần nhiều là âm hư, nên giúp chân âm để giáng hỏa.

Giờ dậu là chập tối, từ đấy đến giờ hợi là âm ở trong âm, ho về thời khắc ấy là âm hỏa bốc lên mà hại phế kim, không phải là hỏa hữu hình, thật thiết không dùng được thuốc hàn lương để扑灭 hỏa, vì hỏa ấy càng gặp âm ướt càng đông lên, phép chữa chỉ nên giúp chân âm mạnh chân thủy, thêm vị ngũ-vị để liễm mà giáng xuống.

Chương 6.— Cách ngôn: Chữa chứng phong, phải chữa huyết trước, huyết đã hành thời phong tự diệt.

Tính huyết suy kém thời âm hư mà sinh nóng ở trong, nóng nhiều thời sinh ra phong, hay là phong ở ngoài nhân yếu mà lấn đi, vì thế, chứng phong thường bởi âm huyết hư yếu, âm càng hư thời phong càng đông mà thành ra chứng chân tay co quắp đau nhức. Cỏ thư có nói: « Trong khi không có huyết thời chân tay gật hay co lại ». Phép chữa: nhẹ thời giúp chân âm bổ chân huyết, mà nặng thời thêm cho chân thủy đều được công hiệu ngay. Nếu chỉ đem thuốc gió để chữa chứng phong, thì lại thêm bệnh ra.



Chương 7.— Cách ngón : Nguyệt-kinh không thấy, phải tả tâm hỏa, thời huyết tự nhiên ra vì tạng tâm chủ về huyết, tạng tâm thụ bệnh thời huyết không lưu thông.

Đã gọi là bệnh ở tạng tâm mà lại bảo tả vọi tạng tâm đi chẳng là đến chỗ hóa hư hay sao ? Về đản bà hay uất mà hại tạng tâm, tạng tâm thụ thương thời hỏa lại uất lên, hỏa tức là khí, khí uất thời huyết ngưng, như vậy là tả hỏa ở tạng tâm không phải là tả huyết cho vọi đi, vì khí đã hành thời huyết cũng theo xuống. Nội-Kinh có nói : « Bệnh của nguyệt-kinh chỉ vì huyết hư hay huyết trệ, huyết khô », phép chữa ở trên là trệ thời hành đi. Người không biết chỉ đem những vị thuốc cay thơm hành khí thời càng hại chân âm. Tôi chỉ dùng thuốc thanh tạng tâm là huyết hành ngay, không những tả uất hỏa mà thôi, tạng tâm tóm chân huyết, nếu nhiệt hay hàn đều sinh bệnh, ta phải tìm nguyên nhân mà chữa.

Chương 8.— Cách-ngón : Uống mọi thuốc mát mà vẫn còn nóng, là bởi ở chân âm, uống mọi thuốc nóng mà vẫn còn lạnh là bởi ở chân dương.

Dem thuốc mát mà chữa bệnh nóng, mà vẫn còn nóng thời phải bổ huyết để giúp chân âm hay là thêm chân thủy để chế dương-hỏa.

Dem thuốc nóng để chữa chứng hàn, mà vẫn còn lạnh, thời phải bổ tý thổ để chữa dương khí hay là thêm hỏa để tiêu đàm tối đi, đó là chữa theo đường thẳng (chính trị), nếu không song hiện thời phải lựa theo mà chữa (tông trị).



Chương 9.— Cách ngón : Chữa chứng nóng bằng thuốc lạnh, thời phải uống nóng để hành đi ; Chữa chứng lạnh bằng thuốc nóng thời phải uống nguội để hành đi.

Thủy khắc hỏa, hỏa ghét thủy, cho nên bệnh hàn phải ngừa cách thuốc nhiệt, bệnh nhiệt thời chống cự thuốc hàn, vì thế đem thuốc hàn chữa chứng nhiệt thời phải uống lúc còn nóng, đem thuốc nhiệt chữa chứng hàn thời phải uống lúc đã nguội.

Chương 10.— Cách ngón : Không có dương khí thời âm không sinh được, vì thế thuốc bổ khí có thể sinh được huyết mà thuốc bổ huyết không thể sinh được khí.

Nội-kinh có nói : « Không có dương thời âm không sinh được, mà không có âm thời dương không hóa được », sinh là dương không mà có, còn hóa là đã có mà hóa đi, dương sinh được âm như những vị sâm, linh, kỳ, trạch, thời đã bổ khí mà lại thêm huyết, còn những vị quy, thược, sinh-địa, dù có bổ huyết mà lại trệ khí, bởi vậy dùng thuốc bổ huyết phải thêm thuốc bổ khí, mà dùng thuốc bổ khí không nên thêm nhiều thuốc bổ huyết. Tôi đã bàn kỹ bài « bát chân » vừa bổ khí vừa bổ huyết ở cuốn « đạo-lưu ».

Chương 11.— Cách ngón : Chứng thất huyết cấm không nên hạ, một khi phải hạ thời nên dùng ở khi huyết còn súc-tích, mà không được dùng sau khi thất huyết.



Huyết vì hỏa mà đi đông hoặc thổ-huyết, hoặc lục huyết, dùng thuốc hạ thời giáng hỏa rất chóng, nhưng lúc mới phải bệnh mà người còn mạnh thời nên hạ, nếu đã thất huyết nhiều, nhiều thời âm dương đều tồn dù có nóng cũng là hỏa hư, nhất thiết không thể dùng được thuốc hạ. Lại có phép ra mồ-bôi nhiều thời sẽ không có huyết, bệnh nhân còn mạnh nên tham khảo mà chữa.

Chương 12.— Cách ngôn : Khí dư ra là hỏa, huyết theo khí trở lên. Vậy bổ thủy thời hỏa giáng, khí thuận thời huyết không thăng nữa.

Huyết theo khí trở lên, khí vì hỏa bốc lên, nay bổ thủy thời hỏa giáng, hỏa giáng thời thuận mà huyết không đi đông, vì thế cổ thư có nói « Chữa chứng huyết phải đề ý đến khí ».

Chương 13.— Cách ngôn : Chữa chứng khát phải thêm huyết vì huyết là tân dịch hóa ra, bệnh khát bởi ở huyết hư.

Nội-kinh có nói: « Mặn làm cho huyết chạy đi, nếu ăn mặn nhiều thời khát ». Lại người âm hư gây mà đen thường hay nóng nước thể là bởi ở huyết hư. Tôi chữa chứng thất-huyết rồi khát nhiều, bệnh nhẹ thời dùng bài tứ-vật bổ vị xuyên-khuông hợp với bài sinh-mạch ẩm, bệnh nặng thời dùng bài lục-vị bổ vị trạch-tả hợp với bài sinh-mạch ẩm chỉ nấu một thang to là công hiệu, đó là giúp chân thủy bổ chân âm thời khát tự nhiên thôi.

Chương 14.— Cách ngôn : Vì bệnh sinh ra đờm chứ



**Không phải đờm sinh ra bệnh, nếu chỉ chữa đờm
thời đờm lại tăng lên.**

Đờm là tân-dịch, nhân khí huyết yếu thời không hóa ra tân-dịch mà sinh ra đờm, người chữa phải tìm nguyên nhân thời không chữa đờm mà đờm tự hóa đi. Nếu chỉ đề ý chữa đờm dùng vị cay thơm để báo khí, dùng vị trong-trọc để phạt chân dương, vị táo thâm để hại chân âm, thời đờm lại thêm lên.

Chương 15.— Cách ngón : Chứng dương thịnh âm hư dùng thuốc phát hãn tất chết, mà dùng thuốc hạ mới khỏi. Chứng âm thịnh dương hư dùng thuốc hạ tất chết mà dùng thuốc phát hãn mới khỏi.

Chứng dương thịnh âm hư mà sinh nóng ở trong, dùng thuốc hạ để cứu chân âm thời khỏi, nếu dùng thuốc phát hãn thời âm huyết mát đi mà chết.

Chứng âm thịnh dương hư, sinh ra rét ở ngoài, dùng thuốc phát hãn để tán hàn thời khỏi, nếu hạ thời hại đến vị khí rồi dương thoát mà chết. Vì thế, bài quế-chí nướng khô miệng nếu là chứng dương thịnh thời chết, bài thừa-khi nướng khô miệng nếu là chứng âm thịnh thời chết.

Chương 16.— Cách ngón : Phát tán ở ngoài biểu dùng ngạt vị thuốc nhiệt, công ở trong lý dùng ngạt vị thuốc hàn.

Hàn là từ ngoài xâm vào, không có vị thuốc phong nóng cay thơm thời không thể tán được, nhiệt là vào trong lý không có vị thuốc lạnh đắng để nhẹ đi không thể hạ được. Nên cổ thư có câu: « Chứng thương hàn mà



người sốt không nên uống thuốc lạnh phải hạ ngay để cứu lấy chân thủy.

Chương 17.— Cách ngôn: Chứng âm hư phát sốt, phép chữa nên thêm cho chân thủy, chứng dương hư phát sốt phép chữa nên thêm cho chân hỏa.

Chứng sốt hoặc vì tà khí ở ngoài đến, hoặc vì uất nhiệt của thất tình, hoặc vì tý thổ hư yếu không chứa được chân dương, hoặc vì huyết hư mà hỏa đông dờ, đều là bệnh về khí huyết. Còn chứng âm dương hư mà phát sốt thời lại bởi chân âm chân dương ở trong tạng thận, nếu âm hư thời là thủy suy mà hỏa bốc lên, phép chữa phải thêm cho chân thủy như bài lục vị, nếu dương hư mà sốt tức là long-lôi-hỏa sợ rét mà bốc vượt lên, phép chữa nên thêm chân hỏa như bài bát vị. Tôi đã bàn kỹ chứng long-lôi-hỏa sợ rét mà bay lên, sợ nóng mà vượt ra ở sườn đạo-lưu.

Chương 18.— Cách ngôn : Dương khí ở thượng-tiêu không được đầy đủ thời hãm xuống tạng thận, phép chữa nên đem trở lên; Chân Âm ở hạ-tiêu không đầy đủ phần nhiều vượt lên, phép chữa nên đem trở xuống.

Dương khí ở hạ-tiêu tức là khí của dạ-dày và hậu-thiên, dương vốn thăng, nếu yếu thời giáng, nên dùng bài bổ trung ích khí để đem dương khí trở lên.

Chân âm ở hạ-tiêu tức là thủy của tiên-thiên, thủy kém thời hỏa bốc lên, phép chữa nên dùng bài lục-vị, bổ thủy để chế hỏa thời hỏa tự về chỗ.



Chương 19.— Cách ngôn : Bệnh nhẹ thời chữa trái đi, bệnh nặng thời lựa mà chữa.

Tà khí còn nhẹ thời chữa trái đi như đem thuốc hàn để chữa chứng nhiệt, đem thuốc nhiệt để chữa chứng hàn, đó là phép chữa theo đường thẳng (Chính trị). Tà khí mạnh quá thời lựa tính mà chữa, như đem thuốc hàn để chữa hàn, đem thuốc nhiệt để chữa nhiệt, đó là phép dựa theo mà chữa (Tòng trị).

Chính trị còn gọi là nghịch trị nghĩa là trái đi.

Chương 20 — Cách ngôn : Tỷ vị dễ vận hóa thức ăn nay không hóa được thức ăn, là sở năng đã kém, có nên dùng thuốc công phạt để hại thêm sở năng không ?

Dạ-dày không chứa được thức ăn, tạng tỷ không vận hóa được là sở năng đã kém, phép chữa nên ôn bổ, hoặc bổ tương hỏa để sinh tỷ thổ, hay là bổ tạng khác để sinh dương thổ mà không thể chuyển về những vị thuốc cay thơm như sơn-trà, mạch-nha, thần-khúc cho là tiêu thực để hại đến sở vong của tỷ vị.

Chương 21.— Cách ngôn : Bệnh thực quá không công mạnh không sạch hết được tà khí ; Người hư yếu quá không đại bổ không khỏi được bệnh.

Xem hình, xét sắc, và chần mạch mà thấy hỏa chứng ăn mạch, quả nhiên là thực chứng (tà thực) thời dùng thuốc công phạt thật mạnh không nghi ngờ gì. Nếu rõ là chính khí hư yếu thì đại bổ không tri hoãn. Nếu không có định kiến, thuốc nóng cũng sợ, thuốc lạnh cũng sợ,



chỉ cho nóng phương thuốc không công không bỏ, thì sao cho khỏi bệnh. Cỗ thư có nói : « thuốc đại hàn hay đại nhiệt, mà dùng được đúng chỗ đều có ích cho người bệnh. »

Chương 22.— Cách ngón : Mọi chứng bệnh phần nhiều kèm chứng uất, vậy chữa bệnh phải kèm thêm vị thuốc chữa uất.

Uất là khí huyết không hòa và không lưu thông, chứng lục dâm hại người là tà khí uất ở ngoài, chứng thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) làm hại người là khí huyết uất ở trong. Bài thuốc « *Viết-cúc-hoàn* » chữa cả năm chứng uất, nhưng công dụng không bằng bài thuốc « *bát-vị tiên-giao* ».

Chương 23.— Cách ngón : Dùng thuốc bổ nên trước nặng mà sau nhẹ. Dùng thuốc công phạt nên trước vừa rồi sau mạnh.

Thuốc bổ có phân ra bổ thật mạnh (tấn-bổ), bổ cho thấm nhuần (tr-bổ), bổ mà tiếp thêm (tiếp-bổ), bổ cho điều hoà (điều-bổ). Thuốc công có chia ra thanh hỏa, tả hỏa và phạt hỏa. Chứng hư tổn không bổ thật mạnh sao cứu vãn được trong lúc nguy vong, nguyên khí đã trở lại thời có thể dùng thuốc nhẹ dần đi. Còn tà khí mạnh (thực) trước hết phát tán không khỏi thì dùng thuốc để thanh đi, nếu không khỏi thời giáng xuống, nặng nữa thời phạt hỏa, thế là trước còn hoãn mà sau mạnh, vì thế người đời xưa nếu dùng bài thuốc « *Đại thừa khí* » hãy dùng trước bài « *Điều thừa khí* » ta nên nhớ chứng



hư mà dùng thuốc tả tức là thuốc công phạt thì chết oan, chứng thực mà bỏ lăm thời chỉ tăng bệnh.

Chương 24.— Cách-ngón : Bệnh sinh ở trong trước chữa về âm rồi mới chữa đến dương; Bệnh sinh bởi dương phệ, trước chữa ở ngoài rồi mới chữa đến trong.

Bệnh ở trong là âm bệnh, nên phải bổ âm trước rồi mới chữa đến dương. Bệnh sinh ở ngoài là dương bệnh, bệnh ở ngoài thời tị tà khí rồi mới bổ chính khí. Câu cách ngón đó là chỗ huyền-diện ở Nội-kinh.

Chương 25.— Cách ngón : Âm tinh đã kiệt, không mạnh chân thủy thời không thể lưu hành được. Dương tinh đã kém, không thêm chân hỏa thời không giữ vững được.

Chân thủy chân hỏa, tàng chứa ở mệnh-môn trong tạng thận. Ông Cảnh-Nhạc cũng nói: Thủy ở trong âm hư yếu là bệnh ở tinh huyết, hỏa ở trong dương hư yếu là bệnh ở thần khí », vì thế chân âm kiệt phép chữa nên thêm chân thủy như bài « lục-vị hoãn », chân dương kém nên thêm chân hỏa như bài « bát-vị hoãn ».

Chương 26.— Cách ngón : Phép chữa chứng hư nhiệt, không bổ tỳ thổ để chữa dương khí lại, thời giúp ngay chân âm để giáng hỏa xuống.

Hỏa của thân người chỉ tàng chứa ở trong thận thủy và tỳ thổ, nếu tỳ thổ hư yếu thì hỏa không chứa được phải dùng thuốc cam (ngọt) và ôn (ấm) để nuôi dưỡng chân hỏa



thì hư nhiệt tự nhiên lui đi, như những bài thuốc *bổ-trung*, bài *qui-ti*, bài *tứ-quần*, bài *lý-trung*, bài *kiến-trung*. Nội-kinh nói : « Vị thuốc cam ôn trừ được đại nhiệt », thế là bổ tý thổ để tăng dương khí lại.

Trong tạng thận có chân thủy chân hỏa cân với nhau, nếu thận thấy khô thì hỏa thịnh, phép chữa nên bổ thủy để cân đối với hỏa, thì hỏa tự nhiên về chỗ, như bài thuốc *lục-vị*, như thế là giúp chân-âm để lui hỏa (hư nhiệt).

Chương 27.— Cách ngón : Chứng dương hư bởi ở dạ dày (vị) ; Chứng âm hư bởi ở tạng tâm.

Cổ-thư có nói : « Dương ở hậu-thiên hư yếu thì bổ vị-khi (khí nóng ở dạ-dày) ; Âm ở tiên-thiên hư-yếu thì bổ thận thủy ». Vì thế, trong khi bệnh nhân vong dương, không nên dùng bài *bát-vị*, chỉ có sâm, truật và phụ-tử mới cứu vãn được. Lại như chứng bệnh âm kiệt, không nên dùng bài *lý-vị*. Chỉ có bài *lục vị*, bài *sinh-mạch* mới cứu vãn được, thế là vị-khi tức là nguyên khí mà thận khí tức là chân âm.

Chương 28.— Cách-ngón : Nạp khí để về chỗ không ngoài ở tạng thận.

Tạng phế tuy chủ về khí, nhưng tạng thận là căn bản cho khí, vì tạng thận để nạp khí xuống. Tạng phế là mẹ của tạng thận. Ông Đan-Khê nói : « Mẹ tạng chứa ở nơi của con », những chứng khí hư ngược trở lên, mà thổ, đầy, ho, ợc, nôn, mửa, nấc, dùng thuốc bổ tí thổ để sinh ra phế kim thì càng ngược trở lên, mà thanh phế hay tả phế thời khí ở tạng phế càng tiến đi, chỉ có phép liễm mà nạp xuống như bài *lục-vị*, bài *bát-vị*, thêm vị ngư-



tất, vị ngũ-vị đã liễm khí về tạng thận mới không bốc ngược lên, ngoài ra không có phương pháp gì.

Chương 29.— Cách ngôn : Thiếu bệnh bởi ở khí huyết không cân nhau, đại bệnh bởi thủy hỏa làm hại, chữa thiếu bệnh mà bỏ khí huyết, chữa đại bệnh mà bỏ thủy hỏa, khác nào trèo cây để bắt cá, đánh dấu thuyền để tìm gươm.

Chữa bệnh; nhỏ tìm ở tạng, tâm, can, tì, phế, xem khí huyết thiếu đủ như thế nào. Còn chữa đại bệnh thời phải tìm ở thủy hỏa là nơi hóa sinh ra khí huyết, cổ thư có nói : « Ngũ tạng thụ thương, rồi sau tất đến tạng thận », lại nói : « Trăm bệnh đều gốc ở tạng thận », cho nên chân-thủy chân-hỏa là yếu lĩnh của các chứng nguy.

Chương 30.— Cách ngôn : Chữa chứng phong thì nên tán ; Chữa chứng hàn nên ôn.

Câu trên là phép thường để chữa chứng tà khí, tà khí vì phong là dương tà hại đến vệ khí ở ngoài bề, hàn là âm tà hại vinh huyết ở trong lý, vì thế chữa chứng phong nên tán, mà chữa chứng hàn nên ôn.

Chương 31.— Cách ngôn : Không có con bởi tạng tâm hư, tóc bạc bởi tạng thận yếu.

Người đời đều bảo, tóc là chân huyết dư ra, thời tóc bạc ở tạng tâm ; mệnh-môn trong quả thận, con trai chưa tinh con gái giữ bào-thai ở đấy. Thời không có con bởi ở tạng thận ?

Sao đây lại nói không có con bởi tạng tâm hư, tóc bạc bởi thận yếu, là vì tạng tâm tóm chân huyết mà



sinh ra tinh, tinh suy bởi ở huyết kém, cho nên không con bởi tạng tâm hư yếu.

Trong tạng thận có chân âm là gốc cho huyết, thận thủy có vượng thời huyết mới mạnh. Nay chân thủy kiệt thời huyết khô và tóc bạc.

Chương 32.— Cách ngôn : Chưa mọi chứng bệnh lấy thủy hỏa làm gốc, lấy khí huyết để sai khiến.

Thủy hỏa là gốc của khí huyết. Thủy hỏa là thực thể mà khí huyết là xử dụng. Thủy hỏa như gốc rễ, khí huyết như cành lá, gốc rễ có vua bốn thời cành lá mới tốt.

Chương 33.— Cách ngôn : Chính khí có đủ sức, mới đẩy được hàn tà ra.

Nội-kinh có nói : « Tà-khi cảm vào là chính-khi bị yếu », vậy hàn tà mới cảm vào, mà chính-khi chưa yếu mấy, thời tán tà để giúp chính-khi. Nếu hàn-tà đã lâu, chính-khi chưa yếu, thời chỉ nên nuôi dưỡng chính-khi, không phải đuổi hàn-tà mà hàn-tà tự lui.

Chương 34.— Cách ngôn : Ngoại cảm ít, nội thương nhiều, thời chỉ nên bồi ở trong để thêm cho khí, thời không phải đuổi tà khí mà tà khí tự lui.

Câu trên là chỉ lý để chữa cho người nội thương mà thêm ngoại-cảm. Nếu ngoại-cảm ít mà nội-thương nhẹ, thời tạm nên tán tà, rồi sau mới ôn bổ. Nếu ngoại-cảm ít mà nội-thương nhiều, thời chỉ nên bồi cho chính-khi, khí đã vượng thời tà tự lui.



Chương 35.— Cách ngôn : Hoà chân huyết thời đợi-
tiện ra mủ, máu tự nhiên khỏi ; hành chân khí thời đi
cầu rặn nhiều (hậu trọng) tự nhiên trừ.

Câu trên là chỉ lý, để chữa chứng lý. Vì chứng lý là
khí huyết đều hư. Nội-kinh gọi là chứng trệ-bạ, vì trệ
mà đi trở xuống, đã trệ thời không thông, mà phải rặn nhiều,
cho nên phép chữa chỉ hòa chân huyết và hành khí mà
thôi.

Chương 36.— Cách ngôn : Đả cao thời nhân thể mà
vượt lên, đả thấp thời nhân thể mà cho kiệt đi.

Câu trên là chỉ lý để chữa chứng thực tà, là vì tà
khí đã ở trên, không nên uống thuốc cho hạ xuống để
đem tà trở vào, chỉ nên nhân thể mà cho vượt lên, tức
là phép chữa cho thổ ra.

Tà khí đã ở dưới không nên đem lên để hại đến sinh
khí, vì thổ chỉ nên làm cho kiệt đi, tức là cho uống thuốc
hạ. Tôi xét sách thuốc có nói : « Dùng thuốc hạ sớm quá
mà đầy ở ngực, thời nên dùng bài thuốc hãm-hung », Ông
Cảnh-Nhạc chê lời ấy mà nói rằng : « Đã nhằm về hạ mà
lại hạ thêm là không nên », lời bàn của Ông Cảnh-Nhạc rất
là xác đáng, chứng tà-khí đã ở dưới, không nhân thổ mà hạ
đi, thời có thể lại đem lên được không ?

Chương 37.— Cách-ngôn : Bệnh dương chữa về âm,
bệnh âm chữa về dương, để khí huyết đều được
về chỗ.

Dương hư thời âm thắng, cho nên bệnh dương phải
chữa về âm để cứu lấy dương ; âm hư thời dương



thăng, cho nên bệnh âm phải chữa về dương để cứu lấy âm, khí huyết đều về chỗ, tức là khí âm hòa bình, khí dương bí vít.

Chương 38.— Cách ngôn : Chứng dương thực thời dùng thuốc phát tán, chứng âm thực thời tả cho vơi đi.

Dương thực là nói tà khí mạnh ở ngoài biểu, nên dùng thuốc phát tán. Âm thực là tà khí mạnh ở trong lý, thời dùng thuốc tả tức là hạ cho vơi đi.

Chương 39.— Cách ngôn : Đức của quả « khôn » kém, thời nên bổ tý thổ, để bớt sự âm thấp ; Đức của quả « kiền » yếu, thời nên thêm thận hỏa để giúp sự vận hành.

Tý thổ tức là quả khôn, nếu hư thời nên bổ thổ, thận hỏa tức là quả kiền, nếu kém thời nên bổ hỏa.

Chương 40.— Cách ngôn : Gặp chứng hư yếu, cần phải giữ lấy phương bắc để bồi bổ sinh mệnh.

Nội-kinh nói: « Phương Bắc sắc đen thông vào tạng thận », giữ phương bắc tức là giữ lấy tạng thận. Cỗ thư có nói: « Bách bệnh đều gốc ở tạng thận », và nói: « Chân âm chân dương là căn cho các chứng nguy », vì thế gặp chứng đại-hư (yếu quá) phải bổ ngay lấy chân-âm chân-dương.

Chương 41.— Cách ngôn : Thực-hỏa nên vơi đi, hư-



hỏa nên bổ thêm, còn hỏa của chứng « lao » là hư hay thực, có nên vợi đi hay không?

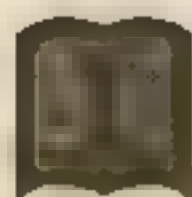
Câu trên là cách ngôn của Ông Đan-Khê, thực-hỏa là hỏa mạnh quá, thời nên dùng vị thuốc đắng nhiều mát nhiều để công phạt, thế là thực-hỏa nên tả đi, còn hư-hỏa là hỏa của người âm hư, thời chỉ nên bổ tỳ thổ giúp chân âm, thế là chứng hư hỏa nên bổ.

Còn chứng « hư-lao » thời là hư-nhiệt mà không phải thực-nhiệt, sao người chữa bệnh không tìm những nguồn gốc để bổ dương, chỉ đem những vị chi-mẫu, hoàng-bá là đắng và lạnh để công phạt cho chóng chết.

Chương 42.— Cách ngôn : Đã dùng thuốc phát tán mà mồ-hôi không ra, là âm hư không đạt được ra ngoài, người ta chỉ biết mồ-hôi thuộc về dương, thời thông dương lên có thể giải được biểu, mà không biết mồ-hôi sinh ở âm, còn phải giúp chân âm mới có thể ra được mồ-hôi.

Mồ-hôi là tân-dịch của tạng tâm, là tên riêng của huyết. Tôi thường thấy những người chứng bệnh âm hư, người nóng như củi khô, âm hỏa bốc ở trong, tân-dịch của 5 tạng đều khô ráo, dù có ngoài là phải dùng thuốc phát hãn, nhưng dùng nhiều phong dược để phát tán, thời chân huyết càng hao mà mồ-hôi càng ít lại, vậy phải dùng thuốc để giúp chân âm bổ chân huyết, thời không phát hãn mà mồ-hôi tự ra. Cho nên cổ thư có nói : « Tìm mồ-hôi ở chân huyết », cũng như có mây thời mới thành ra mưa.

Chương 43.— Cách-ngôn : Nóng ở trong không giải



được, đã uống thuốc thanh giải mà hỏa vẫn không lui là chân âm không đầy đủ. Người ta chỉ biết thuốc hàn lương có thể chữa được nóng, mà không biết thêm chân thủy, mới có thể dẹp được hỏa.

Chung nóng ở trong bồng bồng lên, người không biết chỉ dùng thuốc mát để chữa nóng, nhưng đã thanh nhiệt mà nhiệt vẫn không lui đó là chứng âm hư. Nội-kinh có nói : « Đã dùng mọi thuốc mát mà vẫn nóng, thời phải tìm ở chân âm », thế là giúp chân âm thời hỏa tự giáng. Nội-kinh còn nói : « Uống thuốc mát mà không thấy mát là vì thiếu chân thủy » những chứng ấy nên giúp cho chân thủy để dẹp dương hỏa đi.

Chương 44. — Cách ngôn : Yà lúc mới cảm, chưa có nhất định, đẩy đi thời ra đằng trước, dẫn đi thời thời, lựa mà đón lấy, thời bệnh có thể khỏi ngay.

Đó là cách ngôn của Nội-kinh. Vì phong hàn mới cảm vào b. mao, rồi tự bèn vào đến lý, chưa có nhất định, dễ thay đổi. « Chứng thương hàn có ho là nhẹ » là vì tà còn ở ngoại biểu, còn ở biểu thời đẩy đi tức là dùng thuốc phát hàn ở trên thời dẫn đi, tức là dùng thuốc cho thổ ra ở trong lý thời đón lấy, tức là dùng thuốc cho hạ đi. Ông Trọng-Cánh chữa chứng thương hàn có 3 phép là Hảo thổ, và hạ, là gốc ở câu Nội kinh.

Chương 45 — Cách-ngôn : Ở bên chỗ 7 đối giữa có lỗ nhỏ, biết theo thời có phúc, mà trái thời có lỗi.

Xương sống của người có 21 đốt. mệnh-môn ở giữa hai quả thận giáp với xương sống, tính lên trên là 14 đốt,



tính xuống dưới là 7 đốt, cho nên câu trên mới nói: « ở bên chỗ 7 đốt giữa có lỗ nhỏ », lỗ nhỏ ấy là chủ cho thân người, tức là « đại-quân » (vua lớn). Mệnh-môn là Thủ-Tướng thay vua để hành chính, tức là « tiểu-quân » (vua nhỏ) cho nên gọi là « tiểu-tâm » (lỗ nhỏ), nếu không được hỏa bình thời hỏa ấy nổi lên, mà đem lời hỏa để nướng đốt tâm tiện thì gọi là long lời hỏa, hỏa ấy gặp âm càng cháy, gặp nước càng cháy dữ, phép chữa chỉ dùng quế-phụ, theo về tính của hỏa mà đem về chỗ, thời hỏa dữ dội (tráng hỏa) lại là biến hỏa (hỏa vừa phải), mà hết thấy trong người đến thư thái, cho nên câu trên mới nói: « Lựa theo thời có phúc, mà trái đi thời có lỗi » (lựa theo là tông-trị, trái đi là nghịch-trị).

Chương 46 — Cách ngôn: Cao thời nên xuống, thấp thời nâng lên, thừa ra thời bớt đi, không đủ thời bù vào, giúp cho lợi, hòa cho vừa phải, phải yên cả chủ khách, vừa với sự hàn ôn, cùng loại thời ngược đi, khác thời lựa mà theo.

Câu cách ngôn kể trên của Nội-Kinh, nghĩa là hỏa bốc lên thời nên xuống, khi hãm xuống thời đem lên, tả khí mệnh thời vọt đi tả đi, chính-khi yên thời bổ cho đầy đủ, giúp cho lợi là giúp để không trệ, hòa cho vừa phải là đem vị thuốc đắng khi, để hợp với bệnh, cần cho chủ khách đến yên ở địa vị, hàn ôn cho vừa phải, tả còn nhẹ thời dùng đường thắng mà chữa tức là ngược lại, tả đã nặng thời lựa theo mà chữa; ngược lại tức là chính trị là đem thuốc hàn để chữa bệnh nhiệt, đem thuốc nhiệt để chữa bệnh hàn, lựa theo tức là tông-trị, tức là đem thuốc nhiệt để trị bệnh nhiệt, đem thuốc hàn để chữa bệnh hàn.



Chương 47. — Cách ngôn : Khí có cao thấp, bệnh có xa gần, chứng có trong ngoài, chữa có nặng nhẹ, cần cho vừa phải mới được.

Nội-kinh có nói câu trên như : Chứng thương phong là ở trên, chứng cảm thấp là ở dưới, nguyên nhân thì bệnh có xa hay gần, thế là bệnh có xa gần : Trong ngoài tức là biểu lý, nhẹ nặng tức là dùng thuốc như thế nào, vừa phải là để cho hợp với bệnh.

Chương 48 — Cách ngôn : Biết gốc bệnh để xem ở đâu, tìm chỗ có hay không ? chỗ hư hay thực phải để ý vào ngũ tạng cho khí huyết điều đạt mới đến chỗ hòa bình

Biết gốc bệnh là theo khí huyết hay âm dương, hiểu chỗ có hay không là để tìm cách chữa, như hư thì bổ vào, thực thì tả đi, ngũ tạng là nắm tà khí mạnh làm hại cho người, các cách ngôn trên là ở Nội-kinh.

Chương 49. — Cách ngôn : Chữa ở trên thì dùng vị thuốc có tính hoãn là khí, vị nhẹ, chữa ở dưới phải dùng vị thuốc có tính mạnh là khí, vị hậu.

Tính của cỏ cây, khí là dương, vị là âm, khí bạc là dương ở trong dương, khí hậu là âm ở trong dương ; Vị bạc là dương ở trong âm, vị hậu là âm ở trong âm, dương thắng âm giảm, vị nào có tính thăng để chữa bệnh ở trên, vị nào có tính giáng để chữa bệnh ở dưới, vì thế, chữa bệnh ở trên nên dùng thuốc về dương phận, chữa bệnh ở dưới nên dùng thuốc về âm phận.



Chương 50. — Cách ngôn : Nóng mà không thấy nóng lâu là bởi tạng tâm hư, rét mà không thấy rét lâu là bởi tạng thận kém.

Tạng tâm thuộc hỏa chủ về nhiệt, tạng thận thuộc thủy chủ về hàn, những bệnh thấy chột nóng chột lạnh, là bởi tạng tâm hư nên nóng không thấy lâu những bệnh thấy chột lạnh chột ôn, là bởi tạng thận hư. nên rét không thấy lâu, phép chữa nên bổ tâm thời nóng tự nhẹ đi, bổ thận thời rét tự giải đi.

Chương 51 — Cách ngôn : Chữa về tạng tâm không cứ gì phải thuốc nhiệt, chữa về tạng thận không cứ gì phải thuốc hàn, chỉ thêm dương khí cho tạng tâm, thời bệnh hàn tự khỏi đi, mệnh âm khí cho tạng thận thời bệnh nhiệt cũng thuyên giảm.

Đem thuốc nóng hợp với tạng tâm để chữa chứng hàn, đem thuốc hàn hợp với tạng thận để chữa chứng nhiệt, thế là chữa theo đường thẳng, nhưng chỉ bổ dương khí cho tạng tâm, dương vượng thời chứng hàn tự khỏi, bổ âm khí cho tạng thận, âm mạnh thời chứng nhiệt tự trừ, thế là lựa theo mà chữa.

Chương 52 — Cách ngôn : Trong tạng Thiếu-âm thận kinh, trọng ở chân dương, dương không đầy đủ thời ngoại tả không trừ được ; Trong tạng Quyết-âm can kinh giữ về chứa huyết, huyết không đủ nuôi dưỡng thời mạch không bốc lên được.

Kinh Túc-Thiếu-âm là tạng thận, chui lên ở và mệnh môn, là trọng ở chân dương, nếu dương không hồi thì



là khí không trừ được. Kinh Túc-quyết-âm là tạng can, tạng can chứa huyết, huyết để nuôi gân, là gốc cho các mạch, huyết không đầy đủ thì gân mỗi mạch yếu, mà mạch không bốc lên được.

Chương 53.— Cách ngôn : Dương thắng hơn thời nhiệt, âm thắng hơn thời hàn.

Nội-Kinh nói : « Dương [gốc ở âm, âm gốc ở dương », mọi chứng bệnh không nên chữa theo đường thắng thời nên theo đường để giãn âm như là tìm mồ-hôi ở chân huyết, sinh khí ở tinh. Theo âm để giãn dương, như là giãn hỏa về chỗ, nạp khí về tạng thận. Như vậy là diệu pháp tìm hỏa ở trong thủy, tìm thủy ở trong hỏa.

Chương 54.— Cách ngôn : Dương thắng hơn thời chỉ nóng không rét, âm thắng hơn thời chỉ rét không nóng.

Trong dương có âm, trong âm có dương, làm việc lẫn cho nhau, đem thuốc hàn để chữa chứng nhiệt hay đem thuốc nhiệt để chữa chứng hàn, là chữa theo đường thắng và những thực chứng. Nếu người hư yếu mà giả nhiệt hay giả hàn, lại theo chiều để giãn đi đây đi, như mồ-hôi với khí là cùng về loại dương ; Tinh với huyết là cùng về loại âm ; Hỏa với khí là cùng về loại dương, thủy với thận là cùng về loại âm, vị nhục-quế, phụ-tử để giúp cho vị thực-dịa vị sơn-thù là trong hỏa mà bổ thủy, vị thực-dịa và sơn-thù để giúp cho vị nhục-quế, vị phụ tử là trong thủy mà bổ hỏa.



Chương 55.— Cách ngôn : Chữa bệnh phải trước ở chủ bệnh rồi mới đến các chứng có về sau.

Chứng bệnh bắt đầu khởi ra là chủ của bệnh, còn những chứng có về sau là nhân bệnh mà thêm các tạp chứng.

Chương 56 — Cách ngôn : Dương hư lắm thời bổ dương để sinh âm để dương theo âm mà mạnh lên ; âm hư lắm thời bổ âm để cân với dương để dương theo âm mà hoá ra.

Không có dương thời âm không sinh được, không có âm thời dương không hoá được. Nếu dương hư mà dùng lắm thuốc bổ âm thì dương càng suy đi, âm hư mà thiên thuốc bổ dương thời âm càng hao thêm ? Nhưng thuốc bổ khí có thể sinh ra huyết, thuốc bổ huyết không thể thêm được khí, vậy có khi phải dùng thêm cho được vừa phải.

Chương 57.— Cách ngôn : Người hư yếu là nguyên do của bách bệnh, chữa bệnh cần ở chữa chứng hư yếu.

Nội-kinh nói : « Tà khí lẫn vào là bởi chính khí hư yếu ». Cổ thư cũng nói : « không chữa về chỗ hư yếu, còn nói gì đến chỗ khác », thế là muốn chữa bệnh phải lưu tâm về chỗ hư yếu.

Chương 58.— Cách ngôn : Dương về tiên-thiên hư yếu thời bổ mệnh-hỏa ; Dương về hậu-thiên hư yếu thời bổ vị-khí ; âm về tiên-thiên hư yếu thời bổ



thận, thủy; âm về hậu-thiên hư yếu thời bổ tâm, can.

Âm dương về tiên-thiên là thủy hỏa vô hình, âm dương về hậu-thiên là khí huyết hữu hình, cho nên cổ thư có nói: «Giúp cho thận thủy trọng vị thực-địa mà không trọng vị xuyên-khung, xuyên-quy, bổ cho mệnh-môn-hỏa trọng vị nhục-quê mà không trọng vị hoàng-kỳ, vị bạch-truật».

Chương 59.— Cách ngón: Mới thụ bệnh nên phân trong hay ngoài, bệnh đã lâu đều là hư yếu.

Bệnh ở ngoài cảm vào thì dùng thuốc phát tán, bệnh ở trong khởi ra thời nên đi hay là làm cho quân bình. Đó là cửa chứng bệnh mới phát ra. Nếu bệnh lâu ngày thời là khí tự biến truyền vào trong lý, tự dương vào đến âm, khí huyết hao tổn mà đều là chứng hư.

Chương 60.— Cách ngón: Vị thuốc cam ôn chỉ bổ dương khí cho ngũ tạng; Vị thuốc cam hàn mới bổ được chân âm cho ngũ tạng.

Vị thuốc cam ôn như nhân-sâm, hoàng-kỳ, vị thuốc cam hàn như thực-địa, sơn-thu, chỉ bổ được dương khí thì hữu niệm không sinh được vô hình, đã bổ được chân âm thì vô hình sẽ hóa ra hữu hình.

Chương 61.— Cách ngón: Bệnh đã lâu không nên thông lợi tiểu-tiện; Bệnh mới khởi không nên thu vát lợi. Chứng mới đỏ, tả mà khát cấm dùng thuốc nóng, chứng tả lâu mà khát kiêng dùng thuốc lạnh,



Câu trên là cách ngôn chữa chứng tả. Nội-kinh nói: « Mọi chứng tiết tả thì tiên-tiện không lợi », cho nên chữa chứng tả cần ở lợi tiên-tiện. Nhưng đã lâu tân dịch đã kiệt, thời lại không nên cho lợi tiên-tiện. Còn chứng tả mới khởi mà không có bệnh gì khác nữa thời không dùng vị bổ để vi lợi. Hơn nữa đi tả mà mặt đỏ khát nước, đó là chứng nhiệt tả, lại cấm dùng thuốc ôn bổ. Tả lâu mà khát là âm hư mà tân-dịch hao kiệt, thì không dùng vị thuốc thanh lương.

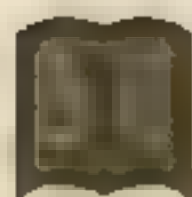
Theo ý tôi chữa chứng tả vẫn nên lợi tiên-tiện, nhưng sợ khi dùng thuốc lợi tiên-tiện mà một giọt cũng không đi được. Thì lại vì phế khí không vận hành được hay là vì mệnh-môn-hỏa suy mà khí không hóa đi được, trường hợp như trên, lại phải thông biến mà chữa.

Còn như tả mà phát khát là vì thủy khô ráo thời không cứ hàn hay nhiệt.

Hơn nữa, chứng hàn tả mười người đến tám, chín người, mà chứng nhiệt tả chỉ có một hai người. Chứng nhiệt tả thời mình nóng sợ nóng, mặt đỏ khát uống nước lạnh, đi tả như rót nước hay là đi thẳng ra, mạch thời « hồng, sắc » mà có lực, trạng thái như trên mới nên dùng thuốc mát, bằng không thì giết người như trở bàn tay.

Chương 62.— Cách-ngôn : Chữa chứng thấp mà không thông lợi tiểu tiện là không phải phép chữa.

Chứng thấp do thủy sinh ra, nên phép chữa phải ráo chứng thấp mà phải lợi tiểu tiện, nhưng chỉ là một phép



mà thôi, vì trong chứng thấp có chia ra hàn, nhiệt, theo về dương là nhiệt mà theo về âm là hàn.

Nếu là thấp nhiệt thời lợi tiểu tiện là phải, nếu là hàn-thấp thời phải ôn bổ hạ-tiên, lại có phép thuốc phong chữa được chứng thấp, nhưng đó là thực tà, mà không phải là thuốc chữa cho người hư yếu, người làm thuốc chớ theo một biệt.

Chương 63.— Cách ngôn : Chứng tích mà hư tất là có hàn, chứng tỳ hư phải bổ đến gốc.

Cổ thư có nói: « Người khỏe không có chứng tích-tu, thời chứng tích bởi ở người yếu, người yếu thời hàn, không ôn bổ không được. Tỳ là kinh thái-âm thấp-thở mà do tương-bổ ở kinh thiên-dương sinh ra, nếu yếu thời bổ tận gốc, để ở dưới có sức nóng, mới nóng nấu mà vận hành được.

Chương 64.— Cách ngôn : Khí dư ra là hỏa, cho nên giáng hỏa, phải dẹp khí xuống, huyết không đủ thời ôn hư mà bổ âm ở chỗ thêm chân thủy.

Khí là hỏa mà hỏa là khí, khí ngược thời hỏa bốc lên, cho nên giáng hỏa phải nén khí trược. Khí thuận thời hỏa tự giáng. Huyết là âm, mà âm là thủy, huyết không đủ thời ôn hư, cho nên bổ âm phải sẵn giúp chân thủy.

Chương 65.— Cách ngôn : Vị hương-phụ, vị sa-nhân là rất bổ cho đờn bà, vị thung-dung, vị hoài-sơn là rất bổ cho đờn ông.



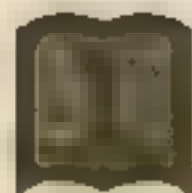
Đàn bà tính thiên lệch bay rất, nên chữa bệnh phải kèm thêm chữa rất, mà vị hương-phụ để khai rất, vị sa-nhân để phá trệ, nên cần cho đàn bà. Đàn ông ít người bớt được tình-dục, mà vị thung-dang để bổ tình, vị hoai-sơn để bổ thận nên rất cần cho đàn ông.

Chương 66. — Cách ngôn : Ra mồ-hôi quá thời tọng tâm hư, uống thuốc hạ quá thời tọng tý tổn hại.

Mồ hôi là tên riêng của huyết. Cổ thư có nói : « Ra mồ-hôi nhiều thì không có huyết », vì thế phát hàn quá thì tọng tâm hư. Ta thường thấy sau khi ra mồ-hôi nhiều, thời hay kinh sợ, hơn nữa, thời gân ráo mà co lại, có khi thất huyết hay vong âm. Dạ-dày để chứa thức ăn nóng, tọng tý để vận hành, nên uống thuốc hạ quá nhiều thời tý-vị trống không, ta thường thấy uống thuốc hạ rồi mà chân tay giá lạnh, là chứng triệu tý vị bại mà vong dương.

Chương 67. — Cách ngôn : Chữa chứng âm phải cứu dương trước, chữa chứng thương hàn phải cứu âm trước

Hàn là vào thẳng âm Kinh thời bốn chân tay giá lạnh, hoặc thở hoặc đi cầu mà no đầy mặt xanh, móng tay đen, cảm lạnh mắt trắng trắng, như thế là có cơ vong dương, phải ôn bổ ngay để hồi dương. Còn chứng thương hàn thời phải cứu chân âm. Câu cách ngôn ấy thực là bất diệc, vì hàn thời hại chân huyết, lại ngược chân huyết, huyết tồn thời âm hư, lại tà khí ở lâu, chính khí mất ở trong mà thành ra nội nhiệt, càng nhiệt thời âm càng hư, có khi mặt sạm lưỡi đen, mình như cái khô,



vậy âm vong ở dưới, dương thoát ở trên mà không thể chữa được.

Tôi chữa chứng tà khí có một bí quyết, không có gì sôi thương han, hải thấy những chứng cảm mạo, mà phát sốt, thời đờng nhều thuốc bổ huyết, và một số ít thuốc để đổi chứng, hoặc để phát hãn, hoặc để thanh giải, không chấp nẹ là khi đã truyền vào lục-kinh là những kinh nào, mà được công hiệu ngay, thế là đã phòng chứng âm hư ngay từ lúc trước, đó là tự tôi nghĩ ra, mong các bạn cùng để ý.

Chương 68. — Cách ngón : Huyết là hữu hình, không thể sinh hoa được chóng, khí là vô hình phải cần giữ cho vững.

Dương-hoa dễ cứu mà chứng âm thủy khó cứu, vì thổ trong âm huyết đang, huyết trong, không đáng thuốc bổ huyết, chỉ cho uống một vị sâm là xong, là vì huyết thoát tươi bỏ đi, để vô hình sinh ra hữu hình, và lại, âm huyết mất tươi dương cũng sắp trong, nên giữ ngay chân dương lại.

Tôi nghĩ rộng được một bí quyết, chữa chứng nhiệt, không nên về nhiệt khỏi hẳn, này xé vị-khí mạnh hay yếu, lên mạnh mới thanh nhiệt cho thật khỏi cũng không hại gì, nếu yếu thì khí nóng đã được một hai phần, sẽ thêm thuốc bổ dương để giữ lấy vị khí, vị khí mạnh dần, thì lại đem thuốc bổ âm để thanh nhiệt, như vậy thì vị khí không tổn chút nào mới là kế vạn toàn. Tôi đã bán chứng âm hư khó bổ ở Đảo-Lưu, người học thuốc lên xem kỹ.



Chương 69.— Cách ngôn : Mọi chứng hư nên dùng vị nhân sâm, cũng như người phổi nhờ đến cốc khí (thức ăn).

Sách Tinh được khen công dụng của nhân-sâm đứng đầu các vị thuốc có thể vấn hồi được nguyên khí, vì thể nóng nhân-sâm, cũng như đói khát mà được ăn uống.

Chương 70.— Cách-ngôn : Hỏa nhờ khí ở ngũ tạng, đờm nhờ tân-dịch ở năm thức ăn, khí dư ra là hỏa, tân dịch dư ra là đờm, khí sinh ra hỏa, hỏa sai khiến được đờm, vậy chữa chứng đờm tất phải giáng hỏa, chữa chứng hỏa tất phải thuận khí.

Lỗ như cơ nói : « Thấy đờm đừng chữa đờm, mới là thầy thuốc giỏi », là vì chữa đờm không gì bằng giáng hỏa, giáng hỏa không gì bằng nhuận khí, khí đã nhuận thì hỏa giảm mà đờm tiêu.

Chương 71.— Cách ngôn : Người già không nên giáng hỏa cho nhanh chóng, người hư yếu không nên dùng thuốc để trừ hết đờm.

Người già dù có hỏa chứng cũng không nên thanh hỏa, lương chi là giáng hỏa, vì hỏa hết thì khí kiệt.

Lỗ như cơ nói : « Tân-dịch khô kiệt thì chết », mà dùng thuốc cho hết đờm tức là hết tân-dịch. Nhà Đạo-sĩ cơ nói : « Nhỏ xa không bằng nhỏ gần, nhỏ gần không bằng không nhỏ » (nhỏ nước) vì tân-dịch cũng là gốc sinh ra người, lại không nên trợn hay sao ?



Chương 72.— Cách ngôn : Chân âm là thận thủy, mà không phải là huyết của tâm can, chân dương là mệnh hỏa, mà không phải là khí của tỳ phế, vì giúp cho thận thủy, trọng vị thực-địa mà không dùng đến vị xuyên-khung, vị xuyên-quy, bổ cho mệnh hỏa trọng vị nhục quế, mà không dùng đến vị hoàng-kỳ, vị bạch-truật.

Người không hiểu cho huyết khí là âm dương, mà không biết huyết của hân-thiên là về tâm, can, lại gốc ở chân âm trong tạng thận về tiên thiên. Khí của hậu-thiên là tỳ phế lại gốc ở mệnh-hỏa trong tạng thận về tiên-thiên, những vị thuốc kẻ trên là thuốc bổ về khí huyết mà không phải thuốc bổ về âm dương, thời không nên uống lẫn vào.

Chương 73.— Cách ngôn : Khí hư ở trong thời không thể đọt ra biểu, không bổ khí sao giải được cơ thể; Huyết hư ở trong không thể hóa được tân-dịch, không bổ huyết sao sinh được mồ-hôi.

Khí hư thời hãm trở xuống, không thăng dương khí sao giải được ngoài biểu. Mồ hôi là tên riêng của huyết, không bổ huyết sao ra được mồ-hôi.

Chương 74.— Cách ngôn : Tà ở ngoài biểu không nên công ở trong lý phép chữa hoặc phát tán, hoặc thanh giải, hoặc ôn để tán đi, hoặc mát để tán đi, hoặc ôn ở trong, để đẩy tà khí từ trong lý trở ra, thế là không tán mà là tán, hoặc rút chân âm để tán tà, như thế mây bốc lên thành

MUỐI



Các cách ngôn kể trên là diện pháp của Ông Cảnh-Nhạc, thần diện ở chỗ không tán tả mà tả tự tán ra, lấy thuốc bổ để công phạt thực là vương đạo, dùng thuốc ôn trung là theo dương để dẫn âm, dùng thuốc giúp chân âm để dẫn dương.

Chương 75.— Cách ngôn : Thêm chân âm nên xa vị khô hàn, để khỏi hại vị-khí ; Thêm chân dương nên xa vị tân tán, để khỏi tiết dương khí

Vị thuốc thanh lương mới giúp được chân âm, vị thuốc cam ôn mới giúp được chân dương, nếu là vị khô hàn (đắng mà lạnh) lại hại vị-khí, là vị tân tán thì lại tiết nguyên khí, nhà lâm thuốc phải chăm chú.

Chương 76.— Cách ngôn : Chữa chứng phong đừng dùng vị thuốc ráo quá ; Thanh chứng thử-tả không nên dùng thuốc hạ. Người sãn hậu kiêng vị thuốc hàn-lương, bệnh trệ hạ kiêng vị thuốc bổ vít.

Chữa chứng phong phải bồi huyết trước, nếu dùng thuốc ráo quá thì lại hại chân huyết. Chứng thử nhiệt đã hại chân khí, nếu dùng thuốc hạ thì tổn đến vị-khí. Chứng sãn hậu là hư hàn thì phải dùng thuốc ôn bổ, chứng trệ hạ tức là chứng lý bởi tích lại mà thanh, do thay đổi cầu rạn nhiều, cũng phải hòa huyết hành khí mà rất kiêng vị bổ vít.

Chương 77.— Cách ngôn : Dương dư ra mà lại dùng dương được, thời dương càng thịnh mà âm càng tiêu ; Dương không đủ mà lại dùng âm được, thời âm càng thịnh mà dương phải diệt.



Thầy thuốc tầm thường không hiểu hư thực, mà lại bỏ cho chứng thực, hay là làm yếu cho người dễ hư, yếu thời dương vượng quá mà âm tiêu, âm thịnh quá mà dương diệt.

Chương 78 — Cách ngôn : Vì bệnh thành đờm không phải vì đờm thành ra bệnh như vậy có phải đờm bởi hư yếu hay không ? cho nên không nên công phạt tẩm mà chữa đờm phải ôn tạng tì, mệnh tạng thận, thời chứng đờm tự nhiên khỏi.

Nhân bệnh sinh ra đờm mà không phải đờm sinh ra bệnh dễ là bệnh tất là hư yếu, thân thể hư thời không sinh ra huyết mà sinh ra đờm, tỳ thổ hư thời không vận hóa được mà sinh ra đờm, vậy chữa bằng đờm phải đề ý đến tỳ thận mà không nên công phạt.

Chương 79. — Cách ngôn : Nhiệt hơn lên thời ôn phận phổi yếu, vì thể chữa chứng nhiệt phải theo huyết phận; Hàn hơn lên thời dương phải yếu, vì thể chữa chứng hàn phải theo khí phận.

Nhiệt thời hai dương khí. Chữa chứng nhiệt nên bỏ huyết là sáp chân âm để cân với chân dương. Hàn thời hai chân dương, chữa chứng hàn nên dùng thuốc tân ôn, thêm chân dương để chế chân âm đi, nhưng là khí huyết đều thiếu, thời dùng thuốc khí huyết để điều hòa. Nếu hai đến cân bằng, thời lại phải thêm chân thủy giúp chân hỏa mới được thành công.



Chương 80 — Cách ngôn : Chứng bệnh hữu hình có khi khó chữa, phải tìm đến chỗ thủy hỏa vô hình mới chữa được.

Những bệnh hư yếu quá biến chứng một trăm thứ, có chứng sách không nói đến, gặp trường hợp ấy, chỉ nên dùng bài lục-vị bài bát-vị để giữ lấy căn bản, thời chứng bệnh vô hình tự khỏi.

Chương 81. — Cách ngôn : Bệnh có hình mà không đau là loại dương, bệnh vô hình mà đau là loại âm.

Vô hình mà đau là dương hoàn toàn mà âm thụ thương, phải trợ ngay âm phần mà không để bại đến dương phần. Có hình mà không đau là khí dương vẫn đủ mà khí âm thụ thương, nên chữa ngay về dương phần mà không bại đến âm phần.

Câu trên là phép chữa ung-thư. Nội-kinh nói : « dương chủ ở hình mà âm chủ về đau », mọi chứng ung-thư có hình là dương chứng mà có đau là âm chứng, về dương chứng thì cứu dương, về âm chứng thì cứu âm.

Chương 82. — Cách ngôn : Chứng bổ hay đầy mệnh mệnh (thực-bổ, thực-mãn) mà người còn mệnh thì nên tán nên tiêu ; còn người đã hư yếu thì phải đại bổ mới xong.

Chứng thực thời tả mà người hư yếu thời bổ là lẽ thường. Cỗ thư có nói : « Người khỏe không có chứng tích », lại nói : « lúc mới thụ bệnh nên phàn trong hay



ngoài, bệnh đã lâu đều là hư yếu », chứng bí hay đầy phần nhiều là người hư yếu, trừ phi bệnh mới phải hay tống thực, mới công hay tả được.

Chương 83.— Cách ngón : Thấy nguyên-dương không đủ là khí hư ở trong, dù có tà ở ngoài cảm vào cũng là giả nhiệt mà thôi. Không nên dùng thuốc hàn lương, để khí càng kém thời tà càng mạnh **lên.**

Đem thuốc hàn để chữa chứng nhiệt là chữa theo đường thẳng; đem thuốc nhiệt để chữa chứng nhiệt để lựa theo mà chữa, vì rằng bệnh chứng có nhiều giả tượng, cổ thư có nói phải lấy nguyên khí làm chủ mà không cứ chứng ở ngoài.

Chương 84.— Cách ngón : Dùng thuốc nhiệt đừng nên tránh vị nhiệt quá, dùng thuốc hàn đừng nên tránh vị hàn quá.

Câu trên là nói dù thuốc nhiệt hay hàn đều không nên dùng quá, cũng như câu mùa hạ nên xa vị quá, vị phụ-tử, mùa đông nên xa vị hoàng-cầm vị, hoang-uên.

Chú giải : Câu sách ngón và lời giải của tác giả sai nghĩa nhau.

Chương 85.— Cách ngón : Muốn xét bệnh phải xét đến vị-khí, muốn chữa bệnh phải để ý đến vị khí, nếu vị-khí không tổn hại thì không đáng lo.

Nội-kích nói : « Bệnh nhân có vị-khí thì sống, bằng



không thời chết », lại nói: « Vị khí đã bại đủ trăm thứ thuốc cũng khó chữa », vì rằng vị-khí là hóa nguyên cho hậu-thiên. Tôi thường thấy chứng sốt âm chưng chưng, mà ăn kém khí đoản thời dùng ngay dương được để cứu lấy vị-khí, tôi thường bàn có khi bỏ thận không cần bằng bỏ tỉ, vị, ở cuốn đạo-lưu.

Chương 86. — Cách ngôn : Chứng sung nhiều độc khí nhiều mà không tìm đến chỗ chân âm chân dương ở tiên-thiên, thì không thể chữa được, chứng sung nhọt nhỏ mà không tìm trong khí huyết tỉ vị ở hậu thiên, cũng là vô ích.

Câu trên là nói phép chữa sang nhọt nhưng chứng bệnh nào cũng vậy. Cỏ thư có nói: « chữa đại bệnh mà bỏ thủy hỏa, chữa bệnh thường mà bỏ khí huyết thì không thể được. »

Chương 87. — Cách ngôn : Chứng tả vì nhiệt không nên cho uống thuốc ráo ; Chứng thương-hàn người sốt không nên cho uống thuốc quá mát.

Nội-Kinh nói : « Mọi chứng ọc ngược lên đều thuộc về hỏa, » lại nói « chứng đau bụng mà đi tả về nhiệt là hỏa mạnh quá. » Vì thế, chứng thở tả mà thấy người nóng mạch hồng và thực, không nên dùng thuốc bổ sáp. Là sợ rằng đem hỏa để giúp hỏa. Chứng thương hàn người sốt là hàn tà vít lại, khí nổi ở trong thì tức là nội-hỏa mà không phải hỏa ở ngoài. Vì thế, không nên thấy nóng mà cho uống thuốc mát, sợ rằng lấy hàn thêm cho hàn.



Chương 88. — Cách ngôn : Lỗ của trời đất là dương tóm được âm, huyết theo về khí, cho nên chữa chứng huyết phải lý hội đến khí. chứng huyết thoát phải thêm cho khí.

Dương sinh thời âm lớn, chứng huyết thoát chỉ uống một vi nhân-sâm là chuyên trọng về khí. Trong khi chỉ còn dây tía.

Chương 89. — Cách ngôn : Xét về nguyên nhân, tìm xem thuộc về chứng gì, tránh lúc bệnh dương thịnh, nhân chỗ suy yếu, yên chính khí, hóa tà khí, để hoàn nguyên mà hơn lúc chưa ốm.

Đây là Nội-kinh nói về phép chữa bệnh, xét bệnh bởi đâu mà thuộc về khí hay huyết, tránh lúc bệnh dương cường, nhân chỗ tà khí yếu mà chữa, giúp cho chính khí để hóa tà khí, như thế mới hoàn nguyên mà bệnh khỏi rồi lại mạnh hơn lúc trước.

Chương 90 — Cách ngôn : Nhiệt thăng thời sung, hàn thăng thời phù. Sung là chứng thực, phù là chứng hư, nhiệt hạ đến phế, phế khí không có tiết độ cho nên sung; Hàn hạ về huyết, hàn ngưng chân huyết, cho nên cơ nhục sinh phù.

Chú giải : Thận sưng lên ấu xương trũng mà không bằng lên là sung, bằng ngay lên là phù.

Chương 91. — Cách ngôn : Hư hay thực là gốc của bệnh, bổ hay tả là phép chữa bệnh.

Tà khí mạnh thời gọi là thực, chính khí yếu thời gọi là hư, bổ hay tả đều là giúp chính khí để trừ tà khí.



Chương 92 — Cách ngôn : Tìm mỗ-hôi ở chân huyết, sinh ra khí ở tinh, thế là theo dương để dẫn âm, không phải là nghĩa cần thủy ở trong hỏa hay sao ?

Nội-kinh có nói : « Thêm chân huyết mới có thể ra mỗ-hôi », nhưng không bằng dương khí cũng không đạt được ra ngoài biển. Tinh vốn là có hình mà sinh ra không hình, khí vô hình là dương, tinh có hình là âm, cho nên nói là theo dương để dẫn âm. Ta thử xem người và vạn vật không có nóng thì không có khí, lại như dẫn hỏa về chỗ, nạp khí về tạng thận, là theo âm để dẫn dương, không phải là nghĩa cần thủy ở trong hỏa hay sao ?

Chương 93 — Cách ngôn : Nóng thì hơi khí nhưng ghét hỏa là nóng, mà trừ đi cho hết, thì hỏa hết mà khí tuyệt, vậy khí tức là hỏa có thể công phạt mạnh đi được không ?

Hư hỏa vẫn không có thủy, nên bổ thủy để cân với hỏa. Nếu chỉ trừ chân hỏa để lấy lại chân thủy, thì thủy đã thiếu, mà hỏa cũng mất nốt, vậy chỉ bồi bổ cho chỗ thiếu là xong. Nếu chỉ thanh hỏa, giáng hỏa, tả hỏa, phạt hỏa, lại bảo là nên chân dương để giúp chân âm, một khi dương khí hết, thì không thể sống được.

Chương 94. — Cách ngôn : Dương của tiên-thiên hư yếu thì bổ mệnh-môn, âm của tiên-thiên hư yếu thì bổ thận thủy.

Chân dương suy kém, thì thiếu-hỏa biến ra tráng-hỏa, nên dùng nhục-quế, phụ tử, để đem hỏa về chỗ. Nếu chân âm suy kém, thì hỏa bốc lên, phép chữa lại phải mạnh cho chân thủy.



Chương 95.— Cách ngón : Bốn mùa đều phải lấy vị khí làm gốc, chứng thương hàn sắp nguy, phải xem mạch xung-dương, để định sự sống chết.

Mạch « xung-dương » thấy còn là sống, nếu không thấy thời ngồi để đợi chết, mạch xung-dương tức là mạch của dạ-dày (vị-mạch) có mạch là có vị-khí, không có mạch là không có vị-khí.



THIÊN Y-HUẤN (Phép dạy làm thuốc) (gồm 33 chương)

Chương 1.— Cách ngôn : Ông Vương Thái-Bộc có nói: người làm thuốc học chưa được tinh, đem thuốc nhiệt để chữa bệnh hàn, đem thuốc hàn để chữa bệnh nhiệt, nhưng chữa nóng chưa dứt mà bệnh lạnh đã sinh, chữa hàn chưa xong mà bệnh nhiệt lại khởi, rồi sau chữa bệnh hàn lại sợ thuốc nhiệt, chữa bệnh nhiệt lại sợ thuốc hàn, thúc thủ không biết làm thế nào, thế là không biết lẽ hàn nhiệt ôn lương ở trong tạng phủ.

Câu trên là gương lớn cho nhà làm thuốc, vì thầy thuốc kém, thấy bệnh thì trị bệnh, không biết tìm đến nguyên nhân. Nội-kinh nói: « Thêm dương khí cho tạng tâm thời chứng hàn cũng khởi, mạnh âm khí cho tạng thận thì chứng nhiệt cũng trừ », thế là không chữa hàn mà trừ được hàn, không chữa nhiệt mà giải được nhiệt.

Chương 2.— Cách ngôn : Bệnh nhân 10 đến 9 người hư yếu, sao thầy thuốc trăm người không bỏ cho 1 người.

Khí vận mỗi đời một kém, thời con người bầm sinh, mỗi ngày một yếu dần, chứng hư nhiều mà chứng thực ít.

Chương 3.— Cách ngôn : Biểu lý, hàn nhiệt, hư thực, là then chốt cho nhà chữa thuốc.



Người ta hàng bách bệnh, nhưng không ở ngoài biến thời là ở trong lý, không phải hàn thời là nhiệt, không phải thực thời là hư, vậy phép chữa, chứng biểu thời tán đi, chứng lý thời hòa đi, chứng hàn thời ôn, chứng nhiệt thời thanh, chứng hư thời bổ, chứng thực thời tả cho vơi đi. Sáu điểm ấy là then chốt cho nhà lâm thuốc.

Chương 4 — Cách ngón : Cỗ thư có câu Thấy đờm đừng chữa đờm, thấy huyết đừng chữa huyết, không mồ-hôi đừng phát hãn, có nóng đừng công nhiệt, chứng suyễn chớ hao khí, di-tĩnh đừng vít lại, biết được những lẽ trên, mới là thầy thuốc giỏi

Hỏa giáng thời đờm tiêu, mà không phải chữa đờm, tẩu-hàn khí thời huyết tĩnh, mà không phải chữa huyết; bổ huyết thời ra mồ-hôi mà không phải phát hãn, bổ tẩu thời khỏi nóng mà không phải chữa nhiệt, dẹp khí xoang thời khỏi suyễn, mà không phải hao khí, còn chứng di-tĩnh, thời không phải uống thuốc vít lại, chỉ liễm tạng thận là xong, như vậy là chữa bệnh tìm đến căn bản.

Chương 5. — Cách ngón : Người ta chỉ biết cần ở chữa bệnh, mà không biết cần ở chữa mệnh

Chỉ chữa chi tiết của bệnh, mà không biết chữa căn bản để cứu lấy sinh mệnh, là thói thường của nhà lâm thuốc. Tôi gặp chứng âm vong, dương-thoát, chỉ cấp cứu lấy vị-khí, dù có nhiều tạp chứng, cũng không kiếm bệnh trị bệnh, là vì vị-khí không tồn tại thời các bệnh đều không đáng lo, khi vị-khí đã lấy lại được, dương hư thời bổ dương, âm hư thời bổ âm, rồi lại bổ âm để



tiếp dương, bổ dương để tiếp âm, nghĩa là trong thuốc bổ dương mà có thêm âm được, trong thuốc bổ âm có thêm dương được.

Chương 6. — Cách ngôn : Khí huyết âm dương của người đố không giống nhau, thời biểu, lý, hàn, nhiệt của chứng bệnh, đều có như nhau được.

Người ta có người khí hư, có người huyết hư, có người âm hơn dương, có người dương hơn âm, bệnh có chứng ở biểu, chứng ở lý, chứng hư hàn, chứng thực nhiệt, sao người chữa bệnh lại đem những bài thuốc bất định tự ngàn xưa, để chữa hàng trăm thứ biến chứng.

Chương 7. — Cách ngôn : Biến chứng của bệnh tuy nhiều, nhưng chỉ có một lẽ, bài thuốc tuy nhiều, nhưng chỉ ở đối chứng

Bách bệnh không ngoài ở âm dương khí huyết. Bài thuốc từ trước tuy nhiều nhưng cần ở hợp bệnh.

Chương 8. — Cách ngôn : Ông Vương-Ứng-Chấn có nói : Một điểm chân dương ở trong quả « khảm », tức là tạng-thận muốn cho vững chắc phải dùng những vị cam ôn, mà vị thuốc hàn lương không thể bổ được.

Chân dương tức là mệnh-môn long-hỏa, vốn là sợ hàn, hỏa ấy gặp thủy càng bốc lên, gặp âm càng dộng lên, vậy muốn cho vững chắc, chỉ có vị nhục-quế là cam ôn mới lựa được tính mà bổ, mà không bổ được bằng những vị hàn lương như « tri-mẫu » hoàng-bá.



Chương 9 – Cách ngôn : Các chứng bệnh dùng thuốc mạnh dễ đi đi, đều không phải là hoàn thiện

Cổ nhân nói : « Dùng thuốc như dùng binh », người đem binh đánh chỗ bên địch suy yếu, mà người chữa thuốc nếu đánh vào chỗ tà khí đương mạnh, thời không được hoàn toàn.

Chương 10 – Cách ngôn : Người ta chỉ biết khí là dương, huyết là âm, chỉ biết ngũ tạng là âm, lục phủ là dương, chỉ biết tạng thận là quả khảm thuộc hành thủy, tạng tâm là quả ly thuộc hành hỏa, mà không biết gốc của khí huyết và chân âm chân-dương chân-thủy chân-hỏa.

Làm thuốc cần chia ra Vương-đạo, Bá-đạo. Vương-đạo là đường lối ngay thẳng, bá-đạo tức là thuật chữa tắt đi. Vương-đạo chữa về căn bản, mà bá-đạo là kiểm bệnh trị bệnh, mà không biết chân-âm tức là chân-thủy mới là gốc của huyết, chân-dương tức là chân-hỏa mới là gốc của khí, đó là căn bản để lập mệnh, nhà làm thuốc phải để tinh thần về chỗ ấy.

Chương 11 – Cách ngôn : Dùng thuốc bồi bổ mà bệnh không thấy tăng thời tức là đã giảm, dùng thuốc công phạt mà bệnh không thấy giảm thời tức là tăng lên.

Nội-khí có rất bệnh thực mới chịu được thuốc hàn, bệnh hư thời chịu được thuốc nhiệt, nhưng thuốc để công phạt thời công lợi cóng, thuốc để bồi bổ thời công hại chậm, cho nên bồi bổ mà thấy bệnh không tăng là không có thực tà, công mà thấy bệnh không giảm là chính khí hư yếu.



Chương 12.— Cách ngôn : Phép chữa chứng hư yếu, nên bồi bổ chỗ không đủ, mà không nên công phạt chỗ dư ra, vì một bên đã yếu mà lại công cả bên dư ra, thì hai bên đều hại

Thủy không đầy đủ là vì hỏa đã dư ra, nên bổ thủy để chế hỏa; Thấy thủy dư ra là vì hỏa không đầy đủ, thời nên bổ hỏa cho cân với thủy, nếu thấy hỏa dư ra mà phạt chân hỏa, thấy thủy dư ra mà làm giảm chân thủy, thời thủy hỏa đều hại.

Chương 13.— Cách ngôn : Dù thuốc hàn hay nhiệt, uống lâu thời một bên tăng lên, là nguyên nhân làm cho chết trẻ.

Phép chữa trúng bệnh thời thời, bổ quá còn không được, huống chi công phạt quá, vậy thuốc hàn hay nhiệt, dùng lâu thời một bên tăng lên, tức là tăng khi thời thành ra chết trẻ, nên ta thường nói : Uống nhiều vị hoàng-liên thời lại nóng, uống lâu vị mộc-bương thời lại trệ.

Chương 14.— Cách ngôn : Không bổ cho chứng hư yếu hiện có, mà chỉ chữa về chứng tà khí vô hình, nếu không đúng bệnh thì chính khí càng bại.

Cổ thư có nói : « Biết được ngọn mà chữa gốc, thời chữa ngàn người không lầm một người », gốc tức là chữa về chỗ hư yếu, người làm thuốc không biết tà khí cảm vào, là vì chính khí hư yếu, chỉ kiếm bệnh trị bệnh, nếu đúng bệnh thời không hại gì, bằng không thời tỷ vị là chỗ chiến trường để tà khí làm hại thêm chính khí.



Chương 15.— Cách ngón : Đem vị thuốc hữu hình mà vô tình, để chữa cho nguyên khí vô hình mà hữu tình, muốn không hại người có thể được hay không ?

Vị thuốc thảo mộc là hữu hình mà vô tình, nguyên khí là vô hình mà hữu tình, thấy thuốc kém không biết tiến đến nguyên khí lại dùng vị thuốc vô tình để sinh ra hữu tình, thế là chữa thuốc để trừ bệnh, mà lại thêm tai họa.

Chương 16.— Cách ngón : Chứng suy thoát đã hiện rõ, mới bàn đến thuốc bổ, thời sợ không bổ kịp.

Người làm thuốc không tính trước, sợ vị hàn lại sợ vị nhiệt, đến nỗi bệnh nhân âm vong dương thoát, mới bàn đến dùng thuốc bổ, thời đã quá chậm, thì dù chứng giả-nhiệt mà cho là thực-nhiệt, dùng máu thuốc hàn-lương, đến nỗi ở trong thanh ra chứng chân hàn, chân ra mồ-hôi, chân tay giá lạnh, thế nguy thoát niệm rõ, mới cho uống nhân-sâm, phụ-tứ, thời dương khí trở về (có dương) còn cứu vãn sao kịp.

Chương 17.— Cách ngón : Bổ là bù vào chỗ thiếu.

Bổ có chia ra bổ huyết mạch, bổ cho diện hòa, bổ cho thấm nhuận, bổ mà phải tiếp, nghĩa là bổ bên này mà còn tiếp thêm cả bên kia, nếu không biết phép bổ, thời eo khí tăng khí mà chết non như đã kể ở trên.

Chương 18.— Cách ngón : Đã biết mọi chứng bệnh đều nhân hư yếu mà cảm vào, thời nên lấy chính khí làm gốc mà tả khí làm ngọn.



Nội-kinh có nói : « Khí âm hòa bình, khí dương bị vít, thời bệnh không đến được, vì thế nhà làm thuốc, nên giúp sinh khí mà chỉ thêm vị để trừ tà khí. Cờ thư có nói : « Biết được ngọn thì chữa gốc » chính là lẽ ấy.

Chương 19.— Cách ngôn : Chữa chứng hư đầu không thể chóng, cũng không thể khéo được.

Chữa chứng hư yếu quá, trước hết phải bổ thật mạnh, rồi đến đại bổ, rồi đến điền bổ, sau đến tư bổ, nghĩa là trước bổ mạnh rồi sau nhẹ dần đi. Nhưng bổ dương chóng mà bổ âm chậm. Cờ thư có nói : Dương hỏa dễ cứu, mà âm thủy khó tìm, vì chứng âm hư thời tinh huyết khô ráo, sau bổ mạnh « phù và xác », người làm thuốc dùng dương dược để sinh âm, hoặc giúp âm để hóa dương, mà không thể thành công được nhanh chóng.

Chương 20.— Cách ngôn : Chứng âm hư khó bổ được, chứng tích tụ đã lâu khó trừ được

Những bệnh làm khó cho thầy thuốc : Chứng âm hư thời ở trong nóng chưng chưng, nếu dùng âm dược để cứu chân thủy, thời lý vị yếu mà kém ăn, nếu dùng dương dược để bổ lý thổ, thời âm phận càng ráo, thật là hai bên đều khó ; còn bệnh tích khối, ở trong bụng tươi thỏ ngắn ăn kém, nếu dùng thuốc phá tích, thời người lại mệt thêm mà nguyên khí lại trược, nếu dùng thuốc bổ thời tích khối tăng lên, thế là công thời hư mà bổ thời trệ, không biết dùng nào mà trở tay.

Chương 21.— Cách ngôn : Chứng bệnh là thực mà mạch cũng thực, thời công tà để chữa ngọn ; Chứng



bệnh là hư mà mạch cũng hư, thời bỏ chính để chữa gốc

Chứng bệnh thực nên tả cho vơi đi, chứng hư thời bỏ vào vẫn là lẽ thường, nhưng mạch là làn sóng cho khí huyết, đã xem chứng mà còn phải căn cứ vào mạch, tôi có một phép riêng trước hết xem bệnh-nhân ngày thường mạnh yếu thể nào, và tuổi già hay trẻ, cảnh quý hay hèn, hoặc sản hậu hay bệnh-hậu, rồi xem đến 6 bộ mạch, nếu 6 bộ mạch đều vô lực, thời bệnh nhân dù có rất nhiều tạp chứng, cũng chỉ bỏ hư để cứu lấy căn bản.

Nếu mạch có thần có lực mới chữa theo chứng thực, ta hãy xem ông Tiết-Lập-Trai có nói : « Người nguyên-khi hư yếu mà phát sốt đều là trong thực hàn mà ngoài giả-nhiệt », lại nói : « Nên cho nguyên khí là chủ mà chứng ở ngoài là khách ». Lại nói : « xét nguyên khí trước rồi mới xét đến chứng bệnh », như vậy đều là lấy nguyên khí làm kim-chỉ-nam để biết rõ hư thực.

Chương 22.— Cách-ngôn : Bỏ mà không thấy công hiệu, phần nhiều là chứng thực. Công mà không thấy công hiệu, phần nhiều là chứng hư.

Chứng thực mới chịu được thuốc hàn, chứng hư mới chịu được thuốc nhiệt, là thực mới công được, còn hư thời phải bỏ, cho nên bỏ mà không công hiệu, là vì chứng thực không chịu được thuốc nhiệt ; công mà không công hiệu, là vì chứng hư không chịu được thuốc hàn.

Chương 23.— Cách ngôn : Thà rằng đem phép chữa cho chứng không đầy đủ, đừng chữa cho chứng dư ra, còn hơn là đem phép chữa cho chứng dư ra để chữa cho chứng không đầy đủ.



Chứng hư phần nhiều lại có giả tượng như thể là thực ; Chứng thực phần nhiều lại có trạng thái yếu như thể là hư. Chứng thực mà bỏ lắm thì tăng bệnh, chứng hư yếu mà lại công phạt thì chết oan, tăng bệnh thì cứu chữa được, mà chết oan thì không thể lấy lại được, vì thế tiên hiền cũng nói : « đánh lắm vì thuốc ôn bỏ còn hơn lắm về thuốc hàn lương ».

Chương 24 — Cách-ngôn : Luận bệnh cho đồng thời đủ thuốc đại nhiệt hay đại hàn đều có ích cho bệnh nhân.

Thầy thuốc gặp chứng bệnh lập bài thuốc chữa, thời sở kiến phải nhất định, gặp thực chứng không dùng thuốc hàn lương thời không trừ được tà khí, gặp chứng đại hư mà không bỏ mạnh thời không cứu được sinh mạng, thế là đại công, hay đại bỏ đều có ích cho bệnh nhân.

Chương 25 — Cách ngôn : Xem bệnh phải xem nguyên khí rồi mới xét đến bệnh chứng.

Chữa bệnh phải đề ý về căn bản, mà căn bản là nguyên khí, rồi mới xét đến chi tiết của bệnh.

Chương 26. — Cách ngôn : Thầy thuốc đời nay chỉ biết tà khí có hình mà không biết đến nguyên khí vô hình

Hữu hình là triệu chứng của bệnh, vô hình là nguyên thần của người. Thầy thuốc thấy bệnh thời chữa bệnh mà không biết chữa sinh mệnh, phần nhiều thấy bệnh khỏi rồi mới dùng thuốc bổ, nhưng không biết đề lân mà trải qua những thuốc công phạt, thời không thể bổ được nữa.



Cổ thư có nói : « hư bất thụ bổ » nghĩa là hư yếu quá không bổ được nữa.

Chương 27 — Cách ngôn : Nên biết mọi chứng bệnh không ở ngoài chân-âm chân-dương, thời chữa bệnh cũng chỉ tìm ở trong chân-âm chân-dương, âm dương ấy là thiết yếu cho mọi nguy chứng.

Chân-âm, chân-dương ở trong tạng thận, tức là chân thủy chân hỏa là gốc để lập mệnh. Cổ thư nói : « gặp chứng hư yếu phải giữ lấy tạng thận » vậy người làm thuốc mà không xét cùng đến thủy hỏa vô bình, không biết trong dung bai lục-vị, bài bát-vị là thần phương, thời y lý còn thiếu nhiều quá.

Chương 28 — Cách ngôn : Thầy thuốc sở kiến không di dịch, mà nhà có bệnh cũng phải chuyên tâm, mới có thể thành công.

Bởi bỏ cho chứng hư yếu ví như nhà nghèo lập nghiệp không thể nhanh chóng được, vậy thầy thuốc phải kiên tâm đừng thay đổi ý kiến, một khi luận bệnh đã xác đáng. Nhà có bệnh không nên tin sự cúng lễ, và thay đổi thầy thuốc.

Chương 29. — Cách ngôn : Ta phải biết, bệnh và sinh mệnh bên nào là khinh mà bên nào là trọng, chính khí với tà khí bên nào là hoãn mà bên nào là cấp.

Bệnh chứng hữu hình có thể chữa thông thả, mà nguyên khí vô hình thời phải giữ vững lấy ngay, thế là bệnh chứng khinh và hoãn mà sinh mệnh trọng và cần cấp.



Chương 30. — Cách-ngôn : Ta thường gọi là phương pháp, thời phương là bài thuốc là thể, mà pháp là phép chữa là dụng ; biết cả thể dụng mới là thầy thuốc giỏi.

Bài thuốc là thể không biến đổi, mà phép chữa lại biến hóa vô cùng mà không nhất định, vì phương là thành phương, mà pháp là biến pháp.

Chương 31 — Cách ngôn : Diện mạo của mọi người dù khác nhau nhưng tạng phủ âm dương đều như một, danh từ của bách bệnh tuy khác nhau nhưng bất ngoại ở trong khí huyết.

Tiên sinh họ Phùng có nói : « Dem 'phương pháp chữa một chứng bệnh, có thể suy rộng để chữa hàng trăm chứng bệnh vì người ai cũng có khí huyết, ai cũng có tạng phủ và âm dương », Nội-kinh có nói : « biết được yếu lĩnh thời một câu nói là xong, mà không biết thời man máo vô cùng ».

Chương 32 — Cách ngôn : Người đời xưa dùng thuốc vừa đóng vừa mở là hợp nghệ vừa bổ vít vừa vợi đi.

Lẽ của trời đất vừa đóng vừa mở, vì không mở thời không đóng được mà không đóng thời không mở được. Đó là lẽ đầy rồi vơi (doanh, hư), tiêu rồi lại lón (tiên, trưởng), thăng rồi lại giáng, phủ rồi lại trảm, nhà làm thuốc cũng bắt chước lẽ mở đóng kẻ trên, như bài lục vị, bài bát vị mà có vị trạch tả, để thấm xuống, bài tả-quân có vị phục-linh để thấm xuống, bài quy-lý có vị



mộc-hương dễ dàng xuống, bài tứ-vật có vị xuyên-không để hành đi, bài tổ-nguyên có vị đàng-tâm (bổ đốn) để lợi tiểu tiện, bài dưỡng-vinh có vị trần-bì, vị ngũ-vị để vừa tiêu, vừa liễm, bài bồ-trung có vị thăng ma, vị sài-hồ để thăng phát, đều là lẽ ấy, vì không tả thời không thể bỏ được.

Chương 33. — Cách ngón : Xem mạch để biết thực tính của tạng phủ, còn xét về chứng bệnh, thời nhiều giả tượng tựa như nhau :

Mạch là khí trung hoà ở trong thân người hiện ra, thầy thuốc căn cứ vào mạch để biết khí huyết âm dương, còn bệnh chứng là chi tiết, phần nhiều giả tượng tựa như nhau mà không thật đúng. Cổ thư có nói : « Xem mạch mới rõ được bệnh tình ».



HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập CHÂU-NGỌC CÁCH-NGÔN





Lời dịnh giả

Thiên Châu-ngọc cách ngôn dưới đây là Lê-Tiên-Sinh ghi lại những sáng kiến của mình về y-lý, hoặc phát minh thêm, hoặc đề tiêu tan những thành kiến của người đời xưa vẫn ấn định, mà những sáng kiến ấy Tiên-Sinh đã kính nghiệm.

Vì thế, trước kia nhà làm thuốc dù chưa coi được toàn bộ sách y-lớn, cũng xen lấy 2 thiên Châu-ngọc.

Trong thiên Châu-ngọc, có phân ra nhiều chương, chương nào cũng có 2 câu cương đối nhau, rồi dưới giải thích rõ 2 câu cương kê trên, lời cũng dịch theo như thế.

Sở dĩ không biến thành mục lục là vì câu cương ấy quá dài khó lòng ghi cho gọn lại nhưng cũng có ít đoạn mà dễ làm hiểu. (bản chữ hán cũng không làm thành mục-lục).

Nhà làm thuốc muốn rõ về y-lý, thì thiên Châu-ngọc này không nên bỏ qua.

ngày 7 tháng 7 năm 1971

Dịnh giả :

Định-Thư : HOÀNG-VĂN-HOÈ



Tiểu dẫn của tác giả

Đương thời tiết mùa hè, gió Nam mát mẻ, tôi ngồi ở Thư-Viện, chợt có một vị danh y đến chơi, tôi trầu nước khoản đãi. Vị ấy thấy trước bàn án của tôi có một tập sách mới viết, cầm xem một lượt và thông thả hỏi rằng : « Ông biết thuốc hay sao ? » Tôi đổi nét mặt trả lời : « Người trượng-phu nên đặt mình vào địa vị làm cho trên vua được hay, dưới dân được nhờ, nhưng tôi gặp lúc bất lợi, phải ở chỗ làm-tuyển hẻo lánh, nhiều bệnh vì Lam Sơn Chương Khí ; Vì thế các sách thuốc của người đời xưa, không bộ nào là tôi không xem đến, chỉ để chữa cho thân mình, cho nhà mình, đâu dám cao vọng chữa cho người ngoài ». Người khách hỏi rằng : « Tôi xem bộ sách này nói những căn mà người đời trước chưa nói tới, phát minh đến chỗ mà người đời xưa chưa phát minh, thực là lời nói kim-ngọc. »

Tôi thưa rằng : « Lễ làm thuốc rất man mác, nhưng hợp lại chỉ có một lý, hơn nữa đọc sách cần ở cùng lý, bộ sách này của tôi, là ý kiến suy rộng ra, nay xin phiền Ông đặt tên cho bộ sách này, để tỏ là bạn tri kỷ. » Người khách vâng lời rồi cầm bút đề mấy chữ ở đầu là : « Châu-Ngọc Cách-Ngôn Thiên ». Rồi cáo biệt ra về.

Xong tôi chia cuốn này làm Thượng, Hạ 2 thiên, ngõ hầu giúp cho những bậc cao minh về những chỗ chưa có thì giờ) nghĩ tới.

Hải-Thượng Lân-Ông Lê-Hữu-Trác
làm bài tiểu-dẫn trên đây.



CHÂU-NGỌC CÁCH-NGÔN

Thiên Thượng

Chương 1.— Hỏa mệnh-môn hay hỏa bạch-nhiều, đều là tên của tương-hỏa, nhưng gặp chứng phải chữa riêng.

Bài Lục-Vị-Hoàn, bài Bát-Vị-Hoàn, đều là thuốc chữa tạng thận, nhưng trong có phân biệt.

Lời giải : Giữa hai quả thận là huyết của mệnh-môn, gọi là long-hỏa, thụ bệnh phần nhiều bởi sắc dục quá độ, dương hỏa hư yếu, mà Âm-thủy thịnh, long-hỏa ấy sợ hàn bốc lên, trên nhiệt dưới hàn mà hiện ra mọi chứng. Vì thế dùng bài bát-vị, để ôn bổ nơi của mệnh-hỏa, thời long-hỏa về chỗ. Cổ thư có nói : Dẫn hỏa quy nguyên, là lẽ ấy. Ở bên quả thận, bên phải có lỗ hồng trắng gọi là tương-hỏa, phát ra bệnh, phần nhiều bởi lỗ hồng đen quả thận bên trái chân-thủy suy kém, hỏa không có thủy dập đi róng rở thành ra các chứng trên nhiệt dưới táo, cho nên dùng bài lục-vị để bổ thủy, thủy đầy vượng, thời tự nhiên chế được hỏa. Cổ thư có nói : Tráng thủy để trấn dương-quang, là lẽ ấy.

Chỉ vì sách thuốc đều gọi là tương-hỏa, là không rõ tuy đều gọi là hỏa, nhưng có lúc sợ lạnh mà bốc lên, thời phải dẫn hỏa như nói ở đoạn trên, có lúc kinh thường



hàn lạnh mà chống cự, thời phải tráng thủy như nói ở đoạn dưới, đã không rõ trong tạng thận có hai huyết, bên trái và bên phải, thời dùng thuốc lẫn lộn mà bỏ thủy ở lúc hàn ngưng, bỏ hỏa ở lúc nóng dữ, không phân biệt được cách dùng bài Lục-Vị, và bài Bát-Vị.

Chương 2.— Hỏa đã hư lại thêm thủy: Long hỏa không có nơi để tàng thân, hỏa không quy nguyên thời dưỡng khí phải tuyệt;

Thủy đã kém lại thêm hỏa: Âm không có sức để liễm dương, thời dương không dựa vào đâu, mà khí cũng mất nốt.

Lời giải: Trong tạng thân âm thịnh, long-hỏa sợ âm hàn mà bốc lên, nếu không biết làm cho nơi của hỏa được ấm lên để dẫn hỏa quy nguyên, thấy ở trên nhiệt mà đem bài lục-vị để bỏ thủy, thủy càng thịnh thời hàn càng thêm lên, hỏa mất thời dương mất.

Trong tạng thân thủy suy, hỏa không có thủy để chế đi, thời hỏa ấy đi rong rở, nếu không biết bỏ âm để tráng thủy, một khi thấy táo nhiệt, mà dùng bài bát-vị để bỏ hỏa, dương càng vượng thời âm càng tiến. Hỏa không có âm để liễm lại, tức là hỏa vô căn không có thể sáng tỏ được mãi, thế là âm kiệt thì khí cũng tuyệt.

Trong hai phương thánh dược, là lục-vị và bát-vị, có chỗ đáng kỵ là đem chữa lẫn lộn, nhưng vong dương thời hỏa chống, mà vong âm thời hỏa trầm, vì bài bát-vị có quế và phụ ở trong âm dược.



Chương 3.— Cứu chứng thụ thương trong ngũ tạng, nhưng rồi sau chớ quên tạng thận.

Chữa chứng hư yếu đã lâu, phải nên giữ tiếc lấy đờm.

Lời giải : Tạng thận là gốc để lập mệnh, tính thần của tạng tâm, thở hút của tạng phế, quyết đoán của can và đâm, chữa và vận hành của tỳ, vị, phân biệt của đại-tiền-tràng, gạn lọc của bàng-quang, thăng giáng của tam-tiên, đều nhờ một điểm chân-dương ở trong tạng thận. Cỗ thư có nói : « Ngũ tạng thụ thương rồi sau tất đến tạng thận. » Lại nói : « Gặp chứng hư tổn giữ ngay lấy Bắc phương là thận thủy, để bồi sinh mệnh cho con người. »

Đờm là tân dịch của thân người, Cỗ-thư có nói : « Đờm không sinh ra bệnh, thực ra thời bệnh sinh ra đờm », phép chữa nên tìm cách để đờm lại hóa ra tân-dịch, mà không nên công phạt để hại đến tân-dịch, hại đến nguyên-khí, huống chi chứng bệnh hư yếu đã lâu, lại không nên giữ tiếc lấy đờm hay sao ?

Chương 4.— Vị Thực-địa sao thơm, dẫn âm theo dương, cũng là vị thuốc hay cho tạng tỳ ;

Vị Bạch-truật nấu thành cao, hóa chất tảo thành tĩn (nhuận), cũng là vị thuốc hay cho huyết phận.

Lời giải : Ông Lý-Thời-Trần có nói : « Địa là thổ khí mà (hoàng là) chính sắc, vậy vị thực-địa-hoàng cũng là thuốc bổ cho tạng tỳ, nay xem sách thuốc, những phương thuốc bổ tỳ không dám dùng nhiều vị thực-địa,



e cũng làm cho tạng ty không tác hóa được mạnh, nhưng tôi gặp chứng hóa của dạ-dày quá vượng, mà âm của tạng ty lại kém, thời tôi đem vị thực-địa sao khéo cho khô và thơm, để bớt được chứng trệ, mà hóa như làm cương, thời công hiệu bỏ cho tạng ty không phải là ít. Vị bạch-truật tính rất cương-táo. Cổ thư có nói : « Chứng bệnh ở rốn động khí, cấm dùng vị bạch-truật », vì chứng ấy là âm hư, nhưng tôi gặp chứng tạng ty cả âm lẫn dương đều hư tổn, ngoài thời nóng ấm chưng chưng, trong thời tiết tả đi luôn, khi ấy muốn giúp chân âm, thời ngại về chứng tiết tả, mà vị bạch-truật để bỏ ty lại không thể bỏ được, thời tôi nấu truật thành cao, để bớt tính cương táo mà thêm tính nhu thuận, thời vị bạch-truật lại có công dụng để giúp cho huyết phận. Không những khỏi chứng tiết tả, mà khỏi cả chứng nhiệt.

Chương 6.— Vị nhân-sâm chốt nhuận, có công hiệu giúp cổ huyết phận. Vị Hoàng-Cầm tính mát, còn chữa được khô táo cho dạ-dày.

Lời giải : Không có dương thời âm không sinh được, và khi dương sinh thời khí âm mạnh, đó là đại số về âm dương, người không xét kỹ lại cho rằng : Khi được có công sinh được huyết, nghiệm về những chứng huyết thoát, chỉ dùng một vị sâm để bổ khí mà được khỏi. Nhưng đó chỉ là một lẽ, nếu bảo là khi được có công sinh huyết, thời về bệnh bên rốn động khí, sao lại cấm dùng khí được ? Vậy ta nên hiểu chứng huyết thoát tính mạnh ở chỗ lạt, thời phải giữ ngay lấy khí, nhưng dùng sâm mà không dùng phụ tử, là chỉ dùng về sức mạnh



để lấy lại nguyên khí. Thế mới biết vị sơn hồ huyết là vị có tính chất mềm mại, còn vị bạch-truật cương táo, vị phụ-tử chạy mạnh, đều đem dùng ở lúc chân âm đã bại. Tóm lại, vị thuốc bổ hậu về khí là bổ dương, hậu về vị là bổ âm. Khí nhiều vị ít là dương ở trong dương, vị nhiều khí ít là âm ở trong âm, còn khí vị đều hậu là kiêm bổ cả âm dương, người họ phải biết thối, mà không nên nhất khí cho là khí được đều có công sinh huyết. Vị hoàng-cầm tính mát là thuốc để thanh và công phạt nhưng dạ-dày vốn sợ ráo mà ưa mát nên những chứng dương khí ở dạ-dày quá vượng mà khô ráo, thời nên bổ bằng vị hoàng-cầm xem như bài *Bổ-trung ích-khí*, mà có khi thêm những vị Hoàng-Cầm, Sương-Truật, Ích-Chi, thời gọi là bài *Sâm-truật Ích-vị* mà thêm hai vị hoàng-cầm và thối-khúc, thời gọi là bài *Ích-vị Thăng-dương*. Hơn nữa, trước an thai cho vị Bạch-Truật vị quân, mà vị Hoàng-Cầm vị tá sử để rõ vị Hoàng-Cầm là bổ được dạ-dày.

Chương 6.— Xem hành thổ lúc bẩm sinh mạnh hay yếu, để rõ về là hư hay thực. Xét mạch về hữu lực vô lực, để rõ về nên bổ hay công

Lời giải : Hư hay thực đã rõ thời bổ hay tả không lầm, đại để lúc bẩm sinh được mạnh, mà người mạnh hay tuổi trẻ, khí huyết đầy đủ, xương thịt cân đối với nhau, thời chột có bệnh tật nên chữa theo chứng thực. Trái lại, yếu từ lúc bẩm sinh, hay tuổi già người yếu, hoặc ốm nặng hay ốm lâu, cũng là sơ hậu, hay nhiều tuổi mới sinh, thời chữa bệnh cho những người ấy, trước sau phải theo về chứng hư. Cổ-thư có nói : « Nên xét nguyên khí trước, rồi mới xét đến chứng bệnh ».



Mạch là làm của khí huyết, nếu không lấy tính thần mà đoán mạch thời không thể được. Ông Vương-Du-Gia có nói : « Không cứ ở bộ gì, dù phủ, trầm, đại, tiểu, nếu ăn mạnh đến xương mà còn thấy có lực có thần là chứng thực, mà không có là chứng hư », tôi nghiệm câu nói ấy thời lời nói của bậc tiên hiền thực là không lầm.

Chương 7.— Về chứng tiết hay táo phải rõ là không hỏa hay không thủy ; về chứng ráo hay khát nên phân là có âm hay có dương.

Lời giải : Muốn dùng bài lục vị hay bát vị, nên xét về chỗ tiết hay táo, ráo hay khát. Nếu đại-tiện tiết tả là hạ-tiên không có hỏa, nếu đại-tiện táo là thận thủy suy kém.

Cổ thư có nói : « Chứng khát có phân âm dương, vì khát và ráo khác hẳn nhau, chứng « khát » là táo hỏa có dư, và chứng « cau » là ráo thời bởi tân dịch không đủ, cho nên uống nhiều là khát, uống luôn mà uống nhiều là ráo, khát là thủy ở trong kém, mà phải tìm nước ở ngoài để cứu trợ, còn ráo là tân dịch kiệt, cưỡng họng khô, miệng táo, chỉ nên dùng thuốc thấm nhuận mà thôi.

Chương 8.— Chứng hư yếu vừa, chỉ dùng thuốc để bổ khí, huyết.

Chứng hư yếu nhiều, phải dùng thuốc để bổ thủy, hỏa.

Lời-giải : Người mới yếu hay yếu vừa thời có hư yếu



cũng là hư vừa, chỉ dùng thuốc bổ khí huyết như bài: *Tứ-Quản*, bài *Tứ-Vị*, bài *bổ-trung*, bài *đưỡng-vinh*, bài *quy-tỳ* cũng đủ công hiệu.

Còn người ốm lâu hay ốm nặng, thời hư yếu là đại-hư, nên dùng đến những thuốc bổ thủy hay hỏa, như bài *lục-vị*, bài *bát-vị*. Cỗ thư có nói: « Bệnh nhẹ bởi ở khí huyết, bệnh nặng bởi ở thủy hỏa. »

Chương 9.— Xét chứng đàm hay trọc, phải căn cứ về đặc hay trong. Xem hình sắc trắng hay đen, để biết là hư về thủy hay hỏa.

Lời giải: Về bệnh đàm hay trọc, sách thuốc đều gọi là đới-hạ, mà không phân biệt, nên người chữa vẫn mơ màng không rõ, đại khái bệnh của con gái thời gọi là đới-hạ, bạch-dâm, hay gọi là xích-đới, bạch-đới, tóm lại là những chất rỉ ra đặc và dính. Còn bệnh của con trai thời gọi là di-tính, bạch-trọc hay gọi là xích-trọc, thời chất rỉ ra không đặc và không dính lắm.

Người thấy hư, thời hình sắc đen tối mà gầy còm, vì thủy là gốc cho huyết, mà huyết đầy đủ ra sắc mặt. Còn hỏa, hư thời hình sắc trắng nhợt mà trệ, vì hỏa là gốc cho khí, khí sinh ra thần, sắc vì thần mà kém thời bóng trắng.

Chương 10.— Chứng đau ngán ngắt là bệnh nặng đến xương tủy;

Chứng nuốt nước chưa là thở không được mà nuốt vào.

Lời giải: Xét cỗ-thư có nói: Bệnh « toan-thống » là



đan ngắn ngắn, trước tôi vẫn không rõ, nhân bị vấp ngã đan đến xương tủy, lúc đan muốn khô, rồi chợt lại muốn sưng, mà rất khó chịu, khi lý mới rõ nghĩa chứng « toan-thống », cho nên cổ thư thấy đan về xương tủy thì gọi là « toan-thống ». Chứng nuốt nước chua là vì hư hỏa bốc lên, khi theo hỏa trở lên mà ợ, nước dạ-dày cũng theo khí mà lên cổ họng, nhờ lại không ra, bắt đặc dĩ nuốt vào thấy chua, nếu không phải vì hỏa ở trong, thời đâu có nuốt vật gì chua ở ngoài vào.

Chương 11.— Chứng huyết thoát mà sắc mặt trắng nhợt không được quang nhuận, không những là chứng dương hư

Chứng khí thoát thời tỉnh thần hôn mờ mà ghê rét, không những là chứng nhiệt thịnh.

Lời giải : Sắc mặt trắng nhợt mà không quang nhuận, ta thường cho là dương hư, nhưng còn có khí vì ra nhiều huyết mà trắng nhợt, như thiếu như tro, là vì không có huyết thì không quang nhuận được, so với chứng khí hư mà trắng bông ra, thời rất không giống nhau. Cổ-thư có nói : « Khí sinh ra thảo », nếu khí đã lý thoát, thời tinh-thần phải rối loạn, vậy ta không nên cho là vì nhiệt thịnh mà thảo hỏa.

Chương 12.— Chứng vong thoát đã đủ, thời phải bỏ ngay nguyên dương, khi ấy thời chữa tọng thận không cần bổ tọng tỳ.

Bệnh đại hư đã lâu, thời phải cứu ngay thủy.



hỏa, khi ấy thời bỏ tỷ không cần bằng bỏ tạng thận.

Lời giải : Những chứng âm-vong, dương-thoát, bốn chân tay giá lạnh, trán ra mồ-hôi như cù áo, tình-thần hỗn loạn, giữ lấy vai mà thở, khí thoát mà nấc, chỉ nên dùng ngay sâm, phụ đề hồi dương, cứu vãn lấy vị khí (khí của dạ-dầy) lại thêm vị bạch-truật để giữ lấy trung châu ; ngoài ra chứng tình huyết không sinh mà dương sự yếu, cũng nên chú trọng vào tỷ, vị Tỷ, vị mệnh thời tạng thận đầy đủ ; dù tạng thận là gốc của ngũ tạng là nền để lập mệnh, nhưng gặp trường hợp trên, thời giữ tạng thận không bằng giữ tạng tỷ.

Về chứng đại hư, uống nhiều thuốc bỏ khí huyết mà không thấy công hiệu lắm, thời phải tìm gốc là thủy hỏa, như bài lục-vị, bài bát-vị, để bỏ lấy chân-âm chân-dương. Lại như tỷ vị không đủ sức nạp thức ăn uống và vận hành, cũng nên bỏ ngay hỏa của Mệnh-môn, như thê dưới nổi thêm củ đun. Chứng tả và chứng lý đã lâu, chữa về tỷ không công hiệu, cũng nên cứu ngay tạng thận, để giữ lấy việc bổ tạng (Đóng lại).

Chương 13. — Bài Tứ-Vật không phải để bỏ huyết, đàn bà chân huyết khô ráo mà dùng mãi thì vô ích. Bài Tứ-Quần là vị thuốc thuần dương, trẻ em hình thể đen gầy mà dùng lâu thời có hại.

Lời giải : Về thuốc để sinh âm phần, chỉ nên dùng vị thuần-lĩnh, nhu-nhận. Để nuôi dưỡng chân âm, thì huyết mới sinh được. Nay bài Tứ-Vật, thời không phải để sinh huyết, vì vị thuốc bằng thảo mộc không phải là



thể hễ tỉnh, muốn cho sinh huyết không gì bằng nhưng hay sao của hươu nai, hoặc vị tử hà sa (nhau đàn bà đẻ), hay nhũ phỉ (sữa người canh khô lại) mới là đắc lực, hơn nữa bổ huyết sinh tinh quá nữa bổ ở; thuốc bổ tỳ vị. Vậy muốn bổ huyết còn phải thêm thuốc bổ tỳ vị, đó là tôi để kinh nghiệm; ta không nên cho bài Tứ-Vật là thuốc sinh ra huyết phải dùng đến.

Trẻ em nhiều chân dương ít chân âm, vì thế cách chữa không nên thiên về bổ dương, huống chi em nào hình thể gầy ốm da thịt se nóng, nay dùng thuốc dương như bài Tứ-Quần thời có lợi gì cho trẻ em thiếu chân âm. Ngoài trừ chứng hàn thổ, chứng đi tả lãn, hay là người mát mà no đầy, hoặc chứng mạn-kích, chứng mạn-tỳ, còn các chứng khác phải nên cân thận sẽ dùng.

Chương 14.— Bài quy-tỳ uống xen với thuốc bổ, nên bỏ vị mộc-hương để giữ lấy nguyên dương.

Bài bổ-trung dùng để đem lên, không nên bỏ vị thông-mo, sỏi hồ là theo về y-lý.

Lời giải. Chứng mệnh-môn hỏa suy, lại thêm khí huyết về hàn thiên cũng đến hư yếu, ta để dùng bài bát-vị để bổ hỏa, mà uống xen với bài quy-tỳ, để thủy hỏa khí huyết đều được bổ dưỡng, như thế là chứng hỏa hư, mà hỏa tức là khí, vậy có vị gì động đến khí, đều không nên dùng, huống chi vị mộc-hương bành tán, thời phải bỏ đi để bảo toàn lấy nguyên khí.

Chứng dương hư hãm trở xuống, thời dùng bài bổ-trung để đem lên, khác nào tiết Đông-Chi mà nhất dương đã sinh, đã sắp đến thời tiết mùa xuân, vì thế bài bổ-



trung phải dùng vị Thăng-ma và Sài-hồ, sao nhiều người không xét lẽ ấy, lại đem hai vị ấy sao với mặt, để bớt tính đem trở lên, có khi bỏ hẳn đi, như thế thời không phải ý nghĩa của bài thuốc.

Chương 15.— Giữa hai quả thận là nguồn gốc của tạng phủ, nên căn cứ vào đấy để chữa những bệnh kỳ quái.

Bài Lục-vị là thánh dược cho trẻ em, vì hư chứng của chúng đều bởi chân âm.

Lời giải : Mệnh-môn ở khe giữa hai quả thận, là nguồn gốc của tạng phủ, nên bệnh nhân vì hư yếu quá, mà có kỳ hình quái trạng, sách thuốc chưa nói đến, ta cũng chỉ nhắm vào Âm dương bên nào thắng mà dùng thuốc bổ thủy hay hỏa, thì tập chứng dù nhiều cũng không chữa mà khỏi.

Trẻ em thiên-quý-thủy chưa vượng, nên vẫn gọi là « thuần dương vô âm », tức là dương khí còn non nớt (trĩ dương). Ta đừng cho lầm thuần-dương là dương dư ra, mà hề thấy chứng hư hỏa động lên mà phát sốt, thời dùng ngay thuốc hàn-lương, thời còn gì bại bằng, vì rằng trẻ em đã thiếu chân âm, mà thuốc hàn-lương lại diệt mất dương khí, thời âm dương đều bại. Ta hãy xem chứng để phát sốt là hỏa không có thủy để chế đi. Nếu hay co giật là mộc không có thủy để nuôi dưỡng, mọi chứng phần nhiều bởi chân thủy thiếu mà tân-dịch kiệt, cả đến những chứng quy-hung (ngực như mai rùa), chứng quy-bối (lưng như mai rùa), chứng thông-hãm (thóp trứng xổng), chứng Thiên-tru-sốt đảo (xương cở ngoẹo), chứng ngũ nhuyển, chứng ngũ ngành,



chứng ngũ tri (tra ở quyền kim-kim tu tri) cũng là một và thủy sự yếu, vậy cách chữa nên đề ý về hai chứng vô âm, mà dùng bài lục-vị để bồi dưỡng, nên ta thường gọi bài lục-vị là thánh dược về âm-khoa (khoa chữa trẻ em còn nói ngọng).

Chương 16.— Chứng « đau-nhiệt » (chỉ sốt nóng không ghê rét) là triệu chứng mất chân âm; nguy cơ bởi tân-dịch đã nhiệt.

Chứng nguyên thần mất đi không giữ được, dùng thuốc phải tìm đến thủy, hỏa.

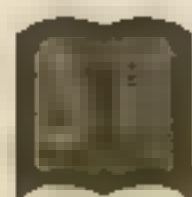
Lời giải: Chứng chỉ thấy sốt mà mặt sạm lưỡi đen, mình tựa củi khô, da thót như vẩy giáp, miệng se cuống-họng đen, uống nước nhiều, nóng như rang, đại-tiện táo kết, tiểu-tiện đi nhiều, phiền táo nói mê sảng, hay là trông không biết ai, đều là chứng « vong-âm » đã rõ rệt. Cồ-thư nói « Tân dịch kiệt thời chết », vả lại, khí âm mất ở dưới, khí dương không có khí âm để liễm lại, thời cũng thoát lên trên, thế là âm dương ly thoát, ngoài đời chỉ biết chứng quyết-ngịch là « thoát-dương », mà không nghĩ đến chứng đau-nhiệt là « vong-âm », chứng thoát-dương thời cồ nhân dạy dùng sâm phụ để hồi dương, còn chứng vong-âm thời chưa từng nói đến, tôi gặp chứng ấy có nghĩ ra bài thuốc « bảo-âm » cũng toàn hoạt được nhiều, nên tôi đã đặt câu thành ngữ như sau « dương thoát gia sâm, phụ hồi dương, Âm vong gia dụng bảo-âm phương. » Nghĩa là : Có chứng dương thoát thời dùng sâm, phụ để hồi dương ; Còn chứng âm vong, thời dùng bài « bảo-âm ».



Ăn uống đứng ngồi như thường, hình dáng mạnh mẽ, nhưng lời nói bằng hoàng, đi đứng thất thổ; thế là tinh thần ly tán, có khi bạo bệnh chết ngay, thế mà người đời xưa không nói đến chứng ấy, xét ra thân người, huyết sinh ra tinh, tinh sinh ra khí, khí sinh ra thần, là ba của bầu trong thân người, mà thần là trọng hơn, tôi xem sách thuốc, chỉ có bài chấn-tâm, bài an-thần, bài minh-thần, không ngoài những vị xương bồ, vị viễn-chí, vị thần-sa, vị bách-tử, vị liên-nhục, vị toàn-tảo-nhân, đều là vị thuốc tâm thương, mà không có vị nào đủ sức để tuyệt sự cầu sinh, tôi được đọc bộ sách Cảnh-nhạc có câu : « Thủy hỏa không giao thì thần sắc bại », tôi mới tỉnh ngộ ra rằng, tạng tâm tuy chứa tinh thần, nhưng bởi ở khí âm phụng dưỡng trở lên, mà cương nhu mới chính được địa vị, ví như quả kỷ-tế trong kinh Dịch. Vì thế muốn bổ cho tinh thần không gì bằng bài bát vị hoàn để bổ căn bản cho âm dương, để giúp công dụng cho thần minh.

Chương 17.— Huyết được nhiều, khí được ít, thì khí mới sinh ra huyết, vì không âm thì không hóa được dương. Nhưng khí được nhiều, huyết được ít, thì huyết được mới ích cho khí được, nên trọng về âm nhu thời lại hại vị khí.

Lời giải : Cồ nhâm có nói : « Khí được có công sinh ra huyết, mà huyết được không có lý thêm cho khí », thế là không có dương thời âm không sinh được, mà không có âm thời dương không hóa được. Dương gốc ở âm, âm gốc ở dương. Ông Cảnh-Nhạc có nói : « Thuốc bổ khí giúp cho thuốc bổ huyết, thời mới bổ được huyết, thuốc bổ



huyết giúp cho thuốc bổ khí, thời mới thêm được khí », thực là chí lý. Tôi xem những chứng khí huyết đều hư mới có thể thuốc khí huyết dùng cân nhau. Ngoài ra, nếu một bên hư nhiều, một bên hư ít mà không khéo dùng, thời khí được vẫn hao chân âm, huyết được vẫn trở đến tỷ vị.

Chương 18.— Dùng thuốc bổ khí, phải thêm vị thông hành, mới là một đóng một mở ;

Dùng thuốc giúp chân âm, phải thêm vị thấm tiết, mới là có bổ có tả.

Lời giải : Cỏ nhân đất phương thuốc, dùng thuốc bổ khí thường thêm những vị cho thông đạt, mà dùng thuốc giúp chân âm thường thêm vị cho thấm lợi. Nếu dùng thuốc một bên thời có hại, bổ nhiều mà tả ít, thời bổ vẫn đổ lực, mà hợp vào lẽ một bên mở một bên đóng, như vị phục-linh trong bài tứ-quán, vị trần-bì trong bài bổ-trung, vị mộc-hương trong bài quy-tỳ, là để vận hành dương khí, vị xuyên-khung trong bài tứ-vật, vị trạch-tả, trong bài Bát-Vị. Vị đẳng-tâm trong bài Tế-Nguyên, là tả đi phần nào, mới giúp được âm phần.

Chương 19.— Chữa chứng nan bổ không gì bằng chứng dương-tiết mà kém ăn ;

Chữa chứng nóng lâu, phải nhờ vị-khí để giúp chân âm.

Lời giải : Cỏ nhân nói : « Một môi nước khó sửa được đông lửa to », và nói « Âm thủy khó tìm ». Nên cỏ nhân cho chứng âm hư bởi khó nhẹ là khó chữa.



Nhưng chứng ấy chỉ bởi tình say huyết kiệt, thời phép chữa tẩu bổ tình huyết là đủ. Nếu gặp chứng nóng đến tận xương, phiền khát nóng nhiều, đại tiện táo kiệt, thời chuyên dùng vị thuốc thuần âm, ngoài ra, không có kể gì.

Nhưng lại có chứng bệnh vạn nan, không gì bằng ở ngoài thời da nóng như rang, thịt sốt, tình thần hôn ám, mà trong thời không ăn mà đại-tiện đường tiết. Bấy giờ muốn dùng vị thuốc cương-láo, để cứu lấy nguyên dương cho khỏi đường tiết, thời trái lại với chứng đản-nhiệt, muốn đem vị thuốc thuần-tĩnh, để vẫn hồi âm huyết, thời trái lại với chứng đường-tiết, khiến cho thấy thuốc vị nóng cũng sợ, vị lạnh cũng sợ, mà phải bỏ tay.

Tôi gặp chứng ấy, có chế ra bài *bổ-dương tiếp-âm*, và *bổ-âm tiếp-dương* tuy không vẫn hồi được thiên mệnh, nhưng không bài nào là hơn, mà cũng có người cứu chữa được.

Vả lại, về chứng phát sốt, là bởi ở hỏa mà hỏa tức là khí, hỏa và khí thời không thể bỏ được. Những chứng sốt lâu là thấy vô hình đã thiếu, tân-dịch kiệt mà tình huyết hao, không phải đợi mặt sạm, lưỡi đen, bình thổ sút đi, nóng đến tận xương mới nhận là chứng âm-hư. Tôi gặp chứng ấy, nghĩ được một phép viên hoạt, vì âm huyết đã suy thì dương khí không thể vượng được, một dương đã hư, nên tỷ vị phải yếu. Cho nên phải chú ý về vị-khí. Nếu hỏa nóng chưa kém lắm, đại tiện còn đều, thời chỉ giúp chân âm để thoát nhiệt, vì âm bại thời dương cũng vong, còn bệnh nhân nào bỏ ăn, đại tiện đường tiết, mà vẫn nóng dữ, thời nên dùng âm được, như thực-địa, sinh-địa, mạch-môn, ban-long, đản-sâm, nhũ-phấn v.v... hoặc bài *Lục-vị* sao kỳ để cứu vẫn, nếu thấy nóng



đã nhẹ được bốn năm phần thời dằng ngay dương được, như bài *Lý-Trung*, bài *Tá-Quán* để giữ lấy vị khí, rồi lại vòng lại thuốc bổ âm dương một vài chén, thấy ăn hơi kém, thời lại vòng lại thuốc bổ dương một vài chén, như thế thời nóng lui dần mà ăn cũng tiến dần, mới là lương đắc, nhớ đừng thanh nhiệt hẳn, hay đừng thiên về bổ tỳ-vị mà chết oan, người làm thuốc gặp trường hợp ấy, không thể cầu chóng được, mà nhà có bệnh cũng đừng hời hợt nghĩ về chỗ chậm khỏi.

Chương 20.— Nóng dữ dội thời hại chân dương, nên thanh hỏa để giúp tạng phế ;

Nóng lâu thời hại chân âm, nên mạnh chân thủy để bổ lấy tạng thận.

Lời giải : Nóng thời hại chân khí. Nên những thuốc chữa cảm có khí bổ khí, thế mà cổ thư có nói : « Nóng thời hại chân huyết », mà mọi phương thuốc để thanh hỏa, lại thiên trọng về bổ huyết là nghĩa làm sao ? Huyết hư mà bổ lắm về khí thời huyết càng khô, khí hư mà bổ lắm về huyết thời khí càng uất, hai bên trái ngược nhau, nhưng ta phải biết rằng : Nóng mà hại chân khí là nóng dữ dội mà vít chân lỏng lại, thời khí uất ở trong). Nóng mà hại chân huyết là nóng lâu, thời sung nẩy đến âm phần ; như thế thời bổ huyết và bổ khí, dương được hay âm được, phải phân tách cho kỹ. Nội-kinh có nói : « Bạo bệnh không phải là âm chứng, bệnh đã lâu không phải là dương chứng » ta phải lý hội về chỗ ấy.

Chương 21.— Hợp khí được với huyết được, phải

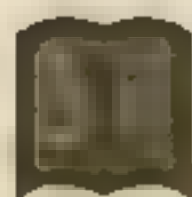


tim trong chứng âm và chứng dương mới được đồng độ ;

Uống thuốc thang hay thuốc hoàn, phải vào lúc nửa đói nửa no, mới chóng thành công.

Lời giải. Chữa những chứng khí huyết đều hư, đã dùng dương dược để bổ khí, lại dùng âm dược để bổ huyết, nhưng một bên cương và một bên nhu vốn không hợp nhau, mà vị thuốc ôn với vị thuốc mát, lại khó hiệp lực, vậy nên tìm trong dương dược những vị mềm nhuận như Nhân-sâm, Hoàng-kỳ, và Bạch-truật nấu thành cao, thì bổ khí mà kiêm được bổ huyết. Trong âm dược, mà không ngưng trệ lắm, như đương-quy, xuyên-khung và thực-địa sao thơm, thì bổ huyết mà kiêm được khí, thế là các vị đồng đội mà không khắc biệt nhau, mới chóng được công hiệu.

Về phép uống thuốc, cổ nhân có chia, bệnh ở trên thời uống vào sau lúc ăn, bệnh ở dưới thời uống vào trước lúc ăn, tựa như có lý, nhưng nghĩ lại thời ăn uống vào dạ-dày rồi tạng ty vận hóa đi, tản tinh lên tạng phế, trăm mạch đều hội về tạng phế, như thế thời uống nước sau lúc ăn, để chữa bệnh ở trên, cũng phải đợi thức ăn trước đã hóa đi, thời thuốc mới vận hành. Uống thuốc ở trước lúc ăn, để chữa bệnh ở dưới, cũng phải đợi thức ăn ở trên đi trước mà thuốc mới đạt được. Nên tôi có phép riêng, uống thuốc thang hay thuốc hoàn đều vào lúc nửa no hay nửa đói, vì vào lúc no quá thời bị thức ăn ngăn lại, vào lúc đói quá, thời ty vị hư yếu, không giúp được sức thuốc, nên chỉ vào thời gian kể ở trên mới được ăn đúng.



CHÂU-NGỌC CÁCH-NGÔN

Thiên Hạ

Chương 22.— Người không sốt mà tinh thần mụ, mỗi một hay năm, đó là chứng nguy, chớ mừng là người mát mà hay ngủ ;

Người nóng như rang mà trán ra mồ-hôi và mạch vi (nhỏ), thế là chứng dương thoát, không nên thấy nóng mà giúp thêm chân âm

Lời giải : Chứng đại bệnh hay ốm lâu, trước sau khổ về sốt, chợt thấy người mát ngủ kỹ lìm lìm như người say, gọi to mới tỉnh, mà tỉnh dậy thời tinh thần mụ, ngại nói. Mỗi một khó chịu, người không biết cho là khỏi sốt thời mát, dương hồi thời ngủ say, có biết dấu nhiệt tà đã khỏi thời tinh thần phải trong trẻo, nguyên dương đã hồi thời ngủ có giờ giấc, có dấu trộm mồ mà gọi cũng không tỉnh, đó là vì nóng lâu thời hại chân âm, chân âm thiếu thời chân dương không dựa vào đâu được, mà cũng muốn thoát nổi, người ngu tối thấy nóng thời dùng thuốc hàn-lương, âm được dùng quá thời dương tiêu, mới thành trạng thái như vậy. Tôi gặp mấy bệnh nhân như thế, vì thấy thuốc trước kia dùng nhiều vị hoàng-liên, nên tôi dùng ngay mấy chén nhân-sâm, phụ-tử để hồi dương thời thảo khí ôn định, tiếng nói nhẹ nhàng mà không mệt mỗi ngủ nhiều như trước, vậy nhà làm thuốc phải luôn phần cẩn thận.



Những chứng minh nóng như rang, mặt đỏ như son nhạt, muốn quạt không dừng tay, phiền khát nói mê, trán ra mồ-hôi đọng như cù áo, hoặc thở và nấc, xem mạch thời « trâm và vĩ » muốn tuyết, hay là « tế và nhược và xác », đó là âm mất ở dưới mà dương thoát lên trên, hỏa không có gốc phù việť cả ra ngoài biển, gặp chứng đó không thể thấy nóng mà cần dùng một chút âm được, dù cho nóng như-sấm, phụ-tử cũng chưa chấ để công hiệu, đâu còn đem nước để tưới vào lửa.

Chương 23.— Nếu thấy âm dương cùng thoát, dương thoát thời bổ dương mà tiếp âm, âm thoát thời cứu âm để tiếp dương. Mà không để bên nào hơn ;

Dù có nhiều chứng phát ra. hư yếu vừa thời tìm ở khí huyết, hư yếu lắm thời tìm ở thủy hỏa, phải cần giữ lấy căn bản.

Lời giải. Những chứng âm dương cùng ly thoát, thời dùng thuốc cần ở bổ và tiếp, nghĩa là dương hư lắm, thời dùng dương được để bổ dương mà lại tìm những vị như nhuận ở trong dương được, để tiếp lấy chân âm, hay là nóng xem bài thuốc bổ âm. Âm hư lắm thời dùng âm được để bổ âm, nhưng phải chọn những vị thuốc không ngưng trệ mấy ở trong âm được, mà thêm vào để tiếp lấy chân dương, hay là nóng xem thuốc bổ lý-vị, làm thế nào để, khi phần mạnh được mười phần, thời âm phần cũng mạnh được sáu bảy phần, mà muốn chông không thể được, cần phải để tâm suy xét mà bổ tiếp không gián đoạn. Cho đến khi âm dương được quân bình. Gặp chứng về hư yếu mà các tạp chứng phát sinh rất nhiều, nhưng đừng thấy ở đâu thì chữa đâu, ở chân thì chữa chân, mà phải để



ý đến căn bản. Cờ thư có nói : « Chữa một bệnh thời bách bệnh dần khỏi », cho nên những chứng hư yếu vừa thời trách ở khí huyết, chứng hư yếu lắm thời trách ở thủy hỏa, cờ thư có nói : « Bệnh nhỏ là bởi khí huyết thiên lệch, bệnh lớn là do thủy hỏa làm hại. »

Chương 24 — Đem thuốc chữa khí huyết để chữa bệnh về thủy hỏa, thời vô công mà thêm họa ;

Đem thuốc chữa về thủy hỏa để chữa bệnh về khí huyết, thời chậm công hiệu nhưng có ích về sau.

Lời giải Bài Tứ-Quần là thuốc bổ khí, bài Tứ-Vật là thuốc bổ huyết, nhưng những chứng chân thủy kém mà hỏa bất yên, đại-tiên táo mà phiền khát nóng nực, và chứng hỏa hư thời thủy thịnh, ở trong lạnh mà tiết tả, tân-di-h rạo tìm nước uống, trên nóng dưới lạnh, thời không thể đem khí huyết mà chữa được. Cờ thư có nói : Chân âm là thận-thủy mà không phải là huyết của tâm can, chân dương là mệnh-hỏa mà không phải là khí của tỳ phế, vì thế giúp cho chân-thủy phải dùng đến vị thổ-địa, mà không dùng đến vị xuyên-khung, đương-quỳ, bổ cho mệnh-hỏa phải dùng đến vị nhục-quế mà không dùng đến vị hoàng-kỳ, vị bạch-truật, phương chi, đương lư. Thủy rạo hỏa bốc lên, mà dùng vị nhân-sâm để động hỏa, vị linh, vị truật để thấm thấp, khác gì chất thêm củi để chữa hỏa tai.

Bài Lục-Vị là thuốc bổ thủy, bài Bát-Vị là thuốc bổ hỏa, những chứng về huyết bệnh, phần nhiều bởi ở âm hư, về khí bệnh phần nhiều bởi ở hỏa kém. Cờ thư có nói : « Hỏa sinh ra khí huyết là thủy hỏa », cho nên



muốn chữa bệnh nhờ về khí huyết, mà dùng phương thuốc hồ thủy hay hỏa, dù không công hiệu ngay nhưng vững chắc được căn bản.

Chương 25.—Thầy thuốc về bá-đạo, chỉ chăm chăm để chữa bệnh mà bỏ sinh mệnh:

Thầy thuốc về vương-đạo, chỉ chăm chăm giữ căn bản để cầu toàn.

Lời-giải: Làm thuốc tuy là nhân đạo, mà có chia ra vương và bá, Vương-đạo là y-đạo, mà bá đạo là y-huật.

Về Bá-Đạo chỉ thấy bệnh thời trị bệnh, dù âm dương sắp ly thoát, mà vẫn dùng hoàng-cầm hoàng-lên, Tân-dịch kiệt đã kéo đờm lên mà vẫn dùng vị nam-tinh và lân-bạ, hỏa không có gốc, vì sắp tuyệt mà nấp, mà vẫn còn dùng vị Đinh-hương, vị Thi-Đế, khí ngược lên mà thở, mà vẫn dùng vị Tô-tử, vị Quất-hồng, thế là giết người không có đạo.

Còn Vương-Đạo thời không thế, dù chứng nhọt lở là bệnh nhỏ, cũng cho rằng cơ thể nóng là âm hư, sợ gió là khí tởn, ít ăn là tỳ vị hư, ngứa ngứa là khí hư, đau là huyết hư, dù có dùng một hai vị nhẹ nhàng để tiêu tán, cũng phải có khí huyết được để đem đi. Đến khi thành công, không những cơ thể tốt đẹp, mà thần khí lại hơn lúc chưa ốm.

Chương 25 b.—Khí hư nhiều, huyết hư ít, vẫn nên dùng nhiều vị cam ôn nhưng cũng nên thêm huyết được.



Âm rất kém, dương không kém, nhưng vị thuốc thấm-nhuần cũng nên dùng vừa phải, chớ thiên về bổ âm mà hại đến chân dương.

Lời giải : Khi hư nhiều, huyết hư ít, thời những vị Sâm, Kỳ, Linh, Truật, Bào-cương, Chích-thảo, vẫn nên uống nhiều, nhưng phải thêm một hai phần huyết được, và giữ lấy vị-khi, để ăn uống tiến, thời tinh hoa của thức ăn uống mới thêm ích cho tạng phủ.

Còn như người âm phần hư yếu nhiều mà dương phần không thiếu, dù những vị Thục-Địa, Khung, Quy, Mạch-Môn, Ngưu-Tất, là những thứ âm nhu, cũng nên dùng bệnh thời thời. Tôi thường chữa những chứng âm phần đại hư mà cực nhiệt, phải dùng âm được để toàn bổ, nhưng đến khi âm phần đã vượng mà người mát dần, thời triệu chứng khi thoát thần hỏa có thể đến nơi, bấy giờ dùng ngay nhân-sâm phụ-tử để vấn hồi, vì thế bậc thánh nhân quý dưỡng khí hơn âm huyết, vậy tôi xin kể rõ để người sau phòng bị.

Chương 26. — Về chứng dương thoát, hiện ra chân tay giá lạnh thời mọi người cũng biết;

Về chứng vong âm, mà thân thể còn táo nhiệt, thầy thuốc vẫn bỏ qua.

Lời giải : Hết thấy chứng dương thoát, mạch thời « trầm và vi sấp tuyệt ». bốn chân tay giá lạnh, trán ra mồ-hôi như các áo, so vai mà thở, thở ra nhiều hút vào ít, khí từ dưới rốn ngược lên mà nấc, tinh thần hôn mê, lưỡi rụt vào, sên phần ra không biết, như vậy thời ai cũng biết là nguy ngặt.



Còn về chứng vong âm, mạch « tế và xác » trực tuyệt hoặc « phù và không » như là chỗ bốc, hơi lên, cơ thể nóng như rang da đỏ mà rấp như cá, người gầy trơ xương, thân thể như sỏi khô, phiền táo nhiệt khát, nói mê không ngủ, tiểu tiện đi nhiều vô độ, đại tiện táo kiết, phát khát uống nhiều, đó là quena-hỏa, tương-hỏa, hỏa ở tam-tiên, hỏa ở ngũ-chỉ nung đốt chân âm, khiến cho tinh huyết khô ráo, tân-dịch khô kiệt, âm mất ở dưới, mà dương thoát lên trên, sao thấy thuốc gấp nguy cơ ấy, mà vẫn còn sơ xuất, không dùng nhiều thuốc bổ âm, mà chỉ đem vị hàn để chữa nhiệt, lại bảo là thủy chế được hỏa, nhưng không biết là hỏa của long-lôi, gặp thấp thì càng cháy, gặp thủy thì càng bốc lên, uống một thang chưa khỏi, dùng ngay thang thật to, thế là hỏa mất người mát mà khí cũng tuyệt.

Bấy giờ mới dùng sâm, phụ, thời không thể lấy lại được. Tôi có bản luận về chứng « đản nhiệt vong âm bại người rất chóng », xin những vị có chí về cứu người, hãy thấy chứng đản-nhiệt (chỉ có sốt nóng mà không lạnh) thời là chứng triệu vong âm, vì âm hư thời dương lẫn đi, nên chỉ nóng mà không ghê rét, về phép chữa nên chia ra nóng vừa hay nóng lắm, để cứu từ lúc đầu, mới có thể kịp, còn như năm tân-dịch khô ráo, thời hỏa vô căn không có thể sáng tỏ được mãi, lúc sắp hết thời bốc lên mà nóng, về chứng ấy thời dù thuốc gì cũng không giữ được.

Chương 27.— Chữa chứng Thương-hàn chủ ở cứu âm, vì hàn ngừng chân huyết, huyết hư thời nóng lâu ;

Chữa trúng phong phải cần ở giúp chân thủy, vì phong vào tạng can trước, tạng can hư thời gân co.



Lời giải : Hàn thời hại vinh-huyết mà ngừng chân huyết, tôi thường thấy hàn-tà không tán ra được, chân huyết dồn, chân âm hại mà nóng lâu, xem phương thuốc đời xưa, như bài *nhân-sâm bại-độc*, dùng để chữa chứng phong, vì phong làm hại đến vị-khi, cho nên dùng vị nhân-sâm, để đem các vị thuốc đến vị-khi mà trừ chứng phong. Bài *Cửu-Vị Khương-Hoạt* dùng để chữa chứng hàn, vì hàn hại đến vinh huyết, cho nên dùng vị sinh-địa để đem các vị thuốc đến vinh phận để tán hàn. Người làm thuốc không biết ý nghĩa trong bài thuốc của cổ nhân, những chứng phong bởi âm hư mười phần đến tám chín phần, mà bỏ ở trong hư yếu rồi tự sinh ra phong cũng nhiều. Nội-kinh có nói « Phong vào tạng can trước », tạng can chủ về gân mà chữa huyết, huyết khô thời gân co lại. Hơn nữa huyết căn ở thủy, cho nên chữa chứng phong không gì bằng bài *lục-vị hoán* để tuần bổ chân âm, rồi thêm những vị bổ cho uoh huyết, nếu chứng phong nhiều thời chỉ dùng một hai vị trong phong dược, mới có thể vẹn toàn. Cổ-thư có nói : « Chữa chứng phong phải chữa huyết trước ».

Đó là chứng phong còn nhẹ, nếu thấy khô nứt người, hay là da trợt ra, hoặc mắt môi méo xệch đi, thời nên chữa ngay căn bản, là thuốc bổ chân âm chân dương, mà dùng thêm thuốc bổ huyết.

Chương 28.— Chứng bệnh có hư yếu lắm, hư yếu vừa, hư một bên, hay là hư cả hai bên ;

Phép chữa phải bổ mệnh, bổ cho thấm nhuần, bổ cho điều hòa, và bổ bên nọ lại tiếp cho bên kia.



Lời giải: Người vấp yếu mà thụ bệnh, và bệnh lâu hay bệnh nặng, thế là hư yếu lắm, còn những người cày mạnh không có tiết độ mà thụ bệnh, và chứng bệnh mới, thế là hư yếu vừa. Khi hư mà huyết chưa hư, huyết hư mà khí chưa hư, thấy hư mà hỏa chưa hư, hỏa hư mà thủy chưa hư, và những người bản sinh ra dương hư, hay âm hư, như thế là hư yếu một bên. Khi huyết đều hại, thấy hỏa đều suy, âm dương ly thoát, thế là hư yếu cả hai bên.

Phép chữa, về chứng đại hư, thời dùng ngay thuốc thủy hóa, để bồi bổ sinh mệnh. Về chứng hư yếu vừa, thì nên dùng thuốc khí huyết, để bổ cho hóa-nguyên và hậu-thiên. Về chứng hư một bên, thời dùng bài *Tứ-Quân* để bổ khí, bài *Tứ-Vật* để bổ huyết, bài *Lục-vị* để giúp chân thủy, bài *Bát-vị* để bổ chân hỏa, nghĩa là bổ cho chỗ thiếu để hai bên cân nhau. Còn chứng hai bên cùng hư yếu, nếu khí huyết đều hư, thời dùng bài *Bát-Trán*, bài *Thập-Toán*, nếu là thủy hỏa đều hư, thời dùng bài *Lục-vị* bài *Bát-Vị*, đều là phương thuốc để đối với bệnh chứng.

Còn như chứng âm dương ly thoát, dương vong thời bổ dương, đến khi dương-phận đã vượng, thời bổ tiếp đến âm-phận; Âm vong thời bổ âm, đến khi âm phận gần vượng, thời bổ ngay vị-khí, để dương sinh ra âm, đó là tự tới nghĩ ra, xin phân tách kỹ, để giúp cho y đạo.

Chương 28 b. — Về chứng huyết khô, rất kiêng bài tứ-quân, và những vị thơm và ráo ;



Về chứng vong dương, rất klông bài bát-vị, ùng những vị âm nhu.

Lời giải : Về chứng huyết khô, tất nhiên là sốt nóng chưng chưng, nên dùng những vị thuần tĩnh, mới có thể sinh ra huyết, chớ chấp nệ về câu thuốc bổ khí có thể sinh ra huyết, uống lắm bài Tứ-Quần, hay những vị thơm mà ráo. Kinh-dịch có nói : « Động thời sinh ra dương, tĩnh thời sinh ra âm », ta không nên xét hay sao ?

Về chứng vong dương, chỉ nên dùng nhân-sâm, phụ-tử để cứu vãn. Chớ thêm vào những vị âm dươc, dù bài bát-vị có quế và phụ, nhưng chỉ là tá sứ, đâu có thể dùng được, khi ấy dù có một hai tấp chứng, cũng chỉ chữa lấy cứu bản.

Chương 29.— Vị sâm, vị kỳ, vị truật, vị thực, nên dùng vị Phụ-Tử để điều-khiển :

Chứng hoạt, chứng thoát, chứng hội, chứng băng, rất klông vị nhục-quế thơm và mạnh.

Lời giải : Vị phụ-tử là thánh-dươc để cứu bệnh, về chứng chân hỏa sắp tuyệt, mà ta muốn giữ lại, thời vị phụ-tử thực đúng là *Hồ-Thiên Đại-Tướng Quân* (Vị Đại-Tướng trong thuốc), ngoài ra, vị phụ-tử còn đuổi được « hàn tà trực trướng », phá được chứng tích tụ, sao những người mờ tối, lại cho là uống lâu thời có họa, khiến cho mọi người sợ nhất, trong khi nguyên dương sắp kiệt, mới dám dùng chút ít mà thôi, hay là có dùng cũng chớ luyện cho thật chín bằng nước hay lửa, khiến cho vị ấy chỉ cần hình mà hết năng lực, ta chỉ nên để ý là vị phụ-tử tính chạy đi mà không giữ lại, nên không dùng được



một mình mà phải dùng với những vị Nhân-Sâm, Hoàng-Kỳ, Bạch-Truật, Thục-Địa, v. v... để chế đi, thời công hiệu rất nhanh.

Chúng hoạt, hay thoát, hay hội, hay băng (l), về tính, khí, huyết và mồ-hôi, thời nên vít lại ngay. Chúng vong dương cần phải hồi ngay. Ta muốn hồi dương liễm hãn-bỉ huyết, bổ tính, đều cần ngay ở trước mắt, thế mà vị nhục-quế thơm và chạy mạnh dần có thể dùng được, ta đừng thấy vị quế ôn được trung, bỏ được hỏa, mà dùng lắm, ta thường nói quế, phụ, nhưng chữa chứng thoát có khi dùng đến phụ mà không dùng được quế. Trong khi vong dương cần kiêng bài bát-vị và những vị thuốc âm nhu.

Chú giải : Hoạt như hoạt-tính, thoát như huyết thoát, hội như hội hãn, băng như băng huyết.

Chương 30.— Sữa người rất đa tình, có kỳ công để bổ chứng hư.

Tỷ lợn tuy là vật thường, nhưng có thể thay nhung để bổ tính.

Lời giải : Sữa người gốc ở mạch « sung », mạch « nhâm », lúc chưa thai nghén thời là kinh nguyệt, lúc có thai thời dưỡng thai, lúc đẻ rồi thời hóa ra nước sữa, nên nhà chế-luyện cho sữa người là thành được để chữa bệnh và sống lâu. Tôi thường chế luyện làm bột để giúp sức cho bài Lục-vị và bài Bát-vị và thuốc bổ âm cùng thuốc bổ khí huyết mà nên dùng đến, vì sữa người



là thứ hữu tình, không như các vị thuốc là cỏ cây mà có thể vô tri. Sữa người lại rất hợp cho chứng âm hư mà hỏa bốc lên, người nóng như đốt, mình tựa củi khô, mặt sạm lưỡi đen, năm lần dịch khô kiệt, phiền táo khát nhiều, tiểu-tiện đỏ mà sền, đại-tiện táo kết, cùng chứng hỏa khởi từ « huyết đông tuyền » (từ gan bàn chân) bốc lên hay là chứng lòng bàn tay và ngực nóng như đốt muốn quạt không ngừng, hoặc ra thừe mát ghét thừe nóng, chân tay muốn ngâm xuống nước cho dễ chịu. Tôi cho đem nước sữa nóng nhiều ngay lúc còn nóng, chỉ chốc lát là bệnh nhân dễ chịu, mà chứng bệnh kể trên giảm ngay. Hoặc dùng sữa người hòa với cao Ban-Long, hay là hợp với nước sinh-địa cho uống, thời công hiệu giúp chân âm để thoát nhiệt không kể hết được, bấy giờ dù gọi tên là kim-tương ngọc-dịch (nước quý như vàng ngọc) cũng chưa hết được quý giá. Thời trước gọi sữa người là tiên-gia-tửu (rượu của nhà tu tiên) Dạy chúng tiết-tả kiêng dùng sữa người.

Tỷ lựa mọi người đều coi thường, nhưng tôi thường đem để giúp vào thuốc viên bổ âm, thời thấy bổ tinh tỷ, mạnh lưng gối, lùi được chứng âm, có thể thay cho lộc nhung, thật là vị thuốc hay cho nhà làm thuốc.

Chương 31.— Cao sừng hươu, cao sừng nai, hai thứ như nhau, đều là tinh huyết có tình.

Thuốc hoàn bằng nhân-sâm, thuốc hoàn bằng nhục-quế hai thứ hợp lại để cứu cho gia đình không có lực.

Lời giải : Cỏ thư nói hươu ở đồi núi cao còn nai ở chỗ thấp, cho nên tiết hạ chí, âm khí mới sinh mà hươu rụng



sưng, tiết đông chỉ khi dương mới sinh mà nai rụng sừng thế là lộc-nhung là nhung của hươu thời bỏ về dương mà nai-nhung là nhung của nai thời bỏ về âm, công dụng có khác nhau, nhưng tôi đem sừng nấu cao mà dùng thời hươu và nai như nhau. Đền mạnh được dương khí, bỏ được âm huyết, thêm tinh tủy, mạnh gân cốt, nhuận cơ thể, sống lâu sinh nhiều con trai, mà còn nhẹ người mà thêm tuổi thọ, thật là thánh dược.

Rất đáng quý là giúp chân âm, để giáng hỏa mà không ngưng trệ tỳ vị, thường dùng chữa được chứng ráo khát. Chứng sảo hàn huyết hư phát khát, chỉ dùng cao Ban-Long mà công hiệu như thần, và chứng nóng nhiều phiền khát không cứ là âm hư, hay dương hư, nuốt vào cổ họng thời thần khí nhẹ nhàng, khác nào có gió mát mà giải được oi bức. Lại còn tan được chứng thạch-âm, thạch-lưu tiều được ung-nốt, vỡ mả sinh cơ nhục. Người thiếu chân âm mà gây đau dùng ban-long là rất hợp. Chứng vi hư hỏa mà thổ huyết, có thai đau bụng không được yên, uống vào là công hiệu.

Chỉ có người dương hư tỳ vị hàn, hay là đi tả đi lư thời phải kiêng. Nếu tỳ thổ hư yếu không chữa được nguyên-dương mà hư hỏa bốc lên hay là dương khí thiếu thời uống thuốc cho hợp bệnh, rồi dùng thêm cao cũng không ngại gì. Nếu hỏa ở dạ-dày bốc lên, âm của tạng tỳ không đầy đủ, thời lấy cao này uống với bài Tứ-Quân càng hay. Tôi hơn 20 năm nay dùng cao ban-long để cứu các chứng nguy, nhận thấy các vị thuốc là thảo mộc không thể sánh bằng được, vì thế tôi có đặt ra bài độ-long-âm và nhị-long-âm (ghi ở trong quyển Hiện phông) rất kỳ.

Những phép dạy nấu cao của người đời xưa chưa



được hoàn thiện, đại khái như cò nhàn nói : « Cửa sừng dài từng tấc một, rồi để bảy ngày ở chỗ nước chảy », như thế thời chất sao kềm đi, lại nói : « cửa chỗ đầu sừng bỏ đi vì vô ích », lại nói : « sừng của hươu nai rụng ra gọi là giải giác, thời xấu mà không nên dùng. » Tôi thường thí nghiệm, thời cao nấu cả giải giác đem đun vào ung độ thời chóng tiêu, mà người đi nặng khát nhiều, cho ngâm một miếng cao kỷ thời trong bụng mát mẻ mà không cần đến uống nước, lại sừng rụng ra nấu cao vẫn được nhiều, mà giải giác không phải là xấu, ở chỗ trán hai sừng giáp nhau mà làm sạch cũng nấu được.

Hơn nữa, theo phép nấu cao của người đời xưa, thời nước cạn cho thêm nước, đến khi sừng mềm ra thời bỏ sừng lấy nước canh lại thanh cao, như thế thời nước lại thấm vào bã mà cao được ít, tôi nấu cao đã nhiều xin bày cách nấu như sau :

Lấy sừng hươu hay nai, không cứ là sừng cửa lấy (sinh giác) hai sừng rụng ra (giải giác) để vào chỗ nước chảy mấy ngày đêm rồi dùng móc sắt cạo cạo ghét ở chỗ khe sừng cho thật trắng ra, cửa mỗi đoạn vài tấc, rồi chẻ thành từng mảnh, và những mặt cửa và vụn nhỏ cũng dùng được xong bỏ vào trong nồi để đầy nước đun sôi, bên lò để một nồi nhỏ vẫn đun nước cho nóng để chế vào những lúc nước cạn ; mỗi ngày đêm mức nước cao ra một lần mà đun riêng, nồi nước cao kỷ để chỗ thoáng gió mà thường đun nóng.

Nồi đun cạn để mức nước ra, thì lại đổ đầy nước nóng vào đun một ngày một đêm rồi lại mức ra như trước, nhớ đừng kể mấy ngày, mà cũng không phải xem xương kỷ đã mềm hay chưa, cứ thấy không còn như trắng mới thôi.



Xong đem những nước của các lần trước nấu ra cho chung vào một nồi, đun và quấy thật thông thả cho đến khi hồng sẫm mà nước gần đặc, thời đem đun cách thủy, mùa hè canh khi già, mùa đông canh hay non, vì mùa rét sao còn non đã đổ ra rồi sao mới không rắn lắm. Phép thử lấy đũa sâu cao lên, mà cao ở đầu đũa thành áo là được.

Thấy cao được, ta đổ cao lên cái mâm để lát là cho thật phẳng, rồi lấy lộc-giáo-xương là gác để nấu rồi, phơi khô tán mịn rắc lên trên mặt phiến cao, để một đêm đem cao cắt từng phiến, phơi ở chỗ râm chỉ có gió, hôm sau phơi ở chỗ nhẹ nắng, rồi phơi ở chỗ có nắng để cao rắn lại, xong bỏ vào chỗ thật kín mới không sợ hư.

Có người nói : nấu cao nên cho dương-quy, kỷ-tử, nhân-sâm cho tốt, nhưng không biết : hươu 60 năm mới rụng sừng, vì thuần dương là long mới gọi là cao « ban-long », tôi chỉ nấu riêng sừng hươu hay nai, rồi tùy chứng bệnh cho thêm thuốc, là vì cao kỷ tử âm mà lại bỏ cả dương, không nên nấu thêm thứ khác vào, khi nấu tôi dùng củi chẻ cho nhiên lửa, đến khi đun cách thủy mới dùng củi than.

..

Nhân-sâm rất bổ cho nguyên-khi, nhục-quế rất bổ cho mệnh-hỏa, đều là thứ thuốc để cải tử hoàn sinh, nhưng đều là thứ đắt tiền, nếu nhà nghèo thời không đủ sức mua, vậy tôi nghĩ ra một phép chế hai vị ấy để giúp cho nhà nghèo :

PHÉP CHẾ NHÂN SÂM : Vị sâm ở châu Bồ-chính nước ta là tốt nhất rồi đến sâm ở tỉnh Thanh-Hóa, ta nên dùng mấy cân sâm bồ-chính, càng nhiều càng hay, thái từng phiến



bỏ vào trong nồi đồ đầy nước đun cạn một nửa, thời lấy nước ấy để riêng ra, lại cho đầy nước đun lần thứ hai, cạn quá nửa cũng múc nước cốt ra, lại cho nước đun lần thứ 3, đun đến hết nhựa thời thôi, xong đem 3 lần nước ấy, để chung vào một nồi đun gần cạn, rồi đựng vào nồi nhỏ đun cách thủy cho thành cao, đồ lên trên lá chuối phơi khô nửa chừng thời nghiền mà hoàn lại bỏ vào trong lọ kín. Khi dùng đun với nước thuốc cho tan ra. Nếu hoàn thuốc viên thời đem cao nấu với hồ. Nếu muốn bớt tính lạnh đi, thì tằm sấm ấy với nước, gừng sao hơi vàng rồi sẽ đun cũng được.

PHÉP CHẾ NHỤC QUẾ: Thử nhục quế cạo sạch bì ngoài, rồi liện chừng đem vị ngư-tất vị ngũ-vị, sắc lấy nước đặc để làm những mảnh quế ấy rồi đem phơi khô, tằm và phơi đến ba bốn lần rồi tán bột hòa với mật ong, hong ở trên than ít lửa, dưới đồ mấy lần giấy, khi quế khô kiệt, thời bỏ vào trong lọ kín để dùng dần, là vị dùng ngũ-vị và ngư-tất là thứ thuốc liềm vào và giáng xuống, để quế ấy không bốc lên được, dùng vị mật ong để thêm tính ôn bổ. Đến khi dùng thời mài vào thuốc mà uống, hay là tán với thuốc làm hoàn mà uống cũng được.

Chương 32.— Chữa chứng sốt rét nên căn cứ vào rét nhiều sốt ít, hay rét ít sốt nhiều, hoặc chỉ rét không sốt, hay là chỉ sốt không rét, để phân ra khí huyết hư yếu thế nào.

Chớ chấp nệ về cổ thư là chứng sốt ấy mỗi ngày một cơn, hay cách một ngày mới lên cơn, hoặc cách mấy ngày mà phát sốt, về âm-phận



hay dương-phận, dễ phân ra khó chữa hay dễ chữa.

Lời giải: Về chứng sốt rét nóng nhiều rét ít là huyết hư, nên dùng bài *tứ-vật* hợp với bài *tiêu-sái-hồ*; Rét nhiều nóng ít là khí hư, nên dùng bài *Tứ-Quán* hợp với bài *tiêu-sái-hồ*; Chỉ rét mà không sốt là dương hư lắm, nên dùng bài *bát-vị* để bổ hỏa; Chỉ sốt mà không rét là âm hư lắm, nên dùng bài *lục-vị* để bổ thủy; lại đều thêm vị sái hồ, và xet nguyên khí mạnh hay yếu, mà liệu chừng thêm vị thương-sơn để triệt ngược (người mạnh thêm nhiều thương-sơn, mà người yếu thêm ít), như vậy thời chứng sốt rét tự khỏi. Khi khỏi mới dùng thuốc bổ, ta đừng thấy sốt rét lâu mà dùng ngay bài *bổ-chung-tch-khi* là vô ích mà có hại.

Lại chớ chấp nệ là cách một ngày mới phát sốt, mà phát về dương phận là từ sáng đến trưa, thời dễ chữa mà chóng khỏi, nếu cách hai hay ba ngày mới sốt mà sốt về âm phận là chiều hay tối là khó chữa và lâu khỏi; ta chỉ nên căn cứ vào khi ở tý vị mạnh, mà ăn được thời dễ chữa, khi của tý-vị yếu mà ăn ít là khó chữa, vì thế người yếu phải bổ vị-khi trước, vị-khi mạnh mà ăn nóng được, rồi dùng thuốc triệt-ngược mới là ổn đáng.

Chương 32bis.— Dương được để bổ dương, âm được để bổ âm, là vì cương nhu khác nhau.

Trong dương được có âm, hay trong âm được có dương, mới là khí huyết giúp lẫn nhau.

Lời giải: Dương được như những vị bạch-truật, phục-dinh, hoài-sơn, trích-thảo, gừng-sao (bào-khuong), thời khi



và vị thuận là dương, cho nên bổ được dương (vị cay và ngọt là dương hay ôn và nhiệt cũng là dương). Âm được như những vị : thực-địa, sơn-thù, bạch-thược, sinh-địa, mạch-môn, ngư-tế, sa-sâm, thời khí và vị thuốc âm, cho nên mới bổ âm, (những vị hàn hay lương là âm, toan-khổ là chua và đắng cũng là âm).

Âm được ở trong dương được như những vị : Nhân-sâm, hoàng-tỳ, bạch-truật nấu thành cao, thời đã bổ khí mà lại thêm bổ huyết. Dương được ở trong âm được như những vị : Lộc-giao, mi-giao, đương-quy, xuyên-thung, sinh-địa, thực-địa, kỷ-tử, những vị ấy đã bổ huyết lại kiêm bổ khí.

Chương 33 — Ích cho tỳ thổ và giúp cho thận-thủy, phải dùng cho đúng thuốc mới có công hiệu.

Bổ tinh huyết và thêm tinh huyết, phải dùng cho hợp pháp, mới được thành công.

Lời giải : Vị Bạch-truật ráo thấp khí để kiện tỳ, vị nhân-sâm đại bổ cho nguyên-khí, vị phục-linh để bổ âm thấp, vị cam-thảo trích khô để ôn trung, vị xương-truật chữa chứng tạng tỳ thấp trệ, vị trần-bì để hành khí hóa trệ, vị hoài-sơ, chưng trên nồi cơm và sao, để trợ tỳ chỉ tả, vị ý-dĩ trừ được thấp để kiện tỳ vị quan-quế ôn trung vị bảo-khương (là gừng sao chín quá lửa) trừ được lạnh, vị ôi-khương là gừng nướng ôn trung chữa được hàn chứng và ợ, vị sinh-khương ôn trung tào hàn, vị sa-nhân ôn trung tiêu thực, vị đinh-hương ôn tỳ chữa chứng nôn ọe, vị mộc-hương kiện-tỳ hành trệ, vị biền-đàn sao vàng để hòa chung chỉ tả, vị nhục-đàn-khẩn kiện tỳ-vị ưa chỉ tả, vị



thảo-độn-khẩn ôn trung tiến thực mà chữa nôn-ợc, vị Sơn-trà thức ăn bằng thịt cá tích lại, vị mạch-mha và vị thần-khắc tiêu cơm ăn tích lại, vị hồ-tiên trừ hàn tiêu thực, vị Bạch-độn-khẩn trợ tỳ tiêu-tích.

Các vị kể trên, đều để giúp cho tỳ-vị, nhưng cũng có vị không nên dùng, như những vị có mùi thơm, với chứng tỳ-thở thấp trệ thời nên dùng, còn như chứng hỏa ở vị mạch quá mà âm của tạng tỳ hư tổn, thời vị bạch-triết nữa thành cao vị thực-địa sao thơm, Cao Ban-Long, vị bạch-thược thêm đồng tiền sao, thời mới giúp được tỳ-âm, và mới chế được vị-bổ, nếu chỉ dùng những vị thơm mà ráo, thời tân-dịch kiệt dạ-dạ khô đi, mà thành ra đại bệnh, phải vị quan-sách (ngăn cách mà ăn vào lại nôn).

Thuốc để bổ thận, thời vị Thục-Địa giúp được thận-thủy, vị Sơn-thù cường được chân âm, mạch được chân dương, vị Kỷ-tử giúp được tinh khí, vị Nục-Thung-Dung bổ hỏa và thêm tinh, vị Nhục-Quế dẫn hỏa quy nguyên, vị phụ-tử ôn được mệnh-hỏa, vị ngũ-tất nhuận được ráo, và xuống đến tạng-thận, vị đỗ-trọng để sống thời vào tạng thận rất chóng, thêm rượu sao thời đi khắp thân thể, thêm muối và rượu để sao, thời ích cho căn cốt, vị phụ-linh thêm được thận-thủy, vị phá-cổ bổ được thận-hỏa, vị mễ-đơn thạch được lời-hỏa mà chấn tĩnh cho chân âm, vị thổ-tỳ bổ cho dương khí của tỳ thận, lại bổ âm cho tạng thận, vị Địa Cốt Bì tả được chứng cốt chưng (nóng tận xương), vị hoàng-bá tả được tả hỏa, vị huyền-sâm tả được chân hỏa dư ra, vị Ngô-thú ôn được hạ tiêu.



Các vị kể trên, cũng phải tùy chứng mà dùng, mới giúp cho tạng thân, hơn nữa, vị nào chỉ đáng làm tá, sứ, mà cho làm quân, thần, thời lại không công hiệu. Tóm lại, thuốc bổ cho tinh huyết, như lộc-nhương, mi-nhương, lộc-dao, mi-dao, tử-hà-sa (nhan của đàn bà đẻ), nhũ-phấn (bột của sữa người), đều là bổ mạnh cho tinh huyết, mà những vị thuốc về thảo-mộc không thể sánh bằng, còn vị phu-tử đi đôi với vị nhân sâm, thời bồi được nguyên khí, giúp cho vị bạch-triết thời vững được trung châu, giúp cho vị hoàng-kỳ thời chóng đến vị-khi, giúp cho vị thục-địa thời hướng đến chân âm, đến như vị nhục-quế, uống với bài Bát vị thời bổ được mệnh-hỏa, uống với bài Tứ-Vật thời bổ võ được chân huyết, uống với bài Tứ-quân thời ôn được trung-tiền mà dẹp chứng hư-hỏa, đi với vị Bào-Khương thời dẫn khí được vào khí phân, dẫn huyết được vào, huyết phân. Những vị mới kể ở trên giúp ích cho việc bổ tinh huyết không phải là ít.

Chương 34.— Thanh hỏa, tả hỏa, phạt hỏa, không bằng giáng hỏa thì vô hại;

Giáng khí tán khí, phá khí, không bằng hành khí thời đỡ hao.

Lời giải : Về phép chữa hỏa có nhiều thứ, Thanh-hỏa như : vị thanh-lộc thời trừ được hư nhiệt, vị mộc thông thời thông lợi được nhiệt, vị đống-tâm (bắc thấp đen) thời lợi tiểu tiện mà thoát nhiệt, vị Trúc-dệp giải khát trừ nhiệt, vị Trúc-phụ (tinh tre) trừ chứng phiền-nhiệt, vị mao-căn thanh được vị nhiệt, vị bối-mễ thanh được tâm hỏa, vị Thiên-hoa-phấn trừ được nhiệt tà tích lại, vị cát-căn trừ được nhiệt vị cảm và chỉ được khát, những vị trên đều là thanh hỏa.



Giáng hỏa như : vị mạch-môn thanh được phế-hỏa, Thiên-môn cũng tả được phế-hỏa, vị mễ-đơn thanh được phục-hỏa (ửa ngắm ngắm) và chữa chứng cốt-chung (nóng tận xương), là vị thuốc vừa tả vừa bổ, vị địa-cốt-bì thanh hỏa và cũng chữa sốt chung, vị sa-liên-tử chữa được phong nhiệt, vị huyền-sâm tả được hư hỏa, vị chi-tử giáng hỏa lợi tiểu-tiện, vị tỳ-bà-diệp lui được hư nhiệt, vị Liên-ngân giải nhiệt-độc, trừ phiền khát, các vị kể trên đều có tính giáng hỏa.

Tả hỏa như : vị Hoàng-Cầm tả được phế-hỏa, vị Hoàng-Bá tả được phục hỏa, vị Hoàng-Liên tả hỏa cả ngũ tạng, vị Tế-giác trừ được hỏa nhiệt, vị long-đởm tả được can-hỏa và phục-hỏa trong tạng tâm, vị Thanh-đại tả được can-hỏa, vị địa-long (đất ran đun lên) tả mọi hỏa nhiệt, vị Chi-mẫu tả mọi nhiệt độc, các vị kể trên đều về loại tả hỏa.

Phạt hỏa như : vị liên-kiều tán hỏa ở mắt, vị đại hoàng trừ tích nhiệt, vị phác-tiên phá nhiệt kết, vị thạch cao tả hỏa nhiệt, vị hoạt-thạch tả vị hỏa, các vị trên đều là vị thuốc phạt hỏa.

Tóm lại, *Thanh-hỏa* là để cho sức của hỏa mát đi, *giáng-hỏa* là không để cho hỏa bốc lên; *Tả-hỏa* là làm cho hỏa vơi đi mà không còn sức mạnh; *phạt-hỏa* là công phạt hẳn đi mà không để có hỏa, như vậy thời những vị giáng-hỏa mới là không có hại.

Vị mạch-môn-đông, vị thiên-môn-đông mà ta thường gọi là nhị-đông. dù có tính bổ, nhưng hàn mà nhận vẫn không bằng vị Thục-địa, vị Sinh-địa, vị Ngưu-đất, Cao Ban-



Long, và sửa người, thời bỏ âm mà liễm được dương, thế là giúp chân âm mà hỏa tự giáng, lại không cần đến giáng hỏa.

Tả-hỏa không đến nổi làm tuyết hẳn chân hỏa, còn phạt-hỏa là công phạt hẳn đi, thì chỉ nên dùng ít hay dùng tạm. Bệnh khởi là bỏ ngay để cứu vãn. Nếu dùng nhiều hay dùng lâu thời hỏa đến chỗ tuyết.

Sở dĩ tôi bàn luận như trên, là vì hỏa để lập ra mệnh, nếu hư yếu còn phải bồi bổ không xong, ta nên xét hỏa từ là khí, khí không được quân bình thời là hỏa, vậy hỏa dư ra là khí không đầy đủ, để không đủ mà lại tả đi; khiến cho không đầy đủ nữa, thời hỏa tuyết mà khí cũng tuyết, nhà làm thuốc chẳng nên thận trọng về chỗ ấy hay sao.

PHƯƠNG PHÁP CHỮA VỀ KHÍ · *Hành khí* như : vị trần-bi để tiêu trệ, vị đại-phúc-bi tuyền khí dư ra, vị Tô-tử giáng khí ngược lên, vị Sơn-tra khai được hết khí, vị Sinh-Kương tản được hàn khí, vị hoắc-hương thuận được khí, vị đinh-hương trừ được khí hàn trệ, vị Mộc-hương hóa được trệ khí, vị trâm-hương ôn được tỳ vị và hạ khí.

Giáng-khí như : vị ý-dĩ để hạ khí, mộc-quả để hóa khí, vị ngô-thu ôn khí ở hạ-tiền, vị Hậu-Phác tiết khí ở ngã tạng, vị Bạch-Giới-Tử tản được lãnh khí, vị ư được thuận được khí.

Phá-khí như : vị Thanh-bi phá trệ khí, vị chỉ-sắc phá khí ở thượng tiêu, vị chỉ-thực phá khí ở hạ-tiền, vị Bồng-Nga phá bí khí, vị Đinh-lang tả khí ở trên cao.

Hành-khí là dẫn trệ khí đi. Giáng-khí là giáng khí



xuống, tản-khí là không để cho khí tụ lại, phá-khí là phá chỗ khí tụ. Tóm lại, khí nên lưu thông mà không nên ngưng trệ. Hành-khí là theo về bản tính của khí mà không có hại, còn hơn là giáng khí. Còn như tản-khí thời có tệ là làm tiêu hao đi, nhưng tệ nhất là phá-khí lại có hại hơn, vậy phải hợp bệnh mới dùng được. Cổ thư có nói: « Điều-khí, hòa-khí » là lẽ thế, huống chi muốn bỏ lý vị thời phải trọng đến khí, nên những vị chữa về khí mà không biết dùng, thời có hại không phải là ít.

Chó-giải: Câu cương nói cả tản khí mà không giải nghĩa, nhưng đại ý tản cũng như hành.

Bổ đi: Chữa chứng thờ-tả, nếu thấy người vẫn mát, chỉ có lòng bàn tay và đầu ngón tay là ấm, và móng tay đỏ là nhiệt. Nếu lòng bàn tay, đầu ngón tay đều lạnh, mà móng tay nhợt là hàn. Hơn nữa, chứng thờ mạnh hay tả mạnh là thực nhiệt, thờ vừa, tả vừa thì đều là hư. Ngũ tạng thấy ấm là nhẹ mà sống, thấy lạnh cả là chết, địa-sắc là dưới cằm lạnh là nặng lại thêm hai gò má và mũi đều lạnh là rất nặng. Mọi chứng thờ-tả, dùng quả bộ-kép đốt bỏ bớt đi lấy cùi, và vị tổ-tân sao qua, hai vị bằng nhau, tán thực nhỏ thời vào trong mũi, thời không cứ hàn nhiệt hư thực và chuyển-oán (chaột rút) đều nên dùng.

Những người vẫn hư yếu, gặp phong hàn ở ngoài, hay là vì ăn uống mà đau, hình và khí đều yếu, thế là trong hư yếu mà thêm thực thời không hại gì, ta cũng nên dùng thuốc cho nhẹ đi, nhưng chớ dùng thuốc hạ. Còn bệnh nhân muốn thờ không thờ được, muốn tả không tả được,



mà đau bụng lắm, lại không có táo kết, ra nước lạnh muốn quạt v.v... thời nên dùng bài *Chính-khi* cho thở-ra, hay bài *Ía-quang* cho tiêu đi, mà đỡ được nửa phần thời thôi không nên uống quá. Nếu đã thở đã tả mà vẫn cứ thêm trệ, thời dùng ngay bài *Vị-quan*, thêm vị *hoắc-hương*, vị *sa-nhân*, vị *trần-bì*, vị *phục-linh* để tiêu lợi đi, thế cũng như thực chứng, mà không có khó chữa.

Nếu bệnh nhân đại thở, đại tả hại đến tân-dịch, thấy thuốc hay dùng những bài *Chính-khi*, bài *Vị-ninh*, đến nỗi *âm song dương thoát*, về chứng ấy sáu bộ mạch đều không thấy, là âm hư ở dưới, khí không đạt lên đến kinh *Thái-Âm* : Vì chân tay giá lạnh là âm hư mà phát quyết ; vì ra mồ hôi mà báo là tân-dịch mất ; chuột rút là huyết không nuôi được gân ; nói ngọng mất tiếng là hư dương bốc lên phổi, ra mồ-hôi muốn quạt là âm hư không tàng được dương, những chứng nguy kịch ở trên, nhưng mạch *Thái-Kê* bầy còn huyết khí hãy còn ôn, hơi thở không ồ ồ, tinh-thần không mất, thế là còn chút nguyên dương còn có thể lấy lại được.

Khi ấy dùng thuốc rất khó, *Cổ thư* có nói : « Lúc mới tả mà khát chờ cho uống thuốc ôn », như thế thời tựa hồ nên cho uống thuốc *sâm-lương* ; *Cổ-Thư* lại nói : « Tả lâu mà khát chờ dùng thuốc hàn-lương », như thế thời tựa hồ nên dùng thuốc *cầm ôn*. Nhưng hai câu đó cũng nên xem hoạt đi, mà không nên chấp nhất.

Theo ý tôi, không kể bệnh mới hay lâu, thấy tả lâu mà ráo khát, thời thuốc ôn hay lương đều không nên khinh thường mà dùng, chỉ nên dùng vị thuốc *cầm bình* (ngọt mà vừa phải không ôn không lương), để giúp cho chân âm mà tăng dương khí lại, dương hư không thể



bồ được vị nhân-sâm, mà âm hư không thể bồ được vị thực-địa, còn các vị thuốc khác, thời tùy chứng gia giảm, nhưng chỉ để làm tá, sở, khi kỷ gia giảm tùy nghi, mà không nên theo những phương thuốc nhất định.

Chứng đại thổ, đại tả, ra uống nước mát mà uống bao nhiêu thổ bấy nhiêu, thổ mạnh khiến thuốc thang khó lọt, mà chân tay giá lạnh, sáu bộ mạch đều không thấy, phát nhiệt, phát táo, nằm ngồi không yên, giờ tay đập chân, gân mạch co quắt. Thế là thổ nhiều thời vong dương, tả nhiều thời vong âm, khi của tạng thận bốn độn lên dạ-dày khó chữa được, cho nên phải thổ ra, chứng thổ kỷ không kéo chữa không được, nếu cho uống lắm bài *Lý-Trung*, bài *hồi-dương* thời âm tuyệt mà chết, cho uống lắm bài *trúc-diệp thạch-cao* thời dạ-dày bại mà chết, dù cho uống bài *lý-âm*, bài *vị-quần*, bài *toán-chẩn*, cũng khó mong thành công.

Về chứng kỷ không nên dùng thuốc cay và ôn, cũng không nên dùng thuốc lạnh và mát, tôi cho uống trước những vị: *Thực-địa* tám nước gừng sao 3 chỉ, *Dương-sâm* 1 chỉ, mạch-môn sao lẫn với gạo 2 chỉ, gừng-tất 5 phần, sắc đặc nước dần cho uống; sở dĩ dùng vị *thực-địa* là để trấn tĩnh chứng bốn độn để nhẹ cho chứng thổ, rồi thang sau gia giảm, táo khát mà nói ngọng gia vị ngũ-vị 14 hạt, khát mà gân co gia vị sơn-thu (nếu tạng can cương, dạ-dày yếu thời kiêng) như vậy mà tả chưa chỉ thời thêm hoài-sơn một đồng cân, cam-thảo ba miếng, nhất thiết khi kỷ không nên dùng phụ-tử, phục-linh, bạch-triết, vì những vị kỷ làm cho chân âm hư thêm, lại kiêng dùng những vị cay và nóng, càng những vị thấp thấp để lợi tiềm-tận, như thế là thuận dùng những vị để bồ cho chân âm.



Chứng thổ tả mà không thấy mạch, chân tay giá lạnh, ọc thổ lợm lờng, khát mà uống nước nóng nếu uống nước lạnh thời thổ, phát phiền phát táo, thổ là âm hư mà dạ-dầy hàn, nên dùng bài Sâm-khương kê sau đây là chỉ :

Sâm một chỉ, gừng ba miếng, hồ-tiên một hột tán mịn.

Rồi dùng bài nạp-tàng kê sau :

Thục-địa tằm gừng và rượu, sao ba chỉ, hoài-sơn một chỉ rưỡi, dương sâm một chỉ, gừng sao đen tẩm tinh 3 phân, phụ-linh 1 chỉ, đồ-trọng 5 phân, ngũ-vị mười hột, dạ-dầy hàn thêm phụ-tử một phiến, bụng dưới đau liên miên thêm vị khởi-tử (Hư hỏa động thời thời), thổ là âm mà tiếp dương ; 2 bài này với bài chữa trước không giống nhau, ta phải nên phân biệt.

Hai bài trên đều dùng thang thuốc nhỏ sắc thật đặc uống ấm. Nước sôi, rồi tùy chứng gia giảm, nếu uống thuốc rồi lại nôn, thời cho uống luôn mà uống ít, khi nào thổ tả yên, táo khát ngừng, mình ấm để thấy có mạch, thời có thể sống được, nhưng mạch thấy dần dần mới sống, nếu thấy mạch mạnh ngay thời chết, mạch thấy có dần dần mà có vị-khí là sống, thấy mạnh mà « huyền hay cương », hơi thổ ồ ồ thì là giả phục (trở lại giả chết), đó là thiếu chân âm, tử chứng không thể chữa được.

Những phương thuốc để chữa tả kê ra sau đây :

BÀI TỬ-ÂM LIỄM-DƯƠNG (Tôi mới chế ra) :

Thục-địa tằm gừng và rượu sao 3 chỉ, Dương-sâm một



chỉ rượu, mạch-môn sao với gạo tẻ 1 chỉ. Ngũ-vị tằm rượu và mật sao 15 hột, Ngưu-tất 1 chỉ, Hoài-Son đồ trên nồi cơm 1 chỉ. Sơn-Thù tằm mật đồ trên nồi cơm 5 phần. Trích-thảo 2 phần.

Nếu thể nhiều bỏ vị Hoài-Son, tăng can mạnh, dẹ-dày yếu bỏ vị Sơn-thù và ngũ-vị.

BÀI TÀNG-DƯƠNG NẠP-ÂM :

Thục-Địa tằm gừng và rượu sao 3 chỉ. Hoài-Son đồ trên nồi cơm 1 chỉ rượu. Dương-sâm 1 chỉ. Mạch-môn 1 chỉ. Ngũ vị 14 hột. Can-kương sao đen chỉ còn hơi có lõi 3 phần. Ngưu-tất 3 phần. Đỗ-trọng 8 phần. Phụ-tử một phiến rồi thêm dần đến 2 hay 3, 4 phiến hay là bỏ đi.

Bài trên là bài toản-chẩn bỏ truyết gia hoài-son, can-kương sao, và đỗ-trọng.

BÀI ĐẠI BỒ-NGUYÊN :

Dương-sâm một chỉ. Thục-Địa 3 chỉ. quy-thân 1 chỉ. Khởi-tử 1 chỉ. Hoài-Son đồ trên nồi cơm 1 chỉ rượu. Sơn-thù 1 chỉ, (nếu bệnh nhân sợ chua thời bỏ đi), Đỗ-trọng 1 chỉ, Trích-thảo 3 phần.

Sau khi uống bài Từ-Âm liễm dương mà khỏi thời uống đến bài này.

Vị dương-quy và khởi-tử người nào bụng dưới đau liên miên vì hàn thì nên dùng, bằng không thời thôi.



BÀI SÂM KHƯƠNG ÂM :

Dương-sâm 1 chỉ, gừng sao đen 5 phân. Hồ-tiên một bột.

(Xét vị hồ-tiên ưa cho dạ-dày, không như những vị thuốc khác chua và mặn, có thể động đến dạ-dày).

BÀI HỒI NGUYÊN ÂM (ở bộ Y-HỌC TOÁT-YẾU) :

Dương-sâm 1 chỉ. Thục-địa 3 chỉ, Phụ-tử 3 phân. Chân Âm đã hồi mà dương khí mới bại, không gì bằng bài thuốc này.

BÀI NGŨ PHÚC ÂM :

Thục-địa 3 chỉ. Quy-thần 1 chỉ. Dương-sâm 1 chỉ rưỡi. Bạch-triết 1 chỉ rưỡi. Trích-thảo 5 phân.

Uống bài Tàng-dương-nạp-âm mà khỏi rồi, nên uống bài này.



HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập ĐẠO-LUU DU-VẬN





Tiểu dẫn của tác giả

Chợt có một vị khách đến chơi nhà tôi, cầm một cuốn sách thuộc tôi đang soạn ở trong tủ sách, đọc xem mấy lượt. Rồi chợt hỏi tôi rằng : « Trời sanh rộng lớn có thể gọi tên được không ? Những đồ dùng khéo làm ra do thước vuông, thước tròn có thể bàn luận được không ? »

Tôi biết người ấy, nói ngụ ý về cuốn sách của tôi làm là không cần thiết cho lắm.

Tôi trả lời rằng :

« Sách cổ còn có câu : Thợ Trời chỉ giữ theo dây ; mà mưa, nắng, ấm, rét, do 4 mùa làm việc ; người thợ khéo cốt dùng lấy gỗ tốt, mà ngay thẳng vuông tròn là theo về dây mực.

« Trước kia Đức Hoàng-Đế, Ông Kỳ-Bà chỉ phát minh ra lẽ âm dương, thịnh-suy, tà-chính, hư-thực, được thua, sinh-khắc ở trong y được. Nhưng việc gì cũng từ thô sơ mới tiến lên tinh xảo. Vậy không có người không thành được việc cho trời mà công hiệu không được hoàn toàn, nên phải có người để giúp đỡ vào chỗ tạo hóa chưa đủ. Cho nên việc thuộc từ đời Ông Thương-Hiệt trở về sau, họ Lư, họ Trương, họ Chu, họ Lý và Ông Vương-Thái-



Bộc, Ông Lập-trai, Ông Cảnh-Nhạc, Ông Phòng-Thị, những bậc tiền bối ấy kế tiếp nhau làm sách để phát minh.

« Vì người ta bầm sinh, đời xưa đời nay không giống nhau, nên phải lập ra phương thuốc mới để chữa cho người đời sau. Trong những sách đó nghiên cứu nguyên bác, phán đoán phân minh; bàn về lẽ thuốc, nói đến bình thê, không điều gì là sót để thiên hạ cùng biết. Như thế thời ít chỗ thiếu sót mà sao tôi dám lập đi để khác với người đời xưa.

« Nhưng tôi nghĩ rằng : Học thuốc phải lấy thủy, hỏa làm gốc, lấy khí huyết làm tác dụng, những vị ngọt, ôn và thẩm nhậm để bổ cho người hư yếu, những vị thơm, ráo, thanh lương để chữa cho chứng thực (tả khí mạnh) như thế chỉ là cương lĩnh mà thôi.

« Còn như bệnh chứng biến hóa, một câu nói không thể hình dung được, thời lấy đầu không thiếu sót. Vì thế mà những người chưa nhận xét được đúng, một khi gặp biến chứng thời trong bụng hồ đồ, tự ý thêm bớt, vừa bổ vừa công để bệnh nhân bỗng mạng, người có tài mắt không thể đánh lòng được.

« Tôi vốn học nho, cố chỉ học sang nghề thuốc, xem rộng các sách rồi ngẫm nghĩ tìm tòi, để lẽ làm thuốc biết được đến nơi. Vì thế không tự biết là học kém, xếp những lời bàn luận của bậc tiền bối mà chú giải thêm, những chỗ mọi người thêm bớt không đúng thời phân tích mà chỉnh lại, để bù cho những chỗ người đời xưa chưa nói đủ.

« Tôi cũng tự biết là đánh trống qua cửa sấm và múa



rin qua mắt thợ. Vậy Tôn Công đem lời ấy song kích, thật là yếu tôi để nên sự kiên cố mà hoàn thành sự tốt đẹp. Chỉ vì thiếu ý tôi thà mang tội với các bậc tiền bối còn hơn là không chịu phát minh để phụ với việc học của mình.»

Người khách nghe tôi nói rồi nín lặng, vỗ trán mà nói : « Ông nói phải, ông nói phải » nên tôi ghi lại để làm bài tiểu dẫn trên đây.

TÁC GIẢ





Mục-lục

- 1) Bàn về lễ làm thuốc và ý làm thuốc.
- 2) Bàn về trong thân người có một Thái-Cực.
- 3) Bàn về khí hư, hỏa hư, huyết hư, thủy hư, chứng bệnh hơi giống nhau mà có thể cùng chữa một phương pháp.
- 4) Bàn về âm hư phát nhiệt, mà dương hư bầm trở xuống.
- 5) Bàn về chứng « đới-hạ » (nguyệt kinh rút ra) về gốc bệnh, chứng bệnh, cùng phép chữa.
- 6) Bàn về bổ cho tinh thần.
- 7) Bàn về long hỏa là dương, vốn sợ lạnh mà thăng lên, sao lại ghét nóng mà chạy mạnh.
- 8) Bàn về phương pháp uống thuốc.
- 9) Bàn về chứng oan-nhiệt, chứng thôn-toan (sốt nước chua), chứng toan-thống (đau ngầu ngất) đều có ý nghĩa sâu xa.
- 10) Bàn về bài Bồ-trung dùng vị Dương-quy.
- 11) Bàn về bổ hỏa phải trọng vị Thục-địa.
- 12) Bàn về bách bệnh tổn thương đều gốc ở tạng thận.
- 13) Bàn về đâm không có phép bổ mà cũng không có phép công.
- 14) Bàn về tạng tâm là quân chủ trong người.



15) Bàn về điểm lằm của bài Bồ-Trung.

16) Bàn về điểm lằm của bài Tứ-Quán, Tứ Vật và bài Bát-Trần.

17) Bàn về có khi bồ tạng thậ không bằng bồ tạng tỷ, có khi bồ tạng tỷ không bằng bồ tạng thậ.

18) Bàn về bồ âm tiếp dương và bồ dương tiếp âm.

19) Bàn về hiện chứng của tạng phủ hư hay thực, và phương pháp dùng thuốc.

20) Bàn về khí huyết phải nhờ lẫn nhau mới có thể thành công.

21) Bàn về chứng hỏa hư, chứng thủy suy, hiện chứng tựa như nhau. Bài Lục-vị, bài Bát-Vị phải nên phân biệt, và xem hình biện chứng, mờ xẻ không lằm.

22) Bàn về nhiệt thời hại khí, và nhiệt thời hại huyết.

23) Bàn về không bớt được tình dục thời hại đến tạng thậ, và chứng âm thịnh.

24) Bàn về chứng đản nhiệt (chỉ nóng không rét) là vong âm, hại cho người rất chóng, và nói phép chữa.



1.— BÀN VỀ LỄ LÀM THUỐC VÀ Ý LÀM THUỐC

Đạo làm thuốc tự vua Hiên-Viên (tức Hoàng-Đế) hỏi và ông Kỳ-Bà trả lời, lời dạy để lại đến ngàn đời. Ông Lôi-Công làm phép bào chế, ông Y-Doãn đặt ra bài thuốc, rồi đến thiên « Hồng-Phạm » của ông Cơ-Tử, và sách « Việt-nhân vấn nạn », ông Trọng Cảnh lập ra môn chữa thương-hàn, sách Giáp-Ất của ông Sĩ-An, sách « Truyền-chú » của ông Khải-Huyền-Tử, sách « Xem mạch » của ông Tiền-Trọng-Dương, sách « Bản-thảo Cương-mục » của ông Lý-Thời-Trần. Những quyển sách đó nói về âm-dương sinh hóa của trời đất, tật bệnh an nguy của thân người đã phát minh hầu hết.

Tôi thiết nghĩ về đạo làm thuốc chỉ vì Lý và Ý mà thôi. Sách Cảnh-Nhạc có nói : « Làm thuốc là Lý, muôn vật khác nhau, mà tóm lại chỉ có một lẽ ». Nội-Kinh có nói : « Biết được yếu-lĩnh thời chỉ một câu là xong, mà không biết yếu-lĩnh thời man mác vô cùng », vậy chân « âm » chân « dương » là rất thiết yếu cho nhà làm thuốc, như thế là Lý, nhưng ngoài lý lại phải có ý-kiến, theo về lẽ thường là lý, mà gặp bệnh thông biến là Ý, vì ở ngoài lý mà mình còn nghĩ ra được.

Xưa kia ông Hứa-Trử-Tôn tinh về y thuật, có người khuyên ông nên làm sách để lại về sau, ông nói rằng : « Về việc làm thuốc là ý, ý ta hiểu biết không thể nói ra được », như vậy thời ý của nhà làm thuốc, không thể đem lời nói để hình dung được, cho nên thành ngữ có câu : « Không



thông suốt được trời đất và người, không thể nói được việc học nho ; không thông suốt được trời đất và người, cũng không thể nói được việc học thuốc ». Lại nói : « Có học kinh Dịch mới có thể học được thuốc », vì lẽ của âm dương là lẽ của nhà làm thuốc. Cao cả lắm thay ! Chữ trách giữ tính mạng cho người, công hay bỏ ở một ngón tay, bệnh nhân sống hay chết ở một hơi thở, nếu không học suốt được âm dương, cũng lẽ kim cồ, dò tận gốc tìm tận nguồn, thời cũng không thể kiên-hiền về nghề làm thuốc được. Nhà làm thuốc xuất nhập được quý thần, cân toàn cho tạo hóa, suy lý ra thời phương phép khuôn mực không ngoài ở lý, mà ứng biến vô cùng không gì hơn ở ý.

Người ta thường nói : « Không có sách nào để học được ; không có bài thuốc nào để bắt chước được », chẳng phải là ý ở ngoài lý hay sao ?

..

2 — BÀN VỀ TRONG THÂN NGƯỜI CÓ MỘT THÁI-CỰC

Trời đất phối thai ra muôn vật, nào để ra học, nào để ra trồng, hóa ra khí, sinh ra hình, sâu bọ và cỏ cây có sống chết có tri giá, tuy bầm sinh khác nhau, nhưng đều có một Thái-cực ở trong, rồi mới hóa sinh ra được. Huống chi thân người là trời đất nhỏ, được toàn thể của âm dương, đủ cả ngũ hành để hóa dục, lại chẳng có một điểm Thái-cực để làm căn bản phát sinh ra hay sao ?



Từ khi sách « Nan-Kinh » bàn luận, chỗ mệnh-môn hỏa ở về quả thận bên phải, người đời sau mờ mịt không biết Thái-cực là gốc để lập mệnh, đem một điểm rất lớn rất quý là mệnh-môn-hỏa để vào địa-vị tầm thường, may mà các bậc tiên hiền kế tiếp chỉnh lại câu nói của sách Nan-Kinh, để nhà làm thuốc biết trọng đến mệnh-hỏa.

Nội-Kinh có nói : « Gặp chứng bệnh hư yếu phải giữ ngay lấy phương Bắc », tức là hành Thủy để bồi bổ cho sinh mạng. Lại nói . « Mệnh-môn hỏa như ngôi Bắc-đẩu ở một nơi, mà các vì sao khác chầu lại », như thế là chỉ rõ Thái-cực ở trong tạng Thận.CORDS Co nói . « Nhà làm thuốc không biết bản thể của Thái-cực, không hiểu thần diệu dụng của thủy hỏa vô hình, mà không biết trọng dụng bài Lục-Vị, bài Bát-Vị, thời về lẽ làm thuốc còn thiếu đến quá nửa ». Ý nghĩa lắm thay ! Bài Bát-Vị do ông Trọng-Cảnh đặt ra, cũng như Bát-Trận-Đồ của nhà đem binh, gặp chứng bệnh nào cũng có thể thi thố được, thực là thần đan để lập mệnh, nếu bệnh nhân của sống, đâu ngoài được bài thuốc ấy.

3 – BÀN VỀ KHÍ HƯ, HỎA HƯ, HUYẾT HƯ, THỦY HƯ, CHỨNG HƠI GIỐNG NHAU, MÀ CÓ THỂ CŨNG CHỮA THEO MỘT PHƯƠNG-PHÁP

Theo phép đời xưa, bệnh về khí hư yếu thời chữa bằng bài « Tứ-Quán », bài « Bỗ-Trung », bệnh về huyết hư yếu thời chữa bằng bài « Tứ-Vật » bài « Quy-Tỷ » bài « Dưỡng-Vinh », bệnh về khí huyết đều hư yếu thời chữa



bài « Bát-Trần », bài « Thập-Toán », bệnh về chân thủy hư yếu thời dùng bài « Lục-Vị », bệnh về chân hỏa hư yếu nay là thủy hỏa đều hư yếu thời dùng bài « Bát-Vị », thế là cõ chân theo bệnh chứng mà chữa khác đi.

Tôi xét sách thuốc có nói : « Tạng tỳ tạng phế mà ở Hận-Thiên khí hư thời hiện chứng tiếng nói nhỏ, chân tay yếu, hình thể gầy, sắc mặt khô và trắng, da xìn lông rụng, ngoài sợ gió và lạnh, trong sợ thừa ăn sống hay lạnh, cũng chứng tỳ thổ hư yếu không chữa được đương khi mà sốt lâu hay là dễ tiết tả, dễ đầy chướng.

Chứng kể trên đem so với chứng tiên-thiên hỏa hư, bởi thận hư mà khí không về chỗ, thời cũng thấy tiếng nói nhẹ và yếu, hỏa ở mệnh-môn suy mà tỳ vị kém, thời cũng thấy chân tay yếu hình thể gầy, tạng phế cũng hư yếu, mà sắc mặt khô và trắng, da xìn lông rụng, chân hỏa không đầy đủ ở trong thời ngoài cũng sợ phong hàn, trong bụng cũng sợ thức sống thức lạnh, hỏa bốc lên tam tiêu cũng thành ra sốt lâu, tạng tỳ không có sức nóng để ôn đi thời cũng đầy cũng tiết tả, thế là chứng hỏa hư, chứng khí hư tựa như nhau.

Tạng tâm và tạng can huyết về hận-thiên hư yếu mà sốt âm chướng chướng, hình thể đơ gầy, phiền khát uống nước không, đầu mặt hỏa mù, mình nặng, đốt xương đau, khi bốc lên mà nôn ọp khan, trong bụng nóng nung, trong miệng rịn nước dãi, cổ họng khô và đau, hay là trong cổ họng như hạt mơ, khạc chẳng ra nuốt chẳng xuống, và đản bà kinh bế huyết kém.

Đem chứng ấy so với chứng tiên-thiên hư yếu thời chân thấy hư không dột được chân hỏa, cũng sốt âm chướng



chưng, hình thể cũng đen gầy, tân-diệp khô thời cũng phiền khát uống nước luôn, còn như chứng đờm và mắt mờ choáng, mình nặng xương đau, khí ngược lên cũng ọp khau, bụng cũng náo nùng, miệng cũng nhỏ dãi, cuống họng cũng vì hư hỏa mà khô và đau, trong cuống họng cũng có vật gì vướng lại, đó cũng là giả tượng âm hoá bốc lên, mà không phải chứng đờm cách, thận thủy say mà không sinh được huyết mà sinh đờm, nên kinh bế huyết kém, như thế là huyết hư và thủy hư, hiện trạng tựa như nhau.

Tôi gặp chứng ấy chỉ căn cứ vào mạch, nếu bộ quan, bộ thốn bên tay phải vô lực, thời là khí của tỳ và phế hư yếu, bộ quan bộ thốn bên tay trái vô lực thời là huyết của tâm can hư yếu, bộ xích bên trái vô lực thời là chân thủy hư yếu, bộ xích bên phải vô lực thời là chân hỏa hư yếu, nhưng cần phải lấy tình thần để lịch hội, mới không sai lầm, nếu đem chứng hợp với thuốc thời khó lòng được đích xác.

Nay tôi có một phép kinh nghiệm, trong bốn điều ấy có thể thông trị được, nghĩa là chân hoá là gốc cho dương khí, chân thủy là gốc cho âm huyết. Cổ-thư có nói : « Đầy đủ cho chỗ thiếu thốn là khí huyết, hoá sinh ra khí-huyết là thủy hoá ». Lại nói : « Chữa mọi bệnh lấy thủy hỏa là gốc, mà lấy khí huyết làm dụng ». Kinh Dịch cũng nói : « Thái-Cực động thời sinh ra dương, tĩnh thời sinh ra âm, trời một vạch sinh ra hành thủy, đất hai vạch để thành ra hành Hỏa », người ta lấy âm dương làm gốc để lập mệnh, âm dương tức chân-thủy chân-hỏa, âm dương là thể mà thủy hỏa là dụng, cho nên có câu : « thủy hoá là triện chứng cho âm dương, còn khí huyết là hữu hình về hậu thiên,



lại chỉ là vận dụng cho thủy hỏa». Cồ thư nói : « Bệnh nhỏ bởi ở khí huyết, mà bệnh to bởi ở thủy hỏa », chữa bệnh nhỏ mà bỏ khí huyết, chữa bệnh lớn và bỏ thủy hỏa cũng như người leo cây để bắt cá.

Vì thế, đã dùng thuốc để bỏ khí huyết mà khí huyết không vượng thời phải tìm đến gốc của khí huyết, giúp cho thận thủy, trong vị Thục-địa mà không dùng vị Khung và Quy, bỏ cho mệnh-hỏa thời trọng vị Nhục-quế, mà không dùng vị Kỳ và Truật.

Thế mà mọi người không rõ, cho khí huyết là âm-dương, cho thủy hỏa là tâm và thận, dùng bài Tứ-Vật để bỏ huyết và giúp cả chân âm, dùng bài Tứ-Quần để bỏ khí và điều bỏ cả chân dương, dùng bài Khâm-ly-hoàn để điều cả thủy hỏa, như vậy là không biết vị Khung và Quy khó bỏ được chân âm chân thủy, vị Sâm và Kỳ không bỏ được chân dương chân hỏa. Tôi gặp những chứng ấy trong khoảng vài mươi năm nay, tìm được một phép rất nhanh và rất ổn đáng để khởi tử hồi sinh, những bệnh nhỏ, hay bệnh mới phát, thời chữa bằng thuốc khí huyết, còn gặp bệnh lớn hay bệnh đã lâu, hoặc bệnh hư yếu nhiều, thời chữa bằng thuốc thủy hỏa, có khi đem thuốc chữa thủy hỏa để chữa bệnh khí huyết, dù không thành công ngay trước mắt, nhưng căn bản đã vững thời bách bệnh đều khỏi, mà có ích về sau.

Vì dù đem thuốc bỏ khí huyết mà chữa về bệnh thủy hỏa, một khi chỉ thấy hơi công hiệu hay hoàn toàn vô hiệu, thời phải dùng ngay thuốc thủy hỏa thời không bệnh nào là không hưởng ứng. Cồ-Thư có nói : « Thà đem



phương pháp chữa cho người yếu để chữa cho người khỏe, còn hơn là đem phương pháp chữa cho người khỏe để chữa cho người yếu », chính là lẽ ấy. Lại như bệnh nhân thấy tạp chứng rất nhiều kỳ hình quái trạng, nhưng vốn là người hư yếu lắm, thời chỉ dùng thuốc thủy hỏa để điều trị, các giả chứng không chữa mà tự khỏi đó là phép nhanh chóng để cứu cho bệnh nhân.

•••

4. - BÀN VỀ CHỨNG ÂM HƯ PHÁT SỐT, VÀ CHỨNG DƯƠNG HƯ HẸM TRỞ XUỐNG

Âm dương là hư danh mà không có hình, hàn nhiệt là triệu chứng cho âm dương, tính dương vốn nhiệt mà thăng, tính âm vốn hàn mà giáng. Đến khi có bệnh thời âm phẫn không hàn mà phát nhiệt, dương không thăng mà hãm xuống. Theo Nội-kinh thời khi âm hòa bình, khi dương bị vấp, bệnh không ở đâu đến được. Nếu một bên thịnh và một bên suy là âm và dương lẫn nhau, tính của âm vốn là hàn sợ dĩ bị lấn đi mới thành ra nhiệt, tính của dương vốn là thăng, vì âm lấn đi mà phải hãm trở xuống, nghĩa là âm muốn đem dương để cùng trở xuống cả. Nội Kinh có nói: «trọc khí trở lên thời thành chứng đầy chướng, dương khí hãm trở xuống, thời đi đại tiện ra cả cơm », là vì trọc âm bị dương lấn đi, dương là nhiệt là hỏa, nhiệt thời khí uất mà sinh ra đầy chướng, âm là hàn là thủy, hàn thời không có hỏa mà đại tiện ra cả cơm.



Ông Đan-Khê chữa chứng âm hư nội nhiệt, hoặc sinh ra đầy chướng, thời dùng bài Tứ-Vật để giúp chân âm dưỡng chân huyết, lại sợ nóng lâu hại chân âm, thời thêm vị Hoàng Bá để giáng hỏa, vị Huyền-Sâm để phát hỏa, khiến cho nhiệt lui thời âm mạnh và đầy chướng tự tiêu. Ông Đông-Viên chữa chứng khí hư hãm trở xuống thời dùng Sâm, Truật, để bổ cho trung-shân, sợ dương khí hãm quá mà sinh ra tiết tả, thời dùng Thăng-ma, Sài-hồ để phát dương trở lên, khiến cho tạng tỷ được vận hành, khí của tạng phế có tiết độ, thời tiết tả tự ngừng lại.

Người không biết lẽ ấy, hễ thấy âm hư phát sốt mà đầy chướng, là dùng ngay thuốc tiêu đạo để hành khí, mà không biết những thuốc làm ráo chân huyết, chân âm càng hại mà đầy chướng càng nhiều, cho nên phép đem huyết được để chữa chứng đầy chướng, ở đời ít người biết đến, lại chứng âm hư nội-nhiệt mà uống lầm thuốc hạ thời vong âm mà chóng chết. Những người không biết hễ thấy dương hư, đại tiện ra cả cơm, thời dùng nhiều thuốc thấm thấp để lợi tiểu tiện, mà không biết thủy không có khí không hành được, càng thấm thấp để lợi tiểu tiện, thời càng khô ráo mà đường thủy càng bế, vậy phải để khí của đất thăng trở lên, khí của trời giáng trở xuống, thế là không chữa bệnh mà hoá ra chữa bệnh. Còn chứng dương hư ghê rét mà uống lầm thuốc phát tán, thời dương càng hư thêm, rồi đến âm dương cùng tuyệt; về diện lý âm và dương lẫn nhau như trên, thực là chí lý.

•••



5.— BÀN VỀ CHỨNG ĐỜI HẠ, VỀ GỐC BỆNH, CHỨNG BỆNH, VÀ PHÉP CHỮA

Tôi xét một môn « đời-hạ », cổ-thư có gọi là xích-đời và bạch-đời, lại gọi là xích-trọc, bạch-trọc, và bạch-dâm, mọi chứng đều thuộc về môn đời-hạ, như vậy thời thiếu phân biệt, để người học man mác, đem phương thuốc bạch-đời để chữa chứng bạch-trọc, lại chỗ bệnh Di-tình cũng thuộc về đời-hạ. Nay xem Nội-Kinh có nói : « Mạch « đời » là một mạch ở trong 8 mạch về « kỳ-kinh », mạch ấy đi vòng thân người như là thắt đai, lại tóm cả các mạch mà không thể đi rộng, gồm tóm cả chân thủy vô hình ở thân người, nếu tính khí của tạng thận hư lỏng, thời mạch đời rỉ ra, cho nên gọi là chứng đời-hạ, người không biết bảo rằng chứng ấy rỉ ra ở dưới tiện tiện, mới gọi đời hạ là lần.

Nhưng gốc của bệnh ấy, không bởi ở mạch « đời », mà là bệnh ở mạch « Nhâm », Nội-Kinh có nói : « mạch « Nhâm » khởi từ dưới trung-cực trở lên, theo Thục-thủy-Khai-nguyên ở trong bụng, đến chỗ huyệt trên cằm mà đến mắt, mạch « Nhâm » từ trên « bèo » qua mạch đời suốt trên rốn. Bệnh ấy mới khởi ra làm lịch mà rỉ xuống cho nên gọi là đời, bạch trọc mà đặc dính, thì gọi là đời-hạ, thuộc về kinh thủ-quyết-lâm, thủ-thiếu-dương ở tâm bèo-lạc, ra ở bèo cũng là tình thừa ra, cho nên rỉ xuống đặc, chứng ấy phần nhiều vì tạng tỷ, tạng thận hư yếu mà hoạt.

Tôi xem các sách, Ông Lưu-Hà-Gian nói : « Trung-tiên bị thấp nhiệt, khí không được thanh thời là bạch-đời »



Ông Đan-Khê nói : « Đỏ thuộc về huyết, trắng thuộc về khí », Ông Trọng-Cảnh nói : « Trắng là khí hư, đỏ là có hỏa, nhưng trắng nhiều mà đỏ ít ». Ông Đan-Khê nói : Huyết bằng đã lâu thời vong dương, cho nên chảy ra thứ nước trắng mà hoạt, mà không nên câu bộ ở cả mạch « đới ». Sách Cầm-Nang nói : « Đan bà thấy đỏ hay trắng mà đặt-dinh là « bạch-dâm », cùng với chứng « bạch-trọc » của đan ông, đều bởi tương hoá, bệnh lý thuộc về Kinh túc-thái-âm, và Kinh túc-thái-dương, phép chữa nên thăng và bổ. » Lại nói : « Nghĩ ngợi vô cùng, sở nguyện không được thoả, hay là phòng lao quá độ, thời thành chứng bạch-dâm, mà rõ nước trắng như thể tinh khí, con trai nhân tiền-tiền mà đi ra, con gái thời trong âm-hộ liên miên rỉ ra »

Sách Cảnh-Nhạc nói : « Dâm mà trọc ra bởi bàng-quang vậy bởi thấp nhiệt về phần nhiều ». Sách Y-Học chính-truyền nói : « Bệnh thấy nước trắng rỉ ra như tinh khí, không nên nhận lầm là chứng bạch-đới ». Sách Bảo-Nguyên nói : « Đan bà rỉ ra mà không dính đặc lắm gọi là chứng bạch dâm,, giống với chứng bạch-trọc của đan ông ». Sách Y-Yếu nói : « Chứng dâm và trọc khác với chứng đới hạ, đới thuộc về loại tinh khí, mà dâm trọc thuộc về loại thủy. »

Sách Giản-Dị nói : « Bệnh trọc thời trong ngọ hành đau như dao cắt mà nóng như lửa đốt, mà tiền tiện vẫn trong, vì lỗ hồng lý có vật bần rỉ ra không ngừng, nhưng phần nhiều bởi tinh bại, mà bởi thấp nhiệt thời ít ». Sách Sĩ-Lâm Tâm-thư nói : « Chứng trọc sao lại chia ra xích bạch, vì tinh là huyết hoá ra, trọc ra quá nhiều mà tinh hóa ra không kịp, đỏ chưa kịp biến ra trắng, nên thành ra xích-trọc, là hư yếu quá, tằm



lại, tạng tâm, tạng thận cũng hại về sắc dục». Sách Y-Tổng Thuyết-Uớc cũng nói: «Tiền-tiền dục như nước gạo là chứng về tam-tiền, nếu nước đục mà tanh hơi nhiều là thấp nhiệt».

Tóm lại các bậc tiên hiền, mỗi vị nói một khác, nhưng tóm lại bệnh của đàn bà là chứng đới-hạ, là chứng bạch-đám, hay là xích-đới hoặc bạch-đới, chỉ là một chứng mà rĩ ra đặc mà dính, bệnh của con trai thời là di-tính là bạch-trọc hay xích-trọc, mà đi ra không đặc cho lắm.

Còn về phép chữa thời bệnh ấy bởi tư lự nhiều hay phần nất lắm, hoặc bởi phòng lao quá độ.

Tóm lại, bởi Mệnh-môn không được vững, là vì tạng thận là cửa ngõ cho tý-vị, là nơi chứa của tinh-huyết, là nhà ở của Âm-dương, những bệnh kể trên là tinh khô huyết ít, Âm ráo dương tiêu, về gốc bệnh rất nặng. Vì thế, chứng đới trọc không dễ chữa được, hơn nữa, tinh đàn bà hay thiên hay lo nghĩ nất giầu, tổn thương đến tâm tý, hỏa của tạng can thường phát ra mà huyết không về kinh-lạc, mới có chứng xích bạch đới.

Phép chữa nên thanh ở thượng-tiền, mà đẩy đả cho hạ-tiền, thời thanh trọc phân biệt, mạnh cho tạng tý, bỏ cho chân huyết thời thấp nhiệt tự giải, lại ôn bổ hạ-tiền để thủy thăng hỏa giáng thời chứng đới tự khỏi. Người không biết chấp nộ về nếp chữa cũ, đem những vị Mẫu-lệ, Long-cốt, Địa-du, A-dao, Ngải-diệp... để vít lại, lại dùng bài Tứ-Vật, thêm những vị để đem lên, nhưng biết đâu xâm bản đã hại, nếu chỉ vít lại thời càng trở thêm, đem trở lên thời càng nất thêm, vậy chỉ nên dùng thuốc bổ thủy hoả, nếu mạnh «xích» bên trái yếu, thời nên dùng



bài Lạc-Vị-Hoán, thêm những vị bỏ để vớt lại, để bổ tình huyết về Tiên-thiên, lại uống xen với bài Quy-Tỷ, để bổ tâm can về Hậu-thiên. Nếu mạch « xích » bên phải yếu, thời nên dùng bài Bát-Vị-Hoán, thêm những vị bỏ mà vớt lại, để cứu lấy Âm dương về Tiên-thiên, và uống xen với bài Bồ-Trung, để giúp tỷ phế về Hậu-thiên, nhưng phải kiên tâm điều trị, mà không thể thu công được nhanh chóng, đó là tôi đã kinh nghiệm.

•••

6.— BÀN VỀ BỒ CHO TINH THẦN

Kinh của Đạo-sĩ nói : « Giáp, Mậu và Canh là 3 sao kỳ ở trên trời, Tinh, Khí, Thần là 3 của báu trong thân người, tức đối với huyết thời tinh là Dương mà huyết là Âm lại thần và khí đối với nhan, thời bên nào khinh bên nào trọng, thần giữ về biến hoá, khí chỉ việc thở ra hít vào, không biến hoá thời thở ra hít vào phải ngừng. Nội-kinh có nói : « Tinh-thần mà không giữ được thời người không được thọ » như vậy thời thần trọng hơn khí.

Nói về hóa (nguồn sinh hóa), thời huyết sinh ra tinh, tinh sinh ra khí, khí sinh ra thần, vậy tinh là do Âm huyết hoá sinh, mà thần là nguyên-dương ngưng tụ. Nhưng huyết không có tinh, thời không hoá ra được, tinh không có khí thời không hành đi được, khí không có thần thời không dùng được, vậy thần là chủ tử cho thân người. Nội-kinh nói : « Chủ không sáng của thời mười hai quan chước đều ngưng » cũng là lẽ ấy.

Ta hãy xem người bị bạo bệnh chết ngay, dù ăn



tướng như thường, hình dáng mạnh mẽ, mà tình và chí lại mơ hồ, thế là thần đã ly tán, mà âm tính đã kiệt, thời tinh mệnh chỉ như cái giấy sắp đứt. Những chứng bệnh thấy phiền táo là tinh thần hao kiệt, rồi đến chân tay không cử động được. Sách Phong Giám có nói : « Con người lơ đãng như mất cá là thời kỳ sắp chết ». Lại nói : « Sắp bước mà dẫn nhào đi trước mà đi thời bước dài bước ngắn, là thần không phu vào cơ thể, mà ngày chết đến nơi ». Thế mới biết người ta thọ hay yếu trước hết ở tinh thần, nhà làm thuốc có thể bổ ngoài tinh-thần, mà cứu vãn cho bệnh nhân được không ?

Tôi xét người đời xưa lập phương thuốc, chỉ bổ tạng tâm, an tạng thận, hay trấn tạng tâm, tạng thận, hoặc dưỡng tâm an thần, là lấy cơ tạng tâm chứa tinh-thần, bởi cho tạng tâm tức là bổ cho tinh thần vậy. Hơn nữa tạng tâm để chứa chân huyết, bổ tạng tâm thời huyết vượng mà sinh tinh, sinh khí, sinh thần, những vị thuốc dùng đến, không khỏi những vị Phục-thần, Viễn-chí, Tảo-nhân, Bạch-tử, Liên-nhục, Thần-sa, Châu-sa mà thôi, đến bệnh còn nặng nữa, thời những phương thuốc ấy, có thể an thần, tàng thần được, còn như bệnh đã đến lúc âm vong dương thoát, thần mất hồn lìa, thời những vị thuốc tâm thường ấy không thể thành công được.

Cổ-Thư có nói : « Mắt là nơi chứa của tinh-thần », vậy ngoài coi mắt ra thời không thể trở thần ở đâu được, nếu không thể thời thần người không chỗ nào là không có thần, lông tóc không có thần thời khô se hay đổ lại, bì phu không có thần thời xin ráp mà gãy văng, răng không có thần thời không thể sáng bóng được, tiếng nói không có thần thời không thể du dương được, móng tay chân có



thần thời mới được sáng sủa. Sách Mạch-Phả có nói : « Bệnh tuy ngặt mà mạch có thần là chữa được », thế là người ta từ hình hải đến kinh lạc, không chỗ nào không nhớ đến tinh thần, theo khóa của nhà làm thuốc, có đâu chỉ để ý đến khí huyết mà tinh-thần bỏ qua được.

Nhưng tôi xem muốn bỏ cho tinh thần thực không có thuốc gì, mà Cồ-Thư có nói : « Thủy hỏa là gốc cho thân người, là tác dụng của thần-minh », chợt khi tôi xem lời bàn về chứng lao của bộ sách Các-Nhạc có nói : « Thủy hỏa không tương giao với nhau thời thần sắc bại ». Tôi mới tỉnh ngộ rằng tạng tâm tuy chứa tinh thần, nhưng không có âm tinh để phụng dưỡng trở lên, thời là quả « Hỏa-Thủy vị-tế » trong kinh dịch (lửa ở trên nước ở dưới là việc không xong), như thế thời thần minh hỗn loạn mà những vị thuốc để trấn tạng tâm, dưỡng tạng tâm, bổ tạng tâm, chỉ là tạm thời giúp đỡ thiên lệch mà thôi, còn như tinh-thần suy kém, trông thủy không bổ cho hỏa, trong hỏa không bổ cho thủy, thời lấy gì để tinh thần đầy đủ, mà chữa lại ở tạng thận để làm gốc lập mệnh.

Tôi mong ai có chí học về tính mạng (làm thuốc), phát tìm đến nguyên gốc, mà bảo dưỡng lấy chân-thần cho bệnh nhân, nếu sự thời bỏ, nếu thoát thời giữ lại.

•••

7.— BÀN VỀ LONG HỎA LÀ DƯƠNG VỐN SỢ LẠNH MÀ BỐC LÊN, SAO LẠI GHÉT NÓNG MÀ CHẠY MẠNH

Cồ thư có nói : « Long là hỏa, tính của hỏa nóng, tiết



hạ chí khí âm mới sinh, dưới nước lạnh mà trên thời nóng, long là loại dương cho nên theo dương mà bốc lên ; mùa đông-chí khí dương mới sinh, nước sôi, giống âm mà ở trên thời lạnh, thì long cũng theo dương mà trở xuống, sấm sét mới thụ thành.

Tương hỏa trong tạng thận, cũng như long là rồng mới gọi là long-hỏa. Người ta ngày thường không biết độ về tình dục, để mệnh-môn-hỏa suy, âm trong tạng thận thịnh hơn, thời long-hỏa không có nơi để tàng thân, mới bốc lên mà không về chỗ, hiện ra những chứng thượng-tiêu phiền nhiệt, người khéo chữa bệnh phải đem bài Bát-Vị làm thuốc ôn bổ cho tạng thận, theo tình của long-hỏa mà đem về chỗ, giống như thời tiết mùa thu, mùa đông dương còn phục ở dưới, như vậy là chí lý

Lại xem Cồ-thư có nói : « Những chứng âm hư hỏa vượng là trong tạng thận chân âm suy tồn, chân thủy khô ráo, hỏa không có thủy để chế đi, tương-hỏa bốc trở lên, người khéo chữa bệnh phải bổ thủy cho cân với hỏa, dùng bài Lục-Vị để mạnh cho chân thủy thời hỏa tự dẹp đi ».

Tôi đem so sánh, thời rất lấy làm ngờ, đã gọi là âm hư hỏa vượng tức là không có thủy, thời bấy giờ trong tạng thận toàn nóng, mà câu nói cho tương hỏa là long-hỏa, long được nóng thời đồng loại mà theo nhau, rồi ở yên một nơi, sao lại ghét nóng mà bốc lên, như thế là có một long-hỏa, sao có lúc ghét nóng mà bốc lên, lại có lúc ghét lạnh mà tản đi, làm mê-hoặc cho người làm thuốc, ở câu tương-hỏa trong tạng thận cũng như thế vậy. Một câu nói âm hư hỏa vượng, khiến người



ta làm cho tương-hỏa là long. Tôi lúc trước bàn luận về thủy hỏa, vẫn nghĩ ngợi về chỗ ấy, kịp khi xem lời nói về đồ « Nội-Cảnh » thấy một điểm Thái-Cực là mệnh-môn ở giữa, bên trái có một điểm đen nhỏ là huyết của chân thủy, bên phải có một điểm trắng nhỏ là huyết của tương hỏa, tôi mới rõ được ý nghĩa.

Đồ « Nội-Cảnh » còn nói : « Mệnh-môn là quán-chủ là Thái-cực cho thân người mà ở giữa hai tạng thận, như vị Thiên-quân không phải làm mà cai trị hết thấy, tương hỏa ở bên phải là tổng là hỏa vô hình, là thiếu-hỏa (hỏa vừa phải) ứng như vị Đế-vương thay Trời làm việc, mà Tam-nếu là các ông tôi để bàn mệnh, lỗ tổng bên trái là chủ tâm thần hỷ là thủy vô hình, đi lên trên giáp xương sống đến trong lý, rồi tiết ra tân-dịch, chạy ra mạch để nuôi ở 4 chân tay. ở trong thời đi đến ngũ-tạng lục-phô, dùng thời khác theo tương-tỏa đi gần khắp thân thể mà không ngừng.

Tôi mới biết tương-hỏa trong thân người, cũng như chân thủy đi là cân bằng cho nhau, mà không là nhau được. Vì lý quán bạch mà không biết nên được hơn lâu, vì bản họ học thời bên kia kém, cần cầu tủy thiếu là vì đi ra đi ra từ thủy không đủ sách làm tương-hỏa là cả dương là nguyên-dương đều là tên riêng của tương-hỏa, cũng hỏa sơ hàn mà bốc lên, là chỉ vào mệnh-hỏa chứ không phải là tương-tỏa ở ở bên phải.

Nếu không phải mệnh-hỏa là long, thời sao sách thuốc lại nói, bổ mệnh hỏa là Nhục-quế, mà không phải Hoàng kỳ, Bạch-truật. Những câu nói thủy thủy hỏa bốc lên, lại trở về chân-thủy và tương-hỏa, chứ không phải mệnh-hỏa,



đầu có một thứ hỏa đem bài Bát-Vị để giúp tạng thận mà hỏa về chỗ, đem bài Lục-Vị mát cho chân thận mà hỏa cũng về chỗ, chỉ vì lẽ ấy huyền vi khó hiểu, để người học thấy mau mắn mà chỗ con hươu là con ngựa, thực là người đọc sách biết nghĩa không khó, mà hiểu lẽ mới là khó, rồi đến hiểu lẽ cũng không khó, mà có ý kiến ở bên ngoài mới thực là khó

8 - BÀN VỀ PHƯƠNG PHÁP UỐNG THUỐC

Về phép uống thuốc cổ-nhân có nói : Chữa bệnh ở tâm và phế phát sức đặc, mà uống từ từ sau lúc ăn cơm, vì hai tạng ấy ở thượng-tiên, chữa bệnh ở tạng thận, thời nên làm thuốc hoàn, để khi đến hạ-tiên thời thuốc mới ngấm ra, còn những chứng nguy cấp thời nên uống thuốc chén, mà uống nhiều trước bữa ăn. Nhưng tôi cho phép ấy là đáng ngờ. Nội-Kinh có nói : « Ăn uống vào dạ-dầy, rồi tỳ (lá lách) tan tinh hoa lên tạng phế, trăm mạch đều hội ở tạng phế, để phân phát ra ngũ-tạng lục-phủ tạng phế ví như cái chợ trong thân người, cho nên tự dạng chữ Phế, một bên chữ Ngu (thị) và một bên chữ Tỳ (chợ) ». Nội-Kinh có nói : « Ở thức ăn vào dạ dày, rồi về chỗ cần dùng đến thức ăn ấy », nếu như cổ nhân đã nói « Chữa bệnh ở trên thời uống ít vào sau lúc ăn để không đi đến thượng-tiên ; chữa bệnh ở dưới thời uống nhiều vào trước bữa ăn . » Hơn nữa thuốc hoàn mới đi đến hạ-tiên, như thế thời thuốc ở thượng-tiên không đi đến dạ-dầy, mà thuốc hạ-tiên không đến tạng tỳ, chỉ qua chỗ thụ bệnh là tản đi ngay. Cổ-Thư có nói : « Dạ-dầy là cái lò để đúc loại kim » là câu nói bảo hay sao ?



Nếu như cồ-nhân nói, thời chữa bệnh ở trên đầu phải đổ thuốc ngược lên, chữa bệnh ở dưới chân nống rồi phải đứng lâu, chữa bệnh ở tay phải nằm nghiêng hay sao ? Trước tôi cũng theo phép của tiên-nhân, mà không dám hé-ràng, kíp đến khi thấy ông Hối-Am khác nào được xem chữ hỏa ở trong bàn tay, tôi mới hiểu mà cho rằng, chỉ nống thuốc vào lúc nửa no nửa đói là hơn, vì sức của thuốc phải nhờ khí ở trung-chân để vận hành, nếu nống vào lúc đói quá, thời vị khí yếu không đem đi được, mà nống vào lúc no quá thời còn vướng thức ăn, đâu kíp tiêu hoá đến thuốc.

Ta hãy xem người đến khi khi tuyệt, thời nống bao-nhiêu vị Ba-dận hay Đại-hoàng, cũng như nước đổ trong ống gỗ, mà không ăn thua gì, là vì các vị thuốc bằng vỏ cây phải nhờ đến khí của dạ-dày ăn nống để đem đi mới được.

* * *

9.— BÀN VỀ CHỨNG « OAN-NHIỆT » CHỨNG NUỐT NƯỚC CHUA, CHỨNG ĐAU NGĂN NGẮT ĐỀU CÓ Ý NGHĨA SÂU XA

Cồ thư nói : Oan-nhiệt là phiền nhiệt mà còn tệ hơn vì trong lúc sốt, tiền tuy hết hết không được thư thái như kẻ mắc oan, bài phú thương hàn ở bộ Y học có câu : « chứng nóng truyền vào thê kinh, như oan gia cùng soi bãi nhau ra », là lời nói không căn cứ.

Cồ thư nói Bệnh chứng về bệnh trạng về chứng nuốt nước chua rất tỷ. Duy sách Cảnh-Nhạc có nói : « Thở nước-



chua là ở trong thấp khi sinh ra nóng, nuốt nước chua là hư hỏa nất ở trong », tôi đọc câu ấy mới biết được bệnh tình hai chữ thôn-toan (nuốt nước chua).

Vì nuốt nước chua bởi hư hỏa ngược lên, khi theo hỏa mà ợ, nước ở trong dạ-dày theo khí trở lên mà ràn rụa ở trong cổ họng. nhờ ra không được, bất đắc dĩ phải nuốt vào mà thấy vị chua. Người không biết cho là bệnh nhân ăn vật gì cũng chua là chứng thôn-toan, (thế là không biết Nội kinh đã bảo : Tạng tâm nóng thời miệng đắng, tạng can nóng thời miệng chua, tạng tì nóng thời miệng ngọt, tạng phế nóng thời miệng cay, tạng thận nóng thời miệng mặn, nếu cho ăn thức gì cũng chua là thôn toan, thời sao không nuốt thấy cả đắng, mặn, cay, ngọt mà chỉ nuốt có vị chua.

Như vậy chứng nuốt nước chua là hư hỏa bốc ở trong mà tạng can nóng.

Chứng đau ngấn ngắt (toan-thống) tôi lúc trước cũng không hiểu nghĩa, chợt đi nhanh ống chân vấp phải miếng gỗ để ngang, rồi té ngã lăn ra đau đến xương tủy, mà trong lúc khò lại có lúc như muốn cười, trong lúc cười lại muốn ra nước mắt, không thể chịu được, thời cũng như người ăn thức chua, dù có khoái lại kinh sợ sồn gai ốc lên. Tôi mới nghĩ ra 2 chữ « toan thống » là đau ngấn ngắt.

Có kẻ nói chữ « toan » không quan hệ cho lắm hà tất phải tìm tôi, tôi xin trả lời như thế không phải người đọc sách, ta phải để tâm giảng sớ để gặp việc quán thông, một suy ra mười, nếu chỉ phảng phất mà biết sơ qua, thời chứng nóng tận xương (cốt chứng) với chứng.



ngoài nóng mà trong chỉ hâm hấp, chứng âm hư chợt lạnh chợt nóng, chứng bực dương lên mà trên nóng dưới lạnh, có thể cùng gọi là nất hỏa về chứng oan-nhiệt được không ?

Chứng « toan-thống » là bệnh ở tình tử, không giống như chứng thương-phong mà hại đến gân. Chứng thương-bàn hại đến huyết, chứng thương thấp hại đến thịt. Nếu ta không biết bệnh tình, thời điều trị sao được, khác nào biết bệnh chứng mà không biết được tình, thời không thể biến thông được. Vậy ai cho là phảng phất cũng được là lắm.

..

10. — BÀN VỀ BÀI BỒ-TRUNG DÙNG VỊ ĐƯƠNG-QUY

Bài *Bồ-Trung* toàn là khí được, mà trong đó xen vào một vị *Đương-quy* là huyết được, bộ « Di-Sinh » có câu « Hết thấy bài thuốc khí được, cũng không thể thiếu được huyết được », câu đó lẽ lẽ trông thấy cung-tướng, nhưng chưa rêu lên thêm đề bước vào nhà trong.

Ông Đông-Viên đặt ra bài *Bồ-Trung*, là để tình cho tạng y mà tăng trở lên, nhưng sự dương của dạ-dầy mạnh quá trở thành khô ráo, cho nên xen vào một vị *Đương-quy*, để bổ âm huyết cho tạng y, thế là dùng để tăng lên, nhưng dương có âm mà không tản đi được, dùng để trục tả khí mà không hại đến vình huyết. Bậc tiền hiền lập ra phương thuốc dùng cả âm cả dương, đại khái là như vậy.

..



11.— BÀN VỀ BỒ HOẢ PHẢI TRỌNG VỊ THỰC-ĐỊA

Về chứng âm hư hỏa vượng, dùng bài Lục-Vị bồ thủy để chế hỏa là rất đúng, sao chứng hỏa hư mà đi rông, bởi ở Mệnh-môn-hỏa suy mà trong tạng thận âm hàn, long-hoả không có chỗ tàng thân, sợ lạnh mà bốc lên, phải dùng bài Bát-Vị bồ hỏa mà dẫn hỏa quy nguyên, như thế, thời chỉ cần vị Nhục-quế và Phụ-tử để ôn nhuận là đủ, thế mà lại cho vị Thục-địa nhiều hơn, vị Sơn-thù, vị Sơn-dược ít hơn, còn Quế và Phụ chỉ vị sử là ít hơn nữa. Xét những vị ấy là âm dược có ích gì cho hỏa.

Nhưng ta nên biết về lý âm dương, thời dương gốc ở âm mà âm gốc ở dương, về thủy hỏa thời thủy là nguồn cho hỏa mà hỏa là chủ cho thủy, cho nên chứng âm hư, thời trong hỏa mà bồi cho thủy. Chứng mệnh-hỏa suy thời trong thủy mà bổ hỏa. Cồ-Thư có nói : « Trong hỏa mà bổ thủy thời nước nguồn không kiệt, trong thủy mà bổ hỏa thời sông tổ không ngừng ». Hơn nữa, tính của vị Nhục-quế là thơm mà chạy đi, tính của vị Phụ-tử là thông đạt kinh lạc, nên không có vị Thục-địa để giữ ngự, vị Sơn-thù, Hoài-sơn để chế đi, thời sao chịu về với tạng thận, để ôn cho nơi của long hỏa.

..

12.— BÀN VỀ BÁCH BỆNH TỒN THƯƠNG ĐỀU GỐC Ở TẠNG THẬN

Nội-Kinh nói : « Biết được yếu lĩnh, thời một câu là xong », lại nói : « Bệnh nhẹ là bởi khí huyết có thiên, bệnh nặng là bởi thủy hỏa », cho nên chữa trăm bệnh lấy thủy



hỏa làm gốc mà khí huyết làm sử dụng, người ta nên biết gốc của khí huyết là gì? Nguồn của thủy hỏa là gì? Cồ-Thư còn nói: « Chính lệnh trong thân người đều ở Mệnh môn. Mệnh-môn là then chốt cho ngôi sao Bắc-Đẩu, là chuỗi sán cho khí âm-dương.

Như thế, mới biết trăm bệnh dù là ngoại-cảm, dù là nội-thương, nhưng chỉ là đầu mối để phát bệnh, đến khi lờn thương thời đều về tạng thận. Cồ-Thư nói: « Trăm bệnh đều gốc ở tạng thận ». Ông Cảnh-Nhạc nói: « Dương tả mạnh quá phải hại đến chân âm, ngũ tạng thụ thương rồi sau phải đến tạng thận », thực là không sai.

Lại một vòng Thái-Cực trong thân người, tức là Mệnh-môn trong tạng thận, vì là cửa ngõ để lập mệnh, nên mới gọi là Mệnh-môn, nếu người ta không có một điểm hỏa khí tiên-thiên tức là hỏa ở Mệnh-môn ấy, thời hóa ra tro nguội. Sách Y Quán có nói: « Hỏa ở Mệnh-môn là chủ cho 12 kinh lạc, tạng thận nhờ đó mà được mệnh (táo cường), khí ở tam-tiên nhờ đó mà vận hành, tỷ vị nhờ đó mà rầu chín thức ăn, Đại-liên-tràng nhờ đó để phân biệt nhị tiện, gan mật nhờ đó để quyết đoán, tạng tâm nhờ đó mà sáng suốt, tạng phổi nhờ đó mà có tiết độ, cho nên chữa đại bệnh mà bỏ thấy hỏa, vì như người trèo cây để bắt cá.

Ta hãy xem trăm bệnh rất nặng, không gì bằng chứng phong, lao, cò, sách, nếu chân hỏa vững, thời phong tả sao lửa được, mệnh-môn hỏa vững thời nguyên khí kiện vận sao thành được chứng cò chương, mệnh-hỏa vững thời âm tinh đầy-đủ, sao còn khô ráo mà thành ra chứng quan sách.



Chỉ có mệnh hỏa được vượng thời hoạt động, kém đi thời ngưng trệ, mà tất cả thời thành ra tịch diệt. Tôi từ khi biết được lẽ Thái-Cực của Tiên-Thiên, biết được diện dụng của thủy hỏa vô hình, thời trọng dụng đến bài Lục-Vị, bài Bát-Vị, dù chữa bệnh nặng đến đâu cũng dễ như trở bàn tay, cả đến những bệnh lạ vô hình, những giả chứng khó nói, chỉ đem thuốc bổ thủy hỏa để chữa nguồn gốc, thời không chứng gì là không khỏi, mới biết trăm bệnh đều hại, không gì bằng bổ tạng thận là rất đúng. Tiên-sư họ Phùng có nói : « Đem phép chữa một chứng bệnh, suy ra cả trăm chứng bệnh, phép chữa trăm chứng bệnh rút lại cũng như một bệnh », nhà lâm thuốc biết theo như vậy, thời phương pháp để cứu người không còn gì là hơn.

..

13.— BÀN VỀ CHỨNG ĐỜM KHÔNG CÓ PHÉP BỔ MÀ CŨNG KHÔNG CÓ PHÉP CÔNG

Cổ-Thư nói : « Chữa chứng đờm không có phép bổ », không biết câu ấy do ai nói ra, sao không xem 3372 vị thuốc do Đứơc Thần-Nông nghiên cứu ra, không có một vị nào để trị cho đờm, huống chi là bổ. Lại có người nói chữa chứng đờm nên công hay trục, nhưng sợ theo phương pháp ấy thời đờm chưa chắc hết, mà những vị thuốc công trục đó, vì cay thơm tán mất khí, vì khô ráo hao mất huyết, khí huyết để hư tổn thời đờm lại thêm lên, ta nên rõ đờm hoá đi được bởi ở tạng tỳ, mà gốc của đờm ở tạng thận, đã là chứng đờm thời chẳng ở tạng tỳ phải ở tạng thận, một khi tạng tỳ không vận hóa được, thời



tân dịch ở ngũ tạng ngưng kết mà thành đờm, phép chữa nên ôn bổ cho trung-khí, để tạng tỷ kiện vận thời chứng đờm tự nhiên trừ được.

Còn người thận hư, thời thủy không sinh ra huyết mà dần dần lên hỏa ra đờm, phép chữa nên bổ hỏa ở trong thủy, cần thủy ở trong hỏa, thế là dùng bổ để trừ đi, thời đờm hóa đi được. Có người hỏi như vậy thời chữa đờm chỉ bổ là xong, còn việc gì phải bàn luận ? Tôi trả lời rằng : Đó là chỉ lý lấy bổ làm tiên, tôi nói ra đây là chỉ biện bạch lẽ trong sách. Cồ nhân nói : « Chữa đờm không có phép bổ », là không có thứ thuốc riêng, mà tôi nói chữa đờm không có phép công là muốn lựa khéo để hóa đờm.

Vì đờm là tân dịch của người hóa ra, cồ-thư còn nói : « Chữa cho người già không nên giáng mạnh cho hết đờm, chữa cho người yếu không nên tiêu mạnh cho hết đờm », chính là lẽ ấy, tôi xin ví đờm như người dân trong nước, nếu khéo cai trị thời là dân lương thiện, trái lại không khéo cai trị thời dân hóa ra trộm cướp, nếu ghét trộm cướp mà giết cả đi, thời trong một nước có thể không dân chúng được không ? Cồ-Thư nói : « Đờm không sinh được bệnh, mà nhân bệnh sinh ra đờm ». Lại nói : « đờm là tân dịch của người, theo tà khí mà thành ra bệnh », vậy lời bàn của tôi là có căn cứ.

Chỉ có trúng phong chợt té ngã ra mà đờm rãi ừng tãi, thời nên tạm dùng thuốc cho thổ ra để thông các khiếu. Hơn nữa, chứng khí huyết mạnh, hỏa mạnh mà đờm nhiều, cũng chỉ nên giáng hỏa, nên khi đi để tiêu đờm, mà không nên cho làm một bệnh riêng, để dùng thuốc thổ đờm, trực



đem cho sạch đi. Tôi mong người học làm thuốc phải quán thông lý sách, mà nhận rằng chửa đờm không có thuốc bổ riêng, chứ không phải là không có phép đề bổ.

..

14.—BÀN VỀ TẠNG TÂM LÀ QUÂN-CHỦ

Tôi xét sách « Y-Quán » của họ Triệu có nói : « Trong thân người có chủ tử riêng mà không phải là tạng Tâm », ông dẫn chứng Nội-kinh có câu : « Quân chủ không được sáng tỏ, thời 12 quan chức đều nguy ». Thế là tạng Tâm cũng ở trong 12 quan chức, nếu cho tạng Tâm là quân chủ, thời Nội kinh sao không nói 11 quan chức đều nguy, ví như triều đình, điện Hoàng-Cực là chỗ vua thi hành chính trị, mà cung Kiền-Thanh là nơi để nghỉ ngơi, nay chỉ điện Hoàng-Cực là quân chủ có được không ? Tạng Tâm chỉ để kinh luân mọi việc, còn về gốc sinh hoá thời ở giữa hai tạng Thận, họ Triệu lập luận như trên là say tôn Mệnh-môn làm quân chủ, là gốc để sinh ra người, lời bàn kỹ thực là có công cho nhà học thuốc.

Tiên-sư họ Phùng gạt lời của họ Triệu đi mà rằng : « Từ xưa đều gọi tạng Tâm là quân chủ, tạng Thận chủ về trí khôn, tạng Tâm chủ về suy nghĩ, khi ở tạng Tâm lại gốc ở tạng Thận, cũng như bậc thánh-nhân ở trên, phải cho dân làm gốc của quốc gia, thời Tạng Tâm và Mệnh-môn, rõ 1 bên tôn và 1 bên ty.

Theo ý tôi thời Tiên-Sư nói như vậy là quá về chấp trung, mà lời nói của họ Triệu cũng không nên nệ, vì



rằng Chữ Quan không chỉ rõ những tạng gì, gọi Tâm là quan về Quân-chủ, thế là quan chức của tạng Tâm giữ việc quân chủ, cũng như quan chức của Tý Vị thời giữ việc kho lương, Đại, Tiểu-tràng, Bàng-quang, Tam-tiên, đều giữ chức vụ riêng. Vậy thời chữ Quan là chức vụ sao đã là Quân mà không gọi là Quan được? Tiên-Triết có nói như thế, cũng như đồ Thái-cực về Tiên-thiên ở trong thiên Hồng-Phạm kinh Thư, nói lúc Trời chưa sinh thời đều vô hình, sau vạch một nét ngang mà hóa ra hữu hình. Kinh dạy về phép tu tiên cũng nói « thế nào là Huyền-Tâm? Trẻ em mới sinh bắt đầu có hai quả thận, cho nên tạng thận là gốc cho tạng phủ, người ta không có tạng thận thời không sinh hoá được ». Lại xem trong thân người và tạng-phủ bên-ý phối-hợp với nhau, thời tạng phế với đại-tràng, tạng tâm với tiểu-tràng, tâm-bào-lạc với tam-tiên, can với đờm, thận với bàng-quang, tý với vị, riêng có Mệnh-môn không có tạng phủ nào phối hợp cả. Như thế Mệnh-môn chẳng phải là tổ để sinh ra người, thời chỉ Mệnh-môn là Quân hay là Quan cũng được.

..

15.— BÀN VỀ ĐIỂM DỪNG LÀM BÀI BỒ-TRUNG

Tôi xét bài « Bồ-Trung Ích-Khi thang » là để chữa cho người hư yếu mà cảm mạo, nghĩa là bổ cho khí ở trung-châu, khí đã vượng thì tà khí phải lui, đó là lẽ dụng bổ để làm công, vả lại người hư yếu thời Nguyên-dương phải hãm trở xuống, dùng bài Ấy thăng dương khí để giải cho ngoài biểu. Hơn nữa, người khó nhọc mà phát sốt, cũng bởi khí ở trong hư yếu, khí của ngũ tạng không



vận hành được, dạ-dầy không lưu thông, mà thành ra nóng ở trong, nay đem bài Bồ-Trung để bỏ khi, là lẽ bỏ tỳ thổ để tăng dương khi lại.

Thế mà người đời nay, không phân âm hư hay dương hư, nội-thương hay ngoại-cảm, không hỏi bệnh-nhân hư hay thực, mà gặp bệnh là dùng bài Bồ-Trung, sao không nghĩ ngoài những bệnh nên dùng bài Bồ-Trung, còn có bao nhiêu bệnh phải kiêng, đáng lấy làm lạ là khi ốm, bản đến thuốc điều bổ và lúc vô bệnh dùng đến thuốc mạnh chóp tỳ vị, cũng cứ dùng bài Bồ-Trung. Họ không biết là càng thảng thời khi càng giáng, càng giáng thời khi càng hư lộn.

Còn đến phép gia giảm của bài Ấy, không biết nhà nào đặt ra, mà có khi bỏ cả Thăng-ma, Sài-hồ, là những vị bài Bồ-Trung cần phải dùng đến. Có người không bỏ đi thời dùng hai vị Ấy tằm một sao, thời tình chất khí bốc thanh của vị Thăng-ma, Sài-hồ lại mất hết cả, tệ nhất là bài thuốc Ấy đem dùng vào những chứng âm hư hỏa vượng, hay là chứng oẹ ngược mà ở trên thực, thời tăng bệnh rất nhiều. Cũng có người sợ vị Thăng-ma bốc lên, mà lại thêm Ngưu-tất để giáng xuống, là cảm cả hai đầu mối vừa thảng vừa giáng, có người thêm vào vị Hoàng-bá để tả âm hỏa, mà không rõ bài Bồ-Trung là bỏ cho dương hư, có việc gì đến âm hỏa, huống chi vị Hoàng-bá tả thận hỏa, tức là tả cả hỏa của tỳ vị, tôi còn thấy người gặp chứng đau lưng thời thêm vị Đỗ-Trọng, gặp chứng âm hư thời thêm vị Thục-địa, gặp chứng chuyển gân, thời thêm vị Mộc-quạ, gặp chứng đau ở gối thời thêm vị Ngưu-tất, đều là ngoài ý-nghĩa của bài Bồ-Trung.



16.— BÀN VỀ ĐIỂM DÙNG LÀM BÀI TỨ-QUÂN, TỨ-VẬT, BÁT-TRÂN

Cổ-Thư có nói : « Dương của Hậu-thiên hư yếu, thời bỏ tý và phế tức là bài Tứ-Quân, Âm của Hậu-Thiên hư yếu thời bỏ tằm và can tức là bài Tứ-Vật », mọi người đều cho những bài ấy đứng đầu hàng để bỏ cho khí huyết, mà dùng vào bệnh gì cũng được. Nhưng không biết ý nghĩa người lập ra bài ấy.

Theo ý tôi thời trong đó có nhiều chứng nên kỵ bài Tứ-Quân, Tứ-Vật, như là hỏa ở dạ-dày mạnh, hay là Âm của tạng lý suy kém, thời sâm, trượt không thể dùng được. Còn người bình thể yếu mà hỏa bốc lên, nóng lắm bại đến khi thời vị sâm cũng phải hoãn lại.

Có người nói bài Tứ-Quân tức là thành được chửa cho trẻ em, thời lại không hiểu trẻ em, thừa dương mà thiếu chân Âm, sao dùng nhiều được bài Tứ-Quân ?

Nói đến bài Tứ-Vật thời người huyết bởi hỏa động lên, mà thổ huyết hay lục-huyết, thời vị Xuyên-khuong không thể vit được, chứng Âm vong dương thoát mà băng huyết hay thoát huyết, chỉ có vị Độc-sâm thang là cứu được lúc thủy nguy mà Thục-địa, Bạch-thược không có khả-năng, vì thế, người nói bỏ huyết tất nhiên dùng bài Tứ-Vật, thời tựa như phải mà thực ra không phải, là vì thuốc bỏ Âm cần phải thuần tĩnh và thấm nhuần, bài Tứ-Vật chỉ là dưỡng được huyết, mà không phải sinh ra huyết.

Còn như bỏ huyết để sinh tĩnh, thời những vị Cao



Ban-long, Tử-hà-sa, và sấm người mới có công hiệu. Đến như người khí huyết đều hư tổn mà dùng bài Bát-Trân cũng không thể được. Xem Nội-Kinh nói : « Không dương thời âm không sinh được, không âm thời dương không hoá ra được, như người khí hư nhiều mà huyết hư ít, thời dùng vị Sâm Truật nhiều hơn vị Quy, Thục, nhưng còn vị Phục-linh để thấm thấp, vị Bạch-thược toan hàn, vị Xuyên-khung tâm táo cũng nên tạm dùng ; Người huyết hư nhiều mà khí hư ít, thời dùng vị Quy và Thục nhiều, mà vị Sâm và Truật kém đi. Nhưng vị Xuyên-khung hao khí, vị Bạch-truật cương táo, vị Bạch-linh thấm lợi cũng không nên tránh mà không dùng.

Hơn nữa, chứng khí huyết đều hư, thời bổ khí là huyết tự nhiên có, vì thuốc bổ khí có thể sinh ra huyết, mà thuốc bổ huyết không thể sinh ra khí, nên tôi mới lập ra bài « Bồi-thể cố-trung » là Thục, Truật, Thán-kương, Trích-thảo, thời rất là ôn đáng, không táo mà không trệ, tôi lại chế ra bài Hậu-Thiên Lục-Vị thang, và bài Hậu-Thiên Bát-Vị thang, thời dùng vào khí phận, mà không lo đến hao tán, dùng vào huyết phận mà không lo đến hàn lương, xin các vị đồng đạo lựa chọn mà dùng.

•••

17.— BÀN VỀ CÓ KHÍ BỔ-TẠNG THẬN KHÔNG BẰNG BỔ TẠNG TỤ ; CÓ KHÍ BỔ TẠNG TỤ KHÔNG BẰNG BỔ TẠNG THẬN

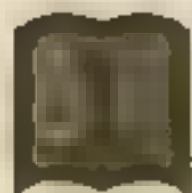
Xét Tiên-hiễn có nói : « Bổ tạng thận không bằng bổ tạng tỳ », là vì tỳ-vị là hoá cơ về Hậu-Thiên, là nơi chứa



của thứ ăn uống, tạng phủ đều nhờ đến tý-vị, nếu tý-vị thụ bệnh; thời 12 kinh-lạc đều có bệnh, cho nên muốn chữa bệnh phải xem đến vị-khí (khí của dạ-dầy) khí của dạ-dầy không tổn hại, thời bách bệnh không đáng lo.

Tiên-triết lại nói : « Bồ tạng tý không bằng bồ tạng thận », vì tạng thận là căn bản về tiên thiên, là gốc sinh ra người, cho nên nói gấp chúng hư yếu, phải giữ phương Bắc là tạng thận để bồi lấy sinh mệnh. Tiên-triết phát minh như thế, để người làm thuốc đừng thiên chấp một bề, người để ý vào tý vị, thời chỉ trọng những vị Sâm, Kỳ, Qay, Traật ; Người để ý vào thủy hỏa, thời chỉ trọng Địa, Thù, Quế, Phụ, theo như tôi thời người chữa bệnh có chứng kỳ mới dùng thuốc kỳ, dù là vị thuốc đại-hàn hay đại-nhiệt cũng là có ích, có lúc ta phải trách cứ vào tý vị, có lúc ta phải lưu tâm vào tạng thận, sao chẳng xem Cồ-thư có nói : « tý-vị mạnh thời tạng thận đầy đủ mà tính khí vượng », thế là phải để tâm vào tý-vị. Cồ-thư lại nói : « Người ta không có một điểm Tiên-nhiên là hỏa khí để vận hành, thời hỏa ra tro nguội », thế là phải để ý vào tạng thận.

Lại xem Cồ-thư còn nói : « Tý-vị đã bại thời trăm thứ thuốc cũng khó lòng », lại như chứng âm hư dương thoát, chỉ nên dùng sâm phụ để cứu vãn lấy vị khí, hư quá thời thêm ngay vị Hạch-traật, mà không thể cho lẫn vào những vị âm dược, dù bài Bát-Vị có quế phụ, cũng chỉ là tả sứ (rất ít) cũng không dùng vào lúc dương tuyệt như thế có phải bồ tạng thận không bằng bồ tạng tý hay không ? Người uống nhiều thuốc khí huyết mà khí huyết vẫn kém, thời phải biết căn bản của khí huyết là chân dương, một khi bổ đến căn bản

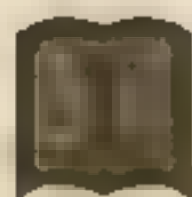


thời khí-huyết vượng lên, như vậy có phải bỏ tạng tý không bằng bỏ tạng thận hay không? Người ta mới sinh thời phát nguồn ở tinh huyết tức là tạng thận, mà khi đã sinh thời nhờ đến thức ăn uống là tạng tý, ta không thể trọng một bên mà khinh một bên được.

18.— BÀN VỀ BỒ ÂM TIẾP DƯƠNG, BỒ DƯƠNG TIẾP ÂM

Bồ cho bên nọ mà lại tiếp thêm cho bên kia, thực là phương pháp rất hay, tiên sinh họ Phùng mới phát sinh ra, nghĩa là khi dương đã mạnh, phải cứu đến âm phần khi âm đã mạnh thời phải cứu đến dương khí, mà không được để thiên lệch, cần để khi dương sinh thời khí âm cũng mạnh, đừng để một bên nào thắng, tôi theo ý nghĩa ấy mới lập ra phép bồ dương mà tiếp âm, hay bồ âm mà tiếp dương, vì rằng người ta sinh ra là bẩm toàn thể của âm dương, nếu thiên lệch thời sinh bệnh, mà hai bên là nhau thời nguy, tuyệt thời chết, ta nên biết là dương căn bản ở âm, âm căn bản ở dương, nên trong dương không thể không có âm, trong âm không thể không có dương.

Nếu bệnh bởi khí dương hư, thời bồ dương cho cân với âm, bệnh bởi khí âm hư, thời bồ âm cho cân với dương, như thế còn là dễ dàng, nếu dương 'ồn hơn thời trước hết cứu lấy khí dương, khí dương vượng lại tiếp đến khí âm là sợ không có âm thời dương không lẫm được, âm 'ồn hơn thời trước hết cứu lấy khí âm, khí



Âm vượng lại tiếp thêm cho khí dương, là sợ không có dương, thời âm không hoá được, trong đó phải để tâm nhận xét, mà điều trị cho thành công.

Đến như chứng âm dương đều hư yếu quá, âm vượng ở dưới mà dương thoát ở trên, bây giờ muốn bổ dương thời những vị thơm và ráo lại sợ hại đến âm huyết, muốn bổ âm thời những vị thắm nhuận lại sợ hại đến dương-khí, chữa những chứng ấy, hoặc dùng thuốc bổ dương mà vẫn đề + đến âm, hoặc dùng thuốc bổ âm, mà vẫn đề ý về dương, sao cho trong âm có dương, trong dương có âm, có khi thuốc bổ dương mà dùng những vị không mạnh lắm, để khỏi hại đến chân âm thuốc bổ âm mà dùng những vị không trệ lắm, cho khỏi hại đến chân dương, nghĩa là khí và vị tựa như nhau, thời đồng đội mà thu công rất chóng. Hai phương thuốc bổ và tiếp của tôi, là một bên này mạnh đến 10 phần, thời bên kia cũng mạnh được 7, 8 phần, cứ điều trị như vậy, cho đến khi âm hòa bình, khí dương bị vít mới thôi, đó là tự tôi nghĩ ra, xin bày tỏ để nhà lâm thuốc suy xét.

•••

19. — BÀN VỀ HIỆN CHỨNG CỦA TẠNG PHỦ HƯ HAY THỰC VÀ PHƯƠNG PHÁP DÙNG THUỐC

Tôi xét Nội-Cảnh đồ (bình đồ về tạng phủ) bàn về tạng phủ, đã tinh và dễ, nhưng đến gốc bệnh hư hay thực và phép dùng thuốc, thời không thấy phân biệt, nhưng vì là sách của Tiên-hiền mà tôi không dám xếp đặt lại. Tôi



tập nghiệm đã lâu những bệnh hư hay thực mà dùng thuốc đối chứng như thế nào, bày tỏ ra sau đây, để người học về thuốc khỏi thất mẫm.

Tạng phổ : Ở đức hạnh thời là Nghĩa, ở Bát-quái ứng với quẻ K: 〰. Cho nên ba vạch liền nhau, ở phương thời thuộc tây-bắc, ở 12 chi thời thuộc về Thân-Dậu.

Hiện ra những chứng : thở vội hay khi ngược lên, hoặc ho đơm, hoặc khai-huyết (ho ra máu), hoặc đoản khí, hoặc chân yếu, hoặc cảm phong mà nhỏ nước mũi, hoặc ngạt mũi nặng tiếng. Tạng phổ chủ về tiếng nói, khai khiếu ra mũi, ngoài ứng với da và lông, phong tà hại ngoài biểu, thời tạng phổ thụ bệnh trước, cho nên biểu chứng chứng khó chịu về hắt hơi, mũi đỏ, hay là chảy nước rãi không chỉ (ỉ-nyên), hay là mọt thịt thừa, hay là khí không hành mà tiền-tiền bế, hoặc tiền-tiền đi luôn, hoặc phế khí nhiệt mà tiền-tiền xôn ra, hoặc thấy kiệt mà ráo khát, hoặc ngoài da xia mà lông rụng, hoặc bị phù đầu, ngứa, hoặc tê lẫn mẩn, hoặc đi tiền-tiền thời sồn gai ốc, hoặc chân lông dựng lên (Nhiệt hại đến khí, khí bởi thủy tiết mà rừng mình sồn gai ốc cho nên mùa hè nóng có nhiều chứng ấy).

Những thuốc dùng về tạng phế : Sâm và Kỳ để ích khí, Tử-nyên, Ngũ-vị để liễm lại, Mạch-môn để nhuận và thanh hoá, Hư-cầm để tả thực hỏa, lại thanh hỏa dùng Sa-sâm, hành khí dùng vị Trần-bì, chữa chứng nhiệt huyết dùng vị Thiên-môn, tả hỏa tả dùng vị Tang-bạch-bì, giáng khí thời dùng Trạch-tả, Xích-linh và Xa-tiền, ôn khí để chữa ho, thời dùng vị Khoản-đông-boa, giáng khí thời dùng vị Tô-tải và Hạnh-nhân, phá trệ khí thời dùng chi-xác, chữa



chứng đờm và hãm khí thời dùng Xuyên-bối-mẫu, La-bạc-tử, đem các thứ thuốc vào tọng phổ thời dùng Cát-cánh.

Tọng Tâm. Về ngũ thường thời ứng với điều Lẽ, về Bát-quái thời ứng vào quẻ Ly ☲ nên vạch trong đất đôi, về bốn phương thuộc chính Nam, về 12 chi thuộc cung Ngọ.

Hiện ra những chứng: mình sốt, ra mồ hôi hay ra huyết, hoặc chột nóng chột lạnh, hay cười, nói mê, phát cuồng, hay quên, hoảng-bối, kinh-sợ, lưỡi sưng ra hay lưỡi trắng, nhan sắc khô xía, điên cuồng hay kinh giản, ra mồ hôi nhiều mà phát chứng kinh hay phát chứng eo gât, ra mồ hôi ở ngực, và trước quý sau hèn, trước giàu sau nghèo mà thụ bệnh.

Thuốc dùng về tọng tâm: Bề khí cho tọng tâm dùng vị Táo-nhân, bề huyết cho tọng tâm dùng vị Đương-quỳ, bề mà thanh dùng vị Liên-ừ, Đổng-tâm; an thần, định kinh, đỡ quên thời dùng vị Viên-chi; an thần dùng vị Phục-thần, khai khiếu dùng vị Xương-bồ, tả hỏa dùng vị Hoàng-uên, mát chân huyết dùng vị Tô-giác, Sinh-địa, ôn chân huyết dùng vị Nhục-quế, chấn kinh dùng vị Thần-sa, thanh tâm dùng vị Ngưu-hoàng.

Tọng can: Về tình thời thuộc "chữ nhân" trong ngũ thường, ứng vào quẻ Chấn ☳ của Bát-quái, (nên hai vạch trên đứt ra) về phương hướng thời ở chính Đông, về 12 chi thời ở cung Mão.

Hiện ra những chứng: Mắt đỏ, cạnh sườn đau, mà đau đến bụng dưới, hay giận, khí ngược lên, gân cứng hay là co lại, chân tay lay động, móng tay khô và xanh, chứng



nứt nóng, trông ngược lên, đầu choáng váng, mắt hoa, thở dài, dễ sưng, nôn ọe ra nước chua, ra ăn vật chua, chứng sản-thống, chứng đi đại rất (ngũ-lâm), chứng âm-nang (nôn dài) ọc lên.

Thuốc dùng về tạng can: Bồ huyết thời dùng Đương-quy, Sinh-địa, bồ cho mẹ tía là thận thấy, để thận thấy sinh ra can một thời dùng Thục-địa, bồ âm liền khi thời dùng Sơn-thú, bồ khi thời dùng Tảo-nhân (để sống không sao), mạnh gân thời dùng Ngưu-lất, Đỗ-trọng, Mộc-quạ, Hễ-m-huyết và tả khi dùng Bạch-tuộc, hành khi dùng Xuyên-khang, tả khi dùng Trảo-bí, Chi-xác, thanh hóa long lõi dùng Mẫu-đơn, tả hỏa dùng Tê-giác, phạt khi dùng Toan-bí, hạ khi xuống dùng Ngõ-thú, hạ khí và tả hỏa dùng Sài-hồ, tả vết dùng Quế-chí (Mộc được quế thời khô 4) ôn thời dùng Mộc-hương và quế, mát dùng Cúc-hoa, hoãn đi dùng Cam-thảo.

Tạng tỳ. Về tạng thời thuộc chữ « Tỉn » trong ngũ thường, về Bát-quái thời ứng quẻ Khôn ☷, về phương thời ở Tây nam, về 12 chi là Thìn, Tuất, Sửu, Mùi

Hiện ra những chứng: Bềnh-chướng hay là nề-xũng những nước (thủy-xũng), chứng Hoàng-đảm, chứng tiên ở Trung-uân (tiên-khát), chứng ăn uống không hoá ra cơ nhục, chứng hay đói hay khát, chứng môi ráo miệng lở, chứng ở trong đầy, chứng tiểu tả, chứng không ăn được, hay là ăn mà không tiêu hóa, chứng sôi bụng chứng tích tụ, chứng ăn rồi mà chân tay mệt, chứng ăn ít mà đói, chứng bốn chân tay không có sức, chứng nhiệt uất mà ngủ liêm đi, chứng hay lo mà không ngủ, chứng đờm nhầy đục mà vàng, chứng khi kém tinh thần choáng-váng mà



hay nằm, chứng thịt đen, chứng mặt vàng, chứng chân nề, chứng người sôi, chứng miệng ngọt, và chứng dương khí biến trở xuống, chứng trẻ em sai màn kinh.

Thuốc dùng về tạng ty: bổ khí thời dùng Sâm và Kỳ, bổ nguyên dương thời dùng Bạch-triết; hoá ở trung-tỳ thời dùng Trich-thảo; thêm thấp dùng Phục-linh, thêm cho khí ở trung-chân dùng Hoài-sơn, Liên-nhục, Ý-dĩ hoá cho tạng ty dùng Long-nhũ, Đại-táo; ôn trung dùng gừng nướng, gừng sao, Quan-quế, Sa-nhân, Đinh-hương, chữa cương lạnh ở trong dùng Can-khương, Phụ-tử, Hồ-tiên; bình cho tạng ty dùng vị Tảo-nhân; thanh đờm dùng Bán-hạ; chữa chứng tả dùng Độn-khẩu, Biện-độn; hành khí dùng Trần-bì, Chỉ-xe; tiêu chướng đầy dùng vị Trầm-hương, Mộc-hương; dẹp chướng chướng lên dùng Xương-triết, Hàn-phác; tiêu thũng ăn vị oom dùng Mạch-nha, Thảo-khắc; tiêu thũng ăn về quả bay thịt; dùng vị San-ta.

Khuông về ty âm. Nếu huyết hư thời hiện chứng đêm nặng ngay nhẹ, đôi không muốn ăn, ngủ không mà nước dãi ràn ra, đại-tiên khô hay là vì lo nghĩ không ngủ mà sinh ra chứng hư chướng (đầy chướng mà không có gì), thường dùng vị hành khí mà không có công hiệu, thời nên bổ ty âm mà dùng ngay Quy, Thục để bổ huyết, Bạch-thược để bổ âm như bài Thái-vị-hoàn (ở quyển Huyền-Tảo), bài Tả-quy-hoàn (ở quyển Nhật), bài Quy-Tỳ (ở quyển Khôn-Hoà), nghĩa là trong vị thuốc bổ khí mà thêm những vị bổ âm như sau riêng về âm của tạng ty.

Dương khí của tạng ty hư yếu thời hiện chứng : đêm nhẹ ngày nặng, ăn uống không tiêu, nhiều đờm, người



mặt, mình nóng, ngực và lòng bàn chân bàn tay (là ngũ tâm) nóng, phép chữa nên bỏ khí cho tạng tý, như những vị Bạch-truật, Can-khương, Phu-tử, Đinh-hương, Sa-nhân, đại khái như bài Tứ-Quần (quyển Khôn-hoá), bài Phục-thở-hoàn (quyển Nhật), bài Đại-kiện-tý-hoàn (quyển Nhật), bài Di-Công-tán (quyển Khôn-hoá), bài Sâm-Linh Bạch-Truật tán, và bài Bát-vị (quyển Hayền-Tiểu). Người chữa bệnh đời nay, chỉ biết tạng tý ưa ấm mà ghét ráo, mà không biết tạng tý có cả ấm đượm, ấm tức là tính nhu mà tàn độ về quả Khôn, nếu khô ráo thì không sinh được vật.

Tạng-Thận. Về tính thời thuộc chữ « Trĩ » trong ngũ thường, về Bát quái thời ứng quả « Khảm » ☵ (vạch giữa liền), về phương thuộc về Bắc, về 12 chi thuộc cung Tý.

Hiện ra những chứng : Như những chứng tiêu-khát (khát mà đi giải nhiều), chứng đau eo lưng hông, chứng hư nhiệt, chứng đau tận xương, chứng cốt chùng (nóng tận xương), chứng chân mỏi, chứng nặng mình, chứng ù tai hay là điếc, chứng đau lưng, chứng lạnh xương sống, chứng ở ngoài sợ lạnh, ở trong sợ thức sống thức lạnh, chứng tiết tả, chứng đi tả đã lâu, chứng đi tả về buổi sáng, chứng đi lý đã lâu, chứng thủy xũng (nở những nước), chứng mặt đen, chứng mặt xanh hay trắng hồng, chứng mắt hoa không trông thấy xa, (không có hỏa) chứng đông tử tản đi (không gọn son người), chứng tiểu tiện đi luôn mà ít, hay là đi nhiều, hay là hư-bí (bí vì người yếu), chứng ốm khòai rồi đăm hay đi tiểu-tiện, chứng đại-tiện táo (thủy suy), chứng son trai di-tinh hay bạch-trọc, chứng son gái đới-hạ hay bạch-dâm, chứng bụng to, chứng trong ngực-hành sưng đau, chứng ấm-bộ co vào, chứng thấp



ngựa, chứng dương vật yếu, chứng trong bụng như người đói mà không ăn được, hay là ăn rồi đói ngay, chứng khi từ dưới rốn ngược lên mà xuyên-ho, chứng má đỏ, chứng đầu mặt xũng độ, chứng trên nóng dưới lạnh (khát mà uống nhiều là thủy suy, khát mà không uống nhiều là hỏa suy), chứng răng rụng từ khi ít tuổi, chứng răng đau, chứng cuống họng đau, chứng sợ hãi mà thành ốm, chứng ốm rồi thất thanh, chứng trẻ em ngoẻo cổ, chứng trẻ em bị ngã nhuyển là 5 thứ yếu (Xem quyển Ấu-đu), chứng trẻ em ngũ tri là 5 thứ đầu chập (Xem quyển Ấu-đu), hết thấy những bệnh nặng, những bệnh lạ, mọi chứng hư tổn đều bởi ở tạng thận.

Thuốc dùng về tạng thận : bổ cho chân-âm chân-thủy, thời dùng Thục-địa, Sơn-thù, bổ cho chân-dương chân-hỏa thời dùng Quế-phụ ; bổ cho tinh huyết và mạnh cho âm dương thời dùng nhung hay cao của hươu nai, và nhau đàn-bà để ; cố tinh thời dùng Lộc-giác-sương ; thêm tinh và tráng dương thời dùng Kê-tử, Nạp-thung-dung, Tỏa-dương ; giữ cho thận khí và chữa chứng thận tả, thời dùng vị Phá-cô ; chữa chứng vong âm mà tiểu-tiện nhiều, dùng vị Ích-chí ; mạnh gân cốt và lưng gối, dùng Ngưu-tất, Đỗ-trọng ; tiếp nối cho gân cốt dùng Tục-đoạn ; giúp cho chân âm dùng vị Quy-giáp ; ôn cho thận dùng Trầm-hương, Sa-nhân, Bạch-tử-bân, Khổ-m-thực ; vít tinh huyết lại dùng Long-cốt, Mỗ-lệ ; chữa chứng nóng tâm xương mà có mồ hôi dùng vị Địa-cốt-bì ; thanh cho hư hỏa dùng vị Huyền-Sâm ; phạt hỏa dùng Tri-mỗ, Hoàng-bá ; thẩm nước đi dùng Chư-Linh, Trạch-lả, thẩm mà thêm nhuận, dùng vị Ý-dĩ, Phục-linh, Sa-tiền.

Tôi xét kỹ những bài thuốc để bổ thận, cũng như



những vị thuốc bổ tỳ, hết thấy những vị cay, thơm, ráo được âm thấp đều là thuốc bổ tỳ, những vị thêm cho tính huyết đều là thuốc bổ thận, những câu nói ấy khiến cho người ta mơ màng không biết phân tách, mà cho nóng hỗn độn, muốn bổ thận thời chọn trong tinh-dược những vị nào bổ tinh-huyết là thêm vào, có khi những vị để thêm vào lại nhiều hơn những vị ở trong bài thuốc, vì thế tôi phân ra từng loại như kể ở trên, để cho những người học thuốc còn biết trong vị âm được mà có tính chất dương, trong vị dương được mà có tính chất âm, một khi đồng đội thì có tính cách giúp lẫn nhau mà công hiệu rất chóng.

Đại tràng. *Hiện ra những chứng :* Đại-tràng xói, hoặc đi cầu ra huyết, hoặc chướng mẫn, hoặc Đại-tiện táo kết, (chứng thực là nhiệt bế, chứng hư là huyết khô), hoặc trĩ-lậu, hoặc mọt ung nhọt trong ruột, hoặc đại-tiện đi ra đỏ và trắng, hoặc thất-khi (cũng gọi trung-tiện tức là đánh rắm) mà rất hôi.

Thuốc dùng về đại-tràng : để bổ khí như Linh, Truật, Độn-khẩn ; Bổ huyết như Quy, Thục, Nạp-Thung-dương ; nhuận táo dùng Ma Nhân, Ngưu Tất ; tiên trở dùng Mộc hương và hành, phá tích dùng Chỉ-xác, Bình-lang, Thảo-quả, Khiên-ngưu ; tả hoả dùng Hoè-hoa, Thạch-sao, Tử-sâm, Hoạt-thạch ; hạ chướng kết dùng Đại-bàng, Phác-tiên, Bã-độn ; vít lại dùng Kha-tử, Long-cốt, Mẫn-lệ.

Tiểu Tràng. *Hiện ra những chứng :* đau bụng dưới hoặc đầy chướng lấm, hoặc sôi bụng, hoặc tiểu-tiện rỉ ra, hoặc đại-tiện tả. Dùng thuốc đề bổ như bài Bát-vị-hoàn (quyển Huyền-Tảo), thêm thấp dùng bài Kim-Quỷ (quyển Huyền-Tảo), tả đi dùng bài Ngũ-linh.



Tiểu-Kinh (Tức Tam-Tiểu). *Hiện ra những chứng :* khí rào lên, miệng đắng hay thổ dai, hoặc nước mắt chảy ra, hoặc không ngủ được, hoặc dễ kinh sợ.

Dùng thuốc bổ bằng vị Tảo-nhân, mát đi bằng vị Hoàng-liên, Long-đầm-thảo, Trắc-nhự ; thêm nước đi dùng vị Mộc-thông, tả là vọt đi dùng vị Thanh-bì, Sài-bồ.

Vị Kinh (Dạ-Dầy). *Hiện ra những chứng :* đói mà không muốn ăn, hoặc hay ăn mà gầy, hoặc ngủ không yên, hoặc thổ có tiếng to, hoặc bụng hay đầy mà kém ăn, hoặc đầy chướng, hoặc người gầy mà bụng to mắt vàng, hoặc lợi sưng đau (vị nhiệt), hoặc môi lở, miệng nhạt hoặc chảy nước dãi, hoặc đau vú, hoặc nôn hay ọ, hoặc phát cuồng, hoặc thất-khi (trung-tiện luôn luôn), hoặc đàn ông dương-ley (dương-vật yếu), hoặc lạnh nhiều mà ọ, hoặc nóng nhiều mà sợ.

Thuốc đáng kể vị kinh (dạ dầy) : Ôn bồ như Bạch-truật, Liên-nhục, bổ cho mát như Hoàng-cầm. Vị thuốc hàn lương rất hại đến dạ-dầy, mà tột cho vị Hoàng-cầm bổ cho mát đi là lẽ gì. Ta hãy xem bài « Bồ-Trung-thang » thêm Hoàng-cầm, Bán-hạ, Xương-truật (ch-tri, thêm vị Hoàng-cầm và Thần-khúc, thời gọi là bài « Ch-tri thanh-dương ». Hơn nữa thuốc an-thai dùng vị Hoàng-cầm theo với Bạch-truật thời đủ rõ. Xét Nội-kinh có nói : « Tạng tỳ ghét ẩm mà ưa ráo, dạ-dầy ghét ráo mà ưa ẩm », Cổ thư nói : « dạ-dầy ưa uống thuốc mát mà ghét nóng, đại tràng ưa uống thuốc nóng mà ghét lạnh ». Cho nên chứng quan cách đều bởi dạ-dầy khô ráo, như vậy thời vị Hoàng-cầm là thuốc cần để lương bổ cho



dạ-dầy. Nhưng dạ-dầy hàn mà tiết tả cùng người hỏa hư phải kiêng.

Tôi lại xét, muốn tiên thức ăn của ngũ cốc thời dùng mạch-nha, thần khê ; ôn bằng vị Đinh-hương, Quan-quế, Nục-đậu, Ích-tri, gừng nướng, gừng sao và Trích-thảo ; phát hoả bằng Thạch-sao ; chữa đờm bằng Trần-bì, Bán-hạ ; tả hoả độc bằng Liên-kiền ; lấy mát để giải đi bằng vị Bạch-thược, Thạch-hộc ; giáng hoả bằng vị Sơn-chi, thăng cho đương khí bằng vị Thương-ma ; thăng cho thanh khí bằng vị Cát-cân ; hạ chứng thực-bĩ bằng Mang-tiêu, Đại-hoàng, Ba-đậu ; hành khí bằng vị Mộc-hương ; phá trệ khí bằng vị Chỉ-xác, Hạc-phác ; chữa chứng nghịch khí bằng Hoắc-hương, Trần-bì.

Bằng quang *Hiện ra những chứng* : tiểu-tiên bế hay là đi luôn, nhưng không nên cho hàn là hư, nhiệt là thực vì có khi hạ-tiên nhiệt mà đi luôn, cũng có khi thận khí lạnh mà đi, cũng có khi thận khí không bế tàng mà đi luôn, cũng có khi khí ở tạng phế không xuống được mà bế.

Dùng thuốc : để bổ hoả như bài Bát-Vị, để bổ thủy như bài Lục-Vị, để vít tiểu-tiên như vị Ích-chi, Long-cốt, Mẫn-lộ ; tả thủy đi dùng vị Chư-linh, Trạch-tả, Mộc-thông, Đương-tâm (bắc đò), Xa-tiên, Cỏ-mạch, diêm-nêu thanh hỏa dùng Tử-cầm, hoạt-thạch, Hoàng-bá, Sơn-chi (vị Diêm-tiêu là thanh-được để chữa chứng thủy sưng, mà tiểu-tiên vì thực mà bí)

Tam-tiêu Vì chỉ lấy tương hỏa làm căn nguyên, hỏa yên ở địa vị thời tam-tiêu truyền-thống được dễ dàng, mà không yên thời biến làm hỏa dữ dội, mà tam-tiêu



thụ bệnh vì nhiệt, tương-hỏa suy thời Tam-tiên thụ bệnh vì hàn. Hiện ra những chứng : nghẹn-cách, ăn uống không lọt được bệnh khí ở ngực, thời bối ở tâm và phế. Nếu đầy chướng nôn-nao, ọc, thổ và không nạp thức ăn, hay không vận hóa thời bối ở tỳ vị. Nếu đại tiện bế khó đi hay là chứng ngũ lâm (khí lâm, huyết-lâm, thạch-lâm, sao-lâm, lao-lâm), và các huyết chứng thời bối ở can, thận, bàng-quang, và đại-tiểu-tràng, xem bệnh ở tạng gì thời chữa về tạng ấy, như ở thượng-tiên thời dùng thuốc chữa tâm và phế, bệnh ở trung-tiên thời dùng thuốc chữa tỳ và vị, bệnh ở hạ-tiên thời dùng thuốc chữa can, thận, bàng-quang, đại, tiểu-tràng. Nhưng thiết yếu ở một điểm mạch-môn.

Trên đây là nói về dùng thuốc ở tạng phủ, còn như chứng thực chứng hư, và những bệnh về giả tượng, nếu là khí thực thời còn dễ suy xét, trái lại khí hư thời giả lẫn với thực. Cồ-Thư có nói : « Xem bệnh nên xét nguyên-khi trước, rồi mới hỏi đến chứng bệnh ». Lại nói « Lấy nguyên khí làm chủ mà chứng ở ngoài không đáng kể ». Tôi có 3 phương pháp tóm tắt. 1. — Xem về hình. 2. — Căn-cứ về mạch. 3. — Hợp với bệnh chứng. Về hình : Những người ít tuổi, thân thể mạnh cơ như đây đây là hình thực, còn người tuổi nhiều, bầm sinh yếu, hoặc ốm rồi hoặc sản-hậu, và trẻ sơ sinh là hình hư. Về mạch : thời không có phà, trầm, đại, tiểu, hể ăn mạnh đến xương mà có lực là mạch thực, nếu vô lực là mạch hư. Về chứng thời dù tựa như thực, nhưng mạch hư, hình hư, thời chứng ấy là « giả thực ». Trái lại chứng tựa như hư mà mạch thực, thời chứng đó là « giả-hư », căn cứ vào 3 điểm ấy, thời bệnh tình không thể giấu được.

. . .



20.— LUẬN VỀ KHÍ HUYẾT NHỜ LẤN NHAU

Cổ-thư có nói : « Thuốc bổ khí có thể sinh được huyết », là vì khí dương sinh thời khí âm cũng vượng, chứ không phải là dùng thuốc bổ khí để sinh ra huyết, vì như chứng huyết thoát mà uống bài « Độc-Sâm-thang » (riêng một vị sâm), thời không những vì huyết thoát phải giữ lấy khí, mà vị Nhân-sâm dù là thuốc bổ khí, mà còn có tính chất thấm-nhuần, thế là bổ dương thêm bổ âm.

Lại như bài « Bồ-Huyết-thang » dùng Hoàng-kỳ 1 lượng mà Đương-quy có 3 chỉ, nếu bảo là khí được sinh ra huyết, sao không dùng đến vị Nhân-sâm và Bạch-triết, vì rằng vị Hoàng-kỳ để bổ cho vệ khí (khí để bảo vệ), lại thêm sinh huyết mà tả âm hỏa, cũng chữa chứng khó nhọc nội thương, chứng huyết hư phải sốt. Cho nên dùng vị Hoàng-kỳ để đồng đội với thuốc bổ huyết, như thế là khí huyết giúp lẫn nhau mới chóng thành công.

Cổ-nhân lập ra bài thuốc trong vị dương được mà có âm, tức là có tính thấm-nhuần, trong vị âm được mà có dương, tức là không có tính ngưng trệ, thực là thần diệu.

∴

21.— BÀN VỀ CHỨNG HOẢ HƯ, CHỨNG THỦY SUY TỰA NHƯ NHAU, BÀI LỤC-VỊ, BÀI BÁT-VỊ NÊN PHÂN BIỆT MÀ CHỮA

Nội-kinh có nói : « Khí âm và khí dương ở lẫn vào nơi của nhau, thủy và hỏa đều sử dụng cho nhau », cho



nên bỏ hoá ở trong thủy, mà bỏ thủy ở trong hoá. Ông Trọng-Cánh biết rõ lẽ ấy, đặt ra bài Bát-vị để bỏ hỏa ở trong thủy, và bỏ thủy ở trong hoá.

Nếu mạch thấy hai bộ xích đều yếu, thủy hỏa đều kém, mà hiện chứng thời thiếu khí tinh huyết đều suy yếu, mới dùng đến những phương thuốc ấy. Còn như người chân hỏa hư, mà thủy chưa hư, hay chân thủy suy mà hỏa thịnh, thời những vị thuốc ở trong bài Bát-Vị, nên gia giảm chữa riêng. Đại-khát người hỏa hư mà thủy dồi dào lên, hay thủy hư mà hỏa bốc lên, đều thấy lưỡng quyền đỏ, mắt đỏ, cuống họng khô, cổ họng đau, lưỡi trắng, môi nứt ra, thở ngược lên, ho đờm, phiền khát, nóng ở nửa người trở lên, v. v.. Người không biết, hoặc cho nóng bài Bát-Vị, hoặc cho nóng bài Lục-Vị, nên thấy khỏi cũng không biết, là thành công về bỏ thủy hay bỏ hỏa, mà không khỏi thời cũng không biết là lầm về bỏ thủy hay bỏ hỏa.

Vì rằng, bài thuốc để bỏ hỏa thời tạm nên bỏ thủy, còn bài thuốc để bỏ thủy không nên bỏ hỏa, Cổ-thư có nói : « Ngày thường không bớt được tinh dục, đến nỗi hỏa ở mệnh môn suy kém, âm trong tạng thận dầm lên, long-hoả không có chỗ để chứa lại, mà bốc lên thượng tiêu, nên dùng bài Bát-Vị bỏ hỏa ôn thận, thời long-hoả về chỗ ». Lại nói : « Vì lao lực tổn thương mà tân dịch suy kiệt, đến nỗi chân âm suy kém, hỏa không có thủy để chế đi, mà tương hỏa bốc lên, nóng đốt ở cơ thể, thời dùng bài Lục-Vị bỏ thủy cho cân với hỏa, thời hỏa tự giáng xuống. »

Một bài là thêm cho chân hỏa, một bài là mệnh cho



chân thủy, hai ngã khác nhau, những người hoá hư mà nóng bốc lên là long-hoả sợ âm hàn trong tạng thận mà bốc lên, cho nên dùng Quế và Phụ để lựa tính làm ấm ở hạ-tiền cho hoá về chỗ cũ. Người thủy kém mà hoá bốc lên, thời khác với lẽ kể ở đoạn trên, ta phải nhận biết rằng, vòng trắng ở bên phải quả thận là nơi của tương-hoả, mà vòng đen ở bên trái quả thận là nơi của chân-thủy, nếu thủy kém là hoá dư ra, cho nên dùng những vị Thục-địa, Sơn-thù để cho can với hoá, thời nóng tự dẹp đi, trái lại thủy kém mà lại bồi bổ, thời hoá lại hơn lên, hoá kém mà lại bồi bổ thủy, thời âm lại hơn lên.

Tôi có một bí pháp, xét mạch bộ xích bên phải yếu không bằng mạch bộ xích bên trái, là chân dương hư tổn mà mệnh hỏa suy yếu, nếu bộ xích bên trái yếu không bằng bộ xích bên phải, là chân thủy suy kém mà tương-hỏa bốc lên.

Nhưng mạch chỉ là làn sóng của khí huyết, lại phải xem bình sắc nếu là hỏa hư thời bình thổ gầy, diện bộ bạc nhợt hay là béo trắng mà trệ nệ, nếu là thủy suy thời bình thổ gầy đen, hay là lưỡng quyền và mép thường đỏ.

Sau nữa, lại xem đến chứng bệnh, dù là ở trên nóng giống như nhau, nhưng ta phân biệt rằng khát mà không uống được nhiều là không có hỏa, khát mà uống nhiều là không có thủy, trên nóng dưới lạnh là không có hỏa, ngoài nóng mà trong cũng phiền táo là không có thủy, đại-tiền thường lỏng phân là không có hỏa, đại-tiền táo kiệt là không có thủy, biết phân biệt là không thấy hay không hỏa, thời mới biết dùng những vị Thục-địa, Sơn-thù, hay Nhục-quế, Phụ-tử.

••



22.— BÀN CHỨNG NHIỆT THỜI HẠI KHÍ, MÀ NHIỆT THỜI HẠI HUYẾT

Nội-Kinh có nói : « Dương tả hóa ra nóng, mà nóng thời hại đến khí », nên chữa chứng ấy phần nhiều dùng thuốc bổ khí, như mễ hà hóa vượng hành hỏa khải hành kim, thời nên giữ lấy phế-khí, như bài « Thanh-thử-thang », bài « Sinh-mạch-âm » để khí lực hơn lên, đủ rõ là nóng thời hại đến khí. Nội-kinh nói : « Nóng nhiều thời âm huyết thụ bệnh », cho nên chữa chứng nóng phải theo huyết được, ông Đan-Khê dùng bài Tứ-Vật thêm Tri-mẫu, Hoàng-bá, Huyền-sâm để phát hỏa mà dưỡng chân âm, đủ rõ là nóng thời hại chân huyết.

Nhưng Nội-Kinh nói như vậy, khiến người học thuốc mang nghi, vì sao không nói rằng, nóng thời khí huyết đều hại, mà phép chữa thời bổ cả khí huyết, là vì một chứng nóng nhưng có hai bệnh căn. Nếu nóng hại huyết phần, mà chỉ chữa bằng khí được, thời âm càng tiêu đi, nếu nóng hại khí phần, mà chỉ chữa bằng huyết được, thời dương càng kém đi.

Ông Cảnh-Nhạc có nói : « Không phải lời của thánh hiền thời không nên bắt chước. » Vậy nhà lâm thuốc có bộ Nội-Kinh, cũng như nhà nho có Ngũ-Kinh. Bộ Nội-Kinh do đức Hoàng-Đế và ông Kỳ-Bá lập ra khuôn phép, thời ta không dám trái, chỉ vì học giả không rõ được lý lẽ mà thôi.

Vì rằng, nóng hại đến khí là nóng dữ dội ở ngoài



đến, như Nội-Kinh đã nói: « Dương tả hóa ra nóng », tả khí ấy không những là thử tả, mà phong hàn, thấp, táo, nhiệt, xâm vào bì mao, tạng phế thụ hại trước mà hiện chứng ho đờm, sợ rét phát sốt, đờm khí, mỗi một, còn như nóng mà hại chân huyết là nóng lâu về Nội thương, như Nội-Kinh nói « Nhiệt thăng lên thì âm phải yếu », vì rằng tạng tâm để giữ chân huyết, nếu bị nóng thì huyết tản, mà tính thần mờ đi, còn hiện chứng ở ngoài thời như ngáy như say, hoặc nói mê.

Lại xem Nội-Kinh có nói: « Bệnh dữ dội (bạo phát) không phải âm chứng, bệnh đã lâu không phải dương chứng ». Lại nói: « Nóng lâu thời hại chân âm, càng nóng thời càng hại, càng hại thời càng nóng », đủ rõ những chứng nóng mới phát sinh ra đầu là hại khí, mà những chứng nóng đã lâu đầu là hại huyết, cho nên người nóng và khát có phản ra uống nước nóng hay uống nước lạnh, lại phản ra uống luôn mà chỉ uống ít, hay là uống thực nhiều, tôi có đặt ra một câu văn tắt rằng, nóng dữ dội thời hại chân dương, nóng đã lâu thời hại chân âm, hiểu lẽ ấy mới biết lẽ làm thuốc.



23.— BÀN VỀ KHÔNG BỚT ĐƯỢC TÌNH DỤC THỜI HẠI ĐẾN TẠNG THẬN

Lời bàn về ngũ hành ở bộ sách Y-quản có nói: « Hỏa của long-lôi biến về cuối mùa xuân, mà đẹp đi về cuối mùa thu, là vì long-hỏa thuộc về dương, tháng 5 oi bức



mà khi âm để sinh, nên dưới đáy nước lạnh rồi theo dương khí bốc lên. Tiết đông-chỉ mà khi dương để sinh, cho nên dưới đáy nước ấm, long cũng tùy dương mà xuống, tương-hỏa trong thân người cũng như thế vậy, ngày thường ta không biết được tình dục, đến nỗi hỏa ở mệnh-môn suy yếu, âm trong tạng thận thịnh lên, phù du trở lên mà không về chỗ, vì thế, thượng-tiêu phiền nhiệt mà mọi chứng phát ra. Người khéo chữa phải dùng bài Bát-Vị để ôn tạng thận, theo tính của hỏa mà đem về chỗ, để làm theo thời tiết mùa thu mùa đông, lời bàn ấy thực là chí lý.

Nhưng theo tôi thời không khỏi nghi ngờ, là vì nhiều tình dục thời trẻ tình huyết, không có khi nào chân âm còn thịnh. Nếu âm ở trong tạng thận thịnh, thời thủy chế được hỏa, đâu có lẽ phù việi được, âm dương là căn bản cho nhau, chân huyết đã hư thời chân dương cũng không hoàn toàn.

Vả lại khi âm là hữu hình và Hậu-thiên đã suy yếu thời bốc lên, khi dương hữu hình đã hư yếu thời hãm trở xuống, nếu chân thủy vô hình của Tiên-thiên hư yếu, thời tương hỏa vô hình bốc lên, sao có thể chấp nộ về Hậu-thiên mà bảo rằng mệnh-môn hỏa suy, thời âm trong tạng thận thịnh lên được.

Vậy những người sắc dục quá độ, là chân âm chân dương đều hư yếu, đã hư yếu thời mới hiện ra những chứng trên nhiệt dưới hàn, mà tựa như âm trong tạng thận thịnh lên, mới dùng bài Bát-vị để bổ âm-dương, nếu ta bảo là sắc dục nhiều mà chân âm thịnh, thời sao bài



Bát-Vị lại dùng Thục-địa để bổ thủy cho hàn thêm, để hoá long-lôi chéng tất.

Tôi gặp chứng ấy chỉ là chân âm suy tòn, mà dùng thuốc thời trọng dụng vị Thục-địa, để long-hoá về chỗ, thời khí âm hoá bình mà khí dương bế vít, ta chớ cho là hoá-long lôi sợ về âm hàn, mà tránh những vị âm dược.

..

24.— BÀN VỀ CHỨNG ĐAN NHIỆT (nóng mà không gợn rét) LÀ MẤT CHÂN ÂM, MÀ CHẾT NGƯỜI RẤT CHÓNG, CÙNG PHÉP CHỮA.

Cổ-thư có nói « Chứng bệnh chết vì hàn nhiều mà chết vì nhiệt ít » câu ấy là nói thuốc hàn lương có hại, mà thuốc ôn nhiệt thời không có hại lắm mà thôi. Cho nên Nội-kinh có nói : « Một chút dương bầy còn thời không chết ». Những bệnh đến khi chết, không ai là không tay chân giá lạnh, thế là không có nhiệt thời không có sinh khí.

Tôi thấy chứng đan nhiệt, mặt sạm lợt đen, cuống họng khô, cổ họng đau, mình nóng như rang, người như củi khô, phiền khát nóng nhiều, đại-tiểu-tiện bí vít, hay là đoản khí mà tiểu-tiện đi luôn, tinh thần mụ đi mà đoản khí, cuống táo nói rông, muốn quạt không ngừng hoặc muốn ngồi nằm ở chỗ hàn nước, đem chứng âm hư ấy mà so với chứng vong dương, thời nguy cơ lại chónh hơn. vậy thời chết người lại bởi nhiệt và hỏa, mà không cứ vì hàn.

Dương thuộc hỏa mà nóng, âm thuộc thủy mà hàn, Cổ-thư có nói : « Dương hư thời phát hàn, âm hư thời



phát nhiệt », thế là dương thiếu sức mà âm lấn đi mới thành ra hàn, âm thiếu sức mà dương lấn đi mới thành ra nhiệt. Nội-kinh nói : « Uống thuốc hàn mà người không mát là bởi không có thủy », thủy đã khô thời trong hoá không có thủy, mà thiếu-hỏa (hoả vừa phải) biến ra tráng hỏa (hỏa dữ dội), rồi đem hỏa của quàn, tương hỏa của ngũ tạng, phù việt thiên đối, bấy giờ ở trong thời nung nấu xương tủy, ở ngoài thời khô ráo bị pha, rồi tán dịch của 5 tạng đều kiệt. Cồ-thư nói : « Tán dịch kém thời ốm, tán dịch kiệt thời chết ». Lại nói : « Nóng lên hại đến âm, nóng dữ dội hại đến dương », thì đủ rõ Nay thế càng rõ hoả làm cho tiêu-thước mà hại người rất chóng, mà người ta không những chết vì hàn vậy.

Xem hình chứng mà nói, thời như đã kể ở trên, người học phải hiểu rõ về lý âm dương, bệnh chứng thấy vong dương thời âm lấn đi, mà tay chân giá lạnh, bệnh chứng thấy vong âm mà dương lấn đi, mà sinh ra tiêu thước. Người làm thuốc phải tìm dương ở trong âm, bổ hỏa ở trong thủy, cho nên với chứng đản-nhiệt chỉ lấy những vị Thục-địa, Mạch-môn, Thiên-môn, Đan-sâm, Ngưu-tất, Ngũ vị, Sứ người, sao Quy-bản, sao Bào-long, mà thêm Phụ-tử-chế để tẩm bổ mới có thể cứu vãn được, ta chớ ngại là vị Phụ-tử trợ nhiệt, vì âm không có dương thời không hành, huyết được không có khí được thời không dễ vô được. Hơn nữa vị Thục-địa thời lại có công để chế hỏa đi, âm dương giúp lẫn nhau mới thành công được. Đến khi nóng lui người đã ôn hòa thời lại nên uống xen thuốc ôn bổ để bổ lấy khí của tỳ vị, mà không nên nệ chấp về âm được.



HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập BÁCH BỆNH CƠ-YẾU.

(căn bản và phép chữa bách bệnh)





Lời dịch giả

Quyển này tác giả chia làm mười tập nhỏ là Giáp, Ất, Bình, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý (theo về thập can). Nhưng chỉ còn tập « Bình » và « Đinh », thế là từ trước vẫn thất lạc tám tập. Ta thường nói Bộ Hải-Thượng thiếu mất quyển tức là thiếu 8 tập này. Vì tập này là tập 3, nên không có bài tiêu dẫn của tác giả.



Tập Bính

MỤC LỤC

1.— Chứng tích tụ. 2.— Chứng trảng gián. 3.— Chứng trí lạn. 4.— Chứng hoặc loạn. 5.— Chứng tiết tả. 6.— Chứng ly. 7.— Chứng thoát giang. 8.— Chứng táo kết.

•••

I.— CHỨNG TÍCH TỤ

Căn bệnh : Nội-kinh có nói: Chứng tích thuộc về Âm, về ngũ tạng, tính của Âm trầm mà ở kín một nơi, cho nên chứng tích đằm nhất định một chỗ. Chứng tụ thuộc về dương, về lục phủ, tính của dương bốc lên mà động cho nên hiện ra không nhất định ở chỗ nào.

Chứng tích tụ bởi nguyên khí của người không đầy đủ khí xấn lấn đi. hoặc vì cảm hàn, hoặc vì ăn uống không tiết độ, hoặc khó nhọc quá độ, hoặc nội thương về thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) đến nỗi khí xấn ngưng ở huyết mạch, Âm hàn vào trong tràng vị, cũng nguyên khí va chạm nhau ngưng tụ lại mà không lưu thông, vì thế thành ra tích tụ lại. mà không lưu thông.



Có sách nói : « chứng này trước vì ngoại-cảm hay nội-thương mà khí nổi, nóng nhằm thuốc bỏ bệnh lưu lại mà thành tích ». Ông Đan-Khê nói : « khí tụ lại thành khối là vật có hình, nếu ở giữa là vì đờm, ở bên phải là vì thức ăn chưa lại », (tý vị ở bên phải) ở bên trái là vì huyết (gan mật ở bên trái).

Phân biệt bệnh : Chứng tích tụ, phần nhiều mặt vàng, phờ sưng, bụng trương lên hay sôi khan, tiểu tiện đi như dầu, lông tóc khô vàng, đi cầu đỏ hay trắng, mắt vàng hay đỏ, thân thể nề ra mà không có gì (hư sưng) ở bụng nóng nhiều, ăn vào thì đau bụng, mỗi một hay ngủ.

Chứng tích về ngũ tạng : Chứng tích bởi tạng can thì gọi là « phi khí » dưới cạnh sườn bên như cái muối úp, có đầu có chân như con rùa hay con ba ba, khiến cho bệnh nhân nôn óe, hay là hai cạnh sườn đau dầy dầy đến bụng dưới, ho sốt rét, chân đau chuột rút.

Tích bởi tạng tâm thì gọi là « phục lương », ở trên rốn lớn như cái tay, lên đến dưới quả tim, lâu ngày thì trong bụng buồn bực, nói là phục lương là như cái xà để ngang, chứng này giống như chứng tràng ung, nhưng chứng ung nhọt chung quanh rốn đều đau.

Tích bởi tỳ tạng thì gọi là « dĩ khí », về bên phải da dầy lớn như cái khay tròn, khiến cho bệnh nhân bế tắc thổ-tả, lâu ngày hoảng đả mỗi một, ăn uống không sinh ra da thịt (chứng này bởi dương khí nên kiêng dùng thuốc nóng).

Tích bởi tạng phế thì gọi là « tức bên », ở dưới cạnh



trên bên phải như cái muỗi áp, khiến bệnh nhân đau lưng, lâu ngày thì sưng ho hay thành chứng phế ung.

Tích bởi tạng thận thì gọi là bồn độn, ở bụng dưới lên đến dưới quả tim, lâu ngày thì thở ngược lên thiếu hơi và xương mỏi, vì như con lợn trở lên trở xuống nên gọi là bồn độn.

Ta gọi là ngũ tích là trung, hà, bí, tích, huyết.

Chứng trung vì thương thực mà thành vậy, tích tụ thành khối, sờ là thấy ngay, mà không lay động, hiện chứng thì đau sôi ra cạnh sườn, màng mỡ bụng, ngực, buồn phiền, ăn uống không ngon, lợm lòng hay thờ.

Chứng hà Bởi chân huyết, có hình như con ba ba hay con cua, lúc lên lúc xuống, lúc có lúc không, hay là hai cạnh sườn có khối rắn như đá, sờ đến là đau, hiện-chứng ngực ngàn cách mà phiền buồn, đau đến cả bụng dưới, có lúc rãnh lên trên ngực, chứng này cũng gọi là huyết kết. Nếu trẻ em phải chứng này thời gây, vàng, to bụng, sốt về đêm mà là chứng cam tích.

Chứng bí là vít lại kết lại, bởi vì khí thận, nếu bụng trên, bụng dưới đầy chướng, rốn to, cạnh sườn đầy, phần nhô ở mạp mỡ heo trái, hiện chứng mặt vàng, người gầy, ở trẻ em không có sữa, lâu ngày thành ra bí khối.

Chứng tích là tụ ở chỗ kia mà trông ngoài không thấy, hiện chứng đi cầu không có điều độ, tư lý mà không phải lý, tư con giun mà không phải giun hay là đi ra máu tươi, rốn bụng đau khấp, bụng và ngực buồn, lâu ngày thì bị tắc lại.



Chứng huyễn : là da ở bụng dầy lên. Ở vào nơi cơ như (thịt) mà không trông thấy vì huyễn diện khó lường biết được cho nên gọi là huyễn.

HƯ HAY THỰC

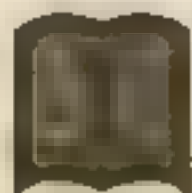
Sách cổ nó nói : Người khỏe không có chứng tích mà người yếu mới có là vì người khỏe thời tỷ vị vận hành, khí huyết điều hòa, đâu có thành tích tụ. nhưng lúc mới bệnh thời tà khí chưa mạnh lắm, chính khí chưa yếu lắm, ăn uống còn được, thời nên chữa theo nửa hư nửa thực, nghĩa là tà khí mạnh vừa mà chính khí còn yếu vừa.

TỐI HAY XẤU

Chứng này nếu ăn uống còn được, thân thể còn dầy đủ thì dễ chữa, trái lại nếu sắc mặt trắng nhợt hay là tái đen mặt trông thảng, rốn và bụng như cái trống, đan nhói lên tận ngực, chột đi cầu ra máu tươi, môi lưỡi đều đen, thở gấp, ợ khan, ngán hơi, kém ăn, da xỉn hay là ban tía, thổ ra giun, sôi bụng dễ đi cầu, thân tay co giật hay là chân tay đều nề, mặt đen, đi cầu đen, hay là đi cầu xong lại đi, cổ ngoẹo đi mà cắn khẩu, chân tay đều gầy, như trên đều không chữa được.

PHÉP CHỮA

Phép chữa chứng tích chỉ làm cho tiêu mòn đi mà thôi, chứng tích tà chứng đã lâu thời chữa không thể chóng được, nếu công phạt mạnh quá thời nguyên khí của người yếu đi mà tà khí lại mạnh. Cho nên bệnh khỏi quá nửa



chứng phải uống thuốc dần bỏ thời tỷ vị mạnh lên mà chứng tích sẽ bớt dần. Còn như chứng tích tụ đã quá thời phải xét kinh lạc nào thụ bệnh và vật gì tích tụ lại sẽ uống thuốc mạnh để trục đi mới được, nhưng đến khi chữa được quá nửa cũng phải dùng đến thuốc bổ. Nội-kinh có nói : « Chứng tích-tụ quá nhiều thì nên chữa mạnh, nhưng bệnh giảm quá nửa thời thôi, nếu dùng quá thuốc mạnh thời thất. »

Ông Đan-Khê có nói « Chữa chứng tích lúc mới sơ người còn mạnh thời nên dùng thuốc công phạt, đã lâu người yếu nên vừa công vừa bổ, lâu lắm thời nguyên khí tiêu tán phải bổ nhiều công ít ».

Hơn nữa, chứng phao lương và hành hỏa uất, chứng phi khí bởi hành mộc uất, chứng bí khí bởi hành thổ uất, chứng tứ: bồn hành kim uất, chứng bồn đôn bởi hành thủy uất thời chữa năm chứng tích nên chữa kèm về chứng uất, uất là khí không thư thái uất lại mà thành tích, cho nên phép chữa phải để ý vào chân khí mà thêm vào những vị thuốc bổ là vì chứng tích bởi khí yếu, huyết kém, vậy người khéo chữa không cứ chứng ấy ở kinh nào, tạng nào, phải chữa cho bệnh nhân nguyên khí được dần hoá, ăn uống được tiến, thời chứng tích tự sẽ khỏi.

Bệnh nhân còn mạnh nên tiên tích thì cũng phải uống kèm thuốc bổ khí huyết, nếu chỉ dùng thuốc tiên tích thì tỷ vị sẽ bại.

Còn như ông Đan-Khê cho là huyết trệ thì là tích, khí trệ thì là tụ, ở giữa là đờm, ở bên trái là huyết,



bên phải là thức ăn, là chỉ nói đại khái mà thôi, phép chữa chỉ vừa tiên vừa bổ như đã kể ở trên.

Tóm lại chữa chứng tích phải dùng thuốc tiên nhưng nhẹ thời hòa giải, nặng thời dùng thuốc mạnh, hoặc vừa tiên vừa bổ, hoặc bổ nhiều tiên ít, hoặc trước bổ sau tiên, hoặc trước tiên sau bổ, cho nên phương thuốc đời xưa chữa chứng tích phải dùng đến sâm, trạch.

Chứng này lúc mới phần nhiều là hàn, mà lâu ngày thời nhiệt, thế mà trong phương thuốc dùng nhiều đến quá phụ, nghĩa là chứng tích sợ vị thuốc ôn mà ghét vị thuốc hàn. Ta đừng thấy cho uống thuốc nóng lại không thấy nóng mà cho chứng ấy là quá hàn dùng thật nhiều thuốc nhiệt để chân huyết ráo đi cũng không thể được.

Lại chữa chứng tích không nên vội dùng thuốc hạ, vì hạ nhiều thì tả khí lại kết rắn hơn lên, nếu thấy khí ở trong không thông là vì khí không vận hành được, không nên cho là vật hữu hình mà công quá hay hạ.

Cổ nhân có nói: « Những bệnh làm khó cho thấy thuốc là chứng ôn âm hư yếu và chứng tích đã lâu nên bệnh ôn cũng phải tránh tình đạo, ăn thức nhẹ nhàng, thời thấy thuốc mới chữa được. »

Những vị thuốc dùng đến

Chứng tích vì rượu, vì khí, vì huyết, vì đờm, vì nước, vì trà, vì ngũ cốc, vì thịt, vì trái quả, vì thức uống, vì cá hay ba ba, vì thịt chó, vì giun, vì sốt rét lâu, chọn dùng các vị thuốc sau đây:

1) Vì rượu.— Bệnh nhẹ thời dùng nhưng vị cát căn,



thần khê, hoàng liên, bạch diện khố. Bệnh nặng thời dùng những vị cam toại, khiến ngưng.

2) *Vị khí*.— Bệnh nhẹ thời dùng những vị mỗ-hương, chỉ-xác, hạc-phác, quất hồng bì. Bệnh nặng thời dùng những vị chỉ thực, khiến ngưng.

3) *Vị huyết*.— Bệnh nhẹ thời dùng những vị lá son khô, đào nhân, mẫu đào, quy vĩ, xích thực, hồng hoa. Bệnh nặng thời dùng những vị đại hoàng, thủy điệt, xuyên sơn giáp, hoa nhĩ thạch.

4) *Vị đờm*.— Bệnh nhẹ thời dùng những vị bán hạ, qua lâu. Bệnh nặng thời dùng những vị cẩu đờm hoàn, hải thạch (đến chữa chứng đờm quánh như keo) và vị hỏa ma tử, bạch giới tử.

5) *Vị nước*.— Bệnh nhẹ thì dùng bát vị ngũ linh đơn, nặng thời dùng những vị như khiến ngưng, thương lục, cam toại, nguyên hoa.

6) *Vị nước trà*.— Bệnh nhẹ thời dùng những vị khương hoàng, chi ma, bệnh nặng thời dùng những vị ngô thù, tiên-khương.

7) *Vị ngũ cốc*.— Bệnh nhẹ thời dùng những vị mạch nha, cốc nha, thần khê, sa nhân. Bệnh nặng thời dùng vị kê nội kim (đá trong mề gà)

8) *Vị thịt*.— Nhẹ thời dùng vị sơn tra, a tỳ. Nặng thì dùng vị sa tiên thạch.

9) *Vị trái quả*.— Dùng những vị đinh hương, nhục quế xạ hương, la bạch tử.



10) *Vị cá hay ba ba.* — Dùng những vị tử tó, quất bì, mộc hương, nước gừng sống, phân trắng. (Vị này chuyên chữa chứng vị ăn thịt ba ba mà thành hòn, ta gọi là chứng miết ba).

11) *Vị ăn thịt chó.* — Dùng những vị sa nhân, sơn tra.

12) *Vị giun trắng.* — Dùng những vị hồng hoàng, tích hôi, bình lang, lõi hoả, vô dĩ, phỉ tử, xê quân tử, xuyên luyện.

13) *Vị sốt rét lâu.* — Dùng những vị miết giáp, thảo quả.

Ông Trương-Tử-Hoà nói chứng này phải dùng thuốc ba, nhưng ta phải xét kỹ, nên hạ hay không, và tích vị thứ gì, nếu dùng lầm là tội giết người.

Chữa những chứng tích mà nôi ọc nước chua, ngứa bí cách mà trong bụng buồn hoặc đi cần, hoặc bí kết, tỳ vị yếu, mặt vàng, bụng trướng, chân tay, xương cốt đau mỏi, hơn nữa 'thời phù nề, thường dùng bài « toàn tích đan ». Lấy bài « Bình. vị tán » làm chủ mà gia vị như sau :

Nếu là khi tích vô hình thêm vị mộc hương, đinh lăng, thanh bì, trần bì, trâm hương, la bặc tử, hương phụ và mấy phiên chương thụ bì, nếu bệnh nặng thời đem vị ba đan sao lẫn với các vị thuốc rồi bỏ ba đan đi.

Là chứng huyết tích có hình thời thêm những vị tam-lăng, nga truật, ngưu tất, xuyên khung, qui vĩ, miết giáp.



hồng hoa, băng-xa, đào nhân, nhũ hương, một dứa. Bệnh nặng thời thêm vị nguyên hoa đơn với giấm thanh.

Là chứng tích vì rượu thì thêm vị cát căn, hoàng liên, sa nhân, mạch nha, trần bì, mộc hương, chử linh, trạch tả, xa tiền.

Là chứng tích vì quả thì thêm những vị thảo quả, sơn tra, hương phụ, ô dước, chỉ xác, xương bồ.

Là chứng tích vì cá thì thêm vị tử tô. Nặng thời thêm vị thạch phàn (đem sao lã với các vị thuốc nhưng phải sao vị thuốc cho nóng đã rồi mới bỏ thạch phàn vào, xong rồi bỏ thạch phàn đi mà chỉ dùng các vị thuốc ấy).

Là chứng tích vì thịt thì thêm vị sơn tra, a-bù.

Là chứng tích vì ngũ cốc, thì thêm vị mạch-nha, cổ-nha, thân-khúc, chỉ-thực.

Là chứng tích vì nước thì thêm vị bán-hạ, phục-linh, địa-h-liên, trạch-tả.

Nếu có đi sảo thêm vị nhục-quả.

Nếu có phù nề thời lấy vị thương lục sắc lấy nước để nấu bỏ mà viên thuốc hay là dùng thanh phàn sao với thuốc rồi bỏ thanh phàn đi để khỏi hại người.

Là tích vì đờm thì thêm những vị hải phẩn móng-thạch, bán hạ, bạch phàn, phong hóa tiên.

Là tích vì hàn và mới thọ bệnh thời thêm những vị san khương, ba đậu, lương khương, hồi hương, bạch đậu, ích chi nhân, hay một ít xương bồ.



Là lịch si nhiệt thời thêm những vị hoàng liên, hoàng bá, đại hoàng, hoạt thạch. Người yếu thêm vị nhân sâm.

Nếu có trùng giun thời lấy một cân vỏ khô luyện, mười quả bồ kết, sắc lấy nước rồi canh đặc thành cao, đổ viên bài « ngũ lịch », rồi tán trầm hương để làm áo cho viên thuốc ấy, sau lại tán lõi hoàn và mộc hương để làm áo. Mỗi lần uống 10 viên chiêu bằng nước đường, vào trống canh tư, nếu trùng giun không có mấy, thì chỉ lấy giấm thanh nấu hồ mà viên thuốc, mỗi lần uống hai, ba mươi viên với nước cơm vào lúc đói (những viên thuốc ấy nên to bằng hạt ngô).

•••

2. — CHỨNG TRÙNG GIUN

Căn bệnh : Ta xem, gỗ mục có sâu mọt và cỏ mục có đom đóm, đủ biết trùng giun trong phẩn người là do khí thấp nhiệt sinh ra. Hơn nữa, ăn nhiều thức sống, thức lạnh, thức tanh, lại uống rượu có men, nuốt lẫn thành ra nhiệt mà có trùng giun.

Nếu tạng phủ yếu, dạ dày nóng hay lạnh, hay là lại ăn thứ ngọt thứ béo thì trùng giun động lên.

Có sách nói : « Thân người ở trong có trùng giun, ở ngoài có chấy rận một khi bị lạnh hay nóng thời không yên mà làm ra bệnh, nhất là những thứ khó tiêu hóa, hay là làm bằng men rượu, hay nuốt phải lông tóc thời dễ sinh ra trùng giun, còn có người vì nghiện trà nghiện



ruột thời trùng giun ở trong cũng nghiệm, nếu không có trà [ruột, thời không chịu được, có người ăn cả đất vách cũng bởi trùng giun

Thứ trùng ấy có khi không tưởng tượng được, như những chứng « trướng » « hà » vì tóa (phát trướng) hay vì thối ba ba (nhiệt hà) chứng lao truyền, thời chết người và hại đến đời sau.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Sân trùng động lên (đi lại lên xuống), cắn rút ở tràng vi, khiến cho bệnh nhân tâm thần buồn loạn, thổ ra nước trong, hơi dài trắng, trên bụng có gân xanh, lợm lợm và như chứng kinh giãn thì phát lờn mắt không trông rõ tay không co giật, nhưng sắc mặt hoặc xanh, hoặc đen, hoặc vàng, trên môi có tơ huyết như móng chân cua, ăn uống không tiến hóa, cơ nhục gầy mòn, nếu không chữa ngay thời trùng giun ấy sinh ổ mả, phạm lên tim thời người chết.

Lại có thứ giun dài hằng thước, chạm đến tim là chết.

Tóm lại, trùng giun động lên thời bụng đau khác chứng đau thường là lúc đau lúc khỏi, miệng thổ nước trong, môi và miệng tia hay đen, mọi chứng đau bụng khác thời mạch trầm nhược và huyền, nếu thấy mạch lại đại là đau về giun, trẻ em hay có chứng ấy.

Cổ thư nói : Người nhọc thì sinh nhiệt, nhiệt thời sinh trùng, trùng ở tạng tâm, gọi là hời, ở - tạng ti gọi là thốn bạch dài 1 tấc (tức là « bạch thốn trùng ») rồi liền lại dài hằng thước, chứng này vì ăn thịt trâu và uống rượu mà thành ra, có thể chết người. Trùng ở tạng thận như



sợi tơ. Trùng ở chỗ đi cần như bột hạnh nhân như ra. Trùng ở tạng phế tựa như con tằm, những thứ trên đều có thể chết người mà trùng ở tạng phế tệ hơn, ăn lá phổi của người thành ra chứng lao, ho khạc ra huyết rồi mất tiếng, thuốc chữa không nổi.

Các thứ trùng đều sinh bởi tạng can, cho nên đau bụng về trùng thời mạch tạng can « đại » có khi trùng giun tu lại mà lạnh cả chân tay tựa chứng mạn kinh của trẻ em, chỉ khác là môi, miệng có sắc tía.

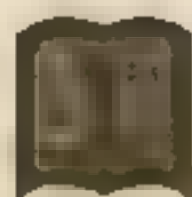
Cổ thư lại nói: Người lớn trẻ em thức ăn không tiêu hóa được thời ở trong thấp nhiệt mà sinh ra trùng. Lại nói: Trong bụng đã nhiệt mà huyết của tạng phế hư tổn, đã nhiệt thời trùng đi tìm thức ăn cho nên đau, nếu môi trên thấy có nhọt là chứng vực trùng, thứ trùng ấy khiến cho tiếng nói ngọng. Môi dưới thấy có nhọt là chứng hồ trùng, ăn chỗ gang môn (chỗ đi cần), thứ trùng ấy làm hại tỷ vị, nếu mạch phải ít có người sống (xét về mạch thấy hư và tiểu thời sống, khẩn mà cấp thời chết).

Lại có ba thứ trùng :

1) *Phục trùng* : cũng gọi là tràng trùng dài đến hàng tấc.

2) *Xích trùng* : trông như miếng thịt khiến bệnh nhân sôi bụng lên.

3) *Thiếu tràng* : trông như lá rau mà rất nhỏ ở nơi đại-tràng, có khi thành chứng trĩ, chứng lại, chứng ung thư, lở ngứa.



Lại có thứ trông như hột hạnh nhân đã đun như, khiến bệnh nhân đau mà buồn. Có thứ như con ếch trong khiến bệnh nhân nôn ọe hay ăn đất và than, trà hay muối, gừng hay bồ tiêu. Thứ nhược trùng cũng gọi là cách trùng hình đầu móng tay khiến bệnh nhân ngủ nhiều mà ăn kém đi, bốn thứ trùng ấy người lớn mới có, ngoại trừ chứng thiên trùng thì trẻ em cũng có khi có.

Còn loại ung thanh trùng dài hơn 2 tấc, trông như hình người, nếu bệnh nhân nói thời trùng ấy có khi trả lời. Loại phụ nhân trùng đến bà kinh bế bụng to thì khoảng một tháng là trong bụng thấy cử động, nhưng đến khi sanh cũng không sanh, đó là trong bụng có trùng. Chứng huyết miết trùng thời trẻ em có nhiều, vì ăn thịt con ba ba tích lại mà thành ra. Nhân sất trùng thời cồ mọc ra nhọt như thỏ thạch lựu, nở ra thời trùng như con chấy bay ra mất, chứng âm chung trùng lông ở cho kín thường sinh ra trùng ấy, ngựa không chịu nổi bay ra thời tám chân, trùng ấy, có con trắng, có con đỏ vì ta nấu nước kho sôi phải chất độc của rắn, rết, đĩa, hay là ăn phải trái quả có trùng độc, đến nổi bụng trên bụng dưới đau như cắn dùi, hay là đau ra cạnh sườn mà lúc đau lúc không, các thứ thuốc không chữa được.

Thứ lao trùng gia truyền cũng gọi là bệnh chó, theo sách cổ thời mới một đời mào chứng ấy thì con trùng như thỏ con nhái, gặp ngày « đinh » thời khởi lên ăn cánh phôi rồi về màng tạng tâm.

Đến hai đời mào bệnh ấy thời trùng như tóc rối, hay là như con rối, con mối, con ếch trong, gặp ngày « canh », ngày « tân », thời trở ra ăn cánh phôi rồi trở về màng tạng phổi.



Đời thứ ba mắc bệnh ấy thời con trùng như con kiến hay con bọ-ngựa, con dím, gặp ngày « canh » và ngày « tân » thời trở ra ăn lá phổi rồi về kinh-quyết-âm.

Đời thứ tư mắc bệnh ấy thời con trùng như mọt to rồi hay như miếng gan lợn, hay như con rắn, con giun, gặp ngày « mậu » ngày « kỷ » thời trở ra ăn lá phổi rồi về màng của lá lách.

Đời thứ năm mắc chứng ấy, thời con trùng như con rùa hay con ba ba hoặc có đầu không chân, hoặc có chân không đầu, hoặc như con chuột hay như tinh huyết của người gặp ngày « giáp » ngày « ất » thời ra ăn cánh phổi rồi trở về ở màng của gan.

Đời thứ sáu mắc chứng ấy, thời con trùng như đuôi ngựa, một con cái, một con đực, hoặc con ba ba có đầu chân và đuôi hay như miếng bánh nướng, hoặc dài hoặc ngắn gặp ngày « sửu » ngày « hợi » thời ra ăn lá phổi rồi trở về màng quả thận. Lá phổi đã bị trùng ăn thời thổ đờm có huyết mà uống nói khàn khàn, chưa dễ mà chữa được.

HƯ VÀ THỰC

Tạng tý không vận hóa được thời sinh ra thấp, thấp sinh ra nhiệt, nhiệt sinh ra trùng, thế là chứng trùng giun cũng bởi người hư yếu, đã yếu thời phải bồi, nhưng lúc mới phát sinh mà khí lực còn mạnh nên chữa theo chứng thực (bệnh mạnh gọi là thực).

TỐT HAY XẤU

Các thứ trùng sâu đều làm hại cho người nếu đã được



vào ruột, phạm đến dạ dày, người gầy, tiếng khàn, sắc mặt đen, đau bụng như cắt da, đi cầu vô độ, có khi ra cả trùng giun đều là chứng chết.

PHÉP CHỮA

Người còn mạnh mà bệnh chứng mạnh thời nên uống thuốc công phát, người yếu mà bệnh nhẹ thời dùng thuốc đề an trùng, nếu không chịu thuốc thời sắc nước xuyên-tiên nấu dần để dẹp đi, có khi hòa thuốc với nước thịt mà uống để nhừ cho sâu trùng ăn ra.

Thuốc khử trùng nên uống vào ngày mồng 1 đến ngày rằm, vì nửa tháng về đầu tháng trời trùng giun ăn lên, nửa tháng về cuối thì trùng giun ăn xuống, cho ăn thịt dượng hay một giũ trùng giun ăn lên rồi sẽ uống thuốc.

Mọi chứng đau bụng thời mạch trầm và huyền, trái lại đau bụng mà mạch hồng và đại là chứng cơ trùng giun đã la nhột sinh ra trùng, cho nên mạch hồng và đại. Những người chỉ ưa ăn một thứ gì là trùng bụng có thể trùng ưa ăn thứ ấy, vậy phép chữa dùng những thứ bệnh nhân ưa ăn mà thêm vào những vị sát trùng thời chóng có công hiệu. Tại dụ bệnh nhân ưa ăn lá rau thời lấy lá rau mà hoàn những vị thuốc như vị lõi hoàn, vị bình lang, vị xuyên luyên, vị xử quân v.v... nếu người yếu mà trùng không được yên thời nên bỏ lý vị, nghĩa là giống trùng giun gặp vị xuyên kiên thời dẹp xuống, gặp vị đẳng hay chua thì yên tĩnh.

Trong miệng thở ra giun là hỏa ở dạ dày bốc lên mà giun không được yên, nên uống trước vị ô mai, vị hoàng liên để giáng xuống, rồi mới dùng thuốc sát trùng.



Vị hoa tiên đủ sát trùng nhưng có tính chất, nên nóng trong khi thờ giun thờ trùng giun động mạnh quá mà hại đến trùng vị, có khi không chữa được.

Còn chứng lao trùng ta gọi là « truyền khí » thời phải ôn bổ rồi sẽ uống thuốc sát trùng nên chớ có thứ tự. Thứ trùng ấy ở vào cánh phổi, chích không tới nơi, uống thuốc không đến được, mà ta gọi là chứng « sao mạnh » tức là chứng bệnh không chữa được.

Những vị thuốc dùng về chứng trùng giun :

1) *Thường dùng* : Những vị lõi hoàng, quán chúng là sơn khô, bạch bộ, tán của chi.

2) *Mạnh cho khí lực* : như những vị phụ tử, can khương (thêm vào với vị thuốc sát trùng).

3) *An-trùng* : như những vị khồ sâm, hoàng liên (trùng gặp vị đắng phải yên).

4) *An-trùng* : như vị ô mai, khế tử (trùng gặp vị chua phải mềm ra).

5) *Thở trùng* : Những vị lê lô, qua để (đem trùng giun thờ ra).

6) *Hạ trùng* : Những vị nguyên hoa, hắc sủ (đem trùng xuống để đi cầu ra.)

7) *Chữa giống trùng làm ra nhọt ngứa* : Hùng hoàng, xuyên tiêu, xà xàng, chương thảo, thủy ngân, bình lang.

8) *Chữa chứng trùng ở răng* : Những vị hồ đồng lệ, tránh quán tử, phỉ tử, thuyên lô.



9) *Chữa chứng trùng lâm phong ngứa* : Những vị xuyên sạ bì, hải đồng bì.

10) *Chữa chứng trùng ăn về cửu khiếu* : Những vị thanh xương tử, phú bồn điệp.

11) *Những vị chữa lao trùng* : bại cổ bì (da mặt trống đã nát) đào phù bản, hồ cốt, xương trâm của người chết, xương chi quán, móng chân hay móng của con dím.

12) *Chữa chứng trùng nói tiếng người* : Nước chàm (thứ này thời thổ ra khối thịt dài hơn 2 tấc rồi tiếng nói của trùng sẽ ngừng), hay lõi hoán (bỏ vỏ tán bột sắc uống),

13) *Chữa chứng trùng ở chỗ kín* : Ngân hạnh (dùng để xoa). Ngân châu (sắc nước đun) hay là dùng cành vôi phía đông nam của cây đào cây lêu, hay rễ phía đông của cây ngô thù hay là phía đông của cây thạch lựu, đun sắc nước để uống thuốc, hoặc củi dùng rễ cây thạch lựu cũng được.

..

3. — CHỨNG TRÍ LẬU

Căn bệnh : Nguyên nhân của chứng này bởi phòng dục quá độ hay ăn nhiều thức ngọt béo, là vì no say rồi nhập phòng, tinh khí ra thời mạch yếu, chất độc của rượu lẫn đi, hay là tinh khí đã xuống mà giữ lại không cho ra, như vậy thì tinh khí ngừng lại, sang bên



đại tràng rồi ra chỗ đi cầu mà thành chứng trĩ, còn chứng lậu là trĩ lâu ngày có lỗ trắng loét ra mà chảy nước và mủ. Đã vì tửa sắc thời bởi thấp nhiệt mà thành bệnh.

PHÂN BIỆT BỆNH CHỨNG

Bên chỗ đi cầu có mụt nhọt sưng đau là trĩ, mụt ấy có lỗ hồng, rỉ nước ra không được khô là lậu. Trĩ lậu có 3 thứ. Bên chỗ đi cầu mọc ra như vú con chuột, mà có máu đặc chảy ra là « mẩu trĩ », nếu trĩ sưng lên mà trở ở trong là « lẩn trĩ ». Ăn no ngồi lâu khi uất là « khí trĩ », đi cầu ra máu loãng là « huyết trĩ », vì uống rượu nhiều là « tửu trĩ ».

Lại có chứng chỗ đi cầu mọc nhọt, ngứa rồi mới đau là chứng « tràng phong trĩ », vì sắc dục nhiều mà lay động huyết mạch là « mạch trĩ ». Hai bên chỗ đi cầu ló ra như 2 cái vú mà cái to cái nhỏ là « thư hùng trĩ ». Tóm lại đều ở bên chỗ đi cầu, như vú con chuột, hay là rắn lại như một cái hột vừa ngứa vừa đau, chứng ấy lâu ngày thời phát sốt ghê rét.

HƯ VÀ THỰC

Mọi mắc bệnh mà người và mạch còn mạnh thời chữa theo chứng thực, nghĩa là chỉ chữa bệnh, khi bệnh khởi mới dùng thuốc bổ. Còn mắc bệnh đã lâu, mà người yếu mạch yếu, thời nên uống thuốc bổ, khi khí huyết đã vừa, rồi mới chữa bệnh.



TỐT HAY XẤU

Chứng này lâu ngày thời khí huyết tồn thương, nên vừa bổ vừa chữa bệnh. Nếu chỉ cho uống thuốc hàn lương công phạt thời nguyên khí kém đi, mà chứng bệnh khác sinh ra, cũng có thể hại đến tính mệnh.

PHÉP CHỮA

Ông Đông-Viên có nói: « Đản đại tràng thành khối là thấp, đản nhiều là phong, đại tiện táo kết là hỏa nhiệt, thời phép chữa phải tả hỏa nhuận táo, trừ phong, hòa khí, chỉ thống mà thôi.

Trĩ đả thành lộn là nặng hơn, chữa chứng trĩ thì mát chân huyết và thanh nhiệt, nếu kiêm cả chứng lộn thời đả lương huyết thanh nhiệt mà còn phải rạo thấp khí đi, rồi dùng thuốc vít lỗ hồng và sát trùng, lại thêm thuốc ôn và tán. Có người ngờ chứng trĩ lộn bởi hỏa thời cơ sao lại dùng thuốc ôn và vít lại thế là không biết. Chứng lộn rỉ nước đặc ra, thì lúc trước là thấp nhiệt, rồi sau là thấp hàn, vì thế mà dùng thuốc ôn. Trong bách bệnh mà trước nhiệt sau hàn, ngay như chứng tả, chứng lý, chứng ọc thổ, lúc trước thì tràng phủ thì khí còn mạnh mà là nhiệt, bàn và chứng đả cần ra huyết có nói « Đả cần ra huyết mà không khỏi thì phải dùng thuốc ôn », cũng là nghĩa ấy.

Trĩ lộn lâu ngày có lỗ thủng mà thành thời phép chữa phải điều hòa chân huyết, trừ phong và tả hỏa, thêm vị bổ cho nguyên khí, rồi ngoài dùng thuốc xông và rửa,



nhất thiết không nên dùng dao kim cắt và khăn cho hại người.

Ông Lập Trai có nói : « Sưng đau mà đại tiện tiện bí, thời phải dùng thuốc mát chân huyết, nhuận cho khỏi táo, trừ phong, nếu vì hàn lương tỏa hao ở trung tiêu, thời nên điều dưỡng lý vị, thêm bổ âm tính, nếu đại tiện bí thời nhuận táo dưỡng huyết, nếu chỗ đi cầu truy xuống mà đau thời thanh hỏa, trừ thấp, nếu có ngứa thời trừ phong thăng thấp, nếu sưng đau tiểu tiện bí, thời void tọng can và trừ thấp, nếu vừa có chứng trĩ, vừa có chứng rắn khí thời dùng bài « Địa hoàng ích khí. »

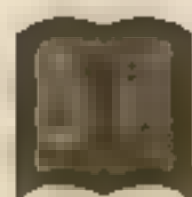
Theo ý tôi, chứng trĩ này, ngoài lẽ vì tẩu sảo, còn vì ở trong tích nhiệt độc, hay là ở ngoài cảm phong thấp, vậy phép chữa nên uống thuốc sinh huyết, mát chân huyết, thông đại tràng và thêm ít vị để đem lên.

Còn chứng trĩ lậu của trẻ em, bởi lúc thu thai người mẹ ăn nhiều thức nóng, thức nướng hay rượu, lúc sinh rồi thời nhiệt ở tạng tâm truyền sang tạng phổi rồi ra đại tràng mà thành bệnh. Phép chữa nên mát chân huyết, giải độc, ngoài dùng thuốc rửa và bôi.

Chứng này lúc mới nên uống những vị như : tần giao, hắc giao, liên kiều, thê bối mẫu, ngoài dùng thuốc rửa và bôi để sát trùng, nhưng bệnh nhân cần phải bớt tình dục, nếu để lâu có lỗ thủng mà thành chứng lậu thời phải bổ thêm khí huyết trừ trùng.

Những vị thuốc chữa về chứng này :

1) Những vị để bổ khí huyết như : sâm, trạch, phục



Hành, phục thần, hoàng kỳ, phụ tử, khương, quí, sinh địa, bạch thược, a giao, sam thảo.

2) Những vị để thanh giải : Hoàng cầm, hoàng liên, liên kiều, qua lâu, địa long, thăng ma, hoa hoa, hồ giải, xích thược.

3) Những vị để thông đại tràng và kín lỗ hồng : chi xác, xích thạch chi, bạch thạch chi, khô phân, hoàng đơn, long não, khê tử.

4) Những vị để thêm vào : Bạch chỉ, đa con đím, hoa mão gà, lục phân, hồ đào nhân, bạch phụ tử, nam tinh, (chứa chứng tràng phong) kim ngân hoa, tang kiến, cá giếc, mật gà, mật gấu, phiến não, móng chân của con lợn, hạt gạo, củ nghệ, gừng hoàng, một dược, nhũ hương, quả bồ kết, xuyên sơn giáp, xáo răn, đầu sừng trâu, long não, phòng phong, kinh giới, cỏ mạch, phòng kỷ.

..

4. — CHỨNG HOẮC LOẠN

Căn bệnh : Gọi là chứng hoắc loạn là chỉ trong chỗ lạt mà trong bụng rối loạn. Nội kinh có nói : « chứng hoắc loạn thuộc về kinh thái âm ». Lại nói : « tý thổ bị nứt thời phải chứng hoắc loạn ». Lại nói : « Kinh túc-thái-âm khi ngược lên thì phát thành chứng hoắc loạn ». Sách Xảo Thi Bệnh Nguyên lại nói : « Bệnh hoắc loạn bởi khi ở trong người không đầy đủ hay là ăn uống thiếu tiết độ (thiếu tiết độ thời tạng tỳ kém vận hoá, nên



thăng lại không thăng, nên giáng lại không giáng, vì thế chứng này trên thổ dưới tả, mà mạch phần nhiều phos hay tuyết) hay là hại về thất tình (thất tình khi đã hết thời bị tắc không lưu thông mà thành ra đờm thổ choáng vàng). Ngoài cảm như ban ngày cảm nhiệt khi đến đêm lại cảm hàn khí hoặc trong có nhiệt mà ngoài cảm hàn phong hay thổ.

Chứng này thường phát về mùa hạ, mùa thu, vì tiết kỷ khí dương bức ở ngoài, khí âm lấp ở trong, khiến bệnh nhân âm dương trái nhau, thanh khí và trọc khí va chạm nhau, khí âm khí dương bị cách, loạn ở trong tràng vị khí dương không giảm, khí âm không thăng, tà khí và chính khí phạm nhau đến nỗi trong dạ dày hỗn loạn mà đau bụng mà đầy trướng.

Nội kinh nói: « chứng ở trong bụng no đầy là bởi kinh thái-âm, nên bệnh nhân thành chứng hoặc loạn vừa thổ vừa tả, thanh khí lại ở âm phận, trọc khí lại ở dương phận, hai bên va chạm nhau làm rối loạn ở tràng vị, thời thành chứng hoặc loạn. »

PHÂN BIỆT BỆNH CHỨNG

Bụng trên bụng dưới đau lâm hay vừa đau vừa đầy trướng, sốt và ghê rét, phiền khát, miệng ráo (về dương phận nhiều thời nóng nhiều mà khát, về âm phận nhiều thời rét nhiều mà không khát). Bất thần vừa thổ vừa tả (vì phong mộc còn tả là vì thấp ở tỷ thổ). Như đói choáng vàng, tả ở thượng tiêu thời đau bụng trên trước mà thổ trước, tả ở hạ tiêu thời đau bụng dưới trước



mà đi tả trước, tả khí ở trung tiêu thì bụng trên bụng dưới đều đau mà vừa thở vừa tả.

Hơn nữa, bởi ăn nóng mà phát bệnh thời bụng dưới đau như vận ra. Bởi tạng tâm thời chỉ đau bụng trên bụng dưới. Bởi phong hàn thì đau mình nặng chân tay, xương đốt đau mỏi, hay là tự ra mồ hôi, hoặc chân tay giá lạnh thiếu hơi thở và môi xanh. Sau khi thở tả thời chuột rút (thở tả thời nước tân dịch khô đi không có huyết để giữ gân nên mới co trở lại nhẹ thời 2 chân chuột rút, nặng thời khắp người chuột rút mà chân tay lạnh, lúc đau bụng như muốn chết đi.

Chứng hoặc hoặc phân ra 3 thứ :

1) *Thử hoặc loạn* : hoặc loạn vì năng tức là chứng thấp hoặc loạn (hoặc loạn vì thử và thấp) chứng mùa hạ mùa thu có nhiều, tháng rét cũng có là vì năng âm, chứng này ít khi chết người.

2) *Chứng thấp hoặc loạn* : Có nôn và có đi cầu, chứng này ít khi chết người.

3) *Chứng can hoặc hoặc* : không thở, không đi cầu, mà chỉ đau bụng khan, chứng này có nhiều người chết. Bệnh chứng thốt nhiên đầy trướng, bụng trên bụng dưới đau như vận ra, trên dưới ngăn cách, chuột rút khắp người, mười ngón chân giá lạnh mà đờm vận lên, chứng này có thể chết trong chốc lát, nếu cho ăn nóng thời càng chóng chết, căn bệnh bởi hàn thấp nhiều, tạng tỷ không vận động được, khí bị nút mà không vận hành ; tỷ thở đã nứt, thời hỏa nhiệt rối loạn ở trong bụng, vì thế thốt nhiều đau mà chân tay giá lạnh, lợm lợm, ợ khan, cũng



gọi là chứng « giáo trường xa » nghĩa là đau bụng quá độ, khác với 2 chứng trên.

Chứng này nên mặc eo ống hông cho thò ra mà săn lại tiền tiện, nhưng khỏi rồi không được cho ăn sớm, phải sau mấy giờ (muốn thò, không thò, muốn ọe, không ọe mà lợm lợm là bởi dạ dày có đờm và nhiệt, nên dùng gừng sống giúp cho sức thuốc vì gừng sống nhẹ được đờm).

HƯ HAY THỰC

Hoặc loạn là bệnh nguy cấp phải chữa mạnh để trục tà khí giữa chính khí. Dù người có thai cũng không kiêng vì quá phụ, san khương, còn hư là bệnh nhân vẫn yếu hay là mới ốm khỏi mà gặp chứng ấy cũng phải đợi khỏi bệnh mới uống được thuốc bổ. Cờ thư có nói : « chứng đau không có phép bổ ».

TỐT HAY XẤU

Chuột rút mà thấy mạch hồng là dễ chữa. Nếu mạch vi, nhược, trầm, tri là chết ! Ở bụng cũng chuột rút vào, hòn đá eo lên là chết.

Chứng giáo trường xa (tựa chứng này) mạch phù, hồng là sống, vi, tri, là chết.

Xoa phân ra không biết, hay là ít hơi không nói được, hay là mồ hôi như mỡ mà đọng lại như sức áo hay là muốn ngồi vào trong nước lạnh hay là bốn chân tay không eo vào, là con trai thời người ngoài lấy tay kéo ngọc hành ra, là con gái thời lấy tay kéo chỗ gần hai bên vú ra, nếu bệnh nhân lười rút vào là chết.



Chứng hoả loạn thấy mạch đại là sống vì rằng chứng ấy là khí ở trên dưới rối loạn, đến khi khí của tạng tỷ hòa bình thì khỏi.

Mạch vi mà hoạt thời sống, sảo mà sảo là xấu, khi khỏi mạch thấy đại không nên sợ, vì chứng thổ tả, mạch thấy kết hay xóc hay đại ấn phao hay hồng mà đại, đứng đoán là chứng chết, nếu mạch vi và tế muốn tuyệt mới không chữa được.

PHÉP CHỮA

Phép chữa phải thẩm thấp tả tả. Nhưng tỷ vị có người yếu có người mạnh, tả khi cảm vào có âm dương, khác nhau, vậy không nên sóng phạt quá để tạng tỷ yếu thêm, không nên dùng thuốc nóng quá để hỏa bốc lên nhiều, không nên dùng thuốc hàn quá để hỏa ngăn cách, chỉ nên chữa trái lại để khai xuất tán hỏa mà thôi.

Chứng hoả loạn là bệnh về khí mà không phải về huyết, vậy không nên trích vào gân lấy máu ra để hại người là vì người ta chân huyết thường thiếu, thời không nên làm hại thêm, còn người già yếu có thể nguy khốn.

Sở dĩ không trích ra để lấy huyết xấu là vì khí nhờ ở huyết, nếu huyết thiếu khí phải bốc vượt lên, hơn nữa khí dương hư yếu thời ghê rét, khí âm hư yếu thời phát sốt. Nội kinh có nói : « khí âm thiếu thời ốm, khí âm kiệt thời chết », vậy chỉ nên đun nước đại trệ em nóng lên cho vào ít muối đã rang, để nguội uống ba lần, khi thò ra thời khí thông lên trên, tiểu tiện đi ra ở dưới, là trong bụng lưu thông.



Có khi chỉ dùng một nửa nước sôi hòa với một nửa nước lạnh uống vào cho thổ ra, cũng là lẽ hòa âm dương và cho thông đi. Cổ thư có nói : « chữa bằng phép cho thổ ra là có ý phá tan » khi thổ rồi dùng thuốc để chữa về thấp nhiệt, phong thử hay thất tình, vì rằng chứng này lúc mới không nên cho uống thuốc ngay, chỉ uống nước muối cho thổ ra, nhất là nước muối hòa với một nửa nước đun sôi, một nửa nước lã sàng tốt, hay là thêm sa nhân tán bột cho vào, để uống cho thổ ra, rồi cho uống bài hoặc hương chính khí là hơn cả. (nhớ đừng cho uống nước nóng).

Bệnh khởi rồi không nên cho ăn ngay, chỉ nên cho uống nước là biển-đậu hay là vị bạch-biến-đậu để sao sắc lấy nước cho uống nguội. Là vì chứng này với chứng thổ tả nếu cho ăn ngay có khi chết, uống những thứ kể trên rồi dần dần cho uống nước cháo, rồi đến cháo loãng.

Chứng thổ tả khắp người chuột rút chân tay giá lạnh, lúc sắc lấy muối sao buột vào trên rốn hay là lấy lá ngải sao nóng buột vào thời gần chết cũng có người khởi ngay.

Nếu thổ tả không ngừng, bệnh đã nguy cấp, hay là khát nhiều mà muốn uống nước lạnh, hay là sợ rét chân tay lạnh muốn ngồi trong nước nóng, phát sốt uống táo muốn bỏ chân áo ra, thế ra khí âm thịnh cách khí dương trở lên, đừng cho muốn uống nước lạnh và muốn cởi áo là nhiệt, phải nên cho uống bài lý chung thang hơn nữa thêm phụ tử, nếu không khởi thời cho uống bài tả nghịch mà đều phải uống nguội.

Chứng hoả loạn là khí dương không lên được, khí âm không giáng được, hai bên ngăn cách, cho nên phép



chưa không thờ thời cho thờ ra, nếu không đi cầu thời cho đi cầu, là lấy lẽ cho khi âm khi dương thư thái, nhưng phải xem bệnh nhân là hàn thấp mà đi lỏng phân, mặt xanh, chân tay lạnh mà không khát đều là âm thịnh thời dùng bài *cửu dương thang*. Trái lại thời là chứng dương thịnh phải dùng bài *cửu âm thang*. Mùa hè đau hoặc loạn thờ ra huyết, đi cầu những nước không ngừng thời dùng hoặc hương, trần bì và 2 nhát gừng sắc nước cho uống cũng khỏi, nhưng là chứng can hoặc loạn nghĩa là chứng hoặc loạn đau bụng khan không thờ, không tả mà chuột rút thời lại kiêng những vị ấy.

— Những người ăn nhiều quả xanh, uống nhiều nước lã, chân tay nặng, xương cốt đau, mà gặp chứng này là bởi ở thấp khí, nên dùng bài « nhĩ truyệt » thêm bạch phác, trần bì, phục-linh, trạch tả và chút xạ hương v.v...

— Những người vì thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) uất kết, tay chân giá lạnh, kém hơi mà tinh thần nhẹ nhàng, nếu gặp chứng hoặc loạn là bởi « hàn » nên uống bài « tứ nghịch » thêm chút muối, bệnh nhân chuột rút là san một khối tỷ thờ thời uống bài « bình vị tán » thêm một quả.

— Nếu bệnh nhân người sốt, phiền táo, khát nhiều, thờ ở ở, mặt xạm là vì chứng « thử » thờ uống bài « thạch nguyên tán » thêm hương nhu, hoàng liên, mà cho uống nguội...

— Nếu vì thức ăn ngưng trệ mà đau bụng không muốn tho xoa, đau ở bụng trên thời cho uống nước muối để thờ ra, ở bụng dưới thời cho uống nước đại hoàng để tiêu đi.



— Nếu bình nhân thở tả không ngừng, nguyên khí hao tán, khát ưa nước nguội hay là sợ rét, chân tay lạnh, hoặc phát sốt phiền táo, muốn bỏ chăn áo ra, thời ta chớ hân lắm là chứng nhiệt, đó là khí âm mạnh quá, cách khí dương trở lên nên cho uống bài « lý trung thang » hay là « phụ tử lý trung thang », nếu không khỏi thời uống bài « tứ nghịch » mà điều cho uống nguội.

Những vị thuốc dùng về chứng hoặc loạn.

Những vị để hành khí thông trệ : Hoắc hương, trần bì, xương truật, hân phác, tam lăng, nga truật, thanh bì, tô tử, hồ tiêu, mộc hương và muối. *Những vị thuốc để ôn trung thẩm thấp* : khương, mộc qua, tiểu mạch, ngô thù, phục linh, quế tâm, quan quế, khương, quí, hoạt thạch (có thấp nhiệt mới dùng).



3.— CHỨNG TIẾT TẢ (đi cầu lỏng)

Căn bệnh : Nội kinh có nói : « Mùa xuân cảm về gió thời mùa hè đi cầu ra cả cơm, rồi thành chứng đông tiết ». Lại nói : « Thanh khí lại ở dưới thời sinh chứng đi cầu lỏng phân ». Lại nói : « Thấp khí nhiều hơn thời đi cầu lỏng phân ». Lại nói : « Đi cầu mạnh như rót nước ra mà chỗ đi cầu thấy bực bách là thuộc về nhiệt ». Lại nói : « Những chứng đi cầu ra nước trong là hàn ». Như vậy thời chứng đi cầu bởi phong, bởi thấp, bởi hàn, bởi nhiệt có bốn thứ khác nhau.



Mé trên dạ dày là « hôn môn », nước và thức ăn do đó vào dạ dày. Mé dưới dạ dày là « u môn », cặn bã tự đó vào tiểu tràng. Tiểu tràng có 16 khúc, nước và thức ăn vì thế mà đi thông thả. Còn « la môn » là mé dưới của tiểu tràng, nước và thức ăn do đó phân biệt, cặn bã thời vào đại tràng, và nước trong thời vào bàng quang. Nếu nước và cặn bã không phân biệt mà vào cả đại tràng là chứng tiết tả.

Ông Đông-Viên nói : « Một khi ăn uống không tiết độ, lúc làm lúc nghỉ không có thời khắc thời tồn đến khi sữa dạ dày, mà thanh khí là khí trong sạch vốn đem trở lên lại trở xuống mà thành đi cầu.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Cổ thư có phân ra mười thứ khác nhau :

1) *Chứng thấp tả* : Đi cầu như rót nước xuống tiểu tràng, không đau, sôi bụng, nặng mình.

2) *Chứng nhiệt tả* : Tiểu tiện đỏ mà ít, phiền khát, trong bụng nóng, dù đi cầu ra cả cơm nhưng thành sẫm xanh, sẫm vàng, hoặc đỏ tía, hoặc đỏ, hoặc đen, cử động được, chân tay ấm, tiếng nói trong trẻo.

3) *Chứng hàn tả* : Tiểu tiện trắng trong, không khát, trong bụng lạnh, đi ra cả cơm mà không biến sẫm hay là sẫm trắng, không muốn cử động, mắt lơ đãng, sợ rét, đau mình, đầy bụng, sôi bụng réo lên, khiến đi cầu như vệt đi, nguyên cả hột cơm mà chân tay giá lạnh.

4) *Chứng tả vì ngũ tạng lạnh* : Đem thức gì nóng và chườm vào bụng để chẹn, chứng tả, thấy biến sẫm là nhiệt,



mà không biến sắc là hàn, nhưng chỗ đi cầu thấy khô ráo, tiền tiện vàng hay đỏ, thời đi không biến sắc cũng là nhiệt. Đó là nhiệt tà, không nghiền được thức ăn, tính của hỏa vẫn còn, nên ăn rồi là đi ngay.

5) *Chứng phong tả* : Bệnh nhân gbet gió, tự ra mồ hôi, đi cầu rớt ra huyết xanh, bởi mùa xuân cảm phong hàn, mùa hạ cảm khí thấp lãnh, cho nên đi cầu mạnh (chứng này không nên dùng thức ôn mà vít lại để biểu ra chứng lý).

6) *Chứng thổ tả* : Đi ra như rớt nước, phiền khát, mà phân đỏ.

7) *Chứng thực tả* : (tả vì ăn) Đau bụng lắm mà đi cầu rồi thời nhẹ đau (thức ăn tích lại mà cô hỏa, mùi hơi như trứng gà ung, ợ ra nước chua)

8) *Chứng đờm tả* : Lúc đi cầu, lúc ngừng, lúc nhiều, lúc ít, là vì đờm ở trong tạng phế đến nỗi đại tràng không bẻ vít được, (phế và đại tràng tương thông với nhau).

9) *Chứng hỏa tả* : Khát mà ưa nước nguội, bết đau bụng là đi cầu, sôi bụng và đau một trận, thời đi cầu một trận, chỗ đi cầu nóng và đau. Đi vội mà phân lầy lầy.

10) *Chứng thất tình tả* : (Tả vì 7 tình) bụng thường đầy hơi, muốn đi cầu không được, mà đi thời không thông.

Lại phân ra bởi 3 tạng hư yếu :

1) Vì tạng lý hư yếu, chứng này dễ ăn uống là đi cầu mà người mỗi một.



2) Vì tạng can hư yếu, chứng này vì tức giận bại đến tạng can, can mộc khắc tỳ thổ nên mặt xanh mà chân giá lạnh.

3) Vì tạng thận hư yếu, bởi sắc đục bại tạng thận, không bế vít được, thời chân lạnh, gần sáng thời dưới rốn đau như vẹo ra, hay là chỉ sôi bụng rồi phải đi cầu ngay từ đầu chớng canh năm.

Tóm lại vì thận, vì can thời ít mà vì tạng tỳ yếu thời nhiều. Chứng đi cầu lỏng phân mà bởi tỳ vị thời mọi người đều biết, nhưng nếu tạng can, tạng thận được mạnh thời có thể bế vít lại được, một khi yếu thời không đủ sức bế vít mà cũng thành chứng đi cầu.

Sách Nam kinh phân ra 5 chứng :

1) Vì dạ dày : thì đi cầu ra sắc vàng.

2) Vì tạng tỳ : thì đầy bụng mà đi ra như rót nước, ăn vào có khi muốn nôn.

3) Vì đại tràng : thì ăn vào là bở bách, đi cầu ra sắc trắng, sôi bụng mà đau mạnh dữ dội.

4) Vì tiểu tràng : thì đau số ít mà đi cầu có khi ra cả máu đỏ, đau bụng dưới.

5) Chứng đại hà tiết : vọt đi cầu mà lúc đi lại bế vít lại, phải đi luôn mà không được, đi đại mà cũng đau mà ít. Chứng đại-hà-tiết tức là chứng thận-tiết nghĩa là vì tạng thận hư yếu muốn đi mà không đi được, tựa lý mà không phải lý, người không biết mà chữa theo chiều lý tức là chứng trở hạ thời rất nguy khốn là vì chứng lý bởi tả khí mà đại tràng truy xuống nên lúc đi phải rặn (bậu



trọng) nên chữa bằng những vị đại hoàng, bình lang là khỏi mà chứng này lại khác.

Đi cầu bởi tỳ vị, mà cũng bởi tạng thận, là vì hỏa ở mệnh mai suy yếu không sinh được tỳ thổ.

Cổ thư nói : « tạng thận khai khiến ra đại tiện và tiểu tiện (nhĩ âm) thế là tạng thận không những giữ chức vụ về tiểu tiện mà đại tiện đi được hay không, nhiều hay ít cũng ở như tạng thận.

Còn chứng *thận-tả* tức là *thận-tả*, là chứng phải đi cầu vào ngay lúc đầu trống canh năm (giờ dần, bắt đầu tờ mờ sáng) đó là bởi tạng thận hư yếu, tuy tạng thận thuộc về hành thủy, nhưng khi nóng ở giữa tạng thận (mệnh-môn-hỏa) tức là tờ-khí về tiền niệu, giờ dần là tờ mờ sáng khi kỷ tam dương đã sinh mà nay dương khí không hoá được thức ăn, lại không thắng được khí âm mà bốc trở lên, cho nên phải đi cầu ngay vào lúc tờ mờ sáng tức là chứng *thận-tả* hay *thận-tiết* mà cũng gọi là *đại-hd-tiết*, là chứng triệu dương khí vong thoát thời phải bỏ khi bỏ hỏa.

Lại có chứng *giáo-tràng-tả* nghĩa là lúc đi tiểu-tiện thời lại đi cầu, lúc đi cầu thời lại đi tiểu-tiện. Chứng ấy bởi giệu dễ quá hay là vì no say quá đến nỗi ngũ tạng không theo đường lối cũ.

Có chứng *hoạt-tả*, là đi cầu lâu không khỏi, chỗ đi cầu tựa như ống tre rỗng đi tuột ra mà không ngừng. Chứng này bởi đại-tràng hư yếu mà nguyên khí hãm trở xuống không giữ lại được.



HƯ HAY THỰC

Người vốn yếu hay là sao niên hoặc mới ốm khỏi, hoặc đi tả đã lâu, mình mát, khí lạnh, mạch thời « trầm » mà « vi », đi cầu ra cả nguyên hột cơm, tiền-tiền trong mà đi nhiều, như trên đều chữa theo chứng hư yếu, đã có nóng sốt cũng là trong hàn mà ngoài nhiệt.

Trái lại, bệnh nhân vốn khỏe mạnh, chợt bị tà khí cảm vào, hay vì ăn uống đình lại lúc mới thời người sốt, nóng nước nhiều, tiền-tiền đỏ mà ít, đi cầu ra như rớt nước, đi được mới nhẹ, như trên đều chữa theo và chứng thực.

TỐT HAY XẤU

Mạch « hoãn » và « tế » là sống, « phù-hồng » là chết, đi cầu hàng ngày đến 10 lần mà mạch lại « thực » (chắc nịch) là chết, đi cầu lâu mà mạch hồng, đại, cấp, xáo hay ăn vào phải đi cầu ngay cũng khó chữa.

Đi cầu mà mạch « vi » hay « tế », ngoài da mát, trước đi tả sau đi lý, ăn uống không lọt, thế là 5 triệu chứng hư yếu cũng không thể chữa được.

Bụng to trương lên, 4 tay chân sút hết thịt mà đi đi cầu vẫn nhiều là sắp chết.

Ở trên thời đờm không ngừng, ở dưới thời đi cầu không chỉ, thế là trên dưới đều thoát, cũng không thể khỏi được.

Chân tay lạnh là khí của lục phủ tuyệt ở bề ngoài, hơn nữa chân tay bấu vào không biết, mà đi cầu vẫn không chỉ là khí của ngũ tạng tuyệt ở phía trong, đều là khó chữa.



PHÉP CHỮA

Khi trong sách lại ở dưới thời thành chứng đi cần, đó là tạng tỳ hư yếu mà hãm trở xuống. Tóm lại, tạng tỳ mạnh thời thăng được thấp khí, nếu hư yếu thời phong hàn, và nhiệt, đều lẫn vào tạng tì, có chín phép chữa :

1) *Thâm-thấp* : nghĩa là ráo thấp khí đi để đi ra đường tiền-tiền thời đi cần đặt lại.

2) *Thăng-đề* : nghĩa là đem trở lên, khí thuộc về dương mà tính bốc lên, nếu khí ở dạ-dầy hãm trở xuống thời mới thành chứng tiết-tả, vậy nên dùng những vị như : thăng-ma, sái-hồ, cát-sâm để đem vị-khí trở lên, những thuốc chữa về phong phần nhiều là ráo và phong có thể thăng được thấp khí.

3) *Thanh-lương* : nghĩa là dùng thuốc mát, những chứng đi cần mạnh mà bốc bách trở xuống, nên dùng vị thanh lương, nghĩa là vì nhiệt thì thanh đi.

4) *Lưu-lợi* : nghĩa là dùng thuốc cho thông lợi. Chứng tả có khi vì đờm ngưng, vì khí trệ, vì thực tích, vì thủy đình lại, thời nên dùng thuốc cho thông đi.

5) *Cam-hoãn* : Nghĩa là dùng vị thuốc cam ôn để hoãn lại, vì chứng tả có khi đi mạnh tức là nghĩa chứng bệnh cấp thời hoãn lại.

6) *Toan-thu* : đi tả lần thời không thu vớt được, có khi dùng vị chua để thu vớt.

7) *Táo-tỳ* : Nghĩa là làm ráo cho tạng tỳ, vì tạng tỳ bị thấp khí thời hư yếu mà phải đi tả, nên phải dùng thuốc bổ tỳ cho ráo và mạnh lên.



8) Ôn-thận : Nghĩa là ôn cho tạng thận, một khi hỏa của tạng thận hư yếu không giúp được tý để nấu chín thức ăn, nên phải ôn cho tạng thận.

9) Cố-sáp : nghĩa là dùng thuốc để vít lại, đi cầu lâu thành chứng hoặt-lả, thời phải dùng những vị để vít lại.

Phép chữa tả không ngoài phạm vi đã nói ở trên, nên thầy chứng mà dùng.

Chứng này tuy có vị phong, thứ, thấp, hỏa, đờm, hư, hàn và thực khác nhau, nhưng vị thấp thời thấm đi, vị hỏa thời thanh, vị hàn thời ôn, vị hư thời bổ, vị đờm thời thông đi, vị thức ăn thời phải tiêu hóa, vị hãm xuống thời phải đem lên, nếu có hoặt thoát mới dùng thuốc để vít lại.

Còn chứng vị khí thoát mà hư yếu, chọt đi tả thật nhiều mà không biết gì, nhắm mắt, ngậm miệng thở hút không đủ sức, có thể sắp chết, thời cứu ngay huyết khí-hải, mà chỉ cho uống cao nhân-sâm là khỏi.

Chứng âm hư mà tạng thận không giữ được, lại phải bổ mạnh cho tạng thận, nghĩa là chứng tả lâu thời chân âm hư yếu.

Chữa chứng giao-tràng-tả thời nên dùng thuốc cho thổ ra để đem khí trở lên, nếu mạch hư yếu thời cần phải dùng thuốc đem thanh khí lên, giáng tởp khí xuống, và bổ khí thấm thấp, khiến cho chỗ « lân-môn » giữ được chức vụ phân biệt đại-tiểu-tiện là khỏi, chứng này không những vị thuốc phá khí huyết, vị thuốc ráo và nóng.

Chứng đi cầu ngồi không số rặn mà chỉ có hơi phì



ra, là chân huyết kém quá, thanh khí bầm trở xuống, thời nên dùng nhiều những vị khung, quí, thực, và thêm một ít những vị thuốc để đem lên.

Thành-ngữ có câu : « Đi tả mệnh không phải là âm-chứng đi tả lãn không phải là dương-chứng » thì cũng như chứng thương hàn lúc trước là hàn mà về sau là nhiệt (không phải dương-chứng thời là âm-chứng mà là nhiệt, không phải dương-chứng tức là âm-chứng mà là hàn).

Người nào cứ buổi sáng là đi cầu một lần thật nhiều nếu chỉ uống thuốc ôn nhiệt vào lúc đói cũng vô hiệu, phải nên uống một lần trước lúc ăn cơm tối, là vì uống thuốc vào ban ngày thời đến đêm sức thuốc đã hết, không thể chống lại hàn khí trong một đêm.

Người nào tỳ vị và thực, khí huyết đều hư yếu, nên uống bài « thập-toán-đại-bổ » để chiêu viên thuố : « tứ-thần-hoán »

Người nào đại-tiện hoạt tả, tiểu-tiện đi ít hoặc chân thò hơi nề, sưng ho nhỏ dờm thời nên uống bài « gia giảm kim quỹ thạch khí hoán ».

Chứng đi tả về đầu trống canh năm thời nên uống bài « bát-vị-hoán » thêm vị phá-cổ, vị thổ-tí, và ngũ-vị-tử, mà lấy hoài-sơn nấu với hồ để hoán thuốc để bỏ cho chân ấm, chân dương hoá ở mệnh môn để vượng thời sinh ra tỳ-thở mà tạng tỳ cũng mạnh. Phương thuốc đời xưa có « tiểu-phụ hoán » và « ngũ-vị-lử-lân » đều là thuốc chữa về thần tả, ta cũng nên xét rộng.

Họ tiết có nói : « Tỳ vị hư yếu mà hàn để khí bầm trở xuống, nên dùng bài bổ-trung thêm mỗ-hương, nhục-quả, phá-cổ. Người nào khi ở tạng tỳ hư hàn đi cầu không ngừng nên dùng bài « lục-quán » thêm nhục-quả, liên-



khương, nhục-quế. Người nào hoả ở mệnh-môn suy yếu mà tỳ vị hư hàn nên uống « bát-vị-hoàn ».

Chứng tạng thận hư yếu đi cầu phải rặn nhiều thường đến nhà cầu mà không đi được, trong ngọc-hành lại đau, hay là đại-tiện khó đi, tiểu-tiện đi ra trước mà ít hay là muốn đi tiểu-tiện thôi lại đi đại-tiện mà đau. Theo Cồ-thư nói : thời chứng ấy bởi tinh huyết hao kiệt, bởi người già mà còn nghĩ đến sảo dục, thời đường đại-tiểu-tiện đau dặt dầy với nhau chứng ấy nên uống bài « bổ trung ích khí » thêm nhiều vị thăng-ma lấy nước thuốc ấy để chần bài « tứ thần hoàn » (bốn vị phá-cổ, ngũ-vị, ngô-thù, nhục-quế, tán hoàn lại với nhau) hay là uống nhiều bài « bát vị hoàn » mà thêm nhiều vị ngũ vị, vị phá-cổ.

Cũng có khi vị tiết trời râm thấp mà phát ra chứng vừa đi tả vừa đau bụng thời nên uống bài vị-linh gia bào-khương, nhục-quế.

Tôi xé, Cồ-thư có nói : « dạ-dầy yếu thời thổ, tạng tỳ yếu thời tả » và nói « chứng thương phong phần nhiều thành ra thổ-tả » là vì phong thuộc hành mộc lần tạng tỳ thuộc về hành thổ, vậy chứng tiết-tả vẫn trách cứ ở tỳ vị, nhưng nếu hỏa mệnh-môn trong tạng thận mà suy kém, thời một mặt không giúp cho tỳ thổ để nấu chín thức ăn, một mặt không ôn được âm phận ở hạ-tiêu, khiến cho tiểu-tràng thấm vào, bàng-quang thấm ra, rồi vào cả đại-tràng mà thành chứng tả, như thế thời còn chú trọng đến tạng thận.

Ông Cảnh-Nhạc có nói : « chứng tả bởi người yếu, không phải vì thủy dư ra, mà thực ra vì hỏa không đầy đủ, không phải là thủy không thông lợi, thực ra vì khí không vận hành », như vậy thời nên dùng bài bát-vị-hoàn thêm



vị sa-tiểu, vị phá-cô, vị chỉ-thực là rất thần diệu. Còn như chứng tả mới phát ra mà người còn mạnh, nếu là nhà ăn cao lương mỹ vị thời dùng bài lục-quán thêm khai-tải, nhục-khẩu, là nhà nghèo chỉ ăn dưa rau thời nên dùng bài hoắc-hương-chính-khi mà dùng nhiều vị hoắc hương là tốt.

Những vị thuốc dùng về chứng tả :

Những vị tiêu thực hóa đờm như : Chỉ-thực, chỉ xác, trần-bì, thảo-độn-khẩu, sơn-tra, mạch-nha, thần-khúc, sa-nhân, hương-phụ, lương-khương, bán-hạ, hậu-phác, hoắc-hương, bạch-phàn.

Những vị đề ôn bổ chỉ tả như : Nhục-quế, ngô-thù, đinh-hương, mộc-hương, khê-tử, xích-thạch-chi, long-cốt, nhân-sâm, phục-linh, hoài-sơn, lộc-mẫu, ý-dĩ-nhân, bạch-truật, trich-thảo, thảo-quả, bạch-độn-khẩu, trần-bì, liên-nhục, bạch-biến-độn, ôi-khương, ô-mai, thổ-ti-tử, bạch-thược, tiên-hồi.

..

6.— CHỨNG LY

Căn bệnh : Gọi là chứng ly vì phải dùng thuốc để thông lợi trở xuống. Nội-kinh gọi là chứng « trảng-tích » nghĩa là đại-trảng cấn lại. Cồ-nhân còn gọi là chứng « trệ-hạ » nghĩa là thấp hỏa ngừng trệ trở xuống.

Chứng này mà chợt thấy phát bệnh thì chia ra 5 thứ :

1.— Vì ăn thức lạnh thức nóng không điều hòa.



2 — Vi cảm khí nóng.

3. — Vi cảm phong, hàn và thấp-khí.

4 — Vi sau khi thở tả không biết giữ gìn.

5. — Vi ăn nhấm thức có chất độc hay là vi kinh sợ.

Tích lũy đã lâu rồi mới phát bệnh có 7 thứ.

1. — Vi thức ăn tích lại.

2. — Vi khí lỵ hư yếu mà cảm nhiệt hay là hàn (đau bụng đi cầu rặn nhiều, tiểu-tiểu ít, khát ưa nước lạnh, mà chỗ đi cầu khô ráo là nhiệt. Không khát mà ưa uống nước nóng tiểu-tiểu trong và dài, ưa xoa thứ nóng thế là cảm hàn)

3 — Vi khí của tạng tỳ bị thương mà không vọt được chân huyết.

4 — Vi thấp-nhiệt bại đến tạng tỳ.

5 — Vi dương-khí hãm trở xuống

6 — Vi ăn nhiều thức nóng, thức nướng.

7. — Vi cảm vi thời tiết.

Hại về chân khí thời đi ra trắng mà là hàn, bại về chân huyết thời đi ra huyết mà là nhiệt, khí huyết bị hại thời đi cầu vừa trắng vừa đỏ, còn vàng là thương thực hơi bí là về thấp, nhưng đều bởi thấp-nhiệt mà thành ra.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Chứng lãnh-lỵ (lỵ vi lạnh) thời đi ra trắng. Chứng nhiệt-lỵ thời đi ra đỏ. Chứng cam-lỵ thời vừa vàng vừa



trắng mà đi vô độ. Chứng *kính-ly* (ý vì kính sợ) thời đi ra xanh. Chứng vừa lạnh vừa nhiệt thời đi ra vừa đỏ vừa trắng. Chứng *hỏa-túc-ly* thời phàn đen, sắc mặt của bệnh nhân như thê một cá, bệnh kinh niên khỏi rồi lại phát ra, đó là hàn ở dưới đại tràng, xức thuốc không đến nơi. Chứng *côn-ly* bụng to tích lại đi cầu mỗi hơi mà đại tiện bế xás, ăn uống không sinh ra cơ nhục. Chứng *cô-độc-ly* thời đi ra sắ: tia hay đen như thê gan gà, khát nhiều. Chứng *cấm-khẩu-ly* thời uống thuốc lại nôn ra phần nhiều vì nhiệt độ mạnh quá vượt lên dạ-dầy mà không tuyên thông được, hay là vì thời khí truyền vào tạng phủ mà độc khí xông trở lên. Chứng *ngũ sắc ly* là ngũ tạng đều có nhiệt độ. Chứng *hoạt-trương-ly* là độc khí bại ở dạ-dầy, chỗ đi cầu sưng lớn sâu vào mà đen đáng sợ, bụng và rốn đều đau thương rỏ ra máu tươi. Chứng *hoạt trướng ly* thời ăn thực gì đi ra thức ấy (cùng với chứng *cấm-khẩu*, chứng *ngũ-sắc* đều là khó chữa).

Lại có chứng « *ngược-hận-ly* » (sốt rét rồi đi ỉy), hay « *ly-hận-ngược* » (đi ỉy rồi sốt rét) đó là nguyên-khi hãm trở xuống, khi tạng ỉy không đem lên được, ỉy mà không phải ỉy. Một khi đi ỉy rồi ra nhiều tuyết, âm dương đều yếu, nôn vừa rét vừa nóng, ỉy sốt rét mà không phải sốt rét. Có chứng « *phong-ly* », chứng này là sau khi đi ỉy chân nhỏ mà yếu để lâu thành ra *hạc-tất-phong*.

Có chứng *khí-ly*, đi như mặt sứa.

Có chứng *lich-ly*, đi ra sắ vàng hay là như nước cá lượn.



Có chứng hư-lý, ăn uống không tiêu, bụng hơi đau hay là đau nhiều.

Có chứng âm hư tựa như lý: trong bụng mót đi mà lúc đi cần phải rặn, trong ngực-bành lại đau, đi ra vừa đỏ vừa trắng, tiểu-tiện đi ít mà đau, hay là không thông mà đau, hoặc muốn đi đại-tiện mà tiểu-tiện lại són ra, hai bên đau chằng với nhau, đó là nguy chứng, chứng này tức là chứng đại-hà-tiết đã nói ở tiết tiết-tả.

HƯ HAY THỰC

Bệnh là hư chứng thời hàn, nếu đau bụng ra xoa, ra nóng, mạch yếu mà hư, hay là trong bụng mót đi cần mà lòi tí ra không lên được, đi cần rồi cũng không nhẹ, và chứng trong bụng mót đi, thường rỉ nước ra quần áo.

Chứng thực thời nhiệt, bụng đầy trướng, đau dữ dội, sơ xoa, phiền khát uống nhiều mà ra nước lạnh, mạch « cường » mà « thực » hay là « xác » mà « hoạt » đi cần rồi hơi nhẹ, một chỗ bệnh đau lại đấy, và chứng trong bụng mót mà đi không đi được, đều là chứng thực.

Cần nhất phải xem hình thể của bệnh nhân mạnh hay yếu, mới phải bệnh hay là đã lâu, mới rõ được là hư hay thực.

TỐT HAY XẤU

Đi cần ra như bột trắng, mạch « trầm » là sống, « phù » là chết.



Những chứng sau đây đều khó chữa : môi đỏ như son, đi ra như óc cá, hay là như vẩn bần.

Đi cầu ra thuần máu tươi.

Đi cầu ra như nước mác nhà lợp lá đổ xuống.

Đi cầu ra như ống tre mà không ăn được.

Đi lý lâu mà chân tay lạnh

Đi lý lâu mà sốt ra mồ-hôi

Đau bụng thổ mà khát, người nề.

Đi lý lâu mà ợ ngược lên, người hôn-trầm, phiền-táo mà sát hết thịt.

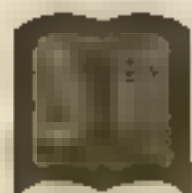
Đi lý lâu mà tạng ty truyền sang tạng thận.

Phân đen, bụng đầy, thổ suyễn, môi khô, mắt trũng vào, đồng tử tán đại, hay là có màng khời.

Đầu nóng, chân lạnh, mồm hôi, nhiều đàm.

Đi lý về rợn mà rốn trũng xuống, sắc mặt xanh hay đen đi ra như mỡ của nhọt, hay là như mùi trứng gà ung, hôn dái đen mà co lên, môi xanh mà khô, mồ hôi ra như mưa, mắt nhắm không mở, thổ dãi mà ngợng, ngực trũng xuống, há miệng, móng chân, móng tay đen lại, thổ ra giun trắng, hay nước bọt trắng hoặc máu xanh, cồ ngoẹo đi, bụng sôi như tiếng sấm, đi ra máu đen mà tanh hôi, hay là lưỡi đen, như thế là ngũ tạng bị thương đi lý lâu lưỡi vàng là khí của tạng ty đã bại.

Chứng này mà ngũ tạng hư yếu là chết. Thuốc uống chỉ dùng sâm và phụ, mười người may cứu được một người.



PHÉP CHỮA

Mới bị bệnh thời nguyên khí còn mạnh cũng nên phát hãn, đã năm bảy ngày là tỳ vị yếu, nên hòa giải và lợi tiểu-tiện, tiểu tích trệ. Bệnh đã lâu thời trong thuốc bỏ khí huyết nên thêm thăng-ma, sai-hồ, phòng-ptong để đem lên, lâu hơn nữa thời thêm túc-xác, nhũ-khẩu, long-cốt, mẫu-ẹ, kha-trữ để vít lại. Ăn ít thời đều bỏ tỳ vị mà phải để ý vào khí của dạ-dầy.

Người trong bụng mát đi lắm mà không có tả ở ngoài biểu, nên dùng thuốc cho thông đi. Nếu yếu mà không dám dùng lợi tiểu hòa giải hay là đem trở lên. Nếu khí ham trợ xung mà đi như rót nước thời tạm dùng thuốc để vít lại. Nếu đi tuột ra mà hoạt quá, đau bụng nhiều là đem hỏa thịnh thời nên tiểu đàm giáng hỏa.

Lúc mới phát bệnh dù có tích trệ, lúc đi cầu rặn nhiều đau bụng nhưng lại thêm lợm lòng và ngấm cách ở ngực, bụng đầy, thời không nên dùng thuốc mát và thuốc hạ mà phải dùng thuốc tiêu đi, đến khi không ngấm cách, không lợm lòng, không đầy trướng mới dùng được thuốc mát hay thuốc hạ. Người lợm lòng thời nên uống một chút nước muối loãng để thổ ra, hơn nữa có nóng sốt mà trong bụng mát đi cầu lắm mới hạ được, nếu lại sợ rét thời không được dùng thuốc hạ.

Hạ chứng nhiệt-ly thời dùng vị đại-hoàng, hạ chứng hàn-ly thời dùng vị ba-dận.

Mùa đông đã sốt thương-hàn, đến mùa hạ, mùa thu lại cảm thử, nhiệt và thấp, cảm về ba khí mà thành ra ly thời nên dùng thuốc cay và mát để giải biểu rồi dùng



một vài thang thuốc hàn lương để mát trong lý. Sách « kim quỹ » cho là chứng lý mà mạch huyền phát sốt ra mồ hôi là khỏi.

Bệnh đã mấy hôm thời tý vị yếu dần, lại nên dùng thuốc để hành khí hòa huyết, bệnh đã lâu thời phải điều bổ khí huyết.

Thức ăn dù đã tiêu hóa hay không vì khí ngừng trệ lại, mà đi cầu không được, đau bụng mà bức bích ở chỗ đi rầu hơn nữa chỗ đi cầu cũng đau, như vậy là bởi tích của hỏa cấp bách thời nên dùng vị mệ:-hương, bình lang để thông khí, vị đại-hoàng để gáng hỏa, hoàng-cầm, hoàng-liên để giải độc, qui và thược để hòa chân huyết chỉ-xác, trần bì để hành trệ khí. Nội-kinh có lời: « Chân huyết đều tỏa thời chứng đi cầu ra máu đặc tự nhiên khỏi. Chân khí có vận hành thời chứng rữa nhiều mới khỏi. »

Có người chỉ bởi hư hỏa thời nên bổ bằng những vị khung, qui, sâm, trạch. Có người vì hàn thời nên ôn bằng những vị nhục-quế, can-khương.

Chữa chứng cảm-khẩu-'y nên dùng những vị hoàng-liên, liên-nhục, nhũ-đông-bào, để thông tởng tâm, giải độc khí, nếu vì hàn khí ngược trở lên thời điều trị bằng thuốc ôn bổ, chứng này không phải là khó chữa.

Chữa chứng ngũ-sắc-'y là người khỏe thường thông lợi, là người yếu thời điều hòa khí huyết, và dùng vị kim-ngân-hoa sao với rượu, hoàng-liên, qui, thược, mệ-hương, nhũ-hương, để hòa huyết thành nhiệt, giải độc.

Chữa chứng độc-lỵ mà các thứ thuốc không khỏi, thời



trong những vị thuốc để hòa huyết hành khí nên thêm những vị để giải độc như nhũn-đông-hoa, nhũ-hương, mộc-hương, hoàng-liên.

Chứng lý là bởi thấp-nhiệt nất ở tràng vị rồi tích lại thế là bệnh ở đại-tràng, vậy không nên dùng nhiều những vị thuốc thấm thấp để kiệt chân âm và ráo tân dịch.

Chứng lý nên dùng thuốc thông lợi mà kiêng những vị vít lại, vì vít lại thời thấp nhiệt không tiết ra được phạm lên tạng phế mà thành những chứng đầy trướng, khí nghịch không ngủ, bỏ ăn.

Chứng lý và chứng sốt rét tựa như nhau, vì đàm cách ngực thời thành chứng sốt rét, ăn uống tích ở tràng vị thời thành chứng lý, cho nên cổ nhân có nói : « Không có đờm không thành sốt rét, không tích lại không thành chứng lý », vì thế bệnh mới phát ra, tích tụ nhiều mà người còn mạnh, nhẹ thời dùng những vị tam-lăng, nga-truật, bình-lang, chỉ-sáo, chỉ-thực, thanh-bì, mộc-hương. Bệnh nặng thời dùng vị đại-hoàng sao với nước để thông đi, những vị ấy tiêu tích mà không hại đến người.

Chứng lý lại phần nhiều bởi thời-tiết cho nên trong mấy hôm đầu tuy đi cầu luôn cũng không đáng ngại, ngoài mấy hôm thời khí của dạ-dầy yếu đi, ta phải xét rõ là hàn hay nhiệt, là hư hay thực, nếu vì nhiệt thời nên dùng những vị hoàng-liên, mộc-hương, đại-hoàng, bạch-thược, chỉ-xào, bình-lang để thông lợi. Nếu là hàn, thời có khi dùng đến bài lý trung, hay vị tiên-khuông, nhục-quế để ôn trung.



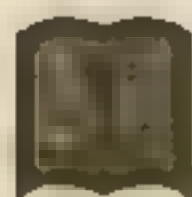
Thầy thuốc thường chấp nệ về câu : « chứng lý không nên bỏ », thế là không biết vì hư yếu mà đau, thời càng nóng thuốc càng phạt càng yếu thêm mà đau thêm, bệnh không khỏi mà nguyên khí đã thoát. Cho nên thấy mạnh hay « nhược » thời nên bỏ, thấy bình sảo kém là nên bỏ, thấy ốm rồi lại sanh chứng lý thời nên bỏ, thấy vì nóng thuốc càng phạt mà bệnh kịch lên thời nên bỏ.

Chứng này tổn đến nước tân-dịch thời phải khát, vậy phải căn cứ vào bệnh nhân ưa nước nóng hay nước nguội để phân hư thực. Còn như đau bụng thời phải căn cứ vào đau vừa hay đau mạnh, ưa xoa hay không ưa xoa, bụng có đầy hay không, mạch có lực hay không, để phân hư thực. Về phần tiểu-tiện, thời nên căn cứ vào nước tiểu-tiện trong mà dài hay là vàng mà ít để phân hư thực. Về phần mót đi cầu mà lúc đi lại khó thời phải căn cứ vào khi của phồi nứt đến đại-tràng thời nên dùng thuốc để thấm nhuận, chân huyết kém thời điền hòa, chân khí kém thời đem lên nếu là thực nhiệt, mới nên dùng thuốc hạ.

Huyết đã thông mà vẫn còn đau thời trong những vị thuốc để chữa về chân âm hư tổn khí rất, nên thêm vị xuyên-khung để hành khí và điền huyết thì đau sẽ khỏi.

Chứng âm hư có hỏa mà thêm thử nhiệt lại không nên bỏ ngay, và không nên ráo ngay, chỉ dùng những vị thuốc hơi mát để điền hòa, nếu không khỏi, thời bỏ bằng những vị thuốc mát mà nhuận.

Chứng này nên uống thuốc vào trước bữa ăn sáng hay bữa ăn chiều.



Chứng lý mà ăn được là nhẹ, kém ăn là nặng, không ăn được là chết, trước sau phải để ý về khí huyết của dạ-dầy và của tạng thận. Bỏ khí để giúp tỳ vị mà đừng làm hại chân hỏa của mệnh-môn trong tạng thận.

Đi lý trước rồi sau đi tả là tạng thận truyền sang tạng tỳ, là chứng dễ chữa, đi tả trước rồi sau đi lý là tạng tỳ truyền sang tạng thận là khó chữa. vì tạng thận là cửa ngõ cho dạ-dầy, không có ai đi lý lên tạng tỳ đã yên mà khi dương ở trong tạng thận lại không thương đổi, vậy những phương thuốc để bổ tỳ bổ thận đều không nên bỏ qua.

Bổ tỳ thời dùng những bài thuốc như quy tỳ, từ-quân, thập-toán, v.v... Còn Lỗ thận là bổ hỏa của mệnh-môn. Nếu rên Lỗ tuận mà chỉ dùng những thuốc bổ tỳ thời lại rạo thêm mà có khi nguy hiểm.

Chứng lý đi rất cần cấp mới đi mà không đi được, đau bụng nhiều, khát không muốn ăn, đi ra đỏ hay trắng hay là máu loãng, tền-tện không lợi, mạch xích yếu, thời nên uống bài lục-vị gia ngũ-vị, như-quế mà uống thuốc vào buổi sáng và chập tối.

Người có thai thời nên uống những vị hoàng-cầm, hoàng-liên, bạch-thược, trích-thảo, quất-hồng, chỉ-xác, liên-nhục và một chút thăng-ma.

Sản hậu mà gặp chứng lý, dù đau bụng nhiều cũng không dùng được vị đại-hoàng, chỉ nên uống những vị nhân-sâm, bạch-truật, dương-quí, gừng-nướng, trần-bì, (đề cả phảo) và trích-thảo là đủ, nếu chân huyết hư thời thêm a-giao.



Đi lý mà nề những nước, đau bụng gấp (bồn-đồn) là bệnh chứng về kinh thiếu-âm, thời trong vị thuốc bổ thận, nên thêm vị ngô-thù, vị phá-cổ, vị nhục-khẩu, vị nhục-quế.

Lúc mới phát bệnh là chứng thực, nhưng lâu ngày không đỡ mà còn nặng hơn, cũng phải chữa theo chứng hư yếu như bài *bổ-trung* thêm phụ-tử, nếu đi thuần máu thì thêm vị can-khương sao thật đen.

Chứng bệnh lúc trước là thực tích, là đờm tích, đã dùng thuốc hạ rồi mà sau khi lại phát bệnh, thời phải điều bổ mà không nên uống thêm thuốc hạ. Người khi ở đại-tràng hư yếu hãm trở xuống mà đi cầu phải rặn nhiều, nên uống bài *tứ-quán* thêm thăng-ma, sài-hồ. Nếu huyết ở đại-tràng hư yếu mà đi cầu rặn nhiều, thời nên uống bài *tứ-vật* gia sâm, trạch.

Người đi lý rồi vì phong mà đau khắp người là huyết xấu chưa sạch, nên uống bài *tứ-vật* thêm đào-nhân, hồng-hoa, ngưu-tất, trần-bì. Nhưng cũng có người vì khí huyết hư yếu mà đau nhức.

Người bởi đại-tràng trống rỗng mà đi lý vô độ, nên dùng bài *tứ-quán* hòa bột của vị xích-thạch-chí, và vũ dư lương, nếu lại đau lên thời uống bài *tứ-quán* bột nhiều vị phục-linh.

Chữa chứng cấm-khẩu-ly dùng ngay vị hoàng-liên (sao với vị ngô-thù rồi bỏ ngô thù đi) cùng vị nhân-sâm, hai bên bằng nhau. với một ít gạo nếp sắc lấy nước thêm nước gừng sống để cho bệnh nhân uống dần, uống được một hai thìa, thì không thờ nữa, nếu còn thờ lại uống thêm.



Chữa chứng lưu-tửc-'y chỉ dùng một vị ba-độn sao rồi nghiền ra hoà với sáp cho nóng vào lúc đói là khỏi.

Người có thai vừa sốt vừa rét, vừa đi lý, sốt rét khỏi mà lý hơn lên, lại thêm đau bụng không ăn thì nên dùng bài *bổ-trung* thêm *khương*, *quế*, thời dù sốt rét có trở lại, cũng là chứng triệu tốt. (Là lúc trước vì khí âm thịnh, khí dương không tranh nổi, hay do bổ dương thời quá sức tranh với khí âm), nhưng trong bài thuốc phải thêm một ít vị *phụ-tử*, rồi sốt rét và lý đều khỏi mà lúc sanh khoẻ tức là Nội-kinh đã nói: « nên dùng những vị phạm đến thai mà ta dùng thời cũng không phạm đến thai »

Lý về chứng thực nhiệt, sốt nhiều, khát uống nước lạnh, tiểu-tiện đỏ mà ít, mạch sắc, đau bụng trước rồi đi lý sau (bổ là bởi khí tích, thời nên dùng bài « *ngũ-tích* » thêm những vị *bân-phác*, *chỉ-tắc*, *son-tre*, *xương-triết*, *biến-độn*, *trương-như*, mà bớt nhiều vị *dương-quí*, nếu ra huyết nhiều thời thêm *thục-địa*, *a-đào*, nếu đi lý đã lâu, khi bầm trở xuống, ở hậu-môn đau hay là thoát ra, thời thêm vị *thăng-ma* và *sái-hồ* (sao với rượu).

Là chứng hàn-lý, không sốt, không khát, uống nước nóng, tiểu-tiện trong và dài, mạch « trầm », cũng dùng bài « *ngũ-tích* » ở đoạn trên, bỏ vị *trương-như*, thêm vị *can-khương*. Nếu đã lâu khi bầm trở xuống, chỗ hậu-môn đau hay là thoát giàng thời thêm vị *thăng-ma*, *sái-hồ* (sao với rượu.)

Chứng đi lý vì hư-nhiệt (người vốn hư yếu, hay là ốm nặng khỏi rồi, mới có chứng này) người hơi sốt, sắc mặt xanh, uống nước nóng, tiểu-tiện trong, không



đau bụng, chứng ấy bởi thiếu chân âm, thời nên uống bài lục-vị (dùng những thang thuốc to).

Chứng đi lý vì hư-hàn (người hư yếu lắm, hay là ốm nặng rồi mới có chứng này) người mát sợ rét, mạch « hoãn » không có lực, không đau bụng, tiểu-tiện trong mà dài, hay là khi không vận hành mà khó đi, hoặc hãm trở xuống, bốn chân tay giá lạnh, thời dùng bài bát-vị thêm ô-mai, ngũ-vị.

Những vị thuốc dùng về chứng này :

Những vị đề tiêu tích và thông trệ như : Hàn-phác, sa-nhân, sơn-tra, tam-lăng, nga-truật, đại-hoàng, phát-uêu, ba-độn.

Những vị đề hành khí như : Bình-lang, chỉ-xác, chỉ-thược, trần-bì, ô-mai, xương-bồ, hương-phụ.

Những vị đề hòa chân huyết đỡ đi ra máu như : Đương-qui, xuyên-khuông, a-dao, bạch-thược, đào-chân, địa-du, lá trắc-bách-diệp, cật-sắc.

Những vị đề trừ phong thấp như : Tần-giảo, hội bồ-kết, phòng-phong, túc-xác, chử-linh, trạch-tả, sa-tiên, xương-truật.

Những vị đề chữa lý như : Xích-phục-linh, khê-tử, vỏ thạch-lựu.

Những vị đề thanh hỏa và chữa chứng thực như : Hoàng-cầm, hoàng-liên, hoàng-bá, liên-kiền, sơn-chi, tỳ-giác, hoạt-thạch, thạch-cao.



Những vị đề ôn bổ như : Nhân-sâm, bạch-truật, phục-linh, chính-thảo, đinh-hương, nhục-khẩu, nhục-quế, san-khương.

..

7.— CHỨNG THOÁT-GIANG

(nôm gọi là lòi đom)

Căn bệnh : Tạng phế với đại-tràng tương thông với nhau mà cửa đi của đại-tràng, tạng phế mạnh thì khí đầy đủ, nếu hư yếu thời hàn (khí nóng kém đi) không theo vút được mà dẫn ruột lòi ra.

Chứng này bởi khó nhọc nhiều hay sắc dục quá độ hoặc lúc sanh cố sức hay là đi lý lâu, rặn nhiều hoặc vì đi tả nhiều.

Trẻ em thời vì người yếu, cảm lạnh hay khóc nhiều, khí của phổi kém mà đại-tràng thoát ra.

Đại-tràng nóng cũng có thể thoát ra là bởi tửn sắc quá độ, tạng thận hư yếu mà lây đến tạng phế, đại-tràng không vững cho nên cũng thoát-giang.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Trẻ em khí huyết chưa mạnh và người già khí huyết đã kém thời hay có chứng này.

Chỗ đi cần thấy ngứa phần nhiều bởi đại-tràng thấp nhiệt mà sinh ra trùng, nếu thấy môi trên có mụn nhọt



là trùng ăn vào trong, thấy mỗi dưới có một nhọt là trùng ăn ở chỗ đi cào, lâu ngày thời chân tay mỗi một, nhỏ ra huyết như hạt thóc trong bụng não nùng mà thành ra nguy chứng.

HƯ HAY THỰC

Như trên đã nói thời chứng này bởi hư yếu mà ra. Nhưng là bệnh hữu hình nên tạm chữa theo chứng thực, nếu đã đỡ thời phải bỏ ngay. (lực là bệnh mạn),

TỐT HAY XẤU

Chứng này ít khi chết người, nhưng nếu hư yếu lắm, không đem được lên, mà thành ngứa thành sâu, ăn vào chỗ da ruột, cũng không thể chữa được.

PHÉP CHỮA

Phải ôn bổ tỳ vị, để tạng phế là hành kim được mẹ là tỳ thổ giúp sức, rồi cho uống những vị thuốc để giữ đại-tràng và đem tở lên, như bài bổ trung-ích khí, ở ngoài dùng thuốc sắc nước để rửa cho mềm ra thời mới dễ co lên.

Chứng này bởi khí huyết hư yếu mà truy trở xuống thời phải bổ khí huyết để đem trở lên.

Ông Đan-Khê có bàn : « chứng này cố nhiên vì khí huyết kém, nhưng cũng có khi bởi khí nhiệt hay huyết nhiệt, thời phải căn cứ vào mạch, nếu khí hư yếu thời bổ bằng những vị : sâm, kỷ, trạch thêm thăng-ma hay sao với rượu, huyết hư thời dùng bài tứ-vật, huyết nhiệt thời dùng



bài *lương-huyết tứ-vật*, khi nhiệt thời dùng những vị như *điều-cầm*, *thăng-ma*.

Chỗ đi cầu lòi ra gần một tấc đằm là bới đi tả đả lâu, thời dùng bài *bồ-trung bồ bạch trạch*, mà *thăng-ma* sao với rượu, hay là bài *cử giang hoán*, nếu vì tạng phế nóng truyền vào đại-tràng thành chứng trĩ hay chứng đi cầu mà thoát giang thời dùng vài « *thu-giang-lân* ».

Đi lý lâu mà thoát ra thời dùng một con cóc bỏ ruột và da đi rồi nướng thành than cùng với vị *sa-tiền-tử* và gạo lâu năm đều tán bột làm thuốc hoàn toàn mà uống bằng nước bột *sa-tiền* sảo lên, ngoài thời dùng con ốc leo lên cây đốt thành than tán lấy bột mà bới thời eo lên ngay.

Ngoài ra, hoặc dùng xương đầu con ba ba đốt thành than hoà với mỡ lợn mà bôi, hay là dùng ngũ-bội-tử sao vàng tán bột mà đẩy lên, hay là dùng ngũ-bội-tử sao vàng và muối nỏ hai thứ bằng nhau tán bột nấu với giấm thanh cho thành cao, rồi lấy lông gà phết vào chỗ thoát giang.

Sách *Nam-Kinh* có nói : « Chứng này vì hư yếu thời nên dùng sâm, kỳ, khung, quí, *thăng-ma*, sảo nước uống. Nếu vì huyết hư thời thêm *bạch-thược*, *sinh-địa*. Nếu hư hàn thời thêm can khương sao đen. Nếu hư mà thêm nhiệt thời dùng 6 lượng *điều-cầm*, 1 lượng *thăng-ma*, tán bột lấy miến nấu hồ làm hoàn mà uống dần. Nếu là huyết nhiệt thời uống bài *tứ-vật* thêm *hoàng-bá*, *thăng-ma*. Nếu là phong-tà thời uống bài *hoàng-liên a-dao hoán* mà sảo nước *bạc-hà* mà uống.



Tạng phế nhiệt thời chỗ đi cần vít lại, tạng phế hàn thời chỗ đi cần thoát ra, vậy phải ôn tạng phế và bổ tràng vị, thời bài bổ-trung mà thêm một ít vị khê-tử, vị hu-bì, hay là dùng bài thăng-dương cử-kính thang hoặc bài vị-bì-tán, hoặc bài cứu-tràng hoán. Nếu bởi thấp nhiệt thời dùng bài thăng-dương trừ-thấp thang. Nếu kèm cả chứng lý thời dùng bài tứ-vật thêm vị hộc-hoa hoàng-liên, thăng-ma. Nếu tạng thận hư yếu thời dùng bài « thận-khí-hoán » hay bài bát vị-hoán.

Những vị thuốc dùng về chứng này :

1) Những vị để bổ khí và điều hoà chân khí như : nhân-sâm, bạch-truật, phục-linh, qui, thược, sinh-địa.

2) Những vị để thanh nhiệt trừ phong như : hoàng-liên, hoàng-cầm, hoàng-bá, phong-phong, hộc-hoa, kinh-giới.

3) Những vị để đem trở lên như : thăng-ma, sai-hồ, quế, mật-gấu.

4) Những vị để thu vít lại như : hải-nhi-trà, xương đầu ba-ba, bạch-phân, từ-thạch.

5) Những vị để giữ lại như : long-cốt, khê-tử, một-thạch-tử, xích-thạch-sử, cồ-tức-xác, phục-long-can.

•••

8.— CHỨNG TÁO-KIỆT

Căn bệnh : U-môn ở phía dưới dạ-dầy, thêm người có bảy cửa ngõ (môn) đều ở dưới ngửa lên. U-môn ngửa



lên hấp-môn, hấp-môn tức là cưỡng hống chủ về hơi (khí hội áp ở trên cò che thức ăn uống (hội áp là tên riêng).

Một khi khí hút vào không về được tạng can, tạng thận mà bị âm-hoả cự lại nên nghẹn cách không thông, khí âm nặng mà không được nhẹ (trọc-âm) nay không xuống được mà đại-tiện khô ráo không vận hành, thấp khí của dạ-dầy và âm-bồn đều ở trung-tuyền mà thành ra đầy bụng, thì nên tránh cử ở u-môn.

Nội-kinh nói: « tạng thận khai khiến ra đại-tiểu-tiện, như vậy tạng thận hư yếu thời tân dịch kết mà đại-tiện táo. »

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Chứng này phần nhiều bởi khí ở dạ-dầy thương tổn không chuyển vận được, hay là vì ăn nhiều thức cay thức nóng thời âm huyết khô, tân-dịch thiếu.

Phân biệt ra thì hư thực khác nhau :

Vì dạ-dầy 'ạnh (vị thực) thời hoặc nhân gió lạnh, hoặc nhân ở trong cò hỏa, thấp nhiệt uất lên mà táo kết có từng thời gian.

Vì dạ-dầy hư yếu (vị hư) ăn uống vốn ít hay là sau khi bị thổ tả hay sau khi phát hàn mà tân-dịch thiếu, hay vì tuổi già huyết kém, hoặc sản hậu ra nhiều huyết, thời đại tràng không nhuận mà thành ra táo kết.

Là nhiệt-bí thời mặt đỏ người nóng, 6 bộ mạch sắc và thực, ăn uống muốn dùng thức mát hay là miệng lưỡi lở ra.



Là *lãnh-bí* thời sắc mặt trắng hay đen, sáu bộ mạch *trầm* và *trì*, *tiền-tiền* trong mà dài, thế là vì khí lạnh ở tràng vị mà không thông lợi được, chứ không phải là phân khô táo, bệnh nhân trong bụng có khí công kích trở lên, ưa nóng, ghét lạnh.

Vì phong mà bí kết là phong ở tạng phế rồi truyền lên đại-tràng.

Vì khí mà bí kết là khí không thăng giáng, nên khí của ngũ tạng không vận hành được.

Vì huyết mà bí kết là huyết thiếu tân dịch không đầy đủ.

Chứng bí kết về lạnh nóng tức là « dương-kết » thời ăn được là mạch « thực » và « sác ».

Chứng bí kết về lạnh tức là « âm-kết » thời không ăn được mà mạch « huyền » và « vi ».

HƯ HAY THỰC

Là *hư-chứng* thì mạch « trầm » « vi » vô lực, hay là bệnh nhân vốn yếu hoặc nhiều tuổi hay ốm rồi mới khỏi, hoặc mới sanh huyết thiếu, tân dịch kém, không khát, không đầy trướng, thời nên đại bổ khí huyết để nhuận đi.

Là *thực-chứng* thời mạch « phù » và « sác » bệnh nhân vốn khỏe mạnh, hay ăn thức nóng, thức nướng, hỏa uất ở đại-tràng mà khát hay đầy, ăn được, *tiền-tiền* đỏ.



TỐT HAY XẤU

Chữa chứng này nếu không biết thấm nhuần mà chỉ dùng thuốc cho thông lợi, thời khí huyết càng kém, rồi đi cần phân như cứt dẻ, mà ngay vong đến nơi

Chứng dương-kết mạch « trầm » và « xáo » hay « xóc ». Chứng âm-kết mạch « phục » và « tri » hay « kê ». người già yếu mà mạch như chim sẻ mổ (trước trái) đều không chữa được.

PHÉP CHỮA

Người già và người mới sanh hay là sau khi ra mồ-hôi nhiều hay là đi y mà tiểu-tệ nhiều quá, hay là sau khi ốm nặng khí huyết chưa lại, thời nên bồi dưỡng khí huyết mà không được dùng đại-hoàng, mang-tiểu, ba-độn, khiên-ngư.

Ông Đan-Kê cho rằng : « nếu là dương thịnh thời bí, nếu là âm suy thời kết, chỉ nên sinh huyết để thấm nhuần mà không nên dùng thuốc hạ ».

Mạch « phù » là bởi khí, thời nên dùng những vị bệnh nhân trần-bí, mạch « trầm » là bởi huyết thời nên dùng những vị đào-nhân, trần-bí. Sở dĩ tể dùng vị trần-bí vì tạng phế bởi đại-tràng tương thông với nhau, khí tạng phế có giáng xuống thì đại-tràng mới thông, có khi nên dùng thêm những vị để hoạt nhuận như : ma-nhân, bạch-tử-nhân, dương-quy, nhục-thung-dương

Tạng thận khai khiếu và đại-tiểu-tệ, đại-tiểu-tệ đi



ra nhiều là bởi tạng thận, thời một khi không thông lợi, lại không ở tạng thận hay sao ?

Cũng có khi bệnh nhân là chứng thực thời phải dùng những vị như đại-hoàng, mang-liên, hậu-phác, chỉ-thược, bài đại thừa khí bài tiểu thừa khí v.v...

Bệnh nhân muốn ngồi trong giếng nước, mạch hay bộ xích hư yếu hay « trâm-lỗ » mà « tri », chỉ dùng bài lý-trung-thang sắc về thật nguội mà uống, nếu không có hiện cũng không dùng được thuốc mạnh, mà chỉ nên dùng phép thông khoan rồi dần bỏ khí huyết, một khi khí đã mạnh, thời dần được (cả) bã trở ra, mà không nên dùng thuốc mạnh để bế ra chứng hư thoát.

Những vị thuốc dùng về chứng này :

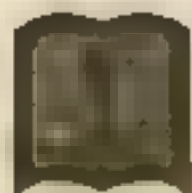
1) Những vị để rửa sạch tràng vị như : đại-hoàng, hậu-phác, mang-liên, chỉ-thược, bình-lang, ba-đậu.

2) Những vị để thanh hỏa như : hoàng-cầm, hoàng-liên, long-đầm, sơn-chi, hoàng-bá, tri-mẫu, thanh-đại.

3) Những vị để mềm nhuận như : ma-nhân, đào-nhân, hạnh-nhân, bạch-mật, hương-dạ, lô-lử.

4) Những vị bổ huyết nhuận táo như : xuyên-khung, đương-qui, sinh-địa, hồng-hoa, a-giáo.

5) Những vị để giúp chân âm và nhuận táo như : thực-địa, cao ban-long, cao-kỷ-lử, nhục-thung-dung và sữa người.



Tập Đỉnh

MỤC LỤC

1 — Chứng quan-cách. 2. — Chứng ngực, táo, bí, đầy và buồn. 3 — Chứng Lắc (sắc-nguyệt) 4 — Chứng ăn-thở (hêm chứng ce ngược lờ). 5 — Chứng ợ hơi (ái-khi) thêm chứng lợm lòng (3 tâm). 6. — Chứng nổi nước chua hay thở nước chua, thêm chứng tiêu-tạp (nôn nao trong bụng). 7. — Chứng n, bệnh cách và phiên vị. 8 — Chứng huyết.



I. — CHỨNG QUAN-CÁCH

Căn bệnh : Chứng này bởi hàn ở trên, nhiệt ở dưới, tam tiêu (thượng tiêu, trung tiêu, hạ tiêu) rối loạn. khí ở trong không đầy đủ, khí âm khí dương không giúp lẫn nhau.

Nội-kinh nói : « sự truyền hóa không vận hành, trên dưới không đi đôi với nhau thời thuốc hay cũng khó chữa ».

Cổ thư nói : « chứng quan-cách là trên dưới không thông với nhau vì hàn ngăn cách lại ». Mạch thời hai bộ thốn đều mạnh, còn bốn bộ khác, sau vài hôm cũng phục mà



trầm, thế là hàn từ thiếu-âm thần-kính, khí âm thịnh ở dưới, khí dương hờ lên trên, thế là chứng dương mà gọi là quan-cách.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Quan là đại-tiền-tiền đều bế, là chứng nổi nhiệt vì nhiệt ở hạ tiền bế tắc không đi được.

Một thuyết nói : « quan là khí âm thịnh lắm, cho nên đông lại mà tiền tiền thông đi được. Cách là thổ ngược lên mà nước và thực ăn không lọt xuống, thế là hàn khí ách tắc ở giữa ngực, ngăn lại không đi được.

Lại có thuyết : cách là dương thịnh quá cho nên ngăn cách mà ăn không được, chứng ấy chợt phát ra là bạo bệnh, ở ngực như có hơi vướng lại, muốn thở không thẳng, muốn giáng không giáng, muốn ăn không được, uống nước một lát lại thổ ra, uống nước nóng thì thổ ngay, uống nước lạnh thì một lát cũng thổ, có khi uống một chén, thổ ra nửa chén, môi khô, mắt quầng đỏ, mặt đỏ hay không. Hơn nữa, bụng trên đau hay không đau.

HƯ VÀ THỰC

Bệnh này bởi dương thịnh âm kiệt, nhưng mới thì bệnh mà người mạnh thời là khí thực, cũng tạm nên dùng thuốc thông đại.

TỐT HAY XẤU

Hiện chứng như sau thời không chữa được :



1) Đầu và mặt ra mồ-hôi.

2) Tiễn-tiền bế vít.

3) Tiễn-tiền đi nhiều (khí dương mất ở trên, khí âm mất ở dưới).

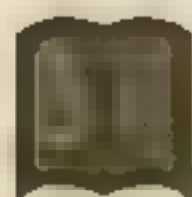
PHÉP CHỮA

Nội-kinh có nói : Mạch « nhân-nginh » mạnh hơn mạch « khí-khẩn » bốn lần gọi là cách-dương, mạch « khí-khẩn » lớn hơn mạch « nhân-nginh » bốn lần gọi là quan âm. Mạch nhân nginh cùng mạch thốn đều mạnh hơn lúc thường bốn lần trở lên là chứng quan-cách. Mạch của chứng quan-cách, nếu yếu không đầy đủ với tình khí của trời đất thời tiết mà chữa cũng vô ích. »

Sách Cảnh-Nhạc có nói : « chỉ có mạch « nhân-nginh » thịnh, là bệnh ở lục phủ của tam-dương, chỉ có mạch « thốn-khẩn » thịnh là bệnh ở ngũ tạng của tam-âm. Chứng quan-cách là âm dương thiên thịnh, khí dương trơ vơ, thực là âm dương bại kiệt, chỉ dùng thuốc bổ mạnh cho âm dương may còn được một phần trong muôn phần ».

Quan là không ra được, cách là không vào được, bệnh đó khẩn cấp không thể trì hoãn, vậy là chứng thực mới tạm thời phải thông đi, tức là bổ mạnh để sông tá khí.

Tôi xét chứng này ít khi người khỏe thu bệnh. Bệnh bởi khí âm khí dương không tương thông, trên giả nhiệt, dưới thật hàn, thời phép chữa nên bổ hỏa ở mệnh-môn. Chứng quan cách có đờm thời phải dùng phép cho thở ra để đem khí lên. Như bài « nhị-trần-thang ».



Hàn khí kết ở ngực, trên dưới không tương thông, thời dùng hành củ, gừng sống, củ cải, tỏi giã như ra điều với rượu giã lên trên lá, rồi thấp hương thời vào trên lá ấy cho ấm lên, để bệnh nhân được nhẹ, rồi bầy cho uống thuốc. Những chứng cần cấp như là chứng đau bụng như vận ra và bí đau, đều dùng phép rịt lá thuốc kẻ ở trên rất hay.

Chứng này rất nên dùng bài bát-vị thêm mạch-môn, ngũ vị, gừng-tắt và bội nhiều phụ-tử, nhất thiết kỵ những vị thuốc thấp ráo như trần bì, bán-hạ, phụ-liệt, bạch-truật.

Bệnh nặng người thấy thừa ăn là thỏ, một gọt nước cũng không lợi xuống, thời trước hết dùng gừng khô và bạch-truật nấu với cháo cho uống ít một, hay là đem hoàng-thỏ sao với gạo nếp cho thơm lên để gần mũi cho yên khí ở dạ-dạ rồi sẽ uống thuốc, bởi khi ở trong không vận hành thời dùng thuốc bỏ khí cho thăng giáng.

Chứng này nên dùng bài « bạch-thống thương » của ông Trọng-Cảnh mà theo phép nấu người Nội kinh nói : « chữa chứng hàn nhiệt trái ngược, thì thuốc nóng là nhiệt phải nấu lúc đã nguội » nghĩa là nấu người để hợp với hàn khí cho khỏi thỏ ra, khi thuốc đã lợi xuống thì tính ôn nhiệt mới phát ra thì mới có công hiệu.

« Bạch-thống-thang » là một bài thuốc có hoà thêm phân người và mật lợn là mận đắng và hàu cho đồng khí, để hàn ở thượng-tiên khỏi chống cự ngăn cách. Uống rồi, mạch thấy dần là sống và thấy ngay là chết. Ông Tiết-Trại có bài thuốc « hồi-dương phản-bản thang » cũng



rất thần diệu. Bệnh khỏi rồi thường uống bài « bát-vị-thang ».

Những vị thuốc dùng về chứng quan-cách :

1) Những vị để tam thông đi như : bán-hạ, phục-linh, bối-nhũ, trần-hương, chỉ-xào, chỉ-thực, sinh-khuông, trần-bì, bạch-thuật, bần-lang, ô-dược, mộc-hương, sa-nhân, hột-phác, hương-phu.

2) Những vị để bổ mạnh như : nhân-sâm, bạch-truật, phục-linh, dâm-quê, bạch-thuật, si-bồ-đà, nhục-quế, khởi-đương, đương-lô, bạch-đương, bạch-đương, bạch-đương, bạch-đương, bạch-đương.

∴

2. — CHỨNG NGHẸN-TẮC BỈ, ĐẦY, BUỒN

Còn bệnh Nghẹn tắc, Bỉ, Đầy, Buồn đến bởi ở khí, nhưng nghẹn tắc là lúc mới mà khí trệ, còn bỉ buồn là trệ đã lâu, lại bởi sốt thương-hàn uống thuốc hạ để tà khí vào tạng tâm mà thành ra chứng bỉ (hạ nhiều thời mất chân âm, tạng tâm yếu thời tà khí vào huyết phận cho nên dưới ngực bỉ đầy).

Cũng có người vì các bệnh khác mà uống nhiều thuốc hạ để mất chân âm huyết của tạng tỷ.

Có người vì khí ở trong hư yếu không vận hóa được mà thành bỉ.

Có người vì ăn uống đạm trệ mà thành bỉ.



Có người vì thấp nhiệt, tỷ thổ lẫn lộn tâm mà thành bí.

Khí dương thăng ra khiếu ở trên cho nên ở trên đầy thì là khí mà không phải vật gì. Khí âm thông xuống khiếu ở dưới, cho nên ở dưới đầy, là vì vật gì chứ không phải vì khí đều là chứng nhiệt. Dữ có chứng lãn kết ở bàng quang, bụng dưới đầy lên, chân tay giá lạnh, thời là hàn.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Cổ-họng tắc lại, dương khí không lên được, thì gọi là « tắc », âm khí không xuống được thì gọi là « đở » (nghẹt). Vì thất tình uất kết không thông thả, ở ngực cách mà mê buồn thời gọi là « bí ». Còn nữa là ngực và bụng to buồn mà không thư thái, cũng không phải là no đầy (trướng mãn) tức là dưới ngực bị tắc xoắn vào không đau.

HƯ VÀ THỰC

Hình thể khí lực yếu, mạch vô-lực, đại-tệ: dễ đi là hư. Tạng tỷ khí lực mạnh, mạch có lực, đại-tệ: khó đi hay bó là chứng thực.

TỐT HAY XẤU

Chứng này bởi nội thương thời nên chữa ngay, nếu để lâu sẽ thành chứng phiên-vị, quan-cách.



Vì ngoại cảm mà tà khí truyền vào đến ngực là chứng nửa ở ngoài biểu, nửa ở trong lý, thì phép chữa nên hòa giải.

Vì nóng thuốc hạ rồi đầy ngực và đau là « kết-hung » (kết ở ngực) nếu không đau là bí-mãn, chữa theo phép chữa thương-hàn (ngực đầy để nóng thuốc hạ là chứng « kết-hung », chưa nóng thuốc hạ là tà khí vào kinh thiếu-dương).

Các chứng bệnh khác, như ăn uống tích lại mà dùng nhiều hay uống lắm thuốc hạ, thì chân âm của tý vị mất đi, đến rồi khí ở trên ngực hãm trở xuống, thời nên điều lý ý vị và thêm thuốc bổ huyết, chứng này nếu dùng thuốc bổ khí thì khí giáng mà chứng bí tăng lên, lâu ngày thành chứng « cô-tửơng ». Là vì chứng bí ấy bởi ở huyết phạm, mọi người chỉ biết dùng những vị chỉ-xác, cát-cánh, bình-lang để hành khí mà không biết dưỡng chân âm, bổ chân huyết thật là đáng tiếc.

Người không sốt nóng, mạch không « hồng-đại » mà lại « thực » chỉ thấy trong ngực đầy lắm (mãn) thế là khí không có sản bản bốc ngược trở lên, là chứng hư yếu lắm. Vì ngực là nơi để chứa khí, thời nên dùng phép chữa « tắc-nhĩ-tắc-dung » nghĩa là để tắc thời lại dùng thuốc để tắc lại, thế là lấy bổ làm tiêu, mà không được dùng thuốc để thổ hay hạ.

Phép đời xưa dùng hoàng-cầm hoàng-liên, chỉ-thực để vơi nhẹ đi, hậu-phác, bán-hạ, gừng sống để tản đi, sâm, truật để bổ, phục-linh, thạch-tả để thấm thấp, thế là dùng thuốc bổ để tiêu, thời chứng hư bí (bí hơi) tự khắc khỏi.

Chứng bí bởi huyết thời dùng những vị như hồ-đào, hồng-hoa, hương-phụ, đại-hoàng là đem huyết để điều



lý tỷ-vị. Nếu chỉ dùng thuốc hành khí thời chứng bị hơn lên mà thành chứng trung-mãn cô-trương. (Chữa chứng bị không nên dùng thuốc bổ khí là phép của ông Đông-Viên).

Bổ tạng tỷ, hòa cho dạ-dầy, thanh hỏa tiêu đờm thì nên uống bài « *quất liên chỉ truyệt hoãn* ». Điều hòa trung-chân, bổ khí huyết, tiêu bí, thanh nhiệt, thời nên uống bài *bình bổ chỉ truyệt hoãn*.

Những vị thuốc dùng về chứng này :

Đề điều bổ khí huyết như : Sâm, linh, truyệt, thảo, qui, thục, thục.

Đề thanh hỏa hóa đờm như : Mộc-hương, chỉ-xáo, chỉ-thực, hậu-phác, sa-nhân, sơn-tra, mạch-na, thần-khúc, hoàng-sâm, hoàng-liên, trần-bì, bán-hạ, phục-linh.

3 — CHỨNG ÁCH-NGHỊCH (Nấc ngược lên).

Chứng này có sách gọi là « *khất-nghịch* » (ho ngược lên), có sách gọi là « *nế khí* » (ợc hơi).

Cẩn bệnh : Chứng này bởi dạ-dầy lạnh, làm bế tắc khí dương không thông được, cũng có người bởi trên hoành-cách-mô có đờm vì nất giận, đờm và nhiệt va chạm nhau, khí không giáng được mà thành bệnh.

Cũng có người vì ở bụng dưới lạnh quá bực bách hỏa lên trên, nấc từ dưới rốn trở lên, đó là âm-chứng.



Có người vì ốm rồi, ngũ tạng đều yếu, thăng giáng thất thường, cho nên nấc từ hạ-tiền trở lên.

Có người vì yếu rồi khi ở trung-châu hư tổn, rồi tà khí trở vào tà khí và chính khí va chạm nhau rồi bốc ngược lên mà nấc.

Người ta nhờ khí ở tỷ-vị, một khi tỷ vị thụ thương thì tạng can là hành một lần đi một đêm hỏa trở lên mà thành nấc đó là chứng hư yếu lắm, cho nên Nãi-khinh có nói: « các chứng nấc ngược lên đều thuộc về hỏa », đó là hỏa ở dạ-dầy xông lên.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Nấc từ trung-tiền trở lên, là khí của thức ăn không vận hóa, thời ngắn tiếng, mà ăn vào là phát bệnh, đó là bệnh vì ăn nóng.

Nấc từ hạ-tiền trở lên, là khí ở trung-châu không đầy đủ thời dài tiếng, không ăn cũng nấc, đó là vì hư hỏa.

HƯ HAY THỰC

Bởi tỷ-vị thụ thương hay là ốm rồi mới khởi tỷ-vị yếu thời phần nhiều mặt xanh, người gầy.

Bởi khí ở trong hư yếu quá, hay là uống nhiều thuốc hạ, tỷ vị hư yếu mà âm hỏa bốc lên đều là chứng hư.

Vì ngoại cảm dạ-dầy ráo, hay là vì giận dữ nhiều, ăn no nhiều, thời phần nhiều mặt đỏ, chân tay yếu, đại tiện bế.

Có người vì đờm ngăn trở. Có người vì ứ huyết, có



người vì hỏa rất, có người vì dạ-dày nóng, thời đều là chứng thực.

Tóm lại, phải căn cứ vào bệnh nhân vốn là khỏe hay yếu, già hay trẻ, mạch hư hay thực, để phân là hư chứng, thực chứng.

Có sách nói: Nể lên thanh là chứng thực, dễ chữa, thỉnh thoảng mới nể là chứng hư khó chữa.

TỐT HAY XẤU

Bệnh hoạn dễ lên, trên trán ra mồ-hôi, mà phát nể không chỉ là tạng thận tuyệt.

Mạch của tạng phế « tán, đại » là chết.

Mạch của tạng phế thấy « sai » là hành hỏa khắc hành kim tất chết.

Người sản hậu bị nể là chứng nguy.

PHÉP CHỮA

Nể ở trung-tiên tiếng ngắn mà nhỏ là dễ chữa. Nể ở hạ-tiên tiếng dài mà lớn là khó chữa.

Là thực hỏa thời dùng những vị hoàng cầm, hoàng liên, đinh-hương, thị-đế là được.

Còn như « hư hỏa » (hỏa bị yếu bốc lên) mà nể từ rốn trở lên, thời không dùng được thuốc mát, chỉ nên uống bài lục-vị thêm mạch-môn, ngũ-vị, hồ-đào, phá-cổ để đem khí về tạng thận là khỏi.

Họ Đới có bản: chứng nể vì nhiệt chỉ người mẫn



bệnh thương hàn mới có. Ngoài ra đều là chứng hàn, thời bài « bán-hạ sinh-khương thang » rất hay.

Sách Vi-Nghĩa có nói : « chứng nắc bởi âm khí đã yếu, dương hỏa xông trở lên, ra ở dạ dày, vào ở tạng phế mà thành tiếng ». Tôi xét ông Đông-Viên dùng thuốc mát là để tán hỏa. Còn âm chứng mà nắc là âm khí đã kém, dương hỏa cũng kiệt, bốc lên trên ngực mà muốn tản ra, thời không nên dùng thuốc mát, phải dùng thuốc ôn để nuôi tý-vị, giữ dương khí lại. Một khi ở dạ-dày đã hòa, khí dương sinh ra thời khi âm vượng lên.

Nếu bệnh mới phát, mà là chứng thực, vì ồm, vì hỏa, vì ăn nóng, thời thông dụng bài « nhị-trần thang ».

Sau khi ồm, hay ồm đã lâu mà phát ra chứng này thời là hư hàn, nên dùng bài lục-quán-tử hay là bài đinh-hương thị-đế, trúc-lich thang thêm vị bào-khương, phụ-tử, bạch-truật, phục-linh.

Nếu bởi tạng thận yếu mà lạnh, thời nên dùng bài bát-vị thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngư-tất.

Nếu ồm rồi mà nắc là khí hư yếu lắm, hư mà là nhiệt thời dùng những vị : nhân-sâm, trúc-lich, trần-bì, cam-thảo, gừng và táo. Hư mà là hàn thời những vị sâm, truật, bào-khương, trích-thảo, phụ-tử, đinh-hương, thị-đế.

Nắc mà đại-tiền bế, mạch « trâm » nên dùng bài điều vị thừa khí thang.

Nắc mà dưới ngực kinh giật, nên dùng bài nhị-trần thêm nam-tinh (đã sao), mỗ-hương, trúc-lich, nước gừng, đinh-hương, thị-đế.



Những vị thuốc dùng về chứng này :

1) Những vị để thanh hỏa, giáng hỏa như : hoàng-cầm, hoàng-liên, son-chi, trần-bi, trầm-hương, hoắc-hương, thị-đế, trưc-nhự.

2) Những vị để ôn trung bổ hư như : nhân-sâm, đinh-hương, hồ-đào, shích-thảo, ngô-thù, hồi-hương, bạch-truật, phục-linh.

3) Những vị để tiêu thực hoá đờm như : mạch-nha, son-tra, thần-khước, bán-hạ, nước gừng.

..

4.— CHỨNG ẦU-THỔ (ợc nôn)

(thêm chứng ợc ngược lên)

Căn bệnh : Nội-kinh nói : « các chứng ợc ngược xông trở lên, đều thuộc về hỏa », nhưng có phân ra âm-chứng, dương-chứng, hư-chứng, thực-chứng.

Thở trước rồi mới khát là muốn cho giải đi, khát trước rồi mới thở là có nước đình tích ở dưới ngực, nay lại không khát là ở dưới ngực còn nước.

Dạ-dầy có ôn mới vận hoá được, nay hư yếu tức là chân hỏa kém mà bốc lên (hư-hỏa) chứng này phần nhiều vì dạ-dầy hàn.



PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Ăn là oẹ, không ra vật gì và có tiếng, thổ là nôn, có ra vật gì mà không có tiếng. Nhưng có người vì đàm cách ở trung-tiên thức ăn không xuống được. Có người vì khí không thuận xuống. Có người vì khí lạnh nất ở dạ-dầy. Có người vì khí trệ ở tạng tâm, tạng phế thức ăn mới không lọt xuống được. Có người vì dạ-dầy có hoả hay đàm. Có người vì khí lạnh phạm vào đại-tràng và dạ-dầy, khí ấy ngược lên mới đau mà nôn oẹ. Có người ăn vào là oẹ là vì thức ăn vào dạ dầy không vận hoá kịp mà oẹ ra. Có người vì ống lưỡi cứng ra hể ăn vào là oẹ (vì lưỡi thuộc về tạng tỳ, này kinh túc-thái-âm là tạng tỳ thụ bệnh).

Ngoài ra, còn có người vì thượng tiêu thương phong (cảm gió độc) mà bế tắc lại, thổ trước tả sau, người sốt, đau bụng, gọi là chứng « lậu-khi ».

Có người vì hạ-tiên thật nhiệt, đại-tiểu-tiên đều không thông, khí không tiếp tục được mà oẹ ngược lên không ngừng, gọi là chứng « đầu bó » (bường này há miệng, oẹ tiếng to, là khí ráo và nóng xông lên dạ-dầy).

Còn oẹ ra thấy đắng là tà khí nóng ở mật. Oẹ ra nước trong phần nhiều là chân khí hư yếu. Thổ ra trũng gầy là dạ dầy lạnh.

HƯ HAY THỰC

Người vốn yếu mà có bệnh này, là vì hỏa ở mệnh-môn hư yếu không nung nấu được tạng tỳ, mà dạ-dầy không nạp được thức ăn, thế là dạ-dầy hàn mà là hư chứng.



Bệnh nhân vốn là khỏe, vì thương thực mà tạng tỳ không vận hóa được, hay vì thương phong mà dạ-dầy bị thấp nhiệt, hay vì đàm hoặc thức tanh ở cổ-họng, hay là người thấy mùi hôi, như trên mà ọc và nôn đờn là thực chứng.

TỐT HAY XẤU

Chứng ọc nôn mà đau bụng lắm, sắc mặt như là đen là chết (thuộc về chứng chột thấy nôn ọc, chứ không thuộc chứng phiên-vị).

Mạch « hư » hay « tiểu » là tốt, « thực », « đại » là xấu.

Nôn ọc mà mạch « nhược », tiểu-tiện đi nhiều, người thấy hơi sốt, chân lạnh là chết.

Hồng-vượng (1) thổ nhiều khát uống nước lạnh là chết (chứng này chỉ uống nước đá trẻ em dễ thanh đi).

(1) Hồng vượng : phải chăng là mặt đỏ hồng lên.

PHÉP CHỮA

Nôn ọc thì phải khát, không nên thấy khát mà luận cả là hỏa nhiệt, mà cho uống thuốc hàn lương. Lại trong bụng không còn thức ăn uống thì thành hư-nhiệt mà không phải thực-nhiệt.

Chữa chứng này cần nên điều hòa, nếu cho uống thuốc cay và ôn (tân ôn) thì càng ráo, cho uống thuốc mạnh thì tỳ-vị yếu đi. Nếu thấy mặt đỏ sợ nóng phiền táo uống nước nhiều, mạch « hồng-hoạt » hay là « huyền-sắc » mới là hỏa-chứng.



Giữa sống là thành dươc chữa chứng nôn ọe, vì tản được khí ngược lên.

Chứng này kiêng uống những vị thuốc có dầu như : qua-lâu-nhân, hạnh-nhân, la-lạc-tử, tồ-tử.

Chứng này thường kiêng thuốc lợi tiểu-tiện, nhưng nếu tiểu-tràng, bàng-quang vì nhiệt mà không thông, ngăn cách thức ăn mà nôn ọe, thì cũng phải dùng thuốc để thông lợi tiểu tiện.

Tóm lại, ở thượng-tiền có nhiệt thời nên thanh, ở trung-tiền có đình trệ thời nên tiêu, vì hư yếu quá mà vàng đả thời nên bổ. Nếu bởi hạ-tiền hư hàn thì càng nên ôn bổ. Chứng thổ ra đầy cả huyết, thời lại phải bổ chân âm để nén khí xuống.

Chứng ọe khan nên lợi tiểu-tiện để khí ở tạng phế đem xuống. Nếu trong hàn ngoại nhiệt mặt đỏ phiền táo mà ọe khan, mạch « vi » chưa tuyết, thời phải uống bài « tứ-ngịch ».

Thổ ra giun là trong dạ-dầy lạnh. Sở dĩ thuốc chữa thổ không được khỏi, là vì giun gặp thuốc thời đông lên, động thời không nạp được thuốc mà nôn cả ra, như vậy phải uống vị xuyên-tiên để dẹp giun xuống, hay là uống vị ô-mai để an trũng, rồi mới uống thuốc chữa thổ.

Ông Khiết-Cồ theo về tam tiêu mà phân ra vì khí, vì tích, hay vì hàn.

Thổ từ thượng-tiền là về khí, thời mạch « phù » mà « hồng », ăn rồi là nôn mạnh, khát uống nước lạnh, phép chữa nên giống khí hóa trung.

Thổ từ trung-tiền là vì tích, khí và thức ăn va chạm



nhau, hoặc đan bụng rồi mới thở, hoặc thở rồi đan bụng, mạch « phủ » mà « huyền », phép chữa nên trừ tích hỏa

Thở từ hạ-tiêu thì buổi sáng ăn là buổi chiều thở, buổi chiều ăn là buổi sáng thở, tiểu-tiện đi nhiều, đại-tiện không thông, mạch « đại » mà « trầm-tri » đều là chứng hàn, phép chữa nên thông đi và ôn cho hàn khí, chủ về bài « bán-hạ sinh-khuông, đại-hoàng thang ».

Chứng thở mới phát thì bệnh ở trên, thở càng lâu ngày thì bệnh càng ở dưới, sách cổ thông dụng bài bán-hạ, sinh-khuông thang, riêng ông Đông-Viên cho là: vị sinh-khuông chỉ chữa về chứng ngoài biểu mạnh mà khí trệ. Còn người nào tỳ-vị hư yếu, thời phải chữa bằng sâm, truật, vì thể bệnh nhân nống bài tiểu-bán-hạ không khỏi, mà nống bài đại-bán-hạ thang là khỏi ngay. Nếu có hàn thì ưa nóng ghét lạnh, chân lạnh, mạch « tiển ». Có nhiệt thời ưa lạnh ghét nóng, ráo khát mạch « hồng ». Có khí trệ thời đầy trướng, nhiều đàm, gặp lạnh thời phát bệnh. Có thực tích thì dùng thuốc để tiêu đi. Nếu các thứ thuốc đều không hiệu, thì phải dùng những vị có tính chất nặng để nén xuống, như bài linh-sa-đan, dương chính đan. Nếu bệnh lâu hư yếu quá, thì nên dùng những vị bạch-truật (sao gần đen), trần-bì, phục-linh, bán-hạ, trich-thảo, gạo lấu năm, hạt ý-dĩ, mạch-nha sắc nống.

Theo ý tôi, chứng này dù ông Khiết-cổ phân ra bởi khí, bởi tích và bởi hàn, nhưng ta nên đề ý về tán hàn khí ở hạ-tiêu, rồi điều hòa ở trung-tiêu là khỏi. Vì rằng hỏa ở mệnh-môn trong tạng thận suy kém thì không nung nấu được thức ăn ở tỳ-vị, nên trên ngực trướng



cách mà thành bệnh, tức là ăn lâu rồi lại nôn là bởi không có hỏa như cô-thư đã nói.

Vì thế, nên dùng bài bát-vị để bổ hỏa ở mệnh-môn mà giúp cho tỳ-thở, rồi uống tiếp bài phụ-tử lý-trung thang thời thật là vạn toàn. Nếu chỉ dùng những vị sơn-tra, mạch-nha, thần-khứ hay là bài bình-vị để tiên thực ăn thì thêm hao mà chóng chết.

Lại có người, vì hoả ở tạng can cũng thành ọc mà thức ăn không lọt vào được, nhưng ọc ra nước chua, hay đắng, hay là nước như chàm xanh, chỉ có đại-tiên-tiện không bí, cũng có đau bụng trên, thế là chứng tâm hỏa và can mọc nổi lên, thời nên dùng vị ngũ-thủ và hoàng-liên sắc nước đặc nuốt dần rồi dùng bài tiên-dao-tán. Khi khỏi rồi uống bài lục-vị-hoàn. Nếu là chân dương hư yếu thời nên uống bài bát-vị, thêm vị ngũ-vị và ngưn-lất. Sở dĩ uống bài tiên-dao là vì chứng này thì phải mở mang.

Xét ra trong dạ-dầy có nhiệt, trên hoành-giác-mô có đốm, thời nên uống bài nhị-trần thêm sơn-tra, hoàng-liên, và gừng sống.

Người ốm đã lâu mà nôn ọc là tỳ-vị yếu, nên uống những vị nhân-sâm, bạch-truật, gừng nướng v.v... để bổ tỳ-vị.

Nếu ra nước sợ rét, bốn chân tay giá lạnh, sáu bộ mạch « tri », « tiển », và « nhược », như trẻ con thương hàn, nên uống bài nhị-trần thêm mười cái đinh-hương, hơn nữa uống bài phụ-tử lý-trung thang mà đều phải uống ngửa.



Nếu ưa lạnh ghét nóng, phiền táo uống nước nhữn, mạch « sắc » mà « hồng », nên uống bài *nhị-trần* thêm hoàng-liên tằm nước gừng, sơn-chí sao đen, lá tỳ-bà-trích và trúc-nhự, cát-căn, gừng-sống đun thêm nước rễ cây lau (lô-căn) mà uống.

Ngủ hơi ngủ cố là ọc mà uống thuốc cũng ọc, mạch về bộ quan thấy « hồng », đều nên dùng nước lô-căn để chữa chứng nhiệt.

Bệnh nhân mặt đỏ miệng ráo, nước đăo, lợm lòng, phiền táo không yên, thời nên dùng bài *nhị-trần* thêm hoàng-liên sao với nước gừng, chí-tử sao, lá tử-tô, và cát-căn sắc nước uống nóng.

Ăn vào một lát là thổ cũng gọi là ăn, thì uống bài *tiêu-bán-hạ thang*. Ăn vào thổ ngay là chứng bạo-thổ (thổ dữ dội) thời uống bài *sinh-khương quất-bì thang*, ăn xong là thổ gọi là ăn-thổ thời uống bài *quất bì bán-hạ thang*.

Vì hàn thì ghê rét tay chân lạnh, mạch « tri », thời uống bài *nhị-trần* thêm đinh-hương, bào-khương, bệnh nặng thời uống bài *lý-trung* thêm vị chỉ sắc mà uống nguội (không nên uống bài *hồng-đậu-hoàn*).

Vì nhiệt mà sợ nóng, ráo khát, mạch « hồng », thời uống bài *nhị-trần* thêm vị sơn-chí, hoàng-liên, trúc-nhự, lá tỳ-bà, cát-căn, gừng sống.

Khi trở mà đầy trướng không thông, thời uống bài *nhị-trần* thêm chỉ-sắc, trầm-hương.

Chứng nhiều đàm gặp lạnh là phát bệnh, trước hết lấy lá tử-tô sắc nước để uống thuốc *lĩnh-sa-đan*, rồi uống



thuốc thuận khí, hàn thời uống bài lý-trung thêm bán-hạ
ích-trí.

Chứng « lặn-khí » thời uống bài mạch-đông-thang.

Chứng « lặn-bồ » thời uống bài nhân-sâm tam-hoàng thang.

Ợc khan thời lấy vị quất-bì, gừng-sống hai vị bằng
nhau sắc uống; ợc ra đặng thời uống những vị hoàng-liên,
cam-thảo, gừng-sống, trần-bì, sai-hồ, mạch tạng phở nhỏ
(tiền) thời bỏ vị hoàng-liên, thêm đinh-hương và quế. Ợc
ra nước trong thời uống bài lục-quán hòa thêm vị xích
thạch-chí. Thở ra gần thời uống bài lý-trung thêm xuyên-
tiêu bình-lang ô-dược.

Những vị thuốc dùng về chứng ợc-thở.

Những vị để thanh hỏa, giáng hỏa như : hoàng-liên, son-
chí, hoàng-sâm, cát-căn, nước lô-căn, lá lý-bà, trúc-nhự,
sai-hồ, thạch-cao.

Những vị để ôn bồ như : sâm, linh, trạch, thảo, quế,
phụ, đinh-hương, ngô-thù, gạo-lâu-năm, bạch-thược, đại-táo,
bạch-khẩn, nhục-khẩn, ích-trí, ý-dĩ.

Những vị để hành khí, hóa trệ và tiêu đàm như : trần-
bì, chỉ-sắc, chỉ-thực, bình-lang, hậu-phác, hoắc-hương, son-
tra, mạch-nha, thần-khúc, sa-nhân, bán-hạ, sinh-khương.

PHỤ THÊM CHỨNG ỢC NGƯỢC LÊN

Chứng này tựa như ợc khan, nhưng chỉ có tiếng
nhỏ mà cũng không có thở gì. Ông Đông-Viên cho hẳn
chứng ợc khan vì thức ăn ở trong dạ-dầy gặp khí lạnh



mà phát ra, với người ốm đã lâu thời chứng này là nguy.

Chứng này tuy bởi dạ-dầy, nhưng cũng có người vì âm-khí kiệt, âm-hỏa bốc lên trên ngực, dương-khí không ngấm được mà phát ra, nên căn nguyên cũng bởi tạng thận.

Chứng này vì âm-hỏa thời khó chữa, ọe luôn là chứng thực, hàng nửa giờ mới ọe một tiếng là chứng hư, ốm đã lâu ngày mà thấy ọe và chứng lý, chứng sốt thương hàn, chứng sản-hậu, chứng hư-lao, đều là khó chữa.

Chứng này nếu bệnh nhân béo trắng, người mát thì phần nhiều là hàn, nếu gầy đen lợt sốt mà người ấm thời phần nhiều là táo nhiệt, lại phải tham khảo về mạch.

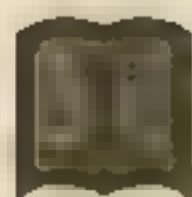
Người đời xưa chữa chứng này, đại khái dùng bài *đỉnh-hương thị-đế tán*, nhưng phương thuốc ấy đã không thanh được khí, nhẹ được đàm, lại không bỏ được hư yếu và giáng hỏa, hơn nữa, không có sức mạnh thì sao chữa được mọi chứng ở trong bệnh ấy.

•••

5. — CHỨNG ÁI KHÍ (ợ hơi)

(phụ thêm chứng ố tâm (lợm lòng))

Căn bệnh : Nội-kinh nói : « khí âm thấp ngấm lấp thức ăn trở xuống thì thành chứng ợ hơi ». Cỗ thư nói : « vì tạng tỳ không vận hóa, trọc khí ngấm lại mà thành bệnh ».



PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Chứng này có phân ra vì hỏa, vì khí, vì đàm, vì thức ăn, ngoài ra còn vì tạng tý hư hàn, vì khí hãm trở xuống.

HƯ HAY THỰC

Bệnh nhân vẫn hư yếu, khí trong sạch hãm xuống; khí xấu đem lên, hay là hỏa ở mệnh-môn suy yếu, thì nên chữa theo chứng hư yếu.

Bệnh nhân vẫn mạnh, vì ăn no, hay vì trong dạ-dầy có hỏa đốt hay trên hoành-cách-mô có đàm đặc, đều là chứng thực (bệnh mạnh).

TỐT HAY XẤU

Dù bệnh có nhiều nguyên nhân, nhưng đều bởi tạng tý hư yếu, nên phải đề ý điều trị, nếu đề lâu có thể thành chứng « quan-cách, phiên-vị ».

PHÉP CHỮA

Chữa chứng này thông dụng bởi nhị-trần. Nếu vì khí thêm vị tử-tổ, vì hỏa thêm vị hoàng-liên, vì đàm thêm vị chỉ-sao và trúc-nhự, vì thức ăn thêm vị sơn-tra, mạch-nha, thần-khốc.

Nếu bởi khí của tạng tý hư hàn, hay là sau khi ốm nặng khí yếu mà hãm trở xuống, thì nên uống bài lục-quán thang. Vì sốt thương-hán rồi mà dưới ngực bí, thì chữa theo chứng bí. Vì ra mồ-hôi nhiều hay là vì uống thuốc hạ mà phát bệnh thì chữa theo chứng hư yếu.



Trong dạ-dầy có đờm, có hỏa, nên uống bài *nhị-trần* thêm *chỉ-tử*, *hương-phụ*, *hoàng-liên*, *chỉ-sắc*, đờm hỏa trệ ở dạ-dầy nên uống bài *khứ đờm hoản*, *nhuận-hạ-hoản*, *cổ-hoản-liên hoản*. Nếu ợ mạnh mà khi ăn rồi đem cả mùi của thức ăn lên là bởi *thương-thực* và thấp nhiệt, nên uống bài *nhị-trần* thêm vị *mạch-nha*, *thần-khúc* và *hoàng-liên* sao, hay là bài *bảo hòa hoản*.

Không bởi ăn uống mà thường ợ là hư yếu, nên dùng bài *lục quân-thang* thêm vị *trầm-hương* nhiều hơn hết, *hạ-phác*, *tử-tô* nhiều vừa, *ngô-thù* ít hơn hết; bệnh đã lâu dùng bài *quân-khí-hoản* hay bài *tô-hợp-hương-hoản*, hơn nữa dùng bài *ninh-sa-đan* để nén xuống.

Những vị thuốc chữa về chứng này.

Những vị để tiêu thực hóa đờm : *sơn-trà*, *mạch-nha*, *thần-khúc*, *trần-bì*, *hạ-phác*, *xương-truật*, *sa-nhân*, *nam-tính*, *bán-hạ*, *cát-cách*, *sinh-kương*.

Những vị thanh hỏa giáng khí : *hoàng-cẩn*, *hoàng-liên*, *chỉ tử*, *thạch-sao*, *trầm-hương*, *hương-phụ*, *phổ-bồn hoa*, *tử-tô-tử*, *chỉ-xắc*, *chỉ-thực*, *đại-phác bì*, *ngô-thù*.

(X) Những vị để bổ tỳ vị : *sâm*, *linh*, *truật*, *thảo*, *thảo-độn-khẩn*, *ý-chỉ*, *ích-tri-nhân*.

PHỤ THÊM CHỨNG Ợ-TÂM (lợm lòng).

Chứng này muốn thở không thở, muốn ợ không ợ, không có vật gì mà cũng không có tiếng. Chứng này bởi trên dạ-dầy có nhiều đờm (đờm ẩm).



Nếu thấy thừa ẩm thời ghét mà lợm lòng, nên dùng bài *nhị-trần-thang* hay bài *lục-quần-tử-thang*, đều dùng gừng-sống để hạ khí, nhẹ đờm. Hơn nữa dùng bài *lý-trung-thang*. Hay bài *nhị-trần-thang* thêm bạch-đậu-khấu, lương-phu, sa-nhân. Nếu không khát là dạ-dày yếu hay là lạnh, thời dùng bài *lục-quần-tử-thang* thêm sa-nhân, có hỏa thêm hoàng-liên (tầm nước gừng sao). Dạ-dày lạnh dùng bài *lý-trung-thang* thêm trần-bì, bán-hạ, gừng-sống. Phấn khát là dạ-dày có đờm hỏa, đờm nhiều thời dùng bài *đại-tiểu-bán-hạ-thang*. Hỏa nhiều thời dùng bài *nhị-trần-thang* thêm hoàng-liên (đều tầm nước gừng sao). Chứng mặt đỏ bừng lên mà lợm lòng đều chữa như trên.

Lợm lòng mà bởi dạ-dày thụ thương. Nếu là chứng hư thời dùng bài *nhị-trần-thang* thêm sâm và gừng sống. Nếu là chứng thực, thời dùng những vị chỉ-xác, sa-nhân, bán-hạ, trần-bì, bạch-đậu-khấu, hoặc-bương.

•••

6 — CHỨNG THÔN TOAN, THỔ TOAN

(Nuốt nước chua, thổ nước chua).

(Phụ thêm chứng táo-tạp là trong bụng nôn nao).

Căn bệnh: Nội-kinh có nói: « kinh thiếu-dương thăng lên thời ọc nước chua » vì rằng tạng can thuộc hành mộc, một khi hỏa thịnh thời thành ra vị chua, thế là bởi dạ-dày có thấp nhiệt, thừa ẩm không vận hóa được mà thành chua (cũng như cơm hay thịt để lâu thời thành ra chua).



Như vậy thời tý vị yếu là gốc bệnh, mà đàm hỏa là chi tiết. Thức chua ấy không thể được thời nuốt đi. là « thôn-toan », mà thở ra là « thở-toan ».

Chứng này sách Tố-vấn cho là nhiệt, ông Đông-Viên cho là hàn, là lẽ làm sao ? Chỉ vì trước nhiệt mà sau hàn hay là người mạnh thời nhiều hỏa mà nhiệt, còn người yếu thời hàn.

PHÂN BIỆT BỆNH CHỨNG

Thấp khi nhiều thời nuốt vào mà đại-tiện dễ đi, nhiệt nhiều thời thở ra mà đại-tiện vít lại. Nuốt nước chua và thở nước chua dù khác nhau, nhưng đại thể giống nhau, là vì thấp nhiệt nhất ở tý-vị, hay là ở khoảng tạng phế và dạ-dày, khạc không ra, nuốt không xuống, hoặc vì ngoài cảm phong hàn thời nhiệt càng nổi, hoặc thở ra ngay. Hoặc muốn thở không thở. Hoặc uống nước nóng thời tạm đỡ, là vì phong hàn nổi ở ngoài biểu, gặp nóng thời hơi thụt mở ra, thế là gốc bệnh là nhiệt mà sau là hàn, nếu nhận lầm là hàn thời không đúng.

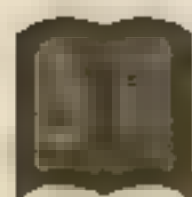
HƯ HAY THỰC

Bệnh nhân vốn yếu, hay là dạ-dày lạnh không muốn ăn, hay là tạng thận yếu mà hỏa bốc lên, đều là hư chứng.

Bệnh nhân vẫn mạnh, vì thức ăn đình trệ, đờm hỏa nổi lên mà thành bệnh là thực chứng.

TỐT HAY XẤU

Chứng này tuy bởi hậu-thiên, nhưng không chữa ngay



có thể thành chứng quan-cách, vả lại nuốt nước chua tuy là bệnh nhỏ, nhưng có thể thành chứng phiên-vị.

PHÉP CHỮA

Căn bệnh là nhiệt mà chỉ tiết là hàn, thời phải trừ nất nhiệt, tiêu thực tích, mà giúp thêm một ít thuốc nóng để dẫn đi, nhưng bệnh nhân không nên tức giận, và nên ăn những thứ dễ tiêu.

Các bệnh đã nhiệt thời nên dùng thuốc hàn, riêng chứng này phải dùng kèm cả thuốc nhiệt. Nghĩa là phải lựa theo mà chữa. Chỉ có phép dùng những vị thuốc khí và vị đỏa mạnh, mới biến khác được dạ-dầy.

Chữa chứng này nên dùng vị ngô-thù (ngâm nước nửa ngày) nhiều hơn hết, rồi gúp sức bằng bài *nhị-trần thang* hay bài *binh-vị tán* nếu khí nất thêm vị hương-phụ, nhiệt nhiều thêm vị hoàng-liên sao, vị chi-tử sao.

Ông Đông-Viên chữa chứng này toàn dùng thuốc ôn. Ông Đan-Khê tuy dùng vị hoàng-liên cũng thêm vị xương-truật, vị ngô-thù. Là vì hỏa có vượng lên thời tạng lý mới mạnh.

Chứng này dù nên dùng bài *nhị-trần* thêm vị ngô-thù mà lại thêm hoàng-liên, còn những vị xương-truật, phục-linh cũng không thiếu được.

Có người vì nất khí bại tạng lý, nếu là chứng thực thời dùng bài *cổ-tiến-giao-tán*. Là chứng hư thời dùng bài *quí-lý gia giảm*.

Tôi thường dùng bài *binh-vị-tán* để chữa chứng nuốt



nước chua và thức ăn lâu không tiêu hoá, mà đem vị thần-khức, vị mạch-nha và gừng sống sắc nước để uống thuốc, thời không người nào không khỏi.

Thở nước chua mà nước hơi xanh, mạch « huyền, cấp » dùng bài nhĩ-trần thêm ngô-thù, hoàng-liên, sài-hồ.

Bởi tạng can nhiệt thời dùng bài tả kim-hoàn thêm bạch-độn-khẩu, gừng sống, lá-tre, sơn-chi sao. Là hàn thời cũng dùng thuốc hoàn lý mà thêm đinh-hương, trầm hương, cau-khương, bạch-truật.

Những vị thuốc dùng về chứng này :

Những vị khai uất thanh hỏa như : trầm-hương, hương phụ, ngô-thù, thanh-bì, trăn-bì, chỉ-xác, bình-lang, hoàng-cầm, hoàng-liên, sơn-chi, chúa-nhự, hoạ'-thạch, tỷ-bà dệp.

Những vị đề tiêu thực hoá đàm như : xuong-truật, hậu phác, sủi-đỏ, mạch-nha sa-nhân, bá-ho, phúc-linh, qua-lâu nhân, nam-linh, cát-cánh, cam-thảo.

•••

CHỨNG TÀO-TẬP (trong bụng nôn nao).

« Tào-tập » là bởi hỏa hay đàm. Người nào quanh năm trong bụng nôn nao thời chết non, là vì trong bụng đã tào-tập thời hẳn có thêm những chứng ợ hơi, bí đầy, lợm lòng, nuốt nước chua, rồi đến dạ-dầy đau ngán ngắt mà là nguyên nhân chứng nấc ngược lên và chứng phiến-vị.

Hiện chứng : tựa đói mà không phải đói, tựa đau mà không phải đau, phiến nhiễu không được yên.

Chữa chứng tào-tập phải nhẹ đàm, thanh hỏa. Nếu bệnh nhân lúc ăn có ợ thời uống bài chỉ-truật-hoàn, thêm



son-tra, mạch-nha, có nhiệt thêm vị hoàng-liên. Có nước đình trệ dùng bài *khúc-truật-hoàn*. Bụng đầy dùng bài *việt-cúc-hoàn* hay bài *hương liên danh*. Có thấp đàm mà không muốn ăn dùng bài *tam bồ hoàn* thêm xương-truật, bội nhiều vị hương-phụ. Vì thức ăn thời dùng bài *tam thanh hoàn*.

Nếu đàm bởi hỏa động lên, thời phải chữa đàm, dùng bài *nhị-trần-thang* thêm hoàng-sâm, hoàng-liên. (lầm nước gừng sao) mà vị son-chi nhiều hơn hết, vị nam-tinh và bán-hạ nhiều vừa. nhiệt nhiều thêm vị thanh-đại. Vì hỏa động đến đàm thời dùng bài *khử-đàm-hoả-hoàn*.

Cứ sang trống canh năm mà táo-lạp là bởi lo nghĩ nhiều chầu huyết kém, nên dùng bài *bổ-tiếp tứ-vật thang* thêm hương-phụ, bối-mẫu, son-chi, hoàng-liên, cam-thảo ; bởi đàm vì hỏa động thời phải chữa đàm trước, như vị hoàng-liên sao với nước gừng, và vị son-chi, vị hoàng-cầm, trần-bì và bán-hạ. Nếu có choáng váng (huyễn vận) không phải là hư lực kém, thời cũng là hỏa động đến đàm, hoặc uống bài *lục-quần thang* hay bài *nhị-trần thang* thêm hoàng-sâm, hoàng-liên.

Nếu không muốn ăn là thấp đàm, khí uất, nên dùng bài *nhị-trúc* thêm một ít xuyên khung, xương-truật, bạch-truật, hương-phụ để vừa bỏ tỳ vừa hóa đàm.

Nếu ăn thức ngũ cốc mà trong bụng táo-lạp, là bởi dạ-dày yếu mà có hỏa, nên dùng những vị bạch-truật, hoàng-liên, trần-bì, làm thành thuốc viên mà uống bằng nước lã đun sôi.

•••



7.— CHỨNG NGHẸN-CÁCH VÀ PHIÊN-VỊ

(Ăn rồi lại nôn)

Căn bệnh: Chứng này nếu ở thượng-tiền thời bởi dạ-dầy khô ráo, chân âm thiếu mà hỏa vượng. Nếu ở trung-tiền thời bởi lo nghĩ, tức giận, đàm khí uất ở trên cách-mô.

Cổ thư có nói: « vi giận dữ thời khí ngược lên, thức ăn không xuống được. Vi khó nhọc thời ngăn sách xuyên xúc. Vi tư lự thời tam-tiền bế tắc, cuống-họng và cửa gà không thông. »

Cổ sách nói: « chứng này đều bởi nội thương, lo uất, thất chí, ăn uống, đàm dục động đến hỏa của tạng lý, tạng thận, hay là vi ăn nhiều thức cay, thơm và ráo, để dạ-dầy khô đi ».

Ông Tiết-Trai nói: « chứng nghẹn-cách phiên-vị đều bởi ở hỏa ». Hỏa làm ráo nước tân-dịch mà thành đàm, lúc trước cuống họng khô ăn uống không thông mà là nghẹn cách, rồi sau ăn được mà lại nôn ọe là ẩu thổ, có người thành ra phiên vị.

Có người vi tư lự quá mà động hỏa ở tạng lý.

Có người vi tức giận quá mà động hỏa ở tạng can.

Có người vi ăn nhiều thức nóng, thức ráo mà động hỏa ở dạ-dầy.

Có người vi đàm dục quá mà động hỏa ở tạng thận.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Ăn vào thời cuống-họng ngăn lấp, gọi là ứ, tức là nghẹn.



Thức ăn đến hoành-cách-mô thời không lọt xuống được gọi là cách.

Thức ăn đã vào dạ-dầy, vì hạ-tiền không vận hóa được mà sáng ăn chiều nôn, hay chiều ăn sáng nôn, có khi tích lại đến hơn một ngày, đầy bụng khó chịu rồi ăn thức gì lại nôn ra thức ấy, hơi nôn từ dạ-dầy mà ra, nên gọi là phiên-vị.

Có sách nói : « ế và cách cũng là một ».

Có sách nói : « cách và phiên-vị cũng là một ».

Có sách nói : « âm khí của ngũ tạng không xuống được thời gọi là ế, dương khí không lên được thời gọi là cách, chừng ế có thêm chứng cách là nghẹn cách ».

Có sách nói : « ế cách và phiên-vị tuy tên gọi khác nhau nhưng cùng một nguyên nhân »

HU HAY THỰC

Bệnh nhân nhiều tuổi hay là người vẫn suy yếu, mạch « tiểu » mà vô lực, sắc mặt vàng hay trắng mà khô, và chứng ăn đã lọt vào mà lại nôn ra, đều là chứng hư.

Người mạch hay là còn ít tuổi, mạch « đại » mà có lực, sắc mặt hồng hào, và thức ăn không lọt vào được, thời là chứng thực.

TỐT VÀ XẤU

Chứng này mà đại-tiền khó đi là khó chữa. Còn chứng nghẹn mà nước bọt trắng, phân khô như phân dê, ngực



và bụng nồn nao mà đau như dao cắt ra, hay là người già nhiều tuổi đều chữa được.

Người ngoài 50 tuổi, huyết khô, phân khô, và người ít tuổi mà không chịu ăn thức nhẹ nhàng, hay không kiên tình dục, cũng không chữa được.

PHÉP CHỮA

Ông Đan-Khê có nói: « Người không muốn ăn hay ăn không được nhiều mà ghen tở lại, thời gọi là ế. Dù ăn được nhưng một chốc lại nôn ra là cách hay gọi là phiên-vị. Nổn đại-tiện bí hay là đi như phân dỏ, thời phải tránh tà khí của lục-dâm và tránh sự nội thương về thất-tình. Thuốc uống thời phải thêm chân huyết, sinh tân-dịch để thấm nhuận cho tràng-vị. »

Nhưng chỉ bổ huyết bằng bài *lữ-vật* mà thêm trúc-lich, nước lá họ đề hóa đờm đều là chữa ngọn mà không chữa tận gốc, vậy phải xét đến thủy hỏa của tiên thiên, để chân thủy thấm nhuận được tạng phủ, chân hỏa nung nấu được thức ăn. Nội-kinh cũng nói: « tam dương kết lại gọi là chứng cách ». Tam dương tức là đại-tràng, tiểu-tràng và bàng-quang. Tam dương khô ráo thời đều bởi tạng thận.

Tại sao nước uống thời lọt mà thức ăn lại không lọt xuống được? Vì nước uống là loại âm, dương hỏa bốc lên thì ở dưới là trọc cùng một loại nên lọt xuống được.

Thở ra nước bọt trắng là nước uống bốc trở lên.

Đi cầu như phân dỏ là đại-tràng khô ráo mà nhỏ lại.



Người cao niên thường có chứng ấy là vì chân thủy đã kiệt, chỉ có khí dương trợ vợ (cô dương) bốc trở lên.

Chữa chứng ấy không nên dùng thuốc thơm vì ráo để tán khí hao huyết, nếu phạm đến là chết, dù thuốc có công hiệu chốc lát nhưng rồi không chữa được.

Ông Vương-Thái-Bộ nói : « chứng nghẹn phần nhiều là nhệ', chứng phien-vị phần nhiều là hàn » vậy thức ăn không lọt được thời phải mạnh cho chân thủy, ăn rồi mới nôn thời phải giúp cho chân hỏa. Sở dĩ chứng này khó chữa, là vì thuốc dùng để mạnh cho ý vị thời sợ ráo tân-dịch, mà dùng thuốc để thấm nhuần chân huyết thời hại đến trung-shân, nên người hóa vương thời chủ ở nuôi dưỡng chân huyết, mà người chân âm thịnh thời phải ôn bổ trước. Họ Vương thời cho rằng chữa chứng này phải khai khiếu, thuận khí, tiêu ứ, điều huyết.

Têm lại, chứng phien-vị đã khởi, dù muốn ăn uống thời chỉ sảo 5 chỉ sâm, 2 chỉ trần-bì, 1 lượng gạo sao vàng, uống dần sẽ giúp cho khí của dạ-dầy. Ngoài mấy hôm mới cho ăn cháo, rồi sau mới được ăn cơm.

Chứng này với người hư yếu, nên dùng bài bát-vị thêm ngũ-vị, ngũ-tất, vì bệnh ở trên có khi chữa ở dưới, uống như thế mười người may khởi được một, hai người.

Theo ý tôi về chứng này, nếu dùng thuốc ôn cho dạ-dầy thời dạ-dầy không lạnh, dùng thuốc để chữa nứt thời bị ráo mà trợ hỏa, vậy không gì bằng bổ thủy hỏa cho tiên-thiên.

Chứng này bởi huyết khô thời tiếp chân huyết, không gì bằng bổ thủy, là dạ-dầy hư yếu thời ôn cho dạ-dầy



không gì bằng bỏ chân hỏa, vậy bài lục-vị, bài bát-vị là thứ thuốc cần để chữa chứng phệ-vị. Còn dạ-dày khô ráo thì dùng nước gừng sống, mật ong và sâm sắc thành cao để uống dần, mà nên kiêng ăn thức béo, thức ngọt và thức có dầu mỡ.

Dưới đây là những chứng tương tự :

Ở ngực nghẹn tắc lại để mọi kinh-lạc không vận hành, há miệng tròng mắt khi buồn chực chết, thì nên dùng những vị thuốc ngọt mà ôn (jam-ôn) như : sâm, kỳ, quy, thảo và một ít những vị thăng-ma, si-hồ, thảo-đạo-khẩn cho uống trước là chữa về căn bản, rồi dùng những vị như mộc-hương, trần bì, mạch-nha, xuyên-sơ-giáp cho uống để thông đi, là chữa về ngọn, mùa lạnh thì thêm vị ngô-thú để chữa âm hàn, mùa bức thì thêm vị ích-tri, hoàng-bá để nhẹ âm hỏa, là vị thuốc này ở trong âm có dương ngấm ngấm mà phát ra.

Người nghẹn mà tiếng không phát ra được, thì dùng những vị trâm-như, ngũ-vị, gừng-sống, nếu có hàn mà mạch « trâm-tri » thêm quế, phụ, có nhiệt mà mạch « hồng » và « sắc » thêm hoàng-liên, mộc-thung sảo cho uống.

Người nào thức ăn nuốt xuống thời đàm dãi vướng lại, mà không lọt vào được, hay là đã lọt vào mà vướng đàm lại nôn ra, thì uống trước bài lai-phục-đan để nhẹ đàm, rồi dùng bán-hạ chế, phèn phi, một ít ít quả bồ kết sao, và phục-linh, chỉ-sắc, minh-phổ, nước trúc-lich làm thành thuốc viên mà uống.

Tôi có chế ra bài khai-quan lợi-cách hoàn là những vị : đương-quy, chỉ-sắc, mộc-hương, b'nh lang, nhân-sâm, địa-



hoàng (mái với nước mà nóng), cùng nóng thêm sữa người, nước quả lê.

Chúng phải vị (ăn vào là nôn) thời nóng bài kim-hoa hoán.

Chúng phải vị (ăn rồi mới nôn) thì nóng bài dịch lâu tử-trần hoán.

Những vị thuốc dùng về chứng ô-cách, phiên-vị

Những vị để thanh hỏa tiêu đàm như : hoàng-liêu, hoàng-bá, đổng-tên, mẫu-đơn, đại-hoàng, trúc-lich, bối-mẫu, qua-lâu ngũ-vị, khê-lử, bạch-nhân.

Những vị để ôn trung giáng khí như : quế, phụ, khương, đinh-hương, mộc-hương, trầm-hương, hoắc-hương, bạch-lang, hậu-phác, chỉ-thực, trần-bì, thanh-bì, xuyên-sơn-giáp, ô-dược.

Những vị để bổ tỳ tiêu thực như : sâm, kỳ, thảo, nhục-khẩn, bồng-khẩn, hạ h-khẩn, ích-trí, mạch-mạ, thần-khúc.

Những vị để bổ âm, nhuận táo như : xuyên-không, đương-quí, bạch-thược, sinh-lỵa, thụ:-địa, sữa-người, hồng-hoa, sữa-bò, sữa-dê, đường, đào-nhân, mật-ong.

∴

8.— CHỨNG HUYẾT

Căn bệnh : Theo nội kinh : Đứa Hoàng đế hỏi : « Thế nào là huyết » ? Ông Kỳ-Bá thưa : « Trung-lưu hút được



khí ở ngoài vào, hợp với nhựa của thức ăn, biến hoá mà sắc đỏ, thì gọi là huyết ». Nội-kinh lại nói : « huyết là tinh túy của thức ăn uống, điều hoà ra ngũ tạng lục phủ rồi vào mạch lạc ». Huyết đỏ sinh hoá bởi tạng tỳ, tỳm lại ở tạng tâm, chứa lại ở tạng can, khắp lên ở tạng phế, vọt ra bởi tạng thận. Huyết thịnh thời người mạnh, huyết suy thời người yếu, huyết hại thời linh thể hoại. Tinh-thần tỉnh thời âm huyết sinh, linh thể vật và thời khí dương vượng lên » (vượng thời âm huyết kém),

Huyết ấy một khi ngoại cảm về tà khí của lục nhâm, hay nội thương về thất tình, thời đều sinh ra bệnh.

Nội-kinh nói : « Năm nào hỏa vượng quá mà oi bức thời tạng phế là hành kim thụ thương, mà người mắc chứng huyết dãn ra hay là tiết ra ». Thế là khí của hỏa làm cho người phải thất huyết.

Lại nói : « khí của kinh thiếu-âm giữ chính lệnh của trời, thủy hỏa hàn nhiệt, gặp lúc tương giao, thời bệnh nóng sinh ở trên, bệnh lạnh sinh ở dưới, lạnh nóng va chạm nhau mà sinh ở trong, thời mắc bệnh huyết giãn giữa, hay huyết tiết ra », thế là lạnh và nóng làm cho người thất huyết.

Lại nói : « Năm nào hành kim thái quá, khí ráo lửa hàn, thời người mắc bệnh ho ngược lên, hơn nửa huyết giãn ra », thế là khí ráo khiến cho người thất huyết.

Như vậy, là bởi sáu tà khí.

Còn như vì mừng mà động huyết là hỏa khởi từ tạng tâm. Vì giận mà động huyết là hỏa khởi từ tạng



can. Vì lo mà động huyết là hỏa khởi từ tạng phế. Vì nghĩ mà động huyết là hỏa khởi từ tạng tỳ. Vì khó nhọc hay thất chí mà động huyết là hỏa khởi từ tạng thận. Thế là chứng thất huyết bởi tự ngũ-chí.

Bởi ở phong, hàn, thổ, thấp, là « ngoại nhân ». Nếu bởi tạng tâm, tạng can, tạng tỳ, tạng phế, tạng thận thụ thương mà động lưc là « nội-nhân ». Nếu vì rợn, vì thức ăn thức uống mà phát ra là « bất-nội-ngoại-nhân ».

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Thờ-huyết là thờ ra nhiều huyết mà không có tiếng bởi ở tạng can. *Ảu-huyết* là ọc ra ít mà có tiếng, là ở về dạ-dầy.

Tạng tâm chủ cho huyết. Tạng phế chủ cho khí. Khí và huyết giúp lẫn nhau, nếu thăng giáng thuận thời vô bệnh. Một khi vì lục-khi (tức là lục-dâm) hay là vì ngũ-chí (tức là thất-liễm) thời huyết, không lưu thông như thường mà đi ngược lên. Nội-kinh nói : « giặc dữ nhiều thời hình khí tuyệt », mà thờ-huyết, ấu-huyết mà sắc tía ». Vì nhiệt nhiều cho nên đen mà tía.

Chứng *lục-huyết* theo Nội-kinh thời kinh-lạc về dương thụ thương, là huyết giàn ra ngoài mà lạc-huyết hay thờ-huyết. Mũi là khiếu của tạng phế, khi ở mũi còn thông lên đến óc, nay huyết ra đang mũi là nhiệt nổi trở lên, nếu là dương thịnh thời người nóng khát nhiều, nếu là âm thịnh thời người mát không khát. Nhưng huyết là âm thời người mát dễ khởi mà nóng từng cơn thời nặng. Tóm lại, lục-huyết là bởi tạng phế. Vì nhiệt nổi ở kinh dương-minh.



Chứng *diện-lục* (huyết ra trong khi rửa mặt), là bởi gió đi nước động mặt nóng, dương hỏa bốc lên mà huyết cũng theo ra.

Não-mục là chứng vừa kể ở trên, huyết ra cả ở miệng và mũi.

Chứng *xỉ-nục* là huyết ra ở chân răng, vì dạ-dầy nóng nhưng cũng có người vì dạ-dầy lạnh, chứng này cũng gọi là chứng *ngân-tuyên*.

Chứng *cơ-nục* là máu ra ở lỗ chân lông, thuộc về tạng tâm, tạng thận, bởi dương khí nổi ở trong không phát tiết được ra ngoài, âm lẫn vào dương pháp, ở thời tiết đã lâu, khí dương khí, phát ra thời âm tuyê không về được kinh lạc, mà rỉ ra ở lỗ chân lông.

Chứng *thiệt-nục* là trên lưỡi chảy máu ra như sợi tơ, mà trên lưỡi có như lỗ kim, chứng này thuộc tạng tâm và tạng can.

Chứng *nhĩ-nục* là máu chảy ra ở lỗ tai, chứng này bởi kinh thiếu-âm (tạng thận) động hỏa.

Chứng *tâm-lậu* : trước ngực có một lỗ hồng thường chảy máu ra.

Chứng *huyết-hãn* là mồ-hôi ra có huyết, là vì mừng quá hại đến tạng tâm, mừng thời khí tán đi mà huyết cũng theo với khí.

Chứng *kinh-nục* : bệnh nhân gặp kinh sợ là lục-huyết vì tạng tỷ nóng mà lây đến tạng can.

Chứng *nội-mục* : chứng này bởi khô nhọc ăn uống quá độ, ở gần tạng tâm tạng phế, nước tân-dịch thẩm ra



rồi lại vào trong dạ-dầy, huyết ngừng lại trong dạ-dầy, đầy buồn mà thở ra hàng mấy bát một.

Chứng *phế-thư* : chứng này là tạng phế có mọc nhọt, bởi uống rượu có nhiệt độ, khi đầy buồn thới huyết đặc thở ra.

Chứng *thương-vị* : chứng này bởi ăn uống no quá mà trong dạ-dầy lạnh không tiêu hóa được, rồi phiền buồn ọc thở ra, đến nỗi dạ-dầy giãn ra mà thở ra huyết tươi, nếu bụng dưới đau như vắn ra, tự ra mồ-hôi, mạch « khẩn » mà « sắc » là khó chữa.

Cổ-nhân nói : « chứng thất huyết nếu người nóng là chết, mát là sống ». Cũng là nói đại khái mà thôi. Lại không có người nóng mà sống, rét mà chết hay sao ?

Chứng *huyết-khát*, vì thới huyết nhiều mà khát.

Chứng *khát-huyết* có hai nguyên nhân : bởi nhiệt ở tạng phế thới dễ chữa, vì chỉ uống thuốc mát là khỏi. Nếu vì ho đã lâu mà hại đến tạng phế thới khó chữa, vì đã thành chứng lao. Trong đàm có dây huyết như sợi tơ là âm hư hỏa động, huyết đi khắp ra thân thới bởi tạng phế, nếu nhiệt thới đi rộng lên, hỏa hại đến kinh-lạc của tạng phế, nên huyết cũng theo ho đờm mà ra.

Chứng *lạc-huyết*, *thóa huyết*, trong cuống-họng có huyết tanh, nếu khạc ra máu tươi, máu tía, hay từng tí máu nhỏ thới gọi là *lạc-huyết*, cũng có người máu ở trong cuống-họng phải khạc mạnh mới ra, là bởi tính huyết đã kết.

Chứng *thóa-huyết* là nhò ra máu tươi.

Tóm lại, hai chứng *lạc* và *thóa* đều bởi tạng thận, vì tạng



thận chủ và nhỏ ra, kinh tức-thiếu-âm là tạng thận vẫn ít huyết nhiều khí, nay lại thấy huyết thời là chứng khó chữa. Nhưng chứng lạc-huyết nặng hơn, là vì kinh thủ-thái-âm là tạng phế cũng khí nhiều huyết ít, nay tạng phế vì hỏa bốc bách mà đem huyết ngược lên thời là chứng nghịch.

Chứng thổ-huyết, lục-huyết tuy ra huyết nhiều, nhưng bởi tạng can, dạ-dày và đại-tràng, ba kinh ấy khí huyết đều nhiều, cho nên người mát mà mạch « vi » thời dễ chữa. Còn chứng lạc-huyết, thoa-huyết là bởi tạng tâm, tạng phế, tạng thận, ba kinh ấy đều khí nhiều huyết ít, thời hỏa dễ xông lên, cho nên bệnh nhân mạch « hồng » mà « sắc », người sốt, thời thất huyết cũng không chữa khỏi.

Chứng niệu-huyết, chứng này là đi đái ra huyết, bởi phòng lao nhiều, âm hư hỏa động, cao nhiệt huyết đi đông dờ, mà huyết sắc tối đen. Sắc mặt thời khô tắng mạch xích thời « trầm-trì », chứng này là hạ-tiên yếu mà lạnh. Khi dương hư yếu thời khí âm tẩu thoát. Là chứng nóng ở bàng-quang.

Chứng tiện-huyết, chứng này là đi đại-tiên ra huyết. Có người vì nhiệt và thấp, đại-tiên đỏ tươi là hỏa, đen là hỏa nhiều. Cũng có người bởi chứng tích hay là mạch của kinh-lạc thụ thương.

Chứng tràng-phong, chứng này cũng là đi cầu ra huyết, nhưng vì đại-tràng thụ thương vì phong mà thành ra thời gọi là tràng-phong. Đại-tràng và dạ-dày vốn không có huyết, vì người hư yếu nên huyết thấm vào mà đi ra, đó là bởi phong tà ở tràng-vị, thời huyết đỏ tươi mà đi ra trước phân.



Chứng *tạng-huyết*, chứng này là bởi nội thương thấp tả ở *tràng-vị*, cũng có người vì chứng *tràng-phong*, lâu ngày bữa trở xuống mà huyết tích lại. Huyết đọng mà hơi đen ra sau lúc có phân (cũng gọi là chứng *tạng-độc*).

Nếu huyết kỳ lúc ra trước, lúc ra sau, là khi huyết đều tho bệnh. Chứng đi ra huyết mà người mát là tốt.

Hai chứng trên bởi thất tình hay là ăn uống thiếu tiết độ hoặc ngồi nằm chỗ phong thấp, hoặc lúc no say mà tình dục, hoặc ăn thức sống, thức lạnh hay uống rượu nhiều ăn thức nóng nhiều, mà mạch lạc của âm huyết thu thương.

Nội-kinh có nói: « mạch lạc của âm huyết thu thương thời đại-trần-tiện ra huyết ».

Chứng *huyết-y* huyết tích ở đại-tràng mà dư ra gọi là huyết-y.

Chứng *huyết-na*, huyết kết ở đại-tràng và dạ-dạ tích lại mà thành tặc.

Chứng *huyết-tiến*, cũng gọi là *tràng tích*, vì phong tá phạm vào dạ-dây, đi cầu lỏng đã lâu rồi thành ra, lưu trữ ở đại-tràng, rồi truyền lên kinh thiếu-âm chứng này bởi tiện huyết mà đi ra mạnh như thẻ tên bắn, nên gọi là tiến.

Chứng *thuần-huyết*, ở khe mắt huyết tía ra như đây bột bắn ra chung quanh, cũng có khi huyết ra ở huyết « *huyết-trung* »

Chứng *trùng-trĩ*. Chứng này là bên chỗ đi cầu có lỗ



nhỏ mà huyết rỉ ra. Chứng trảng-phong và tạng-động là bởi đại-trảng, còn huyết của năm chứng trĩ và bởi chỗ đi cần, lâu ngày hóa ra trùng gọi là trùng-trĩ.

HƯ HAY THỰC

Bệnh nhân bầm sinh yếu, người gầy mảnh « hư » (trống không) hay ốm đã lâu, hay là mới ốm khỏi, mà có huyết chứng này bởi khó nhọc hay bởi nội-thương, thời dù có trưng triệm là nội-nhân hay ngoại-nhân cũng đều chữa theo về chứng hư yếu.

Duy hình thể mảnh, mạch « thực » (chắc nịch) hay giận dữ nhiều khi nhất, hay là kinh-lạc nóng, ưa uống nước lạnh, mới là chứng thực

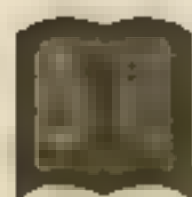
TỐT HAY XẤU

Mọi chứng thất huyết mạch đều « hồng » (như cảo rau rỗng ở giữa). Nhưng mạch rền « trầm-lễ » mà lại thấy « phù » và « đại » thời khó chữa.

Các chứng thất huyết mà người mát, mạch « tiền » là dễ chữa vì chính khí đã trở lại. Người nóng mạch « đại » là khó chữa, vì tà khí hơn lên.

Đầy bụng đi tiện-huyết mà mạch « đại » có lúc như « tuyết » là nghịch chứng, (không đầy một giờ là chết).

Ngoại trừ chứng thương-hàn mà lục huyết là có khi sắp khỏi. Còn các chứng khác mà nhiệt huyết đi trở lên là khó chữa, huyết đi trở xuống là thuận mà dễ chữa. Vì thế huyết đang đi trở lên (âm huyết, thổ huyết, thoa huyết) mà thốt nhiên biến ra chứng đi trở xuống, thành ra chứng đi lý là điềm lành.



Chín khiếu đều ra huyết mà người sốt không nằm được là chết. Chứng huyết mà sốt từng cơn (trào nhiệt) mà mạch « đại » là chết.

Người sản hậu miệng mũi có hơi ra khác thường mà lục-huyết là dạ-dày tuyết, nếu huyết không ngừng mà trên đầu ra mồ-hôi là chết.

Chứng đi cầu ra huyết, mắt là sống, người sốt là chết.

PHÉP CHỮA

Chứng này nên phân âm, dương ; âm phân hư yếu thì bổ âm, dương phân hư yếu thì bổ dương. Nhưng dương giả âm giả âm giả. ở dương vậy người dương hư thì theo âm để bổ dương, người âm hư theo dương để bổ âm. Lại còn chứng giả-âm hay giả-dương, ta cần nên phân biệt (a dương hư mà phát bệnh là ngoại nhân, là âm hư mà phát bệnh là nội nhân).

Tôi thường thấy các thầy chữa lầm : Những người trên nhệ dưới hàn, bắt đầu các thầy cho uống thuốc mát thì thượng tiện để chia, sau thấy kém ăn thì cho là kém tiêu hóa, lại thêm những vị sơn-tra, mạch-nha, thần-khắc, thì ho đăm mà thành chứng đầy chướng, lại cho thêm vị chỉ-xác và đại-phúc-bì để khoan trung, như vậy tránh sao khỏi chết.

Vì thế, chứng ho thổ ra huyết, chưa chắc đã thành chứng lao. Vì uống nhiều bài tứ-vật thêm tri, bá mà thành ra chứng lao, chứng ngực đầy banh-trương chưa chắc đã thành cò-trương vì uống mãi vị sơn-tra thần-khắc mà mới thành



ra ở trường. Chứng một phút chân nặng chưa chắc thành thủy-sưng, vì nóng nhiều thuốc thấm thấp mà thành chứng thủy-sưng. Chứng khí trệ chưa chắc thành chứng nghẽn-cách, vì nóng mãi thuốc khoan ở trung-tiền mà thành chứng quan-cách, người làm thuốc nên lấy điều đó làm răn.

Ông Trọng-Cảnh bàn về chứng thương-hàn có nói: « Phát hãn làm về chứng thiếu-âm làm động huyết ở kinh-lạc, thì ở dưới kiệt mà ở trên phát ra giá lạnh là khó chữa ». (Ở dưới kiệt là âm huyết kiệt, ở trên giá lạnh là âm khí ngược lên).

Gặp chứng ấy nên bổ mệnh cho dương khí ở trong tạng tỷ, khi cửa tạng tỷ đã mạnh thì hỏa lòng-lôi dẹp xuống, ăn uống dần dần mà trong ngực không còn nghẽn tắc. Xem như trên thì khí hư yếu huyết không dựa vào đằm được, mà có dương mới sinh được âm huyết.

Bài *tứ-vật* chỉ bổ cho người huyết hư mà khí không hư, còn những vị đào-nhân, hồng-hoa, tô-mộc, huyết-kiệt, mẫu-đơn thì người huyết trệ nên dùng. Những vị bồ-hoàng, a-giạo, địa-du, bạch-thảo-sương thì người băng huyết nên dùng. Những vị nhũ-hương, một-đượ, ngũ-linh-chi, lăng-tiên-hoa thì người đau về huyết nên dùng. Những vị sữa người, sữa bò, nước quả lê v.v... thì người huyết ráo nên dùng. Những vị san-khương, nhục quế, thì người huyết hàn nên dùng. Những vị sinh địa, thục địa, khô-sâm thì người huyết nhiệt nên dùng.

Huyết lại theo về khí, khí hành thì hành, khí ngừng thì ngưng, khí ôn thì vượng, khí hàn thì ngưng, nên muốn chữa huyết cần phải đề ý về khí. Ta xét huyết ra ở kinh-lạc nào thì dùng thuốc mát cho khí phân ở kinh-lạc ấy, khi mát thì huyết về chỗ. Nếu có ứ huyết



thì tiên ư huyết rồi điều hòa về khí là huyết cầm lại ngay. Nếu vì khí ở dạ-dày hư yếu mà thất huyết, thì phải ôn bổ và liễm giáng, nhất thiết kỵ dùng vị hàn lương. Thành ngữ nói : « chữa chứng huyết thương thành công về thuốc bổ lý vị » là lẽ ấy.

Hơn nữa, khí dư ra là hỏa, huyết theo khí trở lên, nay bổ huyết thì khí giáng, khí đã thuận thì huyết không thăng nữa.

Người có thực nhiệt thì lưỡi trắng và ráo, nếu ráo lắm thì đen, mạch ấn mạnh có lực, nhưng cũng có người bởi hạ-tiền không có hỏa, nước tân-dịch không vận hành mà khô ráo. Vậy còn phải xem nữa là giả-nhiệt thì lưỡi đỏ trắng mà trơn, miệng dù khát mà không uống nước lạnh và không uống nhiều, mạch ấn tay mạnh lại thấy vô lực, thì không thể cho là thực nhiệt.

Chữa lục-huyết. Ta nên rõ huyết ra bởi kinh nào, đờng nên nói chứng thổ huyết và lục huyết là huyết đi đông ra ở thượng-khiển rồi đông nh.ền thuốc hàn lương.

Lại khí hư ra tức là hỏa, thì huyết đi đông lên là bởi khí nghịch. Nội-kinh nói : « giận dữ thì khí nghịch lên, nghịch lên nhiều thì nôn ọe, mạnh quá mà nghịch ở trong, tạng can, tạng phế va chạm nhau thì huyết tràn ra mũi và miệng ». Ông Đông-Viên nói : « huyết tràn ra mũi hay miệng đều bởi khí ngược lên ». Huyết ấy, gặp hàn thì đọng lại, gặp nhiệt thì vận hành, thấy đen thì chỉ (cầm lại).

Xem như trên, chữa chứng huyết mà không điều hòa về khí phần lại chỉ dùng thuốc mát thì huyết ngưng lại mà không về kinh-lạc, thuốc mát ấy còn hại đến tạng



lý, còn lấy gì để giữ lấy chân huyết (tạng lý tóm giữ chân huyết).

Chứng thổ hay lục huyết, bậc tiên-hiền đều cho là nhiệt, nhưng theo ý tôi, thì cũng có người vì hàn, vì bệnh nhân gặp hàn-tả hay ăn thức lạnh, tả kỹ mất ở huyết phác mà không phát tiết ra được, mới tràn ra miệng hay mũi, ta thấy huyết đen thời cho là nhiệt cực tựa như hàn mà đen thì lại là lạnh. Như vậy phải nên xét về mạch, nếu mạch « vi » và « tri » mà người mát là hàn, mạch « hồng » và « xác » mà người phiền là nhiệt, hàn thời nên ôn mà nhiệt thời nên thanh.

Hỏa nên đem về chỗ để huyết cũng về kinh lạc, nhất thiết kiêng vị hàn lương để hại khí của dạ-dày. Lại nên nuôi dưỡng tạng can để khí của tạng can đẹp đi, mà không nên phạt tạng can, vì tạng can để chứa huyết, nay đã thất chức mà lại bị công phạt thời không có sức để tàng huyết.

Hơn nữa, nên hành huyết mà không nên chỉ huyết, vì hành huyết thời huyết lại theo về kinh-lạc, nếu chỉ dùng thuốc để chỉ huyết thì ứ huyết ngưng lại, ngực và quanh-sườn đầy trướng mà phát sốt kèm ăn. Cho nên sách Y-Quán có nói : « Chứng huyết mà uống thuốc hàn lương thời trăm người không được một người sống ».

Sách Hải tạng nói : « chứng xuất huyết mà thấy sắc tia không đỏ tươi là hàn thấp ngưng lại ở biệt đi của thức ăn uống, nếu cho sắc tia là nhiệt, mà dùng thuốc hàn để bỏ gây đi, thời sinh ra nguy chứng. ».

Tạng phế không những thành chứng lục huyết mà cũng thành chứng khái huyết, khóa huyết, dạ-dầy không



những thành âm huyết mà tạng can cũng thành âm huyết, là vì tạng phổi chủ về khí, tạng can chủ về huyết. Nhưng tóm lại, huyết ấy cũng bởi tương-hỏa bốc lên, vì tạng thận chủ về thủy mà chủ về nhờ ra, cho nên dễ thụ bệnh thời hạ tạng đều thụ bệnh. Nhưng lục huyết bởi ở kinh đi về thanh-đạo (biệt đi của chất nhẹ). Thở huyết bởi dạ-dầy mà đi về trọc-đạo (biệt đi của chất nặng). Một đấng là sống-họng, một đấng là cựa-gà, hai bên không giống nhau. Thở-huyết là nhiệt ở lạc, mà lục-huyết là ở kinh, các chứng lục huyết là ở trong lý nóng, chứng thương hàn mà lục huyết là ở ngoài biểu nóng.

Thầy thuốc thấy thở-huyết hay lục-huyết là cho nóng bài *tê-giác địa hoàng*, là bài thuốc mát chân hỏa chân âm. Nhưng phương thuốc ấy, với chứng « âm-hư-hoả-động » mà thở huyết, lục huyết, hay khái huyết, lạc-huyết có thể dùng tạm được. Còn chứng dương hư, lao lực hay là bởi tỳ-vị hư yếu đều không nên dùng.

Một phương thuốc dùng vị bạch-cập tán bột lấy phôi heo luộc chín đem chấm bột thuốc ấy mà ăn, ngày ba, bốn lần là dễ lấp lỗ thủng ở trên cánh phổi.

Ta muốn biết bệnh nhân thở ra là ở tạng gì ? Thở bảo thở vào trong bát nước, thấy huyết nổi lên là ở tạng phổi, huyết trầm xuống là ở tạng can, thấy huyết nửa nổi nửa trầm là ở tạng tâm, rồi lấy phổi, hay gan, hay tim của con dê chấm với bột bạch-cập mà ăn.

Chúng họ nay là khạc ra huyết là bệnh rất nặng, là bởi bệnh ở tạng thận, tạng phổi. Chứng tiện huyết là ở đại-tràng còn dễ chữa hơn, dù có câu « đại-tràng có lỗ thủng mà tiện-huyết là chết người. »



Chứng nội-thương mà thở nhiều huyết không cầm được, hay là vì lao lực nhiều quá mà huyết đi rong lên ra miệng và mũi như nước sôi, chỉ chờ lát thôi chết, thời phải dùng ngay một hay hai lượng nhân-sâm tán bột, và một chỉ phi-la-miễn (không rõ thứ gì) hoà với nước như hồ loãng mà uống, hay là dùng một vị sâm cũng được (phải là sâm tốt), sợ dĩ không dùng đến thuốc bổ huyết là vì khí dương tóm được khí âm, huyết là hữu hình không sinh hoá được chóng, mà khí là vô hình, phải nên giữ lại ngay, tức là nghĩa chân huyết thoát thời giữ chân khí lại. Chứng tiện-huyết thốt nhiên thấy ra thật nhiều cũng dùng độc-sâm thang. Còn người vị chân âm thiếu mà khí dương bốc lên thành ra chứng thổ huyết thời bài bát-vị hoán để giữ lấy chân âm mà đem hỏa về chỗ, chứng ấy không nên dùng sâm, mà khi khỏi bệnh mới dùng được, ngoài vị sâm cả đến những vị hoàng-kỳ, bạch-triết, phụ-tử, lộc-nhung cũng không nên thêm vào, vì công dụng lại khác.

Chứng thổ-huyết nên sắc vị can-khương và cam-thảo mà uống, hai là bài tứ-vật lý trung thang cũng được, như thế cũng nhiều người khỏi. Còn như uống nước sinh-địa, nước ngô sen và chóc-nhự cũng chỉ dùng vào chứng thực.

Ông Nhân-Trai có nói : « Huyết gặp nóng thời chảy ra, cho nên cầm huyết phải dùng nhiều thuốc mát ». Nhưng có người vì khí hư mà gặp hàn, âm dương không giữ lẫn được, thế là dương khí hư yếu thời âm huyết cũng tản thoát, chứng ấy tất có tình trạng hư hàn, lại nên ôn trung, thời huyết tự về kinh-lạc, nên dùng bài lý-trung thang thêm nam-mộc-hương hay là vị can-khương, cam-thảo vừa nói ở trên thời rất có công hiệu.



Cũng có người vì dạ-dầy hư yếu khí ngược lên mà thành chứng lục-huyết thời nên uống bài mộc-hương lộ-trung thang, hay là bài cam-thảo-can-khương thang mà không được uống thuốc hàn lương, cho nên có câu « huyết về thực hỏa trước hết phải thuần khí, vì khí đã mạnh thời giữ được huyết », chữa mọi chứng huyết thành công về thuốc: bổ lý-vị là nghĩa ấy.

Như trên là chữa về trung-liêu, còn về hạ-liêu là tiên-thiên trong hai quả thận, với tâm, lý, phế, vị, không liên quan, thời nên uống bài bát-vị thần khí hoàn, có vị thực-địa để mạnh cho chân thủy, có quế và phụ để ôn cho chân hỏa, bài thuốc này với chứng âm hư hỏa động mà huyết đi rong lên rất hay. Nếu chỉ vì thủy ráo mà hỏa bốc lên, thời chỉ dùng bài lục-vị

Hai bài trên không phải là phát hỏa đi mà là giữ cho chân hỏa. Chỉ có chứng cảm thử mà lục-huyết thổ-huyết thời nên dùng phép chữa của ông Hà-Gian. Là vì thử khí bại đến tạng tâm, khí của tạng tâm yếu thời thử khí lấn vào mà thổ-huyết hay lục-huyết tạng tâm đã yếu thời cũng không nên dùng nhiều thuốc hàn-lương, mà chỉ nên uống bài thanh thử ích khí thang thêm sinh-địa, mẫu-đơn, nếu vì thử khí mà người thiếu chân khí, thời nên thêm sa-sâm, mạch-môn để giúp chân khí, như thế mới không có tệ.

Người nào thường có chứng thổ huyết, dễ gặp khó nhọc là phải bệnh, thời nên uống bài bổ trung ích-khí, thêm mạch-môn, ngũ-vị, bạch-sơn, sinh-địa, phục-thần, viễn-chí thời chứng thổ huyết tự thôi, thế là chữa về tâm, phế.



Người nào uống rượu nhiều mà thổ-huyết, thời nên uống bài cát-hoa giới-lĩnh thang thêm mễ-đơn hoàng-liên để trên dưới cùng tấu đi, thời bệnh uống rượu khỏi mà chứng huyết cũng khỏi.

Người nào ăn nhiều thức nướng và thức cay nóng mà thổ-huyết ra sẫm tím hay đen và thành khối, thời nên uống bài đạo-nhân thừa-khi thang, chứng ấy là kiêm nội-ngoại-nhân, cho nên uống được thuốc hàn lương công phạt.

Có thuyết nói: «huyết đi trở xuống là thuận mà đi trở lên là nghịch, vậy nếu không phải tý vị yếu đi cầu lỏng phân mà người gây môn, thời đều nên dùng vị đại-hoàng tằm giấm sao hòa với nước sạch-địa cùng những vị đạo-nhân, đan-bì, đan-sâm, a-dao, kinh-giới (sao hảo), huyền-hồ-phấn, đương-quí, xích-thược, sắc cho uống để nén sức mạnh của bệnh, khiến cho huyết đi ra đường đại-tiện, thế là chuyển nghịch làm thuận. Có người hỏi: «chứng thất huyết mà hạ thời người hư yếu sao chịu nổi?» Nhưng không biết huyết đã đi không theo về đường lối cũ, nếu không tấu từ huyết đi thời lấy gì ngăn được, khác nào người sản hậu, phải trừ huyết cũ, mới sinh được huyết mới. Nếu không biết lẽ ấy mà chỉ dùng bài tả-vật, thêm vị hoàng-cầm, hoàng-liên, tri-mẫu, hoàng-bá, thời hại khí huyết mà hại đến tý vị.

«Huyết đã đi trở xuống, thời dùng nhiều những vị y-đĩ, bách-hợp, mạch-môn, địa-cối-bì, nếu ho mà khát, thêm lá tý-bà và ngũ-vị-tử, tạng-bạch-bì. Nếu có đờm, thêm bối-mẫu, nếu có thể bỏ bằng những vị có tính chất nặng, thời dùng những vị thực-địa, mạch-môn để bổ cho phế thận».

Tuy nhiên, thuốc hạ chỉ nên dùng vào chứng vị huyết



tr mà đi đông lên chứ không nên thông dụng. Nên sách cổ có nói : « chứng thất huyết không nên dùng thuốc hạ » là vì lẽ ấy.

Cũng có người đợi nặng vì vật kỷ rớt xuống, hay là mang xích thừng nặng mà đi xa, rồi chợt đau ở ngực mà thổ huyết, chứng ấy nếu dùng thuốc mát thì huyết lại càng ra, đến nỗi dạ-dày lao tảo ho nhều mà chết, phải dùng ngay vị nhân-sâm tán bột với vị phi-la-miến và nước đông-tiện cho uống, hay là lấy bột bạch-cập hòa nước đông-tiện cho uống.

Chứng thổ huyết hay lục-huyết đều là dương thịnh âm suy, có thảng mà không giáng, thời nên bổ âm để dẹp dương đi, hơn nữa, khí dương hư yếu bị bại về thuốc hàn lương, mạch « trầm » mà không « phù », bộ xích nhỏ hơn bộ thốn, bên phải yếu hơn bên trái, sắc mặt nhợt hay là tối lấm, thời dùng bài sinh-mạch tán, thêm một chỉ quế, một chỉ phụ-tử, năm phân cam-thảo cho uống, lại uống xen bài bát-vị với bài lý-trung thời đàm và huyết đều được bình phục, cho nên cổ phương có nói : « bài lý-trung thang có thể chữa được dạ-dày bị thương mà thổ-huyết ».

Nhưng người bởi cảm hàn khí hay ả phải thức lạnh, huyết ngưng lại mà đi ngược lên, thời sắc của huyết đen tối, nét mặt trắng nhợt, mạch « vi » và « tri », người mát, chứng ấy phải dùng đến can-khương, nhục-quế, nếu dùng thuốc mát chân khí là nguy.

Thiếu-huyết và thừa-huyết, thổ-huyết bởi tạng thận mà trên nhiệt dưới hàn, khí âm thịnh ở dưới bức bách khí dương lên trên, đó là chứng giả-nhiệt.



Chứng kỷ được chia ra làm hai :

1.— Kinh thiếu-dương thụ thương, tức là tạng thận bị cảm, bụng dưới đau hay không đau, hoặc ọc hay không ọc, mặt đỏ, miệng khát, mà không uống nước, trong bụng phiền táo, thời nên dùng bài bạch-thống-thang của ông Trọng-Cảnh là bài thuốc chữa về kinh-thiếu-âm cảm hàn.

2.— Hỏa ở mạch-môn suy yếu, hỏa không về chỗ, tạng thận đã hàn thời bửa bạch hỏa kỷ lên thượng-tiêu rồi ho, thổ, sợ nóng, mặt đỏ, nên-ọc đờm rãi ra cả huyết, thế là chứng giả-dương, nên dùng bài bát-vị-hoán để đem hỏa về chỗ.

Hai bài trên đều là thuốc nóng, bệnh thượng-tiêu rạo mà nóng, nay lại cho uống thuốc nóng thời uống vào là nôn, vậy nên ngâm thuốc kỷ vào trong nước lạnh rồi uống, để khi thuốc xuống bụng dưới, mới phát ra tính nóng. Chứng kỷ nếu cho là thực nhiệt mà dùng thuốc lạnh hay mát, thời không bao lâu là nguy.

Tả khí của lục-dâm đều làm cho chân huyết thụ bệnh, nhưng vì hàn nhiều hơn, là bởi hàn hại về vinh huyết, mà kinh thiếu-âm là thận thủy dễ bị cảm hàn. Một khi cảm hàn thời tạng phế thụ bệnh trước, huyết tức là thủy, gặp hàn khí thời ngừng lại mà không vận hành, ra lẫn với ho đàm, là chứng hàn thời bệnh nhân phải ghê rét, mạch phải « khẩn », huyết phải tím hay đen, nếu không xét kỹ mà dùng thuốc tư-âm giáng-hỏa thời bệnh nặng lên mà chết.

Họ Triệu chữa chứng trên, thường cho uống bài ma-



hoảng quế-chí thang, bệnh nhân chỉ ra mồ-hôi là khỏi, vì mồ hôi và huyết là một loại, đã ra mồ hôi thời không có huyết.

Bài thuốc kỵ như sau : sa-sâm, mạch-môn, quế-chí, đương-qui, ma-hoàng, xích-thảo, hoàng-kỳ, ngũ-vị, bạch-thược, sắc trước vị ma-hoàng để lấy nước sắc các vị kia mà uống.

Chứng trảng phong và tạng-độc : chứng trảng-phong là phải gió độc mà đi cần ra huyết, nên uống những vị : xương-truật, tần-bông, bạch-thược, là vì chứng ấy phải tản phong hành thấp.

Còn chứng tạng-độc thời phải thanh độc lương huyết, lại xem bệnh chứng hư hay thực, mới thụ bệnh hay đã lâu, nếu mới thụ bệnh mà là thực chứng, phải giáng hỏa, tả nhiệt. Nếu bệnh đã lâu mà là hư chứng thời bổ và đem trở lâu.

Huyết ở trong người, cũng phân ra âm, dương, là dương thời cha lưu ở trong mạch, điều hòa ngũ tạng, đi khắp ra lục phủ mà gọi là doanh-huyết. Là âm thời ở mạch lạc (giấy của mạch) nuôi dưỡng thanh-khí mà thấm nhuận gân cốt.

Nếu vị tả khí ở trong hay ngoài mà thụ thương, thời dương huyết phải tả khí ngăn trở thấm tiết ra ngoài kinh-lạc, hoặc ở vào âm phận của lạc, rạn nứt mà thấm vào đại tràng, dạ-dày mà đi ra.

Sách Châm kinh có nói : « Lạc của dương thụ thương thời huyết gián ra ngoài, mà lục-huyết hay thổ-huyết, lạc của âm thụ thương thời huyết rạn ở trong mà đại-tiền-tiện ra huyết ». Với chứng trảng-phong hay tạng-độc, không



nên dùng cả những vị thuốc hàn lương, mà phải thêm vị thuốc say để tản đi. Bệnh đã lâu thời phải đề ý về khí của dạ-dày, lại thêm vị thuốc để đem lên, vì thế, chửa chứng đại-tận đi ra huyết, phần nhiều thành công ở thuốc bổ tỳ-vị.

Chứng ấy bởi tạng can thụ thương thời không giữ được huyết. Bởi say rồi uống thuốc lạnh, huyết vì hàn ngưng lại, thấm vào đại-tràng mà đi ra. Bởi thấp khí bại đến dạ-dày, huyết theo khí trở xuống mà đi ra.

Lại có người khi dương không đầy đủ âm huyết ở hạ-tiền không có dương giữ lại mà đi ra. Hay là tạng tỳ yếu, khi dương hãm trở xuống không giữ được chân huyết, để huyết theo khí mà đi ra.

Cổ thư cho rằng, đi ra phân trước mà huyết sau là xa với huyết (viễn huyết), là bởi kinh tác-dương-minh theo kinh vào dạ-dày. Đi ra huyết trước mà phân sau, là gần với huyết (cận huyết) là bởi kinh thủ-dương-minh (hải-âm theo kinh thấm trở xuống). Có sách cho là bệnh bởi tạng tâm và phổi là xa với huyết mà thuộc dương, ở tạng can và thận là gần với huyết mà thuộc âm.

Chứng huyết ra ở chân răng mà gọi là xỉ-lục : Có người vì phong-tả ư trệ, có người bởi tạng thận hư yếu, nên uống bài tiểu phong tán để trừ phong mà dùng thuốc xát-nha-tán để xát vào chân răng.

Tạng thận chủ về xương, nên răng thuộc tạng thận, nếu bởi hư hỏa bốc lên thời uống thuốc mát là khỏi. Bệnh nặng là bởi tạng thận kém ở dưới, thời dùng bài an-diêm thang để uống thuốc hoán an-thận, mà dùng hương-phụ tẩm muối sao thật đen rồi tán bột mà xát.



Nhưng kinh thiếu-âm là tạng thận thời nhiều khí ít huyết, nên huyết ở răng chỉ ra từng giọt mà răng đau ngán ngắt. Người nhiều tình dục hay mắc chứng này.

Cũng có người bởi dạ-dày nóng mà chân răng ra máu, là vì kinh dương-minh là dạ-dày, khí huyết đều nhiều, hỏa đã vượng thì khí huyết chảy ra nhiều, người nghiện rượu hay mắc chứng này, thời dùng bài *thanh-vị-tán* để thanh nhiệt.

Mọi chứng thất huyết rồi mà sốt lên là huyết hư mà phát nhiệt, đời xưa có lập ra bài *đương-qui bổ-huyết thang*, dùng vị hoàng-kỳ nhiều hơn vị đương-qui, là vì khí dương có vượng mới sinh được âm huyết.

Ông Đan-Khê chữa chứng sản hậu phát sốt, dùng sâm, kỳ, qui, thược và gừng sao đen, là vì gừng sao đen được thuốc bổ khí vào khí phận, đem được thuốc bổ huyết vào huyết phận, để sinh ra huyết mới, hơn nữa, sao đen đi thời cầm được huyết. Người làm thuốc không hiểu lẽ này, thấy sốt nhiều mà ở bộ mạch « hồng » và « đại », cho nóng lắm bài *bách-hồ-thang* thời chết ngay.

Chữa chứng huyết, trước sau phải xét về ba kinh, tức là ba tạng, là vì tạng tâm sinh ra huyết, tạng tỳ tẩm được huyết, tạng can chứa huyết, mà bài *quy-tỳ thang gia giảm* là thuốc chữa về ba kinh ấy.

Bài thuốc ấy cần để huyết về tạng tỳ, cho nên gọi là quy-tỳ. Những người vì uất giận hay lo nghĩ mà hại đến tạng tỳ thời uống bài ấy rất hay, nếu có hỏa vượng thời thêm sơn-chi, mẫu-đơn. Chân hỏa suy yếu thời thêm



nhược-quốc. Lại có bài bát-vị-hoàn để bồi bổ về tiên-thiên thủy hỏa. Người làm thuốc nên suy xét.

Ba bài dưới đây để chữa chứng thực (bệnh mạnh).

1) Bài Tế giác địa hoàng thang : Để chữa chứng huyết nhiệt đem trở lên mà lục huyết, thổ huyết.

2) Bài Đào-nhân thừa khí thang : để chữa chứng ứ huyết ở hạ tiêu,

3) Bài Đê-dương thang : để chữa chứng huyết chứa lại mà phát ra điên cuồng vân vân.

Ba bài trên đều là cở phương

Những phương thuốc dùng về chứng huyết :

Những vị để giáng hỏa thanh nhiệt chữa về thực chứng như : đại-hoàng, hoàng-liên, hoàng-sâm, hoàng-bá, tri-mã, son-shi, huyền-sâm, đan-sâm, liên-kiêu, đồng-tệ, thu-thạch, tô-giác, tây-cần, nước ngô-sen.

Những vị để giữ chân âm nuôi chân huyết mà chữa về chứng hư như : thục-địa, sinh-địa, dương-quí, bạch-thược nhân-sâm, sa-sâm, đan-sâm, hoàng-kỳ, thiên-môn, mạch-môn, a-dao, quy-giao, bột sữa-người, địa-sốt-bì, cam-thảo.

Những vị để chỉ huyết : hoa-kính-giới, mỵ-tảo, mỵ-nễ, trảo-bách-diệp sao đen, tós đốt thành than, lá-sen đốt thành than, hoa bông-lan, ngũ-linh-chi, tôn-đồng đốt thành than.

Những vị để phá ứ huyết như : hồng-hoa, tô-mộ, hoa nhĩ-thạch, nga-triết, nất-kim, phi-cẩn (rễ họ).



Những vị chúa về khải hngết như : bạch-cập, ngó-
sen, tử-tô, ngũ-vị, ô-mai, hời-mẫu, ý-dĩ, bách-hợp.

Những vị chữa chứng trảng-phong như : tăng-bông, địa-
du, da con nhím, lục-sắc, quán-chúng.

Những vị chữa về trĩ-lậu như : hắc-hoa, hắc-giác, địa-du.



HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập Y-TRUNG QUAN-KIỆN
(thên của trong nghề thuốc)





Tiểu dẫn của tảo giả

Sách thuốc đời xưa có nói : « người ta diện mạo khác nhau nhưng tạng phủ âm dương giống nhau. » Vì thế đem phương pháp chữa trăm chứng bệnh, xét về căn bản cũng như một chứng bệnh, đem phương pháp chữa một chứng bệnh, suy ra có thể chữa được trăm chứng bệnh.

Là vì danh từ của trăm chứng bệnh dù có khác nhau nhưng không ngoài khí huyết và hư thực (người yếu, hay là bệnh mạn), Âm dương thịnh hay suy. Nội-Kinh có nói : « Người ta sinh ra bởi toàn thể khí Âm khí dương, khí Âm hòa bình, khí dương bị vọt, thời tinh thần mới vững, khí Âm là khí dương thiếu, thời tinh thần sẽ tuyệt ». Thế là người ta từ lúc sinh ra cho đến khi già, ốm và chết (sanh, lão, bệnh, tử) đều quan hệ ở hai khí Âm, dương. Về phép chữa bệnh, thời Nội-kinh nói : « Biết được yếu lĩnh thời một câu nói là xong, nếu không biết yếu lĩnh, thì man mác vô cùng ». Lại nói : « Biết được ngọn chỉ chữa gốc, thời chữa ngàn người không hại một người nào », như trên đều là nghĩa biết yếu lĩnh để chữa bệnh.

« Bậc tiên hiền sợ chúng ta như không hiểu mới làm ra nhiều sách, chia từng bài, phân biệt từng chứng bệnh. Nhưng sách thuốc càng ra nhiều, thời người học đã khó về lẽ thuốc lại khó về ý ở ngoài lẽ, mông mênh như người qua bể để tìm bến.



« Tôi chữa bệnh 20 năm nay, kinh nghiệm đã nhiều, muốn cho người học thuốc về sau biết rõ đường lối, mới thân góp các sách, trích lấy những câu yếu lãnh để làm cuốn *Y-Trung Quan-Kiện* này, để đọc giả rõ yếu lãnh của trăm thứ bệnh. »

Năm thứ 41 niên hiệu Cảnh-Huag triều Lê.

Hải-Thuợng Lão-Ông Lê-Hữu-Trác
làm bài題-đầu trên đây.



TẬP Y-TRUNG QUAN-KIỆN

GỒM 90 BỆNH CHỨNG

- 1.— Trúng phong. 2.— Trúng hàn. 3.— Trúng thử.
- 4.— Trúng thấp. 5.— Chứng táo (rào) 6.— Hỏa. 7.— Thương phong. 8.— Thương hàn. 9.— Thương thử. 10.— Thương thấp. 11.— Phá-thương-phong (chứng nổi-ván). 12.— Năm chứng 16. 13.— Chứng lên tu 14.— Chứng tròng g'ua. 15.— Chứng trĩ lậu. 16.— Chứng đau hoặc loạn. 17.— Chứng đi cầu lỏng. 18.— Chứng lý. 19.— Chứng thoát giang. 20.— Chứng táo kết. 21.— Chứng nghẹn, bí, đầy, buồn. 22.— Chứng nấc. 23.— Chứng nôn ọc. 24.— Chứng ọc hơi. 25.— Chứng ợ hơi. 26.— Chứng thổ nước chua, hay nuốt nước chua. 27.— Chứng nôn ra (hào tạp). 28.— Chứng Nghẹn cách phiên-vị. 29.— Chứng quan-sắc. 30.— Chứng Hư-lao. 31.— Chứng không ngủ 32.— Chứng tự ra mồ hôi hay ra mồ hôi trộm (tự hãn, đạo-hãn). 33.— Chứng khàn giọng, hay què và phiên. 34.— Chứng tam tiêu. 35.— Chứng sốt-rét (ngược) 36.— Chứng huyết. 37.— Chứng co g'ặt (hạnh-chi) 38.— Chứng đăm. 39.— Chứng Ho nhồi. 40.— Chứng Suyễn nghịch. 41.— Gầm gào (báo-hống). 42.— Chứng Kinh-giãn. 43.— Chứng đén cuồng. 44.— Chứng thức ăn ngán cách lại. 45.— Chứng phản vị. 46.— Chứng lạnh tay chân giống như chứng phong, và dự phòng chứng phong. 47.— Chứng Hoàng-dâm 48.— Chứng Dịch. 49.— Chứng đại-dần-ôn. 50.— Chứng nội-thương 51.— Chứng nội thương về ăn uống 52.— Chứng ăn uống không tiến. 53.— Chứng uất. 54.— Chứng



trệ khí. 55.— Chứng ở-chướng. 56.— Chứng nề những nước.
 57.— Chứng sôi bụng những nước. 58.— Chứng thổ tả.
 59.— Chứng tiện-tệ không thông. 60.— Chứng đại-tệu bế.
 61.— Chứng đi đại nhiều. 62.— Chứng đại giắt (lâm).
 63.— Chứng bạch trọc. 64.— Chứng đi tinh. 65.— Chứng
 tiểu khát. 66.— Chứng phiên táo. 67.— Chứng nhưc đâm.
 68.— Chứng Giáp-xa sưng đau. 69.— Bệnh về râu, tóc.
 70.— Bệnh về tai. 71.— Bệnh về mắt. 72.— Bệnh về mũi.
 73.— Bệnh về miệng, lưỡi. 74.— Bệnh về răng. 75.— Chứng
 cuồng-hong tề. 76.— Chứng đau tim. 77.— Chứng đau bụng.
 78.— Chứng đau sườn-khí. 79.— Chứng đau lưng. 80.— Chứng
 đau oằn-sườn. 81.— Chứng đau cánh tay. 82.— Chứng cước
 khí (sưng ống chân). 83.— Chứng chân mỏi yếu. 84.— Chứng
 dương-sự yếu (đương-lực). 85.— Bỏ cho chứng hư yếu.
 86.— Chứng lao mòn. 87.— Chứng huyết vẹo. 88.— Chứng
 lạnh chân tay (quyết). 89.— Chứng bị ngã hay bị đánh.
 90.— Chứng phong hải.

PHỤ LỤC

- 1) Bàn về Bốn nơi chứa trong thân người.
- 2) Ngũ tạng biến chứng hư hay thực và phép chữa.
- 3) Bệnh ở ngũ tạng đều nên bổ thận.
- 4) Bệnh ở lục phủ hư hay thực và phép chữa.
- 5) Tóm lược phương thuốc về chứng ngũ tạng hư yếu.
- 6) Tóm lược phương thuốc về những ngũ tạng nhiệt.
- 7) Phương thuốc chữa chứng sốt và lời bàn của Phùng-tiên-sư.
- 8) Lời tổng luận của tác giả và phép chữa.
- 9) Chứng phát sốt như thế nào là nguy hay chết.



Tập Y-Trung Quan-Kiến

Lê-hữu-Trác biệt hiệu Hải-Thượng Lân-Ông biên soạn.
Hậu-học Võ-Xuân-Hiến biệt hiệu Đường-Mĩ sưu-tầm
và xếp đặt.

••

I. — TRÚNG PHONG (trúng gió độc)

Chứng này vì âm hư phần nhiều mà về dương hư
thời ít, vì ở trong hư yếu mà sinh ra phong về phần
nhiều, mà vì ngoại cảm thì ít. Những người vì hư yếu
dù có triệu chứng trúng phong cũng cho là đầu mối để
phát bệnh.

Nếu thấy bệnh nhân cắn răng lại, và tay nắm lại
hay co vào, thân thể còn ấm mới tạm dùng những thuốc
để thông khiếu, hóa đàm, khi tỉnh rồi phải tùy âm dương
và hư thực để điều hòa.

Trái lại, nếu thấy há miệng, duỗi tay, nhắm mắt, sùi
phân ra, nói nhỏ, mà chân tay lạnh, thế là đã vong âm
thoát dương, phải cho uống gấp những vị thuốc hồi dương
mà không nên xen vào một chút âm dược nào, hay là
dùng lắm những bài thuốc thanh hoá, tiêu đàm, [giáng]
khí để chống chết. Thuốc hồi dương phải dùng đến sâm,
phụ, hơn nữa phải dùng vị bạch-truật để giữ lại, nếu



nguyên ngược lên thêm vị ngũ-vị. Dương khí đã hồi mới nên dùng bài lục-vị, bài bát-vị, bài thập-bồ và thêm nhung và cao của hươu hay nai, bột của sữa người bay nhau của người đẻ, v.v... để bổ tính huyết, lại nên uống xen với những bài bồ-trung, qui-tỷ, thập-loãn, dưỡng-vinh để giúp khí huyết cho hậu-thiên.

Nếu cần dùng thêm thuốc để chữa phong, thời trong phong được chọn lấy những vị mềm nhuận như phong-phong, tần-bông, câu-đẳng, thiên-ma, đỗ-trọng, tục-foan, uy-linh-thiên, ngưu-tất, kim-ngân, tang-ký-sinh, lòng-tiết v.v... nhưng cần phải có những vị bổ khí huyết làm chủ. Như thế thời không chữa phong mà phong dẹp đi, không chữa đàm hỏa mà đàm hỏa sẽ thanh, thật là yếu lãnh để chữa chứng phong.

..

2.— TRÚNG HÀN

Những chứng chột ngã ra, người mờ đi, chân tay lạnh, đau bụng, đầy chướng, nôn ọe, đi lý, mặt xanh, mạch « Hồng » đều là chứng trúng hàn.

Chứng này hoặc vì ngoại cảm, hoặc vì ăn phải thức sống thức lạnh. Cờ-thư có nói : « Người hay bị thương hàn là chân dương kém », huống chi là chứng trực-trúng, là vì người ta có dương khí để bảo vệ trong và ngoài, nay đã trúng hàn thời tất nhiên là kém dương khí.

Nếu bệnh chưa nguy cấp, thời chỉ dùng bài Bồ-trung-ích khí thêm khương, quế, phụ-tử để tán hàn. Nếu đã



lạnh chân mà dương khí chưa thoát thời nên uống bài Sâm-phụ hồ-dương hoặc thêm bạch-truật để giữ lấy khí ở trung tiêu, lạnh lắm thêm vị can-khương, một khi phải dùng đến thuốc bổ âm, thời cũng chỉ thêm một vài phần, mà thuốc để bổ dương vẫn nhiều hơn, để giữ lấy dương khí.

..

3 — TRÚNG THỦ

Mùa hè mà chợt ngã ra, sách cổ cho là vì hỏa, vì đàm, mà tôi cho là bởi nguyên khí kém hay bởi hư yếu. Vì hỏa làm hại phế là hành kim thời khí phải hư yếu, năng là âm-tà, âm thịnh thời dương suy, thế là nguyên khí không vững mà chợt ngã ra, dương đã yếu thời hỏa phát ra, khí đã ngược thời đàm thăng lên, nên ta không có thể chỉ cho là vì hỏa vì đàm.

Đại khái người bẩm sinh khỏe mạnh mà đàm hỏa nhiều thời tạm nên thanh hỏa thổ đàm rồi tùy chứng mà dùng thuốc, còn người đã vong dương thoát khí thời chỉ dùng sâm, phụ để bổ hỏa, mạch-môn, ngũ-vị để thu liễm. Nếu đi đường mải chớng ấy mà không tiện thuốc thời cho uống nước nóng mà nhiều người đổ vào đồ vật gì rồi để lên rốn bệnh nhàn ngay lúc nước liễm còn nóng, cũng có thể tỉnh lại.

..

4. — TRÚNG THẤP

Chứng này ở trong bởi tý-vị kém vận hành mà ngoài cảm mưa sương râm thấp. Tuy đời xưa có nói chữa trúng



thấp nên dùng thuốc cho đi đại nhiều. Nhưng thấy nặng mình, xương cốt đau như, phù nề, thở gấp, đầy bụng, phần bụng mà mờ tối không biết người ngoài, mạch « trầm mà hoãn » hay là « trầm mà vi, tế », thời phần nhiều bởi khí ở trong người hư yếu, như vậy lại không nên dùng thuốc để bệnh nhân đi đại nhiều để hao tổn âm dương, chỉ nên dùng bài *Truật-phủ-thang* hay là bài *Cam-thảo phủ-tử thang*, nếu nề mà cở-trướng thời dùng bài *kim-quý thận khí hoãn*.

..

5. - CHỨNG TÁO (rào)

Chứng tảo là nước tân-dịch khô kiệt mà không được thấm nhuận, chứng này còn tệ hơn chứng hỏa. Căn bệnh tuy bởi tạng phế mà nguyên nhân còn bởi tạng lý, tạng thận.

Vì thế, chữa chứng hoả có khi còn dùng thuốc hàn lương mà chữa chứng tảo chỉ nên dùng những vị để giúp âm huyết sinh tân-dịch.

Cổ-thư có nói: « Chữa chứng tảo vì phong nên dưỡng chân huyết, chữa chứng tảo vì nhiệt nên bổ chân thủy ». Dưỡng chân huyết như những bài *tứ-vật*, bài *dưỡng-vinh*, giúp chân thủy như bài *lục-vị* thêm *Thiên-môn*, *Mạch-môn*, *Ngưu-lất*, *Ngũ-vị*, *Khởi-tử*, *Cao Bào-Long*, *Nhục-thung-dang*, *Sử người*. Nếu vì chân hoá hư yếu, hoả bốc lên mà rào nên uống bài *bát-vị* để dẫn hoả về chỗ.

..



6. — MÔN CHỮA HỎA

Khí của người tức là hỏa, mà hỏa tức là khí, khí yên ở địa vị thời là nguyên khí để nuôi dưỡng cho người, mà không yên chỗ thời là hỏa dữ dội (tráng-hỏa) mà làm hại đến khí.

Nhưng có phân ra hư, thực, thực-hỏa là hỏa hữu hình, hư-hỏa là hỏa vô hình, sáu bộ mạch mà « hồng sắc » hỏa lực thời là thực (tả khí mạnh), nếu sáu bộ mạch « trâm, vi, hoãn, nhược » thời là hư mạch (mạch yếu).

Tóm lại, thực hỏa thời nên tả cho vội đi như bởi phong hàn thời dùng thuốc Tân-lương. Bởi thấp nhiệt thời dùng thuốc thêm thấp để mát đi.

Hư-hỏa thời nên bổ, như lý thổ hư yếu không chứa được dương khí thời dùng những bài *tứ-quản, bổ-trung*, nếu chân huyết kém mà âm hư hỏa động thời dùng những bài như *tứ-vật, qui-tỳ, dưỡng-vinh*.

Nếu chân thủy kém mà hỏa bốc lên thời dùng bài *lục-vị* thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngư-u-tất. Nếu chân hỏa kém mà hư hỏa bốc lên thời dùng bài *bát-vị* thêm ngũ-vị, ngư-u-tất.

Ngoài ra, chứng thực-hỏa mà nên tả cho vội đi như những vị hoàng-cầm, hoàng-liên, tri-mẫu, hoàng-bá, bệnh đã đỡ lại chữa về căn bệnh mà không nên tả hỏa mãi để tuyệt nguyên khí.

..



7. — THƯƠNG-PHONG

Thương-phong là cảm gió thì nhẹ hơn trúc-phong. Người nào dễ thương phong là khí ở ngoài biểu hư yếu. Hiện chứng ho đàm, ngạt mũi, nặng tiếng, sợ gió mà có mồ-hôi, lúc mới chỉ nên giải ở ngoài biểu mà không nên bỏ ngay, dù bởi người hư yếu cũng vậy. Bệnh mới phải nên uống bài sâm-tô gia giảm hoặc hợp với bài tứ-vật, bệnh đã lâu nên uống bài lục-vị bội nhiều vị phụ-lích, thêm những vị mạch-môn, ngưn-lất, có ghê rét thêm vị phụ-tử, thật là thành-được chữa chứng phong hàn ho sốt.

∴

8. — THƯƠNG-HÀN (cảm lạnh)

Trong quyền ngoại-cảm, tôi để bàn nước ta không có chứng thương-hàn như người phương bắc.

Bại khái lúc mới cảm chỉ nên dùng những vị thuốc nhẹ nhàng mà phát tán, như phong-phong, khương-hoạt, độ:-hoạt, bạch-chí, tể-tâm, tử-tô, cải-căn, hành và gừng sống v.v.. mà lấy thuốc bỏ khí hay huyết để điều khiển những vị thuốc kể ở trên, cần nhất là phải có những vị để giữ lấy chân âm. Tôi có đặt ra 3 bài thuốc để giải ngoại biểu, 6 bài thuốc để điều hòa trong lý, ở quyền ngoại-cảm, nhất thiết không nên dùng hai vị ma-hoàng, quế-chi để bại nguyên khí.

∴



9.— THƯƠNG-THỦ (cảm năng)

Người làm việc khó nhọc ở ngoài nắng, hay đi đường cảm nắng là dương-là, người ở chỗ kín mà cảm nắng là âm là (nắng âm). Nắng thì hại chân khí, cho nên phép chữa phải giữ lấy khí của tạng phủ, nóng thì hại chân âm, cho nên tán-dịch hạo. Vị hương-nha dù để chữa nắng nhưng người chân khí hư yếu không nên dùng: Như bài « Thanh-thư ích-khi » cũng chỉ chữa lúc mới cảm, còn bài Sinh-mạch, bài lục-vị để giữ tạng phủ vào giúp chân thủy mới là thần diệu.

•••

10.— THƯƠNG THẤP (Cảm âm thấp)

Có người vì cảm khí âm-thấp, có người vì ăn phát thức sống, thức lạnh, thức là hàn thấp. Còn chứng thấp-nhiệt là tý-vị kém vận hành mà sinh ra thấp, thấp khi nổi lên mà thành ra nhiệt. Lại có người vì chân dương hư yếu mà thành ra hàn thấp,

Hiệu chứng như đầu, nặng mình, da vàng mà mặt « sáo » (đi vội).

Phép chữa nên cho đi dãi nhiều mà không nên cho ra mồ-hôi nhiều. Tuy thế, chứng thấp từ ngoài đến lại không nên cho đi dãi nhiều, chứng thấp vì ở nơi nước đọng lại không nên cho ra mồ-hôi, chỉ có bài Ngũ-linh gia giảm là chữa chứng thấp mới phát mà chưa nặng lắm, đến khi đầy-chướng bụng cách lên mà người nữ, thì chỉ có bài Kim-quỹ thận-khi mới có thể cứu vãn được.

•••



11. — PHẢ-THƯƠNG-PHONG (chứng nổi-ván)

Người bị thương thủng thịt chảy máu hay là ung nhọt để vỡ hoặc đàn bà băng huyết, những chứng ấy không giữ gìn cẩn thận hay không sạch sẽ để gió độc cảm vào, gió động hoá ở tạng can, cho nên gân khô mà cứng khớp, co giật rồi thành nổi ván, đó là chứng nguy hiểm ngay chốc lát.

Người còn mạnh thì tạm chữa về chứng phong, rồi điều bổ về sau. Còn người hư yếu lắm, phải uống trước bài sâm-phụ hồi-dương, rồi uống đến thuốc bổ thủy, hỏa, như bài lục-vị, bài bát-vị lại giữ lấy khí cho tý-vị, cũng may ra mới cứu được.

..

12. — NĂM CHỨNG TÊ

Nội-kinh có . phân ra chứng tê về gân, chứng tê về xương, chứng tê về thịt, chứng tê về mạch, chứng tê về bì-phu (ngoài da) nhưng chỉ bởi cảm gió độc, hay hàn khí hoặc thấp khí mà thành bệnh.

Vì phong nhiều thì tê chỗ này chạy sang chỗ kia. Vì hàn nhiều thì xương cốt đau nhức khô sở mà có khí phủ sống. Vì thấp nhiều thì đau một chỗ không di chuyển, lâu ngày tê lẫn mẩn bì ra mà bấm không biết đau (ma mọc kết nhão) đại khái vì phong hàn thì tê mà đau vì thấp thì tê mà nề.

Phương chữa phong nên dưỡng chân huyết; chữa hàn nên bổ chân hỏa; chữa thấp nên mạnh cho tý-vị, dù



nóng thuốc phong thấp cũng phải dùng thuốc bổ khí huyết và phải để ý đến tạng can, tạng thận, để giúp tình huyết cho gân cốt. Chứng ma-mộc bất-nhân phải cần đến quế, phụ, bạch nhũ thì phải lưu ý về thủy và hỏa.

∴

13. — CHỨNG TÍCH TỰ (hồi khối)

Chứng này phần nhiều ở trong vì thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn), ở ngoài vì cảm phong, hàn. Hồi khối ở nguyên một chỗ mà không di chuyển gọi là « tích », thuộc về âm là khó chữa, lúc ở chỗ này, này, lúc ở chỗ khác là « tự » thuộc về dương là dễ chữa.

Sách thuốc đời xưa chia ra năm chứng tích, tích bởi tạng can gọi là *phí-khí*, tích bởi tạng tâm gọi là *phục-lương*, bởi tạng tỳ gọi là *bĩ-khí*, ở tạng phế gọi là *phục-lương*, ở tạng thận gọi là *bôn-đồn*.

Về chứng tự cũng phân ra sáu thứ khác nhau, ông Đan-Khê thì phân ra chứng ấy ở giữa hay bên phải bên trái.

Theo tôi thì không ngoài khí ở trong kém vận hành, tà khí nhân đó mà tụ lại, vậy chỉ là đâm tích, hay thức ăn tích lại, hoặc huyết xấu tích lại mà thôi.

Phép chữa, không phải phân biệt hình trạng tích tự như thế nào ? và tên là gì ? Lúc mới phát bệnh mà người còn mạnh thì dùng thuốc để tiêu đi, người đã yếu thì vừa công vừa bổ, bệnh đã lâu mà người yếu thì dùng



thuốc bổ, còn thuốc công phạt để tiên đi chỉ có phần nào mà thôi.

Tôi thường chữa chứng này, các thầy thuốc đã dùng thuốc để tiên đi và cả thuốc bổ khi huyết mà vô hiệu. Sở bụng nóng nhiều, tôi cho nấu bài bát-vị bội nhiều vị mẫu-đơn, thấy trong bụng nhiều nước thì bội nhiều phục-linh, bạch-tả, chân âm kèm thì bội nhiều thực-địa, hoải-sơn, chân hỏa kèm thì bội nhiều quế, phụ, bụng chướng mà người dễ thêm vị xa-hiền, lại thêm vị ngũ-vị và ngư-ất để thu liễm và giáng xuống, song nấu sền với thuốc bổ lý-vị như sâm, trạch, thán-khương, trich-thảo thì đều được công hiệu.

Là vì hỏa đã yên ở địa vị thì trong người được thư thái, dù chương cở-cách mà nấu bài bát-vị cũng còn tiên đi được, huống chi là chứng tích-tụ.



14 – CHỨNG TRÙNG GIUN

Ngoại trừ chứng trùng lao, còn các chứng trùng giun khác đều bởi thấp nhiệt sinh ra, trong người có trùng, cũng như cây có sâu, muốn vun tưới cho cây mà không trừ sâu đi, thì cũng không xanh tốt được mà còn chết cả cây.

Phép chữa, muốn khử trùng thì chỉ dùng những vị như xuyên-luyện-tử, tán sủi thiếc, sữ-quân-tử, bình-lang, hùng-hoàng, lõi-hoàn, vô-di, hạt-sắt-thảo, bạch-phân, rễ khô-luyện, rễ cây-thu-lục, can-đất, bách-bộ v.v...



Nhưng nếu bệnh nhân yếu lắm, thời phải dùng thuốc bổ để nguyên khí vượng lên, rồi mới uống thuốc khử trùng, trùng đã hết lại dùng thuốc bổ mới được vạn toàn.

..

15.— CHỨNG TRĨ LẬU

Trĩ là chứng nhẹ, lậu là chứng nặng. Sách thuốc có chia 5 chứng trĩ là lẩn-trĩ, mẩn-trĩ, khí-trĩ, huyết-trĩ, tửu-trĩ, lại chia tràng-phong-trĩ, thư-hùng-trĩ, mạch-trĩ, nhưng nguyên nhân đều bởi ở thấp nhiệt, mà thấp nhiệt ấy do tửu sắc quá độ hay là ăn nhiều thức ngọt tức béo mà sinh ra.

Phép chữa : chữa chứng trĩ nên mát chân huyết để nhẹ nóng, về chứng lậu đã mát chân huyết nhẹ nóng, mà còn phải ráo thấp khí và thêm thuốc ôn để lặn đi.

Hơn nữa, chữa chứng lậu phải dùng thuốc bổ như khương, quí, sâm, kỷ, trạch lạp chủ, lẩn-bông, huyết-giác, niên-kieu, hổ-bối-mẫu để giúp sức, nếu bệnh nhân hư yếu lắm thời phải bổ nhiều.

Tôi chữa chứng lậu, hư yếu mà còn có phần mạnh thời chữa theo phép đời xưa, bệnh nhân toàn yếu, thời dùng bài lục-vị bội nhiều thực-dịa, mẩn-đơn để thanh hoá trừ phong. Âm huyết đã sinh thời bệnh tự khỏi.

Cổ thư có nói : « dùng chữa phong, dùng chữa ráo, khi chữa được hỏa thời phong ráo tự khỏi », chính là nghĩa ấy, nếu bệnh đã lâu mà tình huyết kiệt, chắc là người hư hàn thời phải thêm quế, phụ.

..



16.— CHỨNG ĐAU HOẮC LOẠN

Chứng này phần nhiều phát sinh về mùa hè, vì mùa ấy nắng mà thấp nhiệt, ở trong lại ăn uống phải thức sống thức lạnh, rồi âm dương ngẫn cách, khí trong sạch không thăng lên, khí xấu không giáng xuống, cho nên đau nhiều hơn chứng đau bụng thường, thổ nhiều thì vong dương, đi cầu nhiều thì vong âm, vì thế chứng này là một trong năm chứng không chết (ngũ thoát).

Chứng trên là thấp-hoắc-loạn, vì có thổ có đi cầu, còn chứng can-hoắc-loạn (đau bụng khan) không thổ không đi cầu, chân tay lạnh, chuột rút, bụng đầy chướng, đờm dính lên thời chết người lại nặng hơn chứng trên. Pháp chữa lấy nước đại tiểu tiện thật nóng hòa vào một chút muối sao khô cho nóng để thổ ra và đi cầu, hay là lấy nước muối loãng cho uống để thổ ra cũng được, thuốc nóng thời thường dùng những vị hoắc-bương, trần-bì v, v. . để hành khí mà không ráo chân khí (có khi dùng một nửa nước đun sôi, một nửa nước lã nguội hoà lẫn mà uống cũng khỏi).

..

17.— CHỨNG ĐI CẦU LỎNG (tiết tả)

Chứng này là nước ở tiểu-tràng không thấm riêng ra mà sang cả đại-tràng rồi đi cầu lỏng. Vì thế đi cầu lỏng thời đi dài ít.

Chứng này có phân ra vì gió, vì nắng, vì thấp, vì



hỏa, vì hàn, vì nhiệt, vì đờm hay vì thức ăn nóng. Nhưng chứng hàn tả nhiều mà chứng nhiệt có ít, ta đừng thấy khát nước đi đại đố mà cho là thực nhiệt thì chưa đúng, phải xét về hình thể còn mạnh mà mạch cũng mạnh mới chữa theo chứng thực. Ngoài ra nên dùng thuốc để mạnh cho tỳ vị và ráo âm thấp, như bài *tứ-linh*, bài *ngũ-linh*, nếu đi tả nhiều, hay đi lâu thời thêm *kha-tử*, *đậu-khấu*.

Ngoài tám chứng kể trên, sách cổ còn phân biệt bệnh vì ăn uống là tạng tỳ yếu, vì tình dục là tạng thận yếu, vì tức giận là tạng can yếu, nhưng vì tạng tỳ thời nhiều, vì tạng can rất ít.

Dù bệnh bởi tạng tỳ, nhưng không nên dùng nhiều hay dùng mãi vị thuốc tán-ôn (cay mà ôn) và vị hao khí, mà phải bổ âm cho tạng-tỳ, vì tạng tỳ thuộc hành thổ, đất có thêm nhuận mới sanh được cây cỏ. Hơn nữa, chứng đi tả lâu mà người quá hư yếu lại phải để ý đến tạng thận, nghĩa là tạng thận chủ về đóng giữ lại mà là cửa ngõ cho tỳ vị. Khi ấy phải bổ chân thủy để thêm thêm nhuận, bổ chân hỏa để giúp sự vận hoá.

Cổ thư có nói : « Chứng đi cầu về hàn mà bệnh nhân yếu không phải là thủy dư ra mà là hỏa không đầy đủ, lại không phải là thủy không thông lợi mà là khí không vận hành », vì thế bài *ngũ linh tán* có *phục-linh*, *chạch-tả* để lợi tiểu tiện mà phải có vị *nhục-quế*.

•••



18.— CHỨNG LÝ

Chứng này cũng có hàn, nhiệt, hư, thực, Ta đều cho là nhiệt cả mà nhất thiết dùng vị hoàng-liên là lắm, Nội-kinh gọi là chứng trệ-hạ nghĩa là những vật tích lại ở trong bụng muốn đi cầu mà khi trở lại, cho nên mót đi cầu mà lúc đi lại bứt bách không ra (lý cấp hậu trọng), nên phép chữa phải cho thông lợi, như chứng hàn dùng vị ba-đạo, chứng nhiệt dùng vị đại-hoàng đừ bệnh hư yếu cũng phải uống thuốc cho thông đi rồi mới dùng được thuốc bổ.

Tuy thế, bệnh đã lâu mà người hư yếu quá, cũng phải để ý đến tỳ-vị, mà có khi phải dùng bài bát-vị-hoàn thêm vị thổ-lì và phá-cổ để bổ tạng thận mà vít lại.

* * *

19.— CHỨNG THOÁT GIANG (lời rom)

Chứng này vì đi lý lâu hay là đi tả lâu mà lời ra, cũng có người vì khí kém hay huyết kém, hoặc huyết nóng hay khí nóng. Phép chữa, là hư yếu thì bổ, là nhiệt thì dùng thuốc cho mát đi, mà đều cần phải có vị thuốc để đem lên như vị thăng ma.

Vậy bệnh nhân vì chân khí yếu mà bầm xuống, dùng bài bổ-trung ích-khí vừa bổ lý vị vừa đem trở lên. Bệnh nhân vì chân hỏa kém mà không giữ lại được, nên dùng bài bát-vị thêm vị phá-cổ để giữ lại.



Còn những phương thuốc gia truyền dễ xông hay bôi, dù có hiệu nghiệm, nhưng không chữa được căn bản.

20. — CHỨNG ĐẠI TIỆN TÁO KẾT

Chứng này sách cổ có phân ra vì nóng, vì lạnh, vì phong, vì khí, vì huyết, nhưng đều bởi âm huyết khô ráo. Cổ thư có nói : « đại tràng có chân huyết thì nhuận, thiếu chân huyết thì ráo ».

Vì thế, chữa chứng táo-kết, bệnh nhẹ thì dùng thuốc bổ huyết và hậu-thiên, như những bài *nhuận-lão thang*, *hoạt-tràng thang*. Còn bệnh đã nặng thì phải dùng bài *lục-vị* bội nhiều thực và thêm vị nhục-thương-dương, ngư-tất, mật ong, sữa người mới được thành công.

21. — CHỨNG NGHẸN, TẮC, BÍ, ĐẦY, BUỒN

Năm chứng này đều bởi ở khí, nhưng nghẹn, tắc là khí mới trệ, mà bí, buồn là trệ đã lâu. Có phân ra vì đàm, vì thức ăn, vì thấp nhiệt.

Thời cổ dùng vị hoàng-sâm, hoàng-liên, chỉ-thực để nhẹ đi, vị bác-bạ, hậu-phác, gừng sống để tản đi, phục-linh, chích-tả để thấm đi, lại thêm sâm, trạch đồ bồ. Nhưng cần ở tỷ vị được mạnh thì khí tự nhiên hành.



Lại có chứng vị huyết mà đầy. Nội kinh nói : « khi xửa đem lên thì thành chứng đầy chướng ». Ông Đông-Viên nói : « đem thuốc bỏ huyết để chữa chứng đầy ít có người biết » thế là nghĩa phải bỏ âm cho tạng tỳ. Còn như khi của tiên-thiên không về chỗ mà đầy ngược lên, chỉ có bài bát-vị thêm ngũ-vị và ngư-tất, thì ở trên khối đầy, (riêng chứng ấy thuốc bỏ khí huyết không chữa được).

..

22 — CHỨNG NẮC NGƯỢC LÊN (Ách-ngịch)

Chứng này nếu ở trung-tiên thì tiếng ngắn và nhỏ mà dễ chữa, nếu ở hạ-tiên trở lên thì tiếng to và dài mà khó chữa. Theo nội-kinh thì chứng ấy đều thuộc về hoả, hoả tức là khí, khí đã uất tất nhiên bật lên mà thành tiếng.

Nhưng là thực chứng (là khí mạnh) thì khai uất hành khí như những vị đinh-hương, thị-đế là khởi. Còn chân khí kém mà khí không về chỗ bồn-đồn mà bốc lên, thì lại phải liễm xuống, chỉ có bài bát-vị, thêm ngũ-vị, ngư-tất mới dẫn xuống được.

Ngoài ra, chứng âm vong dương thoát hoả bốc lên mà sắp tuyệt, lại chỉ có bài sâm-phụ-thang thêm ngũ-vị, mà dùng thang thuốc thật to, may ra mới cứu vãn được.

..



23.— CHỨNG NÔN ỢE (ăn thổ)

Chứng này có người vì dạ-dầy nóng, có người vì hàn mất, có người vì đàm, có người vì hàn trệ, có người vì khí ngược lên, có người vì giữa, đàm bà có người vì có thai, lại có sách phân ra bởi khí, bởi tích hay bởi hàn.

Phương thuốc đời xưa vì những vị trần-bì, bán-hạ và gừng sống là những vị thuốc chính, nếu người hư yếu thời nên dùng bài tiểu-bán-hạ hay bài đại-bán-hạ cũng đều có gừng, vì gừng là thánh dược để chữa chứng ợe.

Tôi xét, nôn thời tân-dịch báo không thể coi là thực nhiệt, mà nóng được thuốc lạnh hay mát. Lại có chứng ợe khan là khó chữa, đời cổ cho dùng bài Ngũ-linh là theo như nội-kinh chữa ợe khan phải thông lợi tiểu-tiện, vì rằng tạng phế chế về tiết độ, tiểu-tiện để lợi thời khi sữa tạng phế không bốc lên. Nhưng xét hỏa có hư và thực, ăn không lọt vào là có hỏa mà là chứng thực, ăn vào rồi lại nôn là không có hỏa mà là chứng hư, cần thành ngũ lý có thể tóm tắt được.

Lại có người vì tạng hàn người yếu mà thổ, thời lại không dùng được những vị bán-hạ, trần-bì để ra mồ-hôi mà vong dương, chứng ấy lại phải dùng phụ-tử, can-khương để ôn trung tiện, ngũ-vị để liễm trở xuống.



24.— CHỨNG ỢE HƠI (ợe khí)

Chứng này tựa như ợe khan mà tiếng nhỏ, người ốm lâu hay mắc phải. Nguyên nhân bởi dạ-dầy lạnh là phần



nhieu, mà bởi nhiệt, bởi đờm, bởi thức ăn thì ít. Nếu ốm nặng mà thấy ọc là âm khí đã kiệt, dương không dựa được vào đâu thời lại gốc ở tạng thận.

Tôi xét chứng này, ọc mà tiếng ngắn là ở dạ-dày thời dễ chữa. Tiếng dài là âm-hỏa thời khó chữa, ọc từng hồi là dễ chữa, hồi lâu mới ọc một tiếng lại là khó chữa, người mạnh thời dùng những vị định-hương, thị-đế (tai hồng) và những vị cay mà mát. Người hư yếu thời dùng bài bát-vị thêm ngũ-vị, ngư-tất để đem khí về chỗ may ra mới sống hiệu. Nội-kinh nói : « bệnh nặng thời phát ọc » như vậy thời người ốm mà thấy ọc là chứng nguy.

..

25.— CHỨNG Ợ HƠI (Ái khí)

Chứng này là bởi hỏa hay bởi uất khí hoặc bởi đờm cách lên. Nội kinh nói : « khí âm ngấn cách, hay là thức ăn uất lên mà có nhiệt thời thành chứng ợ-hơi ».

Nhưng cũng phân ra hư thực. Nếu là thực chứng thời dùng thuốc để hành khí khai uất như những vị hoàng-sảm, bán-hạ, nam-tinh, trần-bl. Nếu là hư chứng thời phải đem khí về chỗ như bài bát-vị thêm mạch-môn, ngũ-vị.

..



26. — NỒN NƯỚC CHUA, NUỐT NƯỚC CHUA

Nồn nước chua là khí uất mà thấp nhiệt. Nuốt nước chua là thức ăn tích lặn không nôn ra được, mà bất đắc dĩ phải nuốt vào mà là chứng hàn.

Sách thuốc đời xưa nói chứng nuốt nước chua không được rõ nghĩa, nhưng tôi xét là bởi khí của dạ-dày, nước dằn lên nhưng khó thở được mà phải nuốt đi, chứng ấy là triệu chứng sắp thành ra chứng phàn-vị, nên phải chữa ngay. Nồn nước chua thời nóng bài *tiêu-giao*, nuốt nước chua thời nóng bài *qui-tỳ*.

•••

27. — CHỨNG NÔN NAO (tào-lạp)

Nôn là thực chứng (bệnh mạnh) thời chỉ vì đàm, vì hoả, vì uất, vì tích lại, nên cho uống những vị: hoàng-sâm, hoàng-liên, tri-mẫu, hoàng-bá, sơn-ebì, nam-tiêu, trần-bì, bán hạ v.v... là chữa theo về đường lối thẳng. Nôn là hư chứng, mà người yếu thời là âm hư mà hoả động, nên dùng bài *tứ-vật* thêm những vị mát chân hoả. Còn chân thấy kém mà hoả bốc lên, thời uống bài *lục-vị* thêm những vị để liễm xuống, vì hoả đã động thời khô ráo mà trong ngực tựa như đàn, cho nên người nào đàn mà gây hay đàn bà ra huyết nhiều thường có chứng này.

Tay thế, cũng có người vì khí của hậu-thiên hư yếu mà có đờm, thời lại nên uống bài *tứ-quần* hay *lục-quần*.

•••



28.— CHỨNG NGHẸN, CÁCH, PHIÊN-VỊ

Ba chứng này đều bởi thất tìah (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) mà hoá bốc lên. Nghẹn là ăn-nướng đến cổ họng thời thổ ra. Cách là ăn uống đến dạ-dày, thời thổ ra. Còn chứng phiên-vị là ăn uống như thường nhưng sáng ăn là chiều nôn, chiều ăn là sáng nôn mà còn nguyên cả hột cơm.

Tóm lại, hoá dĩ-dội (tráng-hoá) thời hại chân âm mà hao khí, chân âm kém thời nước tâm dịch kiệt, khí kém thời không vận hóa được mà sinh đàm. Chân âm càng kém thời hoá càng động.

Nhưng thủy là gốc cho huyết, thận thủy đã kém thời tương-hỏa bốc lên, hỏa càng mạnh thời tuyền thược càng nhiều, dạ-dày khô mà nôn ra, cho nên bệnh nhân chưa yếu lắm thời giúp chân huyết và mát chân hỏa với tiên đàm là đủ. Còn người yếu nên dùng bài lục-vị để giúp chân thủy mới có công hiệu. Cổ thư nói: « chứng này người nhiều tuổi đi cầu khô như phấn dẽ không chữa được », những chứng ấy là chân âm sắp tuyệt.

••

29.— CHỨNG QUAN-CÁCH

Trong người, khí âm hòa bình mà bốc lên, khí dương bị vít mà giáng xuống, khí huyết chú lưu thì sao có ngăn cách. Nay ở trên khí dương ngăn âm để không vào được, ở dưới khí âm ngăn dương để không ra được, như



thở hình tượng quả « BÍ » trong Kinh-dịch (quả Kiềm là trời ở trên mà khí của trời không xuống, quả Khôn là đất ở dưới mà khí của đất không thăng) bệnh nhân gặp chứng ấy là khí âm khí dương lìa nhau, nên sách đời xưa cho là chứng chết mà đáng kinh sợ.

Bệnh ấy không thể chữa bằng thuốc bổ khí huyết mà phải chữa bằng thuốc bổ âm dương, tức là bài bát-vị giữ lấy căn bản về tiên-thiên.

30.— CHỨNG HƯ-LAO

Chứng này vì ho lao mà gây mòn, nên cũng gọi là « lao sai ». Nguyên nhân bởi tinh huyết thiếu, chân Âm hư yếu mà hỏa động lên, chân thủy suy thì hỏa bốc lên, tạng phổi thụ thương mà ho ra huyết hay khạc ra huyết mà mất tiếng, lâu ngày đến chết.

Tinh huyết gốc ở tạng thận thì những phương thuốc để bổ khí huyết như bài tứ-quần, bài tứ-vật, bài bát-chấn, bài thập-loãn không chữa khỏi. Chỉ có phép chữa bằng bài bát-vị của Trương-trọng-Cảnh đặt ra bổ thủy hỏa là gốc của âm dương để cứu lấy căn bản, lại thêm những vị thuốc của động vật hữu tình, như vị tử-hà-sa (nhau người đê), sữa người, cao và nhung của hươu hay nai. Nếu chân thủy suy thì thêm chân thủy, chân hỏa kém thì bổ chân hỏa.

Tay thế, còn phải để ý đến tỳ-vị để ăn uống vẫn



được, thế là bị phương chữa chứng ho lao, bằng không đã uống muôn ngàn thang thuốc khác mà không hợp với bệnh cũng là vô ích.

Cổ nhân có nói : « chứng bệnh làm khó cho thầy thuốc, là chứng âm hư và chứng tích-tụ đĩ lâu ». Tôi thường chữa chứng này, người nào đại-tiện khó ráo để chữa, mà đại-tiện lỏng phân thì khó chữa, vì phải uống thuốc bổ âm, bổ âm thì đi cầu lỏng thêm ra, mà uống xen với thuốc bổ tỳ vị thì lâu khỏi, hơn nữa, tạng thận đĩ suy mà tạng tỳ cũng bại thì nhờ vào đầu để sanh sống.

Vì lẽ đĩ sợ thuốc ráo lại sợ cả thuốc mát, nên tôi chế ra bài bổ-âm tiếp-dương và bổ-dương tiếp-âm để cứu vãn trong khi âm dương đều thoát. Còn về số mệnh thì không dám bàn đến. Xin bệ cao minh xét rõ.

•••

31. — CHỨNG KHÔNG NGỦ

Tạng tâm đĩ chứa hồn, tạng can đĩ chứa phách, tạng tỳ đĩ chứa ý. Chứng không ngủ đượi đều bởi âm hư huyết thiếu, ba tạng kể ở trên đều bị thương. Phép chữa nên gia giảm bài quy-tỷ hay là trách cử ở mặt, vì mặt thuộc về gan đó là phép thường để chữa bệnh nhân mới phải.

Còn người chân âm hư tổn, âm tính không đủ để phụng dưỡng lên tạng tâm, lại nên uống bài lục-vị thêm nhục-quế, hoàng-liên để tạng tâm tạng thận tương giao với



nhau. Khi âm tĩnh thì huyết sinh, tính thần sẽ yên mà ngủ được.

Tuy nhiên, cũng có người sau khi đại bệnh mà không ngủ mà là chân dương kém lắm, lại nên uống bài *tứ-quản* hay bài *lý-trung* thêm những vị để an tĩnh tính thần.

32. — CHỨNG TỰ RA MỒ-HÔI HAY RA MỒ-HÔI TRỘM

Phép đời xưa cho chứng tự ra mồ-hôi là khí dương kém vì khí dương kém thì không giữ được ở ngoài. Còn chứng ra mồ-hôi trộm là chân âm kém vì chân âm kém thì không giữ được ở trong (tự hẳn dương hư, đạo hẳn âm hư) nhưng tôi xem thì chưa chắc hẳn như thế.

Vì mồ-hôi là tân dịch (nước trong cơ thể) người nào có nóng sốt mà ra mồ-hôi là dương lắm ráo chân âm mà là chân âm hư kém, không nóng sốt mà ra mồ-hôi là khí âm lẫn khí dương mà là chân dương hư kém.

Vậy ta nên xét : bệnh nhân nguyên khí kém vừa thì âm lý là chân âm về hậu-thiên (tức huyết), dương hư yếu mà có nóng sốt thì bổ huyết để nhẹ hỏa đi, không có nóng sốt thì thêm chân khí để ôn ở trung-tiên. Nếu bệnh nhân nguyên khí yếu lắm, thì âm đó là âm vô hình về tiên-thiên, dương hư yếu mà có nóng sốt thì giúp



chân thủy dễ dẹp hỏa đi, không tốt thì chân hỏa dễ cân bằng với thủy.

Tạng tâm tạng thận tương giao với nhau thì mỗ-hôi sẽ chỉ, vì mỗ hoi là nước tân dịch của tạng tâm mà tạng thận chủ về nắm giữ tân-dịch, cho nên chữa chứng mỗ hoi phải để ý đến tạng tâm, tạng thận.

— Còn như trẻ em vẫn thiếu chân âm và đàn bà sản hậu ra huyết nhiều là chân âm thiếu, nên có chút mỗ-hoi để nhẹ chân dương đi, cũng không nên vít ngay lại.

..

33.— KINH SỢ, HAY QUÊN, VÀ BUỒN PHIỀN

Theo sách cổ thì chứng kinh sợ phác ra kinh, quý và chinh-sung. Kinh là thất nhiên kinh sợ, quý là ở ngực giật lên mà sợ, kiêm cả hai chứng thì gọi là « kinh quý ».

Chinh-sung là dưới ngực giật động lên như người chực bắt mình, hai chứng ấy tương tự nhau.

Hay quên và buồn phiền đều là hư yếu, nhưng chứng hay quên nặng hơn.

Nội-kinh nói : « tinh của hỏa là thần, tinh của thủy là chí » cho nên tạng tâm chứa thần mà biết việc về sau, tạng thận chứa chí mà nhớ việc đã qua. Dưỡng cho thần là huyết, huyết đã kém thì thần không dựa được vào đâu mà không suy biết được việc về sau, có động là kinh sợ. Huyết thiếu tức là chân thủy kém,



cho nên không nhớ việc về trước mà không động cũng sợ (quý).

Phép chữa, lấy cho tạng tâm tạng thận tương giao với nhau, thủy của tạng thận là quẻ « khâm » đã tương giao với hỏa của tạng tâm là quẻ « ly », như thế là quẻ « kỳ-tố », nhớ việc trước, suy biết việc sau mà không còn kinh sợ. Thuốc nống cho tâm và thận tương giao không gì bằng bài bát-vị còn như bài quy-tỷ chỉ chữa cho bệnh còn nhẹ.

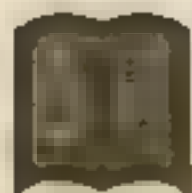
Chó giải : Bản chính thiếu không nói đến chứng « hư-phần ».

34. — CHỨNG TAM-TIÊU

(Thượng-tiêu, trung-tiêu, hạ-tiêu).

Chữ « tiêu » nghĩa là tiêu hao khô kiệt. Người ta cơ thể được nở nang, bị hao được mỡ màng! đều nhờ ở chân thủy ở tạng thận. Nay chân thủy kém quá thì thành ra chứng trên, như chứng tiêu-khát là đi đại nhiều mà nống nước nhiều, hoặc tiêu-ốc là ăn nhiều mà không sinh cơ như v.v...

Chữa chứng tam tiêu, nếu bệnh nhân còn mạnh thì tạm dùng thuốc hàn lương để tả hỏa, nếu người đã yếu phải bổ âm huyết, mà hư yếu lắm thì phải mạnh cho chân thủy.



35.— CHỨNG SỐT RÉT (ngược)

Chứng này hoặc vì ăn uống, hoặc vì khó nhọc, hoặc vì ở chỗ nước độc (sơn lam chướng khí) hoặc vì phong, hàn, thử, thấp. Sách cổ có phân ra sốt về sáng, về chiều hay về đêm, lại hàng ngày có sốt hay là cách 1, 2 ngày mới sốt để phân biệt là khó chữa hay dễ chữa.

Tôi ở chỗ rừng núi, dù về mùa hè mặt trời đã mọc cao bằng ba cây tre mà khi ở núi vẫn mờ mịt, lá cây ở sân giọt sương vẫn đọng như cúc áo. Nên cuối mùa xuân đầu mùa hạ là sau tiết đại-thử trước tiết sương-giáng (từ cuối tháng 5 đến cuối tháng 8), giá trở đều phát chứng sốt rét. Lúc trước tôi chữa theo chứng ngã nước, có người khỏi có người không, mà có khỏi cũng đến hàng tuần.

Sau tôi nghĩ ra rằng: dân ở nơi đây từ lúc mới sinh vì sốt rét mà người yếu, càng yếu càng sốt rét, mặt vàng, da xám, trong bụng có nhiều hòn khối, mười người đến 7, 8 người như thế. Lại lúc sốt thì rét và nóng tranh nhau, lúc rét là khí âm lấn khí dương, lúc nóng là khí dương lấn khí âm, thế là khí âm khí dương đều hư yếu, ít người thật sốt rét mà tựa sốt rét thì nhiều, âm và dương chỉ là tên gọi mà thủy hỏa là bản thể, khí huyết là sử dụng.

Cho nên thấy hiện chứng, mạch mạnh mà người còn mạnh là bại về khí huyết, nóng nhiều rét ít là chân huyết kém thì tôi dùng bài *tứ-vật* làm chủ, rét nhiều nóng ít là chân khí hư yếu thì tôi dùng bài *tứ-quần* làm chủ, mà điều hợp với bài *tiền-sái-hồ*, nếu còn kiêm chứng gì thì thêm những vị hợp với chứng ấy, vì bài *tiền-sái-hồ* để



chữa chứng « bán biểu bán lý » (bệnh còn ở ngoài biểu mà mới vào trong lý). Chứng sốt rét ở kinh Thiếu-dương là bán biểu bán lý nên phải hợp với bài tiên-sái-hồ.

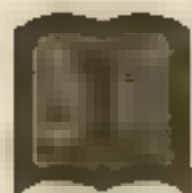
Còn người nào mạch yếu người yếu là bệnh về âm dương, tôi thấy nóng nhiều rét ít là chân thủy kém thì dùng bài lục-vị làm chủ, thấy rét nhiều nóng ít thì dùng bài bát-vị làm chủ mà cũng đều hợp với với bài tiên-sái-hồ kèm thêm chứng gì thì gia giảm.

Tay thế, còn phải xem bệnh nhân ăn uống thế nào để xem vị-khi (khí của dạ-dày). Vị-khi còn mạnh thì thêm vị Thương-sơn để triệt ngược, vị-khi đã yếu thì uống xen những bài Tứ-quần, bài Lục-quần, bài Quy-tỷ, bài Bô-trung, bài Bôi-thở cố-trung v.v... vị-khi đã hồi lại dùng thuốc để triệt ngược.

Tôi theo phương pháp như trên để chữa chứng này, không cứ già, trẻ, đàn bà lúc có thai hay mới sanh đều được song biện tảo kháo.

Chữa chứng này nhiều người dùng bài Bô-trung, nhưng bài ấy chỉ nên tạm dùng với người nào khi dương hư yếu mà sốt rét đã lâu mà rét nhiều vì khí hãm trở xuống mà thôi, nếu thường dùng thì thăng nhiều lại giáng, hay là gặp bệnh nhân nào chân-âm hư tổn nóng nhiều rét ít thì càng bổa lên mà chóng chết. Ngay đến người âm-dương đều hư yếu mỗi ngày sốt một cơn vừa nóng vừa lạnh cũng không thể dùng được sâm, lý, sao hằng có triệt ngược trước rồi bệnh-khỏi sẽ bỏ.

Còn vị Thương-sơn là thánh được chữa sốt rét, mọi người không biết phép chế và không biết dùng những



vị khác để điều khiển, cho nếm nóng vào là thổ mà bệnh lại tăng lên, rồi sợ là dội được mà không dám dùng. Tôi lấy giấm gạo thật chua đem tẩm rồi đổ chín lại sao cho khô đi, thì không thấy đem lên nữa, thế là có vị thuốc trên mà mờ tối không biết dùng, nên tôi nêu ra đây để mọi người cùng rõ.

36.— MỌI CHỨNG HUYẾT

Mọi chứng huyết đều thuộc về hỏa. Thổ ra huyết là hỏa nổi ở dạ-dày, ọc ra huyết (ồn huyết) là hỏa thịnh ở dạ-dày. Máu ra đường mũi (lục huyết) là hỏa mạnh ở thượng-tiêu, ho ra huyết (khái huyết) là hỏa hại đến tạng phổi.

Nhưng hỏa có Âm dương, hư thực. Thực-hỏa là dương-hỏa, là hỏa về hậu-thiên, có thể đem nước hay âm để dập đi, nên thành ngữ nói : « thực hỏa nên vơi nhẹ đi ». Còn hư-hỏa là âm-hỏa là hỏa về tiên-thiên, chỉ có thể theo tính của hỏa dùng thuốc mà liếm vào hay là giáng xuống, nên thành ngữ có câu : « hư hỏa thì nên bổ ».

Xét ra là hỏa mạnh lắm, nên dùng những vị để phát chân hỏa như hoàng-cầm, hoàng-liên tri-mẫu, hoàng-bá. Nếu hỏa mạnh vừa thì dùng thuốc bổ huyết mà chỉ thêm ít vị thanh lương (hơi mát) để dịu mát đi.

Có một số ít người, phải dùng thuốc cho ra mồ-hôi để chỉ huyết (đoạt hàn giả vô huyết).



Còn người nào hư yếu thì phải chữa về căn bản. Hư yếu vừa thì dùng thuốc bổ khí huyết như những bài *Bát-chấn*, bài *Thập-loãn*, bài *Quy-tỳ*, lại có phương pháp bổ tạng-ý là hành thổ để tàng dương khí lại, như bài *Tứ-quản* bài *Lý-trung*, có gừng sao gần cháy, là vì chữa chứng huyết thường có công hiệu về thuốc bổ tỳ-vị. Như lấy gừng thấy là chứng hỏa nhiệt mà dùng ngay thuốc hàn lương (thuốc mát). Người thổ huyết quá nhiều hay và thốt nhiều đi cầu ra thật nhiều huyết là chứng chết ngay, thì uống ngay 1 vị sâm là bổ gấp chân khí để giữ huyết lại.

Chứng *liện huyết* là đại-tràng gặp gió mà đi cầu ra huyết hay là vì hỏa. Chứng *liều-liện* đi ra huyết (liện-huyết) 2 phương ấy bệnh nhẹ thì dùng thuốc để nhuận chân huyết, bệnh nặng thì bổ chân thủy. Chữa chứng huyết mà dùng thuốc mầu sắc đen như mực tầu viết chữ Hán, mặt nổi và gừng sao đen, là vì huyết đỏ thấy mầu sắc đen thì ngừng, còn có lẽ sắc đen thuộc hành thủy mà thủy đẹp được hỏa.

..

37.— CHỨNG CƠ GIẬT (hành cơ)

Cổ thư nói : « Đừng chữa phong, đừng chữa táo, chữa được hỏa rồi phong táo khỏi ». Cho nên chứng cơ giật đều bởi huyết ráo gân khô. Người ta gân cốt đều có chân thủy thấm nhuận mới có thể vận hành được.

Cổ-thư nói : « Gân nào không thuộc về tạng can », tạng can chứa huyết để nhuận cho gân, nay gân cơ giật hơn nữa như người uốn ván không phải là thiếu huyết hay sao ?



Vì thế, người bệnh nhẹ phải dùng những bài bổ khí huyết như bài *Tứ-quân*, *Tứ-vật*, *Bát-chân*, *Thập-toàn*, *Quy-tỳ*, *Dưỡng-vinh*. Còn người bệnh nặng phải dùng thuốc bổ thấy hoả, như bài *Lục-vị*, bài *Bát-vị* để chữa căn bản cho khí huyết.

Còn hiện chứng đáng là chứng phong, thời chỉ thêm một ít phong dược, nếu chỉ dùng phong dược thời huyết càng ráo mà bệnh càng nặng lên.

..

38 - CHỨNG NHIỀU ĐÀM (Đàm ồm)

Người yếu thời tân-dịch (nước trong thân người) biến ra mà thành đàm, vậy đàm tức là khí huyết. Ông Cảnh Nhạc có nói : « không phải đàm sinh ra bệnh, mà là bệnh sinh ra đàm, nếu chỉ chữa đàm mà không chữa về chỗ vì sao sinh ra đàm, thời đàm càng nhiều lên », câu nói ấy thật là cách ngôn ngàn đời.

Sách *Dì-sinh* có nói : « Tý là nguồn gốc sinh ra đàm, phế là nơi để chứa đàm », như vậy thời tý-vị không vận hành mới sinh ra đàm.

Sách *Phương-giải* nói : « Thủy của tạng thận kém thời đình lên mà thành đàm », thời có đàm mà nhiều nước dãi nước bọt, là đàm bởi tạng thận.

Sách *Giản-dị* nói : « Đàm không đi ngược lên cũng như nước không chảy ngược », là nói đàm thăng hay giáng đều bởi ở chân hỏa, mà hỏa tức là khí.



Ta lại nên hiểu chữa đàm phải để ý vào khí, nếu khí thuận thì đàm tiêu.

Phép chữa : Nếu bởi tạng lý kém sức vận hóa mà sinh ra đàm, thì nên bồi bằng những bài *Tứ-quần*, *Lục-quần*, *Bổ-trung* v.v... Nếu vì thấy ở tạng thận dềnh lên mà thành đàm thì nên bồi thủy để sinh ra huyết. Nếu vì âm hư (chữ âm này phải là chữ dương mới hợp với nghĩa sách, phải chắt lọc bản in khác lắm) phát sốt mà sinh đàm, thì nên dùng bài *Bát-vị* thêm chân hỏa để hóa đàm đi. Như trên đây là tôi đã kinh nghiệm không chữa đàm mà tự nhiên đàm tiêu.

Nếu là thực chứng (là khí mạnh) đàm bởi nhiệt mà sinh ra, phải dùng thuốc công đàm và mát chân hỏa, tán chân khí, nhưng chỉ nên tạm dùng trong lúc mới ốm, nhất thiết không nên dùng nhiều thuốc để sạch đàm đi, nếu dùng như vậy thấy công hiệu ngay nhưng di họa về sau.

..

39. - CHỨNG HO NHỎ (khái thấu)

Có tiếng ho mà không đàm là « khái » (ho khan), có đàm mà ít ho hay không ho là « thấu » (nhổ ra đàm) còn vừa ho vừa có đàm là « khái-thấu ». Chứng này bởi ở tạng phế, hoặc vì ngoại cảm, hoặc vì nội thương, nhưng gốc ở tạng phế mà cũng bởi tạng lý. Lại ho là khí ngược lên, tạng phế chủ cho khí nhưng tạng thận là căn bản cho khí như thế thì lại bởi tạng thận.

Chứng này bởi ngoại cảm mà ho còn nhẹ, thì chỉ



chứa ở tạng phế như bài Sâm-lô gia giảm, hoặc hợp với bài Tứ-vật.

Nếu bởi nội thương, ho lên mà là chứng nặng thời lại phải đề ý về Âm-dương thủy-hỏa mới có công hiệu. Riêng vị Phụ-tử nếu là chứng giả nhiệt thời tạm bỏ, nếu hàn nhiều lại nên dùng nhiều, vì vị lý cũng là thuốc tiên để chữa ho.

•••

40 — CHỨNG THỞ NGƯỢC LÊN (Suyễn nghịch)

Nội-kích nói « Những chứng ngược lên đều bởi ở hoả », nhưng có thực hỏa là hỏa mạnh, mà hư hỏa là hỏa yếu mà bốc lên. Hỏa tức là khí, chứng thở suyễn bởi khí không về chỗ mà đi ngược lên.

Chứng này nếu vì ngoại cảm, khí nổi lên mà thở gấp thời phải khai nổi nhẹ cho hoả mà tiêu đàm, đó là chữa về tả khí mạnh tức là thực chứng.

Nếu bởi tình huyết không đủ, khí không về chỗ, tạng thận yếu không giữ được khí mà hoả long-lối bốc lên làm bại đến tạng phế, chỉ thở suyễn mà ít hút vào, hoả không eo thủy để dập đi, dương không có âm để kiềm lại, thổ là trung triệu chân âm mất, chân dương thoát mà nguy ở chốc lát. Nếu thấy mặt đỏ, hai gò má đỏ, nửa người trở lên nóng như rang thì là giả nhiệt mà chân dương thoát ra ngoài. Chứng ấy mà dùng lầm một chút thuốc mát là chết ngay, chỉ nên bỏ mà kiềm trở xuống.



Nếu mạch bộ xích bên trái thấy yếu là chân thủy suy, nên dùng bài *Lục-vị* thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngư-tất. Nếu bộ xích bên phải thấy yếu là chân hỏa suy mà hư hỏa bốc lên, nên dùng bài *Bát-vị* thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngư-tất. Nếu hai bộ xích đều thấy yếu mà bộ quan, bộ thốn bên phải lại yếu hơn, thời dùng bài *Toán-chấn nhất-khi*.

Nếu bệnh đã ngặt, trán ra mồ-hôi đọng lại như cùc áo, tinh thần hoảng hốt thời dùng bài *sâm-phụ thang* dùng thêm thuốc to mà thêm ngũ-vị, tỷ vị yếu lại thêm bạch-truật và một chút thuốc bổ âm, nhưng thuốc bổ âm cũng không dùng được nhiều, đợi khi nguyên khí đã hồi mới dùng xen được thuốc bổ âm.

..

41.— CHỨNG GÀM GÀO (báo-hống)

Chứng này nếu hình thể mạnh, mạch cũng mạnh thời hẳn là khí lạnh vít lại mà đàm uất lên, phép chữa nên tán hàn, tiêu đàm, thuận khí, hay là dùng thuốc cho thở ra hoặc cho đi cầu.

Nếu hình thể yếu, mạch yếu thời là chân âm chân dương và thấy hỏa một bên hơn một bên kém, hay là âm dương, thấy hỏa đều kém, thời chỉ có bài *Lục-vị*, bài *Bát-vị* thêm Thiên-môn, Mạch-môn, Ngũ-vị, mà chân hỏa thịnh thời thêm Huyền-sâm bổ mà đem hỏa về chỗ, hỏa giáng thời khí thuận đàm tiêu. Nếu chỉ chữa về ngọn thời tăng bệnh mà chết.

..



42. — CHỨNG KINH GIẢN (động-kinh)

Chứng này nếu hình thể mạnh, nguyên khí còn mạnh thời là hỏa uất đàm nhiều, mà đàm làm mờ lấp khiến của quả tim, thời phải chữa về hỏa về đàm, nếu còn đàm quánh ở thượng-tiền, thời phải nóng thuốc cho thể ra, mà ở trong phải nóng thuốc để hạ đi.

Người nào hình thể yếu, nguyên khí yếu, xét là chân thủy kém thời bổ chân âm, xét là chân hỏa kém thời bổ chân dương. Chứng này bởi tiên-thiên, hậu-thiên khí tuyệt âm dương không đủ, thời nên dùng bài Lục-ô, bài Thập-loãn, bài Quy-lý rồi tùy chứng gia giảm, mà nóng lãn để trừ gốc bệnh, nếu chỉ thanh nhiệt, hỏa đàm thời sẽ nguy khốn.

..

43. — CHỨNG ĐIÊN CUỒNG

Tạng tâm chủ về thần-minh, tạng thận chủ về khôn khéo, tạng tâm chủ về thần mà tạng thận chủ về chí. Nếu tạng tâm tạng thận thụ thương, nhẹ thời hay quên hoặc kinh sợ, nặng thời điên cuồng, thể là tạng tâm tạng thận không tương giao với nhau.

Nếu tà khí mạnh thời dùng thuốc trừ nóng để mát cho tạng tâm, lại khai uất tiêu đàm, an thần định chí, bệnh nặng hơn thời uống thuốc để thổ hay hạ là đủ.

Nếu là hư chứng thời phải dùng thuốc để thủy của tạng thận thăng lên, hỏa của tạng tâm giáng xuống, mới được vẹn toàn.



Tuy nhiên, tỳ-vị là gốc cho hậu-thiên, chứng này cũng bởi tạng tỳ thiếu như v.v. Vì thế bài Bát-vị, bài Lục-vị, đã bỏ thủy hỏa, bài Quy-lý và Thập-loãn để bỏ khí huyết, không thể thiếu được.

∴

44. — CHỨNG THỨC AN NGÂN CÁCH

Chứng này vì yếu lâu ngày mà thành ra, thấy thuốc chỉ dùng những vị khoan khoái trong bụng như Chi-thực, Hậu-phác, Bình-lang v.v... và thuốc để tả hỏa như Hoàng-cầm, Hoàng-lên, Tri-mẫu, Hoàng-bá, hơn nữa dùng Địch-hương, Quế, Phụ, rồi chập nê vào những bài Tứ-quản, Lục-quản để bỏ tạng tỳ, đến nổi huyết khô, dạ-dày khô ráo, thủy của tạng thận cũng kém, rồi hỏa bốc lên mà thành chứng quan-cách, đến nước cũng không uống được.

Chứng này sẵn nguyên bởi ở tửa sắc, thời đàm hãn nhiều, đàm vì hỏa động lên, thời nên giúp chân thủy để giáng hỏa. Hỏa không bốc lên thời đàm không sinh ra. Nếu chỉ đề ý dùng thuốc tiêu đàm thời không thể khỏi.

Tôi có lập ra bài Thông-quan giao-thái sau đây với chứng này rất có công hiệu.

Thông quan giao-thái thang : Thục-địa 3 chỉ, cử một lượng thục thời tán bột 1 chỉ trầm-hương hoà với rượu mà hầm rồi đem thục chưng lên. Sền-thù 1 chỉ chưng với rượu. Hoài-sơn 1 chỉ 8 phân sao chùng với Trầm-hương rồi bỏ Trầm-hương đi, Mạch-môn 1 chỉ bỏ lõi, Ngưu-tất 6 phân rửa rượu phơi khô, Phục-linh 5 phân



Nhục-quế 3 phần. Mẩu-đơn 9 phần, Trạch-lã 6 phần, Phụ-tử chế 5 phần.

Bài trên sáo lấy nước nóng từng thìa một chừng 1 vài giờ thời dưới cuống họng mở ra, cơm ăn nên dùng ít một, những vị cao lương không được ăn nhiều và tránh tức giận. Cửa của tạng tâm đã mở thời bỏ quế và phụ mà dùng vị Phá-cổ vị HỒ-đào-nhục (đền sao) mỗi vị 5 hay 8 phần hợp với những vị kia cùng sáo mà thường nấu lại nóng xen với những vị nhân-sâm, đương-quí, bạch-thược, qua-lân, bán-hạ, lý-bá-diệp (phép chế nói không được rõ nhưng phải sao qua), Phụ-linh, Hoài-sơn Mạch-môn, Cam-hảo cũng sắc lên mà uống.

..

45 - CHỨNG PHẢN VỊ

Chứng này dù không chết ngay, nhưng chưa không khỏi thời lâu ngày là chết. Chứng này bởi trong tạng thận không có hỏa, cho nên hôm nay ăn thời ngày mai thở, tức là Nội Kinh đã nói: « ăn đã lợt rồi lại thở » (1).

Ăn vào dạ-dầy rồi thở ra tựa như bệnh ở dạ-dầy; nhưng biết đâu tạng thận là cửa ngõ cho dạ-dầy, tạng thận thu thương thời dạ-dầy mới thu thương. Ăn nóng vào dạ-dầy nhờ cơ thủy của tạng thận giúp sức mới lợt xuống được, thủy ấy trên thân góp được thức ăn rồi vận hóa thức ăn. Tuy thế, trong thủy không có hỏa cũng như drieri nời không có củi đun thời thức ăn không chín được; dạ-dầy lạnh thời lá-lách cũng lạnh, lá-lách không



vận hoá được thời thức ăn lại đem lên dạ-dầy, dạ-dầy không gánh nổi thời phải thổ ra ngoài.

Phương thuốc chữa chứng này như sau :

Định-vị-thang : Thục-địa 3 lượng, Sơn-thù 2 lượng, Nhục-quế 3 chỉ, Phục-linh 3 chỉ. Bài này uống 1 thang là đỡ, 10 thang có thể khỏi, để chữa chứng sáng ăn vào thời chiều thổ ra, chiều ăn vào là sáng thổ ra.

Chú giải : (1) Nguyên nội kinh có câu : « Thực nhập tức xuất thị hữn hoá giả, thực nhập phản xuất thị vô hoá giả » nghĩa là ăn vào lại nôn ngay thế là có hoá, còn ăn đã lọt rồi mới nôn là không có hóa. Mục này nói hôm nay ăn vào ngày mai nôn ra là về nghĩa câu dưới ở Nội-kinh mà lại nơi tức là Nội-kinh nói : « thực nhập tức thổ thế là viết lăm chữ phản ra chữ tức ».

..

46.— MỌI CHỨNG QUYẾT GIỐNG NHƯ TRÚNG-PHONG

Trúng phải gió độc thời gọi là « trúng-phong ». Nhưng thật là trúng phong 10 người chỉ có 1, 2 người, còn vì yếu mà ngã ra chân lạnh tựa như trúng-phong thời nhiều hơn. Ông Cảnh-Nhạc có bàn về những chứng không phải là phong, tức là ý ấy.

Những chứng chợt ngã ra mà thành quyết, theo sách cổ có người vì ăn (thực-quyết) có người vì huyết (huyết-quyết), có người vì hàn (hàn-quyết), có người vì nhiệt



(nhiệt-quyết), có người vì gần thấy người chết mà quyết (thi-quyết), có người vì đám mà quyết (tâm-huyết), có người vì trùng giun mà quyết (gun-quyết), có người vì khí độc mà quyết (khí-quyết). Còn bạch-quyết và tiên-quyết, đều không rõ được nghĩa. Những chứng trên đều là thối nhiên ngã ra mà chân tay lạnh.

Sao mọi thầy thuốc không phân biệt, hễ thấy thối nhiên ngã ra là dùng ngay *ngưu-hoàng-hoàn* hay *tô-hợp-hoàn* (Nguyên viên thuốc *ngưu-hoàng* để chữa chứng nhiệt ngán cách khiến ở quả tim, viên thuốc *tô-hợp* để chữa chứng hàn ngán cách khiến ở quả tim, hai thứ thuốc ấy không thể uống chung với nhau).

Vả lại, thuốc chữa gió phần nhiều dùng vị *xạ-hương*, chứng nào vì nguyên khí hư yếu, thối nhiên ngã ra lại nóng lắm, vị *xạ-hương* là đem phong vào xương tủy mà không giải đi được, dù không chết cũng thành cố tật.

Còn người há miệng, duỗi tay, sấn phần ra là chứng chết, phải dùng ngay *sâm* và phụ để hồi dương, khí ấy mà dùng *ngưu-hoàng*, *tô-hợp* là chết ngay, nhà làm thuốc phải cần thận.

Phòng ngừa trúng phong.

Người ta, chân khí kém thì da thịt tê lãn mẫn (ma), chân huyết kém thì tay chân thụt ra (mộ), cũng có người vì tạng tỳ yếu mà ngón tay ngón chân tê lãn mẫn, (tay chân thuộc tạng tỳ), vì thế mà ta chợt thấy tay chân có chỗ tê lãn mẫn hay là đờ ra thì nên phòng ngừa chứng trúng phong.



Nhưng phải xét bệnh nhân hình thể gầy đen, mạch bộ xích bên trái « huyền » mà « xáo » thì dùng bài *lục-vị*, hình thể béo trắng, mạch bộ xích bên phải hơi yếu thì dùng bài *bát-vị* thêm vị *ngưu-tất*, vị *đỗ-trọng*, nhưng hay cao của hươu hay nai, nhưn người đẻ, bột sữa người, lại chọn những bài thuốc *Dưỡng-vinh*, *Quy-lý*, *Bát-chân*, *Thập-toàn* để uống xen với 2 bài thuốc kể trên.

Đại khái người tửu sắc quá độ hay là khi đã nhiều tuổi tức là khí huyết hư yếu mới hay trúng phong, thế là từ trong khối ra, không nên phòng ngừa bằng thuốc phong được.

..

47. - HOÀNG-ĐẢM (Da vàng)

Chứng này vì khí thấp nhiệt mà sinh ra, như thể cơm hay miếng ở nóng lên thì thành mầu sắc vàng, pháp chữa chỉ dùng thuốc để thấm nước đi mà đi đại nhiều (thấm lợi), như bài *tứ-linh* hay bài *ngũ-linh* gia vị, bệnh nặng dùng vị *Nhân-trần* làm chủ.

Còn người vì phòng-lao (khô nhẹ về phòng dục) mà hoàng-tảm, lại không thể cho là chứng thấp nhiệt mà dùng thuốc thấm lợi để hại người, bệnh nhẹ thì dùng bài *bát-vị tiêu-dao* bội nhiều vị *Son-chí*, bệnh nặng thì xé âm dương bên nào thắng hơn mà dùng bài *lục-vị* hay bài *bát-vị*, thêm những vị bổ tính huyết để cứu vãn.

..



48. — DỊCH BỆNH

Chứng này tức là chứng chốt dịch mà ta gọi là bệnh thời-khí hay ôn-dịch, người này lây bệnh sang người kia. Theo thuốc cổ dùng vị xương-triết để trừ tà khí, nhưng người chân âm hư yếu không dùng được.

Phép chữa, nên xem bệnh nhân mạch hay yếu, khí âm và khí dương bên nào thắng hơn mà cũng theo phép chữa như quyển *Ngoại-cảm thông-trị* mà tôi đã biên soạn.

Nhưng chứng này bởi khí trời trái với lúc thường lại hay phát sinh vào sau khi kém đói hoặc nhiễm nhương (có lẽ chỉ vào chính chiến), vì phép chữa cũng nên thông biến mà g'ia giảm.

•••

49. — CHỨNG ĐẠI-ĐẦU-ÔN

Chứng này cũng là dịch-lệ mà hay lây. Người mắc bệnh thì đầu mặt nề đỏ, sốt to, thở xuyễn, miệng lưỡi ráo, cổ họng đau, nên uống bài *Phổ-tế tiêu-độc-âm*. Nếu nhiệt lắm dùng bài *Thông-thánh tiêu-độc-âm*. (ở quyển *Nbội*)

Nếu bệnh nhân nguyên khí hư yếu lắm hay là sau khi ốm nặng mà bị chứng trên, thì cũng nên điều bổ mà đừng nhất thiết dùng thuốc hàn-lương (lạnh hay mát).

Tuy nhiên, phải căn cứ vào mạch, nếu ở bộ mạch « phủ, sát », vô lực, bộ xích bên trái tẻ hơn thì dùng bài *Lục-vị* thêm *Tri-mã*, *Hoàng-bá*, *Huyền-sâm*, *Ngưu-tất*. Nếu



6 bộ mạch & trầm, vi, bộ xích bên phải tẻ hơn thì nên dùng bài *Bát-vị* thêm *Ngũ-tất*, *Ngũ-vị*.

..

50. — CHỨNG NỘI-THƯƠNG

Những chứng bệnh không phải ở ngoài cảm vào mà tại trong mình khởi ra thì gọi là bệnh nội-thương.

Chứng này lúc nóng lúc lạnh bất thường, dù ghê rét nhưng được ấm là đỡ ngay, không sợ gió to mà sợ gió nhỏ, không ngại mũi, ăn không biết ngon, ngại nói, lòng bàn tay nóng mà lưng bàn tay lại không nóng, có lúc như đầu có lúc không. Mạch thì bên tay trái mạch khí-khẩn lớn gấp mười mạch nhân-nginh (mạch khí-khẩn lớn gấp mười mạch nhân-nginh là chứng nội thương, mạch nhân-nginh lớn gấp mười mạch-khí khẩn là chứng ngoại-cảm).

Nếu chứng nội thương bởi ăn uống, thì ghét ăn, mà ăn không biết ngon, mỗi một đoản hơi. Nếu bởi thất tình, (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) hay là bởi khó nhọc thời tinh thần mỗi một, chân tay rời rạc. Bệnh bởi khí huyết thời nên chữa bằng bài *Bồ-trung ích-khí*, nếu không đỡ thời dùng những bài *Bát-trần*, *Thập-Toàn*, *Dưỡng-vinh*, *Qing-lý* v.v... Như vậy cũng không công hiệu thời nên dùng thuốc về thủy hỏa như bài *Lục-vị*, bài *Bát-vị* là công hiệu ngay.

..



51. — NỘI-THƯƠNG VỀ ĂN UỐNG

Vì nước uống thì nước đình trệ ở dưới ngực, ngực cách lên mà lo buồn, óa ách có tiếng nước. Vì thức ăn thời ngực cách lên bị tắc mà ghét ăn, ợ hơi hơi như trứng gà ung.

Lúc mới phát bệnh, muốn thêm nước đi thời dùng bài *Từ-linh*, *Lay Ngũ-linh* v.v... Muốn tiêu thức ăn thời dùng những bài *Bình-vị*, *Hương-sa* v.v..

Nếu nguyên khí hư yếu hay là ốm lâu rồi có những chứng như trên, thời chỉ nên dùng thuốc bổ, như bệnh ở hậu-thiên thì dùng bài *Bồ-trung* thêm những vị cho tiêu đi, bệnh bởi tiên-thiên, bổ hoả thời dùng bài *Bát-vị*, bổ thủy thời dùng bài *Kim-qui* (nên tham khảo với mục « Nội thương » và mục ăn uống không được tiến).

∴

52. — CHỨNG ĂN UỐNG KHÔNG TIẾN

Chữa chứng này người không hiểu chỉ cho uống những vị mỗ-hương, *Sa-phâu*, *Sơn-trà*, *Mạch-nha*, *Thần-khúc*, *Thương-triết* đều là những vị tiêu đi để báo chán ăn mà không phải để mạnh cho ý vị.

Cổ thư nói : « tạng tỳ dễ vận hoá thức ăn, nay ăn uống không tiến là sở năng của tạng tỳ đã kém, dân có thể lại cho uống những vị tiêu hao để hại thêm sở năng của tạng tỳ.

Vì rằng tạng tỳ là hành thổ phải có đức tính như



nhuận (mềm, nhuận) như quả khôn (đất), đất phải mềm nhuận mới sinh được muôn vật.

Người ta không ăn được có hai nguyên nhân, bụng đói mà không muốn ăn là bệnh ở dạ-dày thuộc về kinh-đương-minh thì nên bồi hòa ở tạng tâm mới sinh được hành thổ; như bài *quy-lý*.

∴

53. — CHỨNG UẤT

Uất là khí huyết không được thư thái, xem mạch thời trên thực dưới hư. Theo phép đời xưa, thời dùng thuốc để bề gãy đi (triết), hay là dùng thuốc cho mở mang ra (phát), hoặc dùng thuốc cho thông đạt đi (tạ) đều có phương thuốc sẵn, ngoài ra còn có bài *tiểu giao-lân*, bài *việt-cúc-hoàn* chữa cả 5 chứng uất.

Duy nội thương về thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) mà uất kết, thời nên dùng bài *Quy-tý gia giảm*. Lại có chứng hỏa uất thời lại là hàn mà khó phân biệt. Chứng ấy tựa đầy mà không phải đầy, tựa bí mà không phải bí, lúc mừng lúc giận thất thương. Phép chữa nên dùng bài *bát-vị* thời hoà yên mà thư-thái.

∴

54. — CHỨNG TRỆ KHÍ

Nguyên khí trong người, nhà làm thuốc phải nên chú ý. Bệnh nhân có người vì thất tình bại đến khí, có người



vì lực đâm hại đến khí. Chứng này bệnh thấy mạnh thì lại là nguyên khí yếu. Phép chữa hoặc hành khí đi, hoặc tản khí, hoặc giáng khí, hoặc phá khí, đều là dùng về chứng bệnh còn nhẹ. Khí là tượng thanh-hư bốc trở lên, dù có trệ cũng dễ tản đi được, nhưng dùng nhiều thuốc cay mà thơm để tản khí thời nguyên khí lại hư yếu mà khí xấu đem lên, chữa như vậy không hợp với đường lối. Vậy chỉ nên dùng bài *bát-vị* thêm *Ngũ-tất*, *Ngũ-vị* để liễm xuống vì tạng thận là gốc cho khí.

35. CHỨNG CỒ CHƯƠNG

Cổ-chương là một trong 4 chứng khó chữa. Nội-kinh nói : « Hành thổ thất quá thời sao vờ lên, gọi là « Cồ » là ở trong rỗng không mà ở ngoài bỗng lên như thổ cái tiếng ».

Phép chữa, chỉ bổ âm cho tạng lý để dẹp sức mạnh của dạ-dày, tạng lý đã thừa nhuần mềm mại tức là hành thổ đã có đức ôn-nhu thì chứng cao vờ lên tự nhiên xẹp đi. Tuy thế, còn phải uống xen bài *bát-vị* bội *Phục-liên*, thêm *Sa-hiền*, *Ngũ-vị*, *Ngũ-tất* may ra mới khỏi được.

Bài *bổ-lý-âm* phương như sau : Bạch-truật sao 1 cân, nhân-sâm 10 lượng, gừng sao hơi còn lõi 2 lượng, Thục-địa trích thơm 4 lượng, các vị sắc lấy nước nấu thành sáo, mỗi lần uống một thìa với nước Liên-nhục (đã đồ rồi mà sắc lên).



56.— CHỨNG NẸ NHỮNG NƯỚC (thấy sưng)

Ta thường gọi là chứng phù-sưng, phù là bệnh về khí, khi tay xuống chỗ phù lại nổi lên ngay, sưng là bệnh về thấy khi tay thời hơi lún xuống.

Theo sách đời xưa, thời phân biệt chứng bệnh và đặt nhiều phương thuốc. Nhưng căn nguyên chỉ ở tạng tỳ, tạng thận và tạng phế. Vậy bệnh còn nhẹ hay là nguyên khí còn mạnh mà ăn được, thì còn có thể theo chứng để tìm bài thuốc. Nếu là hư chứng thời chỉ có bài *Kim-quy thận-khi* là thành được chữa chứng sưng.

•••

57.— CHỨNG SÔI BỤNG NHỮNG NƯỚC

Sôi bụng những nước tay là thấy mà lại bởi ở hoả, nên uống bài *Nhị-trần* thêm *Hoàng-Cầm*, *Hoàng-liên*, *Sơn-chi* để dẫn đi. Cũng có người bởi hàn, thời nước trong bụng óe ách thường chuyển xuống, lại nên bổ mệnh-môn hỏa để ôn đi. Lại có người tỳ vị yếu thời bổ bằng sâm, truật.

Còn như chứng trong bụng tưởng như nhỏ hẹp lại, thời là thấp đàm uất kết, khi không thăng giáng được, rồi đến khó thở. Chứng ấy người béo nên uống *Sương-truật*, *Hương-phụ*, người gầy nên uống *Hoàng-liên*, *Sương-truật*.

•••



58. - CHỨNG THỎ TẢ

Có người đau bụng rồi vừa thỏ vừa tả, nên chữa theo chứng thấp-hoặc-loạn. Nếu không đau bụng mà thỏ tả, hay là vì ăn uống thức lạnh, vì cảm phong hàn, dạ dày đã yếu thời thỏ, tạng tỳ đã yếu thời tả.

Thỏ tả cũng là chứng nguy, vì không ngừng thì âm vong dương thoát, nên uống gấp bài *Phụ-tử Lý-trung*, bệnh đã đỡ thời dùng thuốc bổ tỳ-vị.

59. - CHỨNG TIỂU-TIỆN KHÔNG THÔNG

Chứng này vì hàn nhiều mà vì nhiệt ít, nước tiểu-tiện từ tiểu-tràng thấm vào bàng-quang, muốn cho thông lợi dùng bài *Tứ-linh* để thấm mà trong bài ấy có vị nhục-quế là vị thuốc ôn để đem đi.

Chứng này vì nhiệt thì dùng thuốc cho mát đi, vì hàn thì dùng thuốc để ôn lên, nhưng đều phải có vị thuốc để hành khí. Nếu nguyên khí hư yếu lắm, thì dùng bài *Bát-vị* thêm Mạch-môn, Ngũ-vị, Ngưu-lất, Sa-tiên để đem khí xấu (trọc âm) trở xuống.

60 - CHỨNG ĐẠI-TIỆN BẾ VÍT

Chứng này là bệnh cần cấp, phải chữa về ngọn (cấp tắc trị kỳ điều) tức là phải cho thông lợi. Nhưng còn sợ lỡ lấy bỏ để tiện đi thì ít người biết.



Vì trong tràng-vị phải nhờ khí của dạ-dầy để vận hành, nếu không có khí nóng của dạ-dầy thì dù uống hàng cân vị Đại-hoàng vào Maag-tiên cũng không hạ xuống được. Vì thế người nào tỳ vị hư yếu lắm mà bị tắc, lại phải dùng đến 2, 3 lạng Bạch-truật thêm những vị ôn mà đem xuống, như Can-khương, Chỉ-thực, Ngưu-tất, Ý-dĩ mới thông đi được.

.

61. — CHÚNG ĐI ĐÁI NHIỀU HAY LÀ ĐÁI MÀ KHÔNG BIẾT (đái dầm)

Nội-kinh nói : « tạng phế chủ về tiết độ tức là đon nước xuống bàng-quang, nhưng còn phải nhờ khí nóng của hạ-tiên, là vì tạng thận giữ về việc chứa lại, mà khai khiếu ra đại-tiền », cho nên đi đái nhiều phải trách cứ về tạng thận, mà đi đái mà không biết phải trách cứ về tạng tâm, chỉ có bài Bát-vị thêm nhiều vị ích-trí, công hiệu hơn vị phá-hỏa-lử.

.

62. — CHÚNG ĐÁI GIẢT

Chúng này phân ra 5 thứ là đi ra sỏi (sa-lâm), đi đái ra huyết (huyết-dâm), đi đái ra như mỡ (cao-lâm), đi ra như khí (khí lâm), còn về khí nhọc mà đi đái luôn (lao-lâm). Chúng ấy tiểu-tiền muốn đi luôn, nhưng lại không đi được mà rỉ ra đấm dĩa mà lâu ngày vớt lại, đau khổ muốn chết.



Bệnh nhân chưa hư yếu lắm, nên chữa theo phép đời xưa. Nếu hư yếu lắm hay là tuổi già tính kiệt mà còn nghĩ đến tính dục, để tính giáng xuống, thì chỉ có bài *Kim-quy thận-khi* hoàn là thành được.

..

63.— CHỨNG BẠCH-TRỌC

Chứng này phần nhiều vì thấp nhiệt, hiện chứng đi đại luôn mà trắng như nước gạo. Bệnh còn nhẹ thì chọn dùng một trong những bài *Tứ-linh*, *Ngũ-linh* hay *Lục-nhất-hoàn*. Còn bệnh nặng dùng bài *Lục-vị* thêm vị *Sa-tiền*, *Ngưu-tất*, hay là bài *Kim-quy-hoàn* không sai là không khỏi.

..

64.— CHỨNG DI-TÍNH

Chứng này nếu là người khoẻ hay là vì nghĩ đến sắc dục mà đến đêm đi tính thì không phải chữa.

Nếu chiêm bao giao hợp với đàn bà mà đi tính, bệnh nhân lại là người yếu thời phải chữa về tạng tâm, tạng thận và tạng can, vì tạng tâm yếu cho nên chiêm bao, tạng can chủ vợ ra, tạng thận chủ giữ lại, nay tạng can mạnh quá, mà tạng thận lại yếu, chỉ vợ ra mà không giữ lại.

Phép chữa, cần phải yên tĩnh thần cho tạng tâm và dẹp tạng can giúp tạng thận.

Nhưng mộng mà đi còn là nhẹ, có người không chiêm bao mà tự đi tính, thời gọi là *hoạt-tính* hay *thoát-tính*,



như vậy là hư yếu hơn. Phép chữa, chỉ có bài *Bát-vị* thêm *Phá-sổ* và bài *Quy-tỷ* bỏ *mộc-hương*, thêm *ngũ-vị*, 2 bài nống xen với nhau mới được công hiệu. Lại chữa chứng này còn để ý cho thần-kinh được yên tĩnh, vì đây thần kinh và gân là một, mà ngọc hành là gân cái (tâm sán) không hiểu lẽ ấy mà cứ dùng thuốc để vít lại thì có khi càng vít mà bệnh càng tăng lên.

..

65. — CHỨNG TIÊU-KHÁT

Chứng này khát nhiều mà đi đại rất nhiều, là một chứng trong 3 chứng « tam-tiên », nguyên nhân bởi hoả làm tiên hao chân âm, nhưng là thực-hoả thời nên vọt nhẹ đi, còn hoả kém mà bốc lên gọi là hư-hoả thời lại phải bỏ. Chứng này bệnh nặng có người uống nước 1 phần, đi đại đến 2 phần, nếu là chân thảy kém mà hoả bốc lên, thời uống bài *Lục-vị*, nếu là chân hoả kém, mà hoả bốc lên thời uống bài *Bát-vị* thêm sữa người với *Cao-Ban-Long*, *Cao Thục-địa*, *Cao Ngũ-vị*.

..

66. — CHỨNG PHIỀN-TÁO

Chứng này đều thuộc về hoả, nhưng phiền là dương chứng, táo là âm chứng.

Hiện chứng người một năm không được yên, gào tay đập chân, thời gọi là *phiền*. Lão năm lão dậy không được yên,



tay chân lay động, tinh thần hoảng hốt, hay là muốn nằm ngồi ở chỗ bùn nước, thời gọi là táo. Cổ thư có nói: « Phấn là nhẹ, táo là nặng », nhưng đây là triệu chứng tinh thần hao kiệt rất là đáng sợ, bệnh nhẹ thời đều bổ khí huyết, bệnh nặng thời phải cấp cứu âm-dương.

..

67. — CHỨNG NHỨC ĐẦU

* Phụ chép cả chứng (Lôi-đầu-phong) chứng đầu lắc lắc (giao đầu), chứng đau ở hướng trên lông mày (mì lẳng cốt thống).

Chứng này sách thuốc cổ phân biệt rất nhiều, nhưng chỉ là bởi ở trong (nội thương) hay bởi ở ngoài (ngoại cảm) mà thôi, người nào thêm ngạt mũi nặng tiếng thời chữa bằng thuốc trừ phong, thanh hoá. Ngoài ra đều bởi hư yếu. Xét ra người nào hình thể bóng trắng, sợ rét, đại-tiền lỏng, bệnh nhẹ thời là chân dương hư yếu, bệnh nặng thời là chân hỏa hư yếu, trái lại, hình thể đen mà gầy, sợ lạnh, đại-tiền khô, bệnh nhẹ thời là huyết hư, bệnh nặng thời là chân thủy suy.

Phép chữa: « Người bệnh nhẹ mà là khí hư thời bổ khí, là huyết hư thời bổ huyết, đều thêm thuốc thanh hoá. Bệnh nặng là chân thủy suy thời giúp chân thủy, là chân hỏa hư yếu thời thêm chân hỏa, đều thêm Ngưu-tất, Ngũ vị đồ tiềm và giáng xuống.

Chứng Lôi-đầu-phong ở trên đầu kết thành khối hạch mà đau. Phép chữa nên tiêu phong, tán nhiệt mà chữa



về chứng phong, nhưng trước hết phải bổ chân huyết, giúp chân thủy.

Chứng lác đầu bởi phong hỏa về phần nhiều, phép chữa cũng trừ phong, thanh hỏa, bổ âm. Lại có người vì chân dương suy kém mà đầu lác lâu, thời tất nhiều người xanh mặt trầm, phải dùng ngay bài Sâm-phụ để cứu vãn.

Chứng xương trên mí mắt đau nhức là hỏa ở tạng can vượng mà sinh ra phong, chứ không phải phong ở ngoài. Phép chữa phải giúp thận thủy mà thêm ít thuốc chữa phong để đem trở lên, như những vị : Thăng-ma, Phòng-phong, Bạch-sử, Tế-tân.

..

68. - BỆNH VỀ GIÁP XÁ

Chứng giáp xá sưng đau, sặc đỏ phân-biệt để điều-trị, rất là kỹ càng, mà nhiều người nhận lầm là phong, là đàm. Nhưng chứng này rõ ràng là thủy trong tạng thận suy kém mà hỏa bốc lên. Vậy nên dùng bài Lục-dị thêm Huyền-sâm, Ngũ-vị và Ngưu tất.

Chú giải : Chứng này có lẽ là chứng sưng đau ở má giáp cổ mà thường gọi là chứng « quai-bị »

..

69. - BỆNH VỀ RÂU, TÓC

Râu thuộc về tạng thận mà tóc thuộc về tạng tâm,



cho nên người khi huyết kém thời không có râu, khi là huyết nhiều thì râu ít, khi nhiều huyết ít thì râu ngắn.

Tóc khô là chân huyết thiếu, tóc hay rụng mà da đầu ngứa là huyết nhiệt; óm rồi mà rụng tóc là chân huyết kém.

Người râu bạc, tóc rụng, theo lẽ như trên tay khác nhau nhưng muốn cho chậm bạc râu, ít rụng tóc, thời chỉ bổ cho tình huyết. Người Quan thị mà không có râu là vì đã hoạn thời huyết ở mạch « nhâm » thương tổn, vì mạch « nhâm » quanh ở môi mà đi xuống.

•••

70. — BỆNH VỀ TAI

Tạng thận khai khiếu ra tai, cho nên tai điếc, tai ù, tai ngứa đều bởi tạng thận hư yếu. Vậy ta xét thấy của tạng thận suy thời giúp chân thủy, hỏa của tạng thận suy thời thêm chân hỏa mà đều thêm Ngũ-vị, Ngưu-tất để bổ thận.

Nếu vì phong, vì hỏa, mà trong tai đau lắm, hay là tai có mủ hoặc tai sưng lên, đều dùng thuốc trừ phong thanh hỏa. Nếu không hiện thời dùng bài Lục-vị thêm Tri-mẫu, Hoàng-bá, Ngũ-vị, Ngưu-tất, lại đem xác rắn đốt thành than nhưng đừng để cháy quá, rồi tán bột thời vào trong

•••



71.— BỆNH VỀ MẮT

Mắt là tinh hoa của cả ngũ tạng. Nội-kinh nói : « Mắt có huyết mới trông được ». Lại nói : « Nếu chân âm mất thì mắt loà ». Như vậy mắt tỏ không những bởi có huyết mà còn ở có huyết và thủy.

Sách thuốc đời xưa có phân ra 5 vành, 8 thành quách là quạ chi lý, đại đở lòng trắng thuộc tạng phổi, lòng đen thuộc tạng can, đồng-tử thuộc tạng thận, đuôi mắt thuộc tạng tâm, vành mắt thuộc tạng tỳ, mà rất cần ở tạng can, tạng thận.

Còn chứng đau mắt thì chỉ chia ra nội-trương và ngoại trương « Nội trương » là đau vì nội thương. Phép chữa nếu chân hỏa vượng thì giúp chân thủy để dẹp đi. Chân hỏa kém thì thêm chân hỏa để tiêu râm tối. Còn chứng « ngoại trương » là đau vì ngoại cảm, phép chữa chỉ dùng thuốc bổ huyết và những vị để mát chân hỏa, trừ phong ổ đau, tiêu sưng.

Ngoài ra, người mắt loà không có ri mắt, hay là con người tàn ra, hoặc son người mọe thịt thừa thì không chữa được.

..

72.— BỆNH VỀ MŨI

Tạng phổi khai khiếu ra mũi, tạng phổi chủ về da và lông, cho nên chứng cảm phong hàn thì hay ngạt mũi. Phép chữa nên trừ phong, tán hàn. Như bài Sâm-tô gia giảm (xem quyển Ngoại cảm).



Theo sách cổ, phần nhiều cho chứng mũi chảy nước nhiều là vì có nóng, mũi không ngửi thấy mùi là bởi tạng tỳ. Nhưng tôi cho chứng chảy nước mũi là bởi tạng tỳ, mà chứng mũi không ngửi được là bởi tạng thận.

Là vì, tạng tỳ chủ về đờm dãi, nếu tạng tỳ yếu thì không vận hóa được mà đờm trở lên, phép chữa nên dùng bài *Tứ-quản* hay bài *Qay-tỳ* đều thêm vị *lâm-tri-nhân*.

Tạng thận là gốc cho khí, khí của tạng phổi chứa ở tạng thận, tạng thận yếu thì không chứa được mà ở trên răng tể, nên nóng bài *Bát-vị* thêm *Mạch-môn*, *Ngũ-vị*, *Ngưu-tất*, 2 chứng trên tôi dùng những phương thuốc ấy thời công hiệu ngay, còn trong mũi mọc cục thịt thừa, thời lấy vị *Thần-sa* tán bột sát vào là khỏi.

•••

73. — BỆNH VỀ MIỆNG, LƯỠI

Miệng thuộc tạng tỳ, lưỡi thuộc tạng tâm, miệng lưỡi mà có nhọt lở đều bởi ở hỏa, nhưng có thực-hỏa, hư-hỏa. Nếu là thực hỏa thì nên mát đi như những vị *Hoàng-cầm*, *Hoàng-liên*. Là hư hỏa thì nên bồi, trung-tiền hư yếu thì nóng bài *Phụ-tử lý-trung* hay bài *Qay-tỳ*, bài *Bổ-trung*. Hạ-tiền hư yếu thì nóng bài *Lục-vị* hay *Bát-vị* đều thêm *Ngũ-vị*, *Ngưu-tất*.

•••



74.— BỆNH VỀ RĂNG

Răng là xương thừa ra mà thuộc về tạng thận, lợi thuộc về dạ-dày, răng lung lay mà lợi không đau là bởi tạng thận. Lợi sưng đau hay là thiếu lỗ chân răng mà răng lung lay thời bởi dạ-dày.

Tóm lại, xương mất thời răng tốt, xương nóng thời răng lung lay, đều chữa về hỏa ở dạ-dày. Thụ hỏa thời tả vơi đi, hư hỏa thời bổ. Còn chữa về thận hỏa thời chỉ nên bổ, nghĩa là thủy kém thời giúp chân thủy, hỏa kém thời thêm chân hỏa.



75.— CHỨNG CUỐNG HỌNG

Trong thân người, nếu cuồng-họng mắc bệnh thì phát chữa gấp như chữa cháy. Nguyên nhân chứng cuồng họng là bởi ở hỏa mà do thời tiết xấu. Hiện chứng mặt đỏ, miệng ráo, lưỡi rạ ra, nước tiểu nhiều, đi cầu táo, sáu bộ mạch « hồng sắc » mà hữu lực, thế là thụ hỏa (hỏa mạnh) phép chữa phải phát hỏa giáng hỏa.

Nếu thấy người mặt mặt xanh, hai gò má đỏ, mắt chong, miệng nhuận, tiểu-tiểu dài mà trong, sáu bộ mạch « phù sắc » mà vô lực, đó là hư-hỏa (hỏa kém mà bốc lên) thì chỉ có phép bổ, như thủy kém thì bổ thủy, hỏa kém thì bổ hỏa, đều thêm Ngũ vị và Ngưu-tất để liễm mà giáng xuống.



76.— CHỨNG ĐAU TIM (tâm-thống)

Tạng tâm là quân-chủ cho thân người, ngoài có màng (bào-lạc) để làm thành quách. Nếu có tà khí ở ngoài xâm phạm vào thì bào-lạc thụ thương.

Vậy đau vì hàn thì nên ôn, như những vị đinh-hương, quan-quế, đau vì nhiệt thì nên mát đi như những vị hử-cầm (thứ hoàng-cầm trong lõi mục mà cầm thấy nhẹ), sơn-chi, nhiệt nhiều thì dùng vị hoàng-liên (vì này thanh tâm hoá rất chóng) có thêm vị nam-tính và bối-mẫu.

Như trên là « tâm-bào-lạc » bị đau, nếu thật là tạng tâm đau (chân tâm thống) thì móng tay, móng chân phải xanh, như vậy thì buổi sáng phát bệnh là buổi chiều chết mà không có phép chữa. Tôi thấy sách cổ nói: « Gặp chứng ấy nên cho uống bài *Đại thừa-khi* », nhưng chỉ là ăn mày mà khỏi.

..

77.— ĐAU BỤNG (phúc-thống)

Cổ thư nói: « lưu thông thì không đau, có đau là không lưu thông ». Chứng này có phân ra đau ở dạ-dày, đau ngang rốn và đau ở bụng dưới, đau ở bụng dưới phần nhiều là chứng Sáo-thống.

Chứng đau bụng có phân ra vì hàn, vì trệ, vì phong, vì thấp, vì thức ăn đình lại. Phép chữa vì hàn thì nên ôn, vì trệ thì nên hành đi, về phong thì nên tán đi, vì thấp khi thì nên ráo đi, vì thức ăn đình lại thì nên



tiền hoá đi, khí khí âm thăng, khí dương giáng, khí huyết lưu thì đau khỏi ngay.

Lại có chứng vì khí âm hư tổn (tức là thiếu chân huyết) mà đau bụng khan, đau kinh niên hàng năm hàng tháng, thì chỉ bổ mạnh cho chân âm tức là thấy, hay là bổ thêm cả hoá như bài *Bát-vị* thêm vị Trầm-hương vị Tiễn-hồi.

..

78.— CHỨNG SÁN THỐNG

(đau bụng dưới đến hòn đá)

Sách cổ chia ra bảy sán-thống rồi lập ra từng bài thuốc nhưng chỉ chữa được lúc bệnh còn nhẹ, còn người nào đau từ dưới rốn ngược lên, đại tiểu tiện như vụn ra, chết rồi lại tỉnh, thì chỉ dùng bài *Bát-vị* thêm Ngưu-tất, Ngũ-vị, Ngô-thú, Quế-bạch sắc làm thuốc thang mà uống rất là thần hiệu.

..

79.— CHỨNG ĐAU NGANG LƯNG (yêu-thống)

Hai quả thận bám vào xương sống, nên chứng này đều bởi tạng thận hư yếu. Âm ở trong tạng thận suy kém là hại về tinh huyết thì bổ thủy. Dương ở trong tạng thận suy kém là ở trong hàn thì nên bổ hoá cho tạng thận, đều dùng thêm thuốc bổ tinh huyết. Có người đau lưng



không cúi xuống và không đứng ngay lên được, thì uống bài thuốc gia truyền bổ thận của nhà tôi là hiệu ngay. Bài thuốc như sau: Thục-địa 1 lượng, Đỗ-trọng 3 chỉ, Phá-cổ sao 2 chỉ, Ngũ-vị 5 phân, Hồ-đào như 3 chỉ (đó là chữa chứng thận hư yếu mà gặp phong hàn).

Lại có chứng khí trệ mà đau lưng báy là vì phong hàn hoặc vì đội nặng quá sức, hoặc vì đi xa cõ sức cũng người ngồi lâu, làm lâu thì phải tán hàn hành trệ như bài *Bổ-trung ích-khi* thêm những vị hợp với bệnh mà vì phong thêm quế, vì hàn thêm phụ-tử, vì trệ bội thăng-ma.

80. - CHỨNG ĐAU CẠNH SƯỜN (hấp-thống)

★ Phụ thêm chứng đau ở ngực (hưng-thống)

Chứng này phần nhiều bởi tạng can nhưng có phân ra bởi ở trong hay bởi ở ngoài, bởi ở trong là thất tình uất kết, bởi ở ngoài là vì phong hàn.

Phép chữa nên thuận khí, hòa đàm, hòa huyết để dẹp tạng can. Nếu huyết ở tạng can không đầy đủ mà khí lại mạnh thì dùng bài *Bát-vị liên-giao* thêm Ngã-thô. Nếu tạng can hư yếu lắm thì lấy lẽ tạng can là hành mộc và tạng thận là hành thủy cùng một nguồn gốc, mà dùng bài *Lục-vị* thêm Quy và Thục.

Chứng đau ở ngực tức là ở chỗ cách-mỡ, Chứng ỷ đau mà đầy ở ngực, là vì khí xấu lên trên thì aích



ra đầy-chương. Phép chữa nên thêm khí dương để tiêu khí âm, nếu chỉ dùng những vị thuốc hao khí thì lại thêm bệnh.

81.— CHỨNG ĐAU CÁNH TAY

(Phụ thêm chứng đau vai và đau lưng)

Cánh tay đau là vì phong hàn lấn vào, nên chọn dùng những phương thuốc ở. Đây vì tạng lý hư yếu mà là đau về khí thì ít có người biết. Vì tay chân thuộc về tạng lý, âm huyết của tạng lý khô ráo mà khí trệ cũng thành ra chứng này. Phép chữa nên dùng bài Quy-lý thêm quế-tâm hay bài bổ-lý âm (ở quyển hiệu phòng).

Còn vai và lưng đau lại phần nhiều bởi ở đàm trệ, phép chữa phải giáng hoá hành khí.

82.— CHỨNG CƯỚC-KHÍ (Ốn chân sưng đau)

Chứng này phần nhiều vì cảm khí đàm thấp, bệnh nhẹ nên chọn mà dùng những phương thuốc ở cổ thư.

Nếu vì đàm thấp mà nhiệt nhiều, nên dùng bài toản-chán nhất-khí, nếu khí xông lên mà sưng oẹ không ngừng, dẫn khí vào bụng chỉ có Cửu-dương-phương mới có thể hồi sinh được, hay là dùng bài Bát-vị-thang hoặc bài Toản-chán thêm vị đồ-trọng.



Cân-dương-phương : Nhân-sâm 1 lượng, Bạch-triết 3 chỉ, hắc-khương (gừng sao ngoài đã đen) 2 chỉ, Trích-thảo 2 chỉ, Ngũ-vị 1 chỉ, Phụ-tế 3 chỉ, sắc nước uống lúc còn ấm.

•••

83. - CHỨNG CHÂN YẾU (túc-loạ)

Chứng này dễ thử cho là vì phong, vì thấp, vì đàm, vì hoả khác nhau. Nhưng nguyên nhân chỉ bởi tính huyết khô kiệt, gân và xương không dính liền được với nhau. Gân thuộc về tạng can, xương thuộc về tạng thận. Vậy cần bổ tính huyết mà nóng xem với thuốc bổ thủy hoả, hay là thuốc bổ thủy hoả mà thêm nhiều vị bổ tính huyết.

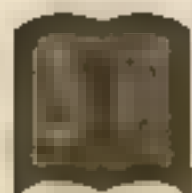
•••

84. - CHỨNG DƯƠNG-LUY

(Dương vật đàn ông yếu)

Chân hỏa vượng thì dương vật mạnh, chân hỏa suy thì dương vật yếu, nhưng phải chú trọng về tính huyết.

Nhiều người chữa bằng thuốc nóng để vượng dương là rất lầm. Phải chữa chỉ nên bổ dần cả ngũ tạng để tính huyết hợp về tạng thận, vì tạng thận là nơi để chứa tính. Vậy nên dùng bài *Bát-vị* hoặc thêm nhiều vị bổ tính huyết. Nếu chân âm hư yếu, bội nhiều thực-địa, chân dương hư yếu bội nhiều quế, phụ, lý vị yếu bội nhiều hoải-sơn sao, địa-đây lạnh bỏ vị mẩn-đơn, chân khí kém sắc nước



sấm để uống thuốc hoàn, tạng ty yếu uống hằng nước cơm, mùa đông uống thuốc hoàn với rượu, mùa hè uống với nước sấm và mạch-môn. Chân khí yếu mà khí hãm trở xuống sắc nước bài *Bồ-trung-lịch-khí* mà uống, tạng tâm tạng can yếu sắc nước *Quy-lý* mà uống, uống nhiều thuốc như phương pháp kể ở trên mà không gián đoạn, thì không phải tráng dương mà dương-vật tự nhiên tráng.

Sở dĩ phải chú ý về bổ ty-vị là vì ăn uống dễ tiến thì tính hoa của thức ăn uống thấm góp xuống tạng thận. Nội kinh nói : « Ty vị mạnh thì tạng-thận đầy đủ mà tính huyết vượng, ty-vị yếu thì tính huyết kém mà dương sự suy » chính là nghề ấy.

..

85. - BỔ CHO CHỨNG HƯ YẾU

Nội kinh nói : « Khi âm hoá bình, khi dương bổ vit thì tính thần mới vững, bệnh không thể lấn vào được ». Lại nói « Mọi chứng bệnh đều bởi người hư yếu ». Nhưng có người chân khí hư yếu, có người chân huyết hư yếu, có người chân thấy hư yếu, có người chân hỏa hư yếu.

Chân khí hư yếu thì trách cứ ở ty-vị, chân huyết hư yếu thì trách cứ ở tạng tâm, tạng can, chân thấy hư yếu thì trách cứ ở quả thận bên trái, chân hỏa hư yếu thì trách cứ ở quả thận bên phải. Nguyên khí ở dạ-dày, nguyên dương ở mạch-môn-hỏa.

Tuy nhiên, dạ-dày là nơi chứa thức ăn, tạng thận là



nơi chữa tình huyết, cho nên bổ cho người hư yếu cần ở hai tạng tỷ và thận. Cổ-thư có nói : « chữa bệnh nhẹ mà bổ ngoài khí huyết, chữa bệnh nặng mà bổ ngoài thủy hỏa, thì đâu có công hiệu ».

Tóm lại, bệnh thực là tả khí mạnh mà có hư phần nào, bệnh hư là người yếu mà có thực phần nào, (thực trong hư, hư trong thực) có người chỉ hư yếu một nửa (bán hư) cho nên chữa bệnh có người phải điền bổ (bổ bên kém để cân bằng với bên hơn), có người phải tiếp bổ (bổ bên này mà thường tiếp cho bên kia), có người phải đại bổ (bổ thật mạnh) mà không nên chấp nhất.

..

86.— CHỨNG LAO-MÒN

Chứng này tức là chứng hư yếu quá độ mà đã kể ở mục trên.

..

87.— CHỨNG CHOÁNG VẮNG (huyết vận)

Sách cổ cho chứng này bởi phong, hay bởi hàn, bởi tả (năng), bởi thấp khí, bởi đàm, bởi khí, bởi huyết, nhưng tôi xét chỉ bởi ở hỏa, là vì âm huyết về hậu-thiên hư yếu thì hỏa động lên, chân thủy về tiên-thiên hư yếu thì hỏa bốc lên, bệnh nhẹ thì bổ huyết như những bài *Dưỡng-sinh*, bài *Qing-tỳ*, bài *Hoàng-kỳ bổ-huyết* v.v... Xét thấy quả là hỏa vượng thì thêm thuốc mát. Bệnh nặng thì bổ thủy như bài *Lạc-sĩ* thêm *Ngũ-vị*, *Ngưu-tất* để



Nhằm giáng. Xét ra quả là hỏa vượng thì thêm H Tri-mãn, Hoàng-bá.

Nhưng còn có người vì lý là hành thổ hư yếu, không chửa được dương khí mà dương khí bốc lên, thì lại phải dùng những vị thuốc ngọt mà ôn (cầm ôn) để nhằm dương khí trở vào. Vậy về hư yếu mà hư hỏa bốc lên nên dùng quế và phụ-tử để đem hỏa về chỗ (dẫn hỏa quy nguyên), thế là vương đạo để chữa chứng « huyết vận ».

..

22. — CHỨNG « QUYẾT » (lạnh tay chân)

Lạnh chân hay lạnh cả tay là chứng không có dương, không có hỏa, rất là nguy hiểm. Bệnh này thì dùng Phụ-tử lý trung, nặng thì uống bài sâm-phụ hồi dương ấm mà mọi âm được không dùng được vì khí âm quá mạnh thì khí dương mất.

Nhưng cũng có người nhiệt nhiều thì quyết nhiều (nhiệt thâm quyết diệt thâm) là hỏa cực độ lại tựa như thủy, thì gọi là « nhiệt-quyết » (vì nhiệt mà quyết). Chứng ấy, vì chứng thì không sợ rét mướt, khát nhiều uống nước nhiều, tiểu-t tiện khó đi, đại-t tiện khô ráo. Về sắc người thì mặt đỏ, lưỡng quyền hai gò má đỏ, miệng ráo lưỡi trắng hay vàng. Về mạch thì « hồng sảo hữu lực ».

Phép chữa về chứng bệnh ấy nên hạ trước bằng bài Tiễn-thừa-khi nếu do là nhiệt nhiều quá thì đổi sang bài Đại-l thừa-khi (mạnh hơn bài tiễn-thừa-khi). Ông Cảnh-nhạo dặn thử xem bệnh nhân có thực nhiệt hay không, thì



trước hết cho uống nước lạnh, nếu bệnh nhân hàn thời thổ ra mà không nập, mà thật nhiệt thì dễ chịu, phép ấy rất là ôn đáng.

89.— CHỨNG NGÃ HAY BỊ ĐÁNH

Chứng này nếu ở huyết vào quả tim thì chết nên cho uống ngay một chút nước đá trẻ em để ở hết đem xuống, còn người大人 thì phải uống thuốc hành khí tán ở huyết và đỡ run nhẹ sưng, rồi dùng đến thuốc bổ khí huyết. Nếu đau nhiều là chứng nặng thì nên uống ngay nước sâm chế thêm một chút nước đồng tiền để cứu vãn.

Còn như người tay chân lạnh, mạch « vi » (nhỏ) nguyên khí thực tuyệt chỉ nên dùng ngay bài Sâm-phụ để cứu vãn.

..

90 — CHỨNG PHONG HỦI (Lệ-phong hay là Lệ)

Cổ thư cho chứng này là bệnh thiên binh (trời binh phạt) mà không chữa được. Nhưng làm thuốc là Nhân đạo, nên bệnh nhân kêu nài ta cũng không nên bỏ qua.

Chứng này có ba nguyên nhân :

- 1) Vi phong độ ;
- 2) Vi thấp độ ;



3) Vì truyền nhiễm.

Lại phân ra 5 bộ phận đã chết :

1) Ngón da đã chết thì tê lã mẫn bầm không biết đau.

2) Mạch đã chết thì thối lở thành mủ.

3) Thịt đã chết thì cắt xẻo không biết đau.

4) Gân đã chết thì tay chân thụt ra.

5) Xương đã chết thì sống mỗi lần xuống, cùng với lông mày rụng, mắt mờ, môi xệch đi, tiếng nói nghẹn, đều là không chữa được.

Phương thuốc cổ có bài *tái-tạo-tân* là hơn, nhưng bệnh ấy bởi ở tình huyết, thì nên tìm gốc của tình huyết mà bổ thủy và hỏa, hay là nống thuốc bổ tình huyết lại xen với thuốc bổ thủy hỏa.



PHỤ THÊM MẤY ĐOẠN BÀN LUẬN

1.— Bàn về 4 nơi để chứa trong thân người :

1) Ngực là nơi để chứa tỳ.

2) Mạch Xung là nơi chứa huyết, lại là nơi chứa 12 kinh lạc.

3) Triên-trang là nơi chứa khí.

4) Dạ-dạ là nơi chứa thức ăn uống.



2.— Bệnh về ngũ tạng, hiện chứng hư thực thể nào và phép chữa.

Tạng là chứa lại, khí của ngũ tạng đã tuyệt ở trong thời đi cấn không ngừng.

Tạng-can để nuôi gân.

Tạng-can mạnh thời huyết dư ra, đã dư ra thời hay giận, nên uống bài « Bát-vị tiên-dao ».

Tạng-can hư yếu thời khí không đủ, không đủ thời hay thương nên uống bài « Lục-vị hoán ».

Những chứng đau mắt, đau cạnh-sườn; hay giận dữ, gân co lại, móng tay móng chân khô và xanh, mắt trợn thì, đầu choáng váng, hoa mắt, đều là bệnh ở tạng can.



Tạng tâm chủ về huyết và mạch.

Tạng tâm thực (là mạnh) thời thần dư ra, đã dư thời hay cười nên uống bài « Đạo-xích » hay bài « Tá-lâm-thang » (quyển Nhậ!).

Tạng tâm hư gần thời khi tạng tâm không đủ mà hay lo, nên uống bài Quy-tý (quyển Khôn) hay bài « Chấn-sa-an-thần » (quyển Nhậ!).

Những chứng sốt, mồ hôi đổ, đau ngực, nước dãi dãn ra, hay cười, phát cuồng, kinh giật, hoảng hốt, lưỡi ngay ra hay lưỡi trắng, sắc mặt khô xĩa và những người trước phủ quý sau bẩm tiện mà thọ bệnh đều bởi tạng **hư**.

Tạng tỷ chủ về cơ-nhạc và chân tay.

Khí của tạng tỷ thực (là mạnh) thời hình thể dư ra mà đầy-chướng, tạng tỷ nóng thời chóng đói hay khát.

Tạng tỷ hư yếu, thời khí của tạng tỷ không đầy đủ, vì tạng-tỷ nhiệt mà sốt thời sờ tay nhẹ không nóng, ấn tay mạnh cũng không nóng, mà nóng ở chỗ không nhẹ không nặng, đến đêm thời bệnh nặng, đều nên uống bài « Bát-vị » (quyển Hayển) hay là bài « Bồ-trung » bài « Tá-quán », bài « Quy-tý », bài « Dương-vinh » (đều ở quyển Khôn), ở trong bụng đầy là khí của tạng tỷ yếu, yếu thì thịt sút đi, khí kém vận hoá mà nhiều đàm. Những vị Sơn-tra, Mạch-nha, Chi-xà, Thần-khúc, muốn dùng để chữa tạng tỷ phải cần thận.

Dương khí của tạng tỷ yếu thời bệnh đêm nhẹ ngày nặng, hay ỉn mà không vận hoá nên dùng bài « Bát-



vị » để bỏ hỏa ở Mạch-môn. Dương của tạng tỳ không đủ nên dùng bài « Tứ-quần » (quyển Khôn) hay bài « Phục thổ hoàn », bài « Đại-tiện-tỳ hoàn » (đều ở quyển Nhậ) bài *Dị-công-lân* (quyển Khôn), bài *Sâm-linh bạch-truật lán* (quyển Nhậ).

Âm huyết của tạng tỳ hư yếu thời bệnh đêm nặng ngày nhẹ, đói mà không muốn ăn, hay là nước dãi dãn ra, đại tiện đi khô hoặc lo nghĩ ít ngủ mà thành chứng chướng đầy mà không có gì (hư chướng), để dùng thuốc thơm và rạo mà vô hiệu, thời phải bỏ âm của tạng tỳ mà dùng gấp vị Thục-diệp, vị Bạch-thược, vị Táo-nhân. Âm của tạng tỳ đã không đủ, thời thuốc bổ khí phải thêm những vị thấm nhuận như quí, thục, thược v.v...

Khí của tạng tỳ hư yếu mà hàn thời thuốc bổ cần phải bồi dưỡng như sâm, phụ v.v.,

Những chứng trong bụng đầy chướng, bỏ bữa không thông, đói mà không muốn ăn, hay ăn mà không tiêu hoá, ăn no thời nhẹ mà buồn ngủ, chứng thổ tả, chứng thấp nhiệt mà hoảng-đắm nặng mình, chứng huyết thiếu sinh ra phong, hay lo nghĩ không ngủ, đêm dậy mà vàng, người sốt mà miệng ngọt, khí hư hãm trở xuống và chứng mạn-kích của trẻ em đều bởi ở tạng tỳ.

Tạng phế chủ về da và lông.

Tạng phế thực (là mạch) thì khí thịnh (là hữ dư), hữ dư thời sưng hay là no nhỏ.

Tạng phế hư yếu thời khí không đầy đủ, không đầy đủ thời thổ dãi mà ngày nặng hơn đêm, nên uống bài



« Bồ-trương già-giảm » (quyển Khôn) bài « Sinh-mạch » (quyển Nhật) bài « Lục-vị » (quyển Huyền), v.v...

Những chứng sưng ngược lên, ho nhỏ đoản khí, chân mỏi hay tê, tiểu tiện khó đi, ráo khát, da khô, lòng rung, đều thuộc về tạng phế.

Tạng thận chủ về xương.

Tạng thận thực (là mạnh) thời khí dư ra, dư ra thời đi cầu lỏng phân.

Tạng thận hư yếu thời khí không đầy đủ, không đầy đủ thời vô lực, tạng thận nhiệt thời sờ tay không nóng, ấn tay mạnh đến xương mới nóng, nửa đêm thời nóng nhiều, đi đại nóng mà đau, đại-tiểu bế.

Những chứng ráo khát, đau cổ họng, hỏa bốc lên mà sốt, như xương, sốt nóng tận xương, đau lưng, đi cầu ra cả sôm, người nề những nước, mặt xanh hay hồng trắng, đi đại luôn mà nhiều, hay là vì yếu mà bí đại, đại tiện táo kết, đi tiểu, trong bụng như người đói, ăn rồi đói ngay, tai điếc, khi ở dưới rốn đem ngược lên mà sưng ho, mặt bằng bằng đỏ, ít tuổi mà đã đau răng, mắt mờ không trông được xa, vì lo sợ mà thành bệnh, đầu mặt và má đau, người hư yếu lạnh hay hư yếu vừa, chân hỏa hư, hay chân thủy hư đều bởi ở tạng thận.

..



3. — Bàn về bệnh của Ngũ Tạng đều nên bỏ tạng thận

Nội-kinh nói : « Tạng tỳ, tạng thận đã bại thời trăm thứ thuốc cũng khó chữa », rồi đã nói « bỏ tạng thận không bằng bỏ tạng tỳ » mà lại nói « bỏ tạng tỳ không bằng bỏ tạng thận » là ý nghĩa làm sao ?

Chương khí hư yếu mà suyễn thở, tay bĩ tạng phế nhưng tạng phế để thở khí ra mà tạng thận nạp khí vào, tạng thận là gốc cho khí. Như thế là bệnh ở tạng phế mà phải bỏ tạng thận.

Tạng tâm hư yếu thời hoả ở tạng tâm và thủy ở tạng thận không tương giao mà thần sắc kém, như thế là bệnh ở tạng tâm mà bỏ ở tạng thận.

Tạng tỳ hư yếu thời thức ăn không tiêu hóa được, theo Nội-kinh thì phải bỏ cho mẹ là hỏa, để sinh ra tạng tỳ là hành thổ. Người không biết cho là bỏ hỏa ở tạng tâm nhưng không hiểu sinh ra hành thổ là thiếu-hỏa mạch-môn trong tạng thận, ví như dưới nồi cơm có lửa đun, còn trống hỏa là hỏa ở tạng tâm thời làm hại cho khí. Như thế là bệnh ở tạng tỳ mà phải bỏ cho tạng thận.

Ngoài ra, ở tiểu-tràng thấm ra, bàng-quang thấm vào, rồi cận bĩ đi sang đại-tràng, ở hạ-tiền không có hoả ở mạch-môn cũng không chuyển vận được.

Nội-kinh nói : « Gặp chứng hư yếu thời giữ ngay lấy tạng thận để bồi bổ sinh mạng ». Sách Cảnh-nhạc có nói :



« Ngũ tạng thụ thương rồi sau đến tạng thận, » Như thế thì tạng thận là gốc cho sinh mạng dễ rồi.

Sách cổ có nói: « Thận thủy kém thời tạng can không thấm nhuận mà huyết ráo, tương hỏa của tạng thận không về chỗ thời tạng tỷ sinh đàm. Tạng tâm tạng thận không tương giao là thần sắc bại. Thận thủy kém thời phải ăn nhờ khí của tạng phổi mà sinh ra ho nhỏ. Thận thủy kém thời khí dương trơ vơ mà hư hỏa bốc lên. Những chứng tạng-tỷ yếu mà không tiên hóa thời bồ hỏa ở mạch-môn dễ sinh ra tỷ-thở, như vậy là bồ tạng-tỷ không bằng bồ tạng thận.

..

4.— Hiện chứng của Lục phủ hư hay thực thể nào và phép chữa.

Lục phủ để chứa lại cũng như kho tàng nên mới gọi là « phủ ».

— *Mật liên hệ với gan, người ta quyết đoán ở mật, khí của mật thăng lên, thời tạng khác cũng theo, mà không thăng thời thành chứng đi sần hay đại-tràng có tích lại (Sách Phức-lộc gọi mật là « liên-đảm »).*

Mật thực (mạnh) thì khí thừa ra, dạ-dày không được yên thì nên tả cho vơi đi.

Mật hư yếu là khí không đủ thời nên bổ.

Những chứng khí vận lên yết-bầu, ở hơi, miệng đắng hay thở dài, ốm rồi không ngủ, đều thuộc về mật.



— *Tiền-tràng liên hệ với tạng tâm.*

Tiền-tràng thực là chứng hữu dư, nhiệt thời tam tiêu cũng ráo mà bụng dưới đầy-chướng phải tả cho vơi đi.

Tiền-tràng hư yếu thời hàn khí lấn vào, kinh giật không được yên.

Những chứng đau bụng, sôi bụng, đi cầu, mà nước đại không được nhiều, là bệnh ở *tiền-tràng*.

— *Dạ-dây liên hệ với tạng tỳ.*

Dạ-dây thực là khí hữu dư.

Dạ-dây hư yếu là bất táo, nên uống bài « Quy-lý » giúp cho tạng tâm là để bổ cho *dạ-dây*.

Nhưng chứng đói mà không muốn ăn, nôn-oẹ, đầy-chướng, hàn nhiều thời ọc, nhiệt nhiều thời sợ hãi, dương sự yếu, đau sản khí bay phiếm-vị, *dạ-dây* nóng là hành thổ khác hành thủy mà khí của tạng thận yếu cho nên hay sợ.

— *Đại-tràng liên hệ với phổi.*

Đại-tràng thực là khí thịnh và hữu dư, nên tả cho vơi đi. Hiện chứng đau trong ruột như cầm đui không ngừng, đau ngang lưng, tê vì hàn hay co quắp.

Đại-tràng hư yếu là khí không đầy đủ thời phải bổ, khí lạnh xâm vào thời thành chứng đi cầu.

— *Bàng-quang liên hệ với tạng thận.*

Bàng-quang thực là khí thịnh và hữu dư, nhiệt thời tiểu tiện không thông, nên tả cho nhẹ đi.



Bình-quang hư gấu là khí không đầy đủ, khí lạnh lẫn vào, tiểu-tiền đi luôn mà nhiều, mặt đen, như vậy phải nên bổ.

Những chứng tiểu tiện ít hay là đi luôn, đều bởi *bàng quang*.

— *Tam-tiểu liên hệ với tâm-bào-lạc.*

Tam-tiểu thực thời khi đem lên mạnh mà hữu dư. Khi đầy ra cả bị phủ mà ở trong lại nhẹ mà không vững. Tiểu-tiền xén, đại-tiền khó, đều thuộc về *tam-tiểu*, như vậy phải tả cho nhẹ đi.

Tam-tiểu hư gấu là khí không đầy đủ, khí lạnh lẫn vào mà đi cầu són ra, đi tả, đầy ở ngực, ăn không được tiền, như vậy phải nên bổ.

Những chứng bí, cách là bởi ở thượng tiền. Những chứng ở tạng tâm và tạng phế đầy chướng là bởi trung-tiền. Những bệnh ở tỷ-vị, bệnh ở tiểu-tiền đều bởi hạ-tiền.

.*.

5. — Tóm lược những phương thuốc chữa về ngũ tạng hư yếu.

Tạng tâm hư yếu dùng bài *Châu-sa an-thần hoán* (quyển Nhị).

Tạng-sau, tạng-thận hư-yếu dùng bài *thận-khi-hoán*,



Tạng-tỳ hư yếu dùng bài ích-hoàng-hoán (quyển Nhột)

Tạng-phế hư yếu dùng bài A-giao-lân (quyển Nhột)

•••

6. — Ngủ tạng mà nhiệt thì dùng những bài sau đây :

Tạng Tâm nhiệt :

1) Bài Đao-lâm-thang : Hoàng-liên, Sơn-chi, Kinh-giới, Bạc-hà, Hoàng-cầm, Mộc-thông, Ngưu-hoàng, sắc vị đều 1 chỉ, cam-thảo 5 phân, Bắc thấp đèn dần hạ thời cữ, sắc uống.

2) Bài Đao-xích-thang : Sinh-địa, Mộc-thông, Hoàng-cầm, Cam-thảo, đều bằng nhau lấy lá tre non làm thang sắc uống nóng để chữa những chứng sốt to, tiểu-tiện đỏ mà ít phiên táo khát nhiều dùng bài này để giải đi.

Tạng Can nhiệt dùng bài Tả-thanh-hoán : Khương-hoại, Đại-hoàng (nướng) Sơn-chi, Dương-quy, Long-đầm-thảo, Phóng-phong các vị đều bằng nhau tán bột hoán với mật, sắc nước lá tre và đường để uống thuốc.

Tạng Tỳ nhiệt :

1) Tả-lý-thang : Bạch-thược, Liên-khiêu, Hoàng-liên, Bạc-hà, Chi-tử, bốn vị đều 1 chỉ, Thanh-sao, Cam-thảo đều 3 phân, sắc nước uống, để chữa chứng tạng tỳ nhiệt ăn nhiều mà hay đói (tiêu-cổ).



2) **Tả-hoàn-tán** : Bạch-chỉ, Thăng-ma, Cát-sử, Hoàng-sử, Phòng-phong, đều 1 chỉ rượu, Thạch-Hội 1 chỉ, Bán hạ chế và cam-thảo đều 7 chỉ, tán bột mà uống, chữa phong nhiệt mà môi rão.

Tạng phổ nhiệt dùng bài Tả-bạch-tán : Cam-thảo, Tang-bạch bì, Địa-cốt-bì, các vị đều 1 chỉ, gạo tẻ sao một trâm bột, tán bột mà uống (bộ Dịch-lão thêm vị Hoàng-lên).

Tạng thốn nóng dùng bài Tả-thận-tán (không thấy biên từng vị thuốc, phải tra ở quyển Nhật).

••

7.— Những phương thuốc và lời dặn của Phòng Hồn-sv.

Chứng thời khí ôn-dịch phát sốt nhức đầu, tay chân phiền nhức, nên uống bài « **Thăng-ma-cát-cẩm-thang** » : Bạch-thược (sao với rượu), Cát-sử đều 3 chỉ, Thăng-ma, trích Cam-thảo đều 2 chỉ, sắc uống vào sau lúc ăn đã lâu.

Chứng nhiệt tà vào kinh-lạc, da nóng đầm suyền, lòng bàn tay và chân với mỏ áo đều phiền nóng, đầu mắt đau mà mờ, đêm ra mồ-hôi trộm, đầm bà hao môn nóng lặn xương (cốt trung) nên uống bài **Sa-sâm Sát-hồ thang** (quyển Nhật).

Chứng hư hao phiền nóng, dưới ngực kinh giật và



đàn bà huyết khô, người gầy, nên uống bài *Miến-glấp-địa-hoàng thang* (quyển Nhật).

Chữa chứng hư lao (lao mòn) Tạng tâm, Tạng phổi chứa nóng ho nhỏ ra huyết đặc, nên uống bài *Trì-mẫn tán* (quyển Nhật).

Chữa chứng nóng tận xương, sốt dữ dội, gầy mòn mỗi một, lưỡi đỏ, má đỏ, nên uống bài « *Tần-bóng miến-glấp thang* » (quyển Nhật).

Chữa chứng tạng phủ hư yếu, hình thể tiêu mòn, nóng từng cơn (trào-nhiệt), tự ra mồ-hôi, sắp thành chứng lao-mòn nên uống bài *Kiến-trung-thang* (quyển Nhật).

Chữa chứng lao lực lo nghĩ quá độ, rồi đi tình bạch-trọc nóng vừa nhưng hư phiền không được yên, dùng bài « *Tiền-thảo thang* » (quyển Nhật).

Chữa chứng huyết thiếu, mồ-hôi nhiều, nóng tận xương, nhọc mệt, chỉ sốt không rét (đau nhiệt), miệng ráo, tự ra mồ-hôi và ra mồ-hôi trộm, và đàn bà kinh-nguyệt không đều, đau bụng truy xuống, đi đại ít mà đau v.v... nên uống bài « *Gia vị liêu-giao tán* » : Dương-quy, Bạch-thược (tầm-rượu sao), Phục-linh, Bạch-truật (tầm-hoàng-thảo sao), Sài-bồ, Bạc-hà, Mẫn-đơn, Sơn-chi (tầm nước gừng sao đen), Trích-thảo và gừng sao vàng.

Bài này còn chữa chứng ho nhỏ, nóng từng cơn trở đi trở lại (trào nhiệt vắng lại), tiểu tiện khó đi. Nội-kinh nói : « Giận dữ nhiều thời khí âm tản đi », chứng này đàn bà thường mắc phải vì hay nổi giận, cho nên dùng Truật, Liệt đồ giữ tạng lý. Nội-kinh nói : « Tạng-can khó chịu



về sắp bách thời phải dùng thuốc ngọt để hoãn lại, cho nên dùng vị Cam thảo, còn dùng vị Đương-quy là có tính say để tán đi, dùng vị Bạch-thược là có tính chua để nhẹ đi. Vị Sài-hồ tính mát mà tán, lại dùng vị Sơn-chi để giáng xuống, vị Mẫu-đơn để hoà chân huyết, trong bài này là đủ phương pháp chữa về tạng can.

Chữa chứng nóng ở địa vị của khí, ngày sốt đêm yên miệng khát, tiểu-tiên đục, hay là miệng lưỡi nhọt lở, cuống họng khô, phiền táo, đi đại rất mà nhỏ, gặp khó nhọc là phát bệnh thời nên uống bài « Thanh-tâm » sau đây :

Hoàng-sâm, Mạch-môn, Địa-cốt, Trích-thảo, Thạch-liên-hệ, Phục-linh, Sa-tiên, Sa-sâm, các vị đều hai chỉ, Viễn-chi, Thạch-xương-bồ đều 1 chỉ.

Chữa chứng nóng tận xương, nôn oẹ, ho nhỏ, khí ngược lên mà hư phiền không yên, nên dùng bài « Nhãn-sâm trác-nhục thang » sau đây :

Sa-sâm 1 chỉ rưỡi, Mạch-môn, Gạo-tẻ (tiểu-mạch) đều 2 chỉ rưỡi, Phục linh 1 chỉ rưỡi, Trích-thảo 1 chỉ.

Bài trên còn chữa về chứng nước đầu, đoản khí, nóng ở trong, bụng trên bụng dưới buồn mà rối loạn.

Chữa chứng nội thương vì khó nhọc mà mỗi mệt, ăn uống thiếu tiết độ, người sốt bụng phiền, nước đầu ghê rét, tự ra mồ-hôi, ngại nói ghét ăn, sưng hay khát, hoặc khí ở trong người hư yếu không giữ được chân huyết, mạch « hồng-đại » vô lực, hay là vì tạng tỷ yếu mà sốt rét hay đi lý lâu ngày, hết thấy những chứng khí dương



trong sạch lại hãm xuống, mà khí ở trong người không đầy đủ, và chứng người yếu mà cảm phong hàn không nóng được thuốc phát tán, hay là nhập phòng rồi mà cảm mạo, hoặc khô nhẹ cảm mạo mà lại nhập phòng (đều nên nóng bài *Bồ-trung ích-khi thang* phải gia gấp vị phụ-tử).

(Nhưng bài này người chàm ẩm hư cảm chỉ không dùng được)

Bài trên thêm vị Bán-hạ, Phụ-linh, gừng-nướng, Đại-táo thời chữa chứng sốt lâu cũng hay.

Sở dĩ bài này dùng vị Hoàng-kỳ để bổ chân khí và giữ ngoại biểu, dùng vị Sâm vừa bổ khí, vừa tả hỏa, dùng vị Truật để mạnh tạng-tỳ, dùng vị quy để hoà chân huyết, dùng vị Thăng ma để đem thanh khí kinh dương-minh trở lên, dùng vị Sài-hồ để mang thanh khí kinh thiếu-dương trở lên. Khí trong sạch trở lên thời khí xấu trở xuống, thêm vị trần-bì để thông khí, gừng và táo để ôn hoá.

Bài này với chứng thượng-tiên nhiên đờm, chứng trung-tiên có thấp nhiệt, hay thương thực mà đầy cách đều không dùng được.

..

8.— KẾT LUẬN

Tôi xét trong thân người, khí dương bị vấp thời tà khí không cảm được, trái lại, khô nhẹ mà khí dương



lâm đi thời phong, hàn, thử, thấp bại đến chân dương, ăn uống bữa sấp bại đến chân âm, chân âm thiếu thời nóng ở trong, chân âm dư ra thời nóng ở ngoài.

Chứng sốt về hậu-thiên dù bởi khí huyết, nhưng gốc ở dương khí của tý-vị không đầy đủ, vậy không nên chuyên dùng thuốc hàn lương.

Phát sốt thời dương bốc ra ngoài, thế là trong lý không có hỏa, miệng ráo hay uống nước, thế là trong lý không có thủy, mặt đỏ ghê rét là chứng hàn nất, người sốt mà lưng ghê rét là dương chứng.

Phát sốt mà là thực chứng: dù bởi phong, hàn, thử, thấp, tựa như sốt rét, hay là nóng về đêm ho nhỏ, không phải dương hư, đó là tà khí hãm vào trong. Nếu là âm hỏa động thời mạch « huyền-sắc » vô lực, nếu là tà khí ở ngoài mà nất ở trong thời mạch « huyền-sắc » hữu lực, là khác nhau mà thôi.

Phép chữa nên dùng những vị nhẹ nhàng để mở mang ra như Sài-hồ, Cát-cẩn, Phòng-phong, Khương-hoại, để đi với Khung, Quí, Sa-sâm; nếu mặt đỏ, hơi thở ồ ồ, miệng khát, môi sưng, đại-tiện bế, thường kêu tiếng to, không muốn mặc áo, như thế mới là thực nhiệt. Là hư chứng, thời ở trong kém nguyên khí mà phát sốt. Hay là sấp dưc nhiều bại chân âm mà dương khí thăng lên, thế là âm-hư hỏa vượng, nên uống bài Tứ-vật, thêm những vị giúp chân âm để giáng xuống. Triệu chứng thấy mặt xanh hay trắng, mồm lạnh, đi cầu lỏng đêm thường ra mồ-hôi như thế là hư nhiệt.

Những người ăn uống không tiết độ, sốt về chiều,



miệng ráo, người mệt, đại ít mà đỏ, hai ống chân đau ngằn ngắt, thế là âm của tạng tỷ hư yếu, nên dùng những vị thuốc cam mà ôn để trừ chứng nóng, mà không được dùng thuốc lạnh, trái lại, âm của tạng thận hư yếu, thời lại bổ bằng những vị ngọt mà mát (Cam-lương).

Chứng âm hư phát sốt, nên cần sử vào mạch để phân biệt tiên-thiên, hậu-thiên. Nếu 6 bộ mạch « phù-hống » không có thứ tự, 2 bộ xích có lực, bộ quan bộ thốn vô thần hay là « phù-đại », thế là âm huyết ở hậu-thiên hư yếu, nên uống những bài Tứ-vật, Thập-toán, v.v... Bộ xích bên trái vô lực, là thủy ở tiên-thiên hư yếu, nên uống bài Lục-vị.

..

9.— NHỮNG CHỨNG CHẾT

— Sau khi xuất huyết và chứng lậu lao (hậu sản môn) của đàn bà, cùng-chứng đi lý đã lâu mà thấy phát sốt đều là triệu chứng chết.

— Trong ngoài đều nóng mà thêm đi đường tiết, không ăn được, nói như đoản khí, uống thuốc bổ không chịu.

— Chứng sốt mà mạch « trầm », hay là mạch « tĩnh » (hoà hoãn), mạch thấy mạnh mà mồ-hôi ra sốt vẫn không khỏi, hay là mạch đã yếu mà nóng không ngừng đều không chữa được.



Mục-lục

HẢI THUẬN Y TÔN

Quyển II

Trang

TẬP Y HẢI CẦU NGUYÊN

Tiêu dẫn của tác giả	582
Y Hải Cầu Nguyên gồm 3 tập : tập Mệnh, tập Trọng, tập Quý	585

TẬP MỆNH

1) Thiên Âm Dương : gồm 43 chương	587-605
2) Thiên Thủy Hỏa : gồm 25 chương	606-619
3) Thiên Khí Huyết : gồm 35 chương	620-634
4) Thiên Hư Thực : gồm 18 chương	635-642
5) Thiên Tạng Phủ : gồm 53 chương	643-659

TẬP TRỌNG

1) Thiên Bệnh Cơ : gồm 139 chương	660-704
2) Thiên Hòa Cơ : gồm 41 chương	705-718

TẬP QUÝ

1) Thiên Trị Tắc : gồm 95 chương	719-756
2) Thiên Y Huấn : gồm 33 chương	757-788



TẬP CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN

Lời dịch giả	771
Tiêu dẫn của tác giả	772
Thiên THƯỢNG	
Từ chương 1 đến chương 21	773-789
Thiên HẠ	
Từ chương 22 đến chương 34	790-816

TẬP ĐẠO LƯU DƯ VẬN

Tiêu dẫn của tác giả	819
Mục lục	823
1) Bàn về lễ làm thuốc và ý làm thuốc	825
2) Bàn về trong thân người có một Thái-Cực	826
3) Bàn về khí hư, hỏa hư, huyết hư, thủy hư, chứng bệnh hơi giống nhau mà có thể cùng chữa một phương pháp	827
4) Bàn về âm hư phát nhiệt, mà dương hư hãm trở xuống	831
5) Bàn về chứng « đới-hạ » (nguyệt kinh rút ra) về gốc bệnh, chứng bệnh, công pháp chữa.	833
6) Bàn về bổ cho tinh thần	836
7) Bàn về long hỏa là dương, vốn sợ lạnh mà thăng lên, sao lại ghét nóng chạy mạnh	838
8) Bàn về phương pháp uống thuốc	841



- 9) Bàn về chứng oan-nhiệt, chứng thộn-toan (nước chus), chứng toan-thống (đau ngăn ngắt) đều có ý nghĩa sâu xa 842
- 10) Bàn về bài Bồ-Trung dùng vị Đương-quy 844
- 11) Bàn về bồ hỏa phải trọng vị Thục-địa 845
- 12) Bàn về bách bệnh tổn thương đến gốc ở tạng thận 845
- 13) Bàn về đàm không có phép bổ mà cũng không có phép công 847
- 14) Bàn về tạng tâm là quân chủ trong người 849
- 15) Bàn về điểm 'dùng lăm của bài Bồ-Trung 850
- 16) Bàn về điểm lăm của bài Tứ-Quần, Tứ Vật và bài Bát-Trân 852
- 17) Bàn về có khi bổ tạng thận không bằng bổ tạng tỳ, có khi bổ tạng tỳ không bằng bổ tạng thận 853
- 18) Bàn về bồ âm tiếp dương và bồ dương tiếp âm 855
- 19) Bàn về hiện chứng của tạng phủ hư hay thực, và phương pháp dùng thuốc. 856
- 20) Bàn về khí huyết phải nhờ lẫn nhau 867
- 21) Bàn về chứng hỏa hư, chứng thủy hư, hiện chứng tựa như nhau. Bài Lục-vị, bài Bát-Vị phải nên phân biệt, mà chữa 869
- 22) Bàn về nhiệt thời hại khí, và nhiệt thời hại huyết 870
- 23) Bàn về không bớt được tình dục thời hại đến tạng thận 871
- 24) Bàn về chứng đản nhiệt (chỉ nóng không rét) là vong âm, hại người rất chóng, và nói phép chữa 873



TẬP BÁCH BÍNH CƠ YẾU

Lời dịch giả 877

TẬP BÌNH

- 1) Chứng tích tụ 878
- 2) Chứng trùng gian 887
- 3) Chứng trí lạn 894
- 4) Chứng hoắc hoạn 898
- 5) Chứng tiết tả 905
- 6) Chứng lý 915
- 7) Chứng thoát giang 928
- 8) Chứng táo kết 931

TẬP BÌNH

- 1) Chứng quan cách 936
- 2) Chứng nghẹn, tắc, bí, đầy, buồn 940
- 3) Chứng ách nghịch 943
- 4) Chứng ăn thở 947
- 5) Chứng đại khí 955
- 6) Chứng thôn toan, thổ toan 958
- 7) Chứng nghẹn cách và phiên vị 963
- 8) Chứng huyết 968

TẬP Y TRUNG QUAN KIỆN

Tiêu dẫn của tác giả 993

Tập Y-trung quan-kiện gồm 90 bệnh chứng 995



1) Tráng phong	997
2) Tráng hàn	998
3) Tráng thử	999
4) Tráng thấp	999
5) Chứng táo	1000
6) Môn chữa hỏa	1001
7) Thương phong	1002
8) Thương hàn	1002
9) Thương thử	1003
10) Thương thấp	1003
11) Phá thương phong	1004
12) Năm chứng tả	1004
13) Chứng tích tụ	1005
14) Chứng trũng gian	1006
15) Chứng trĩ lậu	1007
16) Chứng đau hoặc loạn	1008
17) Chứng đi cầu lỏng	1008
18) Chứng lý	1010
19) Chứng thoát giang	1010
20) Chứng đại tiện táo kết	1011
21) Chứng nghẹn, tắc, bí, đầy, buồn	1011
22) Chứng nấc ngược lên	1012
23) Chứng nôn ọ	1013
24) Chứng ọ hơi	1013
25) Chứng ợ hơi	1014
26) Môn nước chua, nuốt nước chua	1015



27) Chứng nôn nao	1015
28) Chứng nghẹn, sặc, phiên vị	1016
29) Chứng quau cách	1016
30) Chứng hư lao	1017
31) Chứng không ngủ	1018
32) Chứng tự ra mồ hôi hay ra mồ hôi trộm	1019
33) Kinh sợ, hay quên, và buồn phiền	1020
34) Chứng tam tiêu	1021
35) Chứng sốt rét	1022
36) Mọi chứng huyết	1024
37) Chứng co giật	1025
38) Chứng nhiều đăm	1026
39) Chứng ho nhỏ	1027
40) Chứng thổ ngược lên	1028
41) Chứng gằm gào	1029
42) Chứng kinh giản	1030
43) Chứng điên cuồng	1030
44) Chứng thức ăn ngăn cách	1031
45) Chứng phản vị	1032
46) Mọi chứng huyết giống như trứng phong	1033
47) Hoàng đăm	1035
48) Dịch bệnh	1036
49) Chứng đại đần ôn	1036
50) Chứng nội thương	1037
51) Nội thương về ăn uống	1038
52) Chứng ăn uống không tiến	1038



53) Chứng mất	1039
54) Chứng trệ khí	1039
55) Chứng ổ chướng	1040
56) Chứng nề những nước	1041
57) Chứng sôi bụng những nước	1041
58) Chứng thổ tả	1042
59) Chứng tiểu tiện không thông	1042
60) Chứng đại tiện bế vít	1042
61) Chứng đi đại nhiều hay là đại mà không biết	1043
62) Chứng đại giắt	1043
63) Chứng bạch trọc	1044
64) Chứng đi tinh	1044
65) Chứng tiểu khát	1045
66) Chứng phiên táo	1045
67) Chứng nhưc đần	1046
68) Bệnh về giáp xa	1047
69) Bệnh về râu, tóc	1047
70) Bệnh về tai	1048
71) Bệnh về mắt	1049
72) Bệnh về mũi	1049
73) Bệnh về miệng, lưỡi	1050
74) Bệnh về răng	1051
75) Chứng cuồng bạo	1051
76) Chứng đau tim	1052
77) Đau bụng	1052
78) Chứng sản thống	1053



79) Chứng đau ngang lưng	1053
80) Chứng đau cạnh sườn	1054
81) Chứng đau cánh tay.	1055
82) Chứng sưng khí	1055
83) Chứng chân yếu	1056
84) Chứng dương lay	1056
85) Bỏ cho chứng hư yếu	1057
86) Chứng lao mòn	1058
87) Chứng choáng váng	1058
88) Chứng « quyết »	1059
89) Chứng ngã hay bị đánh	1060
90) Chứng phong hải	1060
Phụ thêm mấy đoạn bàn luận	1062



ĐÍNH CHÍNH

Trang	Dòng	CHỮ SAI	ĐỔI LÀ
590	10	« Tồn giữ tính thần...	« Giữ tính thần...
606	12	tuyệt sức	tuyệt sự
639	9	hư chứng	hư chươg
639	29	duỡng minh	duỡng vinh
651	12	quả tam	quả lĩm.
659	6	đôi, chân tay...	đôi, thì chân tay
665	28	thông vinh	không vinh
671	25	Thần-Mông	Thần-Nông
673	9	thành khí	thanh khị
676	8	mà hàn hất	mà (mặt) hàn hất
706	5	thức an thuốc	thức an và nước
708	20	chứa tí tính khí	chứa tính khí,
710	5	vào đầu	vào đầu
711	23	hàn khí	hân khí
713	11	đinh dưỡng	vinh dưỡng
715	12	tạ ở mắt	tạ ở mắt
723	23	« bát chân »	« bát trăn »
725	16	mất đi	mất đi
731	8	đim gươm	tim gươm
742	8	những chữ TRONG	xin đổi là TRỌNG
744	11	thiên dương	thiếu dương
751	20-21	Chứng bỏ hay đầy mệnh mạnh	chưng bĩ hay đầy mà bệnh mạnh.
758	16	kiếm bệnh	kiến bệnh
760- 761	16- 25	— nt —	— nt —
762	7	tiến đến	tim đến
763	6	chứng hư đầu	chứng hư yếu
763	9	điền bồ,	điều bồ,
768	3	đang tâm (bốc đen)	đang tâm (bắc đen)
773	3	bach nhiên,	bạch khiếu,



Trang	Hàng	CHỮ SAI	ĐỒI LÀ
775	11	thọ thương	lộ thương
778	2	Mạch là làm...	Mạch là làn...
783	10	bởi chân âm.	bởi thiếu chân âm.
784	7	« Đan-nhiệt »	« Đan nhiệt »
785	9	minh-thần	ninh-thần
790	14	đã khởi	đã khởi
793	6	mà bỏ	mà bỏ
794	18	đương khí	đương khí
795	8	ngũ chi	ngũ chi
800	21	chung âm,	chung sốt âm,
808	25	lợi được nhiệt .	lợi tiêu tiện
810	20	trầm hương	trầm hương
811	22	lổ lẩn	tế lẩn
811	28	mà thêm thực	mà thương thực
813	2	bỏ được... bỏ được	bỏ được... bỏ được
814	27	TỬ ÂM	TỬ ÂM
830	8	trọng vị	trọng vị
837	7	Con người	Con người
840	22	nếu cau thủy	nếu thủy
846	18	linh-lạc	kinh-lạc
857	13 - 14	hiện chưng chưng khó	hiện chưng khó...
857	25	Hư cảm đề tả	Hư-cảm đề tả
858	17	Viên chi	Viên chi
871	11	Nóng lên	Nóng lâu
890	20	khí thận	khí của thận
882	16	lúc bốn hành kim uất,	túc bốn hơi hành kim,
888	7	« nhiệt-hà »	« nhiệt-hà »
889	26	chưng lạp,	(bỏ hai chữ này)
890	17	chưng trung long ở cho kín	trung trung, lòng ở chỗ kín,
898	12	tang kiến	tâm kiên
899	13	không giảm	không giảm,
900	13	tiên nhiên	tiên thiên
914	2	nhục quế	(bỏ vị này)
917	4	hữu-tục lị	Hữu-tục lị
920	8	Kha trừ	Kha-tử



Trang	Dòng	CHỮ SAI	ĐỔI LÀ
921	27	thành nhiệt	thanh nhiệt
924	10	thương đồ	thương tồn
926	2	Lưu-tức lị	Hưu-tức lị
932	10	khai khiển	khai khiêu
934	8	(trước trác)	(thước trác)
945	13	« sai » là hành hỏa...	« sắc » là hành hỏa...
950	27	giống khí	giảng khí
951	9	đại-hoàng	(bỏ 2 chữ này)
962	6	thanh hoàn	thành hoàn
962	10	thanh đại	thành đại
968	4	phải vị	phản vị
975	9	trung triệm	trung triệu
982	11	thần khí	thận khí
983	8	đạo-nhân	đào-nhân
998	11	uy-linh thiên	uy-linh tiên
999	2-3	hồ-dương	hồi dương
1101	24	về can bệnh	về can bản
1003	9	Thanh-thư	Thanh thử
1016	23	chủ lưu	chu lưu
1024	3	đội được	độc được
1024	25	loạt hàn giả	đoạt hàn giả
1032	7	đã mở	đã mở
1034	3	(đâm huyết)	(đâm-quyết)
1041	11	Kim-quy	Kim-quỹ
1044	5-11	— nt —	— nt —
1032	15	ăn mây	ăn may
1059	5	chức được	chứa được
1059	23	đăng bài	bằng bài
1063	4	« Tá tâm thang »	« Tá-tâm thang »
1070	7	Đau-tả tâm	Đan-tả tâm



HẢI-THƯỢNG Y-TÔN TÂM-LĨNH (Quyển II)
của LÂN-ÔNG LÊ-HỮU-TRÁC
do ĐÌNH-THỤ HOÀNG VĂN HÒE
và HOÀNG ĐÌNH KHOA dịch
Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Lê-Lợi Sài-gòn
xuất bản

In xong ngày 10-2-1973

Tại nhà in riêng của nhà xuất bản





Sách văn học

Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ, 62 Lê-Lợi, SAIGON

Nghệ thuật làm văn và đọc văn	Vũ Kỳ
Đề thành nhà văn	Nguyễn duy Cần
Viết và đọc tiểu thuyết	Nhất Linh
Khảo luận về tiểu thuyết Trung-hoa	Nguyễn huy Khánh
Nguyên tác sáng tác thi ca	Vũ văn Thanh
Viết thi	Trần trọng Kim
Nghề viết văn	Nguyễn hiến Lê
Luyện văn	—
Hương sắc trong vườn văn	—
Đại cương Văn học sử Trung Quốc	—
Theo giọng	Thạch Lam
Phép làm thơ	Diên Hương
Thành ngữ điển tích	—
Ca dao Tục ngữ V.N	T. T. T.
Tục ngữ phong dao	Nguyễn văn Ngọc
Luật thơ mới	Minh Hug
Những nhà văn hôm nay	—
Những nhà thơ hôm nay	—
Những khuynh hướng trong thi ca V.N.	—
Luật thơ	Trần tuần Kiệt
Thi ca V.N. hiện đại	—
Nghề viết báo	Tế Xuyên
Kỹ thuật căn bản của người viết báo	Hồ hữu Tường
Việt Nam văn học sử trích yếu	Nghiêm Toàn
Văn học đời Lý	Ngô tất Tố
Văn học đời Trần	—
Lều chông	—
Đường thi	—
Văn chương quốc âm thế kỷ XIX	Phan trần Chúc
Lĩnh Nam chích quái	Lê hữu Mục
Việt Điện u linh tập	—
Nhà văn hiện đại	Vũ ngọc Phấn
Trên đường nghệ thuật	—
Thi văn quốc cấm thời Pháp thuộc	Thái Bạch
Việt Nam văn học toàn thư	Hoàng trọng Miên
Việt Nam văn hóa sử cương	Bào duy Anh
Chế Lan Viên	Hoàng Diệp
Hàn mặc Tử	—
Hương hoa đất nước	Trọng Toàn
Văn học miền Nam	Phạm viết Tuyền
Việt Nam văn học giảng bình	Phạm văn Diên
Văn học Việt Nam	—

Tìm sách GPKD số 4363 BTT/PHNT ngày 15-11-72

Kho in VĂN-MÔU 43/1 Chi-Long G.Đ. — 3.000 ấn bản
GPKD số 2431 PTUDV/KBCNT/KSAIP ngày 28-6-73 — Phái hành 25-9-73

